

VU - Da

VŨ - VĂN - MẬU  
Thạc sĩ Tư pháp  
Giáo sư Luật khoa Đại học  
Saigon

LÊ - ĐÌNH - CHÂN  
Phụ trách diễn giảng Hiến Luật Thâm cứu  
Giáo sư Luật khoa Đại học  
Saigon

#K: 908

50  
17256

# DANH-TỪ & TÀI-LIỆU

# DÂN-LUẬT và HIẾN-LUẬT

LES PAROLES DE LA LOI DOIVENT  
SE PESER COMME DES DIAMANTS  
BENTHAM

SOẠN THEO CHƯƠNG TRÌNH  
LUẬT KHOA CỬ NHÂN

**Năm thứ Nhất**

THU VIỆN ĐẠI HỌC TỈNH HỢP  
T.P. HỒ CHÍ MINH  
Số 17256  
Ngày vào sổ

THU VIỆN ĐẠI HỌC TỈNH HỢP  
TP. HỒ CHÍ MINH  
Số DB 17256  
Ngày vào sổ

TỦ SÁCH ĐẠI HỌC  
SAIGON  
1968

**Quyển I**

**PHƯƠNG PHÁP  
HỌC TẬP**

# MỘT PHƯƠNG PHÁP LÀM VIỆC CHO SINH VIÊN TRƯỜNG LUẬT (\*)

Kính thưa Quý vị,

Các bạn Sinh viên thân mến.

Sinh viên cấp sách tới Trường này, nhằm mục đích gì? Đoạt được một cái bằng, một mảnh bằng, theo cái giọng khinh khỉnh và đơ đạc của những người chèn bai bằng cấp. Các bạn hãy tạm bỏ ngoài tai lời chèn bai vô căn cứ hay ghen tức của hạng người đó. Trong khi chưa ai tìm ra được một mực thước để đo năng lực rõ ràng hơn, bằng cấp vẫn là cái tiêu chuẩn giá trị nhất để đánh giá trình độ học vấn của mọi người.

Tiêu chuẩn đó có nhiều khuyết điểm, nhưng cho tới lúc này, nó vẫn là thứ tiêu chuẩn đỡ giỡ hơn cả.

Cái mục đích đó, mà người sinh viên đặt cho sự theo học khoa Luật và khoa Kinh tế, ở Trường này, tất nhiên không phải là một mục đích mà ta có thể coi thường được.

Chứng chỉ chánh thức của một khả năng rõ rệt, bằng Cử nhân luật học là chìa khóa mở cửa cho rất nhiều chức

---

(\*) Diễn văn khai mạc niên học 1961 — 1962 đọc ngày 7-8-1961 tại Đại giảng đường Trường Luật Khoa Đại học Saigon.

vụ trong các ngành hành chính, giáo dục, tư pháp, cũng như là trong các ngành hoạt động tự do như : luật sư, chưởng khế v. v. Trong bất cứ trường hợp nào, bằng Cử nhân luật vẫn là kết luận cần thiết của bốn năm học tập tại Trường này.

Nhưng đoạt được một cái bằng không phải là mục đích độc nhất của người sinh viên Luật học. Vì rằng nhập vào nghề Luật ( giáo sư, thẩm phán, luật sư v.v.) chưa đủ, ta còn cần phải nổi danh, phải «trội» phải «hơn người» trong cái nghề đó. Và sự thành công trong nghề mà mình đã chọn đòi hỏi sự phối hợp của rất nhiều đức tính trí não. Sự thấu đáo những trí tính này, chính là các mục đích *thứ hai*, mà người sinh viên phải tìm cách mà đạt cho được, trong những năm học tập ở đây. Mục đích sau này quan trọng hơn mục đích thứ nhất nhiều, vì, như các bạn thừa rõ, chúng ta có thể sửa chữa một sự «rớt thi» bằng cách cố học đề đồ kỹ sau. Nhưng một khi nhập nghề Luật rồi, và nếu trong nghề đó ta *kém* người, thì ta rất khó mà sửa chữa được sự thua kém đó. Thi rớt thi thì lại. Nhưng liệu ta có thể làm lại cuộc đời của ta không?

Hai cái mục đích đó : *thi cho đỗ*, và *thấu đáo một khả năng kỹ thuật vững chắc đề trội trong cái ngành* mình đã chọn, liên hệ mật thiết với nhau. Thực ra, ta có thể tách biệt hai mục đích đó. Vì, có những phương pháp vội vàng và nóng cạn với sự trợ giúp của may mắn có thể đem lại thành công cho những người sài tời nó : đó là những phương pháp «*học tủ*» (Pháp gọi là : *bachotage*), nhằm chọn dăm bảy đầu đề, học cho thuộc như cháo, và hôm thi, nếu may mà «*trúng tủ*», thì hy vọng thế nào cũng vào vấn đáp.

Và nếu trong khi thi vấn đáp, cũng vẫn may mà trúng tủ nữa, thì chắc chắn trên «*Bảng Đen*» (thay vì Bảng Vàng thời xưa) ở hành lang Trường Luật, sẽ có tên mình. Những sinh viên ưa học tủ, đem hậu quả của thi cử đánh đổ với số phận, và sau khi, thắng trong cuộc đánh đổ đó, bỏ bằng vô tội, có đề mà chơi, không sài tời, những bạn sinh viên đó rất có thể bỏ ngoài tai những lời tời nói sau đây. Nhưng

đổi với những bạn sinh viên nào muốn tiếp tục nghe chúng tôi, chúng tôi xin nhắc lại rằng: cái phương pháp học tập mà tôi đề nghị cùng các bạn — dựa vào kinh nghiệm bản thân, cũng như vào những lời khuyên bảo của các vị Đại Giáo Sư như quý ông Vũ-văn-Mẫu, Vũ-quốc-Thúc sẽ giúp các bạn có đủ khả năng để vượt mức thường một khi nhập nghề hành luật, và đồng thời, cống hiến các bạn một « phép » đề « đồ » mầu nhiệm hơn là các phương pháp học tủ nhiều lắm. Vì phương pháp mà chúng tôi đề nghị sẽ giúp các bạn thấu đạt được một nền học vấn chắc chắn, và như vậy, các bạn sẽ có rất nhiều hy vọng đạt được những bằng cấp mà các bạn nhắm. Vì — và tôi xin nhấn mạnh — học tủ chỉ giúp các bạn thắng trong kỳ thi viết. Chứ tới lúc vấn đáp, trước những giám khảo đã lẫn lộn trong nghề, khả năng tầm thường và thiếu sót của một sinh viên học tủ, thường hiện nguyên hình, y như con yêu tinh khoác hình giai nhân tuyệt sắc, trước phép mầu của một tiên ông, đã trở lại kiếp nguyên thủy của một con « chồn » không hơn không kém.

Rèn luyện một thi sinh đi thi, không phải chỉ là đòi hỏi cố gắng của *tri nhớ* tầm thường của sinh viên đó, chỉ bảo cho y dăm bầy *đầu đề* tủ đáng chú ý, đáng tham cứu hơn các đầu đề khác. Tất nhiên, *tri nhớ* khả năng học thuộc, vẫn đóng, và còn đóng một vai quan trọng.

Sinh viên không có *tri nhớ* tốt, không cố gắng học đi, học lại, một bài, đề ghi những ý chính bài đó vào *tri nhớ* mình, sinh viên đó rất nhiều hy vọng rớt thi. Nhưng cuộc thi, và nhất là thi ở Trường này, trong những năm tới đây, dưới hai hình thức: thi viết, và vấn đáp, phải là một cuộc thử thách khá gian nan đề cho các vị giám khảo có đủ dịp, đủ cơ hội, đủ tài liệu để nhận xét cái mực hiểu biết thông minh của thi sinh. Đó là một quyết nghị rất mới của Hội đồng các Giáo sư Trường Luật Khoa Đại Học. Cái « lối » trả lời đầu đề thi viết, cái lối dàn bài đã chọn, cái lối hành văn, sẽ bày tỏ một cách không chối cãi được, cái mực độ nói trên. Bài thi viết là *tiêu chuẩn* rõ ràng nhất để đo giá trị của người sinh viên.

Học luật, như vậy, có hai mục đích, rõ ràng mà tôi dám chắc là không sinh viên nào chối cãi được. Vì hai mục đích đó giăng buộc với nhau, cho nên người sinh viên học theo một phương pháp tốt, có thể với một hòn đá, ném được tới hai lần, nghĩa là không những đỡ đẽ, mà còn sau này, hơn người trong nghề mình sẽ chọn.

Trong nghề Luật, muốn trội, muốn vượt mức thường luật gia, theo ý kiến chung của các vị Giáo sư, Thẩm phán và Luật sư nổi danh, cần phải có ba đức tính :

- biết tìm tòi
- biết trình bày
- và biết tranh luận.

Ba đức tính đó, phối hợp nhau sẽ thừa sức giúp sinh viên, xử dụng với một nang hiệu tới da, những hiểu biết thâu đắc được, để thắng một cách vinh dự trong bất cứ cuộc thi nào.

Một luật gia cũng như một kinh tế gia, *phải* thâu đảo tới cùng, ba khả năng trí não sau đây :

- tìm tòi
- trình bày và
- tranh luận. Bất cứ ở nghề nào mình đã chọn, sinh viên có ba khả năng đó sẽ thắng, sẽ thành công.

\*\*

*Trước hết là biết tìm tòi.* Luật học, cũng như kinh tế học, là một khoa học quá ư rộng lớn, cho sức của một người, mà đầu là người đó thông minh một cách phi thường. Ai là người có thể tự hào đã học hết *mọi quy điều, mọi nguyên tắc*, của môn luật học ? Lại còn sự mèn mông, sự phứ tạp của Khoa Kinh tế nữa ! Tôi còn nhớ G. S. Vũ-quốc-Thúc, một kinh tế gia lỗi lạc, có lần than phiền như sau : khoa Kinh tế thật là mèn mông như một khu rừng miền nhiệt đới, và chúng ta, bọn sinh viên kinh tế, y như là những đứa nhỏ lên ba đang lạc trong rừng đó !

Mà dầu có một bộ óc phi thường như vậy, dầu có thể học, thấu hiểu và ghi nhớ toàn thể những dữ kiện hiện hữu vào một lúc nào, sự thấu hiểu siêu đẳng đó cũng chưa đủ, vì luôn luôn có những vấn đề mới được đặt ra, và việc làm mà người ta đòi hỏi ở Luật gia hay Kinh tế gia là giải quyết những vấn đề đó. Vậy luật gia hay kinh tế gia phải biết đi tìm những yếu tố cho phép mình giải quyết *vấn đề* mà người ta tới *hỏi mình*. Bệnh nhân nào mà chẳng muốn biết ngay mình mắc bệnh gì, và phải uống những thứ thuốc gì? Người nào có công việc gì dính líu với pháp đình, cũng muốn như vậy. Biết tìm tòi là một khoa học rất khó thấu đáo. Trước hết là phải thực hành luôn luôn : phải hàng ngày tìm tòi. Các giáo sư thường phàn nàn rằng rất nhiều sinh viên đã tốt nghiệp ban Cử nhân mà vẫn không biết cách tìm một bản án trong một cuốn Tập chí về án lệ, hay một đạo luật cũ, đã đăng trong Công Báo. Đó là một khuyết điểm rất lớn và đã làm mang tiếng cái bằng Cử nhân luật, mà hiện nay, nếu tôi không nhầm, nhiều giới trong chính quyền xem thường hơn các thứ Cử nhân khác.

Vậy các bạn phải biết tìm tòi tài liệu : ngoài các Giáo sư, các bạn có thể học cách tìm tòi tài liệu ở nơi các vị Luật sư trứ danh, các vị Thẩm phán giàu kinh nghiệm của Tòa Thượng Thẩm mà Trường Luật Khoa đã mời tới diễn giảng để giúp các bạn trau dồi môn Thực tập.

Có tìm tòi tài liệu, các bạn mới trực tiếp hàng ngày với đời sống pháp luật : các bạn mới thấy những nguyên tắc pháp luật được áp dụng ra sao trong thực tế ; các bạn mới thấy sự ích lợi thiết thực của những bài diễn giảng lý thuyết ở Trường học. Có như vậy các bạn mới lưu ý tới, mới «thích» những điều mình học, vì người ta chỉ thích một môn khi nào người ta thấy giá trị thực dụng của nó.

Và chỉ khi nào người ta thích cái gì thì người ta mới giỏi về cái đó được. Mà một khi đủ giỏi môn mình theo thì chuyện thi đỗ là một chuyện trong lòng bàn tay !

Nhưng biết tìm tòi các tài liệu cần thiết chưa đủ. Chúng ta còn phải biết cách xử dụng, khai thác những tài liệu mà ta đã khó nhọc mới kiếm ra. Muốn như vậy, ta phải biết trình bày và thảo luận cái vấn đề mà ta nghiên cứu.

Biết trình bày một vấn đề là gì? Là, theo ông LAPALISSE, phơi bày vấn đề đó một cách rõ ràng. Rõ ràng là đức tính cần thiết cho một luật gia. Luật sư R. FLORIOT, một nhà biện hộ trứ danh đương thời của Pháp thường nói: «Chúng ta không bao giờ quá rõ ràng». (Nous ne sommes jamais trop clairs!) Giáo sư H. Mazeaud, Viện Đại Học Ba-Lê cũng nói: «Sáng sủa, rõ ràng, là đức tính mà luật gia, muốn thành công trong nghề mình, phải có». Các bạn hãy cứ đọc cuốn *Traité de la Responsabilité civile*, của G. S. Mazeaud, thì hiểu ngay thế nào là biết trình bày rõ ràng. Hay những bạn nào may mắn được theo học lớp Dân luật của G. S. Vũ-văn-Mẫu, hay lớp Kinh tế học của G. S. Vũ-quốc-Thúc, cũng sẽ thấy ngay thế nào là trình bày rõ ràng một vấn đề. Vấn đề pháp lý nào cũng phức tạp. Vậy chúng ta phải phân tách, phải mổ xẻ vấn đề, tìm những yếu tố chính của nó, để sau này với các bộ phận vụn đã tháo ra lắp nó lại, xây dựng nó lại. Luật gia, vẫn theo Đại giáo sư H. Mazeaud, là người có đặc tính sau: dội ánh sáng vào cái gì mình nói ra, trình bày ra. Nếu không biết trình bày sáng sủa, luật gia không sao thành công được trong nghề mình. Vì những người đã học luật một cách cẩn thận, thường có tài trình bày rõ ràng, cho nên trong những ngành rất xa luật, họ vẫn tỏ ra hơn người mà hơn một cách rõ ràng. Người ta thường nói, nửa đùa nửa thật: «Luật học đưa ta tới bất cứ đâu, miễn là ta từ bỏ được nó». (Le droit mène à tout, à condition d'en sortir).

Ta hãy bỏ cái phần khôi hài, và ta chỉ cần ghi lại rằng ngay ngữ đó đã thừa nhận rằng những người có học luật, thường có cái khả năng chiếm được những chức vụ quan hệ nhất trong bộ máy nhà nước. Có lẽ là vì họ đã học được cái nghệ thuật dội ánh sáng vào những vấn đề mà họ phải giải quyết, mặc dầu rắc rối đến đâu. Làm thế



nào đề sáng sủa trong việc trình bày ?

Trước hết ta phải tìm một *dàn bài trình bày*. Ta phải chọn cái thứ tự trình bày. Ta phải phá tan cái câu hỏi, cái vấn đề, bằng cách phân biệt những yếu tố cấu thành của nó. Ta phải tháo cái bộ máy rắc rối đó ra, thành từng bộ phận. Rồi sau ta lại lấy những bộ phận đó lắp lại, xây dựng lại bộ máy. Và xây dựng lại cũng đòi hỏi một dàn bài, một thứ tự. Làm một công việc pháp lý, như một tờ trình về một vấn đề luật, mà không ấn định rõ một dàn bài, tức là vứt lung tung vôi, gạch, cát, gỗ, ngói, rồi cứ tưởng là sau đó, tự nhiên sẽ nổi lên một tòa nhà,

Tìm kiếm một dàn bài, dầu là khó khăn, dầu là mất thì giờ, xét cho cùng, bao giờ cũng là một việc tiết kiệm thời gian cho mình. Lười biếng không chịu xây một dàn bài, một thứ tự trình bày những ý chính, là tránh, là bỏ một công tác khẩn yếu. Biết xây dựng một dàn bài là một đức tính đặc biệt của các luật gia. Muốn thành công trong nghề luật, sinh viên phải có đức tính đó: phải biết trình bày rõ ràng, sáng sủa. Muốn sáng sủa phải biết xây dựng một dàn bài, theo thứ tự những ý chính mình muốn trình bày. Nếu không, sinh viên không sao có dịp đề thi thử một cách thông minh những sở đắc của mình.

Một đức tính tri não cuối cùng, mà sinh viên luật học phải có mà thủ đắc : là biết *thảo luận*.

Biết thảo luận tức là :

— trình bày ý kiến của mình một cách khéo léo,

— một cách đàng hoàng, tự tin, đề khiến cho người nghe mình, phải ngã *theo* cái chiều ý kiến của mình. Trong thực tế, những vấn đề đặt ra thường là những vấn đề có hai lối giải quyết, *những vấn đề, không có gì là dẫn dụ, rõ ràng cả.*

Người ta nhờ luật gia làm gì ? Người ta nhờ *luật gia* bình vực một quan điểm nào, một luận án nào, một chủ trương nào. Muốn cho quan điểm đó *thắng*, thâu góp các tài liệu cần thiết chưa đủ. Trình bày nó một cách sáng tỏ

cũng vẫn chưa đủ tốt. Ta còn phải biết thảo luận: nghĩa là bày tỏ rằng quan điểm của ta đúng, rằng quan điểm đối lập có nhiều *nhược* điểm. Cái tài làm cho người khác ngã theo ý kiến của mình, cũng như cái tài làm sáng tỏ vấn đề, là một *thứ tài* mà chỉ có sự *cần cù* làm việc, sự *cần cù* học tập, mới đem lại cho ta. Sinh viên, ngay buổi đầu, phải cố gắng để thâu đắc được cái khả năng đó. Đó là một sức mạnh đáng kể trong các cuộc thi. Đó là bí quyết của sự thành công trong nghề sẽ chọn. Mà khiến cho người khác ngã theo ý mình, phải chăng là cái thiên tài mà ai ai cũng ước mong muốn có ?

Vi đó là bí quyết của quyền lực, một « thứ » tài sản một thứ bùa bèn, một thứ khả năng, mà nhân loại còn mê hơn là mê của cải, hay sắc đẹp... vì tự cổ lai kim, ta mới thấy người chê của cải, chê sắc đẹp... nhưng ta đã thấy ai chê uy quyền ?

\* \* \*

Biết tìm tòi, biết trình bày, biết thảo luận, đó là những đức tính trí não, mà sinh viên luật học phải cố gắng mà thủ đắc, nếu muốn đạt cả hai mục đích mà sinh viên nào cũng theo đuổi : giắt được bằng và đồng thời, sau cái bằng đó, một khả năng vững trải đề trọi trong nghề của mình.

\* \* \*

Nếu sinh viên muốn vượt một cách chắc chắn và khoan thai những hàng rào của thi cử, thì sinh viên còn phải biết cách « học ». Biết học không phải là chỉ thâu góp nhặt nhanh rồi cố nhét vào trí nhớ của mình tất cả mọi giảng văn của giáo sư, cũng là tất cả những cái gì thấy trong các cuốn sách giáo khoa. Cố gắng để nhớ như vậy vừa là quá dư, mà cũng vừa là thiếu sót. Quá dư là vì dầu khả năng trí nhớ của bạn có mạnh đến đâu chăng nữa, bạn cũng không thể ghi tạc hết được những điều đã học hỏi. Thiếu sót là vì nếu ôm đồm như vậy thì đầu óc ta sẽ là một mớ « bòng bong » trong đó các chi tiết vụn vặt sẽ bóp nghẹt hết hay che lấp hết những ý niệm căn bản.

Và về vấn đề : biết học, biết cách học, tôi nhận thấy là sinh viên cần phải được hướng dẫn.

*Học làm sao ?*

Các bạn nhập Trường này sẽ thấy là đối tượng của bốn năm Cử nhân là : học một số môn bộ của hai khoa : Luật học và Kinh tế học. Những môn bộ nằm trong chương trình Cử nhân đều được diễn giảng trong những lớp học, mà các bạn sẽ theo, hay không, cái đó tùy ý. Nhưng sinh viên cũng có thể tìm những bài diễn giảng về chương trình nói trên trong một số sách giáo khoa.

Tôi có nói : Những diễn giảng của các Giáo sư, các bạn có thể tới nghe, hay không, cái đó tùy ý. Nhưng theo kinh nghiệm riêng của tôi thời : đầu phải hy sinh, phải khó nhọc tới đâu để tới nghe Giáo sư diễn giảng, các bạn cũng không nên ngần ngại. Sinh viên nào không đi nghe giảng vẫn rất thiệt thòi, vừa trong việc sửa soạn thi cử, vừa trong công cuộc học hỏi trường kỳ của mình. Học một chương trình Cử nhân bằng sách in, hay bằng giảng tập mua ở Trường Luật Ba-Lê, hay ở Trường này (tôi xin mở một dấu ngoặc : các giảng tập ở Ba-Lê, đều được in với sự thỏa thuận của Giáo sư, nghĩa là đã được Giáo sư xem và san nhuận lại. Trong khi đó thì phần lớn các giảng tập ở đây đều được bán ngoài sự ưng thuận của Giáo sư và cố nhiên không được tác giả phủ chính lại. *Giá trị* các giảng tập đó rất đáng cho ta thắc mắc vì gần đây tôi có dịp được đọc kỹ một giảng tập để hỏi vấn đáp. Tôi thấy có lắm đoạn tôi không sao hiểu được — mà lý do là sinh viên phụ trách « ghi âm » đã ghi không đúng những lời giảng của Giáo sư).

Rồi chính những lời ghi sai đó đã được đánh máy, in « ronéo », đóng thành rất nhiều bản, gởi bán khắp nơi. Thật là một công cuộc reo hạt giống tai hại... vì những sinh viên vào vấn đáp, trả lời ấp úng hay sai... hay tối tăm *đã vô tình là nạn nhân của* doanh gia làm việc xuất bản bừa bãi nếu không phải là bất hợp pháp đó. Các sinh viên không

may đó đã trả một giá rất đắt sự vắng mặt của mình tại các buổi diễn giảng: họ đã rớt vấn đáp kỳ thứ hai, tức bị chậm mất một năm trường, một năm phi phạm, một năm bỏ đi, trong cuộc đời độc nhất và ngắn ngủi của mọi chúng ta!... Tôi xin khép dấu ngoặc. Vậy tôi xin nhắc lại — học chương trình Cử nhân bằng sách in, hay giảng tập không có tác giả xem lại, khó khăn bao nhiêu, thì đi nghe giáo sư diễn giảng chương trình đó, sẽ dễ dãi bấy nhiêu, miễn là mình cố sức, chú ý mà nghe, và khi nào không hiểu, lễ phép và cương quyết yêu cầu Giáo sư soi sáng lại cho mình cái đoạn mình không hiểu. Vì tôi có được nghe nhiều sinh viên nói « không dám hỏi Giáo sư ». Tôi xin trả lời: « Khi nào vấp một đoạn giảng văn tôi tâm, khó hiểu, các bạn có *bồn phận* và có *quyền hỏi lại G.S. tác giả* ». Và hỏi như vậy các bạn sẽ giúp Giáo sư tìm cách trình bày tư tưởng mình một cách rõ ràng hơn trước. Chúng ta không bao giờ quá ư sáng sủa! Tôi xin nhắc lại danh ngôn của luật sư René Floriot. Hơn nữa đó là một dịp gặp gỡ giữa thầy trò, trau giồi tinh thần thiện giữa hai thế hệ, một sự mà chúng ta cũng không bao giờ sợ đi quá tròn! Vậy các bạn nên nghe tôi: cố gắng mà đi nghe diễn giảng. Nhưng không may thay! Đối với một số sinh viên bị ám ảnh bởi những mối phức tạp của đời sống ngày nay, những đòi hỏi của sinh kế hay của nhu cầu công vụ, việc có mặt tại các giảng đường là một khó khăn không giải quyết được: thành ra họ phải dựa vào sách in. Tôi xin nhắc các bạn sinh viên không may mắn đó là học trình của họ sẽ đầy chông gai; cố gắng của họ phải gấp bội sự cố gắng của các sinh viên hiện diện tại giảng đường và hy vọng vượt mọi thử thách của thi cử của họ cũng suy giảm đi nhiều, mặc dầu dung lượng cố gắng của họ phải nhân lên. Nhưng chúng tôi cũng thấy bồn phận phải giúp họ, trong giới hạn khả hữu, vì rằng họ bị dồn vào một tình thế khó khăn, ngoài ý muốn. Vì thế cho nên sau khi vạch một lối đi cho các sinh viên hiện diện tại giảng đường, chúng tôi sẽ chỉ dẫn sơ lược cho các sinh viên được miễn chuyên cần, một vài phương pháp có thể giúp họ vượt một phần nào, những khó khăn của sự khiếm diện.



Đối với các sinh viên ngày ngày có thể tự trường chúng tôi khuyên nên theo các bài diễn giảng. Mà không phải là theo một cách chấp chờn, buổi đực buổi cái, tùy theo trời đẹp hay không, tùy theo sở thích của mình; trái lại, theo một cách liên tục, tự đầu chí cuối, không hề sót một giờ nào. Trong một môn học, dầu là Công pháp hay Tư pháp, Kinh tế hay Tài chính, phần nào cũng liên hệ mật thiết với các phần khác. Chương nọ bao giờ cũng dựa vào chương kia, có theo đoạn nhập đề thì mới hiểu đại ý của toàn môn.

Mà nếu những bài diễn giảng của Giáo Sư — cũng như là thẻ xác của chính vị Giáo Sư đó — đối với các bạn không có gì là lý thú, hay hấp dẫn như một cuốn Tiểu thuyết, thời giữa một số giảng văn về một môn nào, và một cuốn Tiểu thuyết hay, vẫn có một điểm giống nhau: là tất cả hai sẽ trở nên cực kỳ khó hiểu nếu bạn chặt đứt mỗi thứ ra từng mảnh.

\* \* \*

Nhưng theo các bài giảng của Giáo Sư một cách liên tục cũng chưa phải là đủ đâu. Tới giảng đường, sinh viên có thể ngủ gật, đọc báo hay viết thư, hay thẻ xác ở đó, mà tâm hồn thì bay tận đâu đâu. Nếu như vậy thì thà ở nhà còn hơn: Vì rằng Giáo Sư — tôi chắc chắn như vậy — sẽ không thể thông cảm được sự hy sinh của một sinh viên chỉ biết dẫn thẻ xác tới giảng đường! Nếu bạn tới lớp, là để làm việc. Nhưng làm việc thế nào? Sự cố gắng của các bạn cũng cần phải được hướng dẫn.

\* \* \*

Làm việc thế nào ở lớp học? Cố nhiên là nghe Giáo Sư giảng. Nhưng nghe chưa đủ. Vì rằng nếu bạn chỉ tới lớp, dựa lưng vào ghế, ghếch chân lên bàn, hai tay thọc vào túi, và chỉ để cho hai tai làm việc, thì tới một lúc nào đó, (thường là hai chục phút sau) sức chú ý của bạn sẽ tan dã, sẽ yếu lá đi: hơn nữa cái giọng đều đều không lên không xuống của một vài Giáo sư — trong đó tất nhiên là có kẻ đang nói — sẽ dần dần

ru ngủ các bạn, nếu không phải là làm cho các bạn rên rỉ dưới trọng lượng của một bài giảng vừa dài, vừa phức tạp... vừa chán... Mà dầu các bạn có may mắn được dự thính những bài linh động của một Giáo Sư có biệt tài... thì sự mệt mỏi, hậu quả máy móc của 2 hay 3 giờ nghe bài giảng liên tiếp, sẽ khiến cho các bạn không sao còn tỉnh táo, mình mẫn được nữa. Sau hết, là vì các bạn, nếu ngồi không mà nghe, thì sẽ quên ngay, và quên tức thì, toàn thể những lời mà diễn viên vừa nói.

\*\*

Vì vậy cho nên tôi nghe mà không cầm bút ghi chép, thời thật là vô ích! Với quần bút trong tay, sẵn sàng chạy theo tư tưởng của diễn viên, *súc chú ý* của các bạn, trong suốt giờ học bắt buộc phải dồn dập vào một mục đích rõ rệt, là *ghi* những ý tưởng quan trọng, và sau đó, khi về nhà, bạn có thể tìm ngay lại hết tất cả những cái gì đáng ghi, mà giáo sư trình bày.

Nên cần phải ghi bài giảng vào vở, thời các bạn phải *ghi* một cách cẩn thận, một cách thông minh. Đó là một điều rất khó, nhất là đối với các sinh viên mới mẻ, vừa ở Trung học ra. Giáo Sư không đọc một bài ám tả. Giáo Sư nói. Và các bạn không bó buộc phải tốc ký lại hết tất cả những gì đã nói. Các bạn phải chọn — mà ghi những cái gì đáng ghi. Tất cả bí quyết là ở đó.

\*\*

Ta hãy thử phân tách cái bí quyết đó. Trước tiên, trong buổi đầu tôi xin khuyên các bạn là hãy cố mà ghi chép giảng văn một cách hết sức đầy đủ, càng đầy đủ càng hay. Đó cũng là lời khuyên bảo của G. S. Henri Mazaud, Luật khoa Đại Học Đường Ba-Lê. Lấy dàn bài, lấy toát yếu của diễn văn không đủ; sinh viên phải lia lịa ngồi mà viết trong suốt giờ; nhưng vì không phải là một tốc ký gia (nếu sinh viên biết tốc ký thì hay lắm), cho nên sinh viên, phải vừa nghe vừa chọn: tay cầm bút lúc đó chỉ là cái máy ghi rất

nhau những tư tưởng mà óc đã chọn — mà phải chọn rất nhanh, sau khi thoát nghe. Đó là một cuộc tập dượt trí não (*une gymnastique de l'esprit*) rất khó nhọc trong những buổi đầu, tháng đầu, y như cái khó nhọc thể xác của một người đã lâu không cử động, nay phải dợ chân dợ tay trong suốt một giờ. Nhưng sau chừng 15 hay 20 giờ lấy « nốt » (*notes*), ghi « của » (*cours*) như vậy, các bạn sẽ thấy quen, và các bạn sẽ thấy trí não mình chọn lọc những cái tinh túy của bài diễn văn một cách máy móc, và tay các bạn cũng sẽ máy móc ghi những tư tưởng đã chọn lọc. Vì trí não chúng ta có một khả năng không ngờ, nếu ta chịu bắt nó làm việc.

Y như nhà Đại Tâm lý Học W. James đã nói với các sinh viên ở Harvard: « Các bạn chỉ mới chịu xử dụng 10% khả năng trí não mà Hòa công phú cho bạn ! »

\* \* \*

Thứ chi: ta có thể đặt nguyên tắc sau: là những « nốt » (*notes*) nghĩa là những cái gì mà ta ghi trên giấy tờ, phải ghi làm sao cho sau này, khi về nhà đọc lại những « notes » đó ta thấy là *nội dung* cũng phải đầy đủ, mà *hình thức* cũng phải chỉnh tề.

Về nội dung: những điều mà ta ghi phải hợp thành, cấu tạo thành một đơn vị độc nhất, có đầu, có đuôi, mọi phần ăn khớp với nhau tiền hậu duy nhất. Không một tư tưởng quan hệ nào được lãng quên — các đoạn liên tiếp của một cuộc suy luận phải ghi cho đủ, cho có thứ tự. Tôi không thể nói rõ ràng hơn được nữa, tôi chỉ xin trình bày 3 nhận xét sau. Khi nào muốn hình dung một tư tưởng trừu tượng bằng một thí dụ, thời Giáo Sư thường ngừng một tí, và sau đó nói tiếp: Thí dụ như... và ngay khi đó Giáo sư thường thấy mọi bút ngừng lại, mọi đầu ngừng lên. Nhưng có những thí dụ cực kỳ linh động, cực kỳ hình dung, mà các bạn phải ghi, vì rằng nếu không dựa vào những thí dụ đó các bạn sẽ không sao hiểu một cách

thấu đáo những đoạn đã qua, hay những đoạn sắp tới, vì nhiều khi, Giáo sư trở lại những thí dụ mô hình đó, vì nó soi sáng đề tài. Tôi xin phép kể lại một thí dụ soi sáng tư tưởng, mà tôi mượn của một trong những vị Giáo sư có danh vọng nhất ở Đại học Đương Ba-Lê, nay đã quá cố. Đó là Giáo sư H. Donnedieu de Vabres, chuyên giảng về môn Hình Luật, tại Đại học Đương Ba-Lê. Giáo sư là nhân viên của Tối cao Pháp viện LA HAYE, và đã từng giữ chức Thẩm phán tại Tòa Án NUREMBERG. Vị Giáo sư đó muốn cho các *sinh viên* năm thứ hai thấu hiểu một trong những đề tài khó nhất của môn Hình Luật. (Droit pénal) Đó là lý thuyết : Sự kiêm nhiệm lý tưởng các tội trạng (le Cumul idéal des infractions). Thế nào là kiêm nhiệm lý tưởng? Nếu dùng định nghĩa cổ điển, và trừu tượng Giáo sư sẽ giảng cho sinh viên như sau : khi nào một *hành vi phạm tội* có thể bị truy tố dưới nhiều tội danh, thời toà án chỉ giữ lại tội danh nào nặng nhất.

Nhưng G. S. cho rằng lối giải thích đó trừu tượng không sao giúp sinh viên hiểu một cách rõ ràng và cụ thể thế nào là « kiêm nhiệm lý tưởng ». Sau đây là thí dụ mà G. S. De Vabres đã tưởng tượng ra để giúp sinh viên hiểu mình : « Tôi thí dụ, Giáo sư đó nói, là một trong những nữ sinh viên tới nghe tôi ở đây, trong khi tới Học đường, là nạn nhân của một vụ hiếp dâm... xảy trên đường sắt của xe điện số 19 ( tức xe điện chạy tới Trường Luật ). Tôi rất mong là không bao giờ có một sự không may như vậy xảy ra... Và việc đáng tiếc này xảy ra ngay trên đường xe điện. Cái người đàn ông làm việc thương luân bại lý này đã phạm tới ba tội :

1— Thứ nhất là tội cưỡng dâm do Hình luật phạt bằng một trọng hình (une peine criminelle). Và chỉ Tòa Đại Hình mới có thẩm quyền xét xử vụ này.

2— Thứ hai : Hành vi người đó là một sự xâm phạm công khai vào thuần phong mỹ tục công cộng (outrage public à la pudeur) do Hình luật phạt bằng một tiểu hình (peine correctionnelle).



— Tội này sẽ đưa ra Toà Trưng Trị xét xử.

3— Thứ ba : Người đó đã làm ngăn trở sự lưu thông công cộng, một tội vi cảnh, và việc phạt tội này sẽ thuộc thẩm quyền Tòa án vi cảnh.

Nhưng theo pháp luật, người đó chỉ bị đưa ra Tòa Đại hình để xét xử về tội đại hình mà thôi. Và Giáo sư H. Donnedieu de Vabres tiếp : tôi thi dụ rằng trong khi nữ sinh kia bị cưỡng hiếp và la lối lên, nếu bạn thân tôi là Giáo sư Hugueney (Hình luật) dùng kèn đi sẵn để che lấp những tiếng kêu cứu của nạn nhân, thời ông ta sẽ không bị truy tố về tội gây tiếng lớn ở nơi công cộng, nhưng mà về tội đồng lõa cưỡng hiếp (complicité de viol).

Tôi hơi thay đổi thi dụ này vì khung cảnh và dư luận ở nước nhà không cho phép tôi kể hẳn lại đúng 100% thi dụ của vị Giáo sư danh tiếng ở Ba-Lê.

Sau khi nghe thi dụ đó, ta có thể tưởng tượng sự ngạc nhiên của các nữ sinh viên khi nghe vị giáo sư cao niên và đáng kính của họ đưa ra một thi dụ « tục tằn » « trắng trợn » như vậy... Nhưng nhờ ở thi dụ dẫn trên, họ đã thấu hiểu và ghi được mãi mãi trong trí não, cũng như các nam sinh viên, thế nào là sự kiêm nhiệm lý tưởng các tội trạng .. (cumul idéal des infractions).

Vậy các bạn nên lưu ý mà ghi những thi dụ mà Giáo sư đưa ra để soi sáng những tư tưởng, những ý niệm cố nhiên trừu tượng.

Nhận xét thứ hai : Giáo sư thường nói tới những sách, những bài tạp chí, những bản án, những đạo luật, nghĩa là kể lại một số tài liệu, một số *nguồn gốc* pháp lý cần phải tra cứu khi thâm cứu một vấn đề. Và các sinh viên thường rất sao nhãng không chịu, sau lớp, ra thư viện để tìm những tài liệu đã dẫn. Hơn nữa, có rất nhiều bạn chẳng buồn ghi chép lại những sách báo mà giáo sư đã ân cần khuyên họ nên đọc thêm. Họ thường bảo nhau. « Thôi, « của » ông ấy là quá đủ—quá đủ để đỡ. Xem chi thêm cho mệt xác!» Lười biếng như

vậy, cô giỏi lắm, may lắm họ chỉ có thể dò. Nhưng còn trở nên xuất chúng trong nghề, tất nhiên không phải là tương lai của họ.

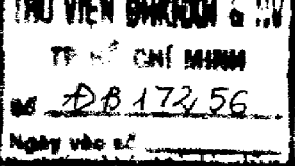
Nhận xét thứ ba : Sinh viên không cần phải cố mà ghi chép nguyên văn những *đoạn văn* trích trong một cuốn sách, hay những điều khoản của một đạo luật, mà giáo sư đọc ra. Sinh viên chỉ cần ghi xuất xứ của những đoạn văn và điều khoản đó. Rồi sau đó, phải ra thư viện mà tìm kiếm !

\* \* \*

Những ghi chú của sinh viên phải đầy đủ về mặt nội dung. Về hình thức, cũng phải chỉnh tề. Nghĩa là khi mang « nốt » về nhà, nằm dài ra xem lại những « nốt » đó, những « ghi chú » đó phải rõ ràng, dễ đọc, mà đọc ra, người nghe hiểu ngay được. Có rất nhiều *sinh viên* chăm chỉ cẩn thận, sau khi nghe bài giảng, về chép hẳn lại một cách sạch sẽ, những ghi chú đã lấy trong khi nghe. *Ta phải gạt bỏ hẳn cái lối làm việc đó* : vì nó choán mất rất nhiều thời gian quý báu của các bạn. Sinh viên chớ nên dùng một lối tốc ký riêng, viết tắt nhiều chữ, rồi mang về nhà chép lại. Sinh viên nên ghi ngay ở lớp cho rõ, những điều mà trí não mình đã chọn, để sau này, mang vở về nhà đọc ngay được, khỏi cần phải chép lại.

Bây giờ bạn đã lấy đủ « nốt », đã ghi chú cẩn thận, và tôi tin rằng ghi chú thông minh và đầy đủ những điều mà Giáo sư đã trình bày.

Nếu vậy, ngay sau giờ học, bạn đã thấu đáo được đề tài diễn giảng, vì cái gì mà ta đã chịu khó viết xuống, tất nhiên cái đó đã bắt đầu *in*, khắc vào trí nhớ của ta. Vì vậy cho nên các bạn phải tự chính mình ghi chép lấy các bài giảng. *Đó là một việc làm không thể trao cho ai, nhờ ai làm thay mình được.* Làm việc, học bài, với những ghi chú của chính tay mình, dễ hơn nhiều so với học bài với những ghi chú của một người bạn cùng lớp cho mượn. Nếu không tin, các bạn thử mượn ghi chú của một người khác mà học. Và chỉ một



lần thử như vậy, các bạn sẽ thấy lợi hơn hẳn.

Sự biên chép, ghi chú những điều văn của Giáo sư chỉ là bước đầu của công việc mà các bạn phải làm. Bây giờ các bạn phải tiếp tục công việc đã khơi mào. Mỗi một ngày, sau khi ở lớp về, bạn phải :

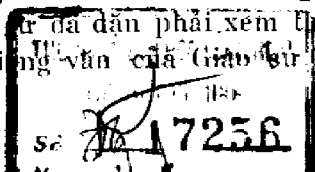
1 — đọc lại những cái gì đã ghi chép

2 — dùng chì xanh hay đỏ thăm để gạch dít những đoạn quan trọng

3 — và viết một toát yếu, một bản tóm tắt bằng một lối văn cực kỳ dân dị (người ta gọi là văn điện tín - style télégraphique), ngay ở bên mép vở ghi bài. Tất nhiên, mép vở phải để thật rộng.

Cái mục đích của công việc này (mà việc này phải làm cho nhanh — mỗi một bài học 1 giờ ở trường, phải được xem lại, gạch chì và tóm tắt ở nhà trong khoảng từ 25 đến 30 phút. Nếu buổi sớm mai, bạn phải ghi chép 3 giờ về 3 môn, thời buổi chiều, việc xem lại chỉ đòi hỏi chừng 1 giờ cho tất cả 3). Cái công việc này nhằm hai mục đích rõ ràng. Thứ nhất, xem lại ngay buổi chiều bài giảng ban sáng sẽ giúp các bạn «nhập tâm» một cách sâu xa những điều mà buổi sáng, khi viết xong trong lớp, bạn đã bắt đầu hiểu và nhớ. Thứ hai, bạn đã sửa soạn ngay từ bây giờ công việc **học ôn** mà bạn phải làm, để sửa soạn thi cử. Đọc ngay lại những điều biên chép, phân biệt những đoạn chính, tìm dàn bài mà Giáo sư đã theo, rồi cạnh mỗi đoạn chính, viết bản toát yếu ngay ở bên mép vở. Với những toát yếu đó, trước khi đi thi, bạn có thể học ôn cả một môn học toàn niên hay bán niên trong một tuần lễ. Mà học ôn một cách kỹ càng.

Bài giảng của Giáo sư như vậy, trong vòng một hôm, đã ngấm ngấm và vô tình ghi tạc vào trí nhớ các bạn. Công việc theo bài nhà trường như vậy đã xong. Gánh nặng của các bạn đã hết chưa? Chưa hết đâu. Ngoài việc ra thư viện để xem những bản án, những bài bình luận những tài liệu pháp lý hay kinh tế, mà Giáo sư đã dặn phải xem thêm, các bạn còn phải bỏ khuyết các giởng văn của Giáo sư bằng cách đọc kỹ



càng một cuốn sách giáo khoa, cũng nói về môn diển giảng tại nhà trường. Hồi xưa khi tôi theo học lớp Dân luật của ông G.S. Camerlynck, một ông thầy rất giỏi, rất rõ ràng, tôi vẫn chưa tin giảng văn của ông ta là hay. Tôi còn cố học luôn cuốn : Dân luật hiện hành (Cours de Droit Civil Positif) của Giáo sư L. Josserand. Và sự đọc kỹ càng cuốn sách giáo khoa trứ danh và viết cực hay này đã khiến cho tôi khỏi bỏ Luật, vì tôi rất chán môn Luật, hồi mới nhập học. Hơn nữa nhờ sách của Josserand tôi đã vượt một cách nhẹ nhàng những cuộc thử thách khá ngặt nghèo của thi cử thời Pháp thuộc. Ở các nước mở mang về học vấn như Pháp, Anh, Mỹ, về mỗi một môn học thường có tới dăm bảy cuốn sách giáo khoa do các Giáo sư trứ danh viết ra. Thi dụ như môn Dân luật ở Pháp có tới ít ra là những cuốn giáo khoa danh bất hư truyền của Louis Josserand, H. Capitant, Planiol và Ripert, Henri Mazeaud. Ở Mỹ, sinh viên nhập môn kinh tế học có thể dựa vào cuốn sách giáo khoa nổi danh toàn cầu một cách xứng đáng của Giáo sư P. A. Samuelson. Ở Việt Nam, tiếc thay! các bạn chưa có những loại sách quý báu đó. Không phải là vì các vị Giáo sư Việt Nam không làm nổi đâu! Tôi chắc chắn rằng vị nào, trong phạm vi chuyên môn của mình, cũng sẵn sàng trong ngắn kéo một tập giảng văn giá trị có thể đem xuất bản. Nhưng khi mà sách in rồi (tốn chừng hàng trăm ngàn đồng) mà bán ra chỉ chừng vài ba trăm cuốn, thì không còn doanh nhân nào — nhất là một doanh nhân với mục lợi tức của nhà giáo — dám dấn đầu vào ngành sản xuất sách giáo khoa cả.

Vậy các bạn phải tìm một cuốn sách giáo khoa bằng ngoại ngữ. Các bạn phải sành hoặc Pháp hoặc Anh ngữ. (1) Đó là điều tối cần để học cho rộng và cho giỏi, để có một khả năng chuyên môn xứng đáng với bằng Đại học của mình. Sách giáo khoa này, các bạn có thể nhờ Giáo sư dạy môn mình theo chọn họ — và mua hộ, nếu số người mua nhiều. Sau khi chọn xong sách giáo khoa, cố nhiên là bạn phải đọc nó.

---

(1) Theo một thống kê gần đây 49% các bài khảo cứu về khoa học trên thế giới viết bằng tiếng Anh 14% bằng tiếng Đức 13% bằng tiếng Pháp và 8% bằng tiếng Nga.

Đọc cẩn thận, bút chì cầm tay — khi nào học xong một bài ở trường, bạn sẽ tìm bài tương đương trong sách in mà xem.

Đọc như vậy rất là bổ ích cho tinh thần, cho học hỏi: bạn sẽ thấy ánh sáng ở những điểm vẫn còn tối tăm đối với bạn, hoặc vì Giáo sư đã trình bày điểm đó không được rõ ràng, (cái đó là thường) hoặc là vì bạn đã ghi chép giảng văn, ở điểm đó, một cách không được tường tận và trung thành (cái đó cũng là thường). Sau đó, trong sách in, bạn có dịp tìm thấy những chi tiết mà Giáo sư không có đủ thì giờ để trình bày hết cho các bạn.

Sau hết, so sánh cái lối trình bày một đề tài trong sách in, với cái lối trình bày của Giáo sư mình, tìm những điểm hay của sách, để bổ khuyết vào những thiếu sót của giảng văn, hay ngược lại là một việc huấn luyện óc suy xét cực kỳ bổ ích. Cái môn thể thao tinh thần đó, mất thì giờ thật đấy, nhưng đền bù các bạn rất nhiều vì nó giúp bạn tiến bộ rất nhanh. Bạn sẽ vượt mức thường, đỡ dễ dàng, trội trong nghề, nếu bạn học một cách thông minh và sâu rộng như vậy.

Đó là công việc hàng ngày mà sinh viên chuyên cần tới lớp đều, phải làm, nếu muốn thành công.

\*\*\*

Nhưng đối với sinh viên, vì công vụ, vì sinh kế, vì hoàn cảnh gia đình, không tới nghe diễn giảng được, thì phải làm thế nào? Dụng cụ làm việc của sinh viên được miễn chuyên cần, là những gì? Cố nhiên là nạn nhân cũng phải dùng cách này hay cách khác để có một giảng tập của chính vị Giáo sư phụ trách môn mình phải học. Vì giảng tập này không được Giáo sư san nhuận lại cho nên bạn phải thận trọng trong khi dùng nó. Những đoạn nào tối tăm, khó hiểu, bạn phải đánh dấu cẩn thận, để, nếu có dịp, nhờ chính vị Giáo sư đó soi sáng cho mình. Nếu không nhờ được như vậy, bạn chỉ còn có cách là nhờ một người bạn chuyên cần theo học giải thích cho mình. Tồi thí dụ là giảng tập bạn mượn

hay mua được khá rõ ràng, khá trung tín. May lắm ! Bạn có thể dùng giảng tập đó làm căn bản. Nhưng bạn chớ nên lầm tưởng rằng bạn sẽ thấy trong một giảng tập đánh máy hết tất cả những *lợi điểm* những linh động mà bạn có thể thu hoạch được khi có thể dẫn mình tới nghe Giáo sư. Vì không có tài liệu học tập nào có thể thay thế cho những « nốt », những « ghi chú » mà chính bạn đã khó nhọc làm lấy, với mồ hôi dầm chân và bán tay phải mỗi như. Dầu sao, bạn đành phải theo giảng tập. Nhưng như đối với sinh viên hiện diện ở Trường, bao giờ bạn cũng phải ngoài giảng tập, đọc thêm một cuốn sách giáo khoa. Đọc cẩn thận. Đọc xong bài nào, phải làm toát yếu bài đó. Giáo sư H. Mazeaud có viết : *« Nếu bạn muốn học một cách cẩn thận, và muốn tiến trong việc học, bạn hãy cầm một quyển sách giáo khoa, rồi tóm tắt nó lại cho tôi ».*

\*\*\*

Câu chuyện đã quá dài. Muốn phác họa một phương pháp học, tập đây đủ, tôi còn phải nói tới :

1) cách làm bài thi viết

2) cách làm dàn bài, của bài thi nói trên, vì dàn bài rất quan hệ.

3) cách tìm những tài liệu tại Thư viện.

4) cách thảo một bản án...

5) cách trả lời khi vào vấn đáp v. v. ...

Nhưng nếu nói hết những vấn đề đó, tôi sẽ lạm dụng sự chú ý quý báu và đã quá cố gắng của các bạn. Hơn nữa tôi sẽ lấn sang địa phận của các vị Giáo sư, Thẩm phán, Luật sư có nhiệm vụ điều dắt các bạn trong chương trình năm nay, qua các bài diễn giảng cũng như các buổi thực tập. Trong biên học mệnh mông, các bạn có thể tin ở tài điều dắt của những vị huynh trưởng giàu kinh nghiệm đó. Vì những người nhận một công tác giảng huấn ở Trường này, các bạn có thể tin như vậy, là những người rất sành

trong nghề của họ.

Và trong thâm tâm, họ không mong gì hơn là giúp đỡ các bạn trở nên những Luật gia mà nước Việt nam tự do của chúng ta bao giờ cũng cần tới vì người sinh viên Trường Luật, trẻ cũng như bạc đầu, trong thâm tâm và tác phong bao giờ cũng là người tranh đấu để nâng cao PHẨM GIÁ và ĐỊA VỊ của con người.

Tôi thành thực chúc các bạn thành công trong niên học này.

LÊ ĐÌNH CHÂN

Quyển II

**DANH TỪ và TÀI LIỆU  
DÂN LUẬT**

*Vũ-văn-Mẫu*



## Quyển II

### PHẦN DANH TỪ VÀ TÀI LIỆU DÂN LUẬT GỒM BỐN PHẦN :

I Phần danh từ giải thích các danh từ Dân luật, hiểu theo nghĩa rộng, trong chương trình Cử nhân luật năm thứ nhất. Nói như vậy, có nghĩa là phần này giải thích các danh từ luật pháp liên hệ xa gần đến chương trình dân luật năm thứ nhất, nhưng chỉ giải thích trong phạm vi chương trình này mà thôi, với mục đích giúp các sinh viên mới bắt đầu học luật có ngay được một ý niệm khái quát, giản dị về một số vấn đề cần thiết liên quan đến cả hình luật, luật tố tụng, luật thương mại, quốc tế tư pháp v.v... đề hiểu được chương trình dân luật.

Đối với các sinh viên, phần danh từ này còn có thể dùng để ôn lại sơ lược và nhanh chóng những điểm chính yếu trong các vấn đề đã được định nghĩa, hay giúp các sinh viên nhận định những mối liên hệ giữa nhiều vấn đề pháp lý phức tạp, thí dụ : chấp hữu thân trạng, lý thuyết biên kiến, thời hạn cư sỡng, công bố án văn và luật pháp v.v...

Sự định nghĩa các danh từ đã được soạn theo các mục đích thực tiễn nói trên.

II Phần danh từ và tục dao la tinh. Nền pháp chế Việt Nam thuộc về hệ thống Pháp La tinh. Vì vậy, trong dân luật Việt Nam cũng như trong dân luật của hệ thống này, có nhiều từ ngữ và tục dao La tinh mà sinh viên cần phải hiểu nghĩa.

III Phần tài liệu lập pháp và lập qui gồm các luật, sắc luật, sắc lệnh và nghị định liên quan đến luật gia đình, kể từ đạo luật gia đình 2-1-1959

IV Phần án lệ gồm 20 bản án chọn trong các bản án của Tòa Pháp Án và Tòa Thượng Thẩm Sài Gòn tuyên phán trong thời gian 1962-1967 về các vấn đề quan trọng trong luật gia đình để các sinh viên có một ý niệm rõ rệt về ý nghĩa và tầm hiệu lực của L.G.Đ. 2-1-1959 và Sắc Luật 23-7-1964 qui định về giá thú tử hệ và tài sản cộng đồng.

## Phần I

### DANH TỪ DÂN LUẬT

# A

**Ác nghịch** (tội) : một trong tội thập ác.

**Tội thập ác.** Trong cổ luật Trung hoa — (từ đời nhà Tề, nhưng đến đời nhà Đường thì sự qui định mới được đầy đủ) — có 10 tội đại ác gọi là tội Thập ác. Các bộ luật cổ của ta, các triều Lý, Lê và Nguyễn đều bắt chước sự qui định này. Trong luật nhà Lý, nhà làm luật rất khoan hồng cho các phạm nhân được chuộc tội bằng tiền, trừ tội thập ác. Các tội thập ác là những tội xâm phạm vào nhà vua, hay nền tảng gia đình :

- 1— *Mưu phản* : lật đổ nền cai trị của nhà vua.
- 2— *Mưu đại nghịch* : phá đền đài, lăng tẩm nhà vua.
- 3— *Mưu bạo* : phục vụ nước địch.
- 4— *Ác nghịch* : mưu giết hay đánh ông bà cha mẹ, tôn thuộc.
- 5— *Bất đạo* : vô cớ giết ba người cùng nhà.
- 6— *Đại bất kính* : lấy trộm các đồ tế trong lăng tẩm, làm giả ấn vua.
- 7— *Bất hiếu* : cáo giác, chửi rủa ông bà, cha mẹ, không

phụng dưỡng bố mẹ, cưới xin khi có tang cha mẹ, được tin ông bà, cha mẹ chết không chịu phát tang...

8— *Bất mục* : mưu giết hay bán các thân thuộc, đánh hoặc cáo giác chồng.

9— *Bất nghĩa* : không dè tang chồng, ăn chơi và tái giá, giết thầy dạy hoặc quan sở tại.

10— *Nội loạn* : loạn luân.

*CHÚ Ý* : Trong các tội thập ác, các tội bất hiếu, bất mục, bất nghĩa được coi như các tội đại ác ngang hàng với các đại tội chính trị : mưu phản, mưu đại nghịch. Đây là một đặc điểm của cỗ pháp ở Đông Phương, thường có sự hàm hỗn giữa phạm vi luân lý và hình luật.

### **Án, Án văn (hay bản án) (jugement)**

Trong bản án do tòa xử, ngoài phần trần thuật vụ án (les qualités) (thường không được đăng tải trong các tạp chí pháp lý), phần chính yếu gồm có hai khoản :

a) *lý do bản án* (les motifs du jugement) hay những lý lẽ do tòa án viện dẫn để xử vụ kiện.

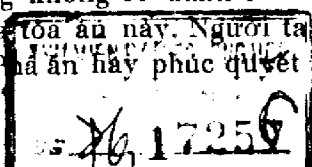
b) *chủ văn bản án* (le dispositif du jugement) hay sự xử đoán của tòa án : hoặc bác đơn, hoặc chấp đơn; phán xử cho ly hôn; bắt bồi thường v. v... «Án», án văn hay bản án là một danh từ phổ thông áp dụng chung cho sự xử đoán của tất cả các cấp bậc tòa án.

*CHÚ Ý* : *Án văn của tòa sơ thẩm* còn gọi là phán quyết hay phán nghị (jugement) *Án văn của tòa thượng thẩm* gọi là phúc quyết (arrêt) (xem mẫu án văn trong phần án lệ).

### **Án chung thẩm (xem án sơ thẩm)**

### **Án di giao (arrêt de renvoi)**

Mặc dầu tòa Phá án là cấp bậc cao nhất trong hệ thống các cơ quan tài phán, cũng không có danh từ nào đặc biệt để chỉ riêng các bản án của tòa án này. Người ta vẫn thường dùng các danh từ : án tòa Phá án hay phúc quyết tòa Phá án.



Nên nhớ tòa Phá án chỉ xét lại các điểm pháp lý trong vụ kiện mà thôi (question de droit), không xét lại các điểm về thực tế (question de fait). Nếu các điểm pháp lý đều đã được giải quyết đúng luật, tòa phá án sẽ bác đơn thượng tố; trong trường hợp trái lại, tòa phá án sẽ phá hủy bản án xử chung thẩm, và giao nội vụ cho một tòa khác cùng đẳng cấp với tòa đã xử chung thẩm để xử lại. Bản án này là *án di giao* (di: di chuyển; giao: đưa tới) (xem phá án).

### **Án - lệ** (*jurisprudence*)

Án lệ là đường lối giải thích và áp dụng luật pháp của các tòa án về một điểm pháp lý, đã được coi thành một lệ, khiến các thẩm phán thường noi theo khi phải xét xử những vụ tương tự. Tuy các thẩm phán được tự do xét xử, theo ý riêng và lương tâm của mình, nhưng phần lớn các bản án thường theo lối xét xử của tòa Thượng thẩm và nhất là của tòa Phá án, để khỏi bị bác khước khi đương sự không phục tình kháng cáo lên tòa Thượng thẩm hay thượng tố lên tòa Phá án. Do đó, án lệ mới thành hình.

Án lệ cũng là một nguồn gốc của pháp luật. Người ta xếp án lệ vào loại nguồn gốc giải thích (source interprétative du droit) vì án lệ làm cho sáng tỏ ý nghĩa và tầm hiệu lực của pháp luật.

Ngoài ra, nhiều khi án lệ còn có nhiệm vụ quan trọng dọn đường cho các vụ cải cách quan trọng về luật pháp, trong trường hợp các điều luật không được minh bạch hay thiếu sót.

Án lệ ở Việt-nam đã giữ một vai trò rất quan trọng về các vấn đề thừa kế và hôn sản ở Nam Phần, vì bộ DLG.Y 1883 không qui định các vấn đề này, (luật gia đình 1959 và S.L 1964 đã giải quyết vấn đề hôn sản; nhưng vấn đề thừa kế hiện nay vẫn chưa có luật nào qui định ở Nam Phần) và do đó án lệ vẫn còn giữ một vai trò rất thiết yếu trong lãnh vực này)

*CHÚ Ý: a) khi muốn hiểu rõ thêm ý nghĩa một đạo luật và phải*

tìm đến án lệ, điều cần nhớ là nên tìm những án lệ mới nhất để biết rõ ý kiến của các tòa án trong giai đoạn cuối cùng. Điều này rất hệ trọng, vì án lệ có thể chuyển hướng (virement de jurisprudence) trong thời gian, để mang lại một giải pháp phù hợp với hiện trạng kinh tế, xã hội.

b) Điều thứ hai nên nhớ là cần viện dẫn các bản án của tòa Phá Án, hay ít nhất là các bản án của tòa Thượng thẩm thì án lệ viện ra mới có đủ uy tín.

### **Án lệ pháp (droit jurisprudentiel)**

Người ta thường quen gọi nền pháp luật của Anh quốc là án-lệ-pháp; vì án lệ ở Anh quốc thủ một vai trò được coi là quan hệ hơn luật pháp. Ở Anh, án lệ có những đặc điểm mà ta không thấy trong hệ thống pháp luật Pháp-La-tinh. Trước hết, phải ghi qui tắc tiền lệ (rule of precedent). Khi một Thẩm phán đã phán xử một vụ kiện ở Anh quốc, phán quyết ấy không những có giá trị đối với vụ kiện này, còn giáng buộc các tòa án khác trong các vụ tương tự. Quy tắc tiền lệ có hiệu lực đặc biệt đối với các quyết định của Thượng nghị viện Anh quốc (chambre des lords). Khi thượng nghị viện đã quyết định một điểm tranh tụng về pháp lý, không ai có thể dị nghị về quyết định ấy nữa, kể cả thượng nghị viện. Chỉ riêng có quốc hội mới có quyền biểu quyết một đạo luật mới để thay đổi quan điểm của Thượng nghị viện.

*CHÚ Ý: Ở Anh quốc, khác với hệ thống Pháp La tinh, khi cần viện dẫn một bản án, thì người ta cố tìm kiếm những bản án cũ, càng cò càng thêm uy tín. Thông thường những bản án đối với các luật gia Anh chỉ có uy tín nếu như đã được phán xét từ 50, 60 năm. (ở Pháp, cũng như ở Việt Nam, trái lại, càng phải viện dẫn những án lệ mới nhất).*

### **Án phán tụng (jugement contentieux) và Án phi tụng**

(jugement gracieux)

Trong các vụ kiện, thẩm phán phải phán xử nghĩa là giải quyết các vấn đề tranh tụng do hai bên nguyên bị đã đưa ra trước tòa. Trong các trường hợp này, tòa tuyên một

*bản án phán tụng (jugement contentieux)*. Thí dụ : tiêu hủy giá thú, cho ly hôn, hay nhũn nhận một phụ hệ tư sinh v.v... Song, có khi tòa án phải xét một trường hợp trong đó không có sự tương tranh như sự phê chuẩn một khế ước nghĩa dưỡng (homologation d'un contrat d'adoption) Khế ước nuôi con nuôi cần phải được tòa án phê chuẩn để kiểm soát xem các điều kiện qui định trong pháp luật về sự nghĩa dưỡng có được tôn trọng không. Trong trường hợp này bản án chỉ là một *án văn phi tụng (jugement gracieux)* vì thẩm phán chỉ giữ một vai trò quản lý chứ không xử kiện.

**Án sơ thẩm.** (*jugement en premier ressort* hay *jugement de première instance*) và **Án Chung thẩm** (*jugement en dernier ressort*)

Một nguyên tắc căn bản trong thủ tục tố tụng là nguyên tắc lưỡng cấp tài phán (principe du double degré de juridiction) dành cho các đương sự có việc kiện, quyền được yêu cầu hai cấp tòa án xét xử. Cấp tòa án thứ nhất thường là tòa sơ thẩm (tribunal de première instance) hay tòa án hòa giải rộng quyền (tribunal de paix à compétence étendue); quyết định của tòa án cấp này là *án sơ thẩm*. Nếu không phục tùng bản án này, đương sự có thể chống án hay kháng cáo lên tòa Thượng thẩm; án của tòa Thượng thẩm gọi là *án chung thẩm*. (xem : Thượng Thẩm).

**Án tuyên nhận thân trạng** (*jugement déclaratif d'état*);  
**án cấu thành thân trạng** (*jugement constitutif d'état*).

Trong bản án tuyên nhận thân trạng, tòa án chỉ xác nhận một thân trạng mà đương sự đã có sẵn từ trước. Chỉ vì đương sự không có bằng chứng hợp pháp đầy đủ để chứng minh thân trạng ấy mới phải đem việc ra trước tòa; thí dụ một trẻ tư sinh kiện để tìm cha. Trong trường hợp này, nếu tòa tuyên bố ông Giáp là cha đứa trẻ, bản án ấy là một bản tuyên nhận thân trạng, vì đứa trẻ vốn là con ông Giáp ngay từ lúc sơ sinh, tòa án chỉ xác nhận thân trạng ấy mà thôi (*jugement déclaratif d'état*).

Trái lại, trong một bản án cấu thành thân trạng, tòa án đã tạo lập ra một thân trạng mới (*jugement constitutif*

d'état) như trường hợp cho hai vợ chồng ly hôn.

Sự phân biệt hai loại bản án trên này rất quan hệ về phương diện hiệu lực của bản án. Bản án thành thân trạng có thể đối kháng với tất cả mọi người. Đối với thân trạng do tòa phán xử, không một ai có thể dị nghị được. Trong trường hợp ly hôn chẳng hạn, các người ngoài vụ kiện ly hôn cũng không thể dị nghị rằng hai vợ chồng vẫn còn ở trong tình trạng giá thú.

Trái lại, bản án tuyên nhận thân trạng, trên nguyên tắc, chỉ có một hiệu lực tương đối và chỉ có thể đối kháng với các người liên hệ trong vụ kiện. Thí dụ : một trẻ tư sinh kiện xin tòa nhìn nhận ông A là cha và được tòa xử cho được kiện. Nhưng sau nếu đưa trẻ ấy xét rằng mình lầm và kiếm được đủ bằng chứng là ông B mới đích thực là cha hoang, y có thể kiện ông B trước tòa để tìm phụ hệ lần nữa và ông B cũng không thể nại được bản án tòa đã xử trước công nhận ông A là cha đứa trẻ. (Xem uy quyền quyết tụng).

Ngoài ra, còn một hậu quả quan trọng khác nữa : trên nguyên tắc, các bản án văn cấu thành thân trạng chỉ có hiệu lực từ khi bản án văn trở thành nhất định; trái lại, các bản án văn tuyên nhận thân trạng có hiệu lực hồi tố; thí dụ đứa trẻ tư sinh con của ông A, một khi được tòa xác nhận tử hệ, sẽ được coi là con ông A, ngay từ khi sinh, chứ không phải từ ngày tòa tuyên bản án mà thôi.

**Án tiên thẩm,** (*jugement avant-dire droit*)

**Án dự phán,** (*jugement préparatoire*)

**Án trung phán** (*jugement interlocutoire*).

Trước khi tuyên phán một bản án để kết thúc một vụ kiện, tòa án có thể cần mở thêm một cuộc thẩm cứu như điều tra, giám định, cho phát thệ. Trong những trường hợp này, tòa tuyên một bản án tiên thẩm. Nếu bản án này, không có tiên kiến về kết quả của vụ kiện, thì gọi là bản án dự phán, trong trường hợp trái lại, gọi là bản án trung phán.

### **Ăn tịch (tội)** (*suppression d'état*).

Tội ăn tịch là tội ăn nặc hay tiêu hủy một nhi đồng, hoặc thay thế một nhi đồng vào một nhi đồng khác, hay tòi mạo thác một nhi đồng cho một người dân bả không sinh sản. (đ. 345 Hình luật canh cải). Ngoài ra, tội ăn tịch còn gồm cả trường hợp xâm phạm đến sổ hộ tịch để làm mất các chứng cứ liên quan đến hộ tịch của đứa trẻ: thí dụ: giả mạo hay ngụy cải, tiêu hủy các sổ hộ tịch.

### **Ăn hỏi (lễ).**

Lễ ăn hỏi hay đính hôn là một lễ có mục đích cam kết sẽ thành hôn. Trong tất cả các nghi lễ của giá thú, chỉ có lễ ăn hỏi được luật gia đình và S.L. 1961 qui định minh thị. Tuy là một sự cam kết đã thành hôn, song sự đính hôn vẫn có thể bị một bên hủy bỏ, vì nhà làm luật muốn rằng sự ưng thuận lấy nhau của hai bên trai gái phải được tự do hoàn toàn cho đến lúc làm giá thú. Song nếu bãi hôn không có lý do chính đáng, thì bên kia có quyền đòi bồi thường và đòi lại lễ vật. (đ. 5 S.L. 1964). Nếu bãi hôn vì người đính hôn bị mệnh một thì không phải bồi thường; nhưng các lễ vật có thể trả lại, trừ phi là vật tiêu thụ.



# B

**Bãi bỏ** (*abroger, abrogation*): hủy bỏ, chấm dứt hiệu lực.

a) *Bãi bỏ minh thị.*

Khi một đạo luật mới được ban hành thường có một điều khoản nói rõ bãi bỏ các khoản luật cũ trái ngược: đây là sự *bãi bỏ minh thị* hay *phế chỉ minh thị* (*abrogation expresse*). Thí dụ đ. 156 sắc luật 23-7-1964 về gia đình bãi bỏ các khoản dân luật cũ trái với sắc luật ấy.

b) *Bãi bỏ mặc nhiên.*

Cũng có khi, tuy trong đạo luật mới không nói rõ, song các khoản luật cũ cũng không thể tồn tại, vì trái ngược với luật mới; luật cũ phải coi là bị *bãi bỏ hay phế chỉ mặc nhiên* (*abrogation tacite*). Thí dụ: Bộ DLGY không bãi bỏ minh thị bộ luật Gia Long, song những điều khoản của bộ luật Gia Long trái ngược với bộ DLGY không còn hiệu lực nữa, sau ngày bộ DLGY được ban hành.

**Ban hành** (*promulguer, promulgation*):

Hành vi của quyền hành pháp (nghĩa là của Tổng Thống) thừa nhận sự hợp thức của đạo luật đã do Quốc hội biểu quyết, truyền cho công bố để thi hành. Như vậy không nên

nhằm lần sự ban hành (promulgation) với sự công bố (publication) một đạo luật. Sự công bố chỉ đến sau sự ban hành. Quyền hành pháp thực hiện sự ban hành bằng cách ký sắc lệnh ban hành (décret de promulgation).

Theo Hiến pháp 1967, thời hạn ban hành là 15 ngày tròn, kể từ ngày Tổng Thống tiếp nhận dự luật đã được Quốc hội biểu quyết. Thời hạn này rút ngắn xuống 7 ngày tròn, trong trường hợp khẩn cấp do Quốc hội quyết định. Qua hạn, nếu Tổng Thống không ban hành, dự luật sẽ đương nhiên thành luật và sẽ được Chủ tịch Thượng Nghị Viện ban hành.

Tuy nhiên, trong thời hạn ban hành, Tổng Thống có quyền gửi thông điệp có viện dẫn lý do yêu cầu Quốc Hội phúc nghị một hay nhiều điều khoản trong dự luật. Trong trường hợp này, Thượng và Hạ nghị Viện sẽ họp chung thành khoáng đại hội nghị; nếu quá-bán tổng-số dân biểu và Thượng nghị sĩ bác bỏ thông điệp phúc nghị, dự luật đương nhiên thành luật và được chuyển sang Tổng Thống để ban hành. (đ. 44 và 45 Hiến pháp).

### **Bán con (khế ước)**

Trong cổ luật, quyền cha mẹ đối với con rất lớn. Cha mẹ khi túng thiếu có thể bán con. Con cái nhiều khi cũng tự bán mình để giúp đỡ cha mẹ. Trong luật chỉ trừng phạt những trường hợp bán gian lận (đ. 313 Luật nhà Lê).

Ngày nay, các khế ước cầm hay bán con đều bị coi là trái với trật tự công cộng và có tính cách bại luân, vì vậy đương nhiên vô hiệu (nullité de droit) (đ. 208 k 1 DLB và DLT).

**Bản thể** (*X. lăm lần về bản thể: erreur substantielle*).

**Bàng thân, bàng thuộc** (*les collatéraux*).

Các bàng thân hay bàng thuộc là các bà con trong họ không thuộc về trực hệ (ligne directe). Trong trực hệ, giữa hai người thân thuộc, thuộc hai cấp trên dưới, có một mối liên hệ cha con, người nọ sinh ra người kia. Giữa các bàng thân, không có liên hệ phụ tử; những người bàng thân, hay

bằng thuộc là bà con với nhau vì do một ông tổ chung sinh ra : như anh em; anh em con chú con bác; cậu cháu; bác cháu v.v...

Muốn biết cách tính bà con xa gần : xem *Thân đẳng* (degré de parenté).

**BẰNG CHỨNG** (*preuve*) X. chứng cứ.

**BẰNG CHỨNG TIỀN LẬP** (*preuve préconstituée*) và **BẰNG CHỨNG TỰ DO** (*preuve libre*).

Trong các việc kiện tụng, vấn đề dẫn chứng các điều nại ra trước tòa rất quan hệ. Được kiện hay thua kiện, phần lớn do ở điểm có dẫn được những bằng chứng xác đáng hay không. Đối với các sự kiện đơn thuần (*simples faits*), sự dẫn chứng được tự do, có thể dùng tất cả các phương pháp : hoặc dùng bút chứng hoặc dùng nhân chứng, hoặc các sự phỏng đoán (h. suy đoán). Trái lại, đối với các chứng thư pháp luật (*actes juridiques*) (xem chữ này), các đương sự có thể dự liệu những bằng chứng thích đáng, khi kết lập các chứng thư ấy. Thí dụ : một tai nạn xe hơi là một sự kiện đơn thuần, được tự do dẫn chứng : như dùng nhân chứng và sự phỏng đoán hay suy đoán theo vị trí của các xe hơi v.v... Một khế ước mua bán là một chứng thư; nội dung của khế ước này thường phải dẫn chứng bằng tờ hợp đồng đã được kết lập giữa hai bên : đây là chứng cứ tiền lập.

*Trong luật gia đình, cũng áp dụng những nguyên tắc trên.*

Nếu chỉ cần dẫn chứng một sự kiện như tình trạng ngoại hôn trong một vụ kiện tìm phụ hệ cho một con tư sinh (con hoang), thì có thể dẫn chứng bằng đủ mọi phương tiện, kể cả nhân chứng. Trái lại, nếu phải dẫn chứng một chứng thư pháp luật, như khế ước nghĩa dưỡng, thì phải xuất trình khế ước này.

Ngoài ra, đối với các yếu tố của thân trạng, nhà làm luật đã qui định các thể thức ghi chép các yếu tố này (sinh, tử, giá thú) vào sổ hộ tịch. Do đó, các sự sinh, tử, giá thú phải dẫn chứng bằng các chứng thư hộ tịch : đây cũng là một bằng chứng tiền lập.

### **Bảo dưỡng (nghĩa vụ)** (*obligation d'entretien*).

Nghĩa vụ bảo dưỡng là nghĩa vụ cấp cho một người khác các phương tiện cần thiết để sinh sống. Ngoài thực phẩm, sự cấp dưỡng này còn bao gồm cả những thứ gì cần thiết cho đời sống hàng ngày.

Nghĩa vụ bảo dưỡng có thể do một khế ước hay một chúc thư mà có; thí dụ: ông Giáp bán nhà nhưng không lấy tiền, chỉ bắt buộc người mua phải cấp dưỡng cho đến khi chết; hoặc giả ông Ất để chúc thư cho ông Bình di sản với điều kiện phải bảo dưỡng cháu gái của ông Ất cho đến khi trưởng thành.

Nhưng phần lớn các nghĩa vụ bảo dưỡng do luật qui định giữa các thân thuộc gần. (X. Dân luật lược giảng: nghĩa vụ cấp dưỡng): như vợ chồng, thân thuộc trực hệ, và anh chị em ruột.

### **Bạo hành** (*voies de fait*)

Bạo hành là các hành vi tàn bạo, vũ phu. Theo SL. 1964, đ. 63, có thể xin ly hôn vì sự ngược đãi, *bạo hành*, hay nhục mạ, nếu có hai điều kiện: a) có tính cách thậm tệ; b) có tính cách thường xuyên làm cho vợ chồng không thể sống chung với nhau được. Tòa án có toàn quyền thẩm định xét xem hai điều kiện này có hội đủ không. Vì vậy sự bạo hành chỉ thuộc vào loại duyên có lý hôn: nhiệm ý (*causes facultatives*), tùy Tòa xét định.

### **Bảo chứng, bảo lĩnh** (*caution*)

Bảo chứng hay bảo lĩnh cho một người là nhận trả nợ thay cho người ấy, nếu người này không hoàn được tiền vay cho chủ nợ.

**CHÚ Ý:** Trong danh từ thông dụng, người ta thường nói tới: « chi phiếu không tiền bảo chứng », để dịch danh từ của Pháp: *chèque sans provision*. Chữ « bảo chứng » ở đây đã dùng sai nghĩa. Provision ở đây là tiền dự trữ, hay trừ kim; *chèque sans provision* đáng lẽ phải dịch là chi phiếu không tiền: dự trữ, hay chi phiếu không trừ kim.

**Bảo chứng** (*sûreté*) (*bảo* : gìn giữ, *chứng* : bức bình phong).

Những bảo đảm của một món nợ để người chủ nợ chắc chắn thu được nợ.

Các sự bảo chứng gồm hai loại :

a) *Các bảo chứng đối nhân* (*sûretés personnelles*) như trường hợp bảo chứng, bảo lãnh : có một người đệ tam nhận trả nợ thay thế cho con nợ nếu người này không trả được nợ.

b) *Các bảo chứng đối vật*, (*sûretés réelles*) : dùng một tài sản để bảo đảm cho sự trả nợ, thí dụ : để đương một bất động sản để đảm bảo món nợ.

**Bảo nhi** (*pupille*)

Vị thành niên, mà bố hay mẹ chết, được đặt dưới chế độ giám hộ (*tutelle*) để được bảo vệ, về nhân thân và tài sản (*bảo*: che chở; *nhi* : trẻ con)

**Bảo tá tài phán** (*conseil judiciaire*)

Bộ DLGY, phỏng theo dân luật của Pháp, tổ chức định chế bảo tá tài phán bảo vệ những người tuy không mắc chứng điên dại, nhưng *kém trí khôn* (*les faibles d'esprit*). Tòa án chỉ định một viên bảo tá để bảo trợ họ khi cần kết lập một số chứng thư quan trọng.

Nói tóm lại, những người kém trí khôn đã bị đặt vào một tình trạng bán vô năng, cần đến sự trợ lực của viên bảo tá mới kết lập được các chứng thư trên.

Chế độ của bảo tá tài phán không được qui định trong hai bộ DLB và DLT.

**Bất-nghị**

Trong luật cũ của Trung Hoa, và Việt Nam (luật nhà Lê nhà Nguyễn) đều qui định trường hợp bất nghị nghĩa là tám giới phạm nhân được ưu đãi không bị khảo tẩn, trong khi thẩm vấn tội trạng. Ngoài ra đối với họ, trước khi nghị án, phải tâu vua xin phép; và khi nghị án xong, cũng phải tâu để vua xét lại.

Trường hợp bất nghị là :

- 1— nghị thân : bà con gần của vua
- 2— nghị cổ : người cố cựu trong hoàng gia, thường hầu hạ bên vua.
- 3— nghị công : người có công trạng lớn
- 4— nghị hiền : người hiền đức
- 5— nghị năng : người đại tài, trong công việc quân chính
- 6— nghị cần : người làm quan to cần cần gian lao
- 7— nghị quý : người làm quan vào bậc cao quý
- 8— nghị tân : người tôn thất tiền triều được coi là tân khách của triều sau.

### **Bất động sản** (*immeubles*)

Theo nghĩa đen, các bất động sản là những tài sản không di động được như nhà, đất, ruộng, vườn .. khác với các động sản (*les meubles*) là những tài sản có thể di động được như bàn, ghế, đồ vật v.v...

Tuy nhiên, ý niệm bất động sản trong luật pháp rộng hơn. Các bất động sản gồm có hai loại :

1— Các bất động sản do bản chất (*immeubles par nature*), đây là những bất động sản chính danh như nhà, đất, ruộng nương...

2— Các bất động sản do dụng đích (*immeubles par destination*) như các dụng cụ trong trại ấp, nhà máy. Tuy theo bản chất, các dụng cụ là động sản, nhưng về phương diện kinh tế nếu phân chia ra hai hạng, sẽ có sự thiệt hại cho giá trị của ấp trại hay nhà máy, cho nên luật pháp áp dụng nguyên tắc « Phụ tùng chính » *accessorium sequitur principale*) và công nhận các dụng cụ ấy là những bất động sản do dụng đích.

3— Các bất động sản do chủ đích : (*immeubles par l'objet auquel ils s'appliquent*). Đây là trường hợp những quyền lợi được hưởng dụng trên một bất động sản : như quyền hưởng dụng thu hoa lợi của một cái trại, ấp hay ruộng vườn. Quyền dụng-

ích (usufruit) này vì được hưởng trên một bất động sản nên được coi là một bất động sản do chủ đích..

### **Bất dự liệu (thuyết) (théorie de l'imprévision)**

Một lý thuyết áp dụng đối với các khế ước thuộc công pháp, cho phép được yêu cầu sửa đổi các khoản khế ước ký với các cơ quan hành chính, nếu có những trường hợp bất ngờ khiến sự thi hành khế ước quá khó khăn, tổn thiệt cho người kết ước (thường là những người nhận thầu với chính quyền).

Trái lại, trong dân luật, các khế ước có giá trị như luật pháp giữa các người kết ước... Mặc dầu sự thi hành trở nên khó khăn hay tổn thiệt đến bất luận mức nào (trường hợp chiến tranh, hay tiền tệ mất giá), khế ước vẫn không thể sửa đổi được. Về phương diện đối chiếu pháp luật Nga chấp nhận thuyết bất dự liệu đối với các khế ước trong dân luật.

### **Bất khả sử phân (indisponible) :**

Không có thương mại tính, không thể đem chuyển dịch cho người khác để lấy tiền, cũng không thể bị chủ nợ sai áp, tịch thu.

Thí dụ : Các số tiền một người được cấp dưỡng có tính cách bất khả sử phân. Tiền cấp dưỡng có mục đích để nuôi sống người được thụ cấp, không thể nhường cho người khác mà cũng không thể bị chủ nợ sai áp.

### **Bất khả thời tiêu (imprescriptible) :**

Không bị thời hiệu (prescription), không mất hiệu lực vì đề quá thời gian luật định, Thí dụ : một món nợ, nếu đề quá thời hạn luật định (30 năm theo DLP ; 20 năm DLB và 10 năm DLT), sẽ bị thời tiêu, nghĩa là bị thời gian tiêu hủy không đòi được. Tuy nhiên, có một số quyền lợi căn bản, nhất là các quyền căn bản của con người, có tính cách bất khả thời tiêu. Thí dụ : quyền bảo vệ tính danh,

### **Bất kế tục (nghĩa vụ) (obligation non successive)**

Nghĩa vụ cấp dưỡng được trừ liệu giữa nhiều hạng thân

thuộc. Gặp cảnh túng thiếu, đương sự có cần phải xin các bà con thân cấp dưỡng trước các bà con sơ không? hay chọn người nào giàu nhất thì xin cấp dưỡng không kể thân sơ? Trong trường hợp thứ nhất, nghĩa vụ có tính cách kể tục, và trong trường hợp thứ hai, nghĩa vụ có tính cách bất kể tục. Theo án lệ của Pháp, nghĩa vụ cấp dưỡng không có tính cách kể tục. Trong luật Việt Nam, các anh chị em chỉ phải cấp dưỡng trong trường hợp không còn cha mẹ hay cha mẹ không cấp dưỡng được: đây là một trường hợp nghĩa vụ cấp dưỡng kể tục được minh định trong luật. Nhưng ngoài trường hợp này, không có điều khoản nào giải quyết một cách tổng quát, và án lệ cũng chưa có dịp phân xử.

### **Bất khả di chuyển** (*intransmissible*) :

Không thể truyền được sang cho người khác. Sự bất di chuyển này có hai hình thái : a) sự bất di chuyển tích cực : người được cấp dưỡng hay thụ cấp không thể, sau khi chết đi, chuyển sự cấp dưỡng này cho các người thừa kế hưởng thụ tiếp ; b) sự bất di chuyển tiêu cực : người phải đảm gánh nghĩa vụ cấp dưỡng hay tặng cấp, sau khi chết đi, cũng không di chuyển cho các người thừa kế nghĩa vụ này.

Sở dĩ nghĩa vụ cấp dưỡng không thể di chuyển được, dưới cả hai hình thức, là vì nghĩa vụ này có tính cách hoàn toàn cá nhân, chỉ giằng buộc riêng người tặng cấp và người thụ cấp, không liên quan đến các người thừa kế của họ, trừ khi những người này cũng ở vào các điều kiện như các người trên.

**Bất hiệu (tội)** (*Xem tội bất hiệu trong tội thập ác : chữ Ác*)

**Bất hồi tố, bất hồi hiệu, bất phản hồi** (*nguyên tắc luật pháp*) (*non rétroactivité de la loi*)

Nguyên tắc luật pháp bất hồi tố hay bất hồi hiệu là một nguyên tắc căn bản trong pháp luật để bảo đảm an ninh và trật tự trong xã hội : luật pháp không có hiệu lực ngược dòng thời gian để áp dụng đối với các sự việc đã xảy ra trước khi luật ban hành.



( hồi tố = ngược dòng ; hồi hiệu = hiệu lực quay về trước )

Tuy nhiên, nguyên tắc này có bốn ngoại lệ :

1— Nguyên tắc này không thúc buộc nhà lập pháp.

2— Các luật giải thích (lois interprétatives), vì chỉ là một phần của luật cũ, nên có hiệu lực kể từ ngày ban hành đạo luật cũ được giải thích.

3— Các luật về thủ tục và thẩm quyền của tòa án được áp dụng ngay đối với các vụ kiện đương tranh tụng, mặc dầu đơn kiện đã có từ trước ngày ban hành luật.

4— Các luật hình nhẹ hơn luật cũ cũng được áp dụng ngay đối với các tội phạm đã xảy ra trước khi ban hành vì có lợi cho phạm nhân.

### **Bất lực** (*impuissance*)

Trong luật gia đình 1959, bất lực là một duyên cớ để xin tiêu hủy giá thú, nếu là một sự bất lực vĩnh viễn và đã có trước khi lập giá thú. Điều kiện giá thú này đã bị hủy bỏ trong sắc luật 1964.

### **Bất mục (tội)** (*trong tội thập ác: chữ Ác*)

### **Bất sự cứu cô.** (*không thờ bố mẹ chồng*)

Một trong trường hợp thất xuất (bầy trường hợp bỏ vợ) trong cổ luật Trung Hoa và Việt Nam. (X. thất xuất).

**Biếm** (*tội*): hạ tư cách, hay bực. Trong cổ luật nhà Lê, một số lớn các điều khoản phạt hạ 1, 2, 3, 4, hay 5 tư, (biếm nhất tư, nhị tư, tam tư, tứ tư, hay ngũ tư). Tư đây có nghĩa là gì? Ta không nên nhầm tư với các phẩm trật (ngày xưa có chín phẩm trật trong hàng các quan văn võ: cửu phẩm). Tư ở đây có nghĩa là tư cách, phẩm cách, con người trước luật pháp.

Năm Hồng Đức thứ 2 (1471), nhà vua định thể lệ về 24 tư như sau :

— Quốc công	là	Thượng trật	21 tư.
— Quận công		Thượng giai	23 tư
— Hầu		Thượng liên	22 tư
— Bá		Thượng ban	21 tư
— Tử		Thượng tự	20 tư
— Nam		Thượng chế	19 tư
— Chánh nhất phẩm		Thượng tuyền	18 tư
— Tùng	—	Thượng liệt	17 tư
— Chánh nhị phẩm		Trung trật	16 tư
— Tùng	—	Trung giai	15 tư
— Chánh tam phẩm		Trung liên	14 tư
— Tùng	—	Trung ban	13 tư
— Chánh tứ phẩm		Trung tự	12 tư
— Tùng	—	Trung chế	11 tư
— Chánh ngũ phẩm		Trung tuyền	10 tư
— Tùng	—	Trung liệt	9 tư
— Chánh lục phẩm		Hạ trật	8 tư
— Tùng	—	Hạ giai	7 tư
— Chánh thất phẩm		Hạ liên	6 tư
— Tùng	—	Hạ ban	5 tư
— Chánh bát phẩm		Hạ tự	4 tư
— Tùng	—	Hạ chế	3 tư
— Chánh cửu phẩm		Hạ tuyền	2 tư
— Tùng	—	Hạ liệt	1 tư
— Bạch dinh			vô tư

Trong luật nhà Lê, mỗi tư bị hạ có thể chuộc bằng tiền.

### Biện lý (*Procureur de la République*)

Thẩm phán trong công tố viện, được đặt ở Tòa sơ thẩm. (Xem công tố viện). Có phó biện lý và tùy viên Công tố viện trợ tá.

**Biệt cư** (*Résidence séparée*): chỗ ở riêng biệt.

Vợ chồng có nghĩa vụ đồng cư (obligation de cohabitation); do đó vợ phải ở với chồng tại nơi cư sở do chồng chọn. Tuy nhiên, nếu cư sở này « có hại cho gia đình về phương diện vật chất hay tinh thần, vợ có thể xin chánh án cho phép ở riêng một nơi khác với các con cái » (đ. 45 S L. 1964).

Ngoài ra trong các vụ kiện ly hôn và ly thân, trong khi chờ đợi phán quyết của tòa án, vợ cũng có thể xin biệt cư.

**Biệt lệ (h. ngoại lệ, trừ lệ)** (*exception*)

Trên nguyên tắc, luật bao giờ cũng đặt một quy tắc chung cho mọi người; tuy nhiên, trong luật bên cạnh quy tắc, một đôi khi cũng có những biệt lệ (h. ngoại lệ, trừ lệ). Các biệt lệ này gồm hai loại:

a) các biệt lệ hữu hình (*exceptions formelles*): những điều khoản này dễ nhận xét trong hình thức vì bắt đầu bằng các từ ngữ: tuy nhiên, nhưng, song v.v...

b) các biệt lệ tiềm thức (*exceptions virtuelles*) nhờ ở ý nghĩa, và nội dung mà nhận ra được.

**CHÚ Ý:** Bất luận thuộc về hạng nào, các biệt lệ, cũng phải giải thích chặt chẽ, theo nghĩa hẹp, căn cứ vào văn từ. (*exceptio strictissimae interpretationis*; les exceptions sont d'interprétation stricte).

**Biệt sản (chế độ) h. chế độ ly sản** (*régime de séparation de biens*).

Chế độ biệt sản là chế độ hôn sản trong đó tài sản của vợ và của chồng để riêng, không hợp thành tài sản chung. Mỗi người phối ngẫu sẽ quản trị và có quyền sử dụng tài sản của mình.

**Biệt tằm** (*les disparus*)

Trong dân luật khi một người mất tằm tích, phải dùng

thủ tục tuyên bố thất tung để bảo vệ quyền lợi của người ấy lẫn quyền lợi của các thân thuộc hay thừa kế. Nhưng thủ tục này, mất nhiều thì giờ (x. thất tung). Vì vậy trong những trường hợp biệt tăm vì chiến sự, nhà làm luật đã dự liệu một thủ tục đơn giản hơn. Thủ tục này gồm hai giai đoạn: một giai đoạn nhằm tuyên bố ngay sự thất tung, không phải chờ sự dự đoán thất tung trong hai năm; một giai đoạn nhằm tuyên bố sự tử vong, 1 năm sau. (nghị định 17-11-1947)

### **Bình đẳng dân sự (h. bình quyền dân sự)**

*égalité civile*)

Trên nguyên tắc, tất cả mọi người đều bình đẳng trước pháp luật không phân biệt nam nữ, đảng phái hay tôn giáo. Đây là nguyên tắc bình đẳng dân sự, hay bình quyền dân tộc. Nhưng nguyên tắc này chỉ có tính cách lý thuyết, vì không thể nào có được sự bình đẳng thực sự giữa các cá nhân trong xã hội, do sự sinh trưởng trong các gia đình giàu nghèo khác nhau, hay do các điều kiện tự nhiên như sức khỏe, thông minh khác nhau... Do những sự chênh lệch trong thực tại, luật pháp đã phải trừ liệu những biện pháp để bênh vực kẻ yếu, hoặc vì lý do thiên nhiên: như sự bảo vệ quyền lợi của các người điên, thác loạn tinh thần, hay của các trẻ vị thành niên; hoặc vì lý do kinh tế, xã hội: như sự bảo vệ các người con nợ, bảo vệ các người công nhân, bảo vệ các người thuê nhà, bảo vệ các tá điền...

Quan niệm này nhằm mục đích thực hiện sự *công bằng xã hội (égalité sociale)* để xóa bỏ các sự chênh lệch hay bất công xã hội.

### **Biểu kiến (h. ngoại biểu) pháp luật (lý thuyết)**

*(théorie de l'apparence juridique).*

Đứng trước một trạng thái pháp luật, có một bề mặt hợp pháp, nếu ta muốn dị nghị hay công kích sự hợp pháp ấy, ta phải dùng thủ tục tố tụng, đem việc ấy ra tòa, chứ ta không thể đương nhiên coi trạng thái ấy như hư vô (inexistent) trên bình diện pháp lý. Thí dụ: một giá thú được kết hợp giữa hai người đồng tính hay cùng phái. Mặc dầu giá thú này không

hợp pháp, nhưng muốn tiêu hủy giá thú ấy, phải đem nội vụ ra tòa án, không thể tự ý coi giá thú giữa hai người đồng tính là hư vô (mariage inexistant) không cần đến sự tiêu hủy của tòa án.

**CHÚ Ý :** 1) Khi nào có một sự biểu kiến pháp luật, cũng cần phải có một quyết định của tòa án mới hủy phá được hiệu lực của sự biểu kiến ấy. Nguyên tắc này cần thiết cho sự duy trì trật tự trong xã hội.

2) Đối với các người đệ tam, tình trạng biểu kiến phát sinh ra các hiệu lực như một tình trạng pháp luật có thực (xem ngoại hôn và hiệu lực của ngoại hôn đối với các người đệ tam).

### **Bố cáo pháp định** (*annonces légales*)

Bố cáo do luật bắt buộc phải đăng lên báo cho công chúng biết. Thí dụ: Trong thủ tục biệt tằm, luật định rằng trích lục đơn xin tuyên bố thất tung phải đăng vào Công báo, và một tờ báo Việt ngữ được phép đăng tải các bố cáo pháp định.

### **Bổ chứng dự tiên** (*adminicules de preuve préalables*)

Theo nguyên tắc, khi luật chấp nhận cho đương sự được phép dẫn chứng một điều gì bằng nhân chứng, thường không đòi hỏi một điều kiện nào khác. Song, trong các vụ kiện về tử hệ chính thức, vì tính cách quan trọng của vụ kiện, nhà làm luật, trong bộ DLP, cũng như trong bộ DLGY, bắt buộc phải có bổ chứng dự tiên mới được phép dẫn chứng tử hệ bằng nhân chứng. Bổ chứng là những chứng cứ hỗ trợ, làm cho dễ tin thêm; dự tiên là phải xuất trình trước. Các bổ chứng dự tiên này là những sự kiện hay các tình trạng quan trọng có tác dụng bổ túc cho các nhân chứng: thí dụ như các dấu hiệu lót tã của đứa trẻ; mẩu da hay dấu hiệu về thể xác, các sự viếng thăm của người mẹ v.v...

### **Bồi thẩm dân sự** (*jury civil*),

Bồi thẩm đoàn gồm những người công dân được chọn dự vào các phiên tòa Đại Hình để xét định xem phạm nhân có phạm tội không (jury criminel); ở Việt nam, không có bồi

thẩm trong các tòa án dân sự. Trái lại, ở Anh, có bồi thẩm dân sự.

### **Bỏ phế gia đình** (*abandon de famille*)

Theo SL. 1964, (đ. 63,5°) có thể xin ly hôn, sau khi có án văn nhất định xử phạt người phối ngẫu về tội bỏ phế gia đình.

Bỏ phế gia đình là một tội đã được qui định trong luật ngày 23-7-1942 và gồm 3 trường hợp :

a) người cha hay người mẹ không có duyên cớ quan trọng bỏ cư sở gia đình hơn hai tháng và trốn tránh các nghĩa vụ về thân quyền hay về giám hộ, bất luận là nghĩa vụ tinh thần hay vật chất, sẽ bị phạt tù từ 3 tháng đến 1 năm hay phạt tiền từ 400đ. đến 8.000đ.

b) người chồng không có duyên cớ quan trọng cố ý bỏ phế người vợ hơn hai tháng tuy biết rằng người này có mang, cũng bị tội như trên.

c) người nào tuy đã bị xử phải trả dưỡng kim cho người phối ngẫu của họ vẫn cố ý không chịu trả trong quá hai tháng, cũng phải phạt như trên. Tái phạm bao giờ cũng phải phạt tù. Trong trường hợp này L.G.Đ. 1959 đã tăng thêm hình phạt (3 tháng đến 1 năm; từ 1.000đ. đến 100.000đ. hoặc một trong hai hình phạt).

Ngày nay S.L. 1964 đã hủy bỏ LGĐ. như vậy tội bỏ phế gia đình lại tiếp tục theo sự quy định của đạo luật 1942.

### **Bồi thường (kiện)** (*action en dommages - intérêts*)

Một nguyên tắc căn bản trong dân luật : khi một người nào gây một sự tổn thiệt cho người khác, do lỗi của mình dù là một lỗi bất cần, cũng phải bồi thường sự tổn hại đã gây ra.

Muốn được bồi thường, trên nguyên tắc, nguyên đơn phải chứng minh được 3 điểm, trừ khi luật minh thị miễn trừ điểm 2, và 3):

1 — một sự tổn hại.

2 — lỗi của người gây ra sự tổn hại.

3 — Sự tổn hại do lỗi này gây ra.

Trong phạm vi luật gia đình, hiện nay S.L. 1964 cũng áp dụng nguyên tắc này đối với sự kiện đòi bồi thường trong trường hợp bãi hôn. Đương sự muốn được bồi thường phải dẫn chứng:

1 — một sự thiệt hại: về vật chất như các phi tổn về sinh lễ; về tinh thần: mất danh giá, khó hỏi vợ khác (nếu là bên nhà trai).

2 — lỗi: sự bãi hôn không có lý do chính đáng.

3 — điều kiện thứ ba: sự thiệt hại do bãi hôn gây nên.

**Bút chứng** (*preuve par écrit*)

Chứng cứ bằng giấy như các chứng thư, khế ước v.v...

# C

**Các tất tường pháp** (*nul n'est censé ignorer la loi; nemo censetur ignorare legem*):

Ai cũng được coi là am hiểu pháp luật. Do nguyên tắc này, một khi người nào làm điều gì phi pháp, không thể nào viện vào lẽ không biết luật để gỡ tội, mặc dầu họ không biết nội dung luật pháp như thế nào thật.

**Cải hoán (hay hoán cải) ly thân sang ly hôn.**  
(*conversion de la séparation de corps en divorce*).

Sự cải hoán ly thân sang ly hôn mượn trong dân luật của Pháp. Tình trạng ly thân được coi như một cuộc thử thách, một tình trạng chờ đợi xem hai bên có thể quên những mối chia rẽ để đoán tụ lại không. Nếu hy vọng đoán tụ không thể thực hiện được, sau ba năm, hai bên có thể xin cải hoán ly thân sang ly hôn.

**CHÚ Ý:** a) Ly hôn sẽ được tòa phán xử trên căn bản những duyên cớ ly thân cũ; như vậy phần trái về bên nào sẽ vẫn không thay đổi.

b) Có thể xin ly hôn trước hạn 3 năm, nhưng không thể áp dụng được thủ tục cải hoán. Đây là một vụ ly hôn riêng biệt theo thủ tục ly hôn thông thường.

**Cao - Cao tổ** (*trisaieul*) = Kỳ, tức là tôn thuộc trong trực hệ trên 4 đời đối với đương sự. (sinh ra cụ).



**Cao tổ** (*bisaieul*) = Cụ, tức là tôn thuộc trong trực hệ trên ba đời đối với đương sự. (sinh ra ông) .

**Cầm cổ con cái** : Khế ước này được cổ luật thừa nhận nhưng ngày nay các khế ước này bị coi là phạm vào trật tự công cộng, có tính cách bại luân và đương nhiên vô hiệu, (đ.208 k. 1 DLB và DLT) như các khế ước bán con. (x. Bán con)

**Cấm quyền**, hay **Cấm trị sản** — (*interdiction*) (nghĩa đen : cấm không có quyền quản trị tài sản).

Phỏng theo dân luật của Pháp, Dân luật Việt Nam (DLB, DLT và DLGY) coi người điên như một người vị thành niên cần được bảo vệ. Nhà làm luật đã tổ chức sự *cấm quyền* hay *cấm trị sản* và trừ liệu sự chỉ định một người giám hộ cho người bị thác loạn tinh thần. Viên giám hộ này, do tòa án chỉ định, có nhiệm vụ trông coi nhân thân và tài sản của người điên như một người giám hộ của vị thành niên.

Trong thời kỳ cấm quyền, người điên cũng như một trẻ vị thành niên, không có năng lực pháp lý: tất cả các chứng thư do họ kết lập đều có thể bị hủy bỏ không cần phải đưa ra bằng chứng về điểm đương sự đã do các chứng thư ấy mà bị một sự thiệt thòi.

Sự cấm trị sản chỉ có hiệu lực từ ngày tuyên án, chứ không phải từ ngày có đơn xin, và chỉ chấm dứt khi có sự giải hiệu cấm quyền (*main levée de l'interdiction*) bằng một bản án, nếu người điên đã phục hồi lương trí.

### **Cấm trị sản tài phán** (*interdiction judiciaire*).

Định chế bảo vệ các người điên dưới hình thức cấm trị sản hay cấm quyền, còn được mệnh danh là cấm trị sản tài phán, để nhấn mạnh vào điểm sự cấm quyền cũng như sự giải hiệu đều do ở một bản án.

Trái với sự cấm trị sản tài phán là *sự cấm trị sản pháp định* (*interdiction légale*).

### **Cấm trị sản pháp định** (*interdiction légale*)

Sự cấm trị sản pháp định, không do một bản án, mà do

hiệu lực của luật pháp mà có. Các phạm nhân bị thể-nhục-hình (peine afflictive et infamante) như khổ sai, cấm cố, tội đồ, dù chung thân hay hữu hạn, đều bị cấm quyền pháp định. Họ không thể quản trị tài sản; sự quản trị tài sản sẽ giao cho một người giám hộ (tuteur) và một người đại nhiệm giám hộ (subrogé tuteur). Ngoài ra họ không thể đem sản nghiệp đi tặng, hay tặng đỡ, cũng không thể nhận của tặng đỡ hay đi tặng trong suốt thời kỳ bị hình phạt. (đ. 29 hình luật canh cải).

Định chế này cũng phỏng theo luật của Pháp (đ. 29 hình luật của pháp).

### **Cản trở (h. ngăn cản) giá thú đơn thường cấm chỉ** (*empêchements au mariage simplement prohibifs*)

Vì giá thú liên quan mật thiết đến gia đình và xã hội, nhà làm luật đã quy định cặn kẽ các điều kiện về nội dung và hình thức giá thú. Tuy nhiên, sự vi phạm vào các điều kiện này, không phải trong bất cứ trường hợp nào, cũng đem lại một sự chế tài duy nhất. Trái lại, nhà làm luật đã trừ liệu ba loại chế tài nặng nhẹ khác nhau: 1) sự vô hiệu tuyệt đối; 2) sự vô hiệu tương đối và nhẹ nhất là sự cản trở đơn thường cấm chỉ, (hay sự cản trở đơn thường) (*empêchement simplement prohibitif*). Trong loại chế tài thứ ba, giá thú không bị tiêu hủy, tuy các đương sự đã không tuân theo điều kiện luật định. Thí dụ: Sắc luật 1964, điều 9 quy định: Hai bên trai gái muốn lấy nhau phải có đủ điều kiện sức khỏe. Nhưng trong luật không dự liệu là nếu hai bên không đủ sức khỏe mà lấy nhau thì giá thú sẽ bị tiêu hủy. Đây chỉ là một sự ngăn cản hay cản trở đơn thường cấm chỉ.

### **Cấp dưỡng (nghĩa vụ) (*obligation alimentaire*)**

Nghĩa vụ cấp cho một người khác các phương tiện cần thiết để sinh sống. Sự cấp dưỡng này, ngoài các thứ thực phẩm, còn bao gồm tất cả những thứ gì cần thiết cho đời sống hàng ngày như nhà ở, quần áo, củi đẽ sủi v.v.,

Nghĩa vụ cấp dưỡng cũng gọi là nghĩa vụ bảo dưỡng (xem mục này).

Phần lớn các nghĩa vụ cấp dưỡng phát sinh giữa vợ chồng hay các thân thuộc bậc gần, mà một người thì túng thiếu cùng khổ, một người thì có tư lực. Người cùng khổ được cấp dưỡng là người thụ cấp (*créancier d'aliments*) người có tư lực phải cấp dưỡng là người tặng cấp (*débiteur d'aliments*)

**CHỮ Ý :** 1) Nghĩa vụ cấp dưỡng phải tương ứng với nhu cầu của người thụ cấp và tư lực của người tặng cấp. Do đó, nếu một trong hai yếu tố này thay đổi, có thể xin tòa xét định lại ngạch số cấp dưỡng,

2) nghĩa vụ cấp dưỡng có tính cách cá nhân và chỉ có mục đích duy nhất để cho người thụ cấp được sinh sống, vì vậy, các sự cấp dưỡng có tính cách bất khả sử phân (*indisponible*) bất khả di chuyển (*intransmissible*), bất khả bù trừ với bất luận món nợ nào và bất khả từ khước hay tương nhượng.

3) Tiền cấp dưỡng không thể đề diên đời được, nghĩa là không thể đề động thành một số tiền lớn rồi đòi một thể. Vì làm như vậy, người thụ cấp tỏ ra là mình đã có đủ tư lực để sinh sống và không cần đến cấp dưỡng,

4) Nếu người tặng cấp không chịu thì hành lệnh tòa cấp dưỡng cho người thụ cấp, họ có thể bị truy tố về hình sự về tội bỏ phế gia đình (xem mục bỏ phế gia-đình; bất khả xử phân, bất khả di chuyển...)

### **Cấp dưỡng (tiền) hay dưỡng kim** (*pension alimentaire*)

Khoản tiền được tòa án hay hai bên đương sự ấn định để ứng dụng cho các khoản thiết yếu về sự sinh sống của người được cấp dưỡng.

Dưỡng kim thường trả theo từng kỳ hạn (một tháng hay ba tháng hoặc sáu tháng); dưỡng kim không thể đề động lại thành một số tiền to để đòi một lần.

### **Cấp thẩm (tòa)** (*juge des référés*)

Thủ tục cấp thẩm là một thủ tục tố tụng đặc biệt để xét xử tạm thời và nhanh chóng về những khó khăn trong các vụ cấp bách hay trong các vụ thi hành bản án.

Tòa cấp thẩm chỉ gồm có một thẩm phán là chánh án tòa Sơ thẩm. Thí dụ: (rút trong chương trình năm thứ nhất cử nhân): những vụ kiện có thể đưa ra xử cấp thẩm là những khó khăn gặp trong sự thi hành mệnh lệnh của ông chánh án về các biện pháp tạm thời trong các vụ ly hôn hay ly thân: biệt cư, cấp dưỡng, giám thủ con cái... Trong khi đợi tòa án phán xét về nội dung đơn kiện, đương sự có thể xin giải quyết các khó khăn trong sự thi hành các biện pháp này bằng thủ tục cấp thẩm.

**Câu lưu** : (*emprisonnement*) Giam cầm trong nhà tù.

**Chấp hữu thân trạng** (*possession d'état*) (nghĩa đen: chấp = cầm; hữu = có; chấp hữu thân trạng = có thân trạng; hưởng dụng thân trạng).

Trong thân trạng (*éta*), các việc giá thú, sinh, tử đều phải khai và ghi trong các sổ hộ tịch. Vì vậy, trên nguyên tắc, các yếu tố cấu thành thân trạng nói trên đều phải dẫn chứng bằng các chứng thư hộ tịch. Tuy nhiên trong một số trường hợp đặc biệt, mặc dầu không xuất trình được chứng thư hộ tịch, đương sự cũng có thể dẫn chứng:

a) Tử hệ chính thức bằng sự chấp hữu thân trạng con chính thức.

b) Giá thú bằng sự chấp hữu thân trạng vợ chồng.

**Chấp hữu thân trạng con chính thức** (*possession d'état d'enfant légitime*)

Theo LGĐ (đ. 94) cũng như S.L. 1964 (đ. 112), khi không thể xuất trình được giấy khai sinh, tử hệ chính thức có thể được chứng tỏ bằng chấp hữu thân trạng.

Sự chấp hữu thân trạng được cấu tạo bằng những sự kiện chứng tỏ đầy đủ sự liên lạc tử hệ và gia tộc giữa một người với gia đình mà người ấy muốn nhận là gia đình mình. Theo lý thuyết cổ điển đã được chấp nhận từ cổ luật La Mã, sự chấp hữu thân trạng gồm ba yếu tố: *nomen* (tên họ); *trac-tatus* (sự đối xử), *fama* (sự xã hội nhìn nhận). LGĐ cũng như sắc luật 1964 đã chấp nhận lý thuyết này và quy định các

thành tố của sự chấp hữu thân trạng như sau (đ. 95 LGD và 113 SL, 1964):

1— Đương sự vẫn mang họ của người mà đương sự nhận là cha, (đây là yếu tố nomen);

2— Người cha và người mẹ vẫn coi đương sự như con chính thức và với tư cách ấy, đã cấp dưỡng, dạy dỗ, và tán thành cho đương sự, (đây là yếu tố tractatus);

3— Đối với xã hội, đương sự vẫn được coi như con chính thức;

4— Đối với gia đình của cha và của mẹ, đương sự vẫn được coi như con chính thức; (hai sự kiện (3) và (4) là yếu tố fama).

**Chấp hữu thân trạng vợ chồng chính thức** (*possession d'etat d'époux légitimes*).

Trên nguyên tắc, các giá thú phải được dẫn chứng bằng chứng thư giá thú. Nhưng đối với các giá thú đã được kết lập trước khi có sổ giá thú, hay vì sổ giá thú bị thất lạc hay phá hủy (do chiến sự chẳng hạn), án lệ chấp nhận rằng giá thú có thể được dẫn chứng bằng sự chấp hữu thân trạng vợ chồng.

Chấp hữu thân trạng vợ chồng vẫn phải gồm đủ ba yếu tố: nomen, tractatus, fama. Về cả ba phương diện này, các đương sự phải dẫn chứng là mình được coi như vợ chồng chính thức.

### **Chế tài** (*Sanction*)

Biện pháp được dự trữ trong luật như một sự trừng phạt trong trường hợp luật pháp không được tôn trọng.

### **Cheo**

Tiền hay lễ vật (chiếu, sồi, cau, trè v.v...) nhà trai phải nộp tại công sở (đình) làng nhà gái, để trình làng sự giá thú. Ngày xưa, giá thú không nộp cheo đối với dân làng không có giá trị. Tục ngữ có câu: «Cưới không cheo như kéo nghèo không móc».

Tục nộp cheo, do ở tục chằng dây mã cỏ. Khi nhà trai đến làng nhà vợ, người ta thường đem sợi dây hồng ra

chàng đòi tiền «lan nhai» (nghĩa là chặn ngõ). Nếu không nộp tiền này, họ sẽ cắt đứt dây, khiến cho cuộc hôn nhân phải xui xẻo.

Khi nộp cheo, lý trưởng thường cấp phái lai đóng triện làm bằng như một chứng thư giá thú bây giờ.

### **Cheo ngọn cỏ**

Khi người con gái mang thai (có bầu) trước khi cưới, tiền cheo thường nặng hơn; tục gọi là cheo ngọn cỏ, để tỏ sự ngay tình của người con gái đã bị người ta cưỡng hiếp.

Vì tiền cheo này thường bị các làng lạm dụng thu quá nặng, nên một đạo dụ năm Gia long thứ ba (1801) phải hạn định tiền cheo này không thể quá 30 quan đối với người con gái, và 3 quan đối với cha anh người con gái.

### **Chi phí nhật dụng trong gia đình** (*dépenses quotidiennes du ménage*)

Các khoản chi tiêu thường ngày trong gia đình. Theo S.L. 1964 (d. 48) người vợ, bất luận dưới chế độ hôn sản nào, đều có quyền thay mặt chồng về những nhu cầu nhật dụng của gia đình và dùng tiền bạc của chồng giao cho về nhu cầu ấy. Mọi hành vi của người vợ trong phạm vi này có hiệu lực kết buộc người chồng. Quyền này có thể gọi là quyền nội trợ. Song nếu người vợ lạm dụng quyền này, người chồng có thể truất quyền ấy. Tuy nhiên, sự truất quyền chỉ có thể đối dụng với các người đệ tam đã kết lập khế ước với người vợ, nếu như người vợ đệ tam đã được người chồng báo cho biết sự truất quyền ấy. Trong thực tế, trong những đô thị lớn, khó mà báo cho tất cả người đệ tam biết được sự truất quyền; vì vậy quyền người chồng truất quyền nội trợ của vợ chỉ là một quyền lý thuyết.

### **Chính thất** (*épouse légitime de premier rang*)

Người vợ chính, người vợ cả. Trước luật gia đình 1959, chế độ đa thê được ba bộ DLB, DLT và DLGY công nhận, nên ngoài người vợ cả hay chính thất, người đàn ông còn có thể lấy một hay nhiều vợ lẽ hay thứ thất. (Thất = nhà; Cũng vì

vợ, ngày trước người chồng thường quen gọi vợ bằng «nhà» kể cả khi xưng hô với người khác: «nhà tôi». Người vợ cũng dùng danh từ «nhà» để gọi chồng).

Người vợ cả bao giờ cũng ở với chồng; người vợ lẽ có thể cùng được ở với người vợ cả, nếu người này ưng thuận; nếu không phải ở riêng biệt; nhưng bàn thờ tổ tiên bao giờ cũng phải để ở nhà vợ cả. Đây cũng là một lẽ nữa để phân biệt chính thất và thứ thất.

### **Chính thức** (*légitime*)

Được luật pháp nhìn nhận là chính đáng: như con chính thức, vợ chính thức.

### **Chính thức hóa** (*légitimation*)

Một định chế để đem lại cho các con tư sinh một quy chế đầy đủ quyền lợi như con chính thức.

Khi con tư sinh được nhìn nhận, trước hay cùng một lúc với khi hai cha mẹ làm giá thú thì đứa con ấy được chính thức hóa.

Nếu sự thừa nhận con tư sinh chỉ làm sau giá thú, và hai vợ chồng muốn chính thức hóa đứa con ấy, thì phải xin tòa tuyên một bản án về điểm này. Chỉ có thể chính thức hóa nếu đứa con có thân trạng con chung của hai vợ chồng từ ngày giá thú. (đ. 131 S.L. 1964).

### **Chuẩn dân-sự-phạm** (*quasi délits*)

Chuẩn dân-sự-phạm là một hành vi bất hợp pháp gây tổn thiệt cho người khác, nhưng không có ý làm hại; thí dụ: hành vi bất cẩn (imprudence) hay lơ đãng (négligence) của một người lái xe hơi, gây tai nạn.

Trái với chuẩn dân sự phạm là dân sự phạm (x. chữ này)

### **Chuẩn khế-ước** (*quasi contrats*)

Chuẩn khế ước là một ý niệm mượn trong cổ luật La mã, bao gồm những hành vi tự nguyện, làm phát sinh ra những nghĩa vụ giống như hiệu lực của khế ước, tuy rằng không có

khế ước. Thí dụ . Sự quản lý sự vụ (gestion d'affaires) là một chuẩn khế ước. Một chủ nhà đi vắng, nhà của họ bị rột nát; nếu người láng giềng tự ý đứng ra trông nom sửa chữa hộ, tuy trong trường hợp này không có khế ước ủy nhiệm về việc này, những hành vi của người láng giềng đã phát sinh ra một chuẩn khế ước quản lý sự vụ. Chuẩn khế ước ấy phát sinh ra những nghĩa vụ tương hỗ giữa người chủ nhà và người quản lý như một khế ước, chẳng hạn người quản lý phải trông coi công việc cẩn thận cho đến khi người chủ về ; trái lại, người chủ phải trả lại người quản lý tất cả các khoản đã chi tiêu và thi hành các nghĩa vụ mà người quản lý đã ký kết.

### **Chuẩn liên đới (nghĩa vụ) (*obligation in solidum*)**

Nghĩa vụ liên đới là nghĩa vụ không có thể phân chia ra được. Khi có nhiều con nợ liên đới, người chủ nợ có thể đòi bất cứ con nợ nào tất cả số nợ. Sau khi trả xong cả toàn thể nợ, họ mới có thể yêu sách các người đồng phụ trái, mỗi người chiếu phần mình, hoàn lại số tiền mà họ đã phải ứng ra. Hình thức nghĩa vụ liên đới là một đảm bảo rất quý đối với chủ nợ, vì họ cứ nhắm vào con nợ nào có nhiều tư lực nhất thì đòi cả số nợ, không lo có những con nợ thiếu tư lực, không đủ tiền trả. Theo luật, nghĩa vụ liên đới phải do các đương sự minh thị nhận rõ trong khế ước hay do luật định.

Ngoài những nghĩa vụ liên đới, có một số trường hợp, mặc dầu không được các đương sự minh thị ước định hay luật qui định về tinh cách liên đới của nghĩa vụ, song cũng phát sinh các nghĩa vụ tương tự : người chủ nợ được quyền yêu sách bất luận người phụ trái nào cũng phải thi hành toàn thể nghĩa vụ hay trái vụ. Các trường hợp liên đới này gọi là nghĩa vụ chuẩn liên đới. Thí dụ : ở Pháp, theo án lệ, nghĩa vụ cấp dưỡng có tính cách chuẩn liên đới, vì được đặt trên cơ sở của tình đoàn kết trong gia đình, mặc dầu không có điều luật nào quy định tinh cách liên đới này.

**CHÚ Ý :** Ở Việt-Nam, nhà làm luật đã qui định minh thị tinh cách bất liên đới của nghĩa vụ cấp dưỡng (đ. 725 DLB và 772 DLT.) : « Khi nghĩa vụ cấp dưỡng cho nhiều người thân thuộc đồng bậc phải chịu, thì phải chung nhau mà chịu, tùy theo tư lực của mỗi người ». Như vậy, án



lệ Việt-Nam không thể chấp nhận được quan điểm án lệ của Pháp nói trên.

### **Chức thư (testament)**

Một chứng thư pháp luật đơn phương, trong đó người lập chúc (người làm ra chúc thư) định đoạt các tài sản của mình để cho ai, sau khi chết. Chúc thư là một chứng thư có tính cách khả hải. Người lập chúc, cho đến khi chết, có quyền luôn luôn thay đổi ý định trong chúc thư.

### **Chú giải (phương pháp) (méthode de l'exégèse)**

Phương pháp chú giải luật pháp là một phương pháp cổ điển căn cứ vào sự chú thích văn từ đạo luật để làm sáng tỏ ý chí nguyên thủy của nhà làm luật để giải thích đạo luật.

Chú thích gia trước hết phải đặt mình vào địa vị một sử gia, nghiên cứu các công trình dự bị trong việc tu soạn đạo luật như các biên bản các cuộc thảo luận tại quốc hội, tờ trình các lý do về dự luật v.v...

Chú thích gia cũng phải chú trọng đến lịch sử chính trị và xã hội lúc ban hành đạo luật.

Ngoài ra, chú thích gia phải áp dụng các phương pháp suy luận thông thường để tìm rõ ý chí của nhà làm luật :

Ngoài ra, chú thích gia phải áp dụng các phương pháp suy luận thông thường để tìm rõ ý chí của nhà làm luật :

a) phương pháp suy luận loại tỷ (raisonnement par analogie)

b) phương pháp suy luận đối nghịch (raisonnement a contrario)

c) phương pháp suy luận qui nạp và suy diễn (raisonnement par induction et déduction).

### **Chủ hôn**

Trong hôn lễ, theo cổ luật và tục lệ, phải có vị chủ hôn. Điều 94 luật Gia long qui định : «Việc giá thú phải do ông bà cha mẹ đứng làm chủ hôn ; nếu ông bà cha mẹ đều không còn, các bà con khác đứng chủ hôn. Đối với đàn bà goá đem con đi tái giá, nếu con gái lấy chồng, thì người mẹ đứng chủ

hôn ». Đứng chủ hôn không những là ưng thuận việc cưới xin của con mình, còn đứng ra điều khiển thu xếp tất cả mọi vấn đề. Nói tóm lại, trong cổ luật và cổ tục, giá thú được coi như sự kết thân của hai gia đình hơn là của hai bên trai gái lấy nhau. Vì vậy mọi sự đều do cha mẹ định liệu cả; hai bên vợ chồng chưa cưới chỉ đóng một vai trò thụ động.

### **Chủ văn (trong bản án) (dispositif du jugement)**

Phần án văn trong đó tòa án tuyên phán các quyết định của tòa về các vấn đề tương tranh — (xem: mẫu án văn trong phần án lệ).

### **Chứng cứ (preuve)**

Các phương tiện hay bằng chứng mà các người đi kiện phải xuất trình trước tòa để làm căn cứ cho những quyền lợi của mình: thí dụ: các khế ước, các chứng thư, các nhân chứng v.v.,..

**CHÚ Ý:** Một nguyên tắc căn bản trong sự dẫn chứng là tục dao la tinh *Actori incumbit probatio* = gánh nặng dẫn chứng do nguyên đơn phải đảm nhiệm. Nói khác đi, khi nguyên đơn thỉnh cầu tòa điều gì, thì phải dẫn chứng các điều ấy.

(Người ta thường dùng lầm danh từ « chứng cứ » thay « chứng cứ »).

### **Chứng minh thư, giấy chứng minh (certificat)**

Giấy chứng nhận làm bằng.

### **Chứng minh tiền hôn (giấy) (certificat pré-nuptial)**

Để bảo vệ sức khoẻ cho các con cái do giá thú sinh ra, luật pháp tại nhiều quốc gia bắt buộc hai bên vợ chồng chưa cưới phải có đủ điều kiện về sức khoẻ. Họ phải xuất trình một giấy chứng minh tiền hôn do y sĩ cấp để chứng tỏ là đã được y sĩ khám để làm giá thú.

Ở Pháp, y sĩ phải chiếu điện và thử cả máu cho đương sự, nhưng chỉ cho đương sự biết riêng kết quả mà không biên vào giấy chứng minh tiền hôn.

Giải pháp này có mục đích tôn trọng tự do cá nhân, dành cho đương sự trách nhiệm giải quyết vấn đề lương tâm có nên làm giá thú hay không, một khi đã biết rõ các kết quả nói trên.

Ở Na-Uy và Thụy Điển nhà làm luật chấp nhận một giải pháp mềm dẻo hơn nữa : các đương sự chỉ cần lấy danh dự khai là mình không mắc bệnh nguy hiểm và đây cũng là giải pháp đã được chấp nhận trong S.L. 1964 (điều 25).

### **Chứng thư, Chứng thư pháp luật (*actes juridiques*).**

Chứng thư pháp luật, thường gọi tắt là chứng thư (*acte*) là một bản văn ghi một sự kiện, một hợp ước, hay một nghĩa vụ để làm bằng chứng trước pháp luật.

*CHÚ Ý :* Trong danh từ pháp lý của Pháp, chữ *acte* có hai nghĩa :

— *Acte* chỉ các chứng thư pháp luật vừa kể trên.

— *Acte* còn chỉ các hành vi phát sinh ra một hiệu lực về phương diện pháp lý, để thay đổi tình trạng pháp lý hiện tại. Hành vi này có thể là một hành vi đơn phương như chúc thư hay song phương như một kế ước.

Vì vậy, để phân biệt hai trường hợp trên, nhiều khi người ta đã dùng danh từ *acte negotium* để chỉ hành vi pháp luật và danh từ *acte instrumentum* để chỉ chứng thư pháp luật cũng gọi là văn thư cụ chứng. Chứng thư pháp luật chia làm nhiều loại : sự chia loại quan trọng nhất phân biệt chứng thư tư thư và chứng thư công chính (x. các danh từ này).

**Chứng thư công tri thế vì chứng thư hộ tịch.** (*acte de notoriété tenant lieu d'acte d'état civil*).

(Nghĩa đen : công tri : được mọi người đều biết)

Trên nguyên tắc, thân trạng phải dẫn chứng bằng các chứng thư hộ tịch (x. hộ tịch). Nhưng gặp trường hợp chưa lập sổ hộ tịch, hoặc sổ hộ tịch bị mất hay bị tiêu hủy, đương sự có thể dẫn chứng bằng chứng thư công tri do các nhà có thẩm quyền kiến lập.

### **Chứng thư công chính** (*acte authentique*)

Chứng thư công chính là những chứng thứ do một viên công lại có thẩm quyền (officier public compétent) lập ra như viên công chứng hay chưởng khế (notaire), lục sự (greffier), thừa phát lại (huissier) hộ lại (officier de l'état civil), theo những thể thức do luật qui định. Thí dụ: việc mua bán bất động sản (nhà, đất...) hôn ước, chứng thư hộ tịch phải làm bằng hình thức chứng thư công chính.

Chứng thư công chính có tin lực rất lớn, người ta thường nói, muốn đánh đổ tin lực của chứng thư công chính phải dùng tới thủ tục đăng cáo giả mạo (procédure d'inscription de faux); thủ tục này là một thủ tục vừa khó khăn, vừa kéo dài lại thêm nguy hiểm (x. đăng cáo giả mạo).

*CHÚ Ý: 1) Tuy nhiên, không phải rằng thủ tục đăng cáo giả mạo phải được áp dụng để đánh đổ tin lực của bất cứ điều nào trong công chính chứng thư. Sự thực, cần phải phân biệt giữa các điều mà chính viên nhiệm lại đã chứng kiến, mắt thấy, tai nghe, và đã ghi theo những điều nhận xét vào trong chứng thư với các điều mà viên ấy chỉ ghi theo những lời khai của đương sự mà không thể bản thân nhận xét được. Chỉ riêng đối với các điều trong loại thứ nhất mới cần dùng thủ tục đăng cáo giả mạo. (x. chứng thư hộ tịch).*

2) Về hình thức, các chứng thư công chính có thể do viên công lại lập dưới hai hình thức, tùy trường hợp:

— các chứng thư chính cấp, hay chứng thư đơn bằng (*acte en brevet*): các chứng thư này được lập thành chính bản giao ngay cho các đương sự.

— các chứng thư nguyên cáo (*acte en minute*) bản chính hay nguyên cáo do viên công lại lập ra lưu giữ ở trong văn phòng của mình, và chỉ cấp cho các đương sự một bản toàn sao thường (*une expédition*) hay một phó bản đại tự (*une grosse*), gọi như vậy vì viết chữ lớn.

### **Chứng thư hộ tịch** (*actes de l'état civil*)

Chứng thư có tính cách công chính dùng làm bằng chứng cho các sự sinh, tử, và giá thú.

Có ba loại chứng thư hộ tịch: chứng thư giá thú, chứng thư khai sinh và chứng thư khai tử.

Các sổ hộ tịch do hộ lại phụ trách ghi chép và lưu giữ ở các xã, hay thị xã, tỉnh (x. hộ tịch). Khi cần đến, ai cũng có thể xin một bản trích lục các chứng thư hộ tịch.

**CHÚ Ý:** 1- Các chứng thư hộ tịch do hộ lại lập nên có tính cách công chính (acte authentique); như vậy, trừ những trường hợp xin tòa án cải chính hay điền bổ, phải dùng thủ tục đăng cáo giả mạo mới có thể dị nghị tin lực của các chứng thư ấy. Tuy nhiên, không phải thủ tục này phải được áp dụng khi người ta muốn công kích bất luận điều gì trong chứng thư hộ tịch. Phải phân biệt hai loại điều được ghi chép trong các chứng thư ấy:

a) Đối với các điều mà chính viên hộ lại đã đích thân kiểm nhận là đúng, phải áp dụng thủ tục đăng cáo giả mạo; vì trong trường hợp này, người ta muốn dị nghị sự thành thật của chính viên hộ lại.

b) Đối với các lời khai của đương sự mà viên hộ lại chỉ ghi chép không thể kiểm soát được (như lời khai tên bố, mẹ, ngày sinh v.v...), người ta chỉ cần dẫn phân chứng bằng các phương sách thông thường, nếu muốn dị nghị các điều này.

Trong trường hợp này, người ta chỉ dị nghị sự thành thật của những tư nhân đã khai các điều ấy với hộ lại, vì vậy không phải áp dụng thủ tục đăng cáo giả mạo.

2- Các chứng thư hộ tịch có thể dùng, đề dẫn chứng thân trạng của đương sự bất cứ đối với ai, và ngược lại bất luận ai cũng được dùng phương sách ấy đề dẫn chứng; vì vậy ai cũng có thể xin được các trích lục về các chứng thư giá thú, chứng thư khai sinh, chứng thư khai tử.

3- Một chứng thư hộ tịch chỉ bị coi là vô hiệu nếu thiếu sót một thể thức gì liên quan đến bản chất hay có một sự sai lầm thiết yếu (formalité ou erreur substantielle): thí dụ: chứng thư khai tử của một người hiện còn sống, chứng thư ghi một giá thú không có thực. Những chứng thư này vô hiệu.

Ngoài ra, Án lệ coi ba thể thức sau đây như thiết yếu:

1- Chứng thư hộ tịch phải do viên hộ lại (hay người được viên ấy ủy nhiệm) tạo lập.

2- Chứng thư phải được ghi chép trong sổ hộ tịch, không được ghi trên giấy rời.

3- Chứng thư phải được ghi ngay lúc đương sự khai với họ lại.

Thiếu một trong ba điều kiện nào trên này, chứng thư sẽ vô hiệu. Trái lại, những sự sai nhầm về tên, họ, tuổi hay địa chỉ mà không thể làm sai lạc căn cước của đương sự thì không mang lại sự vô hiệu của các chứng thư hộ tịch. Hơn nữa, theo án lệ của Pháp, tuy thiếu một thể thức liên quan đến bản chất của chứng thư, nhưng nếu các đương sự ngay tình tin rằng chứng thư ấy có giá trị, thì chứng thư cũng không vô hiệu: *Error communis facit jus* (nếu mọi người đều lầm cả, thì không có sự vi pháp). (xem Dân luật lược giảng).

### **Chứng thư giá thú (acte de mariage)**

Chứng thư ghi sự giá thú, do viên hộ lại lập tại công sở nơi cư trú của nam hay nữ.

**CHÚ Ý:** a- Trước khi làm giá thú, phải niêm yết tại công sở nơi cư trú của người đính hôn 10 ngày liền. Hôn lễ chỉ có thể cử hành sau thời hạn này; ngày niêm yết không tính vào trong thời hạn 10 ngày. Sau khi cử hành hôn lễ, hộ lại phải lập chứng thư giá thú vào sổ giá thú.

b- Chứng thư giá thú phải ghi :

- 1) Họ, tên tuổi, nghề nghiệp nơi và ngày tháng năm sinh, nơi cư trú của hai vợ chồng;
- 2) Họ, tên, tuổi, nghề nghiệp, nơi cư trú của cha mẹ nếu có. Nếu cha mẹ mệnh một thì phải ghi;
- 3) Sự ưng thuận của ông bà, cha mẹ hay người giám hộ trong trường hợp sự ưng thuận ấy cần thiết;
- 4) Lời khai ưng thuận kết hôn của hai bên đương sự và lời tuyên bố họ thành hôn của viên chức hộ tịch;
- 5) Tên, họ, tuổi nghề nghiệp và nơi cư trú của những nhân chứng.
- 6) Lời khai có lập hôn khế hay không và nếu có phải ghi ngày lập hôn khế và tên, địa chỉ của viên chức khế.

c- Ngoài lễ chứng thư giá thú, phải ghi những sự thay đổi về tình trạng giá thú. Nếu sau này có xảy ra việc ly hôn, ly thân, hay sự đoàn tụ sau khi ly thân, những sự kiện ấy phải ghi vào lễ.

**Chứng thư khai sinh** (*acte de naissance*).

Chứng thư do viên hộ lại lập để ghi sự khai sinh cho một đứa trẻ.

**CHÚ Ý:** a) Sự khai sinh phải do các người sau này đứng khai, trong thời hạn 8 hôm (DLB, DLT) và 1 tháng (ở Nam): người cha, hoặc nếu người cha đi vắng hay không nhận đứa con, thì những người thân thích trong gia tộc, hay người láng giềng cùng những người chứng kiến phải khai.

b) Nếu gặp trẻ sơ sinh vất bỏ, phải đem trình hộ lại với tất cả tờ lót, quần áo, đồ vật có thể giúp cho sự tìm kiếm căn cước đứa trẻ sau này; phải thuật lại cho hộ lại biết là thấy đứa trẻ ở chỗ nào, lúc nào... Hộ lại phải ghi tất cả các điều ấy vào sổ khai sinh, ước đứa bé bao nhiêu tuổi, con trai hay con gái, đặt tên cho nó rồi ghi chú các điều ấy vào sổ.

c) Sổ khai sinh phải ghi các điều sau:

- Ngày tháng và năm khai sinh
- Ngày tháng và năm đẻ
- Con trai hay con gái
- Tên họ đứa bé
- Tên họ, chức nghiệp, chỗ ở của người cha, và nếu có, giá thú của người cha.
- Tên họ, chức nghiệp, chỗ ở của người mẹ, trừ khi nào không biết (trường hợp con đẻ hoang, mà người khai muốn dấu tên người mẹ, để tránh sự chê cười cho người này).
- Họ, tên, tuổi, chức nghiệp chỗ ở người đứng khai và người làm chứng.

d) Bên lề chứng thư khai sinh cũng phải ghi vào những sự kiện có thể thay đổi tình trạng tử hệ của đứa trẻ: sự đổi tên; sự nhìn nhận nếu là con đẻ hoang; tên cha mẹ mà lúc khai sinh không biết, sau này biết được, vì cha mẹ nhìn nhận; sự mệnh một. Ngoài ra, theo SL. 1964, phải ghi cả giá thú, án ly hôn, án khước tử phụ hệ, sự nghĩa dưỡng.

**Chứng thư khai tử** (*acte de décès*).

Chứng thư khai tử do hộ lại lập trong sổ khai tử.

**CHÚ Ý:** Sự khai tử phải làm trong thời hạn ba ngày.

a) Những người chứng kiến sự chết phải khai với hộ lại. Giấy cho mai táng, do hộ lại phát không mất tiền và chỉ cho giấy mai táng 12 giờ đồng hồ sau khi chết (trừ khi chết vì bệnh truyền nhiễm như dịch tả..., thì cho mai táng ngay).

b) Chứng thư khai tử phải biên tên họ, chức nghiệp, người chết và nếu biết, ngày và nơi sinh của người chết, họ tên cha mẹ người ấy và ghi cả người ấy có giá thú hay không.

c) Gặp thân chết vô thừa nhận, phải lập tức báo ngay cho hộ lại, hộ lại phải thân đến khám, hỏi cho biết căn cứ để ghi vào sổ khai tử, rồi cho phép mai táng. Nếu có vết là bạo tử, hộ lại phải trình báo các nhà chức trách hành chánh và tư pháp cho phép mai táng.

**Chứng thư nghĩa dưỡng** (*acte d'adoption*) x. khế ước nghĩa dưỡng (*contrat d'adoption*)

**Chứng thư nhìn nhận con tự sinh** (*acte de reconnaissance d'enfant naturel*)

a— sự nhìn nhận con tự sinh có thể ghi ngay trong chứng thư khai sinh. nếu cha mẹ nhìn nhận đứa con tự sinh ngay lúc khai sinh.

b— chứng thư nhìn nhận cũng có thể làm sau khi khai sinh bằng một chứng thư công chính riêng biệt.

**Chứng thư phản kháng giá thú** (*acte d'opposition au mariage*)

Trong thời gian niêm yết công bố giá thú dự định, các người đệ tam có quyền phản kháng giá thú theo các điều kiện luật định. (x. phản kháng giá thú)

Chứng thư phản kháng phải do thừa phát lại tổng đạt đến cho hai đương sự và để lại cho họ bản sao như thường lệ. Người phản kháng hay người thụ ủy có công chứng ủy quyền đặc biệt phải ký tên trên bản chính chứng thư phản kháng.



Người phản kháng phải tuyền định trú quán hay cư sở ở nơi cử hành hôn lễ.

Ngoài ra, chứng thư phản kháng phải ghi tư cách (cha mẹ, bà con, hay vợ, chồng...) cùng điều luật cho phép phản kháng.

### **Chứng thư trọng thức** (*acte solennel*)

Có một số chứng thư quan hệ phải làm theo thể thức luật định, hoặc phải nhờ công chứng viên (h. chứng khế). Thiếu các thể thức luật định, chứng thư sẽ vô hiệu tuyệt đối; vì vậy gọi là chứng thư trọng thức. Sở dĩ luật pháp phải tôn trọng các hình thức ấn định trong luật là để bảo vệ quyền lợi cho đương sự, và lưu ý đương sự về tích cách quan trọng của những chứng thư ấy.

**Chứng thư tư thụ** (*acte sous seing privé*) (nghĩa đen: tư = riêng; thụ = ký)

Chứng thư các đương sự ký kết riêng với nhau không có sự chứng kiến hay tham dự của công lại hay nhà chức trách. Không phải theo hình thức nào nhất định, loại chứng thư này rất thông thường trong đời sống thường ngày. Tuy không có sự chứng kiến của các công lại, nhưng cũng có giá trị để làm bằng chứng cho các sự kết ước hay các nghĩa vụ, cho đến khi đối phương dẫn được phản chứng bằng đủ mọi phương tiện (thí dụ: chữ ký giả mạo; tuy có khế ước, nhưng nghĩa vụ đã thi hành rồi, hoặc món nợ đã trả rồi v.v...)

**CHÚ Ý:** a) Trong chứng thư tư thụ, chữ ký là yếu tố cần thiết. Không có chữ ký, chứng thư sẽ vô hiệu cần nhớ không nên ký tên sẵn vào một tờ giấy để trắng bao giờ (khổng thụ) vì rất nguy hiểm, cho người ký: người ta có thể điền vào khoảng trống những nghĩa vụ hay những món nợ quan trọng.

b) Các chứng thư tư thụ, trong đó một bên đương sự cam kết trả một số tiền, phải được viết hoàn toàn bằng chính tay con nợ hay ít nhất trước khi ký, con nợ phải ghi nhận: « Nhận đúng là... (ghi số tiền), đã đọc và ưng thuận » (*Bon pour... , lu et approuvé*). Số tiền không được biên bằng chữ số mà phải biên rõ hết bằng chữ. Trường hợp, cam kết một nghĩa vụ quan trọng (giao hàng như một nghìn tấn gạo...) cũng phải làm như vậy.

c) Vì chứng thư tư thư làm giữa các đương sự với nhau, nên ngày lập chứng thư chỉ có thể đối kháng với các người đệ tam trong ba trường hợp :

- Kê từ ngày chứng thư được trước bạ (*enregistrement*)
- Kê từ ngày nội dung chứng thư được xác nhận trong một chứng thư công chính.
- Kê từ ngày một trong các đương sự đã ký kết chứng thư tư thư đã mệnh một.

### **Chứng khố** (*notaire*).

(Cũng gọi là *công chứng viên hoặc nô te*). (Chứng khố nghĩa đen là người giữ các khế ước). Chứng khố là một viên công lại (*un officier public*) có nhiệm vụ cấp các chứng thư hay các khế ước mà các đương sự muốn có tính cách công chính như các chứng thư của công quyền, như các chứng thư công chính khác, chứng thư do chứng khố lập có ngày tháng xác thực (*date certaine*) có thể đối kháng với mọi người.

Thí dụ : sự nhìn nhận một đứa trẻ tư sinh sau khi khai sinh phải làm bằng một chứng thư công chính; có thể nhờ chứng khố để làm chứng thư ấy.

Sở dĩ gọi là chứng khố, vì bản chính do viên chứng khố lưu giữ, chỉ cấp bản toàn sao (*expédition*) hay bản đại tự (*grosse*).

**Con hoang** (*enfant naturel*) x. Con ngoại hôn.

**Con loạn luân** (*enfant incestueux*)

Con sinh trong một gia đình mà cha mẹ đối với nhau là bà con thân thuộc gần, trong thân đẳng (*degré de parenté*) mà luật cấm không được kết hôn với nhau.

**Con ngoại hôn** (*enfant naturel hay enfant né hors mariage*)

Con sinh ra mà cha mẹ không có gia đình. Cũng gọi là con hoang hay con tư sinh.

Các cha hay mẹ có thể nhìn nhận con hoang nếu không phải là con ngoại tình (*enfant adultérin*) hay con loạn luân

(enfant incestueux), (x. nhìn nhận).

Muốn cho con ngoại hôn được có một qui chế như con chính thức, cha mẹ có thể chính-thức-hóa đứa trẻ ấy (x. chính thức hóa).

### **Con ngoại tình** (*enfant adultérin*).

Tuy đã có giá thú, mà có con với một người đệ tam, chứ không phải với người phối ngẫu là có con ngoại tình. Theo sự quy định hiện tại, vì chế độ đa thê đã bị bãi bỏ, sự ngoại tình của chồng hay của vợ cũng đều bị nghiêm cấm. Do đó hiện nay *con ngoại tình về đảng cha* (*enfant adultérin a patre*) hay *con ngoại tình về đảng mẹ* (*enfant adultérin a matre*) cũng không được nhìn nhận. (Ngày trước, với sự qui định của hai bộ DLB, DLT và theo án lệ ở Nam), con ngoại tình về đảng cha có thể được nhìn nhận. Luật chỉ cấm không được nhìn con ngoại tình về đảng mẹ).

### **Con riêng của vợ hay của chồng** (*beau-fils*).

Người vợ hay người chồng trước khi cưới nhau đã có một giá thú với một người khác; nhưng giá thú này đã bị đoạn tiêu, hoặc vì ly hôn hoặc bị tiêu hủy, hoặc vì người phối ngẫu mệnh một. Nếu trong giá thú trước, họ đã có con thì những người con ấy là con riêng của vợ hay của chồng.

**CHÚ Ý:** Các người con này không phải là con hoang mà cũng không phải là con ngoại tình, vì họ được sinh ra trong khi cha mẹ của họ còn ở trong tình trạng vợ chồng có giá thú.

Con riêng của vợ gọi chồng sau là *dượng*; con riêng của chồng gọi vợ sau là *mẹ ghê* hay *đì ghê*.

**Con tự sinh** (*enfant naturel*) tức là con ngoại hôn (xem chữ ngoại hôn)

**CHÚ Ý:** Nhiều khi, người ta dùng danh từ *con tự sinh* hay *con ngoại hôn* theo một nghĩa tổng quát để chỉ tất cả các con sinh ngoài vòng giá thú. Hiểu như vậy, các con ngoại hôn hay tự sinh có thể chia ra làm hai loại:

1- Các con tự sinh thường (*enfant naturel simple*) khi cả hai cha hay mẹ đều chưa có giá thú.

2- Các con ngoại tình (*enfant adultérin*) nếu người cha hay người mẹ đã có gia thú mà lại có con với một người khác chứ không phải với người phối ngẫu.

**Công bằng xã hội** (*justice sociale*) : x Bình đẳng dân sự

**Công bố** (*publier*)

Thực hiện biện pháp cần thiết để cho mọi người biết một bản án hay một đạo luật hoặc một văn kiện lập quy, bằng cách đăng báo, niêm yết v.v...

**Công bố bản án** (*publier un jugement*)

Bản án một khi đã do tòa xử, thường không bắt buộc phải công bố cho các người khác biết. Nếu có những tạp chí pháp lý đăng một số bản án, chẳng qua không ngoài mục đích khảo cứu án lệ mà thôi, không phải là điều bắt buộc.

Nhưng trong một số trường hợp, vì bản án có một tầm hiệu lực quan trọng, cần để cho nhiều người biết, nên luật bắt buộc đương sự phải công bố bản án. Thí dụ: theo điều 80 SL, 1964, án lý hôn phải công bố vào một tờ báo xuất bản ở nơi tòa án tọa vị hoặc nơi gần nhất.

**Công bố một đạo luật hay một bản văn lập quy**  
(*publier une loi ou un règlement*)

Luật cần phải công bố cho dân chúng biết để tuân theo sau khi ban hành. Không nên nhầm sự ban hành (*promulgation*) với sự công bố (*publication*) một đạo luật. (xem: Ban hành)

Thông thường, sự công bố được thực hiện bằng cách cho in vào trong Công báo Việt nam Cộng hòa (*journal officiel*) nhưng cũng có thể công bố bằng cách niêm yết hay đăng thông cáo trong báo chí, trong trường hợp khẩn cấp.

Thủ tục công bố này cũng áp dụng cho các bản văn lập quy (*règlement*)

Luật 5/59 ngày 17-1-1959 đã ấn định thủ tục công bố và thi hành các văn kiện có tính cách lập pháp và lập quy. Các bản văn ấy có hiệu lực:

— ở Saigon, một ngày trọn sau ngày đăng vào công báo.

— tại các thành phố và tỉnh lỵ, một ngày trọn sau khi số công báo có đăng các văn kiện ấy tới thành phố hay tỉnh lỵ.

— tại các nơi khác, ba ngày trọn sau ngày tòa Tỉnh trưởng nhận được số công báo có đăng những văn kiện ấy!

— Trong trường hợp khẩn cấp, các văn kiện có hiệu lực từ ngày niêm yết hay đăng thông cáo trên báo chí.

Luật 5/59 chỉ qui định một quy tắc. Quy tắc này cũng có biệt lệ. Trong một đạo luật, nhà làm luật có thể dự trừ, trong một điều khoản đặc biệt, rằng đạo luật được thi hành ngay từ ngày công bố. Thí dụ; điều 19 của dụ 2-4-1953 ấn định giá thuê nhà ở, làm thủ công hay nghề nghiệp đã định như vậy. Điều 8 k 2. SL. 8-10-1965 qui định quyền liên mãi của người thuê nhà, cũng đã dự liệu sự công bố theo thủ tục khẩn cấp.

**Công chứng viên** (*notaire*) cũng gọi là chưởng khế. (x. chưởng khế) (nghĩa đen: viên chức đứng làm công chứng để đem lại cho các chứng thư do viên ấy lập tính cách công chính)

**Corpus juris canonici** (*droit canonique*) Bộ Pháp điển của Giáo hội.

**Corpus juris civilis** (*droit civil ngày xưa là droit romain*) Bộ Pháp điển La Mã.

**Creditur virgini praegnant!** Tục dao la tinh: phải tin lời người con gái đã mang thai (có bầu).

Trong cổ luật của Pháp, sự tìm phụ hệ tư sinh cho các con đẻ hoang rất dễ dàng vì tòa án căn cứ vào tục dao trên và bao giờ cũng tin lời khai của người con gái chữa hoang. Tòa án xác nhận tử hệ theo lời khai ấy.

**Cưỡng bách** (*contrainte*)

Khi lập một chứng thư pháp luật hay ký kết một khế ước, một điều kiện căn bản là ý chí hay sự ưng thuận của các

đương sự phải không bị hà hi (đấu vết). Một trong những sự hà hi của sự ưng thuận là sự cưỡng bách.

Đối với giá thú, nhà làm luật cũng coi sự cưỡng bách như một sự hà hi; nhưng vì nhà làm luật không định nghĩa riêng biệt, nên muốn hiểu ý niệm này, phải áp dụng định nghĩa tổng quát của ý niệm cưỡng bách trong địa hạt khế ước. (đ. 66. DLB và 690 DLT.)

Theo ý niệm này, sự cưỡng bách phát sinh ở mỗi nguy hiểm lớn, có tính cách hiện thời hay sắp xảy tới, đe dọa tài sản hay chính thân người đương sự hoặc một thân nhân. Song, lòng úy kính (*crainte révérentielle*), nghĩa là sự kính sợ các bậc ông bà, cha mẹ không được luật pháp coi như một sự cưỡng bách (đ. 662 DLB, và 698 DLT).

### **Cư sở (domicile)**

Cư sở là nơi: « có cơ sở cốt yếu » (*principal établissement*) (đ. 49 DLB và 51 DLT), nghĩa là nơi mình có nhiều quyền lợi nhất. Cũng gọi là trú quán

Trên nguyên tắc, nếu một người nào không có một nơi rõ rệt tập trung các quyền lợi của họ để có thể coi là cư sở, thì cư sở của người ấy được coi ở tại nguyên quán, nơi người ấy sinh ra, vì tại chỗ ấy, họ có nhiều liên lạc nhất với bà con, láng mạt và do đó có nhiều quyền lợi nhất.

### **Cư sở pháp định đặc biệt (domicile légal exceptionnel)**

Trong luật, có qui định vài loại cư sở pháp định đặc biệt:

1— Cư sở của người chồng là cư sở của vợ vì vợ chồng có nghĩa vụ đồng cư, và chồng có quyền chọn cư sở hôn nhân (xem chữ này).

2— Cư sở của vị thành niên ở tại cư sở của cha mẹ, hay của giám hộ.

3— Cư sở của người thành niên bị cấm quyền cũng ở tại cư sở của giám hộ.

4— Cư sở của các gia nhân hay các người công nhân

thường ở với chủ là cư sở của người chủ.

### **Cư sở hôn nhân** (*domicile conjugal*)

Nơi cư sở của hai vợ chồng, do chồng chọn (xem nghĩa vụ đồng cư).

### **Cư sở phụ** (*domicile secondaire*)

Trên nguyên tắc, mỗi người chỉ có thể có một cư sở.

Tuy nhiên, để cho các việc giao thương được nhanh chóng, nếu các nhà kỹ nghệ, thương mại có nhiều chi điểm, thì chi điểm ở nơi nào, tức là có cư sở ở nơi ấy để thi hành các nghĩa vụ trong thương mại hay kỹ nghệ của mình. Các giấy má trong các việc kiện tụng chẳng hạn có thể tổng đạt đến nơi ấy. Các cư sở này là cư sở phụ. (đ. 55 DLB, 57 DLT)

### **Cư sở tuyển trách** (**h. Cư sở tuyển định**)

(*domicile élu*)

Các đương sự có thể đình ước với nhau để định một nơi làm cư sở riêng, khác với cư sở thực sự, cho tiện việc thi hành các nghĩa vụ đối với nhau.

Một người có việc kiện tụng cũng có thể chọn văn phòng của luật sư làm cư sở để tiện việc tổng đạt các giấy má. Các cư sở này gọi là cư sở tuyển định hay tuyển trách.

**CHỮ Ý:** Phạm vi hiệu lực của sự tuyển định cư sở bị giới hạn về ba phương diện.

1- Sự tuyển trách phải có sự thỏa thuận của các đương sự.

2- Sự tuyển trách chỉ có giá trị đối với các đương sự, không thể đem đối dụng với các người đệ tam. Đối với những người này, họ chỉ biết có cư sở thực sự.

3- Sự tuyển trách chỉ có hiệu lực đối với việc nhân đó mà các đương sự đã tuyển định cư sở. Ngoài việc này, cư sở của đương sự vẫn không thay đổi.

### **Cư sương** (**thời hạn**) (*délai de viduité*)

Để tránh sự hỗn loạn tử tức, (confusion de part) người

quả phụ không thể lấy chồng được ngay khi chồng chết. Vì thời gian tối đa của sự thụ thai là 300 ngày, nếu người quả phụ làm giá thú trước thời hạn ấy, mà có thai, người ta không thể biết là đã có thai với chồng trước hay với chồng sau. Vì vậy luật bắt phải chờ đợi 300 ngày sau khi chồng chết, mới cho tái giá. Thời hạn 300 ngày hay 10 tháng gọi là thời hạn cư song (nghĩa đen: thời hạn ở góa không lấy chồng, cũng gọi là thời kỳ ở vậy)

Thời kỳ cư song có thể được hiểu theo nghĩa rộng và áp dụng vào hai trường hợp :

a— Trường hợp các quả phụ ( đã phân tích ở trên );

b— Trường hợp các hôn thú đã bị xử tiêu hay ly hôn: người đàn bà chỉ có thể tái giá 10 tháng sau khi có án tiêu hôn hay ly hôn. Đây là giải pháp của luật gia đình 1959, điều 32.

Trong sắc luật 1964, điều 87, đã quên không qui định trường hợp tái giá của người quả phụ và trường hợp tái giá của người đàn bà sau khi giá thú bị tiêu hủy, và chỉ quy định có trường hợp ly hôn, bắt người đàn bà chỉ được tái giá, 300 ngày, sau án lệnh của chánh án cho phép ở riêng. Tuy nhiên có một trừ lệ: nếu sau khi có án ly hôn, người đàn bà sinh con thì có thể tái giá ngay, mặc dầu thời hạn 300 ngày chưa mãn; vì nếu sau giá thú người ấy lại có thai, thì chắc chắn không phải là có thai với người chồng mà người ấy vừa ly dị.

Sự khiếm khuyết của đ. 87 SL. 1964 có thể làm phát sinh ra các sự hỗn loạn tử tức và phân tranh phụ hệ (conflict de paternités), trong trường hợp người quả phụ hay một người đàn bà đã xin được tiêu hủy giá thú, tái giá mà không tôn trọng thời kỳ ở vậy.

**Cư tang (thời kỳ)** (*période de deuil*) (nghĩa đen: thời kỳ để tang)

Trong cổ luật, và trong DLB, và DLT, vợ chồng phải để tang nhau khi người phối ngẫu chết, và không thể tái giá hay tái thú trong thời kỳ để tang.

Trên nguyên tắc, vợ phải để tang chồng 27 tháng; chồng



phải để tang vợ 10 tháng. Vì trong luật cũ đã quy định thời kỳ cư tang, nên nhà làm luật không cần quy định thời kỳ cư tang mà không sợ có những vấn đề hỗn loạn tử tức trong các trường hợp tái giá hay tái thê.

Thời kỳ cư tang ngày nay không được qui định trong luật gia đình 1959 cũng như trong sắc luật 1961.

### **Cư trú (résidence) (cũng gọi là tạm trú)**

Cư trú là nơi ở tạm, không có quyền lợi thiết yếu ở đó. Nhiều khi cũng gọi là nơi tạm trú. Thí dụ: nghỉ mát ở một nơi nào, nơi ấy chỉ là nơi cư trú (résidence) chứ không phải cư sở (domicile). Các giấy tờ trong việc kiện tụng không thể tổng đạt đến nơi cư trú được, trừ trường hợp nơi tạm trú của người vợ trong các vụ kiện ly hôn hay ly thân (x. Cư sở hôn nhân).

### **Cưới chạy tang**

Theo cổ luật, tục lệ và sự qui định của hai bộ DLB và DLT, không thể làm giã thối khi có tang. Do đó, nhiều khi các con đã lớn hay vì gia cảnh hoặc vì một lý do nào khác, khi cha mẹ chết, người ta cho cử hành hôn lễ trước khi phát tang, gọi là cưới chạy tang.

Tự nhiên, hôn lễ rất đơn giản trong các trường hợp này.

### **Cửu chương luật**

Bộ hình luật của Tiêu Hà dưới đời Hán-cao-tổ (206-194) gồm có chín chương.

Tiêu Hà đã thêm vào bộ luật của Lý Khôi (bộ Pháp Kinh đời Chiến quốc, gồm 6 thiên) ba chương gọi là Sự luật, gồm có:

1— Hộ luật (kiểm tra dân số, giá thối, gia đình...)

2— Hưng luật (thuế khóa, triều cống...)

3— Khái luật (quân đội, chuyên chở, chuồng voi, chuồng ngựa v.v...)

**CHÚ Ý:** 1) Bộ luật của Tiêu Hà là bộ luật cổ Trung Hoa đầu tiên

đã dùng danh từ Hộ luật, mà ngày nay ta cũng dùng để chỉ dân luật (droit civil). Theo nghĩa đen, hộ = cánh cửa nhà) do đó hộ luật xưa qui định các vấn đề: kiểm tra dân số, giá thú, gia đình..., và ngày nay hộ luật được hiểu là dân luật.

2) Điều thứ hai, đáng nhấn mạnh, là chính trong bộ hình luật của Tiều Hà, lần đầu tiên đã có ba điều dân luật mà sau này còn lưu truyền lại trong các bộ luật của Tàu và cả trong luật Hồng Đức và luật Gia long:

- 1- Đào lộn trật tự thê thiếp (vợ cả vợ lẽ)
- 2- Các vụ hôn nhân trái luật
- 3- Sự giao trả các đồ dẫn cưới trong trường hợp bỏ vợ.

# D

## **Dạm (lễ), lễ chạm mặt**

Lễ đầu tiên trong nghi lễ giá thú. Theo tục lệ, nghi lễ giá thú thường gồm có ba lễ: lễ dạm, lễ ăn hỏi hay vầu danh và lễ cưới hay nghinh hôn.

Về lễ dạm, thường nhờ một người mối hay mai nhân đi dạm. (Dạm, theo nghĩa đen có nghĩa là ướm hỏi; có thể do chữ chạm mặt đọc tắt, và biến giọng). Nếu hai bên gia đình đã quen biết nhau, nhiều khi không cần đến người mối. Nhân lễ này, nhà trai đem trầu cau lại nhà gái, hai bên định ngày ăn hỏi và số trầu cau nhà trai phải dẫn hôm ăn hỏi, để nhà gái biểu thân thuộc và bằng hữu.

Trong dân luật hiện hành, nhà làm luật không qui định lễ dạm và chỉ qui định lễ ăn hỏi cùng lễ cưới.

## **Dâm dật**

Một trong bảy trường hợp thất xuất có thể bỏ vợ trong cổ luật. Dâm dật là ăn ở thất tiết, không trung thành với chồng. (xem thất xuất)

## **Dẫn cưới (đồ vật)**

Theo tục lệ, trong lễ cưới, nhà trai phải dẫn những lễ vật thách cưới, nghĩa là những đồ vật mà nhà gái yêu cầu nhà trai phải đem lại hôm cưới hoặc để làm lễ, rồi biểu phần các

bằng hữu thân thuộc (trầu, cau, bánh, trái...) hoặc để cho cô dâu (nữ trang, tiền bạc). Nhà gái thường lấy làm hãnh diện các đồ dân cưới được sang trọng. Theo Ủy ban cố vấn án lệ (giải đáp câu hỏi 186), nếu sự đoạn hôn xảy ra sau này, và do lỗi người vợ hay gia đình họ nhà vợ, các đồ dân cưới kể cả các đồ trang sức hay trị giá những đồ ấy phải hoàn lại cho chồng; nhưng những đồ gì đã tiêu thụ trong khi làm lễ cưới như trầu cau, rượu thịt v.v... không phải hoàn lại.

Trong dân luật hiện hành, L.GĐ cũng như S.L. 1961 không đề cập đến vấn đề hoàn lại các đồ dân hôn cưới; nhưng đã qui định về các lễ vật dân hôn ăn hỏi. Bên bị bãi hôn có quyền đòi lại lễ vật hay tiền bồi thường trừ những vật tiêu thụ, nếu bên kia có lỗi. (xem ăn hỏi)

### **Dẫn chứng** (*administrer une preuve, apporter une preuve*)

Dẫn chứng một quyền lợi là tìm cách tỏ cho thẩm phán biết là quyền lợi ấy có thật, hay ít nhất chắc có.

a— Trên nguyên tắc, vì thẩm phán đứng trung lập chỉ xét xem bên nào đã dẫn chứng được những điều mình nại ra, mà không tự mình tìm kiếm những bằng chứng ấy, nên nguyên đơn phải dẫn chứng: *Actori incumbit probatio*. Sự thực, đây chỉ là sự áp dụng một qui tắc rộng rãi hơn: phạm ai nại ra hay yêu cầu sự gì, phải dẫn chứng điều ấy. Như vậy, nếu bị đơn, muốn kháng biện nguyên đơn cũng phải dẫn chứng những sự mình nại ra.

b— Có hai loại bằng chứng: các bằng chứng hay chứng cứ tiền lập và bằng chứng hay chứng cứ hậu thiên. (xem: bằng chứng).

### **Dân luật** (*droit civil*)

Môn luật chính yếu trong ngành tư pháp (*droit privé*) qui định các sự giao thiệp giữa các tư nhân. Danh từ «dân luật», về phương diện danh từ thuần túy, không ứng đối hợp lý với mục đích nói trên: vì dân luật, theo nghĩa đen, là ngành luật liên quan đến các người dân, đáng lẽ phải dành để chỉ một môn trong ngành công pháp (*droit public*), qui định các nghĩa vụ và quyền lợi của người công dân mới đúng.

Tình trạng hỗn độn trong việc dùng danh từ này chỉ là phản ảnh của tình trạng hỗn độn sẵn có giữa các môn pháp luật trong cổ luật.

Danh từ dân luật vốn dịch theo danh từ *droit civil* của Pháp, *civil law* của Anh, Mỹ. Vậy cần hiểu do đâu đã phát sinh ra hai danh từ này?

Chữ *civil* vốn mượn trong cổ luật La-mã. Trong Đế quốc La-Mã, vì có nhiều người ngoại quốc đến trú ngụ, nên luật La-Mã, phân biệt:

1— Công dân pháp hay *jus civile* áp dụng cho các công dân (*cives*);

2— Dân tộc pháp hay *jus gentium* áp dụng cho các người ngoại bang (*gens*: dân tộc ngoại bang).

Công dân Pháp trong luật La-Mã qui định cả công pháp lẫn tư pháp. Nhưng dưới thời kỳ Trung cổ, khi ở Pháp người ta nghiên cứu và bắt chước luật La-Mã, thì các tổ chức chính trị đã được hoàn bị; vì vậy phần công pháp bị bỏ rơi và các luật gia chỉ chuyên chú đến phần tư pháp liên quan đến các sự giao thiệp giữa tư nhân. Dần dần, *jus civile* được coi là môn tư pháp; và do đó đã có danh từ *droit civil* và dân luật ngày nay. Luật gia Domat của Pháp (thế kỷ 17), là người đầu tiên đã đem so sánh dân luật (*les lois civiles*) hiểu theo nghĩa tư pháp và luật thuộc về Vương quốc (*les lois du royaume*) hiểu theo nghĩa công pháp, trong quyển sách nhan đề là « các dân luật xếp theo trật tự tự nhiên » (*les lois civiles d'après leur ordre naturel*).

Ở Đông Phương, trong cổ luật, tự nhiên không có danh từ « dân luật ». Chỉ có danh từ « hộ luật » mà ngày nay người ta cũng dùng để chỉ môn dân luật; danh từ hộ luật xuất hiện lần đầu tiên trong bộ Cửu Chương Luật của Tiều hà đời Hán Cao Tổ (thế kỷ thứ 2 trước kỷ nguyên) (x. Cửu chương luật),

### **Dân-sự** (*civil*)

1) Danh từ này được dùng như hình dung từ (*adjectif*) để chỉ những sự việc gì thuộc về dân luật: thí dụ: *affaire*

civile = vụ kiện về dân luật, vụ kiện dân sự; responsabilité civile = trách nhiệm dân sự.

2) Danh từ dân sự cũng được dùng như danh từ chung, (nom commun) để chỉ một cách bao quát tất cả những điều gì hoặc vụ kiện liên hệ đến dân luật (le civil), trái với những điều gì hoặc vụ kiện liên hệ đến hình luật (le criminel) (xem Dân sự hoãn hình sự, và hình sự hoãn dân sự).

### **Dân sự hoãn hình sự** (*le civil tient le criminel en état*)

Trên nguyên tắc, nếu trước tòa án dân sự có một điểm phân tranh liên hệ đến hình luật, tòa án dân sự phải hoãn xử, đợi tòa án hình xử xong điểm phân tranh, mới phân xét về dân sự. Thí dụ: trong một tai nạn xe hơi, một người đi đường đã bị cán gây chân. Tài xế xe hơi bị kiện trước tòa hình về tội vô ý dẫm thương. Đồng thời tài xế và chủ xe cũng bị kiện trước tòa dân sự về vấn đề bồi thường. Trong trường hợp này, tòa án dân sự phải hoãn xử, đợi tòa án hình xử trước về vụ vô ý dẫm thương. Đây là nguyên tắc thông thường *Hình sự hoãn dân sự. (le criminel tient le civil en état)*.

Nhưng trong vài trường hợp đặc biệt, nguyên tắc trái ngược « Dân sự hoãn hình sự » lại được áp dụng, nhất là trong trường hợp dân chứng về phụ hệ, vì các vấn đề này phải tuân theo các quy tắc dân chứng đặc biệt đã được qui định trong dân luật, và thuộc thẩm quyền tòa án dân sự. Nếu để tòa án hình xét xử cả các vấn đề ấy, theo thủ tục và các lối dẫn chứng dễ dãi trong hình luật, tức là thừa nhận cho đương sự một lối thoát dễ tránh phải dẫn chứng theo dân luật về phụ hệ.

Do những lẽ kể trên, trong trường hợp ẩn tích liên hệ đến vấn đề tử hệ của một đứa trẻ, chỉ có thể bắt đầu kiện trước tòa án hình về tội ẩn tích, khi nào tòa án dân sự có thẩm quyền đã phán định về vấn đề tử hệ.

### **Dân sự phạm** (*délit civil*)

Một hành vi bất hợp pháp, cố ý, gây một sự thiệt hại hay tổn thất cho người khác. Lẽ dĩ nhiên, người gây ra dân sự

phạm có nghĩa vụ phải bồi thường cho kẻ phải chịu thiệt hại.

**CHÚ Ý :** Dân sự phạm là một sự kiện cố ý ; khác chuẩn dân sự phạm là một sự kiện bất cần, vô ý ( *imprudent, involontaire* ) ( x. chuẩn dân sự phạm ).

### **Dân sự tử vong ( *mort civile* )**

Trong luật của pháp, vào tiền bán thế kỷ 19, các người bị phạt chung thân về hình sự, ( như khổ sai chung thân hay bị dây chung thân ) bị truất quyền thụ nhận tặng dữ một cách tổng quát, nghĩa là không nhận được ai cho, hoặc ăn thừa kế của ai. Hơn nữa, một phần nào, người ấy bị coi như người chết ; tài sản của người ấy được phân chia cho các thừa kế, sau khi tuyên án. Nói khác, người ấy bị truất mất hết sản nghiệp. Sự truất sản nghiệp này gọi là *dân sự tử vong ( mort civile )*. Sự thực, đương sự cũng chưa phải mất hết quyền dân sự như một người chết vì vẫn được làm việc kiếm tiền và ký kết các khế ước. Sự truất sản nghiệp này là một hình phạt nặng nề mà ở Pháp, đã bị hủy bỏ ngay từ giữa thế kỷ 19. Kể từ đạo luật 31-5-1854, các người bị án chung thân về hình sự chỉ còn mất quyền tặng dữ và thụ nhận các tặng dữ thôi.

**Di giao (án)** xem án di giao.

**Diên đới** ( Dưỡng kim bất khả diên đới *Aliments ne s'ar-rèragent pas* )

Dưỡng kim hay tiền cấp dưỡng chỉ có mục đích tài trợ cho người được thụ cấp có đủ phương tiện sinh sống, chứ không phải để cho người ấy tích lũy để làm giàu. Vì vậy, nếu dưỡng kim có thể diên đới, hay tích lũy lại thành một số tiền to rồi mới đòi, điều này sẽ chứng tỏ là người thụ cấp đã tự mình có đủ phương tiện để sinh sống không cần phải cấp dưỡng. Do đó, án lệ không cho đòi các số tiền dưỡng kim để chồng chất quá hạn. Theo điều 2277 DLP, các tiền dưỡng kim chỉ bị thời tiêu sau thời hạn 5 năm. Điều này có thể được áp dụng ở Nam Phần với tinh cách lý tính thành văn. Như vậy, có thể đòi các tiền dưỡng kim còn thiếu trong thời hạn 5 năm.

Tuy nhiên, nguyên tắc « Dưỡng kim bất khả diên đới »

không áp dụng, nếu người thụ cấp chứng tỏ được đã phải vay nợ, hay vào các việc tế sinh để sinh sống hoặc đã không đòi dưỡng kim vì một lẽ khác chứ không phải là không túng thiếu...

**Dị nghị (contester)** (dị: khác; nghị: bàn) không đồng quan điểm, khác ý.

**Dị nghị tử hệ chính thức** (*contester une filiation légitime*)

Đối với một tử hệ chính thức, sự dị nghị tử hệ này có thể thực hiện dưới nhiều hình thức:

a— Tổ quyền *khước từ phụ hệ* (action en désaveu)

b— Tổ quyền *dị nghị chính thức tính* (action en contestation de légitimité.)

c— Tổ quyền *dị nghị chính thức hóa* (action en contestation de la légitimation) (xem các mục riêng)

**Dị nghị tử hệ tự sinh** (*contester une filiation naturelle*)

Sự dị nghị tử hệ tự sinh có thể thực hiện dưới hình thức tổ quyền *dị nghị sự nhìn nhận* (action en contestation de la reconnaissance).

**Dị nghị chính thức tính (tổ quyền)** (*action en contestation de légitimité*)

Những trẻ sinh quá 300 ngày sau khi giá thú đã đoạn tiêu, đáng lẽ, không được coi như con của người chồng, vì sự thụ thai chắc chắn đã xảy ra sau khi không còn giá thú. Tuy nhiên, ba bộ DLB, DLT và DLGY phỏng theo bộ Dân luật của Pháp, qui định: « Chính thức tính của trẻ sinh quá 300 ngày sau khi giá thú đã đoạn tiêu có thể dị nghị được ».

Tổ quyền dị nghị chính thức tính không bị nhà làm luật qui định nghiêm ngặt như tổ quyền khước từ phụ hệ. Do đó, tất cả các người nào liên hệ cũng có quyền sử dụng tổ quyền này, và tất cả các phương tiện dẫn chứng đều được chấp nhận.

Đây cũng là quan điểm của LGD, trong điều 87: « Tử hệ



chính thức của người con sinh ra quá ba trăm ngày sau khi doan hôn, có thể bị tranh chấp». Nhà làm luật không đặt thêm một điều kiện, hay một sự giới hạn nào đối với tố quyền đị nghị tử hệ ấy.

Song quan điểm của S.L. 1964 lại khác vì điều 102 của S.L. này chỉ dành cho người cha quyền khước từ phụ hệ; các người khác không còn tố quyền đị nghị chính thức tính nữa.

**Đị nghị sự chính thức hóa ( tố quyền )** (*action en contestation de la légitimation*).

Sự chính thức hoá là kết quả của sự nhìn nhận đũa trẻ và giá thú của hai cha mẹ. Vậy muốn đị nghị sự chính thức hóa, chỉ cần đị nghị sự hữu hiệu của một trong hai yếu tố trên. Nói một cách khác, hoặc nguyên đơn đị nghị sự nhìn nhận (x. mục này) viện dẫn sự nhìn nhận gian dối hoặc không hữu hiệu hoặc xin tiêu hủy giá thú theo các điều kiện pháp định về vấn đề tiêu hủy giá thú.

**Đị nghị sự nhìn nhận ( tố quyền )** (*action en contestation de la reconnaissance*).

Sự đị nghị, về phương diện hình thức, là một chứng thư pháp luật; song về phương diện nội dung, lại là một sự tự thú phụ hệ.

Vì thế, vấn đề đị nghị sự nhìn nhận cũng có thể đặt trên bình diện hình thức hay nội dung.

1— Về hình thức, có thể đị nghị sự hữu hiệu của sự nhìn nhận. Nói khác, có thể dấu chứng rằng sự nhìn nhận đã thiếu điều kiện pháp định khiến bị:

— Vô hiệu tuyệt đối: trường hợp nhìn nhận không làm bằng công chính chứng thư hay không do viên hộ lại lập.

— Vô hiệu tương đối: trường hợp sự ưng thuận của người nhìn nhận đã bị hà hi: lầm lẫn, trá khi, cưỡng bách.

2— Về nội dụng, chứng thư nhìn nhận có thể hợp thức, nhưng không phù hợp với sự thực: nhìn nhận là con mình một đũa trẻ khác (hoặc vô ý hay cố ý nhìn nhận lầm).

**DT tịch chỉ tịch** (tịch = sự trừng phạt; luật hình theo nghĩa rộng; chỉ = chấm dứt)

Dùng hình phạt để làm gương, ngăn các người khác khỏi phạm tội và nhân đó khỏi phải trừng phạt họ. Người ta cũng thường nói: « dĩ hình chỉ hình ».

**Doãn chấp tài sản** (*envoi en possession des biens*).

(Nghĩa đen: doãn = bằng lòng cho; chấp = cầm giữ). Khi có một người đã được tòa án tuyên cáo thất tung, nếu có vợ, người vợ vẫn được quản trị và hưởng dụng tài sản, Nếu không có vợ, hoặc vợ cải giá, những người thừa kế có thể xin phép tòa được tạm thời quản trị và hưởng dụng các tài sản, tức là xin *tạm thời doãn chấp tài sản của người thất tung* (*envoi en possession provisoire des biens de l'absent*).

Sau khi tuyên cáo thất tung 20 năm (theo DLB; DLT) hoặc 30 năm (DLGY), người thất tung bị coi như chết hẳn. Các người thừa kế của họ được coi như *doãn chấp chung định các tài sản nói trên* (*mise en possession définitive des biens de l'absent*).

Trong trường hợp các người biệt tăm vì chiến sự, nghị định 17-11-1947 (đ. 11) trừ liệu rằng trong bản án tuyên cáo thất tung, tòa án có thể đặc biệt giảm bớt thời hạn 30 năm qui định trong DLGY xuống thời hạn tối thiểu 5 năm.

**Du đăng chi tử** (*con du đăng*)

Danh từ đã được dùng trong một đạo luật ban hành năm Quang Thuận thứ 5 (1161), được ghi chép trong Hồng đức Thiện chính thư, để chỉ các con tư sinh bất luận có biết phụ hệ hay không. Về phương diện thừa kế, các con du đăng không được chia phần di sản (ruộng, đất, ao, ...) với các anh chị em chính thừ. (Thiết tưởng danh từ du đăng chi tử quá ác nghiệt đối với trẻ tư sinh vô tội! Nếu phải gán danh từ ấy dùng cho người trách nhiệm, thì chính những cha mẹ dứa bé tư sinh mới có tính cách du đăng!)

**Dự đoán thất tung** (*présomption d'absence*)

Giải đoạn đầu tiên trong thủ tục thất tung. Khi một

người thất tung, các người quan thiết có thể xin toà án phán định những biện pháp bảo thủ tài sản của người vắng mặt. Nếu không có vợ con hay tôn thuộc hoặc các người này từ chối, toà sẽ cử một người quản lý để tạm trông nom các tài sản ấy.

Nếu trong hai năm mà không có tin tức gì về người vắng mặt, toà án có thể phán cho điều tra và niêm yết bản án ấy tại công sở nơi cư sở của người vắng mặt.

Thủ tục thất tung còn hai giai đoạn khác : tuyên cáo thất tung và doãn chấp chung định tài sản (x. những mục riêng về hai vấn đề này).

**Dưỡng kim** (*pension alimentaire*) x.cấp dưỡng kim.

# Đ

## **Đại công**

Tang 9 tháng, tang phục bằng vải thô.

## **Đại nhiệm giám hộ** (*subrogé tuteur*)

Chức vụ đại nhiệm giám hộ chỉ được dự liệu trong sắc lệnh 30-5-1932 sửa đổi thiên 10 của bộ DLGY. Chức vụ đại nhiệm giám hộ đương nhiên thuộc quyền trưởng tộc nghĩa là người nhiều tuổi nhất trong họ. Viên đại nhiệm giám hộ có nhiệm vụ trông coi sự quản trị của giám hộ viên; ngoài ra, còn có trách nhiệm đại diện trẻ vị thành niên, mỗi khi quyền lợi của trẻ đối lập với quyền lợi của viên giám hộ,

## **Đãi kìm** (*astreinte*) cũng gọi là **cưỡng-thúc-kim**

Tiền phạt do tòa ấn định mà người thua kiện sẽ phải trả, nếu chậm thi hành bản án. Tiền phạt này được ấn định trên căn bản mỗi ngày chậm tuân lệnh tòa. Số tiền phạt thường được ấn định rất nặng để có tinh cách thị uy, đối với người thua kiện bướng ngạnh.

(Nghĩa đen: đãi kìm = tiền chờ đợi (thi hành). Cưỡng thúc kim - tiền cưỡng bắt người thua kiện thi hành), Thí dụ: người vợ bỏ nhà ra đi, người chồng không muốn kiện ly hôn, chỉ xin tòa ấn định đãi kìm để phạt người vợ, nếu người này

không chịu trở về nơi cư sở hôn nhân. Chúng hạn, tòa có thể phạt người vợ mỗi ngày chậm trở về nhà là 5.000 d. đăi kim.

**Đại tang tề thôi** : đại tang 1 năm, tang phục áo vải số viền gấu (trường hợp để tang mẹ chết trước cha).

**Đại tang trăm thôi** : đại tang 3 năm, tang phục áo vải sô, sô gấu (trăm bằng dao)

**Đa ngôn** (lắm nhời) : một trong bảy trường hợp thất xuất có thể bỏ vợ trong cổ luật.

**Đa thê (chế độ)** (*polygamie*).

Trong ba bộ DLB, DLT và DLGY, một người đàn ông có thể lấy nhiều vợ : một vợ chính hay vợ cả ngày trước gọi là thê) và một hay nhiều vợ lẽ hay vợ thứ (ngày trước gọi là thiếp). Tuy nhiên, phải lấy vợ cả trước, rồi mới lấy được vợ lẽ.

Chế độ đa thê đã bị LGD 1959 và S.L 1964 hủy bỏ.

**Đặc lợi không nguyên nhân (lý thuyết)** (*théorie de l'enrichissement sans cause*).

Khi một người được hưởng một sự đặc lợi (*enrichissement*) do sự suy bần của người khác (*appauvrissement*), nếu sự đặc lợi không có nguyên nhân, người bị suy bần có thể yêu cầu được bồi thường.

Lý thuyết đặc lợi không nguyên nhân được áp dụng trong một số trường hợp trong luật gia đình. Thí dụ : khi một người bạn ngoại hôn đã làm lợi cho người kia, một án lệ đã bắt buộc người này phải hoàn lại các đặc lợi đã thâu được, khi thôi ăn ở với nhau.

Một thí dụ khác : một vị thành niên đã ký kết một hợp ước với một người khác, không do giảm hộ đại diện.

Khế ước này vô hiệu. Nhưng nếu người vị thành niên đã nhờ khế ước ấy được giàu có hay thâu hoạch được đặc lợi nào, trong khi người đồng kết ước bị suy bần, thì người này có thể xin bồi thường trên căn bản lý thuyết đặc lợi không nguyên nhân.

**Độc quyền tông đồ** (*privilège de l'apôtre, hay privilège paulin*) :

Quyền một người mới theo Thiên Chúa giáo được xin đoạn tiêu giá thú để sau này thành hôn với một người khác, cùng đạo, nếu người phối ngẫu hiện thời từ chối không chịu theo Thiên Chúa giáo (đ. 1120 đến 1121 Giáo hội Pháp).

### **Đẳng cấp giá thú**

Theo ba bộ dân luật cũ, vì có chế độ đa thê, nên phân biệt: Giá thú đệ nhất cấp, khi lấy vợ chính và các giá thú đệ nhị cấp khi lấy vợ lẽ.

**CHÚ Ý :** a) Theo tục lệ, vợ lẽ thường gọi là vợ hai, vợ ba, vợ tư...; nhưng ngày trước, đối với luật pháp, tất cả các giá thú này đều là giá thú đệ nhị cấp cả không phân biệt vợ hai hay vợ ba...

b) Theo bộ DLB và DLT, sự lầm lẫn về đẳng cấp giá thú là một hủ tì của sự ưng thuận của đương sự, và một duyên cớ để tiêu hủy giá thú.

### **Đệm (chữ)**

Chữ được dùng để nối họ và tên. Trong trường hợp thông thường, con trai thường dùng chữ « văn » (có lẽ để tiêu biểu lý tưởng ngày xưa, con trai đi học chữ), con gái thường dùng chữ « thị » (thị = họ, có lẽ là còn một vết tích của mẫu hệ). Chữ đệm ấy cũng có thể là các chữ « Như », « Hữu », « Hy » để tỏ một cao vọng: Lê-như-Hồ; Phạm hy Phan (mong được như ông Phan) v.v...

Hoặc có thể dùng chữ đệm để chỉ cấp bậc thân sơ trong đại gia đình, mỗi cấp bậc dùng cùng một chữ đệm cho tất cả các thân thuộc.

**Dies aquo** : Ngày khởi hạn.

**Dies ad quem** : Ngày đáo hạn, ngày chung hạn.

### **Điểm nhục thạm từ**

Danh từ dùng trong luật gia đình để phiên dịch ý niệm injures graves của Pháp, trong các duyên cớ ly thân (đ.55 LGD).

Sự phiến dịch này không được xác đáng; vì ý niệm injures graves trong Dân luật của Pháp rộng rãi hơn nhiều; ngoài những điểm nhục thậm tử, nghĩa là những sự nhục mạ bằng lời nói thậm tệ, ý niệm này còn bao quát cả các cử chỉ, hành vi hay cả các bất động tác có tinh cách mạ lỵ. Thiết tưởng dùng danh từ mạ lỵ thậm tệ thì đúng hơn.

### **Điền bổ sổ hộ tịch** (*compléter les registres d'état civil*)

Một nguyên tắc chính yếu: các giá thú, cũng như các sự sinh, tử phải khai đúng hạn qui định trong luật. Nếu có sự quên sót, di lậu, chỉ có tòa án mới có thể phán định cho phép điền bổ các sự khiếm khuyết; hộ lại không thể tự ý điền bổ các sổ hộ tịch.

### **Điên cuồng** (*fous, aliénés*).

Cũng gọi là thác loạn tinh thần. Luật pháp coi người điên cuồng như một vị thành niên phải được bảo vệ về phương diện nhân thân và tài sản bằng cách chỉ định cho họ một người giám hộ, và đặt họ trong tình trạng cấm trị sản hay cấm quyền (x. mục này).

### **Điện nhận**

Theo cổ luật nhà Lê, trong lễ thân nghinh (tức là lễ nghinh hôn), khi cô dâu được đón về nhà chồng, thường có lễ điện nhận (lễ vật là một con nhận) như lễ tơ hồng ngày nay.

### **Định chế (dân luật)** (*institution de droit civil*)

Trong dân luật, định chế có hai nghĩa:

a) Định chế chỉ một tổ hợp các qui tắc do quốc gia qui định hợp thành một quy chế bất khả phân. Các cá nhân có quyền quyết định gia nhập vào định chế ấy hay không; nhưng một khi đã gia nhập thì phải tuân theo toàn thể qui chế ấy, không thể thay đổi được. Thí dụ: giá thú là một định chế. Người ta có quyền kết hôn để lập gia đình hay sống độc thân. Nhưng một khi quyết định kết hôn, thì phải tuân theo sự qui định của luật pháp về giá thú về hiệu lực cũng như điều kiện giá thú.

2) Định chế còn một nghĩa thứ hai dùng để chỉ một tổ hợp các qui tắc có liên lạc với nhau, đáp ứng vào một nhu cầu trong xã hội, có một tinh cách nhất trí vì đều hướng vào một mục đích. Ngoài ra, các quy tắc ấy tuy hợp thành một quy chế vững ổn trong một thời gian nhất định, song có thể diễn tiến, biến chuyển, tùy theo hoàn cảnh, tình trạng xã hội. Thi dụ : gia đình, quyền sở hữu là các định chế trong dân luật.

**Đính hôn (lễ)** (*les fiançailles*) x. *ăn hỏi (lễ)*.

**Định thân (lễ)**

Một lễ trong nghi lễ già thù được qui định dưới đời Lê-thành-Tôn : Lễ này trong đương với lễ vấn danh hay ăn hỏi đời nay.

**Đoàn thể hôn nhân** (*union conjugale*)

Hai vợ chồng lấy nhau hợp thành một đoàn thể gọi là đoàn thể hôn nhân.

**Đoạn mại** (*vente définitive*)

Bán dứt, bán hẳn : sở dĩ gọi là đoạn mại, vì nhiều khi người bán một đồ vật chỉ muốn bán trong một thời gian để sau này, khi có tiền có thể chuộc lại; hình thức bán để sau này chuộc gọi là mại lai thực (bán rồi chuộc) (*vente à réméré*), hay bán dợ (có lẽ do chữ bán đỡ).

**Đố kỵ** (*jalousie*) = ghen tuông. Một trong bảy trường hợp « thất xuất » có thể bỏ được vợ.

**Đối tịch (án)** (*jugement contradictoire*)

Án xử có hai bên nguyên bị đến hầu tòa. (trái với án khuyết tịch)

**Đối xử** (*tractatus*)

Cách đối đãi của đương sự; đây là một trong ba yếu tố của chấp hữu thân trạng: nomen (tên, họ), tractatus (đối xử) fama (nhìn nhận của người ngoài).



**Đồng cư (nghĩa vụ) (obligation de cohabitation)**

Một trong những nghĩa vụ chính yếu của hai vợ chồng. Nghĩa vụ này có tính cách hỗ trợ, tuy nhiên cư sở hôn nhân (x. mục này), do người chồng chọn. Trên nguyên tắc, nghĩa vụ này chỉ chấm dứt khi nào giá thú bị đoạn tiêu (trường hợp một người phối ngẫu chết, hoặc giá thú bị tiêu hủy hay ly hôn). Song có vài trừ lệ:

a — Trong trường hợp ly thân, tuy giá thú vẫn còn, song người vợ được ở riêng vì nghĩa vụ đồng cư được chấm dứt.

b — Trường hợp biệt cư do tòa cho phép, trong các vụ kiện ly hôn và ly thân, trong khi đợi tòa phán xử.

**Động sản (meubles)**

Các tài sản có thể di chuyển từ chỗ này ra nơi khác, gồm có hai loại: động sản do bản chất, và động sản do pháp luật chỉ định.

Cũng có thể chia các động sản thành động sản hữu hình (meuble corporel) là những vật có hình thể mà ngũ quan có thể nhìn nhận được và các động sản vô hình (meuble incorporel) như các quyền lợi, các trái quyền, quyền sở hữu văn chương và nghệ thuật.

**Đồng tông**

Thân thuộc gồm các người cùng thờ một ông tổ, cùng đội một họ. Các người này từ ngũ đại trở đi không phải đề tang nhau nữa. Tuy nhiên giá thú bị cấm đoán giữa các thân thuộc đồng tông trong cổ luật và tục lệ.

**Đường luật số nghị**

Bộ luật nhà Đường; có ảnh hưởng rất lớn đối với các bộ luật cổ của Trung Hoa vì nhà làm luật Trung Hoa thời xưa vẫn coi bộ luật này như tiêu chuẩn.

# G

## **Gia đình**

Trong dân luật hiện nay, kể cả luật gia đình 1959, và SL 1964, không có điều khoản nào định nghĩa gia đình. Theo quan niệm thông thường, *tiểu gia đình* gồm có hai vợ chồng và các con còn vị thành niên ở chung với cha mẹ; *đại gia đình* gồm tất cả thân thuộc cùng huyết thống. (xem: thân thuộc)

## **Gia đình (bảo vệ)** (*protection de la famille*)

Sự bảo vệ gia đình là một nguyên tắc được ghi vào Hiến pháp 1956 cũng như hiến pháp 1967. Luật pháp nào trái với nguyên tắc ấy sẽ bị coi là phản hiến pháp. (loi anticonstitutionnelle).

## **Giải thích luật pháp** (*interprétation de la loi*)

Thẩm phán phải áp dụng luật pháp; nhưng trong trường hợp sự qui định không được minh bạch, tòa án phải giải thích luật. Có ba phương pháp giải thích :

- 1— Phương pháp chú giải (*méthode de l'exégèse*)
- 2— Phương pháp sưu tầm tự do và khoa học (*méthode de la recherche libre et scientifique*)
- 3— Phương pháp sưu tầm ý chí của nhà lập pháp hiện tại (*méthode de la recherche de la volonté du législateur actuel*) (xem các mục này)

**Giám hộ ( tutelle )**

Định chế bảo vệ nhân thân và tài sản của vị thành niên khi một trong hai cha mẹ mệnh một, ( theo DLGY ), hay khi cha chết trước mẹ ( theo DLB và DLT ).

Tổ chức giám hộ gồm nhiều cơ quan :

a— *Viên giám hộ ( le tuteur )* có nhiệm vụ giám thủ đứa trẻ và quản trị tài sản của đứa trẻ hay bảo nhi ( le pupille ). Đứa trẻ vị thành niên không có năng lực pháp lý.

b— *Hội đồng gia tộc ( le conseil de famille )* là hội nghị các thân thuộc mà người giám hộ phải xin phép khi làm các hành vi quan hệ.

Theo bộ DLGY, tổ chức giám hộ còn có thêm hai cơ quan khác ( như dân luật của Pháp ).

c— *Viên đại nhiệm giám hộ ( le subrogé tuteur )* để trông coi sự quản trị của viên giám hộ và thay mặt cho bảo nhi trong trường hợp quyền lợi của bảo nhi trái ngược với quyền lợi của viên giám hộ.

d) *Tòa án ( le tribunal, : cơ quan kiểm soát tối cao của tổ chức giám hộ. Trong vài trường hợp đặc biệt quan trọng quyết nghị của hội đồng gia tộc cần được tòa án duyệt hành ( homologation ) mới có thể thi hành được.*

**Gia nhục ( hinh ) ( peine infamante ).**

Hình phạt có tính cách làm mất danh dự :

- 1) tội lưu hay phóng trục ( bannissement );
- 2) tội tước đoạt công quyền ( dégradation civique ).

Tội gia nhục là duyên cớ lý hôn trong bộ D.L.G.Y.

**Giám hộ ( viên ) ( le tuteur ).**

1- *Giám hộ viên có hai nhiệm vụ :* a) giám thủ bảo nhi nghĩa là phải coi sóc việc nuôi nấng, giáo dục bảo nhi. Riêng sắc lệnh 30-5-1932 sửa đổi bộ DLGY trừ liệu là viên giám hộ có quyền xin giam cầm đứa trẻ vô hạnh dưới hạn 1 tháng.

b) Giám trị tài sản của bảo nhi sau khi đã kê khai các

tài sản này. Viên giám hộ sẽ đại diện bảo nhi trong tất cả các hành vi về dân sự; như vậy viên giám hộ sẽ ký một mình trong các chứng thư pháp luật, không cần có sự hiện diện của bảo nhi. Tuy nhiên, đối với các trường hợp quan trọng, viên giám hộ phải được hội đồng gia tộc cho phép, hay tòa án duyệt hành các quyết nghị của hội đồng gia tộc.

2- *Giám hộ viên có thể được chỉ định theo nhiều hình thức :*

a) *Giám hộ pháp định (tutelle légale) của người mẹ* theo DLB và DLT; *hay của người phối ngẫu thượng tồn (conjoint survivant) theo D.L.G.Y.*

b) *Giám hộ do di chúc (tutelle testamentaire) :* người cha hay người mẹ thượng tồn, và không tục hôn hay tái giá có thể chỉ định người giám hộ bằng chúc thư. Theo DLGY, ngoài chúc thư, còn có thể chỉ định người giám hộ bằng cách khai trình với cai tổng hay hương cả.

c) *Giám hộ pháp định của các tôn thuộc (tutelle légale des ascendants) :* nếu người phối ngẫu thượng tồn không chỉ định ai, các tôn thuộc (lúc là ông bà, bên nội hoặc bên ngoài) sẽ đảm nhiệm việc giám hộ pháp định

d) *Giám hộ tuyên định (tuteur désigné par le conseil de famille).* Nếu trong các số người trên, hoặc không có ai, hoặc có lý do để tháo dỡ việc giám hộ, hội đồng gia tộc sẽ chỉ định một giám hộ viên.

### **Giám hộ đặc cử (tuteur ad hoc)**

Bộ DLGY do sắc lệnh 30-5-1932 bổ chính trả lại rằng khi quyền lợi của viên giám hộ trái ngược với quyền lợi của bảo nhi, hội đồng gia tộc, nếu cần, sẽ cắt cử một hay nhiều giám hộ viên « đặc cử » (nghĩa là được cử ra đặc biệt vào một việc) để thay thế viên giám hộ.

**Giám hộ đại nhiệm (viên)** x. giám hộ.

**Giám hộ pháp định (tutelle légale)**

Có hai trường hợp giám hộ pháp định :

a— giám hộ pháp định của người cha hay mẹ thượng tồn.

b— giám hộ pháp định của tôn thuộc.  
(xem cách chỉ định trong mục : giám hộ viên)

### **Giám hộ tuyền định**

Giám hộ viên do hội đồng gia tộc chọn (xem cách chỉ định trong mục : giám hộ viên).

### **Giảm thiểu (tổ quyền) (action en réduction)**

Đối với các trẻ vị thành niên đã thoát quyền, nhà luật đã dự trù «*tổ quyền giảm thiểu*» để xin tòa giảm bớt những nghĩa vụ quá đáng mà y đã kết lập.

Đây là một biện pháp để bảo vệ các trẻ vị thành niên đã thoát quyền đối với những sự tiêu sái quá đáng. Sự giảm thiểu không đem lại sự tiêu hủy hoàn toàn của nghĩa vụ; tòa án có toàn quyền thẩm định trong sự giảm thiểu nghĩa vụ đến mức nào.

*CHÚ Ý* : sự giảm thiểu có thể đem lại hậu quả chấm dứt sự thoát quyền, nếu không phải là một trường hợp thoát quyền đương nhiên do giá thú phát sinh.

### **Giám thủ con cái (quyền) (droit de garde des enfants)**

a— Một quyền trong thân quyền (quyền của cha mẹ) là được giám thủ và điều khiển con cái : các con vị thành niên không thể nào bỏ nhà cha mẹ ra đi, nếu không có phép của người cha, hay người mẹ hành xử thân quyền.

Quyền giám thủ gồm cả quyền điều khiển nhân thân đứa trẻ (*droit de direction*) trông nom sự giáo dục, kiểm soát các sự liên lạc, giao du, thư từ của đứa trẻ.

b— Trong trường hợp ly thân và ly hôn, sự giám thủ các con, trên nguyên tắc, được giao cho người nào được kiện.

Tuy nhiên, tòa cũng có thể chiếu theo quyền lợi của con cái, mà không theo nguyên tắc, thí dụ : giao những trẻ sơ sinh cho người mẹ được giám thủ, mặc dầu người này thua kiện. Cũng do quyền lợi của con cái, tòa có thể giao cho một người thân thuộc khác giám thủ, như ông bà bên nội hay bên ngoại. Ngoài ra, S.L 1964, đã chấp nhận giải pháp của luật Anh quốc, cho phép tòa án quyết định về sự giám thủ, theo sự lựa

chọn của người con, nếu người này đủ 16 tuổi và nếu không có sự cản trở nào khác. Sự cản trở có thể là hạnh kiểm không tốt của người giám thủ do người con chọn lựa; hay sự thiếu thốn năng lực tài chính của người ấy để làm tròn nhiệm vụ giám thủ.

Dù không được giám thủ con cái, người phối ngẫu kia vẫn có quyền theo dõi sự bảo dưỡng và giáo dục của các con cái; và có quyền được viếng thăm (*droit de visite*) (xem mục quyền viếng thăm).

### **Giải trừ** (*main-levée*)

Hành vi đề tiêu hủy nhất bộ hay toàn bộ những hiệu lực của một hành vi đã làm trước. Sự giải trừ nhằm mục đích giải phóng đối phương khỏi các nghĩa vụ do hành vi trước gây ra. Sự giải trừ có tính cách tự ý hay do tòa án ra lệnh.

### **Giải trừ sự phản kháng giá thú** (*main-levée de l'opposition au mariage*)

Sự giải trừ có thể có hai hình thức (S.L. 1961):

a— Sự tự ý giải trừ (*main-levée volontaire*)

Sự tự ý giải trừ trên nguyên tắc phải làm theo hình thức sự phản kháng, bằng chứng thư thừa phát lại; đây là một sự áp dụng của nguyên tắc hình thức tương xứng (*principe de la correspondance des formes*).

b) Sự giải trừ tư pháp (*main-levée judiciaire*): Theo đơn xin giải trừ của đương sự, tòa sơ thẩm sẽ xét xử và tuyên án trong hạn 15 ngày sau khi đơn xin giải trừ được đăng đường.

Thời hạn kháng cáo được ấn định đặc biệt là 15 ngày. Lục sự tòa sơ thẩm phải chuyển hồ sơ lên tòa thượng thẩm trong hạn 15 ngày. Nếu án vẫn vẫn chưa kịp thời trước bạ, lục sự có thể cấp bản sao trước khi trước bạ đề vào hồ sơ. Tòa thượng thẩm sẽ phải xét xử và tuyên án trong hạn 15 ngày sau khi nội vụ sẽ được đăng đường.

Điều đáng chú ý, là các thời hạn được rút ngắn lại 15 ngày, để đương sự chóng có kết quả về sự phản xét của tòa án về vấn đề giải trừ phản kháng và giá thú khỏi phải chờ đợi

lâu dài nếu sự phản kháng không xác đáng. Ngoài ra, khi sự phản kháng của một tôn trưởng đã được giải trừ, thì không một sự phản kháng nào của một tôn trưởng khác được chấp nhận và làm trì hoãn được giá thù nữa.

### **Gian tránh pháp luật** (*fraude à la loi*)

Một nguyên tắc căn bản trong pháp luật là các hành vi và chứng thư pháp luật, nếu nhằm mục đích trốn tránh pháp luật, đều vô hiệu, theo tục dao la tinh: *fraus omnia corrumpit*: Sự gian xảo làm hư hoại mọi việc.

### **Giáo hội pháp** (*droit canonique*)

Giáo hội Thiên Chúa giáo soạn thảo một bộ luật là giáo hội pháp chỉ có hiệu lực cưỡng hành với các người theo đạo này. Tuy nhiên, giáo hội pháp không trùng nhập với luật pháp thực tại của mỗi nước, vì chỉ có luật pháp thực tại mới được tòa án áp dụng chính thức; giáo hội pháp chỉ có giá trị cưỡng hành về phương diện tinh thần với các người theo đạo Thiên Chúa. Thí dụ: Giáo hội pháp ngăn cấm sự ly hôn; trong khi ấy, ở Việt Nam, sắc luật 1964 đã qui định sự ly hôn; tòa án chỉ áp dụng sắc luật 1964. Nếu có một vụ kiện liên hệ đến một người theo đạo Thiên chúa, tòa không chú ý đến sự kiện này vì không áp dụng giáo hội pháp.

### **Gia phả**

Một quyển sách thường do trưởng tộc giữ, ghi rõ các thân thuộc bà con trong họ từ những đời trước cho đến ngày nay. Việc ghi chép trong gia phả có tác dụng xác định vị thứ và quyền lợi của mỗi người con cháu và mỗi chi, phái về tinh thần cũng như về vật chất, chưa kể việc chia hoa lợi ruộng phụng tự trong trường hợp mỗi phái có ngày giỗ riêng. Vì vậy, trong các gia đình đông con cháu và gồm có nhiều phái, việc thiết lập cũng như việc tu bổ *đại gia phả* là một thể thức rất quan trọng, phải làm công khai và long trọng, trước mặt tất cả các con cháu và căn cứ vào những tài liệu chắc chắn.

Đối với án lệ hiện tại, gia phả có hai ích lợi:

1— Gia phả là tài liệu ghi chép những quyền lợi về tinh thần và vật chất đối với các đương sự cùng trong một họ.

2— Gia phả dùng để dẫn chứng các liên hệ thân thuộc trong đại gia đình trong quá khứ; nghĩa là các vấn đề phổ hệ. Những vấn đề này không liên hệ đến thành phần hiện tại gia đình, nên án lệ không bắt buộc phải áp dụng các phương pháp dẫn chứng mà luật đã qui định đặc biệt cho các vấn đề phụ tử hệ.

### **Giá thú** (*le mariage*)

Sự trai gái lấy nhau trước mặt viên hộ lại và phát sinh ra những nghĩa vụ tương hỗ cho hai bên về phương diện đồng cư, trung thành và tương trợ.

Ngày nay, dân luật Việt nam đã thế tục hóa giá thú: giá thú phải làm trước mặt viên hộ lại. Luật pháp không bắt buộc phải cử hành hôn lễ theo tục lệ, hay theo tôn giáo. Các lễ này tùy thuộc ý riêng của các đương sự.

Giá thú phải ghi vào sổ giá thú. ( Xem chứng thư giá thú )

*CHÚ Ý: Về phương diện danh từ, giá là lấy chồng; thú là lấy vợ; vì vậy danh từ giá thú có tính cách tổng quát và áp dụng được cả cho đàn ông lẫn đàn bà; trái lại, trong danh từ « hôn-thú » hai chữ hôn và thú đều có nghĩa là lấy vợ; danh từ này chỉ áp dụng cho đàn ông lấy vợ. Nhưng rất tiếc là hai danh từ này, kể cả trong luật gia đình và S.L 1964 đã bị dùng một cách hàm hồ, không phân biệt kỹ theo ý nghĩa.*

### **Giá thú dân sự** (*mariage civil*)

Giá thú cử hành trước mặt viên hộ lại. Chỉ có giá thú này mới có giá trị đối với luật pháp. Giá thú tôn giáo (*mariage religieux*) không có tính cách bắt buộc.

### **Giá thú đệ nhất cấp** (*Mariage du premier degré*)

Trước đây, ba bộ DLB, DLT, và DLGY chấp nhận chế độ đa thê. Giá thú đệ nhất cấp là giá thú lấy vợ cả hay chính thất (x.mục chính thất).

### **Giá thú đệ nhị cấp** (*Mariage du deuxième degré*)

Giá thú lấy vợ lẽ. Dù là vợ hai, vợ ba, hay vợ hỗn... các giá thú này đều gọi là giá thú đệ nhị cấp; đối với pháp luật, tất cả các vợ lẽ, lấy trước hay lấy sau, đều có quy chế như nhau.



Chỉ có thể làm giá thú đệ nhị cấp, khi đã có vợ cả; các giá thú đệ nhị cấp phải được vợ cả ưng thuận. Giá thú đệ nhị cấp đã bị bãi bỏ từ 1959 với L.G.Đ.

### **Giá thú thực tại** (*mariage de fait*)

Ở Nga, các sự đồng cư ăn ở như vợ chồng có hiệu lực như giá thú đã được đăng ký theo luật.

### **Giá thú hư vô** (*mariage inexistant*)

Giá thú coi như không có. Lý thuyết giá thú hư vô được một số luật gia chủ trương ở Pháp vào khoảng 1930; theo lý thuyết này, có vài trường hợp vô hiệu của giá thú không được nhà làm luật qui định: như giá thú giữa các người đồng tính (cùng phái nam, hay cùng phái nữ), khiếm khuyết sự khai báo với hộ lại, khiếm khuyết sự ưng thuận của hai vợ chồng.

Theo các luật gia này, một giá thú hư vô có hai hậu quả:

a— giá thú không cần phải đưa ra trước tòa để xin tiêu hủy vì tự nó đã không có hiệu lực.

b— lý thuyết giá thú ngộ tin không áp dụng cho các giá thú hư vô.

Lý thuyết giá thú hư vô cũng được chấp nhận trong các bộ DLB và DLT (đ 83 DLB và 82 DLT).

Song luật pháp cũng như án lệ đã không chấp nhận lý thuyết này. L.G.Đ. và S.L. 1964 đều không đề cập đến vấn đề giá thú hư vô.

### **Giá thú ngộ tin** (*mariage putatif*)

Trên nguyên tắc, khi một chứng thư pháp luật bị tiêu hủy, không những chứng thư ấy không thể phát sinh ra hiệu lực trong tương lai nữa, mà cả các hiệu lực trong quá khứ cũng đều bị tiêu hủy. Chứng thư ấy phải được coi như đã không bao giờ có trong thực tại.

Nguyên tắc này cũng áp dụng cho sự tiêu hủy giá thú. Nhưng nếu áp dụng triệt để nguyên tắc này sẽ đi đến chỗ bất công, vì các con cái sẽ bị coi là con tư sinh; các tài sản không

được phân chia theo chế độ hôn sản v.v... vì vậy, đối với những giá thú trong ấy có một người phối ngẫu ngay tình, không biết rõ nguyên nhân vô hiệu của giá thú, giá thú đầu bị xử tiêu, vẫn có hiệu lực dân sự đối với họ. Đây là trường hợp giá thú ngộ tín (ngộ = lầm lẫn; tín = tin; tin lầm là giá thú có hiệu lực). Lẽ dĩ nhiên, nếu hai vợ chồng đều ngay tình, thì các hiệu lực của giá thú được duy trì trong quá khứ đối với cả hai người,

**CHÚ Ý :** 1) Theo *SL*. 1964 đ. 39 k 1, nếu hai vợ chồng có con, các con bao giờ cũng được coi là con chính thức, bất luận vợ chồng có ngay tình hay không. (*S.L* 1964 đ. 39 k 1). (Điều này khác với *LGD*, đ 36, coi con cái như ngoại hôn nếu giá thú bị tiêu hủy)

b — Theo án lệ, sự ngay tình của hai vợ chồng bao giờ cũng được dự đoán; và chỉ cần có sự ngay tình ngay lúc làm giá thú mà thôi; sau lúc ấy, nếu họ biết rõ là giá thú vô hiệu, điều này cũng không quan hệ: *Malta fides superveniens non nocet* (sự gian ý xảy đến sau không có hại).

### **Giá thú tôn giáo** (*mariage religieux*)

Theo một vài tôn giáo, bắt buộc phải cử hành hôn lễ trước các vị đại diện tôn giáo. Trong dân luật Việt Nam, giá thú tôn giáo chỉ có tính cách nhiệm ý đối với đương sự, không có tính cách bắt buộc đối với pháp luật.

### **Giá thú ủy quyền** (*mariage par procuration*)

Giá thú chỉ có giá trị, nếu đích thân hai bên trai gái tuyên bố trước mặt viên hộ lại ưng thuận lấy nhau. Vì vậy các giá thú ủy quyền, nhờ một người khác đại diện cho đương sự, đều vô hiệu.

Tuy nhiên, trong hai cuộc thế chiến thứ 1 và thứ 2, ở Pháp, nhà làm luật đã đặc cách cho phép các quân sĩ tại ngũ được phép làm giá thú tuy vắng mặt; đương sự phải làm chứng chỉ, trước mặt viên hộ lại nơi trú sở, hay viên hộ lại trong quân đội, hoặc viên chức ngoại giao hay hành chánh, ghi rõ là bằng lòng kết lập giá thú với ai. Viên hộ lại cử hành hôn lễ sẽ phải đọc chứng chỉ ấy khi làm lễ.

Lẽ tự nhiên, cho đến khi làm giá thú, đương sự vẫn có thể đổi ý và hủy bỏ chứng chỉ ấy.

**Giá thú vị toại** (*mariage non consommé*)

Do thể cách bất toàn của một người phối ngẫu, tuy có giá thú, nhưng hai vợ chồng vẫn chưa chung chăn gối. Theo Giáo hội pháp, một giá thú vị toại có thể xin tiêu hủy được; giá thú vị toại có thể bị đương nhiên đoạn tiêu nếu một người phối ngẫu nguyên di tu.

**Gia tộc** (*như: gia đình*)

# H

## **Hãm hiếp** (*viol*)

Sự kiện dùng sức lực hay mưu chước để thỏa mãn thú tính, mặc dầu người đàn bà không ưng thuận.

Trong địa hạt dân luật, nếu sự hãm hiếp trùng vào thời kỳ thụ thai, đây là một trường hợp có thể kiện người đàn ông để tìm phụ hệ trẻ sinh cho đứa trẻ tư sinh.

## **Hành khắc thậm tệ** (*séVICES graves*)

Hành khắc thậm tệ là những hành vi vũ phu hoặc ác nghiệt, tuy không xâm phạm đến đời sống hay đến sự nguyên vẹn về thể xác của nạn nhân, nhưng cũng có hậu quả làm cho đời sống chung không kham chịu được.

Hành khắc thậm tệ là một duyên cớ ly hôn trong ba bộ Dân luật cũ.

Sắc luật 1961 dùng danh từ bạo hành (*voies de fait*) đồng nghĩa với sự hành khắc: nhưng sắc luật 1961 nhấn mạnh một cách minh thị rằng những sự bạo hành phải có tính cách thường xuyên và « thậm tử » (đáng lẽ phải dùng danh từ thậm tệ mới đúng). Do đó tòa án có toàn quyền thẩm lượng xem 2 điều kiện này có hội đủ, để sự bạo hành thành một duyên cớ ly hôn hay không.

**Hành sính** x. nạp chung.

**Hà tì** (*vice*) (Hà tì, nghĩa đen : dấu vết).

Điều gì làm hại đến bản chất và hiệu lực.

**Hà tì ưng thuận** (*vices de consentement*)

Khi một chứng thư hay một khế ước được kết lập, không những cần phải có sự ưng thuận của đương sự, sự ưng thuận này còn cần không bị hà tì. Nếu có hà tì, sự ưng thuận sẽ bị coi như vô hiệu.

Trong luật pháp, có ba sự hà tì ưng thuận :

1— Lầm lẫn (*l'erreur*)

2— Khi trá (lừa dối) (*le dol*)

3— Cưỡng bách (*la violence*)

Đối với giá thú, nhà làm luật ở Việt-Nam, đã phỏng theo dân luật của Pháp, chỉ chấp nhận hai hà tì ưng thuận :

Sự lầm lẫn và sự cưỡng bách. Trái lại, sự khi trá không bị coi là hà tì ưng thuận, vì theo quan niệm Cổ luật của Pháp : trong giá thú, tha hồ lừa dối (*Eu mariage, trompe qui peut*). Tục đạo này trái với tục lệ và cổ luật của ta. (xem các mục riêng : lầm lẫn, khi trá, cưỡng bách) .

**Hệ thống pháp luật** (*systèmes juridiques*)

Do những yếu tố chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội ..., các nền luật pháp trên thế giới có thể chia thành một số hệ thống pháp luật. Trong mỗi hệ thống, có những ý niệm căn bản, những sự phân loại, những sự suy luận và những kỹ thuật pháp lý giống nhau : Thí dụ :

— Hệ thống Pháp-La Tinh

— Hệ thống Anh Mỹ

— Hệ thống Trung Hoa

— Hệ thống Hồi giáo

— Hệ thống Ấn độ

— Hệ thống cộng sản .

### **Hiệu lực (effet)**

Các hậu quả do một sự kiện, một hành vi pháp luật hay một chứng thư pháp luật phát sinh ra.

### **Hình sự hoãn dân sự (le criminel tient le civil en état)**

Trên nguyên tắc, nếu một vụ tranh chấp có hai trạng thái, hay nêu lên hai vấn đề, một đằng liên quan đến hình luật, một đằng liên quan đến dân luật, thì tòa án dân sự phải đợi tòa án hình phán xét xong vấn đề hình sự mới xét xử về dân sự được. Tuy nhiên trong vấn đề tử hệ, nguyên tắc đối nghịch lại được áp dụng :

*Dân sự hoãn hình sự (le civil tient le criminel en état)*  
( xem mục này )

### **Hình thư**

Tên bộ luật triều Lý do Vua Lý thái Tông ban hành năm 1042 ( Minh đạo nguyên niên ); nay không còn.

### **Hình luật thư**

Tên một bộ luật triều Trần do vua Trần dự Tông sai Trương hán Siêu và Nguyễn trung Ngạn soạn năm 1341 ( Thiệu phong nguyên niên ). Nay đã mất. Các sách này do người Tàu tịch thu đem về Kim Lăng trong thời kỳ nhà Minh đô hộ nước ta ( 1407 — 1427 ).

### **Hình thức chủ nghĩa (formalisme)**

a— Trong Cổ luật La Mã, kỹ thuật pháp lý chưa được toàn thiện: ý chí của cá nhân chưa được coi như đủ hiệu lực để phát sinh ra nghĩa vụ. Khi muốn cam kết với nhau điều gì các đương sự phải dùng những thẻ thừc qui định trong luật. Thí dụ: mua bán thì phải dùng cân mà cân tiền đồng (phép đồng xứng thủ đắc: mancipatio per aes et libram). Nếu không dùng những hình thừc này, không thẻ phát sinh ra nghĩa vụ đối với các đương sự. Vì vậy gọi là hình thức chủ nghĩa.

b— Ngày nay, hình thức chủ nghĩa không còn tồn tại nữa. Ý chí của đương sự có thể là một sự cam kết hữu hiệu. Tuy nhiên, đối với một số chứng thư lệ trọng, nhà làm luật bắt

phải làm dưới hình thức chứng thư công chính: giá thú, sự phản kháng giá thú, sự nhìn nhận con tư sinh v.v... Đây là những chứng thư trọng thức (*acte solennel*) (x. mục này)

### Họ (*nom de famille*)

Yếu tố trong tinh danh dùng để chỉ các người, cùng chung một tổ. Các người này cùng thuộc trong họ nội. Nhờ có «họ» các người trùng tên, nhưng khác họ không thể nhầm lẫn được. (về phương diện danh từ Nguyễn văn Dần có nghĩa là ông Dần trong họ Nguyễn; Phạm thị Ất có nghĩa là bà Ất trong họ Phạm v.v...) (x. mục chữ đệm).

### Hoang phí (người) (*les prodigues*)

Trong dân luật của Pháp, để bảo vệ các người hoang phí khỏi tiêu xài quá mức, và người kém trí khôn, nhà làm luật dự liệu sự cho họ một người bảo tá tài phán (*un conseil judiciaire*) do tòa án chỉ định.

Trên nguyên tắc, người hoang phí chỉ có một bán năng lực. Đối với một số việc quan trọng, họ cần sự trợ lực của người bảo tá mới có thể ký kết được.

Trong dân luật Việt-Nam, riêng bộ DLGY cũng chấp nhận giải pháp bảo tá tài phán; Tuy nhiên giải pháp này chỉ được dự liệu cho người kém trí khôn (*les faibles d'esprit*) không đề cập đến vấn đề bảo vệ người hoang phí.

### Hòa dụ (*séduction*)

Dùng lời nói hay thủ đoạn đường mật để quyết định một người nào làm một điều gì mà đương sự đáng lẽ không ưng thuận, nếu không có sự dụ dỗ ấy.

Sự hòa dụ bằng sự lạm dụng uy quyền (*abus d'autorité*) hay hứa làm giá thú (*promesse de mariage*) là một trường hợp cho phép được kiện tìm phụ hệ tư sinh cho đứa con hoang, nếu thời kỳ thụ thai của người đàn bà bị bỏ lửng trùng hợp với sự hòa dụ.

### Hòa giải (thử) (*tentative de conciliation*)

Ly hôn đem lại sự tan vỡ gia đình không khỏi có nhiều

hậu quả nghiêm trọng đối với vợ chồng, con cái, và cả xã hội. Vì vậy, nhà làm luật đã dự trù một thủ tục ly hôn khó khăn để làm nản trí những cặp vợ chồng nào muốn tìm ở ly hôn một sự giải thoát dễ dãi. Hơn nữa, trước khi xét nội dung vụ kiện, thẩm phán trong một giai đoạn đầu của thủ tục, có nhiệm vụ thử hòa giải. Hai đương sự phải *đích thân đến trình diện* viên chánh án vào ngày đã ấn định trong án lệnh cho phép triệu hoán (đòi ra tòa). Chánh án nghe hai bên trình bày quan điểm, khuyên bảo họ và thử tìm cách hòa giải. Nếu bị đơn vắng mặt hay nếu hòa giải không thành, thẩm phán sẽ tuyên một án lệnh hòa giải bất thành, làm thời ghi sự vắng mặt của bị đơn.

Tòa sẽ truyền cho hòa giải một lần thứ nhì, cách ba tháng sau.

Nêu nguyên đơn vắng mặt, thẩm phán ghi sự vắng mặt vào trong đơn và cho đòi một lần nữa. Nếu nguyên đơn vắng mặt liên tiếp hai lần, đơn kiện sẽ bị bãi bỏ. Sau thời gian một năm, mới có thể nộp đơn khác xin ly hôn.

Nếu hai lần thử hòa giải không có kết quả, thẩm phán ra lệnh cho phép nguyên đơn được tiếp tục giai đoạn thứ hai của thủ tục ly hôn trước tòa án.

*CHÚ Ý*.— Theo SL, 1964, thủ tục ly hôn cũng áp dụng cho các vụ kiện ly thân; vậy trong thủ tục cũng có hai lần thử hòa giải như trên.

## Hoàng Việt luật lệ

Thường gọi là bộ luật Gia Long. Bộ luật này do vua Gia Long, năm 1811, sai Nguyễn văn Thành làm Tổng Tài coi việc soạn thảo, đến năm 1812 thì được ban hành. Bộ luật này chép gần đúng nguyên văn của bộ luật nhà Thanh nhan đề: Đại Thanh luật lệ. Từ cách bố cục, đến nội dung không có điểm nào đặc sắc. Gồm 398 điều chia làm 22 quyển, giống hệt bộ luật nhà Thanh.

### Học lý (doctrine)

Gồm các học thuyết, các lời phê bình, chú thích của các luật gia về các đạo luật hay các bản án. Học lý được coi là nguồn gốc giải thích của pháp luật. Nhờ có học lý, pháp luật có cơ luôn luôn tiến hóa cùng một nhịp với xã hội và nhà làm



luật mới hiểu thấu những khiếm khuyết của luật hiện hữu cũng như những nhu cầu của xã hội. Một mặt khác, án lệ cũng chịu một ảnh hưởng lớn của học lý nhất là qua các bài phê bình chú thích các bản án.

**Hỏi (lễ)** (*fiancaille*) x. ăn hỏi

**Hội đồng gia tộc** (*conseil de famille*)

Một cơ quan trong tổ chức giám hộ, được dự liệu trong cả ba bộ Dân luật (DLB, DLT và DLGY). Hội đồng này là hội nghị các thân thuộc mà viên giám hộ phải xin phép để làm những hành vi quan hệ (như vay mượn, kiện tụng, cầm cố hay bán bất động sản...).

Theo DLB và DLT hội đồng gồm ít nhất 4 người thân thuộc bên nội gần nhất, nhưng không thể quá 6 người không kể chủ tịch, bất luận nam hay nữ, cư trú gần nơi khởi thủy giám hộ. Ở Nam, hội đồng gồm có trưởng tộc, hai người bên nội, hai người họ ngoại, chọn trong các thân đẳng gần nhất. Thiếu họ hàng, có thể chọn các bàng hữu của gia đình.

Chủ tịch hội đồng gia tộc ở Bắc và Trung là chánh hương hội, lý trưởng hay chánh án; ở Nam, là chánh tổng hay hương cả nơi cư trú của trẻ vị thành niên.

**Hộ lại** (*officier de l'état civil*)

Viên chức phụ trách giữ sổ hộ tịch. Ở mỗi làng xã, thị xã, đều có một người chỉ định về việc ghi chép các sự sinh, tử và giá thú.

**CHÚ Ý**: *Thâm quyền quản hạt của viên hộ lại giới định vào giới hạn làng, xã, hay thị xã; viên hộ lại không có thâm quyền để ghi chép các giá thú và các sự sinh, tử ngoài địa hạt của mình.*

**Hộ luật** (xem Luật hộ).

**Hội xã** (*sociétés*)

Các hội xã là các khế ước do nhiều người ký kết để họp thành một hội: các hội viên góp chung một vật gì hoặc là tài sản, hoặc là sức lao động của họ nhằm mục đích kiếm lời để chia.

Các hội xã này gồm hai loại: *hội buôn hay hội xã thương mại* (sociétés commerciales) có mục đích kinh doanh bằng hành vi thương mại; và *hội xã dân sự* (sociétés civiles) không có mục đích kinh doanh bằng hành vi thương mại: như hội làm nhà cửa cho thuê.

### **Hội xã thực tế** (sociétés de fait)

Trường hợp nhiều người góp vốn với nhau, hoặc không có kế ước lập hội, hoặc kế ước lập hội bị tiêu hủy vì không hội đủ điều kiện pháp định, trường hợp các hội xã thực tế.

Trong phạm vi luật gia đình, lý thuyết các hội xã thực tế cũng được một số bản án áp dụng để thanh toán các tài sản của hai người bạn ngoại hôn, khi họ không muốn sống chung với nhau nữa.

### **Hôn phối (người)** (le conjoint) Xem phối ngẫu

### **Hồng đơn**

Theo một án lệ cũ ở Nam phần, đối với các giá thú đã cử hành trước năm 1883, muốn dẫn chứng các giá thú này, phải xuất trình hôn thư hay giấy « hồng đơn » (gọi như vậy, vì giấy mẫu hồng) ghi nhận là hôn lễ đã được cử hành đúng nghi lễ với sự ưng thuận của cha mẹ.

Tuy nhiên, án lệ này đã chuyển hướng, sau năm 1932. Sự dẫn chứng các giá thú cử hành trước khi có sổ hộ tịch, đã được án lệ đồng hóa sau năm 1932 với trường hợp mất sổ hộ tịch, và có thể dẫn chứng bằng bút chứng hoặc nhân chứng.

### **Hôn khế** (contrat de mariage)

Khế ước do hai bên vợ chồng chưa cưới làm để qui định chế độ tài sản của họ, theo ý muốn.

*CHÚ Ý*: đừng nhầm hôn khế với giá thú, mặc dầu bản chất giá thú cũng là một khế ước vì được đặt trên căn bản của sự ưng thuận giữa hai vợ chồng. Ở nước ta, hầu hết trong các giá thú, vợ chồng không làm hôn khế vì tin nhau. Trong trường hợp không có hôn khế riêng, các hôn sản (= tài sản của hai vợ chồng) theo chế độ cộng đồng pháp định (origime de communauté légale)—Cũng đừng làm hôn khế với hôn thư

hay hôn đơn trong tục lệ (x. hôn đơn).

### **Hôn lễ** (*cérémonie du mariage*)

Lễ cử hành giá thú. Các việc cưới xin ở nước ta vẫn theo tục lệ và thường gồm các lễ chạm mặt hay dạm, lễ ăn hỏi và lễ cưới. Theo một vài tôn giáo, giá thú còn phải làm tại trước các vị đại diện tôn giáo. Tuy nhiên, theo dân luật hiện hành, giá thú đã được nhà lập pháp thể tục hóa; do đó hôn lễ cử hành theo tục lệ hay tôn giáo không cần thiết đối với pháp luật.

Trái lại, giá thú phải cử hành trước mặt viên hộ lại, tại công sở nơi trú quán của đương sự. Sau khi đã hết hạn niêm yết công bố giá thú 10 ngày. Sau khi nhận danh pháp luật tuyên bố hai bên thành vợ chồng, viên hộ lại lập chứng thư giá thú.

### **Hôn loạn tử tức** (*confusion de part*)

Nếu người quả phụ hay người đàn bà đã ly hôn không đợi mãn thời kỳ cư丧 (délai de viduité) mà tái giá ngay, trong trường hợp họ có con, phụ hệ của người con không thể xác định được minh bạch; vì người cha đứa bé ấy có thể là chồng trước, mà cũng có thể là chồng sau. (xem cư丧)

### **Hôn sản (chế độ)** (*régime matrimonial*)

Hôn sản là các tài sản của hai vợ chồng. Hai vợ chồng có thể ước định với nhau những cách thức để chi dụng, điều khiển các hôn sản; nói khác, họ có thể ấn định chế độ hôn sản theo ý họ trong một khế ước gọi là hôn khế (*contrat de mariage*) (x. mục này)

Nếu không có khế ước, chế độ hôn sản của vợ chồng là chế độ cộng đồng pháp định (*régime de communauté légale*) (xem mục này).

### **Hôn thú** (x. Hôn đơn).

### **Hộ tịch** (*registres d'état-civil*)

Hộ tịch là các sổ ghi chép các việc liên hệ đến thân trạng (*état des personnes*) (nghĩa đen: hộ = cửa, nhà; tịch = sổ sách; hộ tịch = sổ biên chép các việc liên hệ đến các người trong nhà). Hộ tịch gồm ba sổ để ghi chép các sự khai giá thú; khai sinh và khai tử.

Các sổ được giữ làm hai bản, để tránh sự thất lạc hay tiêu hủy; một bản lưu trữ tại làng xã, thị xã; một bản lưu trữ ở phòng lục sự tòa án sơ thẩm.

Các tư nhân không thể yêu cầu tự mình xem sổ nhưng bất cứ ai, nếu cần, có thể xin cấp phát bản sao (copie), bản trích lục (extrait) hay phiếu trích lục (bulletin).

Các chứng thư hộ tịch phải được ghi vào *trong sổ hộ tịch, theo thứ tự ngày tháng; không thể đề trang nào trắng; xóa hủy bao nhiêu chữ phải ghi nhận rõ trong chứng thư.*

Các sổ hộ tịch được đánh số trang và trên mỗi trang thẩm phân hóa giải phải ký tắt để tránh những sự xé sổ, hay thất lạc mất chứng thư mà không biết.

Mỗi sổ hộ tịch ( giá thú, khai tử, khai sinh ) đều làm thành hai quyển. Hai quyển này đều là bản chính, ghi chép như nhau, và được lưu trữ như đã nói ở trên.

Nếu không làm tròn nhiệm vụ viên hộ lại không những có trách nhiệm về hình sự (điều 192 hình luật canh cải), còn có trách nhiệm dân sự phải bồi thường cho các đương sự bị thiệt hại về sự sơ xuất, bất luận là sự sơ xuất ấy có tính cách cố ý hay vô tình.

( Xem những mục riêng : chứng thư giá thú, chứng thư khai tử, chứng thư khai sinh, chứng thư hộ tịch )

**Huyền tôn** : chùt ( *con của chết sinh ra* )

**Hứa giá thú** ( *promesse de mariage* )

Hứa giá thú khác sinh lễ ở hai điểm :

a) Hứa giá thú thường có tính cách đơn phương; thí dụ người đàn ông hứa lấy người đàn bà làm vợ; sinh lễ có tính cách song phương, do hai bên ưng thuận hứa sẽ lấy nhau.

b) Hứa giá thú không có tính cách long trọng như sinh lễ, vì sinh lễ là một lễ long trọng trong nghi lễ giá thú.

**CHÚ Ý**.— Theo sự qui định hiện hành, một khi đã có sinh lễ, sự bãi hôn không có duyên cớ chính đáng sẽ được bồi thường. Tuy trong luật

*khí qui định sự đính hôn, không đề cập đến vấn đề hứa giá thú đơn phương, nhưng theo nguyên tắc căn bản về trách nhiệm dân sự, tất cả các hành vi do lỗi mình gây thiệt hại cho người khác, đều phải bồi thường. Ngoài ra, nếu người mẹ bị quyến rũ bằng hứa kết hôn hay đính hôn mà có thai người ấy có thể kiện để tìm phụ hệ tư sinh cho đứa con.*

**Hư vô ( giá thú )** ( *marriage inexistant* ) x. Giá thú hư vô.

## I, J

**Idjamae** : Một nguồn gốc pháp luật trong Hồi giáo pháp, căn cứ vào sự đồng ý giữa các luật gia có nhiệm vụ phát huy hồi giáo pháp.

**Jus vistae necisque** : Quyền sinh sát của người gia trưởng đối với các con cháu trong cổ luật La Mã.

# K

## **Kém trí khôn ( người ) ( *les faibles d'esprit* )**

Những người mặc dầu không điên dại, nhưng kém trí khôn cũng được Bộ DLGY bảo vệ quyền lợi bằng cách chỉ định một người *bảo tá tài phán* (un conseil judiciaire), có nhiệm vụ bảo trợ họ trong một số hành vi quan trọng. (x. mục bảo tá tài phán)

## **Kế quyền ( *ayant - cause* )**

Người thừa hưởng một quyền lợi được di chuyển cho họ (xem mục phó quyền)

## **Kế quyền bao quát ( *ayant - cause universel* )**

Người kế quyền được thừa hưởng sự di chuyển của toàn thể sản nghiệp.

## **Kế quyền với danh nghĩa bao quát ( *ayant - cause à titre universel* )**

Người kế quyền được thừa hưởng sự di chuyển một phần sản nghiệp, thí dụ : một nửa, một phần ba... sản nghiệp.

## **Kế quyền với danh nghĩa đặc định ( *ayant - cause à titre particulier* )**

Người kế quyền được thừa hưởng sự di chuyển một quyền lợi hay một tài sản nhất định, thí dụ : một món nợ nhất

định hay một bất động sản được chỉ định rõ rệt.

**Kế thất** (*femme de premier rang convoquée en secondes nocés*)

Vợ cả chết, người chồng có thể lấy một người vợ cả khác thay thế, gọi là kế thất; đối với các con của người vợ trước người vợ này là kế mẫu.

*CHÚ Ý:* Ngày nay, không còn chế độ đa thê, nếu vợ chết, người chồng tục huyền, vợ sau đương nhiên là kế thất.

**Khách quan pháp** (*droit objectif*) Toàn thể pháp luật trong nước (xem : pháp luật)

**Khai giá thú** (*déclaration de mariage*)

Ngày nay, đối với giá thú, không có sự khai báo trong trường hợp thông thường, vì viên hộ lại sau khi cử hành lễ giá thú, sẽ lập chứng thư giá thú ngay (x. mục chứng thư giá thú).

Tuy nhiên, theo điều 25 LGĐ, điều 29 SL 1964, đối với các giá thú kết lập ở ngoại quốc, khi đương sự trở về Việt nam, phải xuất trình một bản chứng thư hôn thú để đăng ký vào sổ giá thú.

(Ngày trước, theo DLB, DLT và DLTỶ, sau khi giá thú đã được cử hành ở nhà, phải khai báo với hộ lại để vào sổ).

**Khai tử** (*déclaration de décès*) x. chứng thư khai tử.

**Kháng án** (*opposition*)

Khi một bản án xử khuyết tịch (đương sự không ra trình tòa theo kiện), đương sự có thể kháng án, xin tòa án đã xử khuyết tịch xét lại.

**Kháng cáo** (*appel*) Cũng thường gọi là chống án.

Đối với một bản án đối tịch (đương sự có ra trình tòa theo kiện), đương sự nếu không phục tình có thể xin kháng cáo lên tòa thượng thẩm, xin xử lại nội vụ.

**Kháng biện chính đáng** (*thuyết người...*) (*théorie du contradicteur légitime*)

Theo một chủ thuyết trong cổ luật của Pháp, khi trong

vụ kiện liên hệ đến thân trạng, có một người đại diện chính đáng của gia đình gọi là người kháng biện chính đáng, đứng ra bênh vực quyền lợi của gia đình, bản án sẽ có hiệu lực tuyệt đối và có thể đối kháng với mọi người. Thí dụ: trong vụ kiện khước từ phụ hệ, người cha là người kháng biện chính đáng; do đó bản án khước từ có hiệu lực tuyệt đối.

Lý thuyết này ngày nay không được chấp nhận vì tổ chức gia đình ngày nay khác ngày xưa, nên khó tìm một tiêu chuẩn để chỉ định người kháng biện chính đáng.

### **Kháng chấp** (*fin de non recevoir*) :

Phương sách tố tụng mà bị đơn có thể sử dụng để bác sự thỉnh cầu của nguyên đơn, không cần đề cập đến nội dung vấn đề. Những phương sách này thường được luật pháp dự liệu minh bạch để giới hạn quyền của nguyên đơn.

### **Kháng chấp trong các vụ kiện ly hôn** (*fins de non recevoir en matière de divorce*)

Bị đơn có thể nại một trong ba sự kháng chấp sau đây yêu cầu tòa bác đơn của nguyên đơn, không cần xét nội dung (S.L. 1964) :

- 1— Giá thú chưa được hai năm (đ. 62)
- 2— Có sự tái hợp sau khi hai vợ chồng đã được phép ở riêng. (đ. 76)
- 3— Có sự mệnh một của một người phối ngẫu trước khi có án văn nhất định (đ. 76).

Ngoài ba trường hợp kháng chấp do S.L. 1964 minh thị qui định, còn một kháng chấp thứ tư, dựa trên nguyên tắc uy quyền quyết tụng (*autorité de la chose jugée*). Khi đã có một bản án trở thành nhất định bác một đơn ly hôn, thì không thể nại những duyên cớ ấy trong một vụ ly hôn khác, trừ trường hợp có thêm những duyên cớ mới.

### **Kháng chấp trong các kiện tìm phụ hệ tự sinh** (*fins de non recevoir en matière de recherche de filiation naturelle*),

L.G.D. 1959 và S.L. 1964 cũng như ba bộ DLB, DLT,



DLGY, đã mượn trong dân luật của Pháp hai trường hợp kháng chấp sự tìm phụ hệ tư sinh.

1— Nếu có chứng cứ là trong thời kỳ thụ thai theo luật định, người mẹ ở ngoài xã hội không có hạnh kiểm tốt hay có thông gian với người đàn ông khác. Sự kháng chấp này đã có tự trong cổ luật La Mã : *exceptio plurium constitupratorum* : (= sự kháng biện đa tình nhân).

2— Nếu người bị hồ nghi là cha, trong thời kỳ ấy, vì xa cách, hay vì bất lực do tai nạn gây ra, không thể là cha dứa trẻ được.

### **Khế ước (contrat)**

Chứng thư pháp luật, dựa trên sự ưng thuận hay hiệp ý của các đương sự và phát sinh ra nghĩa vụ, đối với các người đã kết lập chứng thư ấy. Khế ước có nhiều hình thức :

— *Khế ước đơn phương (contrat unilatéral)*, nếu chỉ một bên cam kết đối với người đồng ước, và người này không có cam kết tương hỗ : thí dụ : khế ước tặng dũ (chỉ riêng tặng chủ cam kết trong khế ước này).

— *Khế ước song phương (contrat synallagmatique)* khi hai bên đồng ước đều có những sự cam kết hay nghĩa vụ tương hỗ : Thí dụ : khế ước mua bán (Người mua phải trả tiền, người bán phải giao đồ).

— *Khế ước giao hoán (contrat commutatif)* khi một bên cam kết làm hay chuyển dịch một sự vật gì tương đương với sự cam kết của người đồng ước. Thí dụ : khế ước đổi chác.

— *Khế ước kiểu hãnh (contrat aléatoire)* khi sự cam kết của đối phương đối với một bên có tính cách may rủi, ăn thua : thí dụ : bán một ngôi nhà không lấy tiền nhưng yêu cầu người mua trả tiền cấp dưỡng hàng năm cho đến khi chết : Đây là khế ước thiết lập niên kim chung thân (*contrat de constitution de rente viagère*).

— *Khế ước hữu thường (contrat à titre onéreux)*, khi hai bên đồng ước đều phải làm hay chuyển dịch một sự vật gì. Thí dụ :

khế ước mua bán, khế ước lao công...

— *Khế ước vô thường* (*contrat à titre onéreux*) khi một bên cam kết làm hay chuyển dịch một sự vật mà không yêu cầu ngược lại đối phương một đối khoản gì. Thi dụ: Khế ước tặng đỡ.

### **Khỉ trá** (*le dol*)

Lừa dối, một trong ba hà ti của sự ưng thuận: nhằm lẫn, khỉ trá, và cưỡng bách.

**CHỮ Ý:** Trái với các khế ước khác, giá thú không thể bị tiêu hủy nếu đương sự bị khỉ trá (= lừa dối). Nhà làm luật, trong giá thú, chỉ chấp nhận hai hà ti về sự ưng thuận: lầm lẫn và cưỡng bách — Giải pháp này mượn trong dân luật của Pháp, vì ngay trong cổ luật Pháp đã có tục dao « *en mariage, trompe qui peut* » (= trong giá thú, mặc sức lừa dối). Một quan niệm như vậy, trái hẳn với phong tục, cổ luật của ta: giá thú phải được đặt trên căn bản hoàn toàn tin nhiệm giữa hai gia đình và giữa hai đương sự.

### **Khởi chứng bằng văn thư** (*commencement de preuve par écrit*)

Một bút chứng (chứng cứ bằng giấy tờ, hay văn thư) do người đại diện của đối phương đã viết ra, và có tác dụng làm cho người ta tin là sự việc phải dẫn chứng có thật. Nói khác, bút chứng này chưa đủ để chứng minh điều phải dẫn chứng, nhưng đó là một khởi chứng đầu tiên trên con đường dẫn chứng.

Trong Dân luật của Pháp đối với các vụ kiện tìm mẫu hệ chính thức, người ta không cho phép dùng ngay nhân chứng, vì sợ nhân chứng bị mua chuộc, nên người ta đòi hỏi một điều kiện dự tiên: phải có khởi chứng bằng văn thư mới được viện dẫn nhân chứng.

### **Khước từ phụ hệ** (*désaveu de paternité*)

Theo sự qui định của SL 1964, đứa trẻ sinh hạ hay thụ thai trong thời kỳ giá thú là con của người chồng.

Tuy nhiên người chồng có quyền khước từ phụ hệ trong các trường hợp sau:

— Đứa trẻ sinh hạ trước 180 ngày sau khi hôn thú thành lập, vì đứa trẻ này thụ thai trước giá thú.

— Đứa trẻ sinh hạ quá 300 ngày sau khi hôn thú đoạn tiêu, hay sau khi cha mẹ đã ở riêng do mệnh lệnh của thẩm phán, vì có lý do hồ nghi người vợ không thụ thai với người chồng.

Trong hai trường hợp này, sự khước từ có tính cách đương nhiên, nghĩa là người chồng không phải dẫn chứng điều gì.

Ngoài ra, người chồng có thể khước từ phụ hệ, bằng cách dẫn chứng các sự kiện luật định trong các trường hợp sau:

Trong khoảng thời gian từ 300 đến 180 ngày trước khi người mẹ sinh con, hai vợ chồng không thể gần gũi nhau vì bị cách trở biệt ly hoặc vì tai nạn rủi ro làm người chồng bất lực.

— Nếu người vợ đã giấu diếm sự sinh nở, không cho biết.

**Khước từ phụ hệ (tổ quyền)** (*action en désaveu de paternité*)

Tổ quyền khước từ phụ hệ phải thỏa mãn các điều kiện sau :

1 — Đơn khước từ phải kiện người mẹ.

2 — Thời hạn là 2 tháng kể từ ngày sinh đứa trẻ. Nếu lúc sinh đứa trẻ, người chồng đi vắng, thời hạn hai tháng kể từ khi người chồng trở về nhà. Nếu sự sinh nở bị dấu diếm, thời hạn này kể từ khi sinh nở bị khám phá.

Nếu người chồng mệnh một trước khi hết hạn khởi tố, những thừa kế sẽ có một hạn 2 tháng để phủ nhận phụ hệ đứa trẻ kể từ ngày những người ấy bị đứa trẻ quấy nhiễu trong việc chiếm hữu di sản, hay từ ngày đứa trẻ chiếm hữu di sản.

Nói tóm lại, thời hạn khởi tố rất ngắn, vì nhà làm luật không muốn đề vấn đề danh dự và sự yên ổn của gia đình bị bấp bênh bất định trong một thời gian quá dài.

**Khước từ phụ hệ (án)** (*jugement en désaveu de paternité*)

Bản án chấp nhận sự khước từ phụ hệ sẽ truyền gạch bỏ

tên người chồng trong chứng thư khai sinh của đứa trẻ.

Tuy nhiên viên hộ lại không được sửa chữa gì vào giấy khai sanh, chỉ chuyển tả chủ văn của bản án vào sổ hộ tịch đương niên, và ghi chú bản án vào bên lề chứng thư khai sinh của đứa trẻ.

**Kshatriya** : Đẳng cấp (caste) võ sĩ trong xã hội Ấn độ

**Ký đắc (quyền)** (*droits acquis*)

Quyền lợi đã hoạch đắc được rồi, quyền lợi đã có. Theo một chủ thuyết, các luật mới, mặc dầu đặt thêm điều kiện liên hệ đến sự hoạch đắc một quyền lợi, cũng không thể nào ngược giòng thời gian áp dụng đối với các quyền ký đắc.

**Kỳ vọng** (*simple expectative*).

Nếu quyền lợi chưa hoạch đắc xong, nếu đương sự còn trong thời kỳ chờ mong hoạch đắc được một quyền lợi, (nghĩa đen kỳ vọng: trông mong), thẳng hoặc một đạo luật mới được ban hành và qui định các điều kiện khác, các đương sự phải tuân theo các điều khoản của luật mới.

*CHÚ Ý* : Mặc dầu thường được nhắc đến trong học thuyết cũng như trong án lệ, chủ thuyết này không được xác đáng và không thể biện minh được nguyên tắc bất hồi tổ của luật pháp trong tất cả các sắc thái và trừ lệ.

# L

## **Lan nhai (tiền)**

Tiền chằng dây. Trong tục lệ cũ, khi nhà trai đến công làng nhà gái, hoặc đến ngõ nhà gái, các trẻ trong làng thường lấy sợi dây hồng ra chặn ngõ (lan nhai nghĩa đen là chặn ngõ). Nhà trai phải nộp một số tiền gọi là tiền lan nhai, họ mới bỏ dây. Nếu từ chối hoặc cho ít tiền họ cắt đứt sợi dây cho vợ chồng sau này gặp những sự không may.

Tục nộp tiền lan nhai có lẽ đã đem lại tục nộp tiền cheo (xem mục Cheo)

## **Làm lẩn (erreur)**

Một trong những hà ti của sự ưng thuận.

## **Làm lẩn trong giá thú (erreur en matière de mariage)**

Theo dân luật hiện hành S L. 1964, sự làm lẩn trong giá thú chỉ gồm có hai trường hợp :

- 1 — Sự làm lẩn về thể nhân, hay làm lẩn về người.
- 2 — Sự làm lẩn về hộ tịch.

## **Làm lẩn về người (erreur sur la personne)**

Làm người nọ ra người kia. Sắc luật 1964 đã dùng một danh từ rất minh bạch: làm lẩn về thể nhân. (erreur sur la per-

sonne physique), trường hợp này là trường hợp trao hôn : đến xem mặt là một người, lúc cưới lại là người khác.

### **Làm lẫn về hộ tịch** (*erreur sur l'état civil*)

Quan niệm lầm lẫn về hộ tịch cũng mượn trong dân luật pháp; và chỉ gồm có sự lầm lẫn về tử bệ.

Trái lại, sự lầm lẫn về quốc tịch không là một duyên có tiêu hủy giá thú.

### **Làm lẫn về bản thể** (*erreur substantielle*)

Sự lầm lẫn coi như thiết yếu vì liên quan đến bản chất của sự vật. Thí dụ, mua một cái lọ mới mà tưởng lầm là lọ dòi Tống. Trong giá thú, nhà làm luật không chấp nhận sự lầm lẫn về bản thể. Do đó các sự lầm lẫn về sự giàu sang, chức tước, nghề nghiệp, kể cả tư cách là con tư sinh, hay con nuôi không thể là duyên có để xin tiêu hủy giá thú.

### **Lập tự** (*instituer un héritier cultuel*)

Khi một người không có con trai, có thể chọn một người thân thuộc, trong hàng cháu, theo các luật lệ đã được ấn định minh bạch, để nối rỗi thừa tự.

**Lệ:** a) Trong các bộ luật cổ, thường có sự phân biệt giữa luật và lệ. Luật là các điều khoản có tính cách hằng cửu, nhiều khi chép lại ở trong các bộ luật cũ, vì óc tồn cổ bảo thủ, mặc dầu nhiều điều khoản ấy đã lỗi thời không còn ứng dụng với tình trạng xã hội đương thời. « Lệ » là những điều khoản được soạn ra để bổ túc cho luật, để bộ luật khỏi có một tính cách hoàn toàn lý thuyết. Các « lệ » nguyên là những bản án đã được xử trong thực tế và được xét là quan trọng nên được đem thêm vào trong bộ luật. Vì có sự phân biệt giữa luật và lệ, nên Bộ luật nhà Thanh, đã lấy nhan đề : « Đại Thanh Luật Lệ » (Luật lệ nhà Đại Thanh) và Bộ Luật Gia Long, phỏng theo nhà Thanh, cũng lấy nhan đề « Hoàng Việt Luật lệ ».

b) Lệ, suy rộng ra, có nghĩa là một qui tắc đã thành nếp trong thời gian : do đó ta có tục ngữ : « Phép vua thua lệ làng »; lệ ở đây là những sự ước định riêng ở trong làng lâu dần đã trở nên phép tắc trong làng. Với nghĩa này, ngày nay ta có

những danh từ tục lệ (coutume), án lệ (jurisprudence) (X. các mục này)

### **Liên đới (nghĩa vụ) (obligation solidaire)**

Tính cách liên đới của nghĩa vụ có hai hình thái :

Trong nghĩa vụ liên đới tích cực (solidarité active) một con nợ mắc nợ đối với nhiều chủ nợ; con nợ có thể trả bất cứ chủ nợ nào toàn thể món nợ, rồi các chủ nợ chia với nhau.

Trong nghĩa vụ liên đới tiêu cực, trái lại, có một chủ nợ, và nhiều con nợ, song người chủ nợ có quyền đòi bất luận con nợ nào toàn thể món nợ. Sau khi đã trả cả món nợ, con nợ sẽ đòi lại các người phụ trách khác phải hoàn lại phần nợ của họ.

**Loạn luân (incestueux)** : xem con loạn luân

**Lợi ích hôn phối. (les avantages matrimoniaux)**

Các điều lợi mà một người phối ngẫu đã hoạch định được nhờ ở hôn khế hay ở giá thú : thí dụ : a) các tài sản mà một người phối ngẫu đã tặng cho người kia, trong hôn khế (contrat de mariage) hay trong thời kỳ giá thú; b) các điều khoản trong hôn khế dự trừ một sự chia hôn sản bất bình đẳng trong trường hợp giá thú bị đoạn tiêu. Chẳng hạn dành cho một người phối ngẫu một số tài sản nhiều hơn là họ được quyền có theo luật thông thường; c) các điều khoản di tặng mà một trong hai vợ chồng đã trừ định cho người kia trong di chúc của mình.

Theo S.L 1964 ( đ. 92 và 93 ), người phối ngẫu có lỗi trong vụ ly hôn sẽ mất các lợi ích hôn phối; chỉ riêng người được kiện được giữ nguyên các lợi ích này, mặc dầu hai bên đã ước định với nhau là các lợi ích ấy có tính cách tương hỗ.

**Luật (la loi, le droit)**

a) Các điều qui định, thường có tính cách bắt buộc, và tổng quát vì thi hành chung cho mọi người, được soạn thảo chung và biểu quyết, ban hành và công bố theo hiến pháp. Thí dụ: Luật gia đình 2-1-1959 (la loi).

b) Luật có thể hiểu theo một nghĩa rộng chỉ tất cả luật

pháp trong nước; nhiều khi người ta dùng danh từ « luật pháp » trong trường hợp này. Thí dụ: một hành vi tôn trọng luật (hay tôn trọng luật pháp) (le droit).

c) Danh từ luật cũng có thể dùng để chỉ một môn luật riêng biệt: Luật Hiến pháp (droit constitutionnel); luật thương mại (droit commercial); luật hành chính (droit administratif).

### **Luật cưỡng hành (loi impérative)**

Luật có tính cách bắt buộc đối với tất cả mọi người; không ai có thể ước định riêng với nhau để lần tránh sự qui định của các luật cưỡng hành. Luật cưỡng hành sở dĩ có tính cách bắt buộc tổng quát như vậy vì qui định các vấn đề liên quan đến trật tự công cộng như lợi ích chung và nền tảng xã hội. Thí dụ: Các điều khoản qui định điều kiện về giá thú, sự dẫn chứng về tử hệ là những điều luật có tính cách cưỡng hành.

### **Luật hộ (droit civil)**

Danh từ luật hộ cũng được dùng như danh từ dân luật để dịch ý niệm droit civil. Danh từ này do danh từ « hộ luật » mượn trong Bộ « Cửu chương luật » của Tiêu Hà đời Hán cao Tổ (X. Cửu chương luật).

### **Luật giải thích (loi interprétative)**

1) Luật giải thích, mặc dầu được nhà làm luật soạn thảo, nhưng chỉ có mục đích giải thích ý chỉ của các đương sự, trong trường hợp các đương sự không nói rõ ý chỉ ấy. Thí dụ: các điều khoản về khế ước mua bán có thể do các đương sự ước định với nhau theo ý muốn.

2) Luật giải thích còn có một nghĩa thứ hai: luật giải thích về ý nghĩa hay tầm hiệu lực của một đạo luật đã ban hành trước. Trong trường hợp này, hiệu lực của luật giải thích hồi tố tới ngày ban hành luật cũ.

### **Luật pháp (droit)**

(Xem nghĩa thứ hai của luật)

Người ta cũng thường nói « pháp luật », tùy theo dùng danh



từ này theo lối thuận (sang (xuôi) hay đảo (trang (ngược)).  
(Xem mục pháp luật)

### **Luật pháp thành văn (droit écrit) và pháp luật bất thành văn (droit non écrit)**

Ngày nay, các luật đều là các bản văn do Quốc hội biểu quyết và quyền lập pháp ban hành, công bố trong công báo. Vì vậy nền pháp luật này là luật pháp thành văn. Trái lại, trong lịch sử, tại nhiều quốc gia, cho tới thời kỳ trang cổ hay chậm hơn nữa, chưa có luật được ban hành và công bố bằng bản văn; chỉ có những tục lệ, tập quán: đây là nền pháp luật bất thành văn, cũng gọi là tục lệ pháp. (droit coutumier)

### **Luật qui định (loi dispositive)**

Luật được soạn thảo vì nhà làm luật coi giải pháp được chấp nhận trong luật ấy như toàn thiện hơn cả, trong trường hợp các đương sự không tỏ rõ ý chí của mình. Thí dụ: các điều khoản trong luật ấn định chế độ cộng đồng tài sản trong S.L. 1964. Trên nguyên tắc, các đương sự được tự do ước định với nhau chế độ hôn sản và làm hôn khế (contrat de mariage) để giải quyết vấn đề. Nhưng nếu các đương sự không làm hôn khế, thì sẽ thi hành chế độ cộng đồng pháp định, vì các điều này được coi là giải pháp hợp lý hơn cả trong tình trạng nói trên.

### **Lưỡng cấp tài phán (nguyên tắc) (Principe du double degré de juridiction).**

Muốn bảo đảm cho các tư nhân một nền công lý sáng suốt và công bằng, tổ chức các tòa án được đặt trên cơ sở nguyên tắc lưỡng cấp tài phán. Nói khác, mỗi vụ kiện thường có thể do hai tòa án, thuộc hai cấp khác nhau, xét xử, nếu đương sự muốn như vậy. Thí dụ: sau khi tòa sơ thẩm đã phán xử, nếu người thua kiện không phục tình, có thể kháng cáo lên tòa thượng thẩm để xin xét lại nội vụ.

### **Ly hôn (divorce)**

Đoạn tiêu giá thú, trong lúc hai vợ chồng còn sống, do

một bản án tuyên phán, vì lỗi nghiêm trọng của một bên hay cả hai bên.

Những lý do ly hôn do luật pháp qui định chặt chẽ. Theo S.L. 1964, (đ. 63) có thể xin ly hôn:

- 1) Vì sự ngoại tình của người phối ngẫu.
- 2) Vì người phối ngẫu bị kết án trọng hình về thường tội.
- 3) Vì sự ngược đãi, bạo hành hay nhục mạ, có tinh cách thậm tử và thường xuyên khiến vợ chồng không thể sống chung với nhau được nữa.
- 4) Vì có án văn xác định sự biệt tích của người phối ngẫu đã thất tung.
- 5) Vì người phối ngẫu đã bỏ phẫn gia đình, nhưng phải có án văn nhất định xử phạt về tội này).

### **Ly hôn chế tài** (*divorce - sanction*)

Quan niệm ly hôn như một sự chế tài đối với người phối ngẫu đã làm một hành vi lầm lỗi quan trọng khiến giá thú không thể tồn tại được nữa. S.L. 1964 đã quan niệm ly hôn như một sự chế tài trong các duyên cớ 1, 2, 3 và 5 nói trên.

### **Ly hôn giải cứu** (*divorce - remède*)

Quan niệm ly hôn như một giải pháp để cứu thoát một người phối ngẫu khỏi một cảnh giá thú không thể kham chịu được, mặc dầu không phải do lỗi người phối ngẫu kia. Thí dụ: trường hợp một người phối ngẫu bị điên, hay bị thất tung. S.L. 1964 đã chấp nhận quan niệm ly hôn giải cứu trong duyên cớ ly hôn thất tung ( số 4 ) nói trên.

### **Ly hôn khế ước** (*divorce - contrat*)

Quan niệm ly hôn như một khế ước có thể được tự do kết lập giữa hai vợ chồng. Hai người này, do ý chí, đã kết hôn; thì do ý chí chung phần ngược lại, (*mutuus dissensus*) cũng có thể chấm dứt giá thú ấy. Đây là hình thức *ly hôn thuận tình* (*divorce par consentement mutuel*). Hình thức này đã được chấp nhận trong cổ luật triều Lê và trong ba bộ dân luật cũ

DLB, DLT và DLGY. SL. 1964 không qui định hình thức ly hôn thuận tình.

**Ly thân** (*séparation de corps*)

Tình trạng hai vợ chồng được một bản án, căn cứ vào những lý do cũng giống những lý do ly hôn, cho miễn nghĩa vụ đồng cư, nhưng vẫn duy trì giá thú với các hiệu lực khác.

**Ly thân thực tế** (*séparation de fait*)

Tình trạng ly thân không do một bản án phán xử. Nhiều khi hai vợ chồng đã đồng ý ở riêng biệt hoặc một bên bị bên kia bỏ lửng mà không phản đối.

# M

**Mai dong** (*entremetteur*) người mối trong việc giá thú

**Mai nhân** (*entremetteur*) xem mai dong.

**Mạ ly thậm tệ** (*injures graves*)

Mạ ly là tất cả các hành vi nhục mạ: bằng lời nói hay bằng cử chỉ. Mạ ly thậm tệ được coi là một duyên cớ ly hôn trong ba bộ dân luật cũ DLB, DLT và DLGY. Trong SL. 1964, duyên cớ ly hôn này cũng được duy trì dưới danh từ: « nhục mạ thậm tử và thường xuyên khiến vợ chồng không thể chung sống với nhau được ».

Với văn thức mới, lẽ tự nhiên tòa án sẽ thẩm lượng một cách nghiêm ngặt hơn duyên cớ ly hôn này — (mặc dầu theo án lệ, các sự nhục mạ hay mạ ly được chấp nhận một cách rộng rãi; thí dụ: sự im lặng có tính cách khinh bỉ, sự không đến dự lễ kỷ nhà vợ đều có thể coi là nhục mạ).

**Mẫu hệ chế** (*matriarcat*)

Chế độ tổ chức gia đình trong đó người mẹ làm chủ gia đình. Do đó, con sẽ theo họ mẹ; các di sản để lại cho con gái; người vợ phải hỏi và cưới chồng; chồng về ở nhà vợ...

**Mẫu hệ chính thức** (*maternité légitime*)

Liên lạc mẹ con giữa một đứa trẻ và một người đàn bà có chồng.

Mẫu hệ chính thức, theo sự qui định của SL. 1964 (cũng như của L.GĐ) có thể được chứng minh bằng:

- 1) Giấy khai sinh
- 2) Chắp hũu thân trạng.

### **Mẫu hệ tư sinh** (*maternité naturelle*)

Liên lạc mẹ con giữa một đứa trẻ và một người đàn bà không có giá thú. Nói khác, liên lạc giữa một đứa con đẻ hoang (hay tư sinh) với mẹ.

Mẫu hệ tư sinh có thể được xác nhận bằng sự nhìn nhận của người mẹ. (Xem mục: nhìn nhận con tư sinh).

Nếu không được nhìn nhận, người con tư sinh có thể kiện để truy tìm mẫu hệ tư sinh (x. mục truy tìm mẫu hệ tư sinh).

### **Môi giới hôn nhân** (*agence matrimoniale*)

Những sở tư giới thiệu hai bên trai gái lấy nhau.

### **Mối (người)** (*entremetteur*)

Người đánh tiếng và giới thiệu hai bên trai gái lấy nhau; cũng gọi là mai dong hay mai nhân.

**Mưu bợn** (xưa): phục vụ nước địch (một trong 10 tội thập ác).

**Mưu phản** (xưa) mưu làm phản vua, làm nghiêng đổ xã tắc (một trong 10 tội thập ác)

**Mưu đọa nghịch**: (xưa) phá đền đài, lăng tẩm nhà vua (một trong 10 tội thập ác).

# N

## **Nạp chưng**

Một lễ trong cổ luật nhà Lê về giá thú. Sau lễ định thân (h. vấn danh), có lễ nạp chưng hay hành sinh. Đến ngày dự định, sau khi đã nhờ người mối báo trước, nhà trai đem các đồ sinh lễ lại nhà gái làm lễ.

Lễ này tục gọi là lễ dẫn cưới. Ngày nay, tục lệ đã bỏ lễ này. Sự dẫn cưới thường thực hiện vào hôm làm lễ cưới hay nghinh hôn.

**Ngăn cản đơn thường cấm chỉ** (*empêchement simplement prohibitif*) x. cản trở đơn thường cấm chỉ.

## **Ngăn cản triệt hủy** (*empêchement dirimant*)

Những điều kiện giá thú mà sự vi phạm đem lại sự vô hiệu, (khác với các sự ngăn cản đơn thường cấm chỉ mà sự vi phạm không làm cho giá thú vô hiệu). Xem vô hiệu giá thú.

## **Nghĩa dưỡng** (*adoption*): Sự nuôi con nuôi.

Theo sự qui định của S.L. 1964 (cũng như của L.GĐ 1959). *khế ước nghĩa dưỡng (contrat d'adoption)* làm giữa các đương sự **phải** được *tòa án chuẩn nhận (homologuer, homologation)*. Để giải quyết vấn đề này, Tòa án sẽ xét:

- 1) Những điều kiện luật định có đầy đủ không.

2) Sự nghĩa dưỡng có lý do chính đáng không.

**Nghĩa mẫu** (*mère adoptive*): người mẹ nuôi.

**Nghĩa phụ** (*père adoptif*): cha nuôi.

**Nghĩa tử** (*enfant adoptif*): con nuôi.

### **Nghĩa tuyệt**

Trong cổ luật, nếu người vợ đã có một hành vi làm tuyệt nghĩa phu phụ, mà người chồng không bỏ thì người chồng phải phạt 80 trượng. Theo lời bình chú của điều 108 Luật Gia Long, tình nghĩa vợ chồng sẽ bị đoạn tuyệt nếu có một hành vi của hai người trái với tình yêu đương và lễ giáo. Trong điều 108, không nói rõ những trường hợp nào. Nhưng ở trong một vài điều khoản khác tản mác trong luật, có một vài tỷ dụ nghĩa tuyệt:

a) Lỗi của người vợ: người vợ mưu sát chồng.

b) Lỗi của người chồng:

— Người chồng bán vợ làm nô lệ.

— Người chồng bán vợ cho người khác làm vợ.

— Người chồng cho thuê vợ hay cầm vợ.

c) Lỗi cả hai vợ chồng: người chồng đem người vợ gian thông gả bán cho gian phu.

### **Nghĩa vụ** (*obligation*)

Sợi dây pháp lý (*vinculum juris*) giàng buộc người phụ trái (hay con nợ) với trái chủ (h. chủ nợ), bắt buộc người phụ trái phải chuyển hữu (*obligation de donner*) một vật gì hay phải làm hoặc không làm một điều gì (*obligation de faire* ou *de ne pas faire*). Tùy trường hợp, sẽ có:

— Nghĩa vụ chuyển hữu (*obligation de donner*)

— Nghĩa vụ tác động (*obligation de faire*)

— Nghĩa vụ bất tác động (*obligation de ne pas faire*).

**Nghĩa vụ phu phụ tương hỗ** (*obligations réciproques entre époux*)

Giá thú làm phát sinh ra giữa hai vợ chồng những nghĩa vụ tương hỗ sau :

- Nghĩa vụ đồng cư (*obligation de cohabitation*)
- Nghĩa vụ tương trợ (*obligation d'assistance mutuelle*)
- Nghĩa vụ trung thành (*obligation de fidélité*)

Trên nguyên tắc các nghĩa vụ này, chấm dứt khi giá thú bị đoạn tiêu. Tuy nhiên có hai trừ lệ :

- a) Nghĩa vụ đồng cư được chấm dứt trong trường hợp ly thân, mặc dầu giá thú và các nghĩa vụ phu phụ khác vẫn còn tồn tại.
- b) Trái lại nghĩa vụ cấp dưỡng, một hình thức của nghĩa vụ tương trợ vẫn tồn tại trong trường hợp ly hôn dưới hình thức cấp dưỡng người được kiện ly hôn. (Xem các mục : đồng cư, tương trợ, trung thành).

**Nghĩa vụ tự nhiên** (*obligation naturelle*) (cũng gọi là nghĩa vụ thiên nhiên)

Đối với các nghĩa vụ thông thường, nếu người phụ trái không thi hành nghĩa vụ, người chủ nợ có quyền nhờ tòa án và công lực bắt buộc họ phải thi hành. Đối với nghĩa vụ tự nhiên, người chủ nợ không có quyền yêu sách người phụ trái phải thi hành; nhưng nếu tự ý người này đã thi hành, thì họ không có thể đòi ý và yêu cầu người chủ nợ phải hoàn lại. Nói khác, nghĩa vụ tự nhiên liên hệ đến lãnh vực luân lý hơn là luật pháp: vì vậy luật pháp không can thiệp để cho các cá nhân tự vấn lương tâm đối xử với nhau. Thi dụ: mặc dầu một trẻ tư sinh chưa được cha nhìn nhận, nhưng nếu người này cấp dưỡng cho đứa trẻ thì đây là trường hợp một nghĩa vụ tự nhiên.

**Nghị hôn**

Một lễ trong nghi lễ giá thú đời Lê. Ngày nay, ta gọi là lễ dạm hay lễ chạm mặt. Trong lễ này, nhà trai phải nhờ một người mới đến nhà gái dạm hỏi.



**Nghinh hôn :**

Lễ cưới trong nghi lễ giá thú đời Lê. Sau khi đón dâu về nhà, tại nhà trai thường cử hành lễ điện nhận như lễ tơ hồng ngày nay ( lễ vật là một con nhận ).

**Ngoại hôn ( concubinage )**

Tình trạng hai người đàn ông và đàn bà chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không làm giá thú. Sau đây, là vài vấn đề chính yếu do sự ngoại hôn nêu lên đã được giải quyết trong án lệ :

a) Người hạn ngoại hôn không thể yêu cầu được bồi thường, nếu người kia chấm dứt tình trạng ngoại hôn, vì tình trạng này không được coi là hợp pháp.

b) Cũng vì lý do ấy, nếu một người hạn ngoại hôn bị tai nạn chết, người kia không thể đòi bồi thường về sự tổn hại do nạn nhân ấy gây ra.

c) Trong các sự giao thiệp với các người đệ tam, án lệ áp dụng lý thuyết ngoại biểu ( hay hiểu kiến : théorie de l'apparence ). Vì ăn ở với nhau như vợ chồng, nên họ cũng chịu trách nhiệm, trong các nghĩa vụ và chứng thư kết lập với các người đệ tam, như vợ chồng thật.

d) Các con sinh ra trong tình trạng ngoại hôn là các con tư sinh.

**Ngoại hôn công tri ( concubinage notoire )**

Ngoại hôn được mọi người biết rõ. Tình trạng ngoại hôn phải có tính cách công tri, nghĩa là phải được người ngoài biết, chứ không phải chỉ có vài người lân bang biết, mới có thể là một trường hợp cho phép kiện tìm phụ hệ tư sinh cho đứa trẻ tư sinh.

**Ngoại thích ( parent du côté maternel )**

Bà con bên mẹ; thân thuộc họ ngoại.

**Ngoại tình ( adultère )**

Sự không trung thành với chồng; (cũng gọi là phạm gian)

Sự ngoại tình có nhiều hậu quả trong dân luật:

a) Sự ngoại tình là một duyên cớ ly hôn.

b) Con ngoại tình không thể nhận được, và do đó không thể chính thức hóa được.

( Xem mục nghĩa vụ trung thành về các sự chế tài dân sự và hình sự.)

### **Nguồn gốc pháp luật** (*les sources du droit*)

Nguồn gốc pháp luật gồm có nguồn gốc lập pháp và nguồn gốc giải thích.

a) Các nguồn gốc lập pháp (*les sources législatives*) đặt ra các điều khoản pháp luật để chi phối các mối tương quan pháp lý. Song, nếu gặp những trường hợp mà luật pháp không qui định, các thẩm phán sẽ áp dụng tục lệ. Vì vậy, các tục lệ được coi như một nguồn gốc lập pháp bổ khuyết bên cạnh các bộ luật hiện hành.

b) Các nguồn gốc giải thích có nhiệm vụ làm sáng tỏ ý nghĩa và tầm hiệu lực của luật pháp. Các nguồn gốc này gồm có án lệ và học lý. ( Xem các mục này ).

### **Ngũ phục :**

Năm bậc tang chế (quần áo để tang) trong cổ luật và tục lệ :

1— Đại tang trăm thời : 3 năm (áo vải sô chặt bằng dao, sô gấu)

2— Đại tang tề thời : 1 năm (áo vải sô, viền gấu)

3— Đại công : 9 tháng (áo vải thô)

4— Tiểu công : 5 tháng (áo vải hơi thô)

5— Tỉ ma : không quá ba tháng (áo vải nhỏ)

### **Ngược đãi** (*excès*)

Các hành vi làm nguy hại đến tính mệnh của người phối ngẫu.

*CHỮ Ý :* Sự ngược đãi khác sự bạo hành, vì sự bạo hành (*sévices*) là những hành vi vũ phu không làm nguy hại đến tính mệnh của người phối ngẫu.

Theo sự qui định của S.L. 1964, sự ngược đãi cũng như sự bạo hành chỉ là duyên cớ ly hôn nếu có tính cách thâm tệ và thường xuyên khiến hai vợ chồng không thể sống chung với nhau được.

### **Nhân cách** (*personne humaine*)

Con người không những là chủ thể các quyền lợi có thể hoạch đắc được vì những hoạt động trong xã hội, nhưng do nhân cách (nghĩa là tư cách làm người) có những quyền lợi phụ tùy vào nhân cách ấy, thường gọi là nhân quyền (*droits de l'homme*). Những quyền này gồm có những tự do căn bản của con người và ngày nay đã được bản Tuyên ngôn quốc tế về các nhân quyền của Liên Hiệp Quốc công nhận (10 tháng 12 năm 1948).

### **Nhân chứng** (*témoignages*)

Các chứng cứ không căn cứ vào giấy tờ, nhưng dựa vào những lời khai của các người làm chứng.

### **Nhân quyền** (*droits de l'homme*)

Các quyền lợi phụ tùy vào nhân cách (x. chữ này).

Các nhân quyền nhằm hai mục đích:

a— Về phương diện công pháp, nhân quyền hướng về mục đích bênh vực cá nhân, không để các cơ quan của quốc gia dùng những biện pháp võ-đoan bất hợp pháp: như việc câu lưu bất hợp pháp chẳng hạn.

b— Về phương diện dân luật, các nhân quyền nhằm bênh vực cá nhân trong sự giao thiệp với các tư nhân khác, và gồm có: quyền an toàn về thân thể (*droit à l'intégrité corporelle*) và quyền an toàn về tinh thần (*droit à l'intégrité morale*).

### **Nhân trị chủ nghĩa** (*gouvernement par l'humanisme*).

Phái nhân trị chủ trương lấy sự tu thân giáo hóa con người làm căn bản cho sự trị quốc. Nếu trong nước, mọi người đều chăm chú vào sự tu thân, lòng họ tất hướng về điều thiện, các sự phạm pháp không thể xảy ra và do đó, không cần đến pháp luật. Thuyết này do Khổng Tử chủ trương. Sự tu thân phải lấy lễ và nhạc làm phương tiện.

**Nhân thuộc** (*alliance*)

Liên hệ gia đình giữa một người phối ngẫu và thân thuộc của người này (nghĩa đen : nhân = hôn thú; thuộc = thân thuộc; nhân thuộc = sự thân thuộc do giá thú mà có, đối với các bà con bên vợ hay bên chồng).

**Nhân vi** (*intuitu personae* : đối riêng với người nào).

Thí dụ : nghĩa vụ cấp dưỡng có tính cách nhân vi, nghĩa là nghĩa vụ cấp dưỡng được ấn định riêng cho người thụ cấp; vì vậy, người thụ cấp không thể chuyển nhượng được. Nghĩa vụ cấp dưỡng cũng có tính cách nhân vi đối với người tặng cấp; chỉ riêng người này, do đẳng cấp thân thuộc, và tư lực, mới phải trợ cấp. Nếu người ấy mệnh một, nghĩa vụ cấp dưỡng không thể chuyển sang cho các người thừa kế vì những người này không ở trong các điều kiện nói trên.

**Nhìn nhận con tư sinh** (*reconnaissance d'enfant naturel*)

Tử hệ tư sinh có thể do cha hay mẹ tự ý nhìn nhận (*reconnaissance volontaire*). Song những con ngoại tình và con loạn luân không thể nhìn nhận được để tránh những hành vi có tính cách bại luân.

Sự nhìn nhận có thể làm ngay lúc khai sinh và do hộ lại ghi vào trong chứng thư khai sinh. Sự nhìn nhận cũng có thể làm sau khi khai sinh, bằng một chứng thư công chính.

**Nội trợ (quyền)** (*représentation domestique légale de la femme mariée*)

Quyền người vợ được thay mặt chồng, chỉ tiêu về những chi phí nhật dụng trong gia đình, bất luận dưới chế độ hôn sản nào. Mọi hành vi của người vợ đều có hiệu lực đối với chồng. Trước đây, người ta thường coi quyền này như một sự ủy quyền của chồng để coi sóc việc nội trợ (*mandat domestique*). Nhưng lý thuyết này ngày nay không đúng; vì đây là một quyền do luật pháp thừa nhận minh thị cho người vợ (đ. 48 S.L. 1964). Mặc dầu người chồng cũng được luật pháp công nhận quyền truất quyền nội trợ của người vợ, nếu người vợ lạm dụng, song người đệ tam kết ước với người vợ phải

được cáo tri về sự truất quyền ấy, thì khế ước mới không có hiệu lực đối với chồng. Trong thực tế, sự cáo tri này rất khó thực hiện được trong các tỉnh lớn. (Xem mục: chi phi nhất dụng)

## O

**Ở vậ** (**thời kỳ**) (*délai de viduité*). X. cư sương (thời kỳ)

# P

## **Phá án (tòa)** (*cour de cassation*)

Cơ quan tài phán tối cao trong hệ thống các tòa án Tư pháp, trụ sở đặt ở Sài Gòn. (Dụ số 27 ngày 2-9-1951).

Tòa Phá án có thẩm quyền xét xử các đơn thượng tố xin phá các bản án chung thẩm (pourvoi en cassation) của tất cả các tòa án tư pháp các cấp, bất luận là tòa án thường hay tòa án đặc biệt.

Tòa Phá án không xét lại các điểm liên hệ đến các sự kiện đã được án chung thẩm thừa nhận (question de fait), và chỉ xét các điểm pháp luật (point de droit), để kiểm soát xem luật pháp có được áp dụng nghiêm chỉnh không.

Vi vậy chỉ có thể thượng tố xin phá án vì bốn nguyên nhân sau:

- 1— Vô thẩm quyền hay lạm quyền
- 2— Vi luật
- 3— Bất tuân các thể thức luật định về thủ tục
- 4— Tương phản giữa hai bản án cùng xử về một việc do hai tòa án khác nhau tuyên xử.

Khi hủy một bản án chung thẩm, tòa Phá Án bằng một bản án di giao (arrêt de renvoi), sẽ giao vụ tranh tụng cho một tòa án cùng cấp bậc với tòa án chung thẩm để xử lại. Nếu

tòa này không tuân theo quan điểm của tòa phá án và nếu có thượng tố phá án lần nữa, lần này tòa Phá án sẽ xử chung thẩm,

Với nhiệm vụ trên, tòa Phá án không những kiểm soát sự áp dụng pháp luật, còn đảm bảo sự thống nhất trong việc giải thích pháp luật, vì lâu dần, các tòa án sẽ hướng theo án lệ của tòa phá án, nhất là các bản án liên-phòng. Theo Hiến pháp 1967, tòa Phá Án sẽ được thay thế bằng Tối-cao Pháp-Viện

**Phạm gian** (*adultère*) xem: ngoại tình

**Phán quyết** (h. **phán nghị**) (*jugement*) bản án tòa sơ thẩm (xem: án văn).

**Phân tranh luật pháp** (*conflict de lois*)

Phân tranh thẩm quyền giữa luật pháp của hai hay nhiều quốc gia khác, có thể cùng áp dụng cho một vấn đề pháp lý có một yếu tố ngoại lai (un élément d'extranéité). Đây là vấn đề thuộc quốc tế tư pháp (droit international privé). Thí dụ: một người đàn ông Việt Nam lấy một người vợ Ý muốn xin ly hôn. Nếu áp dụng luật Việt Nam, người chồng có thể kiện xin ly hôn vì S.L. 1961 có qui định vấn đề ly hôn; trái lại, nếu áp dụng luật Ý thì luật này cấm ly hôn. Vấn đề tương tranh giữa thẩm quyền của luật Việt Nam và luật Ý là một sự phân tranh luật pháp.

**Phân tranh phụ hệ** (*conflict de paternités*)

Phụ hệ chính thức là một sự suy đoán pháp định. Sự suy đoán này, có thể đưa đến chỗ kết luận là đứa trẻ có thể có hai người cha chính thức, trong trường hợp người đàn bà không tôn trọng thời kỳ cư srong (xem mục cư srong) đây là một trường hợp phân tranh giữa hai phụ hệ chính thức.

Cũng có thể có những sự phân tranh giữa hai phụ hệ tư sinh, hay giữa một phụ hệ chính thức và phụ hệ chính thức hóa.

**Phản kháng giá thú** (*opposition au mariage*)

Giá thú phải niêm yết tại công sở nơi cư trú của người訂婚 trong 10 ngày trước khi làm giá thú. Trong thời hạn

niêm yết, nếu giá thú không hội đủ các điều kiện luật định, có thể bị phản kháng.

Tuy nhiên, vì sự giá thú rất quan hệ đối với đương sự cũng như đối với gia đình và xã hội, nhà làm luật đã qui định chặt chẽ sự phản kháng. (Sự qui định của LGD và S.L. 1961 giống nhau trong đại cương).

a) Chỉ có các người sau đây mới có thể phản kháng:

1— Người đã có hôn thú với một trong hai đương sự.

2— Cha hay mẹ, hoặc ông, bà nội; ông, bà ngoại hoặc người giám hộ.

b) Chứng thư phản kháng phải do thừa phát lại tổng đạt. Chứng thư này phải ghi tư cách phản kháng, cùng điều luật cho phép phản kháng và do người phản kháng ký tên trên bản chính. Người phản kháng phải tuyên định trú quán ở nơi cử hành hôn lễ.

c) Khi có sự phản kháng, viên hộ lại không thể làm giá thú được và phải đợi sự phản kháng được giải trừ (xem mục giải trừ).

**Phân sản** (*partage des biens*) chia tài sản

**Phán định** {h. **xử**} **quá thỉnh** (*statuer ultra petita*)

Tòa phán xử ra ngoài phạm vi các sự yêu cầu của đương sự. Một phán quyết xử như vậy có thể bị thủ tiêu.

**Pháp điển giáo hội** xem chữ *corpus juris canonici* :

**Pháp điển La Mã** xem chữ *corpus juris civilis*

**Pháp chế** (*législation*)

Toàn thể các luật và các bản văn lập quy trong một quốc gia.

**Pháp gia** (**phái**) (*Ecole des Légistes*)

Phái pháp gia chủ trương dùng pháp luật công minh và nghiêm khắc để giữ vững trật tự trong xã hội, không cần đến chủ nghĩa nhân trị, và sự tu thân bằng lễ và nhạc. Đại biểu



nổi danh nhất của phái Pháp gia là Hán phi Tử, dưới đời Tần thủy Hoàng.

### **Pháp luật** (*droit*)

Tất cả các luật lệ và qui tắc chi phối những mối tương quan giữa các cá nhân sống trong xã hội. Pháp luật nhiều khi còn được gọi là *khách quan pháp* (*droit objectif*), để phân biệt với quyền lợi của các cá nhân thường gọi là quyền lợi chủ quan (*droit subjectif*). Như vậy chữ *droit* của Pháp, tương ứng với hai ý niệm khác biệt:

- 1— Ý niệm pháp luật và khách quan pháp
- 2— Ý niệm quyền lợi và quyền lợi chủ quan.

Danh từ pháp luật, cũng có thể dùng theo lối thuận trang: «luật pháp». Nhưng cũng có khi người ta phân biệt giữa hai lối dùng:

- Pháp luật để chỉ khách quan pháp hay toàn thể nền pháp luật thực tại trong nước (gồm có luật, án lệ, tục lệ, các văn kiện lập quy...)
- Luật pháp để chỉ riêng nền pháp chế; các luật và các văn kiện lập qui (*législation*).

### **Pháp luật bất thành văn** (*droit non écrit*)

Trong thời kỳ trung cổ, tại nhiều quốc gia chưa có luật hay luật pháp thành văn; chỉ có các tục lệ, và tập quán: đây là nền pháp luật bất thành văn.

### **Pháp nhân** (*la personne juridique ou morale*)

Bên cạnh các *thể nhân* (*personne physique*) hay các người thường, pháp luật còn công nhận các *pháp nhân* (*personne juridique ou morale*). Đây là những đoàn thể tập hợp các cá nhân hay các tài sản như các hội xã và hội buôn trong dân luật và thường luật, hoặc quốc gia, hay một cơ sở của quốc gia đã được luật pháp nhìn nhận có *nhân cách pháp lý* (*personnalité juridique*), nghĩa là có thể làm chủ thể các quyền lợi, có sản nghiệp riêng biệt như người thật.

Trong dân luật, nhân cách pháp lý nhiều khi cũng gọi là

*nhân cách dân sự (personnalité civile)*, nghĩa là nhân cách để làm chủ thể các quyền lợi dân sự.

**Phế chỉ** (*abroger*).

Bãi bỏ (một đạo luật hay một định chế).

**Phó quyền** (*người*) (*auteur d'un droit*)

Các quyền lợi chủ quan thường có tính cách lý tài. Người chủ thể quyền lợi có thể tự mình hưởng dụng quyền lợi ấy hay di chuyển quyền lợi ấy cho người khác. Người di chuyển là người phó quyền (nghĩa đen, phó cấp cho, giao cho). Người thừa hưởng sự di chuyển ấy là người kế quyền (ayant cause).

**Phối ngẫu (người)** (*le conjoint*)

Người mà đương sự kết hôn với. Danh từ này được dùng để chỉ vợ hay chồng.

**Phối ngẫu tồn sinh (h. thượng tồn)** (*le conjoint survivant*)

Nếu vợ hay chồng chết trước, người phối ngẫu còn lại là người phối ngẫu tồn sinh; cũng gọi là người phối ngẫu thượng tồn.

**Phụ hệ** (*paternité*).

Mối liên hệ giữa cha và con.

Phụ hệ được suy đoán theo các điều khoản trong luật (xem mục suy đoán phụ hệ). Tuy nhiên, nếu người cha tự xét mình không phải là cha đứa trẻ đã do người vợ đã sinh hạ, họ có thể khước từ phụ hệ (xem mục khước từ phụ hệ).

Mối liên lạc giữa cha và con, đứng về phương diện người con, cũng gọi là tử-hệ (*filiation*). Đức kết cả hai danh từ phụ hệ và tử hệ làm một, có thể dùng danh từ: phụ tử hệ (*filiation et paternité*).

**Phụ hệ chính thức** (*paternité légitime*)

Mối liên hệ giữa cha và các con sinh trong giá thú. Phụ

hệ chính thức bao giờ cũng do sự suy đoán theo các điều khoản luật định.

### **Phụ hệ tư sinh** (*paternité naturelle*)

Mối liên hệ giữa cha và các con ngoại hôn. (hay các con tư sinh) nghĩa là các con do một người đàn bà sinh hạ, tuy không có giá thú. Nếu người cha cũng là độc thân, thì là trường hợp một phụ hệ tư sinh thường (*paternité naturelle simple*); trái lại, nếu người cha đã có giá thú với một người đàn bà khác, thì đây là trường hợp một phụ hệ tư sinh ngoại tình (*paternité adultérine*).

*CHÚ Ý* : Một phụ hệ tư sinh thường có thể nhận tự ý, hay có thể truy tầm trước tòa án (xem các mục này). Trái lại, một phụ hệ tư sinh ngoại tình không thể nhận nhận được, cũng không thể truy tầm được, để tránh các hành vi bại luân.

### **Phụ quyền** (*autorité maritale*)

Trong ba bộ DLB, DLT và DLGY, phỏng theo quan niệm của DLP trước 1938, người đàn bà, một khi lấy chồng, mất hết năng lực pháp lý và phải chịu phụ quyền. Muốn làm một hành vi pháp luật nào như ký kết một chứng thư, người ấy phải xin phép chồng.

LGD 1959 đã bãi bỏ vô năng lực của người đàn bà có chồng và S.L. 1961 đã duy trì giải pháp này vừa hợp lý và hợp với tình trạng xã hội ngày nay hơn.

**Phụ tử hệ** (*paternité et filiation*) xem : phụ hệ.

**Phúc nghị hay phúc quyết** (*arrêt de la cour d'appel*)

Án tòa thượng thẩm. Các bản án này hoặc y các bản án của tòa sơ thẩm, hoặc cải bổ nhất bộ hay toàn phần. (Xem mục : Thượng thẩm).

# Q

**Quả phụ** ( *veuve* ) : vợ góa.

Ngày trước, người quả phụ muốn tái giá, phải tôn trọng thời kỳ để tang chồng, (DLB và DLT). LGD cũng như Sắc luật 1961 không qui định thời kỳ cư tang của người quả phụ. Tuy nhiên, để tránh sự hỗn loạn tử tức và vấn đề phân tranh phụ hệ, nhà làm luật đáng lẽ phải qui định thời kỳ cư tang. Đáng tiếc, là sắc luật 1961 đã quên không giải quyết vấn đề này ( xem mục cư tang ).

**Quản lý** ( *hành vi* ) ( *actes d'administration* )

Cũng gọi là hành vi quản trị thông thường. Các hành vi quản lý là những hành vi trông coi thông thường tài sản để các tài sản này sinh lợi và khỏi bị tổn thất, như hành vi cho thuê, sửa chữa .. Ngay đối với hành vi cho thuê, thời hạn cho thuê cũng không được quá dài ( thường dưới 9 năm ).

**CHÚ Ý :** a) Đối với các hành vi quản lý hay quản trị, giám hộ có thể làm được một mình để trông coi tài sản cho bảo nhĩ, không cần phải xin phép hội đồng gia tộc.

b) Trong thủ tục thất tung, trong thời kỳ dự đoán thất tung, tòa án cũng chỉ định ngay một người quản lý để trông coi tài sản của người thất tung.

c) Vị thành niên thoát quyền theo DLGY có thể làm một mình các hành vi quản lý.

d) *Đôi lập với các hành vi quản lý, là các hành vi xử phân (xem mục xử phân).*

**Quản trị thông thường (hành vi)** (*acte de pure administration*) x. hành vi quản lý.

### **Quản tài (chế độ)** (*la curatelle*)

Trẻ vị thành niên thoát quyền (*mineur émancipé*) tuy không có hoàn toàn năng lực dân sự để ký kết một mình vào các chứng thư pháp luật, (như vay mượn...) song chính họ được tham dự vào các chứng thư ấy chỉ cần có sự phụ trợ của một người quản tài làm cố vấn cho họ. Vì vậy, chế độ bảo vệ vị thành niên thoát quyền thường gọi là *chế độ quản tài (la curatelle)*, (cũng xem mục: Thoát quyền)

### **Quản tài (viên)** (*le curateur*)

Người cha hay mẹ góa được đương nhiên làm quản tài cho con thoát quyền. Nếu không có cha mẹ, tại Nam Phần, quyền quản tài thuộc về trưởng tộc hay người do hội đồng gia tộc chỉ định. Theo DLB và DLT, nếu không có cha hay mẹ làm quản tài, hội đồng gia tộc sẽ cắt cử một người về việc này.

**Quy tắc tiền lệ** (*règle du précédent*) x. Rule of precedent

### **Quốc triều hình luật**

Thường gọi là Bộ Luật Hồng Đức, hay bộ luật nhà Lê gồm có 722 điều, chia làm 6 quyền, mỗi quyền chia làm hai chương, trừ quyền 3 chia làm 3 chương, cộng tất cả là 13 chương. Bộ luật này được soạn dưới đời Lê thánh Tông, trong khoảng niên hiệu Hồng Đức (1470 - 1497).

Mặc dầu, cũng chịu ảnh hưởng của nhân trị chủ nghĩa, bộ Quốc triều hình luật có nhiều điều tàn kỳ, không hề được ban hành ở Trung hoa, nhất là trong quyền ba, trong các chương hộ hôn và điền sản. Trong hai chương này đã có những điều qui định rõ ràng cách thức làm chức thư hay chứng thư khác (đ. 366); chế độ tài sản của vợ chồng (đ. 374 đến 376); nhất là các điều qui định về hương hỏa (đ. 388 đến 400), không hề thấy trong luật Trung hoa, hay của một quốc gia nào khác ở Á châu, mặc dầu cũng có tục thờ phụng tổ tiên.

**Quốc triều từ tụng điều lệ** hay *Quốc triều khản tụng điều lệ*.

Quyền luật lệ về tố tụng đầu tiên của Việt Nam, và cũng của cả Đông phương, soạn dưới đời vua Lê dụ Tông năm Vĩnh Thịnh 11 (1718) và được tái bản năm 1778. Thật là một vinh dự cho các nhà làm luật Triều Lê, ngay từ đầu thế kỷ thứ 18, đã biết phân biệt rõ ràng giữa các điều khoản luật thuộc về nội dung, và các điều khoản thuộc về tố tụng nghĩa là liên quan đến cách tổ chức nền tư pháp và thưa kiện. Ngày nay, ta hiểu rõ là sự phân biệt này rất quan trọng, nhất là trong các vụ phân tranh luật pháp về quốc tế tư pháp.

### **Quốc triều thông chế**

Bộ luật nhà Trần, soạn dưới đời Trần thái Tông, niên hiệu Kiến trung thứ 6 (1230); gồm 20 quyển. Sách này nay không còn, vì Trương Phụ tịch thu đem về Kim Lăng khi nước ta bị quân nhà Minh xâm chiếm.

### **Quyền chuyên quyết** (*droit discrétionnaire*)

Quyền lợi mà các người chủ thể được tự ý hành xử như ý muốn, không bao giờ bị tòa án coi là có sự lạm quyền (abus de droit). Thí dụ : quyền của cha mẹ ưng thuận giá thú của các con. Bất luận cha mẹ từ chối vì lý do gì, không một tòa án nào có thể coi sự từ chối này là một sự lạm quyền.

**Quyền đối nhân** (*droit personnel*) hay *trái quyền* (*droit de créance*)

Quyền của chủ nợ (hay trái chủ) đòi con nợ (hay người phụ trái) thì hành một nghĩa vụ. Nghĩa vụ này có thể là một nghĩa vụ chuyển hữu (obligation de donner), một nghĩa vụ tác động (obligation de faire) hay một nghĩa vụ bất tác động (obligation de ne pas faire). Do đó, nghĩa vụ có thể định nghĩa là một sợi dây pháp luật (*vinculum juris*) *giàng buộc người phụ trái với trái chủ*, bắt buộc người phụ trái phải cho, làm, hay không làm một việc gì dưới sự kiểm soát của pháp luật. Chính do sự giàng buộc này giữa trái chủ và người phụ trái, mà người ta đã dùng danh từ quyền đối nhân.

**CHÚ Ý :** a) *Đôi lập* với quyền *đôi nhân* là quyền *đôi vật* ( xem mục này )

b) *Đừng* làm quyền *đôi nhân* ( *droit personnel* ) thường là những quyền lợi chủ quan có tính cách lý tài, với những quyền lợi phụ tùng vào nhân cách mà người ta thường gọi là *nhân quyền* ( *droits de l'homme* hay *droits de la personne humaine* ) không có tính cách lý tài, thuộc vào loại ngoại sản nghiệp quyền ( *droit extra-patrimoniaux* ).

### **Quyền đối vật** ( *droit réel* ) cũng gọi là *vật quyền*

Quyền được hành sử một sự vật và được hưởng các sự lợi ích kinh tế của sự vật ấy. Các quyền đối vật chia làm hai loại:

— *Các vật quyền chính yếu* ( *les droits réels principaux* )

Các quyền này đều có một đặc tính chung : chủ đích các quyền này là sự hưởng dụng trực tiếp các sự vật. Thí dụ : quyền sở hữu ( *droit de propriété* ); quyền dụng ích ( *droit d'usufruit* ) hay quyền ứng dụng và thu lợi một đồ vật ...

— *Các vật quyền phụ thuộc* ( *les droits réels accessoires* )

Để bảo đảm cho các trái quyền, hay các món nợ, và do đó chỉ là phần phụ thuộc của các trái quyền. Thí dụ : trong trường hợp một bất động sản của con nợ được để đương ( *hypothèque* ) để bảo đảm cho món nợ, quyền để đương ( *droit d'hypothèque* ) của chủ nợ là một vật quyền phụ thuộc.

### **Quyền lợi chủ quan** ( *droit subjectif* )

Quyền lợi tư của cá nhân trong các việc giao thiệp hàng ngày, do các hành vi pháp luật hay các chứng thư pháp luật mà phát sinh ra như mua, bán, thuê, cho vay, mượn v.v...

### **Quyền ngoại sản nghiệp** ( *droits extra-patrimoniaux* )

Những quyền lợi có chủ đích làm thỏa mãn các nhu cầu tinh thần, không có tính cách kinh tế hay lý tài. Thí dụ : các nhân quyền ( các quyền tự do căn bản của con người, quyền an toàn thân thể v.v... ). Những quyền lợi trong luật gia đình cũng thuộc về loại các quyền ngoại sản nghiệp như quyền được ứng thuận giá thú, quyền được làm giám hộ v.v...

### **Quyền sản nghiệp** (*droits patrimoniaux*)

Các quyền lợi của tư nhân có chủ đích thỏa mãn các nhu cầu kinh tế; và có tính cách lý tài. Loại quyền sản nghiệp gồm có các quyền đối vật và đối nhân. (Xem các mục này)

Hầu hết các quyền lợi do các hành vi pháp luật hay các chứng thư pháp luật phát sinh ra đều có tính cách lý tài hay kinh tế và thuộc vào loại sản nghiệp quyền.

### **Quyền sử dụng** (*usus hay droit d'usage*)

Vật quyền cho phép sử dụng một vật gì. Thí dụ: quyền đi qua một thửa đất; quyền dùng nước ở một cái giếng.

### **Quyền thu lợi** (*fructus hay droit de percevoir les fruits*)

Vật quyền được phép thu hoa lợi hay lợi tức của vật gì.

**Quyền ứng dụng thu lợi** (*droit d'usufruit*). Cũng gọi tắt là *quyền dụng ích* (đó hai danh từ ứng dụng, sử dụng và ích lợi = hoa lợi hợp thành): vật quyền gồm có hai quyền sử dụng và thu lợi.

### **Quyền viếng thăm** (*droit de visite*)

Lý hôn và lý thân có hậu quả quan trọng đối với thân quyền. Trên nguyên tắc, người phối ngẫu nào được kiện sẽ được quyền giám thủ các con và hành xử thân quyền. Nhưng tòa án cũng có thể phân định khác, theo quyền lợi của con cái. Người hôn phối không được giữ con, không vì vậy mà mất hết thân quyền. Ngoài sự kiểm soát người giám thủ về phương diện giáo dục con cái, họ « có quyền thăm viếng tùy theo sự thỏa thuận của hai bên hay tòa án định » (đ. 90 k.3 S.L. 1964).

Khi người được giám thủ con cái, ngăn cản không cho người có quyền thăm viếng được sử dụng quyền này, họ sẽ bị phạt theo điều 357 luật hình canh cải (từ 1 tháng đến 1 năm tù và từ 64đ. đến 20.000đ. phạt) về tội bất trình diện ấu nhi, (*délit de non représentation d'enfant*).



# R

## **Rã y vợ** (*répudiation*)

Trong cổ luật, sự bỏ vợ không cần phải theo một thủ tục nào, vì pháp luật không đề cập đến vấn đề qui định thủ tục này. Có khi sự bỏ vợ có hình thức tán nhẫn đuổi vợ ra đi. Dầu sao, trong sự bỏ vợ, người vợ không được hưởng một đảm bảo nào trước pháp luật để chống đối với các hành vi bất công của người chồng. Những hình thức bỏ vợ bất nhân này thường được gọi chung là «rã y vợ», một danh từ phản chiếu tất cả sự độc đoán của người chồng.

Sự rã y vợ đã không được công nhận trong DLB, DLT và án lệ ở Nam phần, mặc dầu sự qui định của DLGY không được minh thị về vấn đề này.

## **Rule of precedent** (*règle du précédent*) (qui tắc tiền-lệ)

Trong luật của Anh Quốc, án lệ có một vai trò rất quan trọng. Khi một bản án được tuyên xử, bản án ấy thành một tiền lệ. Sự quyết đoán ấy không những có giá trị cho vụ kiện này, còn giáng buộc các tòa án khác, khi lâm thời phải xử các vụ tương tự.

# S

## **Sắc lệnh** (*décret*)

Bản văn lập qui do quyền hành pháp (Tổng Thống) soạn và ban hành để ấn định các thể thức thi hành những đạo luật do Quốc hội biểu quyết.

Thi dụ : một đạo luật về tổng động viên do quốc hội biểu quyết đặt ra những nguyên tắc tổng quát về vấn đề này. Thể thức thi hành đạo luật này sẽ được ấn định trong một sắc lệnh của quyền hành pháp.

## **Sắc luật** (*décret-loi*)

Trong một số trường hợp đặc biệt được ấn định trong hiến pháp, Quốc hội có thể ủy nhiệm quyền lập pháp cho quyền hành pháp để làm các sắc luật. Những sắc luật này cũng có giá trị như các đạo luật do quốc hội biểu quyết.

## **Sản nghiệp** (*patrimoine*)

Toàn thể các quyền lợi và các nghĩa vụ của một cá nhân hợp thành sản nghiệp của người ấy. Như vậy sản nghiệp gồm có hai phần :

a) *Phần tích sản* (*l'actif du patrimoine*) gồm có các quyền lợi, các trái quyền các nghĩa vụ mà mình có quyền sử dụng hay có quyền yêu sách những người khác thi hành.

b) Phần tiêu sản (*le passif du patrimoine*) gồm các nghĩa vụ hay các món nợ mà các người khác có quyền yêu sách mình thì hành.

Theo học thuyết cổ điển, sản nghiệp của mỗi cá nhân được coi như một khối toàn ngạch (une universalité), lúc tăng, lúc giảm. Sản nghiệp có thể ví như cái túi đựng tiền lúc voi, lúc đầy tùy theo sự chi tiêu mỗi lúc. Người nào cũng có một sản nghiệp và chỉ có thể có một sản nghiệp bao gồm tất cả các tài sản và các nghĩa vụ của họ. Sản nghiệp ấy dùng làm bảo đảm cho sự thi hành các nghĩa vụ và các công nợ. Người thừa kế cũng không được có hai sản nghiệp vì lẽ sản nghiệp người chết đi và sản nghiệp người thừa kế sẽ sáp nhập làm một.

### Sánh dẫn điều luật

Quyền 22 trong bộ luật Gia Long nêu nguyên tắc «sánh dẫn điều luật»: Nếu trong luật không có chính điều, thì căn cứ vào điều luật khác trong tự mà nghị xử. Quyền 22 này có nêu ra 30 thí dụ (trong 30 khoản luật) nguyên tắc «sánh dẫn điều luật». Phương pháp sánh dẫn điều luật có thể ví với *lỗi suy luận tỷ loại* ngày nay (*raisonnement par analogie*).

**Sính lễ** (*fiancailles*) X. Ăn hỏi.

### Smriti hay Dharmasastra

Sách do các tác giả Ấn độ biên chép các tục lệ trong nước một cách hàm hồ, không có phân loại minh bạch, viết theo thể văn xuôi hay văn vần. Ngoài các điều liên quan đến luật pháp, nhiều đoạn chỉ liên hệ đến tôn giáo hay luân lý. Về các sách này, hiện nay còn lưu truyền ba bộ chính yếu: bộ luật Manou (có lẽ vào thế kỷ thứ 2 trước kỷ nguyên); luật Yajnavalkya (thế kỷ thứ 4 sau kỷ nguyên) và luật Narada (thế kỷ thứ 5 sau kỷ nguyên).

Các sách Smriti không hề được ban hành, nhưng được dân Ấn tôn sùng là vì kính nể tư cách của tác giả và được coi là một nguồn gốc của nền pháp luật Ấn Độ.

### Srutī

Loại sách thánh ở Ấn độ được coi như là nguồn gốc

chính yếu của nền pháp luật Ấn, vì nền pháp luật này chịu ảnh hưởng sâu xa của tôn giáo. Các sách Sruti gồm có a) *kinh Véda* (kinh Phệ đà) gồm 4 quyển, có tính cách thiêng liêng đối với dân Ấn độ như kinh Coran trong Hồi giáo pháp; b) *kinh Védanga* (6 quyển phụ lục vào kinh Phệ đà); c) *kinh Upanishad*.

Tất cả các kinh sách này ghi chép các lời của đấng Thượng Đế, vẫn được truyền khẩu từ thượng cổ.

### **Stare decisis.**

Quy tắc tiền lệ trong luật của Mỹ. Quy tắc này khác qui tắc tiền lệ trong luật của Anh Quốc (rule of precedent) ở chỗ Tòa Tối Cao Pháp Viện Liên bang và Tối Cao Pháp Viện tiểu bang ở Hoa Kỳ không tự coi mình bị ràng buộc bởi tiền lệ và có thể tự do thay đổi án lệ. (Xem các mục án lệ pháp và rule of precedent).

### **Sở hữu (quyền) (droit de propriété)**

Quyền đối vật chính yếu quan trọng nhất vì sở hữu chủ (le propriétaire) có đủ quyền sử dụng (usus, hay droit d'usage) quyền thu lợi để thu hoa lợi (fructus, hay droit de perception des fruits) và quyền sử phân theo ý muốn (abusus hay droit de disposition), nghĩa là quyền được tùy ý định đoạt đồ vật họ có (bán, cho ...). Theo quan niệm cổ điển, quyền sở hữu có tính cách tuyệt đối, nghĩa là không có ai có thể xâm phạm tới. Tuy nhiên, ngày nay, với ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội, nhà làm luật cũng hạn chế quyền sở hữu về nhiều phương diện (hạn chế giá ngạch cho thuê; qui định quyền chủ nhà, chủ ruộng; qui định quyền tiên mại của người thuê vv...)

Ngoài ra, án lệ cũng áp dụng thuyết lạm quyền đối với sở hữu chủ đã sử dụng quyền sở hữu của mình với ý định gây sự thiệt hại cho người khác.

### **Song hôn (bigamie)**

Không thể làm giá thú, nếu đương sự hiện đã có một giá thú khác chưa đoạn tiêu. Nếu đương sự vi phạm vào điều kiện này, giá thú sẽ vô hiệu về phương diện dân sự. Ngoài ra về hình sự, đương sự sẽ bị trừng phạt về tội song hôn (đ. 340

II.L.C.C. 6 tháng đến 3 năm tù, 200đ đến 20.000đ tiền phạt.)

### **Sudra :**

Đẳng cấp (caste) Thủ đà trong xã hội Ấn độ gồm các người không thuộc các đẳng cấp Bà la môn, Võ sĩ, hay Nông dân.

### **Sự luật**

Ba chương luật do Tiều hà ( dưới đời Hán cao Tổ ) thêm vào bộ luật Pháp Kinh của Lý Khôi, để làm thành bộ luật của nhà Hán, gồm 9 chương, nên gọi là Cửu chương luật.

Chính trong ba chương sự luật này, có một chương nhan đề là « Hộ luật » qui định các vấn đề kiểm tra dân số, giá thú, gia đình .... , Danh từ « Hộ luật » ngày nay được dùng để chỉ dân luật, bắt đầu có tự đây. ( X. mục Hộ luật và Cửu chương luật )

### **Suy bần ( *appauvrissement* )**

Danh từ này được dùng để chỉ tất cả những khoản gì bị thua thiệt trong lý thuyết đặc lợi vô nguyên nhân ( *enrichissement sans cause* ).

### **Suy đoán pháp định ( *présomption légale* ).**

Trên nguyên tắc, trong một vụ kiện, ai nại ra hay yêu cầu điều gì phải dẫn chứng điều ấy, trừ phi trong luật, đã qui định sẵn một sự suy đoán : đây là trường hợp suy đoán pháp định. Thí dụ : Trong dân luật có sự suy đoán về phụ hệ chính thức ( *présomption de paternité légitime* ). Theo sự suy đoán này, các trẻ sinh ra trong thời kỳ giá thú là con chính thức của người chồng, không phải dẫn chứng điều gì khác.

Các sự suy đoán pháp định này thường căn cứ vào những sự nhận xét thông thường mà kết luận như vậy ( *plurimquêfit* ).

### **Suy đoán thông thường ( *présomption simple* ) và Suy đoán bất khả cự tuyệt ( *présomption irréfragable* )**

Các sự suy đoán pháp định chia làm hai loại :

Các sự suy đoán thông thường (*présomption simple* hay *juris tantum*), có thể dùng phản chứng để đánh đổ; và các sự suy đoán bất khả cự tuyệt (*présomption irréfragable* h. *juris et de jure*), không thể dùng phản chứng đánh đổ được.

Sự suy đoán phụ hệ chính thức thuộc về loại suy đoán thông thường; người chồng có thể khước từ người con trong nhiều trường hợp (X. mục khước từ).

Thí dụ về sự suy đoán bất khả cự tuyệt: nguyên tắc uy quyền quyết tụng (*autorité de la chose jugée*). Theo nguyên tắc này, một bản án, một khi đã được tòa phán xử chung quyết, thì được coi như có giá trị chân lý tuyệt đối giữa các đương sự. Đương sự không thể thưa kiện lại một lần khác.

**Sưu tầm tự do và khoa học (Phương pháp)**  
(*méthode de la libre recherche scientifique*).

Phương pháp giải thích luật pháp không bắt buộc phải tìm kiếm ý chỉ nguyên thủy của nhà làm luật, trong trường hợp các điều khoản trong luật không minh bạch. Các luật gia và thẩm phán có thể dùng phương pháp sưu tầm tự do và khoa học để tìm xem giải pháp nào hợp lý nhất. Phương pháp này sẽ căn cứ và đối chiếu pháp, tình trạng xã hội, sự diễn tiến của xã hội, và óc công bình để giải thích luật.

Nhưng phương pháp này đòi hỏi ở luật gia và thẩm phán nhiều điều kiện khó khăn: óc hoàn toàn khách quan; sự hiểu biết sâu rộng về đối chiếu pháp, sử ký, xã hội học v.v... Do đó, lý thuyết tuy đẹp đẽ, song trong thực tế thường không đem lại kết quả mong muốn: một đằng những kiến thức nói trên không phải ai cũng có thể có một cách sâu rộng, một đằng các thẩm phán, và luật gia cũng dễ bị lôi cuốn về chính trị, tôn giáo v.v..., không có óc khách quan.

**Sưu tầm ý chí của nhà lập pháp hiện tại (phương pháp)**  
(*méthode de la recherche de la volonté du législateur actuel*)

Phương pháp giải thích luật pháp có mục đích tìm kiếm ý chí của nhà lập pháp, nhưng không phải ý chỉ nguyên thủy lúc đạo luật tối nghĩa được soạn thảo, ban hành, mà chính là

phải tìm kiếm ý chí của nhà lập pháp hiện tại. Nói khác, nhà giải thích phải giải quyết vấn đề sau : « Đứng trước vấn đề tương tranh, ý chí nhà lập pháp hiện nay sẽ như thế nào ? »

Nhà giải thích phải căn cứ vào các sự kiện xã hội, các tập tục, các sự diễn tiến... để suy đoán ra thái độ, ý chí nhà làm luật hiện tại.

Phương pháp này cũng đòi hỏi ở nhà giải thích nhiều điều kiện khó khăn, nhưng xét ra là phương pháp giải thích luật pháp xác đáng hơn cả. (Xem các mục : chú giải, và sưu tầm tự do và khoa học)

**Sử phân ( hành vi, hay quyền )** (*acte de disposition, droit de disposer*) (nghĩa đen : sử = sai khiến, phân = chia ra, định đoạt)

Hành vi hay quyền định đoạt, theo ý muốn về một sự vật, thường là những sự định đoạt liên hệ đến quyền sở hữu (bán, đổi chác, tặng dùm, góp phần vào hội xã v.v... hay có tính cách cam kết lâu dài trong tương lai (như thiết định một sự để đương, một địa dịch v.v.)).

**CHÚ Ý :** Về phương diện chính tả, danh từ này hay viết lầm là xử phân. (Xử có nghĩa là phân xét). Phải viết là sử phân mới đúng.

# T

**Tài sản cộng đồng** (*biens communs*) (cũng gọi là tài sản cộng đồng) của hai vợ chồng: Của chung của hai vợ chồng.

Theo S.L. 1964, khi hai vợ chồng không làm hôn khế để ấn định chế độ hôn sản, các tài sản của hai bên sẽ do chế độ cộng đồng pháp định (régime de communauté légale) chi phối. Theo chế độ này, có một khối cộng đồng gồm các tài sản cộng đồng hay tài sản chung của hai vợ chồng. Ngoài ra, mỗi người còn có một khối tài sản riêng.

Các tài sản cộng đồng có thể là: (đ. 54 S.L. 1964)

1) động sản thuộc quyền sở hữu của mỗi vợ chồng ngày hôn thú thành lập.

2) động sản của vợ hay chồng được hưởng trong thời gian hôn thú do sự hưởng thừa kế hay sự tặng dùm, hay sự di tặng, trừ phi người làm di chúc hay người chủ tặng đã định khác.

3) động sản hay bất động sản của vợ hay chồng tạo mãi trong thời gian hôn thú.

4) hoa lợi của tất cả những tài sản không phân biệt thú đặc trước hay trong thời gian hôn phối.

Chế độ cộng đồng pháp định này mượn dùng nguyên văn của Dân luật Pháp 1804: đây là chế độ Cộng đồng các động



sản và tài sản hoạch đặc (*communauté de meubles et d'acquêts*). Nói tóm lại, và theo định danh từ trên, chỉ có các động sản và các tài sản hoạch đặc (h. tạo mãi) được coi là tài sản cộng đồng hay của chung của hai vợ chồng.

**Tài sản hoạch đặc** (*les acquêts*) (cũng gọi là tài sản tạo mãi) : Tài sản làm ra, mua được trong thời gian giá thú.

Phải phân biệt loại tài sản này với các tài sản được tặng dũa hay thừa kế, không mất tiền mua. Trên nguyên tắc, theo S.L. 1964 tất cả các tài sản tạo mãi hay hoạch đặc trong thời gian giá thú đều là tài sản cộng đồng (của chung), không phân biệt động sản hay bất động sản.

### **Tài sản riêng** (*les biens propres*)

Theo S.L. 1964, d. 55, tài sản riêng của mỗi vợ chồng có hai loại :

1) Những bất động sản thuộc quyền sở hữu của mỗi vợ chồng ngày thành lập hôn thú;

2) Những bất động sản mà mỗi vợ chồng thủ đắc trong thời gian hôn phối do sự hưởng thừa kế, tặng dũa hay di tặng.

### **Tam bất khử**

Ba trường hợp không thể bỏ vợ được trong cỗ luật, mặc dầu người chồng có thể nại được một trong bảy trường hợp « thất xuất ».

1) Tăng kinh tam niên tang : đã để tang nhà chồng trong ba năm.

3) Tiền bản tiện, hậu phú quý : lúc lấy nhau thì nghèo, về sau vợ chồng trở nên giàu có.

3) Hữu sở thú, vô sở quy : lúc lấy nhau còn thân thuộc, nay không còn nơi bà con để về nương tựa.

**Tang chế** : quần áo, thời hạn để tang. X. ngũ phục.

**Tăng tôn** : cháu; con của cháu.

**Tăng tử phụ mẫu** : cụ (sinh ra ông bà nội).

**Tên** (*nom*)

Tên dùng để gọi người trong họ, tránh sự lăm lăm giữa các người cùng một họ. Thí dụ:

Nguyễn văn Giáp: ông Giáp trong họ Nguyễn

Nguyễn văn Ất : ông Ất trong họ Nguyễn.

Thời trước, trong gia đình, thường đặt cho mỗi con một *tên tục* để gọi thường ngày. Những tên này thường dùng những chữ tục tằn (vì vậy gọi là tên tục), vì người ta tin rằng với các tên xấu xí, các con cháu khỏi bị tà ma bắt. Đối với các con trai, khi đến tuổi vào sổ đình (18 tuổi trả thuế, đi lính), mới chọn một tên khác để vào sổ, gọi là *tên bộ* (bộ hay bạ = sổ). Đối với con gái lớn lên độ 12, 13 tuổi, cha mẹ cũng đặt cho tên khác.

Ngoài ra, các người học thức thường có *tên hiệu* hay *tên tự*. Lúc già, nhiều người còn chọn cho mình *tên thụy* để dùng trong việc phụng tự, tên này cũng do con cháu đặt ra sau khi cha mẹ, ông bà chết.

Trên nguyên tắc, tên không thể thay đổi được. Muốn thay đổi tên, phải xin phép tòa án; vì các sự sửa đổi trong các chứng thư hộ tịch phải do tòa án phân định.

**Thác loạn tinh thần** (*aliénation mentale*) điên rồ, loạn óc.

Các người điên được luật pháp bảo vệ các quyền lợi dưới hình thức sự giám hộ và sự cấm trị sản h. cấm quyền (xem mục cấm trị sản).

**Thời nghén** (**thời kỳ**) *thời kỳ pháp định thai nghén* (*période légale de grossesse*)

Theo kinh nghiệm, thời kỳ thai nghén tối thiểu là 186 ngày và tối đa là 286 ngày. Dựa vào các sự kiện này do khoa học đã chứng nghiệm, và cũng để cho tất cả các trường hợp bất thường được bao gồm chắc chắn trong sự suy đoán phụ hệ, nhà làm luật đã ấn định rằng thời kỳ thai nghén pháp định tối thiểu là 180 ngày và tối đa là 300 ngày; do đó có thể tính

được *thời kỳ thụ thai pháp định*. Thời gian này là thời gian kể từ ngày 300 tới ngày thứ 180 trước khi sinh,

**Thẩm quyền** (*compétence*) quyền xét xử của tòa án.

**Thẩm quyền luật pháp** (*loi compétente*)

Trong một vụ tranh tranh trong quốc tế tư pháp (vì liên hệ đến một yếu tố ngoại lai), nên thường có hai hay nhiều luật có thể áp dụng cho vụ kiện. Quốc tế tư pháp có mục đích tìm xem luật pháp nào có thẩm quyền trong mỗi vụ phân tranh pháp luật

**Thẩm quyền tòa án** (*tribunal compétent*)

Khi có việc kiện, trước hết phải biết tòa án nào có thẩm quyền. Cần phân biệt hai thẩm quyền :

a) *Thẩm quyền đối vật* (*ratione materiae*) hay *thẩm quyền tuyệt đối* liên hệ đến bản chất của vụ kiện; thí dụ : vụ kiện về dân sự thì kiện trước tòa án dân sự; hình sự trước tòa án hình v.v...

b) *Thẩm quyền quản hạt* (*compétence territoriale h. ratione loci*) hay *thẩm quyền đối nhân* (*ratione personae*), hoặc *thẩm quyền tương đối* : Trong mỗi loại tòa án, lại phải xét tòa án nào, tọa lạc tại nơi đâu, được thụ lý vụ kiện. Để giải quyết vấn đề này, một trong các tiêu chuẩn chính yếu là *cơ sở của bị đơn* : Nói khác, tòa án có thẩm quyền có thể là tòa án nơi bị đơn có *cơ sở*.

**Thăm viếng (quyền)** (*droit de visite*)

x. quyền thăm viếng.

**Thành niên** (*adulte*)

Đến 21 tuổi, người thành niên được có năng lực dân sự hoàn toàn. Nói khác, người thành niên có quyền kết lập các chứng thư pháp luật, cam kết các nghĩa vụ v.v..., không cần phải ai trợ lực hay đại diện.

**Thành ý** (**h. ngay tình**) (*bonne foi*)

Sự tin lầm là tình trạng pháp lý hay quyền lợi của đương sự có tính cách hợp pháp.

Sự ngay tình hay thành ý trong giá thú khiến cho một giá thú vô hiệu vẫn có hiệu lực đối với người phối ngẫu ngay tình. (Xem mục giá thú ngộ tin)

**Thân đẳng** (*degré de parenté*): thứ bậc thân sơ giữa các thân thuộc.

Trong cổ luật và tục lệ, thân đẳng chia làm 5 bậc, tùy theo tang phục (xem mục này); người thân phải để tang lâu, người sơ để tang ngắn.

Theo dân luật hiện hành, cách tính thân đẳng theo dân luật tây phương, phân biệt trực hệ và bàng hệ.

a) Trong trực hệ, số bậc thân sơ là số đời phân cách hai người thân thuộc, cha với con là thân thuộc đệ nhất cấp; ông với cháu là thân thuộc đệ nhị cấp v.v...

b) Trong bàng hệ, phải tính cả số đời trong hai ngành của hai người thân thuộc, phân cách người ấy với ông tổ chung, rồi tổng cộng lại. Thí dụ: chú cháu là bàng thân đệ tam cấp; hai anh em con chú con bác là bàng thân đệ tứ cấp.

### **Thân nghinh (lễ)**

Lễ nghinh hôn hay đón dâu dưới đời Lê.

### **Thân quyền** (*puissance paternelle*)

Quyền của cha mẹ (thân = cha mẹ) đối với con cái. Một đôi khi người ta cũng dùng danh từ phụ quyền, nhưng danh từ này không được xác đáng, vì người mẹ có thể hành xử thân quyền (trường hợp người cha thất tung; hay trường hợp ly hôn, mà người mẹ được giám hộ con). Theo nghĩa rộng, thân quyền gồm rất nhiều quyền đối với các con như quyền ưng thuận cho con làm giá thú, quyền ưng thuận cho con làm con nuôi, quyền ưng thuận cho con thoát quyền, quyền tự ý sử dụng tài sản bằng chúc thư hay san thư.

Theo nghĩa hẹp, ba bộ Dân luật DLB, DLT và DLGY đã qui định dưới danh từ « Thân quyền » một số quyền hạn của người gia trưởng đối với nhân thân và tài sản các con. Theo sự qui định của dân luật hiện đại, thân quyền là một « uy

quyền đề bảo vệ » (autorité de protection) đối với con cái, có mục đích giúp cha mẹ được dễ dàng thi hành nhiệm vụ bảo dưỡng, và giáo dục các con.

**Thân thuộc** (*les parents, la parenté*): Bà con trong họ.

Theo tục lệ, có bốn hạng thân thuộc:

1) *Thân thuộc trong gia tộc* gồm có vợ chồng và các con.

2) *Thân thuộc cửu tộc* gồm chín đời thân thuộc. Nếu lấy đời mình làm gốc thì ở trên có cha mẹ (phụ mẫu), các ông bà (tổ phụ mẫu), các cụ (tằng tổ phụ mẫu) và các kỵ (cao tổ phụ mẫu), nghĩa là 4 đời; ở dưới có con (tử), cháu (tôn), chắt (tằng tôn), chít (huyền tôn) và chít (viễn tôn) nghĩa là 5 đời, cộng là 9 đời.

3) *Thân thuộc tông tộc* hay *thân thuộc đồng tông* gồm các người cùng thờ một ông tổ, cùng đội một họ.

4) *Thân thuộc đồng tính* gồm những người cùng đội một họ; nhưng những người này có thể không thờ chung một ông tổ. Đối với pháp luật, sự thân thuộc đồng tính không phát sinh ra hiệu lực gì về dân sự.

**Thân trạng** (*état des personnes*): (Căn cước dân sự của cá nhân.)

Trong xã hội, về phương diện Dân luật, sở dĩ các cá nhân được phân biệt không nhầm lẫn với nhau là vì các yếu tố về thân trạng của mỗi người một khác. Các yếu tố này liên quan đến tình trạng của cá nhân trong gia đình về hai phương diện giá thú và tử hệ.

Thân trạng, vì là hình ảnh pháp lý của cá nhân, cho nên cũng có những đặc tính như nhân thân: bất khả phân (indivisible), bất khả sử (indisponible) và bất khả thời tiêu (indisponible).

**Thân phận pháp lý** (*condition juridique*)

Các quyền lợi dành cho một người và các nghĩa vụ họ phải có tập hợp lại thành thân phận pháp lý. Cũng có thể dùng

một danh từ khác : quy chế pháp lý (le statut juridique). Thí dụ : thân phận trẻ sơ sinh.

### **Thất tung** (*absence*)

Tình trạng một người biệt tích không có tin tức. Về phương diện pháp luật, người thất tung không thể coi được như người chết; nhưng thời gian thất tung càng kéo dài bao nhiêu, quyền lợi của người ấy càng phai nhạt; trái lại, quyền lợi của các người thừa kế của họ càng tăng thêm. Đó là cái ý căn bản trong sự qui định vấn đề thất tung thành hai giai đoạn: *dự đoán thất tung* và *tuyên cáo thất tung* (xem các mục này)

### **Thất xuất**

Bầy trường hợp trong cổ luật Trung hoa, cũng như trong cổ luật Việt Nam (nhà Lê, và nhà Nguyễn) mà người chồng có quyền bỏ vợ :

- 1 — Vô tử: không có con
- 2 — Dâm dăng: không trung thành với chồng.
- 3 — Bất sự cạo cồ: không thờ bổ mẹ chồng.
- 4 — Đa ngôn: lảm điều.
- 5 — Đạo thiết: trộm cắp.
- 5 — Đố kỵ: ghen tuông.
- 7 — Ác tật: phong hủi.

### **Thiên nam dư hạ tập.**

Bộ sách này được vua Lê thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 17 (1483) sai Thân nhân Trung, Quách đình Bảo, Đỗ Nhuận, Đàm văn Lễ, Đào Cử thâu thập các luật lệ: chiếu lệnh, phép tắc, văn hàn... liên quan đến triều Lê soạn ra. Sách gồm có 100 quyển do chính vua Lê thánh Tông đề tựa. Ngày nay, chỉ còn chín quyển chép tay. Chia làm 5 mục :

a) Chinh tây kỷ hành chép các thơ của vua Lê thánh Tông trong khi đi đánh Chiêm thành (1470 - 1471)

b) Chinh Chiêm thành sự vụ : công việc đánh Chiêm thành (1470)

c) Thiên hạ bản đồ kỹ số liệt kê các xứ, phủ, huyện, châu và làng dưới đời Lê thánh Tông, niên hiệu Hồng Đức

d) Quan chế ghi chép các phẩm ngạch, chức tước các quan văn võ

e) Điều luật, ghi chép các luật lệ ban hành dưới đời vua Lê thánh Tông (thiếu xét nhiều) gồm quyền 1 và quyền 9.

### **Thiên nhiên pháp** (*droit naturel*) .

Xem Tự nhiên pháp.

### **Thiếp**

Danh từ được dùng trong cổ luật và tục lệ để chỉ vợ lẽ, hay vợ thứ. Xem các mục: Đa thê, giả thú đệ nhị cấp.

### **Thoát quyền** (*émancipation des mineurs*)

Định chế thừa nhận đặc biệt cho trẻ vị thành niên được quyền tự lập về nhân thân, và được quyền tham dự vào sự quản trị tài sản của họ. Về phương diện tài sản, mặc dầu không có hoàn toàn năng lực để ký kết các chứng thư pháp luật, song chính họ được tham dự vào các chứng thư ấy và chỉ cần một người quản tài trợ lực (xem mục quản tài).

Sự thoát quyền có hai hình thức: sự thoát quyền tự ý và sự thoát quyền pháp định. (Xem các mục này).

### **Thoát quyền pháp định** (*émancipation légale*)

Giả thú sẽ đem lại sự thoát quyền đương nhiên cho trẻ vị thành niên (DLGY). Theo DLB và DLT, ngoài giả thú, cần một điều kiện khác: trẻ vị thành niên phải có một cư sở riêng biệt khác chỗ ở của cha mẹ.

### **Thoát quyền tự ý** (*émancipation volontaire*)

Do cha mẹ, hay nếu không có cha mẹ, do hội đồng gia tộc ưng cho. Theo DLGY, trẻ vị thành niên ít nhất phải 15 tuổi; DLB và DLT dự định tuổi tối thiểu là 18 tuổi.

### **Thời hạn (cách tính)** (*mode de computation des délais*)

Trong luật thường ấn định nhiều loại thời hạn: thời hạn

tiêu diệt, thời hạn thủ tục, thời hạn tiên định.

Có hai quan niệm về cách tính thời hạn :

a) quan niệm *thời hạn bao khoán* (*délai forfaitaire*) chỉ cần tính ngày cho đủ là được, không cần biết những ngày ấy có hữu ích cho đương sự hay không là không trừ ngày lễ cùng ngày nghỉ.

b) quan niệm *thời hạn hữu hiệu* (*délai utile*) chỉ kể những giai đoạn hữu hiệu hay hữu ích cho đương sự, nghĩa là giai đoạn mà đương sự có thể hoạt động được. X. Thời hạn viên mãn

### **Thời hạn khởi tố**

Thời hạn phải hành sử quyền khởi tố, nghĩa là phải đầu đơn kiện .

### **Thời hạn thủ tục** (*délai de procédure*)

Thời hạn được dự liệu để làm một hành vi trong thủ tục kiện cáo : như kháng án, hay kháng cáo hoặc thượng tố.

### **Thời hạn tiên định** (*délai préfix*)

Thời hạn được dự liệu để làm một hành vi trong thủ tục, nhưng khác thời hạn thủ tục ở chỗ thời hạn tiên định thì liên quan đến nội dung quyền lợi, còn thời hạn thủ tục chỉ liên quan đến thủ tục. Đặc điểm của thời hạn tiên định là không bao giờ bị đình chỉ bất luận vì duyên cớ gì. Thí dụ : thời hạn hai tháng để khởi tố khước từ phụ hệ là một thời hạn tiên định. Dù người cha còn vị thành niên, thời hạn 2 tháng nói trên cũng khởi phát ngay sau khi sinh hạ đứa trẻ. Người cha không thể nại tư cách vị thành niên để làm đình chỉ thời hạn trên.

**Thời hạn viên mãn** (*délai franc*). Xem Viên mãn.

**Thời hiệu** (*prescription*) ( thời = thời gian; hiệu = hiệu lực) : Thời hạn do luật ấn định có hiệu lực :

1— hoặc biến sự chấp hữu một tài sản thành quyền sở hữu. Đây là trường hợp *thời hiệu thủ đắc* (*prescription acquisitive*).

2— hoặc tiêu diệt món nợ của đương sự. Đây là trường hợp *thời hiệu tiêu diệt* (*prescription libératoire*).



Sở dĩ, nhà làm luật qui định vấn đề thời hiệu, là vì muốn tránh những vụ phân tranh kiện cáo phiền phức và tốn kém, một khi các đương sự đã để trôi qua một thời gian quá lâu (thời hạn do luật định) mà không hành động. Do đó mới công nhận là quyền chấp hữu đã thành quyền sở hữu hay món nợ đã bị tiêu diệt.

### **Thuần phong mỹ tục** (*bonnes moeurs*)

Một ý niệm rộng rãi, mềm dẻo, như ý niệm trật tự công cộng, để bảo vệ nền luân thường đạo lý nói chung trong xã hội. Một chứng thư pháp luật tuy hợp pháp về hình thức cũng như về nội dung nhưng có thể vô hiệu nếu phương hại đến thuần phong mỹ tục. Thí dụ: khế ước thuê nhà làm nhà điếm, khế ước bán con, bán vợ v.v...

Hai ý niệm trật tự công cộng (*ordre public*) và thuần phong mỹ tục (*bonnes moeurs*) thường được các bản án cùng nhắc tới một lượt. (Xem: trật tự công cộng)

### **Thuận tuân một bản án** (*acquiescer à un jugement*)

Tự ý phục tình các điều phán xử trong bản án và từ khước tất cả các phương cách kháng tố.

**CHÚ Ý:** Trong các vụ kiện về thân trạng, đương sự không có quyền thuận tuân, vì thân trạng có tính cách bất khả sự (xem mục thân trạng). Đương sự chỉ có đề thời hạn kháng tố trôi qua, nếu đương sự có ý phục tình bản án.

Mặc dầu đã ký kết một chứng thư thuận tuân bản án, đương sự vẫn có quyền thay đổi ý kiến và kháng tố, nếu thời hạn kháng tố chưa mãn.

### **Thu lợi (quyền)** *fructus h. droit de percevoir les fruits*

Vật quyền đem lại quyền được thâu hoa lợi

### **Thụ thai (thời kỳ pháp định)** (*période légale de conception*)

Đối với pháp luật, thời kỳ pháp định thụ thai kể từ ngày 300 đến ngày 180 trước khi sinh. (Xem mục: thai nghén và

thời kỳ pháp định thai nghén)

### **Thực tại pháp** (*droit positif*)

Toàn thể các qui tắc được đặt ra trong một quốc gia, ở một thời đại nhất định, để chi phối những mối tương quan giữa các phần tử trong xã hội. Các qui tắc này không những gồm có các luật và các bản văn lập quy, còn gồm cả những quy tắc do sự giải thích của án lệ hay học lý mà có.

Đối lập với thực tại pháp là *tự nhiên pháp* hay *thiên nhiên pháp* (*droit naturel*) (xem mục này).

### **Thượng thẩm (tòa)** (*cour d'appel*)

Trong tổ chức tư pháp, một nguyên tắc căn bản là lưỡng cấp tài phán. Khi một bản án đã được tòa sơ thẩm phân xét, nếu một bên đương sự không phục tình, có thể kháng cáo hay chống án lên cấp trên là tòa thượng thẩm. Án của tòa thượng thẩm là án xử chung thẩm vì đối với bản án của tòa thượng thẩm, không còn kháng cáo được nữa. Mỗi vụ kiện chỉ có thể lần lượt được xét ở hai cấp tòa án mà thôi, (trừ những vụ kiện nhỏ không quan hệ, tòa chỉ xử một lần, không có kháng cáo).

Án tòa thượng thẩm thường gọi là *phúc quyết* hay *phúc nghị* (phúc: xét lại). Phúc quyết này có thể *y án tòa sơ thẩm* (*arrêt confirmatif*) hoặc *cải bỏ một phần hay toàn phần bản án ấy* (*arrêt de reformation partielle hay totale*).

Tuy không còn có thể kháng cáo bản án của tòa thượng thẩm, nhưng vẫn còn phương cách thượng tố phá án (*pourvoi en cassation*) (xem phá án)

### **Thượng tố (phương cách)** (*voies de recours*)

Các lối thượng tố (= chống lại một bản án) trong thủ tục thông thường gồm có:

1— Sự kháng án (*opposition*) để chống lại bản án xử khuyết tịch. Đơn kháng án sẽ được chính tòa án đã tuyên xử khuyết tịch xét xử. (Xem kháng án)

2— Sự kháng cáo (*appel*) thường gọi là chống án lên

tòa thượng thẩm đề xin xét lại nội vụ. (X. kháng cáo)

3— Sự thượng tố phá án đối với các án xử chung thẩm.  
(Xem mục phá án)

**Tiền lệ** (*précédent*). X. Rule of precedent.

**Tiên quyết (vấn đề)** (*quest on préjudicielle*)

Vấn đề phải được xét xử trước khi một vấn đề khác được nêu ra. Có hai loại vấn đề tiên quyết: vấn đề tiên phán và vấn đề tiên tố.

**Tiên phán (vấn đề)** (*question préjudicielle au jugement*)

Trong trường hợp này, thủ tục vụ kiện vẫn được tiếp tục, nhưng đến giai đoạn tòa tuyên án, thì phải đình xử để đợi vấn đề tiên quyết được phán xử trước.

**Tiên tố (vấn đề)** (*question préjudicielle à l'action publique*)

Trong trường hợp này, công tố viên chỉ có thể khởi tụng khi nào vấn đề tiên tố được giải quyết xong trước tòa án dân sự. Một thí dụ cổ điển của vấn đề tiên tố là vấn đề về tử hệ trong tội ăn tịch. Vấn đề thân trạng về tử hệ phải được tòa án hộ phán xét trước khi thủ tục về hình sự có thể khởi thủy. (Xem mục: Dân sự hoãn hình sự).

**Tiểu công tang** 5 tháng, tang phục bằng vải hơi thô.

**Tiểu tang ty ma** tang không quá 3 tháng, tang phục bằng vải nhỏ.

**Tính danh**: tên và họ (xem hai mục này)

**Tín lực** (*force probante*): giá trị một chứng thư về phương diện dẫn chứng; hiệu lực về phương diện bằng chứng

**Tôn trưởng** (*les ascendants*): các bà con bậc bề trên trong trực hệ: cha mẹ, ông bà cụ...

**Tổ phụ mẫu** (*les aieuls*): ông bà.

**Tổ quyền** (*action*) quyền di kiện trước tòa để bảo vệ quyền lợi bị đe dọa.

### **Trách nhiệm dân sự** (*responsabilité civile*).

Khi một người nào, gây một sự thiệt hại cho người khác do lỗi của mình, dù chỉ là một sự sơ ý hay một sự bất cẩn không cố ý, cũng phải bồi thường cho người chịu thiệt hại. Đây là vấn đề trách nhiệm dân sự.

Nếu sự thiệt hại do một hành vi cố ý gây nên, chúng ta đứng trước một *dân sự phạm* (*un délit civil*) phát sinh một *trách nhiệm dân sự phạm* (*responsabilité civile délictuelle*); nếu là một hành vi không cố ý, chúng ta đứng trước một *chuẩn dân sự phạm* (*un quasi délit*) phát sinh một *trách nhiệm chuẩn dân sự phạm* (*responsabilité quasi délictuelle*).

Nếu sự thiệt hại do sự không thi hành một khế ước gây nên, chúng ta đứng trước một trường hợp *trách nhiệm khế ước* (*responsabilité contractuelle*).

**Trá khi** (*le dol*) xem: khi trá (thuận trang)

### **Trật tự công cộng** (*ordre public*)

Một ý niệm rất rộng rãi, mềm dẻo để bảo vệ ích lợi chung của xã hội trong những vấn đề liên quan đến quy chế gia đình, tổ chức chính trị, kinh tế và xã hội.

Không có điều khoản nào trong luật hoạch định minh bạch giới hạn của ý niệm này. Song khi nào một khế ước, một chứng thư pháp luật, mặc dầu hợp pháp về nội dung và hình thức, lại xâm phạm vào những nguyên tắc căn bản của các vấn đề nói trên, thì các chứng thư pháp luật hay các khế ước ấy phải coi là vô hiệu vì phạm vào trật tự công cộng. Thí dụ: khế ước thuê nhà để gả bạc; khế ước lập hội để buôn chợ đen v.v...

Ý niệm trật tự công cộng thường đi đôi với ý niệm thuần phong mỹ tục (*notion de bonnes moeurs*) (X. mục này).

### **Trung thành (nghĩa vụ)** (*obligation de fidélité*)

Một trong các nghĩa vụ tương hỗ giữa hai vợ chồng (xem mục này). Trước đây, theo ba bộ DLB, DLT và DLGY, chỉ có người đàn bà phải trung thành với chồng, trái lại người chồng không phải trung thành với vợ; do đó, chỉ có sự ngoại

tình của người vợ là duyên có ly hôn. Trái lại, sự ngoại tình của chồng không phải là duyên có ly hôn. Hơn nữa về mặt hình sự, chỉ có sự ngoại tình của người vợ bị trừng phạt mà thôi.

Với sự ban hành luật gia đình 2-1-1959, nghĩa vụ trung thành đã trở thành một nghĩa vụ có tính cách tương hỗ : sự ngoại tình, bất luận của vợ hay của chồng, đều là một duyên có ly thân, và đều bị trừng phạt về phương diện hành sự.

Ngày nay, sự qui định của L.G.Đ đã bị S.L 1964 thay thế : nhưng về phương diện dân luật, nghĩa vụ trung thành vẫn là một nghĩa vụ tương hỗ giữa hai vợ chồng. Sự vi phạm vào nghĩa vụ này (h. ngoại tình) là một duyên có ly hôn và ly thân đối với vợ cũng như đối với chồng. Duy về phương diện hình sự, vì sự qui định của LGĐ bị hủy bỏ, ngày nay tội ngoại tình sẽ bị xử theo bộ hình luật canh cải, và người chồng lại được ưu đãi, vì không bị trừng phạt như trước khi LGĐ được ban hành.

### **Trực hệ** (*ligne directe*)

Thân thuộc do huyết thống, giữa hai đẳng cấp trên dưới liền nhau, có sự liên hệ cha con : cụ, ông bà, cha mẹ, các con, các cháu nội . . .

### **Trừng giới (quyền)** (*droit de correction*)

Quyền của người gia trưởng có thể xin thẩm phán tống giam một người con hư, miễn là theo đúng các qui thức pháp định.

Theo DLB và DLGY, quyền trừng giới có thể được sử dụng bằng hai cách :

— *Phương cách quyền lực (voie d'autorité)* đối với các trẻ dưới 16 tuổi. Chánh án không có quyền từ chối đơn của người gia trưởng, nhưng người cha không có quyền xin giam quá 1 tháng.

— *Phương cách thỉnh cầu (voie de réquisition)* đối với các trẻ trên 16 tuổi. Chánh án có quyền xét xem đơn xin giam có hữu lý không. Hạn giam không thể quá 6 tháng.

Ở Trung, quyền trừng giới được qui định trong điều 92

Hình luật Trung phần. Quyền này chỉ có thể được sử dụng dưới hình thức phương cách thỉnh cầu. Nhưng một mặt khác có thể xin giám cầm cả con đã trưởng thành (cho đến 25 tuổi) quý hồ người này ở cùng chung nhà với người tôn trưởng.

**Trưởng thành** (*majeur*) : Thành niên; đến 21 tuổi.

**Tuổi thành niên về giá thú** (*majorité matrimoniale*)

Tuổi trai gái được phép kết hôn. Tuổi này đã được qui định khác nhau trong các bộ dân luật :

DLB và DLT : trai 18 tuổi,      gái 15 tuổi.

DLGY            : trai 16 tuổi,      gái 14 tuổi.

LGD             : trai 18 tuổi,      gái 15 tuổi.

S.L. 1964        : trai 18 tuổi,      gái 16 tuổi.

### **Từ con**

Trong cổ luật và tục lệ, nặng về danh dự chung của gia đình, khi một người con có một hành vi ô nhục cho gia đình, cha mẹ có quyền từ bỏ không nhận là con, mặc dầu đứng về mặt sinh lý người ấy đích thực là con mình. Sự từ con này khác hẳn sự khước từ phụ hệ trong dân luật hiện hành. Ngày nay, người cha chỉ khước từ phụ hệ khi nào về phương diện sinh lý đứa trẻ không phải là con mình. Hơn nữa, một đảng tố quyền khước từ phụ hệ phải hành sử một thời gian ngắn sau khi đứa trẻ được sinh hạ (hai tháng); một đảng sự từ con trong cổ luật chỉ được hành sử đối với cả những con cái đã lớn và làm ô nhục gia đình vì các hành vi của chúng.

### **Tục dao pháp lý** (*adage juridique*)

Nhiều nguyên tắc pháp lý luôn luôn được thừa nhận là xác đáng, qua thời gian và cả biên giới các quốc gia. Những nguyên tắc ấy thường được đúc kết trong những trâm ngôn la tinh, gọi là tục dao. Thí dụ : *Fraus omnia corrumpit* ... (xem Phần II bảng tục giao la tinh).

### **Tự do phối hợp** (*union libre*)

Sự sống chung giữa hai người đàn ông và đàn bà, như vợ chồng nhưng không có giá thú. Sự tan hợp của sự sống chung

này hoàn toàn theo ý họ; vì vậy gọi là tự do phối hợp. Cũng gọi là tình trạng ngoại hôn (concupinage) (xem mục ngoại hôn).

### **Tử hệ** (*filiation*)

Mối liên hệ giữa cha và con, đứng về phương diện người con; đứng về phương diện người cha gọi là phụ hệ (paternité). Có thể đúc kết hai chữ để làm thành một danh từ bao quát: phụ tử hệ.

### **Tử hệ chính thức** (*filiation légitime*)

Xem các mục phụ hệ chính thức; con chính thức.

### **Tử hệ tự sinh** (*filiation naturelle*) :

Xem các mục phụ hệ tự sinh; con tự sinh.

### **Tự nhiên pháp** (*droit naturel*)

Theo một số luật gia ở Tây phương, có một số nguyên tắc pháp luật căn bản, bất di dịch mà thực tại pháp trong thời đại nào cũng phải theo. Các nguyên tắc này hợp thành *tự nhiên pháp* hay *thiên nhiên pháp* (*droit naturel*). Tuy nhiên, tùy theo quan niệm của các học phái luật gia, nội dung của tự nhiên pháp cũng thay đổi, không có gì là xác định.

### **Tư tình** (*concupinage*)

Danh từ dùng, trong bộ DLB để chỉ tình trạng ngoại hôn.

# U

## **Úy kính** (*crainte révérencielle*)

(Úy = sợ; kính = tôn kính) Sợ hãi vì lòng kính nể đối với người trên. Theo luật, lòng úy kính không được coi là một sự cưỡng bách, một hà hiếp của sự ưng thuận. Do đó trong việc giá thú, nếu đương sự tuân theo lệnh cha mẹ hay ông bà mà kết hôn thì không thể nại sự kiện này để xin tiêu hủy giá thú.

## **Upanishad**

Loại sách thánh được coi là nguồn gốc của Ấn Độ pháp như các sách Vêda, Vêdanga (Xem : Sruti)

## **Uy quyền quyết tụng** (*autorité de la chose jugée*)

Một nguyên tắc căn bản trong luật tố tụng để không cho phép các đương sự thưa kiện nhiều lượt về một vụ kiện. Theo nguyên tắc này, một khi bản án đã được tuyên phán và có tính cách nhất định (nghĩa là không còn phương cách kháng tố nữa), bản án ấy phải được coi là uy quyền tuyệt đối, đối với các đương sự. Theo một tục lệ la tinh, bản án ấy phải được coi như tiêu biểu cho chân lý bất di dịch (*Res judicata pro veritate habetur*). Vì vậy đương sự dù thua kiện, hay không phục tình bản án cũng không thể đem việc cũ đã phân xử rồi ra trước tòa để thưa kiện lại một lần nữa.



**Ưng thuận** (*consentement*)

Trong các chứng thư pháp luật sự ưng thuận của các đương sự là một điều kiện chính yếu. Sự ưng thuận ấy không được có một hà ti nào (lăm lăm, cưỡng bách và khi trá : xem các mục này).

*CHÚ Ý :* Trong giá thú, sự ưng thuận chỉ có hai hà ti : lăm lăm và cưỡng bách. Hơn nữa, hà ti lăm lăm cũng có một phạm vi chặt hẹp hơn là đối với các kế ước thông thường.

**Ứng dụng** (*quyền*) (*usus, droit d'usage*)

Vật quyền cho phép được dùng tài sản theo ý mình.

# V

**Valshiya** đẳng cấp (caste) nông dân trong xã hội Ấn-độ.

**Văn thư cụ chứng** (*acte instrumentum*) x. chứng thư.

**Văn kiện lập pháp** (*acte législatif*)

Các văn kiện có giá trị một đạo luật; các văn kiện này gồm có các đạo luật do Quốc hội biểu quyết và các văn kiện lập pháp do Quốc hội ủy quyền cho quyền hành pháp như các sắc luật. Một vài hiến pháp cũng đã dự liệu cho quyền hành pháp được ban hành những sắc luật trong các trường hợp đặc biệt; nhưng các sắc luật ấy phải được Quốc hội phê chuẩn minh thị hay mặc thị, tùy theo hiến pháp.

**Văn kiện lập quy** (*acte réglementaire*)

Các văn kiện do quyền hành pháp làm, đặt ra một qui tắc chung có tính cách cưỡng hành, trong khuôn khổ hành chính và cảnh sát. Các văn kiện này thuộc vào quyền lập quy của chính phủ; các văn kiện này cũng gọi là quy pháp (*règlements*) (xem phần danh từ hiến pháp : quyền hành pháp).

**Vật quyền** (xem quyền đối vật)

**Vật quyền chính yếu** (xem quyền đối vật chính yếu),

**Vật quyền phụ thuộc** (xem quyền đối vật phụ thuộc)

**Véda** ( *kinh Phệ Đà* )

Kinh Phệ đà gồm 4 quyển một nguồn gốc của nền pháp luật Ấn độ. Kinh Phệ đà không phải là một bộ luật, và chỉ là một pho sách thánh ghi những nguyên tắc mà các tín đồ phải tôn trọng về tôn giáo, luân lý, xã hội... Ấn Độ pháp là một nền pháp luật chịu ảnh hưởng tôn giáo mạnh mẽ; do đó kinh Phệ đà cũng được tôn kính như kinh Coran trong Hồi giáo pháp, hay Thánh kinh trong Thiên Chúa giáo. ( xem Sruti )

**Védanga**

Loại sách thánh phụ lục vào kinh Véda, gồm 6 quyển cũng được coi là nguồn gốc của Ấn Độ Pháp. ( Xem : Sruti )

**Viên mãn** ( **thời hạn** ) ( *délai franc* )

Thời hạn đầy đủ. Cách tính thời hạn viên mãn là không tính ngày khởi hạn ( dies a quo ), và tính tất cả ngày đáo hạn hay chung hạn ( dies ad quem ). Nói khác, thời hạn phải gồm những ngày đầy đủ, viên mãn. Thí dụ: nếu phải tính một thời hạn viên mãn 5 ngày kể từ ngày 25 tháng 7 năm 1967, thì không được tính ngày 25 tháng 7 ( ngày khởi hạn ) cho đến 0 giờ ngày 26 tháng 7; 5 ngày viên mãn chấm dứt vào 24 giờ ( tức 12 giờ đêm ) hôm 30 tháng 7 ( nghĩa là tính hết ngày đáo hạn ).

**Vị thành niên** ( *mineur* ) : chưa đến 21 tuổi.

Đối với pháp luật, các người vị thành niên không có năng lực về pháp lý và không có thể ký kết các chứng thư pháp luật được. Họ được thay mặt bằng những người đại diện pháp định trong tất cả các hành vi và chứng thư pháp luật. Trong trường hợp thông thường, người đại diện cho họ là cha hay mẹ được quyền giám thủ họ ( xem các mục thân quyền, giám thủ ). Nếu cha hay mẹ mất, các trẻ vị thành niên được bảo vệ bằng cách tổ chức giám hộ. ( Xem mục giám hộ )

**Vô hiệu** ( *nullité* )

Trong trường hợp một chứng thư không hội đủ những điều kiện về nội dung và hình thức, chứng thư ấy vô hiệu, và

có thể kiện để xin tiêu hủy. Có hai loại vô hiệu : vô hiệu tương đối và vô hiệu tuyệt đối.

### **Vô hiệu tương đối** (*nullité relative*)

Chế tài vô hiệu nhẹ nhất được luật pháp trừ liệu trong ba trường hợp :

- sự ưng thuận bị hà hi (vices de consentement)
- đương sự vô năng lực (incapacité)
- đương sự bị thiệt thòi (lésion)

Vô hiệu tương đối còn được gọi là vô hiệu bảo vệ (*nullité de protection*) vì chỉ riêng có mục đích bảo vệ đương sự hơn là duy trì trật tự công cộng. Vì vậy, chỉ riêng có đương sự nào được luật bảo vệ (thí dụ : người vô năng, người bị thiệt thòi, hay bị hà hi ưng thuận) mới được nại sự vô hiệu. Hơn nữa, nếu đương sự xác nhận chứng thư vô hiệu, thì không thể nại được sự vô hiệu. Và sau hết, sự vô hiệu tương đối được thời hiệu bao yểm.

Nói tóm lại, sự vô hiệu tương đối có ba đặc điểm :

— Chỉ những người nào được luật pháp bảo vệ mới có thể nại sự vô hiệu này.

Những người này có thể xác nhận chứng thư vô hiệu tương đối.

— Sự vô hiệu tương đối có thể được bao yểm sau thời hiệu ngắn hạn 10 năm (DLP) hay 5 năm (DLB và DLT).

### **Vô hiệu tuyệt đối** (*nullité absolue*)

Chứng thư bị coi là vô hiệu tuyệt đối khi xâm phạm vào trật tự công cộng, hay thiếu một điều kiện thiết yếu.

Vô hiệu tuyệt đối có ba đặc điểm khác hẳn vô hiệu tương đối.

— Vô hiệu tuyệt đối có thể do tất cả mọi người quan thiết nại ra.

— Chứng thư vô hiệu tuyệt đối không thể do các đương sự xác nhận.

— Thời hiệu bao yểm sự vô hiệu tuyệt đối là thời hiệu thông thường (30 năm DLP, 20 năm DLB, 10 năm DLT).

### **Vô năng lực dân sự** (*incapacité civile*)

Trên nguyên tắc, mọi người đều được bình đẳng trước pháp luật và đều có năng lực dân sự ngang nhau. Tuy nhiên, để bảo vệ một số người vì thể cách hay tuổi, luật pháp đã coi họ không có năng lực dân sự để làm các hành vi hay các chứng thư pháp luật.

Hiện nay có ba hạng người vô năng về phương diện dân sự :

— Các vị thành niên ; họ được bảo vệ bằng chế độ giám hộ.

— Các người điên hay thác loạn tinh thần ; họ cũng được bảo vệ bằng sự giám hộ trong chế độ cấm trị sản tài phán.

— Các người bị một thể nhục bình cũng bị đặt dưới chế độ cấm trị sản pháp định. Nhưng trường hợp này là một hình phạt hơn là một sự bảo vệ đối với đương sự.

(Xem các mục giám hộ, cấm trị sản tài phán và cấm trị sản pháp định).

Ngoài ra, trước 1959, người vợ cũng bị đặt vào tình trạng vô năng lực, như trong DLP và cổ luật La Mã. Nhưng sự vô năng lực dân sự của người đàn bà có chồng đã do LGĐ 1959 và S.L 1964 hủy bỏ.

### **Vô năng lực hành sử** (*incapacité d'exercice*) và **Vô năng lực hưởng thụ** (*incapacité de jouissance*)

Các sự vô năng lực chia làm hai loại :

1— Khi một điều khoản trong luật truất quyền của một hạng người nào, không cho họ được hưởng thụ, mà cũng không cho phép nhờ người khác đại diện sử dụng những quyền đó, thì điều khoản luật này đã dự liệu một trường hợp vô năng lực hưởng thụ. Các điều khoản này thường cần cứ vào ích lợi chung như khi cấm các người vị thành niên, hay các người bị cấm quyền không được làm giám hộ viên; cấm trai

dưới 18 tuổi, gái dưới 16 tuổi không được làm giá thú... Cũng có khi sự vô năng lực hưởng thụ là một sự trừng phạt về hình sự.

2— Trái lại, nhiều khi luật không cấm đương sự được hưởng thụ quyền lợi; nhưng với mục đích bảo vệ đương sự (trường hợp các người vị thành niên, điên rồ, hay kém trí khôn...). luật pháp đã dự liệu những biện pháp thích nghi để hành xử các quyền ấy (như định chế giám hộ, cấm trị sản, hay bảo tá v.v...); như vậy, luật pháp chỉ dự liệu những vô năng lực hành xử. Các sự vô năng lực này cũng gọi là *vô năng lực bảo vệ* (*incapacité de protection*),

**Vợ lẽ, vợ thứ** (*femme de deuxième rang*): Xem các mục: Đa thê, giá thú đệ nhị cấp. Trong cổ luật và tục lệ cũng gọi là thiếp.

# X

## **Xuân ngốc**

Sự xuân ngốc, ngu dộn cũng được coi là trạng thái của sự thác loạn tinh thần và có thể vì lý do này xin tòa tổ chức sự bảo vệ đương sự bằng chế độ Cấm trị sản tài phán.

Trái lại, sự kém trí khôn (*faible d'esprit*) không đủ để xin cấm trị sản. Trong trường hợp này, chỉ có thể xin cử một viên bảo tá tài phán (*conseil judiciaire*).

## **Xuất thê**

Danh từ dùng trong cổ luật có nghĩa là bỏ vợ. Vì vậy có danh từ thất xuất để chỉ bầy trường hợp có thể bỏ vợ (xem: thất xuất)

## **Xử kín** (*juger à huis clos*)

Đối với những vụ kiện mà các sự tranh nghị trước tòa có thể có tính cách phương hại đến trật tự công cộng và thuần phong mỹ tục, tòa xử kín, không cho công chúng dự thính.

## **Xung khắc (tính tình)** (*incompatibilité d'humeur*)

Trong quan niệm ly hôn giải cứu, tìm cách giải thoát cho các đương sự, khi giá thú không đem lại hạnh phúc cho họ, một vài nền luật pháp (như Dân luật của Pháp ngày trước) đã chấp nhận sự tính tình xung khắc của hai vợ chồng là duyên cớ ly hôn. Duyên cớ này ngày nay đã bị bãi bỏ trong Dân luật của Pháp, vì dễ bị các đương sự lạm dụng để xin ly hôn.

# Y

**Y án** (*confirmer un jugement*).

Tòa thượng thẩm có thể y án của tòa sơ thẩm, không sửa đổi khoản nào : đây là *phúc quyết y án (arrêt confirmatif)*. Tòa thượng thẩm cũng có thể sửa đổi nhất bộ hay toàn phần án tòa sơ thẩm. Đây là *phúc quyết cải bỏ (arrêt de réformation)*.

**Ý chí** (*volonté*)

Một chứng thư hay một hành vi pháp luật chỉ có giá trị, nếu đương sự có ý chí làm hành vi hay chứng thư ấy; thiếu ý chí ấy, hành vi hay chứng thư sẽ vô hiệu tuyệt đối. Thí dụ : người điên không có ý chí ; khế ước do họ ký sẽ vô hiệu.

Ý chí ấy còn phải hữu hiệu, không bị hà ti. (Xem mục : hà ti của sự ưng thuận), nếu có hà ti, chứng thư sẽ bị vô hiệu tương đối. (Xem các mục : vô hiệu tuyệt đối và tương đối)

**Yếu trí khôn** (*faible d'esprit*). Xem kém trí khôn.



## Phần II

### TỪ NGỮ VÀ TỤC ĐẠO LA TINH

(Thường dùng trong chương trình Dân Luật Cử nhân năm thứ nhất).

*Accessorium sequitur principale* : Phụ tùng chính.

*Actori incumbit probatio* : Sự dẫn chứng về phần nguyên đơn đảm nhận.

*Ad hoc* : Đặc biệt (đặc cử; riêng biệt cho việc gì.)

*Ad nutum* : Tùy ý.

*Ad probationem* : Để dẫn chứng, để làm bằng.

*Ad solemnitatem* : Để làm cho hữu hiệu.

*A contrario* : Đối nghịch, trái lại.

*A fortiori* : Huống hồ... càng phải...

*A gnomen* : Tên tục trong luật La Mã.

*A posteriori* : Hậu thiên.

*A priori* : Tiên thiên.

*Bona fides* : Thành ý, tình ngay.

*Cessante ratione legis, cessat lex* : Khi lý do của đạo luật cũng không còn.

*Cessante ratione legis, cessat ejus dispositio* : Khi lý do của đạo luật không còn, các điều khoản của đạo luật cũng không còn.

*Cognomen* : Họ của gia đình trong Luật La Mã.

*Contra non valentem agere non currit praescriptio* : Đối với những người không thể hoạt động hữu hiệu, thời hiệu bị đình chỉ.

*Contra legem* : Trái với pháp luật.

*Creditur virgini parturienti* : Người ta phải tin lời người con gái đã sinh con.

*Creditur virgini se praegnantem assuranti* : Người ta phải tin lời người con gái tuyên bố có thai.

*Cuique suum tribuere* : Trả lại cho mỗi người phần của họ.

*De commodo et incommodo* : Tiện và bất tiện.

*Dies a quo* : Ngày khởi hạn.

*Dies ad quem* : Ngày đáo hạn, ngày chung hạn.

*Dura lex, scripta tamen* : Luật pháp nghiêm khắc, nhưng luật pháp đã có rõ ràng (đã được viết ra).

*Dura lex sed lex* : Luật pháp nghiêm khắc nhưng vẫn là luật pháp.

*Error communis facit jus* : Khi một sự lầm lẫn xảy ra chung cho mọi người thì không có sự vi phạm vào pháp luật.

*Exceptio est strictissimae interpretatinis* : Biệt lệ bao giờ cũng phải giải thích theo nghĩa hẹp.

*Exceptio plurium constitupratorum* : khước biện đa tình nhân.

*Fraus omnia corrumpit* : Sự gian xảo hủy hoại mọi sự.

*In concreto* : Về phương diện cụ thể, một cách cụ thể.

*In abstracto* : Về phương diện trừu tượng, một cách trừu tượng.

*In limine litis* : Ngay từ lúc bắt đầu kiện.

*In solidum* : Chuẩn liên đới.

*Lato sensu* : Theo nghĩa rộng.

*Mala fides superveniens non nocet* : Nếu sự không thành ý xảy ra về sau, thì không có hại.

*Mancipatio par aes et libram* : phép đồng xứng hoạch đắc (Cổ la mã : mua bán bằng hình thức đem cân tiền bằng đồng)

*Minor restituitur non tanquam minor sed tanquam laesus* : Một vị thành niên được bồi hoàn không phải vì lý do là một vị thành niên mà vì một lý do đã bị tổn thiệt.

*Neminem laedit qui suo jure utitur* : Ai sử dụng quyền lợi của mình không thể làm tổn thiệt đến người khác.

*Nemo auditur propriam turpitudinem suam allegans* : Không ai được phép đem nại ra những việc xấu sa của mình.

*Nemo censetur ignorare legem* : Các tất tường pháp; ai cũng được coi là am hiểu luật pháp.

*Nemo plus juris in alium transferre potest quam ipse habet* : Không ai có thể chuyển dịch cho người khác nhiều quyền hơn là mình có.

*Nomen gentilicium* : Tên của thị tộc trong Luật La Mã.

*Non obligat lex, nisi promulgata* . Luật không có hiệu lực cưỡng hành, nếu không được ban hành.

*Nulla poena sine lege* : Hình phạt nào phải do luật qui định.

*Pater is est quam nuptiae demonstrant* : Người cha là người do giá thú chỉ (định).

*Praenomen* : Tên trong luật La Mã.

*Propter legem* : Vì luật pháp mà có.

*Quidquid principi placuit legis habet vigorem* : Các điều mà vua muốn đều có hiệu lực pháp luật.

*Ratione loci* : Đối xứ, về phương diện nơi kiện.

*Ratione materiae* : Đối vật, về phương diện bản chất vụ kiện.

*Ratione personae* : Đối nhân, về phương diện các người đương sự.

*Res judicata pro veritate habetur* : Việc kiện đã được phán xử được coi như chân lý.

*Res mobilis res vilis* : Động sản là tài vật ti tiện.

*Sine die* : Vô hạn định.

*Sine qua non* : Không thể không có, tất yếu.

*Stare decisis* : Những điều đã được phán xử.— Qui tắc tiền lệ ở Mỹ.

*Strictissimae interpretationis* : Phải giải thích theo nghĩa hẹp nhất.

*Stricto sensu* : Theo nghĩa hẹp.

*Ubi eadem ratio, ibi idem jus* : Ở đâu có một lý do tương tự, thì ở đó cũng phải có luật lệ tương tự.

*Ubi lex non distinguit, nec nos distinguere debemus* : Khi nào luật pháp không phân biệt, cấm không được phân biệt.

*Ubi societas, ibi jus* : Ở đâu có xã hội, ở đó có pháp luật.

*Ultra petita* : Quá thỉnh, vượt quá sự thỉnh cầu.

*Vinculum juris* : Giấy giàng buộc pháp lý.

*Volenti non fit injuria* : Đối với người đã ưng thuận thì không có sự bất hợp pháp.

## Phần III

### CÁC BẢN VĂN LẬP PHÁP VÀ LẬP QUY

1 — Đối chiếu luật gia đình 2 - 1 - 1959 và sắc luật 23 - 7 - 1964 qui định về gia đình, tử hệ và tài sản cộng đồng.

2 — Sắc luật ngày 10 - 2 - 1965 bổ túc điều 136 sắc luật ngày 23 - 7 - 1964 ấn định việc miễn điều kiện đứng lập con nuôi.

3 - Sắc lệnh ngày 21 - 5 - 1965 ấn định thủ tục lập kế ước nghĩa dưỡng.

4 - Sắc luật ngày 1 - 12 - 1965 sửa đổi và bổ túc điều 10 sắc luật ngày 22 - 7 - 1965 ( về việc miễn tuổi giá thú ).

5 - Nghị định ngày 8 - 12 - 1965 ủy quyền cho Tổng ủy viên tư pháp duyệt ký các nghị định đặc cách miễn điều kiện để kết hôn.

# I.— ĐỐI CHIẾU

Luật gia đình ngày 2-1-1959 và Sắc luật ngày 23-7-1964  
qui định về giá thú, tử hệ và tài sản cộng đồng.

Luật gia đình 2-1-1959

Sắc luật 23-7-1964

*LUẬT số 1-59 ngày mồng 2 tháng  
giêng năm 1959 về « Gia đình ».*

*Sắc luật 15-64 ngày 23 tháng 7 năm  
1964 qui định giá thú tử hệ, và tài sản  
cộng đồng.*

\*\*\*

\*\*\*

**Điều 1.**— Nay bãi bỏ luật số 1/59 ngày 2-1-1959 mệnh danh là bộ luật gia đình.

**Điều 2.**— Cho đến ngày ban hành bộ Dân Luật duy nhất áp dụng trong toàn quốc, các điều khoản của ba bộ Dân Luật giản yếu 1883, Dân Luật Bắc Việt 1931 và Dân Luật Trung Việt 1936-1939, liên hệ đến những vấn đề giá thú, ngoại hôn, năng lực người đàn bà có chồng, tài sản cộng đồng, ly dị, ly thân, tử hệ chính thức, tư sinh và nghĩa dưỡng được qui định lại như sau :

*THÌÊN THỪ NHẤT*

\*\*\*

CHƯƠNG THỨ NHẤT

CHƯƠNG I

HÔN THỨ

GIÁ THỨ

**Điều 1.**— Chế độ đa thê từ nay bị bãi bỏ hẳn.

**Điều 3.**— Chế độ hôn nhân lập pháp là chế độ đơn hôn.

Không ai được phép tái hôn nếu giá thú trước chưa bị tiêu diệt.

L.G.Đ. 1959

S.L 1964

## TIẾT THỨ NHẤT

## Sự đính hôn

**Điều 2.**— Sự đính hôn chỉ có giá trị khi nào đã làm một cách trọng thể, với sự ưng thuận của hai người đính hôn và sau khi nhà gái đã nhận lễ vật của nhà trai.

**Điều 3.**— Vị hôn phu hay vị hôn thê, cha mẹ hay người giám hộ, nếu người đính hôn còn vị thành niên, lúc nào cũng có thể bãi bỏ lời hứa kết hôn, do sự đính hôn mà có.

**Điều 4.**— Bên nào xin bãi hôn mà không có duyên cớ chính đáng hoặc vì lỗi bên ấy, phải chịu trách nhiệm và bồi thường thiệt hại cũng phải trả lễ vật nếu không phải là những vật tiêu thụ. Trái lại, bên bị thiệt hại có quyền giữ các lễ vật như bồi tổn.

Nếu việc đính hôn bị bãi bỏ vì người đính hôn mệnh một, thì không phải bồi thường gì cả, nhưng phải trả lại lễ vật.

**Điều 5.**— Những tổ quyền liên quan đến sự đính hôn sẽ tiêu diệt sau thời hạn đủ 6 tháng kể từ ngày bãi hôn.

\*\*

## TIẾT THỨ HAI

## Điều kiện cần thiết cho sự kết hôn

**Điều 6.**— Con trai chưa đủ 18 tuổi, con gái chưa đủ 15 tuổi, không được kết hôn.

## TIẾT I

## Sự đính hôn

**Điều 4.**— Sự đính hôn có tính cách một sự cam kết sẽ thành hôn. Sự đính hôn chỉ có giá trị chỉ khi nào đã làm một cách trọng thể với sự ưng thuận của hai người đính hôn và của cha mẹ, ông ba hay giám hộ của họ sau khi nhà gái đã nhận lễ vật của nhà trai.

**Điều 5.**— Mỗi bên có thể xin bãi hôn nếu đủ lý do chính đáng : bên bị bãi hôn có quyền đòi lại lễ vật hay tiền bồi thường nếu bên kia có lỗi.

**Điều 6.**— Nếu phải bãi hôn vì người đính hôn mệnh một thì không phải bồi thường, nhưng các lễ vật có thể trả lại, trừ phi là vật tiêu thụ.

**Điều 7.**— Những tổ quyền liên quan đến sự đính hôn sẽ tiêu diệt sau thời hạn 6 tháng kể từ ngày bãi hôn.

\*\*

## TIẾT 2

## Điều kiện cần thiết để kết hôn

**Điều 8.**— Sự kết hôn vô giá trị nếu không có sự ưng thuận của đôi bên nam nữ.

L.G.B. 1959

S.L. 1964

**Điều 7.**— Cấm không được làm hôn trước khi đã đoạn tuyệt cuộc hôn nhân trước.

**Điều 8.**— Sự ưng thuận của hai bên nam nữ là một điều kiện cốt yếu cho sự lập hôn thú.

**Điều 9.**— Con trai và con gái, chưa đủ 21 tuổi không thể kết hôn, nếu không có sự ưng thuận của cha mẹ. Nếu cha hay mẹ đã mệnh một hoặc không thể tỏ ý được, sự ưng thuận của một người là đủ.

Nếu cha mẹ đều mệnh một hoặc không thể tỏ ý, sự ưng thuận sẽ do ông bà nội, hoặc ông bà ngoại, nếu không còn ông bà nội. Nếu ông bà không đồng ý, thì sự ưng thuận của một người là đủ.

Nếu không còn ông bà hay ông bà không thể tỏ ý được, thì phải có sự ưng thuận của người giám hộ.

**Điều 10.**— Những người ba con trực hệ do huyết tộc hay do hôn nhân, bất cứ chánh thức hay ngoại hôn, hay vì lập con nuôi mà ra, vào bậc nào cũng vậy, đều cấm không được kết hôn với nhau.

Về bàng hệ, những người sau này cũng không được kết hôn với nhau:

1) Anh chị em cùng cha mẹ, cùng cha khác mẹ hay cùng mẹ khác cha, anh chị em nuôi, hoặc lấy lẫn nhau, hoặc lấy anh chị em nuôi của mình.

1) Chú, bác, cậu với cháu gái do huyết tộc hay do hôn nhân; cô, dì với cháu trai do huyết tộc hay do

**Điều 9.**— Hai đảng phải có đủ điều kiện sức khỏe.

**Điều 10.**— Trai chưa đủ 18, gái chưa đủ 16 tuổi không được kết hôn.

Tuy nhiên, nếu có lý do đặc biệt Thủ tướng có thể đặc cách cho miễn tuổi.

**Điều 11.**— Trai và gái chưa đủ 21 tuổi không thể kết hôn nếu không có sự ưng thuận của cha mẹ.

Nếu cha hay mẹ đã mệnh một, hoặc cha mẹ bất đồng ý kiến, hoặc người cha hay người mẹ ở trong trường hợp không thể phát biểu được ý kiến, thì sự ưng thuận của một người là đủ.

Nếu cả cha mẹ đều mệnh một, sự ưng thuận sẽ do ông bà nội, hay ông bà ngoại cũng theo điều kiện như trên.

Nếu không còn cha mẹ, ông bà, sự ưng thuận sẽ do người giám hộ.

**Điều 12.**— Sự kết hôn bị cấm giữa những người tôn thuộc, li thuộc hay người phối ngẫu của người đó về trực hệ, bất luận là con chánh thức, ngoại hôn hay nghĩa dưỡng.

Về bàng hệ sự kết hôn bị cấm giữa những hạng người sau đây :

1) Anh em chị em đồng phụ mẫu, hay đồng cha khác mẹ, hay đồng mẹ khác cha, hay anh em chị em nuôi.

3) Chú, bác, cô, cậu, với nhau; cô dì với cháu trai; ông chú, ông bác ông cậu với cháu gái; ba cô,



L.G.Đ. 1959

S.L 1964

hôn nhân; ông chú, ông bác, ông cậu với cháu gái do huyết tộc hay hôn nhân; bà cô, bà dì với cháu trai do huyết tộc hay do hôn nhân.

3) Bác gái, thím hay mẹ với cháu chồng; đượng với cháu vợ; bà bác, bà thím, bà mẹ với cháu chồng; ông đượng với cháu vợ.

4) Anh em với chị em con chú, con bác, con cậu, con cô, con dì, cả hai bên nội ngoại; anh em chị em, cháu chú, cháu bác, cháu cậu, cháu cô, cháu dì về bên nội cũng như bên ngoại.

5) Chị dâu, em dâu với anh chồng, em chồng; anh rể, em rể với chị vợ, em vợ.

**Điều 11.**— Khi nào có lý do đặc biệt quan trọng, Tổng Thống có thể đặc cách cho miễn tuổi.

\*\*

## TIẾT THỨ 8A

## Sự cử hành hôn lễ

**Điều 12.**— Trước khi làm lễ hôn thú, viên chức hộ tịch phải bố cáo bằng cách niêm yết tại công sở của nơi cư sở, và nơi tạm trú của hai người đính hôn.

Bản niêm yết phải kê khai họ, tên, nghề nghiệp, cư sở và tạm trú của hai bên nam nữ và cha mẹ, cùng nơi sẽ cử hành hôn thú.

**Điều 13.**— Bản niêm yết phải dán tại các công sở kê trên trong thời hạn 10 ngày.

Hôn lễ chỉ có thể cử hành 10

bà đi với cháu trai.

4) Anh em chị em con chú, con bác, con cậu, con cô, con dì cả hai bên nội ngoại; anh em với chị em cháu chú, cháu bác, cháu cậu, cháu cô, cháu dì về bên nội cũng như về bên ngoại.

Tuy nhiên giữa bà con bằng hệ nói ở khoản 3, nếu có lý do quan trọng, Thủ Tướng có thể đặc biệt cho phép kết hôn.

\*\*

## TIẾT 3

## Thủ tục hôn lễ

**Điều 13.**— Hôn lễ cử hành công khai trước viên chức hộ tịch tại công sở nơi cư trú của nam hay nữ.

Nếu có sự cản trở trọng đại, hôn lễ có thể cử hành tại chỗ ở của một trong hai đương sự.

**Điều 14.**— Trước khi làm lễ hôn thú, viên chức hộ tịch phải bố cáo bằng cách niêm yết tại công sở nơi cư trú của người đính hôn.

L.G.Đ. 1959

S.L. 1964

ngày sau khi niêm yết, ngày niêm yết không tính vào thời hạn này.

**Điều 14.**— Nếu lễ hôn thú không thi hành trong hạn một năm, bắt đầu từ ngày đã hết hạn niêm yết thì sau này phải công bố lại, theo thể thức trên.

**Điều 15.**— Người muốn phản đối sự lập hôn thú hay người thụ ủy có công chứng thư ủy quyền đặc biệt, phải ký tên trên bản chánh và bản sao tờ phản kháng. Tờ phản kháng phải được tổng đạt tận tay hay tận nơi cư sở của hai đương sự và viên chức hộ tịch nơi sẽ làm lễ hôn thú. Viên chức phải phê duyệt trên bản chánh.

**Điều 16.**— Người đã có hôn thú với một trong hai đương sự có quyền phản kháng sự cử hành hôn lễ.

**Điều 17.**— Cha hay mẹ, hoặc ông bà nội hay ông bà ngoại nếu không còn cha mẹ, hoặc người giám hộ hay tộc trưởng nếu không còn ông bà, có quyền phản kháng sự lập hôn thú của con cháu, đầu đã trưởng thành.

Sau khi tòa đã truyền giải trừ phản kháng của một tôn trưởng, thì sự phản kháng của tôn trưởng khác không thể nào được chấp nhận và không thể làm trì hoãn lễ hôn thú.

**Điều 18.**— Chứng thư phản kháng phải kê khai tư cách đã cho đương sự quyền phản kháng; chứng thư ấy phải ghi tuyến định cư trú tại nơi cử hành hôn lễ và

Bản niêm yết phải kê khai tên họ, nghề nghiệp, cư trú của hai bên nam nữ và của cha mẹ, cùng nơi sẽ làm hôn lễ.

**Điều 15.**— Bản niêm yết phải dán tại các nơi công sở nói trên trong 10 ngày liền. Hôn lễ chỉ có thể cử hành 10 ngày sau khi đã niêm yết, ngày niêm yết không tính vào thời hạn này.

**Điều 16.**— Nếu hôn lễ không cử hành trong hạn một năm, bắt đầu từ ngày hết thời hạn niêm yết thì sau này lại phải công bố lại theo thể thức như trên.

**Điều 17.**— Trong thời gian niêm yết, những người dưới đây có quyền phản kháng sự cử hành hôn lễ:

1) Người đã có hôn thú với một trong hai đương sự :

2) Cha hay mẹ, hoặc ông bà nội, ông bà ngoại, hoặc người giám hộ.

**Điều 18.**— Người phản kháng hay người thụ ủy có công chứng thư ủy quyền đặc biệt phải ký tên trên bản chánh tờ phản kháng. Tờ phản kháng sẽ do thừa phát lại tổng đạt theo thường lệ, để bản sao lại cho 2 đương sự và cho viên chức hộ tịch nơi sẽ làm hôn thú. Hộ tịch lại sẽ phê duyệt trên bản chánh.

**Điều 19.**— Chứng thư phản kháng sẽ phải ghi tư cách cho phép phản kháng, cùng lý do và điều luật cho phép phản kháng. Người phản kháng phải tuyến định trú quán ở nơi cử hành hôn lễ.

L.G.Đ. 1959

S.L 1964

những lý do phản kháng cùng điều luật cho phép phản kháng. Nếu không, chứng thư ấy sẽ vô giá trị và thừa phát lại hoặc viên chức thay thế ký tên vào chứng thư phản kháng sẽ bị cấm hành nhiệm trong thời hạn một năm.

**Điều 19.**— Tòa án cấp sơ thẩm sẽ xét xử và tuyên án nội trong hạn 15 ngày, sau khi nhận đơn xin giải trừ của người bị phản kháng.

**Điều 20.**— Nếu có kháng cáo, tòa sơ thẩm không thể giữ hồ sơ quá mười lăm (15) ngày tròn và tòa thượng thẩm phải xử trong thời hạn (15) ngày, sau khi nội vụ đã được đăng đường. Trong trường hợp bản án sơ thẩm bị kháng cáo đã giải trừ sự phản kháng, tòa thượng thẩm phải đương nhiên xử.

**Điều 20.**— Sự phản kháng có thể bị giải trừ do chính những người đang đứng ra ngăn cản theo hình thức nói trên, hoặc do án vụ tư pháp xét đơn khởi tố của hai vợ chồng tương lai. Nguyên đơn miễn xin phép kiện tôn trưởng.

Nếu sự phản kháng của một tôn trưởng đã được giải trừ, thì không sự phản kháng nào của một tôn trưởng khác được chấp nhận và còn làm tri hoãn được sự cử hành hôn lễ.

**Điều 21.**— Tòa sơ thẩm sẽ xét xử và tuyên án nội trong 15 ngày sau khi đơn xin giải trừ của người phản kháng được đăng đường.

Thời hạn kháng cáo được ấn định đặc biệt về thủ tục này là 15 ngày.

**Điều 22.**— Nếu có kháng cáo lục sự tòa sơ thẩm phải chuyển hồ sơ lên tòa thượng thẩm trong hạn 15 ngày. Nếu án vụ chưa kịp thời trước bạ, lục sự có thể cấp bản sao trước khi trước bạ để vào hồ sơ, nhưng phải ghi điều luật này trong bản sao án vụ sẽ trước bạ sau.

**Điều 23.**— Tòa thượng thẩm sẽ phải xét xử và tuyên án trong hạn 15 ngày sau khi nội vụ được đăng đường.

\*\*

\*\*

**Điều 21.**— Lễ hôn thú sẽ cử hành công khai nơi cư sở, hay nơi tạm trú của nam hay nữ.

**Điều 22.**— Đến ngày hai bên

**Điều 24.**— Sau thời hạn niệm

L.G.Đ. 1959

S.L. 1964

đã định, sau thời hạn niềm yết, viên chức hộ tịch tại công sở và trước mặt hai người chứng, thân thuộc hay không, đọc những giấy tờ liên hệ đến thân trạng của đương sự cùng thể thức hôn lễ. Viên chức hộ tịch sẽ hỏi hai đương sự khai có lập hôn khế hay không. Nếu họ còn vị thành niên thì sẽ hỏi các tôn trưởng ưng thuận hôn thú và có mặt tại buổi lễ.

Viên chức hộ tịch nhận lời khai riêng của mỗi đương sự, ưng thuận cùng nhau kết hôn; sau đó nhân danh luật pháp viên chức hộ tịch tuyên bố hai đương sự đã thành hôn và lập ngay chứng thư hôn thú.

Tuy nhiên, nếu có sự cản trở trọng đại, viên chức hộ tịch có thể đến tận cư sở tạm trú của một trong hai đương sự để cử hành hôn lễ.

Sự khai hôn thú với viên chức hộ tịch và sự đăng ký vào sổ hôn thú tạo lập phối hiệp phu phụ.

**Điều 23.** — Chứng thư hôn thú phải ghi:

1) Họ, tên, tuổi, nghề nghiệp, nơi và ngày sinh tháng đẻ, cư sở và tạm trú của hai vợ chồng.

2) Họ, tên, nghề nghiệp, cư sở và tạm trú của cha mẹ. Nếu cha mẹ đã mệnh một thì phải ghi.

3) Sự ưng thuận của cha mẹ, ông bà hay người giám hộ trong trường hợp sự ấy cần thiết.

4) Lời khai của hai đương sự ưng thuận kết hôn với nhau và lời tuyên bố thành hôn của viên chức hộ tịch.

yết đến ngày đã định, viên chức hộ tịch tại công sở và trước mặt hai nhân chứng trưởng thành, thân thuộc hay không, sẽ hỏi hai bên đương sự có lập hôn khế không, có ưng thuận cùng nhau kết hôn không, sau đó nhân danh luật pháp viên chức hộ tịch tuyên bố hai bên nam nữ đã thành vợ chồng và lập ngay chứng thư hôn thú.

**Điều 25.** — Người muốn lập hôn thú phải xuất trình bản sao giấy khai sanh được cấp lâu nhất

Viên chức hộ tịch nhận lời khai riêng của mỗi đương sự, ưng thuận là 3 tháng nếu cấp ở Việt Nam, và 6 tháng nếu cấp ở ngoại quốc, và phải nộp tờ cam kết không mắc bệnh truyền nhiễm.

**Điều 26.** — Trong trường hợp không thể xuất trình được bản sao khai sanh ấy, sẽ có thể xuất trình đề thay thế, chứng thư thay khai sanh đó do Thăm phán hòa giải ở nơi cư trú cấp.

**Điều 27.** — Chứng thư hôn thú phải ghi:

1) Họ, tên tuổi, nghề nghiệp, nơi và ngày tháng nam sinh, nơi cư trú của hai vợ chồng;

2) Họ, tên tuổi, nghề nghiệp nơi cư trú của cha mẹ nếu có. Nếu cha mẹ đã mệnh một thì phải ghi;

3) Sự ưng thuận của cha mẹ, ông bà hay người giám hộ trong trường hợp sự ưng thuận ấy cần thiết;

L.G.Đ. 1959

S.L 1964

5) Tên, họ, nghề nghiệp, cư sở của những người chứng và tư cách trưởng thành của họ.

6) Lời khai có lập hôn khế hay không và ngày cùng tên và địa chỉ chứng khế hay viên chức đã lập hôn khế.

Sự lập hôn thú phải được ghi vào bên lề chứng thư khai sinh của hai vợ chồng.

\*\*

**Điều 24.**— Hôn thú lập ở ngoại quốc giữa người Việt nam với nhau hay người Việt nam và người ngoại quốc do viên chức sở tại cử hành ngoại sự hiện diện các lãnh sự hay đại diện ngoại giao Việt nam đều có giá trị, nếu đã làm theo thể thức vẫn dùng trong nước ấy, miễn sao trước khi lập hôn thú, đã niêm yết đúng theo đoạn thứ 12, 13 và 14 của luật này và người có quốc tịch Việt nam phải tuân theo những điều kiện cần thiết cho sự kết hôn dự liệu ở tiết trên.

Hôn thú lập ở ngoại quốc giữa người Việt nam với nhau hay người Việt nam và người ngoại quốc do lãnh sự hay đại diện ngoại giao Việt nam cử hành đúng theo những điều khoản của luật này cũng đều có giá trị.

**Điều 25.**— Trong vòng ba tháng, sau khi người có quốc tịch Việt

4) Lời khai ưng thuận kết hôn của hai bên đương sự và lời tuyên bố họ thành hôn của viên chức hộ tịch ;

5) Tên, họ, tuổi, nghề nghiệp và nơi cư trú của những nhân chứng ;

6) Lời khai có lập hôn khế hay không và nếu có phải ghi ngày lập hôn khế và tên, địa chỉ của viên chứng khế .

Hôn thú phải ghi vào bên lề chứng thư khai sinh của hai vợ chồng.

\*\*

**Điều 28.**— Hôn thú lập ở ngoại quốc giữa người Việt Nam với nhau hay giữa người Việt nam với người ngoại quốc do viên chức hộ tịch cử hành theo thể thức vẫn dùng trong nước ấy sẽ hữu hiệu nếu đã có niêm yết như đã định ở những điều 15 và kế tiếp và nếu người có quốc tịch Việt đã theo đúng những điều kiện kết hôn do luật này ấn định.

Hôn thú lập ở ngoại quốc giữa người Việt Nam với nhau hay người Việt Nam với người ngoại quốc do lãnh sự hay đại diện ngoại giao Việt nam cử hành đúng theo điều khoản của luật này cũng có giá trị.

**Điều 29.**— Trong vòng 3 tháng sau khi trở về lãnh thổ Việt Nam

L.G.Đ. 1959

S.L. 1964

nam trở về lãnh thổ Việt nam, chứng thư hôn thú phải được đăng ký trong sổ hôn thú đương niên nơi cư sở và ghi vào bên lề chứng thư khai sinh của đương sự.

**Điều 26.**— Hai vợ chồng, những người có quyền lợi hiện hữu, cùng công tố viên có thể khởi tố xin hủy hôn thú, nếu sự lập hôn thú đã làm một cách không công khai hoặc trước mặt viên chức không có thẩm quyền.

Trong trường hợp hôn thú không được đăng ký như đã dự liệu ở điều 24 và 25, người hôn phối có quốc tịch Việt nam có thể bị phạt tiền từ một ngàn đồng (1000đ.) đến hai chục ngàn đồng (20.000đ.).

**Điều 27.**— Nếu trước khi thành hôn lễ không có niềm ýet hợp pháp hoặc không được miễn các điều kiện luật định hoặc không tôn trọng khoảng thời gian đã định giữa sự niềm ýet và cử hành hôn lễ, viên chức hộ tịch và hai đương sự hoặc những người đã dùng quyền lực để xúi giục đương sự hành động, có thể bị truy tố và bị phạt từ một ngàn đồng (1.000đ.) đến hai chục ngàn đồng (20.000đ.).

\*\*

## TIẾT THỨ TƯ

## Sự vô hiệu về hôn thú

**Điều 28.**— Hôn thú vô hiệu nếu không có sự ưng thuận của vợ hay chồng hoặc của hai người.

người có quốc tịch VN phải xuất trình một bản sao chứng thư hôn thú cũ nhất là 3 tháng, gửi cho Biện lý tòa án nơi trú quán. Biện lý sẽ ra lệnh đăng ký vào sổ giá thú đương niên và ghi chú vào lề giấy khai sinh của đương sự, ở sổ chính cũng như ở sổ kép.

**Điều 30.**— Nếu trước khi cử hành hôn lễ không có niềm ýet hợp lệ hoặc không tôn trọng thời gian đã định giữa sự niềm ýet và cử hành hôn lễ, viên chức hộ tịch có thể bị truy tố và phạt tiền 5.000đ. đến 10.000đ.

\*\*

## TIẾT 4

## Sự vô hiệu về hôn nhân

**Điều 31.**— Hôn thú vô hiệu nếu không có sự tự do ưng thuận của hai vợ chồng hoặc của một người

L.G.Đ. 1959

S.L. 1964

Nếu người chồng hay người vợ đã ưng thuận vì bị lầm lẫn hay bị cưỡng bách, hôn thú có thể bị kiện xin xử tiêu.

Chỉ có sự lầm lẫn về người hoặc về căn cước mới là duyên cớ để xin xử tiêu hôn.

**Điều 29.**— Chỉ có vợ hay chồng bị lầm lẫn hoặc bị cưỡng bách, nếu đã trưởng thành, mới có thể khởi tố xin tiêu hôn. Nếu người ấy còn vị thành niên, những người có quyền ưng thuận cho kết hôn có thể khởi tố xin tiêu hôn.

Trong trường hợp các đương sự còn vị thành niên mà những người có quyền ưng thuận cho kết hôn không chịu khởi tố, đương sự có thể đặc biệt xin phép tòa để khởi tố.

Tổ quyền sẽ bị tiêu diệt nếu không được sử dụng trong hạn sáu tháng sau khi phát giác sự lầm lẫn, hoặc hết sự cưỡng bách.

\*\*

\*\*

**Điều 30.**— Hôn thú có thể bị kiện xin xử tiêu vì sự bất lực vĩnh viễn và đã có trước khi lập hôn thú của một người hôn phối.

Chỉ có người hôn phối kia mới có thể khởi tố xin tiêu hôn. Tổ quyền sẽ bị tiêu diệt trong thời hạn một năm sau khi khám phá sự bất lực ấy.

\*\*

\*\*

**Điều 31.**— Hôn thú có thể bị

**Điều 32.**— Chỉ có hai nguyên nhân làm cho sự ưng thuận vô giá trị là sự lầm lẫn và sự cưỡng bách.

Về sự lầm lẫn chỉ có sự lầm lẫn về thể nhân hay hộ tịch mới là duyên cớ để xin tiêu hôn.

**Điều 33.**— Chỉ có người vợ hay người chồng đã bị lầm lẫn hay cưỡng bách mới có thể khởi tố xin tiêu hôn.

Nếu vợ hay chồng còn vị thành niên, những người có quyền ưng thuận cho kết hôn có thể khởi tố xin tiêu hôn. Nhưng nếu trước tòa, người vợ hay người chồng mà sự ưng thuận bị hà hiếp đã minh thị thuận nhận hôn thú thì sự vô hiệu được bao yểm và hôn thú không còn xử tiêu được nữa.

**Điều 34.**— Tổ quyền này sẽ tiêu diệt sau 1 năm kể từ khi sự lầm lẫn được phát giác hay sự cưỡng bách đã hết.

(Trong S.L. 1964 không có điều nào tương đương với điều 30 của L.G.Đ.)

**Điều 35.**— Hôn thú có thể bị

L.G.Đ. 1959

S.L. 1964

kiện xin xử tiêu trong những trường hợp sau đây :

1) Con trai chưa đủ 18 tuổi, con gái chưa đủ 15 tuổi, trừ phi được miễn tuổi, mà đã kết hôn.

Duyên cớ của sự vô hiệu này sẽ không còn nữa, kể từ ngày đương sự đến tuổi cập hôn theo luật định hay trong trường hợp người vợ đã thụ thai.

2) Hai đương sự là bà con do huyết tộc hay do hôn nhân vào hàng luật đã cấm.

Những người có quyền lợi đều được khởi tố xin tiêu hôn. Công tố viện có thể đương nhiên khởi tố.

**Điều 32.**— Hôn thú có thể bị kiện xin xử tiêu nếu người đàn bà tái hôn trước mười tháng sau khi có án tuyên bố vô hiệu cuộc hôn nhân trước, hoặc người quả phụ tái giá trước mười tháng từ ngày người chồng mệnh mất.

Người chồng, hoặc nếu không còn người chồng, các con của cuộc hôn nhân trước, hoặc nếu không có con, người tộc trưởng của người chồng mệnh mất, có thể khởi tố xin tiêu hôn.

**Điều 33.**— Sự lập hôn thú trước khi đoạn tiêu cuộc hôn nhân trước là vô hiệu và vợ hay chồng hoặc những người có quyền lợi hoặc công tố viện có thể khởi tố xin tiêu hôn, ngoài ra người phạm pháp còn có thể bị truy tố về tội song hôn.

**Điều 34.**— Người vợ hay chồng bị kết án về tội song hôn, không thể

kiện thủ tiêu trong những trường hợp sau đây bởi hai vợ chồng, hoặc công tố viện, hoặc những ai có quyền lợi :

1) Trai gái chưa đến tuổi luật định mà đã kết hôn, trừ phi đã được miễn tuổi hợp lệ.

Tuy nhiên, nguyên nhân vô hiệu này không còn được viện dẫn, kể từ ngày đương sự đến tuổi lập hôn thú theo luật định hay trong trường hợp người vợ đã thụ thai.

2) Hai người kết hôn là bà con vào hàng luật cấm.

3) Khi lập hôn thú, một trong hai đương sự còn ở trong tình trạng hôn nhân trước chưa đoạn tiêu.

Trong trường hợp này, người phạm pháp còn có thể bị truy tố về tội song hôn. Nếu cặp vợ chồng mới nại sự vô hiệu của hôn thú thứ nhất thì sự kháng nại ấy là một vấn đề liên quyết mà Tòa dân sự có thẩm quyền phải xử trước.

4) Nếu hôn lễ đã được cử hành không công khai hay do một viên hộ lý không có thẩm quyền, nhưng với điều kiện là sự cử hành trái luật ấy có tính cách gian lận. Bất cứ người nào có quyền lợi cũng đều có thể khởi tố xin tiêu hôn trong những trường hợp này. Công tố viện cũng có quyền.

(Trong S.L. 1964 không có sự chế tài này).



L.G.Đ. 1959

S.L. 1964

dảm nhiệm một công vụ có quyền lực hoặc một ủy nhiệm công cử.

\*\*

\*\*

**Điều 35.**— Hôn thú có thể bị kiện xin xử tiêu nếu không có sự ưng thuận của cha mẹ, hay những người có quyền ưng thuận trong việc kết hôn.

Chỉ những người này mới có quyền khởi tố.

Duyên cớ của sự vô hiệu nay sẽ không còn nữa, kể từ ngày đương sự đến tuổi trưởng thành hay trong trường hợp người vợ đã thụ thai hay đã có con với người chồng rồi.

Những người có quyền ưng thuận việc hôn thú có thể xác nhận sự ưng thuận một cách công nhiên hay mặc nhiên. Nhưng nếu biết việc lập hôn thú mà để yên một nam không khiêu nại, sự im lặng ấy đủ bao yểm sự vô hiệu.

\*\*

\*\*

(Trong L.G.Đ. không có điều nào tương đương với điều 38 của S.L. 1964)

**Điều 36.**— Làm hôn thú mà không có sự ưng thuận của cha mẹ, ông bà hay người giám hộ trong các trường hợp luật định cũng có thể bị những người này kiện thủ tiêu.

**Điều 37.**— Tuy nhiên những người kể ở điều 36 không thể kiện, nếu hôn thú đã được nhìn nhận một cách công nhiên hay mặc nhiên, hoặc nếu biết việc lập hôn thú mà để yên một năm mà không khiếu nại hoặc nếu người đàn bà đã có con hay đã thụ thai.

**Điều 38.**— Nếu có sự chấp hữu thân trạng phụ phụ và nếu giấy giã thú được xuất trình, cả hai vợ chồng đều không còn được nại sự vô hiệu gì về hình thức, hay sự vô thẩm quyền của viên chức hộ lại để xin tiêu hôn.

\*\*

\*\*

**Điều 36.**— Con sinh trong một vụ hôn thú bị tuyên bố vô hiệu được

**Điều 39.**— Hôn thú dù bị xử tiêu, những con cái, nếu có, vẫn

L.G.Đ. 1659

S.L. 1964

coi như con ngoại hôn.

Sự thanh toán tài sản của vợ chồng mà hôn thú bị tuyên bố vô hiệu làm như vợ chồng không hề bao giờ có kết hôn với nhau.

Tuy nhiên hôn thú bị tuyên bố vô hiệu, vẫn có hiệu lực về dân sự đối với con và đối với người vợ hay người chồng hoặc cả hai nếu họ ngay tình.

**Điều 37.**— Bản án tuyên bố hôn thú vô hiệu khi đã thành nhất định phải được sao lục cho viên chức hộ tịch đã đăng ký việc hôn thú, để ghi bên lề chứng thư hôn thú bị xử tiêu và đề đăng ký vào sổ hôn thú đương niên.

Bản án ấy sẽ được ghi chú bên lề chứng thư khai sinh.

\*\*

**Điều 38.**— Nếu hôn thú bị tuyên bố vô hiệu vì lỗi người vợ hay người chồng đã có gian ý thì người ấy có thể bị phạt giam từ 3 tháng cho đến 1 năm. Ngoài ra còn có thể bị phạt tiền từ 1 ngàn (1000) cho đến một trăm ngàn (100.000đ.).

Tòa án cũng có thể cấp cho người vợ hay người chồng bị thiệt hại một số tiền bồi thường.

\*\*

## TIẾT THỨ NĂM

### Hiệu lực của hôn thú

**Điều 39.**— Người chồng, trưởng gia đình và người vợ phải cùng

được coi là con chính thức.

Hôn thú bị xử tiêu cũng vẫn có hiệu lực dân sự đối với người vợ hay người chồng hoặc cả hai, nếu họ ngay tình.

**Điều 40.**— Ân văn xử tiêu hôn thú khi đã thành nhất định phải được sao lục cho viên chức hộ tịch đã đăng ký việc hôn thú để ghi bên lề chứng thư hôn thú ấy và đề đăng ký vào sổ hôn thú đương niên.

Ân văn cũng sẽ ghi chú bên lề chứng thư khai sinh của mỗi đương sự.

\*\*

(Chú ý: điều 38 LGB, cũng như hầu hết các hình phạt khác trong luật gia đình, bị SL 1964 hủy bỏ)

\*\*

## TIẾT 5

### Nghĩa vụ của hôn nhân

**Điều 41.**— Một khi đã kết hôn, vợ chồng có hôn phận phải lấy

L.G.Đ. 1959

S.L 1964

nhau lo sự thịnh vượng của phối hiệp phu phụ và việc nuôi dưỡng cùng giáo dục con cái.

**Điều 40.**— Vợ chồng có bổn phận phải chung thủy với nhau và cứu giúp, giúp đỡ, phù trợ cho nhau.

**Điều 41.**— Phối hiệp phu phụ do vợ hay chồng đại diện những nhu cầu gia vụ.

**Điều 42.**— Vợ chồng phải ở chung với nhau và cùng nhau chọn lựa cư sở hôn nhân. Nếu bất đồng ý kiến, vợ chồng phải thỉnh ý trưởng tộc 2 bên. Trong trường hợp hai trưởng tộc không thể thỏa thuận được, chánh án sẽ chỉ định sau khi nghe hai bên đương sự trình bày lý do.

Một trong những lý do chánh đáng là sự người vợ hay người chồng không muốn ở chung với cha mẹ vợ hay cha mẹ chồng lúc hai vợ chồng có đủ phương tiện để ở chung riêng.

**Điều 43.**— Người vợ cũng như người chồng có đủ năng lực về pháp lý.

Việc sử dụng năng lực này được qui định theo luật lệ và hôn ước, nếu có.

lĩnh nghĩa thủy chung mà đối đãi với nhau, phải giúp đỡ, bảo trợ nhau, phải chung lo xây dựng hạnh phúc gia đình và dưỡng dục con cái.

**Điều 42.**— Chồng là trưởng gia đình và phải sử dụng quyền gia trưởng, theo nguồn lợi gia đình và con cái.

Vợ cộng tác với chồng trong việc đảm đương và sinh hoạt gia đình, việc giáo dục con cái, và gây dựng tương lai cho chúng nó.

**Điều 43.**— Vợ sẽ thay chồng giữ quyền gia trưởng trong trường hợp người chồng không bày tỏ được ý, kiến, vì không có năng lực pháp lý vì thất tung, vì đi xa vắng, hay bất cứ vì mọi duyên cớ nào khác.

**Điều 44.**— Nếu không có hôn ước qui định sự đóng góp của vợ chồng vào việc chi tiêu gia đình, mỗi người sẽ góp phần tùy theo khả năng của mình.

Nhưng nghĩa vụ này, trước nhất đặt vào người chồng. Tùy theo khả năng tình trạng của mình, chồng phải cung cấp cho vợ những gì cần thiết cho sự sinh sống.

**Điều 45.**— Chồng có quyền lựa chọn chỗ ở cho gia đình; vợ có bổn phận ở chung với chồng. Gặp trường hợp đặc biệt chỗ ở do chồng lựa chọn có hại cho gia đình về phương diện vật chất hay tinh thần, người vợ có thể xin Chánh án cho phép ở riêng một nơi khác với con cái.

**Điều 46.**— Người đàn bà có già

L.G.Đ. 1959

S.L. 1964

**Điều 44.**— Vợ hay chồng có thể có nghề nghiệp riêng biệt, trừ phi người hôn phối phản kháng. Sự phản kháng ấy chỉ có hiệu lực nếu có lý do chính đáng được tòa án chấp nhận.

(Trong L.G.Đ. vấn đề này được qui định trong điều 41)

thủ có đủ năng lực về pháp lý, việc xử dụng năng lực này chỉ do luật lệ hay hôn ước hạn chế.

**Điều 47.**— Người vợ có thể có nghề nghiệp riêng biệt, nếu người chồng không phản kháng. Trong trường hợp chồng phản kháng vợ có thể xin Chánh án sở tại giải trừ sự phản kháng bằng mệnh lệnh phê đơn sau khi đã nghe người chồng trình tình.

Nếu sự phản kháng được giải trừ, mọi hành vi của người vợ đã làm kể từ ngày bị phản kháng đều hữu hiệu. Nếu sự phản kháng được chấp nhận, hay nếu vợ không xin giải trừ, mọi hành vi của vợ làm từ khi có sự phản kháng, đều không đem đối kháng được với chồng, nhưng với điều kiện là khi lập ước với người vợ người đệ tam đã được biết có sự phản kháng của người chồng.

**Điều 48.**— Dưới mọi chế độ, vợ đều có quyền thay mặt chồng về những nhu cầu nhật dụng của gia đình và dùng tiền bạc của chồng giao cho về nhu cầu ấy. Mọi hành vi của người vợ trong phạm vi ấy có hiệu lực kết buộc người chồng trừ phi chồng đủ lý do chính đáng đề tước quyền của vợ. Trong trường hợp chồng đã tước quyền vợ lập ước giữa vợ và người đệ tam không đem đối kháng được với chồng nếu người đệ tam đã được biết có sự tước quyền.

LG.Đ. 1959

S.L. 1964

## CHƯƠNG THỨ HAI

## TIẾT 6

## Chế độ phụ phụ tài sản

## Chế độ phụ phụ tài sản

**Điều 45.**— Luật lệ chỉ qui định phụ phụ tài sản khi nào vợ chồng không có lập hôn ước mà tự họ muốn làm ra sao cũng được, miễn không trái với phong hóa, trật tự công cộng và quyền lợi của con.

**Điều 46.**— Hôn ước bao giờ cũng phải làm trước khi lập hôn thú, bằng chứng thư, trước mặt chứng khế hay một viên chức có thẩm quyền nhận thực. Hôn ước không thể thay đổi sau khi đã lập hôn thú.

Hôn khế phải được những người mà những sự cần thiết trong việc hôn thú chấp nhận.

Hôn ước chỉ được đối kháng với người đệ tam, nếu sự có lập hôn ước đã được ghi chú trong chứng thư hôn thú. Bản sao hôn ước phải được đính theo chứng thư hôn thú. Trích lục hôn thú và hôn ước, sẽ do viên chức hộ tịch cấp cho mọi người nào đứng xin.

**Điều 49.**— Luật pháp chỉ qui định tài sản phụ phụ khi nào vợ chồng không lập hôn ước. Họ có thể lập hôn ước riêng biệt tùy ý muốn, miễn không trái với thuần phong mỹ tục và trật tự công cộng.

**Điều 50.**— Hôn ước phải làm trước mặt Chứng khế trước khi kết hôn. Nếu vợ hay chồng còn vị thành niên, muốn lập hôn ước phải có sự hộ trợ của những người có ưng thuận việc kết hôn.

Chứng khế phải cấp cho đương sự một chứng thư được miễn mọi lệ phí, ghi tên họ, nghề nghiệp, chỗ ở, ngày sinh, nơi sinh của đương sự, ngày tháng lập hôn ước và nói rõ là chứng thư phải giao cho viên chức hộ tịch trước khi cử hành hôn lễ. Ở tỉnh nào không có Phòng Chứng khế, thì hôn ước có thể làm trước mặt viên chức hộ tịch.

**Điều 51.**— Hôn ước không thể thay đổi, sau khi đã lập hôn thú.

**Điều 52.**— Hôn ước chỉ có hiệu lực đối kháng với người đệ tam nếu đã được ghi chú trong chứng thư hôn thú.

L.G.Đ. 1959

S.L. 1964

**Điều 47.** Nếu không có hôn ước đặc biệt, vợ chồng sẽ được đặt dưới chế độ cộng đồng tài sản, chế độ này gồm tất cả tài sản và huê lợi của chồng và của vợ.

Chế độ cộng đồng tài sản là chế độ phu phụ tài sản thường luật.

Chế độ cộng đồng tài sản do luật định hay do hôn ước, khởi sự từ ngày lập hôn thú trước mặt viên chức hộ tịch.

**Điều 48.**— Những động sản và bất động sản thuộc quyền tư hữu của vợ hay chồng khi lập hôn thú, hoặc của vợ hay chồng được hưởng trong thời gian hôn thú, do thừa kế hay do tặng dữ, những tài sản ấy lập thành kỹ phần của vợ hay chồng nhập vào tài sản cộng đồng, trừ phi người di chúc hay người tặng dữ định khác.

Kỹ phần của chồng, kỹ phần của vợ, những tài sản mà hai vợ chồng cùng thủ đắc trong thời gian hôn thú, những tài sản của vợ hoặc của chồng thủ đắc có tính cách hữu thường, những huê lợi của các loại tài sản ấy đều là tài sản cộng đồng của vợ chồng.

**Điều 53.**— Chế độ cộng đồng tài sản là chế độ phu phụ tài sản thường luật, trong trường hợp vợ chồng không có làm hôn ước hoặc khai kết hôn dưới chế độ cộng đồng tài sản. Chế độ này khởi đầu từ ngày lập hôn thú. Không ai có thể định một ngày nào khác cho sự khởi điểm này.

**Điều 54.**— Khối cộng đồng tài sản gồm có :

1) động sản thuộc quyền sở hữu của mỗi vợ chồng ngày hôn thú thành lập ;

2) động sản của vợ hay chồng được hưởng trong thời gian hôn thú do sự hưởng thừa kế hay sự tặng dữ, hay sự di tặng, trừ phi người làm di chúc hay người chủ tặng dữ định khác ;

3) động sản và bất động sản của vợ hay chồng tạo mãi trong thời gian hôn thú ;

4) hoa lợi của tất cả những tài sản không phân biệt thủ đắc trước hay trong thời gian hôn phối.

**Điều 55.**— Những bất động sản thuộc quyền sở hữu của mỗi vợ chồng ngày thành lập hôn thú, hoặc thủ đắc trong thời gian hôn phối do sự hưởng thừa kế, tặng giữ hay di tặng, là của riêng của mỗi vợ chồng.

L.G.Đ. 1959

S.L. 1964

\*\*

**Điều 49.**— Vợ chồng cùng quản trị tài sản cộng đồng.

**Điều 50.**— Vợ chồng không thể kết trái, di nhượng hoặc thủ đắc có tính cách vô thường hay hữu thường, những bất động sản, chứng khoán và cổ phần, nếu không có sự tham dự của người hôn phối trong chứng thư hoặc không có sự ưng thuận của người ấy bằng văn thư.

Tất cả các sự kết trái, di nhượng hoặc thủ đắc có tính cách vô thường hay hữu thường về các tài sản nói trên mà vợ hay chồng thực hiện trong thời gian hôn thú, không có sự tham dự hay ưng thuận của người hôn phối, có thể bị người này khởi tố xin xử tiêu.

**Điều 51.**— Trong trường hợp cần thiết phải có sự tham dự hoặc sự ưng thuận của vợ hay chồng, nếu người này, không thể tỏ ý được, hoặc đã từ khước mà không vì lý do chính đáng, người hôn phối có thể xin tòa cho phép khởi cần có sự tham dự hoặc ưng thuận ấy.

\*\*

**Điều 52.**— Vợ hay chồng, nếu có duyên cớ chính đáng, có thể xin phép tòa để sai áp lương bổng, thù lao, lợi tức hoặc huê lợi của người hôn phối.

\*\*

**Điều 56.**— Người chồng quản trị những tài sản cộng đồng và những tài sản riêng của vợ. Nếu người chồng không thể bày tỏ được ý kiến và không có năng lực pháp lý, vì thất tung, vì đi xa vắng hay bất cứ vì một duyên cớ gì khác, người vợ sẽ thay thế trong quyền quản trị.

**Điều 57.**— Về mọi hành vi có tính cách tiêu thất (đoạn mai, cầm cố); những tài sản quan trọng phải cả hai vợ chồng cùng ưng thuận.

Đối với bất động sản riêng của vợ, phải có sự ưng thuận của vợ thì người chồng mới được bán.

**Điều 58.**— Trong trường hợp cần phải có sự ưng thuận của vợ hay chồng, nếu người này không thể tỏ ý được hoặc từ khước không có lý do chính đáng, người phối ngẫu có thể xin Tòa cho phép khởi cần có sự ưng thuận ấy.

\*\*

**Điều 59.**— Vợ hay chồng nếu có duyên cớ chính đáng, có thể được Chánh án sở tại cho phép sai áp chế chỉ lương bổng, thù lao, lợi tức hoặc hoa lợi của người phối ngẫu.

Trong mọi trường hợp sự sai áp không thể chặn giữ lại được quá

LG.Đ. 1959

S.L. 1964

phần nữa số lương bổng, thù lao lợi tức hay hoa lợi ấy.

Hai bên vợ chồng sẽ được gọi trước mặt Chánh án, bằng thư báo đảm của Phòng lục sự và phải đích thân trình diện, trừ trường hợp bị cản trở không thể nào tới được mới có thể nhờ luật sư thay mặt.

Chánh án sẽ thăm nghị và tuyên án ngay trong Văn phòng.

Bản án sẽ đương nhiên được thi hành tạm mặc dầu kháng cáo hay kháng tố.

Nhận được tổng đạt bản án, người đệ tam bị sai áp sẽ phải giao tiền cho người phối ngẫu đã được sai áp không cần phải thể thực gì khác về thủ tục sai áp chế chỉ.

Bất kỳ lúc nào và mặc dầu đã thành nhất định, án vẫn cũng có thể sửa đổi tùy theo hoàn cảnh, tình trạng của hai vợ chồng.

**Điều 60.**— Vợ hay chồng đều có quyền mở những chương mục tồn khoản tại các cơ quan tín dụng, ngân hàng nhưng phải khai rõ tên tuổi người phối ngẫu và địa chủ cư sở hôn nhân, các cơ quan nói trên phải thông báo cho người phối ngẫu rõ việc mở mang chương mục.

Người phối ngẫu có quyền hỏi bằng đối chiếu xuất nhập ngân khoản của chương mục, và nếu có lý do chính đáng có thể xin Tòa cho phép ngăn cản việc lấy tiền ra.

**Điều 53.**— Người vợ cũng như chồng có thể mở những chương mục tồn khoản tại các cơ quan tín dụng, ngân hàng hay xí nghiệp nào có thể phát chi phiếu.

Khi mở chương mục phải khai rõ tên tuổi người hôn phối và địa chủ cư sở hôn nhân; các cơ quan nói trên phải thông tri cho người hôn phối rõ việc mở chương mục. Người hôn phối lúc nào cũng có thể hỏi bản đối chiếu của chương mục

Vợ hay chồng nếu có lý do chính đáng có thể xin phép tòa để ngăn cản người hôn phối lấy tiền ra.



L.G.Đ. 1959

S.L. 1964

**Điều 54.**— Tài sản cộng đồng phải đài thọ :

- 1) Những nợ của vợ hay chồng đã vay trước khi lập hôn thú.
- 2) Những nợ của vợ chồng trong thời kỳ hôn thú.
- 3) Những nợ do hành vi trái phép của vợ hay chồng.

\*\*

## CHƯƠNG THỨ BA

### SỰ LY THÂN

#### TIỆT THỨ NHẤT

##### Những duyên cớ ly thân

**Điều 55.**— Đề khuyến khích và tán trợ sự thuận nhất của gia đình, nay cấm chỉ sự vợ chồng rườm rà nhau và sự ly hôn.

Tuy nhiên, trong một vài trường hợp mà chỉ một mình Tổng Thống có thể xét là tối đặc biệt, sự ly hôn có thể được chấp nhận. Tổng Thống sẽ quyết định sau khi hỏi ý kiến chánh án tòa phá án và chánh nhất tòa thượng thẩm nơi cư sở đương sự và sau khi nghe tặc trưởng hai bên cùng hai vợ chồng.

Sự quyết định này là tối hậu và sẽ giải quyết luôn tất cả vấn đề liên quan đến hiệu lực ly hôn.

**Điều 61.**— Tài sản cộng đồng phải đài thọ :

- 1) Những nợ của vợ hay chồng đã vay trước khi lập hôn thú, trừ những nợ được bảo đảm bởi những quyền đối vật các bất động sản nói ở điều 55.
- 2) Những nợ của vợ chồng trong thời kỳ hôn thú.
- 3) Những nợ do hành vi phạm pháp của vợ hay chồng.

\*\*

## CHƯƠNG II .

### LY HÔN VÀ LY THÂN

(Chú ý : Tất cả sự qui định về ly hôn không có trong L.G.Đ. 1959.)

**Điều 62.**— Ngoài trường hợp giả thú bị đoạn chung do vợ hay chồng mệnh một hay do Tòa án đã tuyên bố vô hiệu, các người phối ngẫu có thể xin một phán quyết tư pháp để được ly hôn hoặc ly thân với nhau, 2 năm sau khi đã có hôn thú.

**Điều 63.**— Vợ chồng có thể xin ly hôn hay ly thân :

- 1) Vì sự ngoại tình của người phối ngẫu.
- 2) Vì người phối ngẫu bị kết án trọng hình về thường tội.
- 3) Vì sự ngược đãi, bạo hành hay

LG.Đ. 1959

S.L. 1964

**Điều 56.**— Người vợ cũng như người chồng có thể xin ly thân, khi nào có một trong ba duyên cớ sau đây, duyên cớ ấy phải phạm tới hôn phận và nghĩa vụ vợ chồng đến nỗi sự ở chung với nhau không thể nào tiếp tục được nữa.

- 1) Phạm gian bất cứ tại nơi nào;
- 2) Ngược đãi hay bạo hành;
- 3) Điểm nhục thậm tử.

nhục mạ, có tinh cách thậm tử và thường xuyên làm cho vợ chồng không thể sống chung với nhau được nữa.

4) Vì có án văn xác định sự biệt tích của người phối ngẫu đã thất tung.

5) Vì người phối ngẫu bỏ phế gia đình sau khi có án văn nhất định xử phạt người phạm lỗi.

**Điều 64.**— Việc ly hôn và ly thân của ngoại kiều ở VN hoặc giữa ngoại kiều và Công dân VN sẽ giải quyết theo nguyên tắc Quốc tế tư pháp được Tòa án VN chấp thuận.

\*\*

\*\*

## TIẾT THỨ HAI

### Thủ tục tố tụng về ly thân

**Điều 57.**— Đơn xin ly thân phải nộp tại tòa án dân sự nơi cư sở hôn nhân.

**Điều 58.**— Người vợ hay người chồng muốn xin ly thân phải tự mình trình đơn tận tay chánh án hay thẩm phán giữ chức vụ đó.

Trong đơn phải bày tỏ các sự cáo trách.

**Điều 59.**— Thẩm phán sau khi nghe nguyên đơn trình bày và sau khi đã tùy nghi khuyên bảo, ra án lệnh đòi hai bên đương sự đến hầu

## TIẾT I

### Thủ tục ly hôn

(Chú ý: Trong SL 1964, thủ tục ly hôn cũng áp dụng cho ly thân: d. 95)

**Điều 63.**— Vợ hay chồng muốn xin ly hôn phải làm đơn bày tỏ lý lẽ và tự mình đệ trình Chánh án Tòa Sơ thẩm hay tòa hòa giải rộng quyền sở tại.

Thẩm phán nhận đơn khi nghe nguyên đơn trình bày, sẽ khuyên bảo người này; nếu vô hiệu quả, sẽ ký án lệnh vào dưới đơn án định

L.G.Đ. 1959

S.L. 1964

tòa, theo ngày và giờ chỉ định và cứ thừa phát lại tổng đạt phiếu đòi.

**Điều 60.**— Đơn xin và án lệnh phải được tổng đạt cho bị đơn cùng với phiếu đòi, ít nhất là ba ngày trước ngày hầu tòa, thời hạn này phải tăng thêm vì xa cách.

**Điều 61.**— Đến ngày đã định, hai vợ chồng sẽ đích thân đến hầu tòa; thẩm phán sẽ nghe đôi bên và cố gắng hòa giải. Nếu một bên không thể đến hầu tòa, thẩm phán có thể định đoạt nơi sẽ hòa giải. Nếu khiêm diện hay hòa giải bất thành, thẩm phán ra một án lệnh ghi nhận sự hòa giải bất thành hay sự khiêm diện của đương sự.

Trong án lệnh đó, thẩm phán sẽ quyết định, nếu cần, về nơi tạm trú của hai vợ chồng trong thời kỳ vụ kiện, về việc giao các đồ dùng riêng, về việc tạm quản trị tài sản, về việc tạm giữ con, về quyền tham viếng của cha mẹ và về tiền cấp dưỡng.

Án lệnh đó được thi hành tạm và có thể bị kháng cáo.

**Điều 62.**— Sáu tháng sau khi hòa giải lần thứ nhất bất thành, thẩm

ngày cho đôi hai vợ chồng đến hòa giải; án lệnh sẽ ủy nhiệm một Thừa phát lại tổng đạt trả đòi.

Ngay trong quyết định ấy, Thẩm phán có thể cho phép nguyên đơn được ở riêng, nếu có lý do đặc biệt.

**Điều 66.**— Trả đòi sẽ phải tổng đạt cho bị đơn cùng với đơn khởi tố do Thừa phát lại sao lại và thi thực 3 ngày tròn trước ngày hòa giải, chưa kể sự gia tăng thời hạn vì đường xa; trả đòi không làm đúng những thể thức trên sẽ vô hiệu.

Trả đòi sẽ giao cho bị đơn trong phong bì dán kín.

**Điều 67.**— Đến ngày đã định hai vợ chồng sẽ đích thân trình diện; nếu một bên cư ngụ ở quản hạt một Tòa án khác, Thẩm phán có thể ủy quyền Chánh án Tòa án ấy tiếp nhận lời khai của bị đơn; nếu bị đơn vắng mặt hay nếu hòa giải không thành, Thẩm phán sẽ tuyên một án lệnh hòa giải bất thành, làm thời ghi nhận sự vắng mặt của bị đơn.

Tòa sẽ truyền cho hòa giải một lần thứ nhì, cách ba tháng sau.

Nếu nguyên đơn vắng mặt, thẩm phán ghi sự vắng mặt ấy vào ngay đơn và cho đòi một lần nữa.

Nếu nguyên đơn hai lần vắng mặt liên tiếp, đơn kiện sẽ bị bãi bỏ; sau thời gian một năm, mới có thể nộp đơn khác xin ly hôn.

**Điều 68.**— Sau hai lần hòa giải bất thành, thẩm phán ra án lệnh

L.G.Đ. 1959

S.L. 1964

phán sẽ đòi hai bên đương sự để hòa giải lần thứ nhì.

Thẩm phán chỉ có thể chuyển giao vụ kiện ra tòa, sau khi đã cố gắng hòa giải lần thứ ba, cách lần thứ nhì cũng sáu tháng.

**Điều 63.**— Người nào đã toan dùng hay đã dùng những thủ đoạn man trá hay những việu dẫn dối trá để không cho người hôn phối biết các thủ tục tố tụng về vụ kiện ly thân đã khởi tố kháng người ấy sẽ bị phạt giam từ ba tháng cho đến một năm và phạt tiền từ một ngàn (1.000) đến một trăm ngàn đồng (100.000), hay một trong hai hình phạt đó.

Trong trường hợp tái phạm, nhất định sẽ bị phạt giam.

**Điều 64.**— Vụ kiện sẽ được thẩm cứu theo tục thường lệ trong phòng nghị xử sau khi đã hỏi ý kiến công tố việu. Bản án tuyên bố ly thân được tuyên tại phiên xử công cộng. Bản án bác đơn xin ly thân sẽ được tuyên trong phòng nghị xử.

Những đơn phản tố ly thân có thể nộp bằng lý doán.

Cấm hẳn báo chí không được tường thuật các vụ kiện xin ly thân.

\*\*

**Điều 65.**— Sự ly thân sẽ chấm dứt nếu hai vợ chồng giải hòa với nhau.

Sự hòa giải xảy ra sau khi mới nộp đơn, chỉ phải theo thể thức này: Nguyên đơn và người hôn

cho phép nguyên đơn tiếp tục thủ tục ly hôn trước Tòa án.

**Điều 69.**— Cùng trong án lệnh ấy, Thẩm phán có thể quyết định về nơi tạm trú của hai vợ chồng trong thời kỳ vụ kiện, về việc giao hoàn quần áo đồ dùng riêng của mỗi người, về việc tạm giữ con, về quyền thăm viếng của vợ chồng và về tiền cấp dưỡng.

**Điều 70.**— Án lệnh có thể được kháng cáo trong hạn 8 ngày tròn nhưng đương nhiên được thi hành tạm.

Án lệnh sẽ phải ghi vào đoạn chủ văn của án ly hôn.

**Điều 71.** Mọi biện pháp tạm thời dự định trong án lệnh đều có thể do Tòa đòi hay bổ túc trong thời kỳ thủ tục tiến hành.

**Điều 72.**— Bất cứ lúc nào, nguyên đơn cũng có thể xin đòi đơn ly hôn ra đơn xin ly thân. Bị đơn có thể phản tố xin ly hôn bằng đề luận nạp trước Tòa.

Cấm báo chí không được tường thuật các vụ ly hôn, chỉ được đăng tin về kết quả các vụ ấy. Mọi vi phạm sẽ bị phạt từ 1.000đ. đến 5.000đ. không kể bồi thường nếu có.

**Điều 73.**— Trước khi Tòa xét xử về một thủ tục phụ đới hay về nội dung vụ ly hôn, hồ sơ phải được thông tri cho Công tố việu để cho biết ý kiến.

**Điều 74.**— Ngay từ lúc có án lệnh đầu tiên, vợ hay chồng đều có

L.G.Đ. 1959

S.L 1964

phối phải nộp tại phòng lục sự tờ khai đã giải hòa với nhau.

Nếu sự giải hòa xảy ra sau khi có án thì hai bên đương sự phải nộp đơn cho chánh án đề xin án lệnh thu hồi những biện pháp do bản án đã tuyên.

Đơn xin giải hòa và án lệnh phải tổng đạt, nếu cần, cho người đệ tam mà bản án có thể đã cử ra để trông nom các con và quản trị tài sản.

\* \* \*

### TIẾT THỨ BA

#### Hiệu lực sự ly thân

**Điều 66.**— Bản án tuyên bố ly thân không chấm dứt chế độ cộng đồng tài sản.

Sự quản trị cộng đồng tài sản được giao phó cho người thắng kiện trừ phi tòa án theo sự thỉnh cầu của công tố viên và sau khi xét tài liệu do công tố viên trình, quyết định giao tất cả tài sản hay một phần cho người thất kiện hay một người đệ tam quản trị vì quyền lợi của gia đình.

Người thất kiện chỉ được một số tiền cấp dưỡng và mất tất cả quyền lợi mà người kia đã nhượng cho bằng hôn khác, mặc dầu trong hôn khác có giao kết hỗ tương.

Những quyền lợi ấy về người thắng kiện.

**Điều 67.**— Người thắng kiện có

quyền xin thi hành những biện pháp bảo thủ để bảo đảm quyền lợi, nhất là xin niêm phong tài sản chung.

Thẩm phán sẽ ra án lệnh cho phép niêm phong, ngoại trừ quyền phản kháng của bị đơn bằng thủ tục cấp thẩm. Việc niêm phong sẽ giao cho Thẩm phán hòa giải phụ trách.

Người vợ, dầu không ở chế độ cộng đồng tài sản, cũng có quyền xin niêm phong như trên, đối với những tài sản do người chồng được hưởng thụ hay quản trị.

Vợ hay chồng đều có quyền xin bỏ niêm phong để lập bằng kê khai và trị giá các tài sản; sau đó, tài sản sẽ giao cho người phối ngẫu hiện chấp hữu được coi giữ, trừ phi Thẩm phán quyết định khác.

**Điều 75.**— Mọi cam kết do người chồng có phương hại cho khối tài sản chung sau khi có án lệnh cho ở riêng sẽ vô hiệu, nếu đủ chứng cứ là đã cam kết gian tinh để làm hại quyền lợi của người vợ.

**Điều 76.**— Tổ quyền ly hôn bị thiêu hủy nếu vợ chồng đã tái hợp sau ngày được phép ở riêng.

Tuy nhiên, vẫn có thể kiện lại nếu có những nguyên nhân khác xảy ra từ khi tái hợp, và trong thủ tục mới, nguyên đơn vẫn có thể nại ra những nguyên nhân cũ.

Tổ quyền ly hôn cũng bị tiêu hủy nếu vợ hay chồng mệnh một trước khi án văn ly hôn thành nhất định.

L.G.Đ. 1959

S.L. 1964

thờ được hưởng một số tiền cấp dưỡng mà sự ước lượng được tính theo nhu cầu của người thắng kiện và tài nguyên của người thất kiện.

**Điều 68.**— Các con sẽ được giao cho người thắng kiện nuôi dưỡng, trừ phi, tòa án, theo sự thỉnh cầu của công tố viện và sau khi xét tài liệu do công tố viện trình, quyết định giao tất cả hay vài trẻ cho người thất kiện hay một người đệ tam nuôi dưỡng, vì quyền lợi của các trẻ.

**Điều 69.**— Nếu sự ly thân do lỗi hai bên, tòa án có thể giao sự quản trị cộng đồng tài sản cho một trong hai vợ chồng hay cho một người đệ tam. Tòa án cũng sẽ quyết định tùy theo trường hợp, về sự phân chia huê lợi của mỗi người hôn phối. Nếu có con, tòa án quyết định về việc giữ con như đã dự liệu ở điều khoản trên.

\*\*

CHÚ Ý: Về các điều trong L.G.Đ. liên hệ đến sự giải hòa (đ. 65); và hiệu lực của sự ly thân (đ. 66 đến 69), xem Tiết thứ 3 của Sắc luật 1964 về «Ly thân và hoán cải» (điều 95 đến 99).

\*\*

**Điều 77.**— Ân lý hôn sau khi thành nhất định sẽ phải chuyển tả vào sổ hộ tịch ở nơi hôn lễ đã cử hành, theo lời yêu cầu của Công tố viện. Viên chức hộ tịch sẽ ghi chú án văn cả vào bên lề giấy giá thú của hai bên ở trong sổ, và báo thị cho viên chức hộ tịch ở nơi sinh quán của hai vợ chồng để viên chức này sẽ ghi chú vào bên lề giấy khai sanh của đương nhân.

Nếu hôn lễ đã cử hành ở ngoại quốc, án lý hôn sẽ chuyển tả vào sổ hộ tịch ở nơi này. Cũng sẽ ghi chú vào bên lề giá thú và khai sanh của hai bên, nếu giá thú đã được chuyển tả ở Việt Nam, trong thời hạn 3 tháng sau ngày hồi hương.

**Điều 78.**— Để thi hành việc chuyển tả và ghi chú trên này, công tố viện tổng đạt án lý hôn cho viên chức hộ tịch có thẩm quyền cùng với bản chứng nhận của Lục sự là án văn đã thành nhất định và không có thượng tố trong vòng 15 ngày sau khi án đã thành nhất định. Viên hộ tịch phải ghi chú vào sổ trong vòng 5 ngày sau khi được yêu cầu.

**Điều 79.**— Ân lý hôn có hiệu lực giữa vợ chồng về tài sản của họ kể từ ngày khởi tố nhưng đối với đệ tam nhân sẽ chỉ có hiệu lực kể từ ngày chuyển tả.

**Điều 80.**— Ân lý hôn sẽ phải công bố vào một tờ báo xuất bản ở nơi Tòa án tọa vị hoặc nơi gần nhất.

L.G.Đ. 1959

S.L. 1964

**Điều 81.**— Nếu những sự kiện dẫn làm căn cứ cho đơn ly hôn bị phủ nhận. Tòa sẽ mở cuộc điều tra.

Gia nhân và thân thuộc của mỗi bên trừ con cái, đều có thể gọi ra làm chứng.

**Điều 82.**— Nếu trát đòi bên bị không được tổng đạt đích thân cho người này, Tòa có thể truyền công bố bản trát vào ba tờ báo xuất bản ở nơi Tòa tọa vị hay ở nơi cư ngụ cuối cùng của đương nhân.

**Điều 83.**— Án ly hôn khuyết tịch có thể bị kháng trong hạn một tháng nếu đã tổng đạt đích thân cho người phối ngẫu bị xử khuyết tịch; nếu không, thời hạn kháng án sẽ là sáu tháng kể từ ngày án thành nhất định.

**Điều 84.**— Đơn phản tố có thể nộp lần đầu trước Tòa Thượng Thẩm.

**Điều 85.**— Sự thượng tố sẽ có hiệu lực đình chỉ.

\*\*

## TIẾT II

### Hậu quả ly hôn

**Điều 86.**— Sự ly hôn chấm dứt những hiệu lực của hôn thú.

**Điều 87.**— Người đàn bà ly hôn có thể tái giá sau khi án ly hôn đã được chuyển tả, nhưng phải chờ quá một thời hạn 300 ngày kể từ ngày

L.G.Đ. 1959

S.L. 1964

có mệnh lệnh của Thẩm phán cho phép ở riêng như đã nói ở điều 69.

Tuy nhiên, nếu sau khi án ly hôn được chuyển tả, người đàn bà đã có sinh con thì người này có thể tái giá đầu rằng thời hạn 300 ngày nói trên chưa đủ.

Nếu người chồng chết trước khi có án ly hôn hay trước khi án ly hôn thành bất định, người vợ có thể tái giá sau hạn 300 ngày kể từ ngày có mệnh lệnh cho phép ở riêng.

**Điều 88.**— Do sự ly hôn, vợ cũng như chồng sẽ lấy lại tên riêng của mỗi người.

**Điều 89.**— Người phối ngẫu có lỗi trong việc ly hôn sẽ phải cấp dưỡng cho người kia với tính cách bồi thường và cấp dưỡng cho con cái số tiền do Tòa án định. Tiền cấp dưỡng này có thể bất cứ lúc nào tăng giảm tùy theo nhu cầu và khả năng của hai bên.

**Điều 90.**— Con cái sẽ giao cho người phối ngẫu vô tội được coi giữ; nhưng nếu đứa trẻ còn thơ ấu và cần sự chăm nom của người mẹ, sẽ giao cho người mẹ.

Nếu không có lý do gì cản trở, những đứa trẻ đã 16 tuổi sẽ giao cho cha hoặc cho mẹ tùy theo ý muốn của chúng.

Tòa cũng có thể giao những đứa trẻ cho những thân thuộc khác coi giữ. Trong tất cả những trường hợp trên đây, cha hay mẹ tuy không được giữ con vẫn có quyền



L.G.Đ. 1959

S.L. 1964

thăm viếng tùy theo sự thỏa thuận giữa hai bên hay theo Tòa án định

**Điều 91.**— Tài sản sẽ phân chia giữa vợ chồng theo như hôn ước đã định, nếu có. Thành phần khối tài sản sẽ là thành phần hiện hữu vào ngày khởi tố.

**Điều 92.**— Người phối ngẫu có lỗi sẽ mất hết những quyền lợi mà người kia dành cho hoặc do hôn ước từ ngày lập giá thú.

**Điều 93.**— Người phối ngẫu vô tội sẽ được giữ nguyên những quyền lợi của người kia đã dành cho mặc dầu những quyền lợi này được ưng thuận với điều kiện hổ tương.

Nếu những quyền lợi không đủ để nuôi sống người phối ngẫu được kiện, Tòa án có thể căn cứ trên gia sản của người kia, mà cho một số tiền cấp dưỡng, không quá 1/3 hoa lợi của người ấy. Tiền cấp dưỡng này có thể bỏ đi, nếu về sau xét không cần thiết nữa.

**Điều 94.**— Nếu không có hôn ước thì ngoại trừ tài sản riêng của hai vợ chồng, tài sản chung sẽ chia đôi. Kỳ phần của người phối ngẫu có lỗi sẽ bị khấu trừ số tiền cấp dưỡng mà người ấy đã được hưởng trong thời kỳ kiện cáo. Nhưng nếu kỳ phần này ít hơn số tiền cấp dưỡng, bên kia sẽ không đòi lại số sai biệt.

L.G.Đ. 1959

S.L 1964

## TIẾT 3

## Ly thân và hoán cải

**Điều 95.**— Thủ tục ly hôn ấn định trong Tiết 1 Chương này cũng áp dụng cho trường hợp xin ly thân

**Điều 96.**— Ấn ly thân không đoạn tuyệt hôn phận vợ chồng, nhưng phán quyết theo đơn xin có thể cấm người vợ mang tên người chồng, hoặc cho phép người vợ không mang tên người chồng nữa, nếu có lý do chính đáng.

**Điều 97.**— Sự ly thân sẽ đặt vợ chồng vào tình trạng tài sản riêng biệt. Tài sản sẽ phân chia. Việc nuôi giữ con cái sẽ được giải quyết như các vụ ly dị.

**Điều 98.**— Nếu vợ chồng tái hợp, đoàn tụ với nhau, sự ly thân sẽ chấm dứt. Muốn đối kháng được với người đệ tam, sự đoàn tụ phải được xác nhận bằng chứng thư chứng khế hay biên bản do Lục sự Tòa án đã thụ lý vụ ly thân thiết lập, và phải đem ghi chú vào lề giấy giá thú của hai bên, vào án văn ly thân; sau hết chứng thư hay biên bản phải trích đăng vào một tờ báo xuất bản tại nơi cư trú của mỗi bên hoặc nơi nào gần nhất.

**Điều 99.**— Sau ba năm có án ly thân, mỗi bên vợ chồng đều có thể xin hoán cải án ấy thành ly hôn. Đơn thỉnh cầu đương nhiên được chấp nhận, nhưng người vợ hay chồng đã có lỗi trong vụ ly thân sẽ phải chịu cả mọi án phí về

L.G.Đ. 1959

S.L. 1964

thủ tục hoán cải này; nếu cả hai bên đều có lỗi, mỗi bên sẽ phải chịu một nửa án phí.

Đơn xin hoán cải sẽ thăm xét theo thủ tục thường tụng.

\*\*

**Điều 70.**— Những hôn thú giữa người Việt nam và người ngoại quốc đều theo những điều khoản của luật này, trừ phi có hiệp ước quốc tế định khác.

\*\*

(CHÚ Ý: Điều 70 L.G.Đ tương đương với điều 28 S.L. 1964 giải quyết cùng một vấn đề).

\*\*

\*\*

## CHƯƠNG THỨ TƯ

### SỰ VI PHẠM NHỮNG

### NGHĨA VỤ VỢ CHỒNG

(CHÚ Ý: Chương thứ tư của Luật Gia Đình qui định các hình phạt về những vi phạm vào nghĩa vụ vợ chồng hoàn toàn bị hủy bỏ trong S.L. 1964: Xem điều 155 S.L. 1964)

**Điều 71.**— Người chồng hay người vợ phạm gian bất cứ ở nơi nào, sẽ bị phạt giam từ ba tháng cho đến hai năm và phạt tiền từ một ngàn (1.000) cho đến một trăm ngàn đồng (100.000) hoặc một trong hai hình phạt ấy.

\*\*

Nếu tái phạm, nhất định sẽ bị phạt giam, Ngoài ra, còn có thể bị xử biệt xử từ sáu tháng cho tới hai năm.

Sự phạm gian của vợ hay chồng chỉ bị truy tố nếu có đơn thưa của người hôn phối. Người này có thể rút đơn thưa để đình chỉ vụ kiện, hay ngưng sự thi hành bản án bằng cách bãi nại.

Các vụ kiện phạm gian phải xử kín.

Cấm báo chí không được tường thuật các vụ kiện phạm gian.

**Điều 72.**— Người tông phạm của

L.G.B. 1959

S.L. 1964

người chồng hay của người vợ phạm gian cũng sẽ bị phạt theo những hình phạt dự liệu ở điều khoản trên.

Người tông phạm không được hưởng sự bãi nại của nguyên cáo đối với người hôn phối.

**Điều 73.**— Chồng hay vợ có quyền cấm người hôn phối không được giao du một cách quá thân mật với một người nào khác phái, mà họ xét có phương hại đến sự chung thủy vợ chồng.

Nếu mặc dầu có sự cấm đoán đó, người chồng hay người vợ cùng người tông phạm tiếp tục gặp gỡ nhau một mình một cách bất chánh, tại nơi công cộng hay không công cộng, và nếu sự vi phạm đó bị thừa phát lai hay viên chức hình cảnh, theo lời yêu cầu người hôn phối kia, lập vi bằng kiểm chứng hai lần trong thời hạn một năm, người phạm pháp và người tông phạm có thể bị phạt tiền từ một ngàn (1.000) cho đến năm mươi ngàn đồng (50.000đ.).

Nếu tái phạm thì có thể bị phạt giam từ một đến sáu tháng.

Người vợ hay người chồng nguyên cáo có thể rút đơn thưa đề đình chỉ vụ kiện hay ngưng sự thi hành bản án bằng cách bãi nại. Người tông phạm không được hưởng sự bãi nại ấy.

**Điều 74.**— Người vợ hay người chồng không có lý do chính đáng mà bỏ chỗ ở hôn nhân hơn một tháng, sẽ bị phạt giam từ ba tháng cho đến một năm và phạt tiền từ một ngàn (1.000) cho đến năm mươi ngàn (50.000đ.), hoặc một trong hai hình phạt ấy.

L.G.Đ. 1959

S.L. 1964

Thời hạn một tháng chỉ có thể được gián đoạn bằng sự trở về chỗ ở hôn nhân với ý định tiếp tục đời sống gia đình.

Trong trường hợp tái phạm, nhất định sẽ bị phạt giam.

**Điều 75.**— Người vợ hay người chồng nào không có lý do chính đáng mà không chịu nhận người hôn phối tại chỗ ở nơi hôn nhân và mặc dầu có sự đốc thúc quá mười lần ngày nhưng vô hiệu lực, có thể phạt giam từ ba tháng cho đến một năm và phạt tiền từ một ngàn (1.000) cho đến năm mươi ngàn đồng (50.000) hoặc một trong hai hình phạt ấy.

Trong trường hợp tái phạm, nhất định sẽ bị phạt giam.

**Điều 76.**— Người nào, mặc dầu đã có một quyết định tư pháp, án lệnh hay ban án, mà trong vòng hai tháng, không trả tất cả tiền cấp dưỡng cho người hôn phối, hoặc những người chiều luật có quyền được cấp dưỡng, có thể bị phạt giam từ 3 tháng đến một năm và phạt tiền từ một ngàn (1.000) đến một trăm ngàn đồng (100.000) hoặc một trong hai hình phạt ấy.

Sự không trả tiền cấp dưỡng sẽ coi như là cố ý, trừ phi có viện dẫn phản chứng.

Sự vô tài lực vì vô hạnh hay lười biếng không thể nào là một lý do để thoát từ sự phải trả tiền cấp dưỡng.

LG.Đ. 1959

S.L. 1964

## THIỆN THỰC HAI

### SỰ NGOẠI HÔN

**Điều 77.**— Ngoại hôn là sự người đàn ông và người đàn bà sống với nhau như vợ chồng mà không có hôn thú.

Gia đình là nền tảng xã hội, cho nên cấm hẳn sự ngoại hôn.

**Điều 78.**— Sau khi nhận được đơn kiện hay đương nhiên, biện lý ra lệnh mở cuộc điều tra.

Nếu cuộc điều tra xác thật, thì biện lý truyền lệnh cho hai bên đương sự có một thời hạn là hai tháng, để, hoặc chấm dứt sự ăn ở với nhau, hoặc hợp thức hóa tình trạng ấy bằng hôn thú. Hai bên đương sự bắt buộc phải hợp thức hóa tình trạng nếu là độc thân và đã có con chung còn sống.

**Điều 79.**— Trong trường hợp phải chấm dứt sự ăn ở với nhau, một trong hai người phải trả một số tiền bồi khoản xứng đáng cho người thiếu sinh kế.

**Điều 80.**— Trong trường hợp một trong hai người bạn ngoại hôn đã có gia đình chính thức, hoặc là bà con vào hàng luật cấm, thì sau khi nhận được truyền lệnh của biện lý cuộc, cả hai người đều phải lập tức chấm dứt tình trạng bất hợp pháp và phải biệt trú, ngoài ra còn có thể bị phạt theo hình luật nữa.

Nếu có con chung hai người phải liên đới chịu trách nhiệm về việc trả tiền nuôi dưỡng các con ấy.

(CHÚ Ý: Thiên thứ hai của LGĐ liên quan đến vấn đề ngoại hôn cũng hoàn toàn bị hủy bỏ. Trong Sắc luật 1964, không có một điều khoản nào qui định đến vấn đề ngoại hôn.)

L.G.Đ. 1959

S.L. 1964

**Điều 81.**— Quá hạn hai tháng, bắt đầu từ ngày truyền lệnh của biện lý cuộc, mà không có hiệu quả, biện lý sẽ quyết định thủ tục truy tố hai người bạn ngoại hôn, trực tố hoặc thẩm vấn.

**Điều 82.**— Những người ngoại hôn mà không tuân lệnh truyền của biện lý cuộc, nói ở điều 78, trong thời hạn luật định sẽ bị phạt giam từ ba tháng đến một năm và phạt tiền từ một ngàn (1.000) cho đến (50.000) hoặc một trong hai hình phạt ấy.

Tái phạm, nhất định sẽ bị phạt giam và ngoại ra, còn có thể bị xử biệt xứ từ sáu tháng đến hai năm.

Các tông phạm trong sự ngoại hôn, dù là bà con hay không đều có thể bị phạt như chánh phạm.

\* \* \*

## THIÊN THỨ BA

## TỬ HỆ

## CHƯƠNG THỨ NHẤT

## Tử hệ chính thức

**Điều 83.**— Người con thành thai trong thời kỳ hôn thú, có cha là chồng người mẹ.

Được coi như thụ thai trong thời kỳ hôn thú, nếu sinh con quá một trăm tám chục ngày sau khi kết hôn, hoặc chưa đến ba trăm ngày sau khi đoạn hôn.

## CHƯƠNG III

## TỬ HỆ

## TIẾT I

## Tử hệ chánh thức

**Điều 100.**— Đứa trẻ do người vợ thụ thai hay sinh hạ trong thời kỳ hôn thú là con của người chồng.

Được coi như được thụ thai trong thời kỳ hôn thú trẻ nào sinh ra quá 180 ngày sau khi hôn thú được thành lập hay chưa đến 300 ngày sau khi hôn thú đoạn tiêu.

L.G.Đ. 1959

S.L. 1964

**Điều 84.**— Người con sinh ra sau khi kết hôn chưa đủ một trăm tám chục ngày, cũng được coi là con của chồng người mẹ, trừ phi người cha khởi tố khước từ phụ hệ.

Người chồng không thể khước từ phụ hệ được, trong những trường hợp sau đây :

1) Trước khi kết hôn, người chồng biết người đàn bà đã có thai.

2) Người chồng có mặt khi lập giấy khai sanh, hoặc có ký tên, hoặc có khai trong giấy ấy là không biết ký tên.

**Điều 85.**— Muốn khước từ phụ hệ, thì phải nộp đơn khởi tố người con và người mẹ.

Người chồng muốn khước từ con do vợ mình sinh ra, cần phải chứng tỏ rằng trong thời gian từ ba trăm đến một trăm tám chục ngày trước ngày sinh, người ấy ở trong thực trạng không thể là cha hoặc vì xa cách, hoặc vì trở ngại nào khác.

**Điều 86.**— Sự phạm gian của người vợ dù được chứng nhận, không đủ để người chồng khước từ phụ hệ. Tuy nhiên, nếu sự phạm gian đã được chứng nhận rồi, mà còn có thêm tình trạng chứng tỏ rằng đứa bé không phải con người chồng, thì đơn khởi tố của người chồng có thể được chấp nhận.

**Điều 87.**— Tử hệ chính thức của người con sinh ra quá ba trăm ngày sau khi đoạn hôn, có thể bị tranh chấp.

**Điều 88.**— Người chồng khước

**Điều 101.**— Đứa trẻ sinh hạ trước 180 ngày sau khi hôn thú thành lập có thể bị người cha khước từ phụ hệ.

**Điều 102.**— Đứa trẻ sinh hạ quá 300 ngày sau khi hôn thú đoạn tiêu hay sau khi cha mẹ đã ở riêng do mệnh lệnh của thẩm phán có thể bị người cha khước từ phụ hệ.

**Điều 103.**— Trong hai trường hợp trên sự khước từ có tính cách đương nhiên, ngoại trừ nếu người chồng :

1.— trước khi kết hôn đã biết rằng người đàn bà có thai ;

2.— đã có mặt khi lập giấy sanh cho đứa trẻ, hoặc đã chính mình đứng khai sanh cho đứa trẻ.

Đơn xin khước từ sẽ phải bác bỏ nếu có chứng cứ là mặc dầu có mệnh lệnh ở riêng, hai vợ chồng đã có gần gũi nhau vào thời kỳ đứa trẻ được thụ thai.

**Điều 104.**— Ngoài trường hợp trên đây, người cha có thể khước từ phụ hệ :

1) Nếu trong khoảng thời gian từ 300 đến 180 ngày trước khi người mẹ sinh con, hai vợ chồng không thể gần gũi nhau vì bị cách trở biệt ly hoặc vì tai nạn rủi ro làm cho người chồng bất lực ;

2) Nếu người vợ đã giấu giếm sự sinh nở, không cho biết.

**Điều 105.**— Muốn khước từ phụ hệ phải nộp đơn khởi tố người mẹ.

**Điều 106.**— Thời hạn khởi tố là 2 tháng kể từ ngày sinh đứa trẻ.



LG Đ. 1959

S.L. 1964

từ phụ hệ, phải khởi tố nội trong một tháng, kể từ ngày sinh đứa bé. Nếu trong thời gian ấy, người chồng đi vắng, thì hạn khởi tố là hai tháng, kể từ lúc trở về nhà. Nếu sự sinh đẻ bị giấu, hạn khởi tố cũng là hai tháng, kể từ ngày khám phá sự gian gấu ấy.

\*\*

**Điều 89.**— Nếu người chồng mệnh một, hoặc trở thành vô tri thức, trước khi hết thời hạn khước từ phụ hệ, những người đồng thừa kế với người con hoặc những người bị người con loại khỏi sự thừa kế, đều có thể khởi tố xin khước từ trong hạn hai tháng kể từ ngày họ biết việc sinh đẻ.

**Điều 90.**— Nếu người chồng đã thừa nhận tử hệ, công nhiên hay mặc nhiên, hoặc kỳ hạn khởi tố đã qua rồi, tố quyền không được chấp nhận, trừ phi nguyên đơn chứng tỏ đã bị mắc lừa để thừa nhận tử hệ, hoặc để không khước từ phụ hệ.

Trong trường hợp đó, nguyên đơn được thêm một kỳ hạn là hai tháng để khởi tố kể từ ngày khám phá sự mắc lừa.

**Điều 91.**— Bản án xác nhận sự khước từ phụ hệ sẽ truyền gach bỏ tên người chồng trong chứng thư khai sinh và truất quyền người con không được mang họ người cha.

**Điều 92.**— Khi bản án đã thành nhất định, chủ văn của bản án sẽ

Nếu khi sinh đứa trẻ, người chồng đi vắng, thời hạn 2 tháng sẽ khởi đầu từ lúc người chồng trở về nhà.

Nếu sự sinh nở đã bị giấu giếm, thời hạn 2 tháng sẽ khởi đầu từ lúc sinh nở bị khám phá.

\*\*

**Điều 107.**— Nếu người chồng mệnh một trước khi hết thời hạn khởi tố, những thừa kế sẽ có một thời hạn là 2 tháng để phủ nhận phụ hệ của đứa trẻ kể từ ngày những người ấy bị đứa trẻ quấy nhiễu trong việc chiếm hữu di sản hay từ ngày đứa trẻ đã chiếm hữu di sản.

**Điều 108.**— Bản án chấp nhận sự khước từ phụ hệ sẽ truyền gach bỏ tên người chồng trong chứng thư khai sinh của đứa trẻ.

**Điều 109.**— Tuy nhiên, viên chức hộ lại sẽ không được sửa chữa gì vào giấy khai sinh ấy, mà sẽ chỉ chuyển tả chủ văn của bản án truyền gach bỏ tên người cha vào sổ hộ tịch đương niên, và ghi chú bản án vào bên lề khai sinh của đứa trẻ.

**Điều 110.**— Để thi hành sự chuyển tả và ghi chú trên đây, người cha sẽ tổng đạt bản sao đại tự án văn cùng với một chứng nhận án văn đã thành nhất định cho Biện lý nơi Tòa đã xử, và Biện Lý, trong hạn 5 ngày, phải gửi những tài liệu này cho hộ lại có thẩm quyền để

L.G.Đ. 1959

S.L. 1964

được chuyển giao cho viên chức hộ tịch đã lập giấy khai sinh để đăng ký vào sổ khai sinh đương niên và ghi bên lề giấy khai sinh đã được cải chính.

\*\*

**Điều 93.**— Tử hệ chính thức được chứng minh bằng chứng thư khai sinh, đăng ký hợp lệ trong sổ hộ tịch. Những chứng thư ấy đương nhiên, tự có tin lực một cách hoàn toàn.

**Điều 94.**— Khi vì duyên cớ gì không thể xuất trình được chứng thư khai sinh, thì có thể dùng các phương chước luật định mà chứng minh sự chấp hữu thân trạng con chính thức để thay giấy khai sinh.

**Điều 95.**— Sự chấp hữu thân trạng được cấu tạo bằng các sự kiện đầy đủ, chứng tỏ mối tử hệ và tộc hệ giữa một người và gia đình mà người ấy nhìn là của họ.

Những sự kiện chính là :

1) Đương sự, với sự bằng lòng của cha và mẹ, vẫn mang họ của người cha.

2) Người cha và người mẹ vẫn coi đương sự như con chính thức và với tư cách ấy, giáo dục, cấp dưỡng và tác thành cho đương sự.

3) Đối với xã hội, đương sự vẫn được coi như con chính thức.

4) Đối với gia đình của cha và của mẹ, đương sự vẫn được coi như con chính thức.

\*\*

chuyên tả và ghi chú theo như điều 109 trên đây.

\*\*

**Điều 111.**— Tử hệ chính thức được chứng minh bằng chứng thư khai sinh đăng ký hợp lệ trong sổ hộ tịch, bổ túc bằng giấy giá thú của cha mẹ.

**Điều 112.**— Khi vì duyên cớ gì không xuất trình được giấy khai sinh, tử hệ chính thức có thể được chứng tỏ bằng sự chấp hữu thân trạng.

**Điều 113.**— Sự chấp hữu thân trạng được cấu tạo bằng những sự kiện chứng tỏ đầy đủ sự liên lạc tử hệ và gia tộc hệ giữa một người với gia đình mà người ấy muốn nhận là gia đình mình.

Những sự kiện chính là :

1.— Đương sự vẫn mang họ của người mà đương sự nhận là cha ;

2.— Người cha và người mẹ vẫn coi đương sự như con chính thức và với tư cách ấy, đã cấp dưỡng, dạy dỗ và tác thành cho đương sự ;

3.— Đối với xã hội, đương sự vẫn được coi như con chính thức ;

4.— Đối với gia đình của cha và của mẹ, đương sự vẫn được coi như con chính thức.

\*\*

LG.Đ 1959

S.L. 1964

## CHƯƠNG THỨ HAI

## TIẾT II

## Tư hệ ngoại hôn

## Tư hệ ngoại hôn

**Điều 96.**— Con ngoại hôn tức là con của hai người cha mẹ không có lập hôn thú với nhau.

Khi nào trong giấy khai sinh có ghi lời khai của người cha hay người mẹ thừa nhận rằng con ngoại hôn là con mình, thì chứng thư khai sinh ấy là bằng chứng con ngoại hôn.

**Điều 97.**— Nếu chỉ một mình người cha hay chỉ một mình người mẹ khai nhận con, thì con ngoại hôn ấy chỉ là con của người đã đứng khai nhận.

**Điều 98.**— Tư hệ ngoại hôn còn có thể chứng minh bằng một chứng thư khai nhận, sau khi đã lập giấy khai sinh.

Trong trường hợp ấy, chứng thư khai nhận sẽ do viên chức hộ tịch nơi cư sở người đứng khai lập ra; chứng thư ấy phải biên vào sổ khai sinh đương niên, trước mặt hai người chứng đã trưởng thành. Ngoài ra sự khai nhận còn phải được ghi chú bên lề chứng thư khai sinh của người con ngoại hôn.

**Điều 99.**— Những con ngoại hôn do sự phạm gian hay sự loạn luân, không được khai nhận, trừ trường hợp nói ở điều 102.

**Điều 114.**— Con ngoại hôn là con của cha mẹ không có hôn thú.

**Điều 115.**— Con ngoại hôn có thể được thừa nhận bằng chứng thư công chính, nếu không có sự thừa nhận trong khai sinh.

Hộ lại phải biên chép sự thừa nhận vào sổ khai sinh đương niên, Chứng Khế cũng như Hộ lại phải thông tri sự thừa nhận cho Hộ lại nơi sinh quán đưa trẻ để ghi chú sự thừa nhận vào lề giấy khai sinh.

**Điều 116.**— Con loạn luân của một người đàn ông và một người đàn bà có họ hàng vào bậc luật pháp cấm thành hôn với nhau, và con ngoại tình của một người đàn ông đã có vợ và một người đàn bà đã có chồng, không thể được thừa nhận. Sự thừa nhận, nếu có, sẽ tuyệt đối vô hiệu.

**Điều 117.**— Nếu đứa trẻ có tánh cách là con ngoại tình riêng về đẳng người cha hay người mẹ, thì chỉ riêng người ấy không thể thừa nhận. Còn người cha hay người mẹ độc thân có thể thừa nhận nó.

L.G.Đ. 1959

S.L. 1964

**Điều 100.**— Con ngoại hôn đã được cha mẹ khai nhận, sẽ được chính thức hóa khi cha mẹ lập hôn thú. Sự chính thức hóa ấy là đương nhiên.

Con ngoại hôn chưa được cha mẹ khai nhận cũng có thể được chính thức hóa nếu đồng thời với việc lập hôn thú, cha mẹ khai nhận con ngoại hôn là con mình. Sự khai nhận này, họ, tên, tuổi, ngày sinh và nơi sinh của người con phải được ghi rõ trong chứng thư hôn thú.

Con ngoại hôn được khai nhận sau khi cha mẹ lập hôn thú chỉ được chính thức hóa nếu sự khai nhận được xác định bằng một bản án tuyên tại phiên xử công cộng, bản án này phải công nhận rằng đương sự đã chấp hữu thân trạng con chung của hai người kể từ ngày lập hôn thú.

Trong mọi trường hợp, sự chính thức hóa phải được ghi chú bên lề chứng thư khai sinh của người con.

\*\*

**Điều 101.**— Nếu trước khi lập hôn thú người vợ hay người chồng có khai nhận con ngoại hôn mà người ấy đã có với người khác chứ không phải với người hôn phối thì sự khai nhận này không thể làm thiệt hại tới quyền lợi của người hôn phối và của con chính thức. Người con ngoại hôn đã được khai nhận ấy, chỉ được một số tiền cấp

(CHÚ Ý: Vấn đề chính thức hóa được qui định trong Sắc lệnh 1964 từ điều 131 đến 134)

\*\*

**Điều 118.**— Nếu trong thời kỳ hôn phối, một người phối ngẫu thừa nhận một đứa con đã có với một người khác từ trước khi lập hôn thú, sự thừa nhận sẽ không làm thiệt hại được quyền lợi của người phối ngẫu kia cũng như của những người con chính thức.

Đứa trẻ được thừa nhận như vậy sẽ chỉ được cấp dưỡng. Tuy nhiên

L.G.Đ. 1959

S.L. 1964

đường mà thôi, và không thể đòi hỏi quyền lợi của con chính thức.

**Điều 102.**— Con ngoại hôn mà người cha hay người mẹ còn dính líu hôn thú với người khác, chỉ có thể được khai nhận và mang họ của người cha hay người mẹ đẻ thân.

**Điều 103.** Con phạm gian mà cả cha và mẹ đều có dính líu hôn thú với người khác, không thể mang họ cha hay họ mẹ. Người con ấy sẽ được giao cho người đệ tam hoặc viện cứu tế hoặc một hội phước thiện được quốc gia công nhận.

**Điều 104.**— Bất cứ trong trường hợp nào, con ngoại hôn do sự phạm gian hay sự loạn luân không được phép khởi tố để sưu tầm cha hay mẹ.

**Điều 105.**— Con ngoại hôn vô thừa nhận không được phép tự mình khởi tố để sưu tầm cha mẹ trừ trường hợp đặc biệt nói ở khoản 3 điều này. Sự khởi tố phải do người cha hay người mẹ đảm nhiệm.

Nếu người cha hay người mẹ mệnh một hoặc trở thành vô trí thức, sự khởi tố sẽ do người giám hộ đảm nhiệm. Trong trường hợp cả cha và mẹ không khai nhận, viện cứu tế hay hội phước thiện sẽ đảm nhiệm sự khởi tố.

Nếu cha hay mẹ mệnh một hoặc trở thành vô trí thức trước khi hết thời hạn khởi tố, mà người giám hộ không khởi tố, hoặc viện cứu tế hay hội phước thiện không khởi tố

nếu sau khi hôn phối đoạn chung mà không có con chính thức, đứa trẻ được thừa nhận sẽ được hưởng mọi quyền lợi về di sản.

**Điều 119.**— Sự thừa nhận do người cha hay người mẹ chỉ có hiệu lực riêng với người ấy. Tuy nhiên, nếu khi người cha thừa nhận có khai tên người mẹ mà sau này đã mặc nhiên hay công nhiên thú nhận đứa trẻ là con mình, chứng thư thừa nhận sẽ có hiệu lực với cả người mẹ. Và ngược lại, nếu khi người mẹ thừa nhận, có khai tên người cha mà sau này đã mặc nhiên hay công nhiên thú nhận đứa trẻ là con của mình, chứng thư thừa nhận sẽ có hiệu lực với cả người cha.

**Điều 120.**— Tất cả người nào có thể bị thiệt hại quyền lợi đều có quyền tranh biện sự thừa nhận của người cha hay người mẹ, cũng như sự yêu sách của người con về tư hệ.

**Điều 121.**— Luật pháp chấp nhận sự truy tìm phụ hệ.

**Điều 122.**— Chỉ người con được hành sử tố quyền ấy và được hành sử trong hạn một năm sau khi đã trưởng thành.

**Điều 123.**— Trong thời gian đứa trẻ còn vị thành niên, chỉ người mẹ có tư cách, mặc dù người mẹ còn vị thành niên, truy tìm phụ hệ cho con. Người mẹ phải sử hành tố quyền trong hạn hai năm.

1.— Sau khi sinh nữ;

L.G.B. 1959

S.L. 1964

trong thời hạn luật định, người con trưởng thành có thể khởi tố sưu tầm cha mẹ trong thời hạn một năm sau khi trưởng thành.

**Điều 106.**— Phụ hệ ngoại hôn có thể do tòa án tuyên bố đối với người cha độc thân, trong những trường hợp sau đây :

1) Thời kỳ thụ thai đúng vào thời kỳ người mẹ bị bắt đem đi, hay bị hãm hiếp.

2) Người mẹ bị quyến rũ, bằng cách đánh lừa, lạm dụng uy quyền, hứa hôn hay đính hôn.

3) Có thư từ hoặc giấy tờ của người bị hồ nghi là cha, mà lời lẽ, tỏ rằng người này đã thú nhận rành rẽ rằng mình là cha của đứa bé.

4) Người bị hồ nghi là cha và người mẹ đã sống trong tình trạng ngoại hôn trong thời kỳ thụ thai.

5) Người bị hồ nghi là cha đã cung cấp hay dự vào việc nuôi dưỡng và giáo dục người con với tư cách là cha.

**Điều 107.**— Người mẹ hay những người và cơ quan có quyền khởi tố theo điều thứ 105 chỉ có thể khởi tố sưu tầm phụ hệ trong hạn hai năm sau khi sinh.

Tuy nhiên trong những trường hợp đã dự liệu ở khoản 4 và 5 của điều trên, thì có thể khởi tố trong hạn hai năm, kể từ khi tình trạng ngoại hôn chấm dứt, hoặc kể từ khi người cha đã ngưng dự vào việc nuôi dưỡng và giáo dục

2.— Sau khi người cha chấm dứt sự cấp dưỡng, nuôi nấng đứa trẻ;

3.— Sau khi chấm dứt tình trạng ngoại hôn giữa người đàn ông và đàn bà.

Nếu người mẹ không thừa nhận đứa trẻ hay đã mệnh một, đã thất tung hay bị cấm quyền, tố quyền có thể sử dụng trong hạn hai năm do người giám hộ, cũng theo ba trường hợp kể trên.

**Điều 124.**— Phụ hệ ngoại hôn có thể được Tòa án tuyên nhận trong những trường hợp sau này :

1.— Thời kỳ thụ thai đúng vào thời kỳ người mẹ bị bắt đem đi hay bị hãm hiếp;

2.— Người mẹ bị quyến rũ bằng mưu chước lừa gạt, lạm quyền, hứa kết hôn hay đính hôn;

3.— Có thư từ, giấy má của người bị hồ nghi là cha, biểu lộ một sự thú nhận rõ ràng người ấy là cha đứa trẻ.

4.— Người bị hồ nghi là cha và người mẹ đã sống công khai trong tình trạng ngoại hôn trong thời kỳ thụ thai;

5.— Người bị hồ nghi là cha đã cấp dưỡng, dạy dỗ đứa trẻ như một người cha.

**Điều 125.**— Tố quyền truy tìm phụ hệ sẽ bị bác :

1.— Nếu có chứng cứ là trong thời kỳ thụ thai theo luật định, người mẹ ở ngoài xã hội không có hạnh kiểm tốt hay có thông gian với một người đàn ông khác;

L.G.Đ. 1959

S.L. 1964

người con.

**Điều 108.**— Đơn khởi tố sưu tầm phụ hệ không được chấp nhận trong hai trường hợp sau này :

1) Nếu chứng minh rằng trong thời kỳ thụ thai theo luật định người mẹ có tư thông với một người đàn ông khác.

2) Nếu người hồ nghi là cha, trong thời kỳ ấy, ở trong thực trạng không thể là cha đứa bé được, hoặc vì xa cách, hoặc vì trở ngại nào khác.

**Điều 109.**— Sự sưu tầm mẫu hệ được chấp nhận đối với người mẹ độc thân trong hạn sau hai năm sinh.

Người cha hay những người và cơ quan có quyền khởi tố theo điều 105 phải chứng minh :

1) Sự sinh đẻ của người bị hồ nghi là mẹ.

2) Người con, chính là người con đã được người bị hồ nghi là mẹ sinh đẻ.

**Điều 110.**— Có thể dùng mọi phương chước luật định để dẫn chứng. Đơn khởi tố phải đối kháng người bị hồ nghi là cha hoặc bị hồ nghi là mẹ, hoặc người thừa kế của họ.

**Điều 111.**— Bản án tuyên cáo tử hệ ngoại hôn có hiệu lực cũng như chứng thư tự ý khai nhận.

Bản án tuyên cáo tử hệ ngoại hôn khi đã thành nhất định phải được sao lục cho viên chức hộ tịch sở quan để đăng ký vào sổ khai sinh

2.— Nếu người bị hồ nghi là cha, trong thời kỳ ấy, vì xa cách hay vì bất lực do tai nạn gây ra, không thể là cha đứa trẻ được.

**Điều 126.**— Luật pháp chấp nhận sự truy tầm mẫu hệ.

**Điều 127.**— Tố quyền phải sử hành trong hạn một năm sau khi sinh ra đứa con, nếu là người cha muốn truy tầm mẫu hệ cho con.

**Điều 128.**— Nếu người cha không sử dụng quyền ấy, người con có thể khởi tố trong hạn một năm sau khi đã trưởng thành.

**Điều 129.**— Người con muốn truy tầm mẫu hệ, phải chứng minh rằng y chính là đứa trẻ đó người mà y nhận là mẹ đã sinh ra.

Để chứng minh điều đó, người con chỉ có thể viện nhân chứng khi nào có khởi đầu bút chứng.

**Điều 130.**— Bản án tuyên nhận tử hệ ngoại hôn sẽ do lời yêu cầu của người được án, chuyển tả vào sổ khai sinh đương niên và ghi chú vào lề khai sinh của người con.

**Điều 131.**— Con ngoại hôn đã được thừa nhận, sẽ được chính thức hóa khi cha mẹ lập hôn thú. Con ngoại hôn cũng được chính thức hóa khi được cha mẹ thừa nhận ngay lúc lập hôn thú. Trong trường hợp này, viên chức hộ tịch cử hành hôn lễ sẽ lập một chứng thư riêng để xác nhận sự thừa nhận và sự chính thức hóa.

Những con ngoại hôn nào được thừa nhận, sau khi cha mẹ đã lập

L.G.Đ. 1959

S.L. 1964

đương niên và ghi bên lề chứng thư khai sinh của người con.

**Điều 112.**— Bản án tuyên cáo phụ hệ ngoại hôn có thể buộc người cha bồi thường cho người mẹ, những số tiền chi phí về sự sinh đẻ và sự nuôi dưỡng người con, từ ngày sinh.

Ngoài ra, người mẹ có thể cấp một số tiền bồi tổn, nếu người cha đã có hứa hôn, hay đã lạm dụng người mẹ.

**Điều 113.**— Bao giờ tòa án cũng phải buộc người cha hay người mẹ cấp dưỡng người con, tùy theo tài sản của họ.

Tiền cấp dưỡng ấy phải trả trước theo kỳ hạn đã định rõ trong bản án, cho đến khi người con được mười tám tuổi.

Nếu người cha hay người mẹ đem người con về nuôi như chính con mình, thì có thể được miễn trả tiền cấp dưỡng đã nói trên.

**Điều 114.**— Con ngoại hôn được mang họ người cha hay người mẹ đã tự ý khai nhận, hoặc đã do tòa án bắt buộc phải thừa nhận.

Nếu cả người cha người mẹ đều tự ý khai nhận thì con ngoại hôn mang họ người cha.

**Điều 115.**— Nếu tòa xét sự sưu tầm phụ hệ hay mẫu hệ có gian ý rõ rệt thì nguyên đơn sẽ bị phạt giam từ ba tháng đến một năm và phạt từ một ngàn (1.000) đến một trăm ngàn đồng (100.000) hoặc một trong hai hình phạt đó.

bôn thú, chỉ được chính thức hóa bởi một bản án xử công khai. Bản án phải xác nhận đứa trẻ có thân trạng con chung của cha mẹ từ ngày lập hôn thú, và nhân đây tuyên nhận sự chính thức hóa.

**Điều 132.**— Sự chính thức hóa sẽ ghi vào bên lề khai sinh của đứa con do viên hộ tịch đã cử hành hôn lễ phải tự xúc tiến, hoặc do lời yêu cầu của mọi đương sự.

**Điều 133.**— Những con được chính thức hóa bởi hôn thú hậu lập hưởng đủ quyền lợi của người con chính thức.

(CHÚ Ý : Vấn đề chính thức hóa được qui định trong L.G.Đ. 1959 trong điều 100)

**Điều 134.**— Con loạn luân và con ngoại tình không được phép truy tầm phụ hệ hay mẫu hệ.

Tuy nhiên chúng có thể xin cấp dưỡng nhưng quyền khởi tố xin cấp dưỡng không có hậu quả tuyên bố mối liên quan tử hệ, vì sự thừa nhận điều này bị cấm đoán.

Quyền khởi tố có thể xử dụng trong lúc đứa con còn vị thành niên, hoặc do chính người con xử dụng trong vòng một năm sau khi đã trưởng thành.



L.G.Đ. 1959

S.L. 1964

Hình phạt này có thể do tòa án dân sự đã thụ lý đơn khởi tố tuyên xử sau khi hỏi ý kiến công tố viện.

\*\*

## THIÊN THỨ TƯ

### Sự lập con nuôi

**Điều 116.**— Chỉ có thể lập con nuôi khi nào có duyên cớ chính đáng và có lợi cho người được nuôi.

Sự lập con nuôi không thể trái luật, ngoại trừ các trường hợp luật định.

Người đứng nuôi có thể nhận được nhiều con nuôi, nhưng người được nuôi không thể làm con nuôi cho nhiều người, trừ phi cho hai vợ chồng.

**Điều 117.**— Sự lập con nuôi chỉ được cho phép khi nào cả hai vợ chồng đồng ưng thuận và một trong hai người ít nhất cũng trên 25 tuổi.

Người độc thân đứng nuôi phải hơn con nuôi ít nhất 25 tuổi.

**Điều 118.**— Nếu người con nuôi còn cha mẹ đẻ thì phải có sự ưng thuận của cha và mẹ. Nếu cha hay mẹ đã mệnh một hay không thể tỏ ý được, thì sự ưng thuận của một người là đủ.

**Điều 119.**— Trong trường hợp dự liệu ở điều trên, sự ưng thuận phải được ghi trong kế ước lập con nuôi hay trong một công chứng thư riêng biệt, cả hai văn kiện này đều

\*\*

## TIẾT 3

### Từ hệ nghĩa dưỡng

**Điều 135.**— Việc lập con nuôi phải có duyên cớ chính đáng và lợi ích cho người con nuôi.

Một người có thể xin lập nhiều con nuôi. Nhưng một người không có thể làm con nuôi cho nhiều người; trừ phi cho hai vợ chồng.

**Điều 136.**— Đàn ông hay đàn bà trên 30 tuổi mới được lập con nuôi và phải hơn người con nuôi 20 tuổi. Hai vợ chồng ở với nhau đã 10 năm mà không con, có thể lập con nuôi, miễn là một trong 2 vợ chồng đã trên 30 tuổi.

Nếu là hai vợ chồng lập con nuôi thì phải cả hai vợ chồng cùng ưng thuận, trừ phi hai người đã ly thân, hoặc một trong hai người ở trong tình trạng không bày tỏ được ý kiến. Chỉ cần một trong hai vợ chồng đã đủ 30 tuổi và hơn người con nuôi 20 tuổi. Người Việt Nam có thể lập người ngoại quốc làm con nuôi hay làm con nuôi của người ngoại quốc.

(Điều 136 đã được bổ túc thêm một đoạn như sau (do Sắc luật ngày 10-2-1965 hạ dẫn trang 237)

« Tuy nhiên, Quốc-Trưởng có thể

I.G Đ. 1959

S.L. 1964

phải làm trước mặt chứng khế hay trước mặt viên chức có thẩm quyền.

**Điều 120.**— Nếu đưa trẻ vị thành niên không còn cha hay mẹ, hay những người này không thể tỏ ý được, thì phải có sự ưng thuận của ông bà hoặc của người giám hộ nếu không có ông bà.

Nếu là con ngoại hôn vô thừa nhận, hay là trẻ bỏ hoang giao cho một hội phước thiện hay viện cứu tế, thì phải có sự ưng thuận của hội ấy hay viện ấy.

**Điều 121.**— Đối với những trẻ giao cho hội phước thiện hay viện cứu tế, khế ước lập con nuôi chỉ được ký sau khi đã có một cuộc điều tra của hội hay của viện về hạnh kiểm cùng tài sản của người đứng nuôi.

đặc cách miễn cho người đứng lập con nuôi một hay nhiều điều kiện đã ghi trên ».

**Điều 137.**— Nếu người con nuôi còn vị thành niên và còn cha mẹ đẻ thì phải có sự ưng thuận của cả cha và mẹ. Nếu cha hay mẹ đã mệnh một hay ở trong tình trạng không bày tỏ ý kiến được thì sự ưng thuận của một người là đủ. Nếu cha mẹ đã ly hôn hay ly thân thì sự ưng thuận của người được án ly thân hay ly hôn và được nuôi giữ đưa trẻ là đủ nhưng khế ước lập con nuôi sẽ phải tổng đạt cho người tôn thuộc kia; người này có quyền phản kháng trong hạn một tháng bằng một phiếu thưa phát lại tổng đạt cho người phối ngẫu đã ly thân hay ly hôn của mình và cho người muốn nuôi đưa trẻ.

**Điều 138.**— Nếu đưa trẻ vị thành niên không còn cha mẹ, hay cả hai cha mẹ cùng ở trong tình trạng không bày tỏ được ý kiến, sự ưng thuận sẽ do ông bà nội cho, nếu không còn ông bà, sự ưng thuận sẽ do hội đồng gia tộc cho. Sự ưng thuận sẽ do Tòa án lãnh nhiệm vụ hội đồng gia tộc, nếu đưa trẻ là con ngoại hôn vô thừa nhận, hay đã được thừa nhận mà cha mẹ đều đã chết hoặc ở trong tình trạng không bày tỏ được ý kiến.

Đối với những đưa trẻ được giao cho một hội phước thiện trông nom, hội này sẽ ưng thuận

LG.Đ. 1959

S.L. 1964

cho đứa trẻ được lập thành con nuôi.

**Điều 139.**— Sự ưng thuận của cha mẹ đẻ, của hội đồng gia tộc, của cơ quan từ thiện nói trên sẽ ghi nhận ngay trong khế ước lập con nuôi; văn kiện này là một chứng thư riêng làm trước mặt Chưởng khế, hay Thẩm phán hòa giải ở nơi cư trú của người tôn thuộc, hay nơi tọa lạc của cơ quan từ thiện.

Ở ngoại quốc, chứng thư sẽ do nhân viên ngoại giao hay lãnh sự của Việt Nam thiết lập.

**Điều 140.**— Người đứng nuôi và người con nuôi, nếu đã đủ 16 tuổi, sẽ phải trình diện với Chưởng khế hay với Thẩm phán hòa giải ở nơi trú quán hay nơi cư trú của người đứng nuôi, cùng với người mà sự ưng thuận cần thiết theo những điều luật kể trên, lúc lập khế ước nghĩa dưỡng.

Khế ước sẽ ghi rõ tên họ mới của người con nuôi.

\*\*

\*\*

**Điều 122.**— Khế ước lập con nuôi phải được tòa án nơi dân sự cư sở đứng nuôi, phê chuẩn.

Khi nhận được đơn, tòa án họp trong phòng nghị xử, và sau khi đã thấu thập tài liệu xác đáng, sẽ xét xem :

- 1) Tất cả những điều kiện luật định có được tôn trọng hay không.
- 2) Có lý do chánh đáng và có điều

**Điều 141.**— Khế ước nghĩa dưỡng phải được tòa án dân sự nơi trú quán người đứng nuôi phê chuẩn, do đơn xin của người đứng nuôi.

Tòa án họp trong phòng nghị xử sẽ xét xem :

- 1.— Những điều kiện luật định có đầy đủ không;
- 2.— Sự nghĩa dưỡng có lý do

L.G.Đ. 1959

S.1 1964

lợi cho người con nuôi hay không.

**Điều 123.**— Sau khi nghe biện lý trình bày không dùng thể thức tố tụng nào khác, tòa án sẽ quyết định, phê chuẩn hay từ khước phê chuẩn khế ước lập con nuôi.

Trong trường hợp từ khước phê chuẩn, mỗi bên đương sự có thể, trong hạn một tháng, sau khi tòa tuyên án, đưa nội vụ ra trước tòa thượng thẩm, tòa này thẩm vấn theo những hình thức như tại tòa sơ thẩm.

Bản án sơ thẩm hay thượng thẩm phê chuẩn khế ước lập con nuôi, sẽ được tuyên tại phiên xử công khai.

Bản án phê chuẩn khi đã thành nhất định sẽ được sao lục cho viên chức hộ tịch sở quan để ghi vào bên lề chứng thư khai sinh của người con nuôi.

Trích lục bản án sẽ được niêm yết tại công sở nơi cư sở người đứng nuôi.

\*\*

**Điều 124.**— Đối với người đứng nuôi, người con nuôi phải làm đủ bổn phận và nghĩa vụ của một người con chính thức.

Người con nuôi vẫn giữ quyền thừa kế đối với di sản của cha mẹ và bà con huyết tộc.

**Điều 125.**— Người đứng nuôi, với sự đồng ý của người hôn phối, có thể cho người con nuôi mang họ mình hoặc chỉ định làm thừa

chính đáng và có ích lợi cho người con nuôi không.

Nội vụ sẽ được thông tri cho công tố viện. Tòa sẽ tuyên bố chuẩn nhận hay bác khước sự nghĩa dưỡng.

**Điều 142.**— Trong trường hợp chuẩn nhận, công tố viện và người cha hay người mẹ đã phản kháng có quyền kháng cáo.

Trong trường hợp bác khước, người đứng nuôi có quyền kháng cáo.

**Điều 143.**— Án văn sơ thẩm hay thượng thẩm chuẩn nhận sự nghĩa dưỡng sẽ phải trích đăng vào một tờ báo được đăng những hồ cáo pháp định.

**Điều 144.**— Trong hạn hai tháng, lục sự sẽ phải gửi một bản sao án văn cho Biện lý để chuyển tả vào sổ hộ tịch đương niên nơi sinh quán của người con nuôi. Án văn cũng ghi chú vào bên lề khai sanh của người con nuôi.

\*\*

**Điều 145.**— Đối với người đứng nuôi, người con nuôi có bổn phận và nghĩa vụ như một người con chính thức và ở dưới phụ quyền của nghĩa phụ và nghĩa mẫu.

Đối với cha mẹ và bà con huyết tộc, người ấy vẫn được giữ nguyên quyền thừa kế.

**Điều 146.**— Nếu người đứng nuôi không có con trai, người con nuôi có thể được lập làm thừa kế phụng tự và với tư cách ấy, được

L.G.Đ. 1959

S.L 1964

kế phụng tự cho mình, nếu được sự ưng thuận của tộc trưởng.

Chứng thư cho người con nuôi mang họ người đứng nuôi cũng như chứng thư lập người con nuôi làm thừa kế phụng tự phải được tòa án dân sự nơi cư sở người đứng nuôi phê chuẩn.

Bản án phê chuẩn khi đã thành nhất định sẽ được sao lục cho viên chức hộ tịch sở quan để ghi vào bên lề chứng thư khai sanh của người con nuôi.

Trích lục bản án sẽ được niêm yết tại công sở nơi cư sở người đứng nuôi.

**Điều 126.**— Người quan phụ hay quả phụ cũng như người độc thân, muốn cho con nuôi mang họ mình, hay muốn lập con nuôi làm thừa kế phụng tự, phải được sự ưng thuận của tộc trưởng.

\*\*

**Điều 127.**— Người con nuôi được hưởng, trong di sản của người đứng nuôi, một phần bằng phần con chính thức.

Người con nuôi và con cháu của họ không được hưởng quyền lợi gì trong việc thừa kế di sản của cha mẹ hay bà con người đứng nuôi.

Nếu người con nuôi được chỉ định làm thừa kế phụng tự cho người đứng nuôi, thì phải mang họ người đứng nuôi và được lãnh phần hưởng hỏa do người này lập ra.

hưởng hưởng hỏa do cha nuôi lập ra.

Nếu sau khi người nuôi được lập làm thừa kế phụng tự, người cha nuôi lại sinh con thì người con nuôi sẽ đương nhiên mất tư cách thừa kế phụng tự.

\*\*

**Điều 147.**— Người con nuôi được hưởng, trong di sản của người đứng nuôi, một phần bằng con chính thức, nhưng không được quyền lợi gì trong di sản của cha mẹ hay bà con người đứng nuôi.

L.G.Đ. 1959

S.L. 1964

**Điều 128.** Sự lập hôn thú bị cấm hẳn giữa người đứng nuôi và con nuôi. Những sự cấm đoán về hôn thú trong vòng bà con được áp dụng cho con nuôi cũng như con đẻ.

**Điều 129.**—Người con nuôi, đã được chỉ định làm thừa kế phụng tự sẽ mất tư cách ấy, nếu về sau người đứng nuôi có sanh con.

**Điều 130.**— Nếu cha mẹ nuôi đều mệnh một và không định hiệu người giám hộ cho người con nuôi còn vị thành niên, chánh án tòa án dân sự sẽ chỉ định thay thế.

\*\*

\*\*

**Điều 131.**— Nếu người đứng nuôi đẻ người con nuôi thiếu những sự cần dùng hoặc đối đãi tàn nhẫn, tòa án có thể đương nhiên, hoặc do thân thuộc huyết tộc người con nuôi thỉnh cầu, tuyên án truất quyền cha nuôi hay mẹ nuôi.

**Điều 132.**— Bản án tuyên bố truất quyền cha nuôi hoặc mẹ nuôi sẽ định hiệu về sự giữ và sự giám hộ người con nuôi còn vị thành niên.

**Điều 133.**— Bản án truất quyền khi đã thành nhất định sẽ được sao lục cho viên chức hộ tịch sở quan đề ghi vào bên lề chứng thư khai sinh của người nguyên là con nuôi.

Trích lục bản án sẽ được niêm yết tại công sở nơi cư sở người đã đứng nuôi.

\*\*

**Điều 148.**— Sự nghĩa dưỡng có hiệu lực giữa người trong cuộc khi án vẫn thành nhất định.

Sự nghĩa dưỡng chỉ đối kháng được với người đệ tam sau khi án vẫn đã được chuyển tả.

**Điều 149.**— Nếu người đứng nuôi mệnh một sau khi đã lập kế trước nghĩa dưỡng và đã có đơn đệ Tòa xin chuẩn nhận, thủ tục sẽ cứ tiến hành và sự nghĩa dưỡng vẫn có thể được chuẩn nhận. Trong trường hợp này, sự nghĩa dưỡng sẽ phát sinh hậu quả kể từ ngày người đứng nuôi mệnh một.

**Điều 150.**— Sự nghĩa dưỡng có thể bị Tòa tiêu hủy theo đơn thỉnh cầu của cha mẹ nuôi, của người con nuôi hay cha mẹ đẻ của người này, vì những lý do sau này :

1) Sự đối đãi tàn nhẫn với con nuôi;

L.G.Đ. 1957

S L 1964

**Điều 134.**— Những đứa trẻ bỏ hoang, tìm được hay giao phó cho một người, đều phải đem ngay đến viện cứu tế, hoặc một hội phước thiện được quốc gia nhìn nhận.

Người đã tìm ra, hay đã nhận đứa trẻ được giao phó, muốn lập đứa trẻ ấy làm con nuôi, cũng phải theo thủ tục và điều kiện dự liệu trong luật này. Người ấy được quyền ưu tiên để nuôi đứa trẻ và trong lúc đợi quyết định của tòa án, có thể xin phép chánh án tạm giữ đứa trẻ.

\*\*

## TÓNG TÁC

**Điều 135.**— Những điều luật hiện hành trái với luật này đều bị bãi bỏ.

Luật này sẽ đăng vào Công báo Việt Nam Cộng Hòa.

Sàigòn, ngày mồng 2 tháng giêng năm 1959.

2) sự vô ơn bạc nghĩa của người con nuôi.

**Điều 151.**— Nếu người con nuôi còn vị thành niên, bản án tiêu hủy sự nghĩa dưỡng sẽ làm thời quyết định về sự giám hộ vị thành niên ấy.

**Điều 152.**— Bản án tiêu hủy nghĩa dưỡng sau khi thành nhất định, sẽ chuyển tả và ghi chú như đã nói ở trên.

\*\*

## ĐIỀU KHOẢN ĐẶC BIỆT

**Điều 153.**— Tuy nhiên trong thời kỳ chuyển tiếp thời hạn hoãn cải 3 năm sẽ đặc biệt rút xuống còn 1 năm, kể từ ngày Sắc luật này có hiệu lực thì hành nếu đã có án lý thân tuyên xử theo luật 1959; đơn cũng phải xét theo thủ tục thường tụng.

Những đơn lý thân được đệ nạp sau ngày 2-1-1959 chưa được phán xử có thể hoãn cải ra đơn lý hôn trong thời hạn 6 tháng theo khởi điểm trên; sẽ áp dụng thủ tục ấn định trong Sắc luật này để tiếp tục vụ tranh tụng mà không phải làm lại các thể thức đã làm rồi.

**Điều 154.**— Các hồ sơ xin ly dị do đương sự đệ nạp hành pháp theo đ. 55 luật 1959 cũ mà chưa được cứu xét sẽ phải chuyển hoàn

L.G.Đ. 1959

S.L. 1964

ngay tòa án có thẩm quyền đề tiến hành thủ tục. Nguyên đơn đặc biệt được miễn khởi tố lại, nếu đã trình bày đủ lý do trong đơn thỉnh cầu.

**Điều 155.**— các điều khoản hình luật mới đặt ra trong luật ngày 2-1-1959 mà không được qui định lại trong Sắc luật này đều bị bãi bỏ.

Trong trường hợp có những hành vi dự liệu cấu thành sự phạm pháp theo luật lệ ban hành trước ngày 2-1-1959, pháp chế hình sự cũ sẽ được áp dụng.

**Điều 156.**— Các điều khoản luật cũ trái với Sắc luật này đều bị bãi bỏ.

**Điều 157.**— Tuy nhiên giá thú đệ nhị cấp đã kết lập từ trước, tình trạng pháp lý do chế độ đa thê cũ phát sinh, và nói tổng quát, mọi trách vụ, khế ước đã cam kết hợp pháp trước ngày ban hành luật mới đều có giá trị.

**Điều 158.**— Tổng trưởng các bộ Tư Pháp, Nội Vụ và Ngoại Giao chiếu nhiệm vụ, thi hành sắc luật này.

Saigon ngày 23-7-1964.



SẮC LUẬT SỐ 005-QT/SL NGÀY 10-2-1965 BỔ TÚC ĐIỀU 136  
SẮC LUẬT SỐ 15/64 NGÀY 23-7-1964 ÁN ĐỊNH VIỆC MIỄN  
ĐIỀU KIỆN ĐỪNG LẬP CON NUÔI

QUỐC TRƯỞNG VIỆT NAM CỘNG HÒA

Chiếu Hiến chương lâm thời ngày 20-10-1964;

Chiếu quyết nghị số 1 ngày 24-10-1964 của Thượng Hội Đồng Quốc Gia tuyền nhiệm Ông Phan Khắc Sửu giữ chức vụ Quốc Trưởng Lâm Thời Việt Nam Cộng Hòa;

Chiếu quyết định số 3-HĐQL ngày 28-1-1965 cử phó Thủ Tướng Nguyễn Xuân Oánh quyền Thủ Tướng Chính Phủ;

Chiếu sắc luật số 15/64 ngày 23-8-1964 qui định giá thú tử hệ và tài sản cộng đồng;

Chiếu đề nghị của Thủ Tướng Chánh Phủ;

SẮC LUẬT

**Điều thứ 1.**— Nay thêm vào điều 136 sắc luật số 15/64 ngày 23-7-1964 qui định giá thú, tử hệ và tài sản cộng đồng một đoạn chót như sau:

« Tuy nhiên, Quốc Trưởng có thể đặc cách miễn cho người đứng lập con nuôi một hay nhiều điều kiện đã ghi trên ».

**Điều thứ 2.**— Thủ Tướng Chánh Phủ, chiếu nhiệm vụ lãnh thi hành sắc luật này.

Sắc luật này sẽ đăng vào Công Báo Việt Nam Cộng Hòa.

Saigon ngày 10 tháng 2 năm 1965

PHAN KHẮC SỬU

**Phó thụ :**

Q. Thủ Tướng Chánh Phủ

Nguyễn Xuân Oánh

Tổng Trưởng Tư Pháp

Lữ Văn Vi

**SẮC LỆNH SỐ 49-TP NGÀY 21-5-1965 ÁN ĐỊNH THỦ TỤC  
LẬP KHẾ ƯỚC NGHĨA DƯƠNG**

**THỦ TƯỚNG CHÁNH PHỦ**

Chiếu Hiến chương Lâm thời ngày 20 tháng 10 năm 1964.

Chiếu quyết định số 5-HĐQL ngày 12 tháng 2 năm 1965 bổ nhiệm Ông Phan Huy Quát làm Thủ Tướng Chính Phủ;

Chiếu các Sắc lệnh số 040-b/QT/SL ngày 16 tháng 2 năm 1965 và số 069-QT/SL ngày 19 tháng 3 năm 1965 ấn định thành phần Chính phủ;

Chiếu Sắc luật số 15/64 ngày 23 tháng 7 năm 1964 qui định giá thú, tử hệ và tài sản cộng đồng;

Chiếu Sắc luật số 5-QT/SL ngày 10 tháng 2 năm 1965 bổ túc điều 136 Sắc luật số 15/64 ngày 23 tháng 7 năm 1964;

Theo đề nghị của Tổng Trưởng Tư Pháp.

**SẮC LỆNH :**

**Điều thứ 1.**— Nay ấn định như sau thủ tục lập khế ước nghĩa dưỡng để thi hành các điều từ 135 đến 140 Sắc luật số 15/64 ngày 23 tháng 7 năm 1964 thượng chiếu.

**Điều thứ 2.**— Người xin lập con nuôi phải nộp đơn và hồ sơ cho Chương khế hay Thẩm phán hòa giải nơi trú quán hay nơi cư trú của mình.

Chương khế hay Thẩm phán hòa giải sẽ lâm thời chỉ dẫn cho đương đơn bổ túc hồ sơ cho được đầy đủ.

**Điều thứ 3.**— Những điều kiện chánh trong việc lập con nuôi là :

1.— Sự lập con nuôi phải có duyên cớ chánh đáng và có lợi ích cho người con nuôi.

Duyên cớ chánh đáng như khi người lập con nuôi không có con hoặc hiếm con mà rất giàu có và muốn nuôi một đứa trẻ của một gia đình nghèo để tạo cho đứa trẻ ấy một tương lai sau này.

Sự lập con nuôi có lợi ích cho người con nuôi khi người đứng nuôi có đủ bảo đảm về phương tiện vật chất và tinh thần để dưỡng nuôi và giáo dục đứa trẻ.

Chương khế hay Thâm phán hòa giải sẽ thăm lượng qua những giấy tờ do đương đơn xuất trình như chứng chỉ do nhà chức trách hành chính địa phương cấp chứng nhận hoạt động nghề nghiệp, hạnh kiểm, gia cảnh, tài sản của đương sự, hoặc chứng chỉ do trưởng cơ quan cấp nếu người đứng nuôi là một công chức hay quân nhân, chứng nhận về chức vụ, hạnh kiểm, tình trạng gia đình, lương bổng của đương sự, hoặc chứng chỉ do Sứ quán hay Lãnh sự quán ngoại quốc cấp nếu người đứng nuôi là người ngoại quốc.

2.— Người đứng nuôi phải đủ điều kiện tuổi nghĩa là trên 20 tuổi và lớn hơn người con nuôi 20 tuổi, và trong trường hợp hai vợ chồng đứng nuôi thì phải là đã kết hôn 10 năm mà không con; trong trường hợp này chỉ buộc một trong hai vợ chồng đủ 30 tuổi và hơn người con nuôi 20 tuổi.

Để chứng minh các điều kiện trên, đương đơn phải đính theo đơn những giấy tờ hộ tịch như trích lục khai sanh hay chứng chỉ thể vi khai sanh của đương đơn, của người con nuôi, trích lục hôn thú hay giấy thể vi hôn thú trong trường hợp hai vợ chồng lập con nuôi, hoặc xuất trình những giấy tờ căn cước, tiêu bạ căn cước, tiêu bạ gia đình v.v...

3.— Nếu người con nuôi còn vị thành niên thì phải có sự ưng thuận của cha mẹ đẻ, hoặc của Ông Bà nội, hoặc của hội đồng gia tộc hay của cơ quan từ thiện, như định tại điều 137 và điều 138 Sắc luật 15/64 ngày 23 tháng 7 năm 1964.

Khi đệ đơn xin lập con nuôi, đương đơn có thể chỉ xuất trình tạm một tư thư chứng thư có nhà chức trách hành chính thị nhận, do đó việc lập con nuôi đã được những người hay cơ quan kể trên ưng thuận.

4.— Nếu người đứng nuôi là người ngoại quốc, đương sự phải xuất trình một chứng chỉ của cơ quan có thẩm quyền: Sứ quán hay Lãnh sự quán ngoại quốc nhận rằng theo luật pháp áp dụng tại nước của đương sự thì đương sự có quyền lập con nuôi ngoại quốc.

**Điều thứ 4.**— Nếu xét thấy các điều kiện luật định đều hội đủ chỉ trừ các điều kiện thứ hai của điều 3 trên đây, Chương khế hay Thâm phán hòa giải sẽ cấp cho đương đơn một biên lai chứng nhận đã nạp hồ sơ, theo đó thì đương sự có đủ điều kiện để lập con nuôi nhưng chỉ thiếu điều kiện ấn định điều 136 Sắc luật ngày 23 tháng 7 năm 1964, mà chiếu Sắc luật ngày 10 tháng 2 năm 1965 đương sự có thể xin Quốc Trưởng đặc miễn.

Đơn xin đặc miễn sẽ nạp tại Bộ Tư Pháp, kèm theo biên lai nói trên.

Bộ Tư Pháp sẽ chuyển trình Thủ Tướng đề đệ lên Quốc Trưởng thẩm định.

**Điều thứ 5.**— Nếu thiếu điều kiện thứ hai của điều 3 Sắc lệnh này, người xin lập con nuôi lại còn không hội đủ các điều kiện khác, như là không đủ bảo đảm về vật chất và tinh thần, Chương khế hay Thâm phán hòa giải sẽ khước từ việc lập khế ước nghĩa dưỡng và khỏi cần cấp biên lai cho đương đơn đề xin đặc miễn.

**Điều thứ 6.**— Trong mọi trường hợp bị khước từ, người xin đứng nuôi có thể yêu cầu biện lý sở quan xét lại.

**Điều thứ 7.**— Nếu đơn xin đặc miễn điều kiện được Quốc Trưởng chấp nhận, Sắc lệnh đặc miễn sẽ được đăng vào Công Báo Việt Nam Cộng Hòa và tổng đạt cho đương đơn đề người này xuất trình cho Chương khế hay Thâm phán hòa giải để tiếp tục việc lập nghĩa dưỡng.

**Điều thứ 8.**— Lúc lập khế ước nghĩa dưỡng, người đứng nuôi và người con nuôi, nếu đã đủ 16 tuổi, sẽ phải trình diện với Chương khế hay Thâm phán hòa giải ở nơi trú quán hay nơi cư trú của người đứng nuôi cùng với người mà sự ưng thuận cần thiết theo luật định.

Tuy nhiên, người ngoại quốc đứng nuôi có thể ủy quyền cho đệ tam nhân ký khế ước nghĩa dưỡng nhưng phải xuất trình chứng chỉ của cơ quan có thẩm quyền: Sứ quán, Lãnh sự quán ngoại quốc nhận rằng luật lệ áp dụng tại nước của đương sự cho phép đương sự lập con nuôi bằng một tờ ủy quyền và tờ ủy quyền đã được lập đúng theo thể thức luật định tại nước ấy.

**Điều thứ 9.**— Tổng Trưởng Tư Pháp, Bộ Trưởng Phủ Thủ Tướng, chiếu nhiệm vụ, lãnh thi hành Sắc lệnh này.

Sắc lệnh sẽ được đăng vào Công Báo Việt Nam Cộng Hòa.

Saigon, ngày 21 tháng 5 năm 1965

Ký tên: PHAN HUY QUÁT

Phó thư:

Tổng Trưởng Bộ Tư Pháp

Ký tên: Lữ Văn Vi

**SẮC LUẬT SỐ 028/65 NGÀY 1-12-1965 SỬA ĐỔI VÀ BỔ TÚC ĐIỀU 10 SẮC LUẬT 15/64 NGÀY 23-7-1964 QUY ĐỊNH GIÁ THỨ, TỬ HỆ VÀ TÀI SẢN CỘNG ĐỒNG.**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN LÃNH ĐẠO QUỐC GIA

Chiếu Ước Pháp ngày 19 tháng Sáu năm 1965;

Chiếu Quyết định số 3-QLVNCH/QĐ ngày 14 tháng Sáu năm 1965 của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa thành lập Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia;

Chiếu Sắc lệnh số 1-a/CT/LĐQG/SL ngày 19 tháng Sáu năm 1965 sửa đổi và bổ túc bởi Sắc lệnh số 121-CT/LĐQG/SL ngày 5 tháng Mười năm 1965 ấn định thành phần Ủy Ban Hành pháp Trung Ương;

Chiếu Sắc luật số 15/64 ngày 23 tháng bảy năm 1964 qui định giá thú, và tử hệ cộng đồng;

Chiếu đề nghị của Chủ Tịch Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương;  
Sau khi Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia đã thảo luận và biểu quyết.

### SẮC LUẬT

**Điều thứ 1.**— Nay sửa đổi và bổ túc điều 10 Sắc luật 15/64 ngày 23-7-1964 qui định giá thú, tử hệ và tài sản cộng đồng như sau;

«**Điều 10**» (mới).— Trai chưa đủ 18, gái chưa đủ 16 tuổi không được kết hôn.

«Tuy nhiên, nếu có lý do đặc biệt, Chủ Tịch Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương có thể đặc cách cho miễn tuổi.

«Chủ tịch Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương có thể ủy quyền cho Tổng Ủy Viên Tư Pháp về việc này».

**Điều thứ 2.**— Chủ Tịch Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương chiếu nhiệm vụ lãnh thi hành Sắc luật này;

Sắc luật này sẽ đăng vào Công Báo Việt Nam Cộng Hòa.

Saigon, ngày 1 tháng 12 năm 1965

**Ký tên:** Trung Tướng Nguyễn Văn Thiệu

NGHỊ ĐỊNH SỐ 2160-UBHP/CT NGÀY 8-12-1965 ỦY QUYỀN CHO  
TỔNG ỦY VIÊN TƯ PHÁP DUYỆT KỶ CÁC NGHỊ ĐỊNH ĐẶC  
CÁCH MIỄN ĐIỀU KIỆN TUỔI ĐỀ KẾT HÔN

CHỦ TỊCH ỦY BAN HÀNH PHÁP TRUNG ƯƠNG

Chiếu Ước Pháp ngày 19 tháng Sáu năm 1965:

Chiếu quyết định số 3-QLVNCII/QĐ ngày 14 tháng sáu năm 1965 của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa thành lập Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia;

Chiếu Sắc lệnh số 1-2/CT/LĐQG/SL ngày 19 tháng sáu năm 1965 sửa đổi và bổ túc bởi Sắc lệnh số 121-CT/LĐQG/SL ngày 5 tháng mười nam 1965 ấn định thành phần Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương;

Chiếu Sắc luật số 15/64 ngày 23 tháng Bảy năm 1964 qui định giá thú, tử hệ và tài sản cộng đồng như là điều 10 của Sắc luật này;

Chiếu Sắc luật số 028/65 ngày 1 tháng Chạp năm 1965 sửa đổi và bổ túc điều 10 Sắc luật số 15/64 ngày 23 tháng Bảy năm 1964.

NGHỊ ĐỊNH:

**Điều thứ 1.**— Nay ủy quyền cho Tổng Ủy viên Tư Pháp duyệt kỷ các nghị định đặc cách miễn điều kiện tuổi đề kết hôn, như đã dự liệu ở điều 10 Sắc luật 15/64 ngày 23 tháng Bảy năm 1964 qui định giá thú, tử hệ và tài sản cộng đồng sửa đổi và bổ túc Sắc luật số 028/64 ngày 1 tháng Chạp năm 1965.

**Điều thứ 2.**— Tổng Ủy Viên Tư Pháp chiếu nhiệm vụ lãnh thi hành Nghị định này.

Nghị định này sẽ đăng vào Công Báo Việt Nam Cộng Hòa.

Saigon, ngày 8 tháng Chạp năm 1965

Ký tên: Thiếu Tướng Nguyễn Cao Kỳ

## Phần IV

### ÁN LỆ

1- Án lệ làm sáng tỏ thêm ý nghĩa và tầm hiệu lực của luật pháp, Học dân luật mà không đọc án lệ, khác nào người chỉ chơi hoa giấy, không được biết hương sắc của hoa thật.

2- Khi tìm hiểu trạng thái của án lệ, và nhất là khi viện dẫn án lệ, cần phải chú trọng vào hai điểm:

a) nên viện dẫn án lệ của Tòa Phá Án, hay của tòa Thượng thẩm để tăng thêm uy tín cho quan điểm pháp lý cần bênh vực;

b) án lệ càng mới càng được chú ý vì phản chiếu thái độ mới nhất của thẩm phán đối với nhu cầu trong xã hội.

3- Phần án lệ này gồm 20 bản án văn của tòa Phá Án và của Tòa Thượng Thẩm Sài Gòn, chọn trong các bản án được tuyên phán trong thời gian 1962 — 1967, về các vấn đề quan trọng trong luật gia đình, đề các sinh viên có một ý niệm về tầm hiệu lực của đạo luật 2-1-1959 và S.L. 23-7-1964. Các bản án này đã được đăng trong Pháp lý tập san trong khoảng 1963 — 1967.

4- Về mỗi bản án, trong Pháp lý tập san, cũng như trong các tạp chí pháp luật khác, thường in trước bản án:

a) một mục « trích yếu » các điểm pháp lý gồm vài nhan đề văn tắt.

b) một mục « tóm lược » nội dung bản án.

5- Trong bản án, gồm có hai phần:

a) Phần lý do trong đó tòa án trình bày và giải thích quan điểm. Mỗi lý do thường bắt đầu bằng chữ chiếu chi, hay chiếu chỉ. Chính chữ là « chiếu chi » nghĩa là căn cứ vào đó. Nhưng ngày trước phải kiêng tên húy của vua, đọc là chiếu. Ngày nay, cả hai danh từ đều được quen dùng trong các bản án.

b) Phần chủ văn trong đó tòa án cho biết cách giải quyết vấn đề tương tranh. Phần này bắt đầu bằng văn thức: « Bởi các lẽ ấy » . . .

- 6- Liệt kê các vấn đề được đề cập tới trong các bản án này :
- 1- Tờ tổng chỉ.- Phá án 29-12-1965 PLTS. 1966 III. 21.
  - 2- Công chính chứng thư.- Phá án 27-10-1965 PLTS. 1966. II. 44
  - 3- Trú quán hay cư sở.- Phá án 27-7-1966 PLTS 1966. IV. 40
  - 4- Vi bằng thừa phát lại.- Phá án 30-6-1965 PLTS. 1966. I. 29
  - 5- Vi bằng phạm gian.- TT Saigon 12-8-1965 PLTS 1967 II 83
  - 6- Ly hôn. Án lệnh hòa giải bất thành.- TT Saigon 11-3-1965  
PLTS 1966. I. 134
  - 7- Tội bỏ phũ gia đình.- Phá án 23-2-1966 PLTS 1966 IV. 55
  - 8- Tình trạng ngoại hôn.- Phá Án 26-10-1966 PLTS 1967 II 17
  - 9 Hoán cải ly thân sang ly hôn.- TT Saigon 2-7-1966 PLTS 1967  
I. 165
  - 10- Tiền cấp dưỡng.- Phá Án 26-5-1965 PLTS 1966. I. 21
  - 11- Ly hôn. Nghĩa vụ cấp dưỡng.- TT Saigon 3-12-1964 PLTS 1966  
I 124
  - 12- Sưu tầm phụ hệ tư sinh.- Phá Án 29-6-1966 PLTS 1966. IV. 15
  - 13- Di nghị sự nhìn nhận tử hệ tư sinh.-  
T.T. Saigon 6-11-1965 P.L.T.S. 1965 IV 98
  - 14- Nhìn nhận con tư sinh còn bào thai.-  
Phá Án 27-1-1965 P.L.T.S. 1965 III 9
  - 15- Hiệu lực của sự nhìn nhận con tư sinh.-  
T.T. Saigon 5-11-1964 P.L.T.S 1965 III 66
  - 16- Ly hôn ngoại tình của chồng.-  
T.T. Saigon 15-10-1964 P.L.T.S. 1965 I. 131
  - 17- Ly hôn. Đơn phân tố ly thân. Tranh chấp luật pháp trong thời  
gian.- T.T. Saigon 12-3-1966 P.L.T.S. 1966 II 108
  - 18- Tử hệ tư sinh.- Tranh chấp luật pháp trong thời gian.  
Phá Án 30-12-1964 P.L.T.S. 1966 I 3
  - 19- Vô hiệu hôn thú.- Tranh chấp luật pháp trong thời gian.  
T.T. Saigon 8-11-1962 P.L.T.S. 1963 III 147
  - 20- Ly hôn. Tranh chấp luật pháp trong thời gian.-  
T.T. Saigon 4-6-1966 P.L.T.S. 1966 III, 79



## TÒA PHÁ-ÁN

29-12-1965

DÂN SỰ TÒ TỤNG — NGHỊ ĐỊNH 16-3-1910 ĐIỀU 10 —  
VẤN KIẾN — TÔNG CHI — KHAI SINH — QUYỀN XÉT  
ĐỊNH CỦA THẨM PHÁN.

Theo điều 10 nghị định ngày 16-3-1910 trong mọi tranh chấp giữa thân tộc, phải nộp đơn khởi tố một tờ tông chi : nếu có sự bất đồng ý-kiến thẩm-phán xét nếu cần có thể buộc phải xuất trình một trích lục hộ tịch.

Điều này dành cho thẩm phán quyền xét định có cần thiết phải xuất nộp giấy tờ hộ tịch hay không khi có tranh chấp về tờ tông chi.

Khi bị đơn chỉ phủ nhận tờ tông chi mà không nêu ra được sự kiện hay tài liệu trái ngược nào, thẩm phán hợp lý quyết định không cần thiết buộc nguyên đơn phải xuất trình giấy tờ hộ tịch.

(Vu Nguyễn văn Phát k/ Nguyễn ngọc Thu)

## Tòa Phá Án . . . . .

Về phá chức duy nhất : vi phạm điều 10 nghị định 16-3-1910.

Chiều chi nguyên thượng tố Nguyễn-văn-Phát trình bày rằng trước tòa sơ thẩm cũng như tòa thượng thẩm, y phản đối tư cách đích tôn của Nguyễn-ngọc-Thu bị thượng tố vì người này không xuất trình được khai sinh của cha y là Nguyễn - văn - Võ để chứng tỏ rằng Nguyễn-văn-Võ là con của Nguyễn-văn-Thi ; mặc dầu bị thượng tố có nộp tờ tông chi nhưng tờ này bị tranh nại; Nguyễn-ngọc-Thu không xuất trình được tờ khai sinh nói trên mà tờ khai tử của Nguyễn-văn-Võ lại không ghi tên cha mẹ, nhưng phúc quyết bị thượng tố ngày 8-8-1963 của tòa thượng thẩm Saigon lại cho rằng không có sự tranh chấp quan trọng, xử như vậy là vi phạm điều 10 ghi trong phá chức :

Chiều chi điều 10 định rằng « nguyên đơn trong mọi tranh chấp giữa thân tộc phải nộp cùng với đơn khởi tố, một tờ tông chi do ba người đáng tin chứng nhận và xã trưởng phê duyệt.

• Nếu có sự bất đồng ý kiến và đối với những người sinh sau khi hộ tịch được thiết lập cùng những người quá cố từ thời kỳ đó và những người kết hôn sau ngày 1-1-1876 thì thẩm phán nếu xét thấy cần có thể buộc phải xuất trình một trích lục sổ hộ tịch » :

Chiều chi điều luật này dành cho thẩm phán xét định có cần thiết phải xuất nạp giấy tờ hộ tịch hay không khi có sự tranh chấp về tờ tông chi;

Chiều chi phúc quyết đã nhận xét rằng nguyên thượng tố chỉ phủ nhận tờ tông chi mà không nêu ra được sự kiện hay tài liệu trái ngược nào và sự chối cãi của nguyên thượng tố gò ép và gượng gạo vì trong đề luận đầu tiên trước tòa thượng thẩm, « y luôn luôn chỉ thị Nguyễn - văn - Thi là cha Nguyễn - văn - Võ và là ông nội của Nguyễn - ngọc - Thu », « trước tình tiết này và chiều theo tờ khai sanh : tờ tông chi xuất trình có đủ bằng chứng Nguyễn - ngọc - Thu là đích tôn của Nguyễn - văn - Thi »;

Chiều chi viện ra những lẽ xác đáng như trên, tòa thượng thẩm đã hợp lý quyết định không cần thiết buộc Nguyễn - ngọc - Thu phải xuất trình khai sanh của Nguyễn - văn - Võ;

Chiều chi xử như trên phúc quyết không hề vi phạm điều 10 nghị định ngày 16-3-1910;

BỞI CÁC LẼ ẤY : Bác đơn thượng tố của Nguyễn - văn - Phát chống phúc quyết chung thẩm số 1021/61 ngày 8-8-1963 của tòa thượng thẩm Saigon;

( P.L.T.S. 1966. III.21 )

## TÒA PHÁ - ÁN

27-10-1965

CÔNG CHÍNH CHỨNG THƯ — TÍN LỰC — ĐIỀU CÔNG  
LẠI TỰ LÀM HAY NHẬN XÉT — PHÂN CHỨNG — THỦ  
TỤC KIẾN GIẢ MẠO — SỰ KẾT ƯỚC — KIẾN VẾ GIẢ  
TRANG — THỦ TỤC KIẾN GIẢ MẠO — KHÔNG DÙNG.

Công chính chứng thư chỉ có tín lực cho đến khi bị tố cáo giả mạo đối với những điều nào mà các công lại tự mình làm lấy hay nhận xét, ngoài ra những gì thuộc về sự giao kết giữa hai bên ký kết mà công lại chỉ ghi mà không hề kiểm soát được sự thành thật trong việc giao kết, thì không cần dùng thủ tục kiến giả mạo để đánh đổ, nhất là khi kiện về giả trạng chỉ cần phân chứng bằng văn kiện hay nhân chứng mà thôi.

( Vụ TRẦN THỊ THỜI K/ NGUYỄN THỊ CƯ )

## Tòa Phá-Án.

Về phương thức xin phá án thứ nhất và thứ nhì của tòa thượng thẩm Saigon do nguyên thượng tố nêu ra, cho rằng phúc quyết ngày 25-1-1962 bị chỉ trích khiếm khuyết lý do và áp dụng sai lầm nguyên tắc thông thường về luật lệ kế ước và nghĩa vụ, vì nguyên đơn đã chỉ trích có sự giả tạo tờ mua bán nhà giữa Nguyễn-thị-Nở và Nguyễn-thị-Cư, tòa thượng thẩm không trả lời về điểm này, và chỉ nói rằng phải dùng thủ tục giả mạo mới phủ nhận hiệu lực của văn tự ấy;

Chiếu chỉ phúc quyết nêu lên rằng : « Chiếu chỉ văn tự có tính cách « văn tự thị thực và do đây có giá trị một công chính chứng thư được « tin tưởng cho đến khi bị tố cáo là giả mạo;

« Chiếu chỉ lẽ ấy đủ làm cho đơn khởi tố của Trần-thị-Thời phải « bị bác bỏ vì rằng y xin tiêu hủy văn tự đoạn mãi nói trên, tức là phủ « nhận hiệu lực của văn tự ấy mà không dùng đến thủ tục giả mạo mà cũng không hề nại rằng văn tự ấy giả mạo »;

Chiếu chỉ trong nội vụ, Trần thị Thời nại rằng Nguyễn-thị-Nở đã bán nhà cho thị mà còn thu tiền nhà, nên ngày 8-2-1960, thị có thưa ở Cảnh sát cuộc Tân-Bình, nơi đây Nguyễn thị Nở đi hầu lại dẫn theo Nguyễn thị Cư và khai rằng đã làm giấy bán nhà cho Nguyễn thị-Cư rồi, nhưng khi thị đi kiện thì giấy bán nhà lại đề ngày 15-2-1960 tức là sau ngày hai bên hiện diện ở Cảnh-sát cuộc Tân-Bình; như vậy, tờ bán ngày 15-2-1960 chỉ là một giả mạo lập ra với sự a ý của Nguyễn-thị-Nở và Nguyễn-thị-Cư để cưỡng đoạt căn nhà đã bán cho thị và phải bị hủy bỏ vì là giả tạo;

Chiếu chỉ về công chính chứng thư, chỉ những điều nào mà các công lại tự mình làm lấy hay nhận xét, thì khi muốn phản chứng, đương sự một cần phải dùng đến thủ tục kiện giả mạo; ngoài ra, những gì thuộc về sự giao kết giữa hai bên ký kết mà công lại chỉ ghi mà không hề kiểm soát được sự thành thật trong việc giao kết giữa các đương sự thì không cần dùng thủ tục kiện giả mạo để đánh đổ, nhất là khi kiện về giả trang, chỉ cần phản chứng bằng văn kiện hay nhân chứng mà thôi;

Chiếu chỉ công chính chứng thư chỉ có tin lực cho tới khi có bằng chứng trái lại về sự kết ước mà chứng thư ấy xác nhận;

Chiếu chỉ phúc quyết bị thượng tố chỉ nói rằng tờ bán nhà ngày 15-2-1960 là một công chứng thư có tin lực cho đến khi bị tố cáo là giả mạo và Trần thị Mười xin tiêu hủy văn tự ấy mà không dùng thủ tục kiện giả mạo phải bị bác đơn khởi tố; như vậy, phúc quyết bị thượng tố khiếm khuyết lý do, vì trong hiện vụ, Trần thị Thời kiện về giả trang, không cần phải dùng thủ tục kiện giả mạo;

BỞI CÁC LÊ ẤY: Phá và tiêu hủy hoàn toàn phúc quyết chung  
thâm số 233 năm 1961 ngày 25-1-1962 của tòa thượng thẩm Saigon;

(P.L.T.S. 1966. II. 44)

## TÒA PHÁ ÁN

27-7-1966

### TRƯ QUÁN — NƠI CƯ NGỰ THƯỜNG XUYÊN

*Nếu không có tài liệu đích xác chứng tỏ rằng đương sự có trú quán hội đủ điều kiện pháp định ở một nơi khác, nơi cư ngụ thường xuyên của một đương sự phải được coi là trú quán của đương sự ấy.*

(Vụ Đỗ-văn-Điềm kl Nguyễn-hữu-Hạnh)

### Tòa Phá Án . . . . .

Chiếu phúc quyết ngày 3-9-1964 của Tòa Thượng Thẩm Saigon chấp nhận sự kháng cáo ngày 31-7-1963 của Nguyễn hữu Hạnh chống bản án khuyết tịch ngày 20-8-1962 của tòa Sơ thẩm Saigon, niêm yết ngày 31-8-1962, vì lẽ không có bằng cứ là trong thời gian thủ tục, Nguyễn-hữu-Hạnh có cư trú pháp định tại căn nhà số 402/1125 đường Hòa-Hảo (Chợ Lớn) là nơi án khuyết tịch được cáo tri cho thị; — đồng thời tòa cũng hủy án khuyết tịch bị kháng cáo và bác đơn của Đỗ-văn-Điềm xin trục xuất Nguyễn-hữu-Hạnh ra khỏi căn nhà nói trên vì lẽ tuy Đỗ-văn-Điềm nại rằng đã mua căn nhà của Nguyễn-hữu-Hạnh, nhưng không xuất trình văn tự tạo mãi;

Chiếu sự thượng tố ngày 5-10-1964 của Đỗ-văn-Điềm nêu lên phá chức duy nhất là phúc quyết vi phạm điều 56 nghị định ngày 16-3-1960 vì theo đơn ngày 11-12-1963 gửi Ông Chánh Nhất Tòa Thượng Thẩm, Nguyễn-hữu-Hạnh vẫn nhận là cư ngụ tại căn nhà tương tranh, vậy sự kháng cáo của thị lạc hạn;

*Chiều chi nơi cư ngụ thường xuyên của một đương sự, nếu không có tài liệu đích xác chứng tỏ rằng đương sự có trú quán hội đủ điều kiện pháp định ở một nơi khác, phải được coi là trú quán của đương sự ấy;*

Chiều chi trong hiện vụ, nơi cư ngụ thường xuyên của Nguyễn-hữu-Hạnh là ở 402/1125/3 đường Hòa-Hảo như Đỗ-văn-Điềm trình bày trong

đơn khởi tố và được xác nhận do chính Nguyễn-hữu-Hạnh trong đơn khiếu ngày 11-12-1963 trước Tòa Thượng Thẩm ;

Chiều chỉ sự thay đổi trú quán không có hiệu lực đối với người đệ tam nếu trú quán mới không chắc chắn, không biết rõ ở đâu, hay chính sự thay đổi cũng không lấy gì làm chắc ;

Chiều chỉ như vậy, trú quán của Nguyễn-hữu-Hạnh là ở 402/1125/3 đường Hòa-Hảo, Chợ Lớn, do đó Tòa Thượng Thẩm cho rằng sự niêm yết án sơ thẩm khuyết tịch, (sau khi không cáo tri được cho đích thân Nguyễn-hữu-Hạnh) ngày 31-8-1962 không làm khởi lưu thời hạn kháng cáo là đã xử trái với điều 56 liên kết với điều 21 và 60, 114 nghị định ngày 16-3-1910 ;

BỜÌ CÁC LỄ ẤY : Phá và tiêu hủy phúc quyết ngày 3-9-1964 của Tòa Thượng Thẩm Saigon.

(P.L.T.S. 1966. IV. 40)

## TÒA PHÁ ÁN

30-6-1965.

THỪA PHÁT LẠI — VI BẰNG NHẬN XÉT — GIÁ TRỊ —  
LẬP NGOÀI TRƯỜNG-HỢP LUẬT ĐỊNH — LỜI KHAI  
CỦA ĐƯƠNG SỰ — ĐƯƠNG SỰ KHÔNG KÝ TÊN.

*Vi bằng nhận xét của thừa phát lại, lập ngoài trường hợp luật định và không có đủ bảo đảm về thủ tục đối tụng, (lời khai ghi trong vi bằng bị chối cãi, đương sự không ký tên), chỉ có tin lực cho đến khi có bằng chứng trái lại ; lời khai trong vi bằng ấy là một vấn đề thực tế thuộc toàn quyền thẩm định của Tòa án xét xử về tình lý.*

(Vu LÂM DÂN)

## Tòa Phá Án . . . . .

*Về phương thức phá án thứ hai : Vi luật về giá trị bằng chứng ;*

Chiều chỉ nguyên thượng tố chủ chương rằng y đã nạp vào hồ sơ cuộc tranh luận vi bằng công chứng ngày 4-12-1963 của thừa phát lại Cao-văn-Tại, trong đó Lê-thị-Nhân có khai là y thị mới chiếm cứ hai căn quán trong khoảng 5 năm nay; đề bác bỏ tài liệu kê trên, phúc quyết bị thượng tố nhận định rằng ; « một đảng biên bản nhận xét chỉ có giá trị tùy theo

quyền thẩm lượng của tòa chính vụ và đăng khác biên bản không có chữ ký của Lê-thị Nhân, những lời do thừa phát lại ghi là thị đã khai này đều bị thị phủ nhận, vậy biên bản không có giá trị tin tưởng gì hết \* ; lập luận như vậy là ngộ nhận về giá trị của các vi bằng công chứng do thừa phát lại lập ra, những lời mà chính thừa phát lại ghi đã được nghe thấy phải coi là có giá trị của công chính chứng thư; một lời phủ nhận suông của Lê-thị-Nhân không thể đánh đổ được tờ vi bằng công chứng của thừa phát lại Cao-văn-Tại ;

*Chiều chi những vi bằng nhận xét của thừa phát lại lập ngoài trường hợp luật định và không có đủ bảo đảm về thủ tục đối dịch như trong hiện vụ có tin lực cho đến khi có bằng chứng trái lại ;*

Chiều chi hơn nữa, trong hiện vụ, Lê-thị-Nhân không có kỳ vi bằng của thừa phát lại Cao-văn-Tại, lại viện dẫn những lý lẽ và bằng chứng viết đề phủ nhận lời khai trong vi bằng, sự nhận xét về giá trị của vi bằng này nhất là giá trị của lời khai của đương sự ghi trong vi bằng nhận xét là một vấn đề thực tế thuộc toàn quyền thẩm định của tòa thượng thẩm ;

Chiều chi theo trên, cả hai phương chức phá án của Lâm-Dần đều vô căn cứ phải bị bác khước ;

**BỜÌ CÁC LẼ ẤY :** Bác sự thượng tố của Lâm-Dần chống phúc quyết chung thẩm số 1034 ngày 14-3-1963 của tòa thượng thẩm Saigon.

( P.L.T.S. 1966. I. 29 )

### **Tòa Thượng Thẩm Saigon.**

12-8-1965

**ÁN LỆNH PHÊ ĐƠN CHO PHÉP VI CHỨNG SỰ PHẠM  
GIAN — SỰ PHẠM GIAN — VI BẰNG CÔNG CHỨNG CỦA  
THỪA PHÁT LẠI — THI HÀNH NGOÀI GIỜ LÀM VIỆC.**

*Theo điều 249 Nghị định ngày 16-3-1910, trong mọi trường hợp cần có một quyết định tức khắc, và thủ tục khẩn cấp không thích nghi, thẩm phán có thẩm quyền ra án lệnh phê đơn đề tuyên xử về mọi thỉnh cầu của các tụng nhân.*

*Án lệ và học thuyết công nhận rằng Chánh Án có thẩm quyền cho phép vi chứng một sự phạm gian bằng một án lệnh phê đơn, vì lẽ sự phạm gian có thể được chứng minh bằng mọi phương sách, dẫu khác, sự phạm*

gian là hành vi có thể làm tan rã một gia đình, sự vi chứng bao giờ cũng có tánh cách khẩn cấp.

Theo điều 18 nghị định III/BTP-NĐ ngày 4-2-1950 ấn định pháp quy thừa phát lại; thì các thừa phát lại Việt-Nam không thể làm công việc gì trước 5 giờ sáng và sau 7 giờ chiều.

Vi bằng của thừa phát lại thì hành 5 giờ 35 phút buổi sáng, tức là trong thời gian luật định, không có trái luật và không gây cho đương sự một sự thiệt hại nào; dù sao thì thừa phát lại cũng đã được Chánh án cho phép vì có khẩn cấp.

(Vụ Rainer Hausmann và k.k)

### Tòa Thượng Thẩm . . . . .

Chiếu chỉ do án lệnh phê đơn ngày 4-11-1964, Ông Chánh-án tòa Sơ-Thẩm Saigon cho phép nguyên đơn Heinz Bierbrauer nhờ thừa phát lại bất cứ ngày giờ nào, đến tại :

- 1) phố lầu 69/8 và 96/9 đường Hiền-Vương Saigon;
- 2) căn nhà số 20 đường Trường-minh-Ký Saigon;
- 3) căn phòng số 405 trong dãy lầu số 23 đường Gia long Saigon,

để lập vi bằng về sự sống chung của vợ là Maria Joséfine Staub với Rainer Hansmann và về mọi hành động có thể minh chứng sự ngoại tình của Maria Joséfine Staub;

Chiếu chỉ thì hành án lệnh vừa kể, ngày 8-11-1964 thừa phát lại Lâm-văn-Sáu đến lập vi bằng công chứng tại căn phòng số 405, lầu số 23 đường Gia long về sự hiện diện của Maria Joséfine Staub và Rainer Hansmann trong căn phòng ấy :

Chiếu chỉ ngày 11-11-1964 Rainer Hansmann kháng tố hợp lệ xin Tòa cấp thẩm thu hồi án lệnh phê đơn ngày 11-11-1964 tuyên xử vô hiệu và kê như không có vi bằng công chứng do thừa phát lại Lâm-văn-Sáu lập ngày 8-11-1964, truyền cấm chỉ Bierbrauer không được xuất trình biên bản ấy ;

Chiếu chỉ Rainer Hansmann viện lẽ rằng những thỉnh cầu của Bierbrauer vượt thẩm quyền của Ông Chánh án sử bằng án lệnh phê đơn, vì lẽ chưa một đơn khiếu tố nào được đệ nạp về sự phạm gian của Maria Joséfine Staub; đàng khác Bierbrauer cũng chưa nạp đơn khởi tố đề xin ly hôn hay

ly thân với vợ; dấu sao án lệnh để cho phép một thừa phát lại vào nhà tư nhân ban đêm, là trái với Hiến Chương Lâm Thời xác định sự tôn trọng tự do cá nhân và tự do cư trú, có tánh cách bất hợp pháp phải được thu hồi;

Chiếu chỉ do đơn ngày 17-12-1964 Maria Joséfine Staub xin xen vào vụ và xin Tòa khản cấp chấp nhận tất cả thỉnh cầu của Rainer Hansmann,

Chiếu chỉ do án lệnh ngày 12-2-1965, Tòa khản cấp bác bỏ đơn khởi tố của Rainer Hansmann, luôn cả đơn dự sự của Maria Joséfine Staub; Tòa đã dẫn lý rằng án lệnh phê đơn ngày 8-11-1964 cho phép Bierbrauer vì chứng sự phạm gian của vợ chồng nằm trong phạm vi thẩm quyền của Ông Chánh án là hoàn toàn hợp lệ;

Chiếu chỉ ngày 15 và 16-2-1965, Rainer Hansmann và Maria Joséfine Staub, do những đại diện kháng cáo hợp lệ, trước Tòa Thượng Thẩm nguyên kháng lập lại những lý do cũ, nhấn mạnh rằng tại Pháp, án lệ cũng đã công nhận cho Ông Chánh Án có quyền cho lập vi bằng về sự phạm gian trong giờ luật định mà thôi, đề kết luận xin Tòa Thượng Thẩm hủy án lệnh cấp thẩm và chấp nhận tất cả những thỉnh cầu của chúng y đệ nạp trước Tòa Sơ thẩm;

Chiếu chỉ bị kháng nại rằng vi bằng lập đúng theo nghị định ngày 4-2-1950 là hợp lệ, và thỉnh cầu Tòa Thượng Thẩm xử y án với những lý do có ghi rõ trong án lệnh bị kháng cáo:

*Chiếu chỉ theo điều 249 nghị định ngày 16-3-1910, trong mọi trường hợp cần có một quyết định tức khắc, mà thủ tục khản cấp không thích nghi, thẩm phán có thẩm quyền ra án lệnh phê đơn đề tuyên xử về mọi thỉnh cầu của các tụng nhân;*

Chiếu chỉ học thuyết và án lệ đều công nhận rằng Ông Chánh Án có thẩm quyền rộng rãi và chuyên quyết đề xét những đơn xin án lệnh, miễn là có khản cấp: (César Bru. Ordonnances sur requête. No 26. Pouvoirs du Président).

*Chiếu chỉ án lệ và học thuyết cũng công nhận rằng Chánh Án cũng có thẩm quyền cho phép vì chứng một sự phạm gian bằng một án lệnh phê đơn, vì lẽ sự phạm gian có thể được chứng minh bằng mọi phương sách khác, sự phạm gian là hành vi có thể làm tan rã một gia đình, sự vì chứng bao giờ cũng có tánh cách khản cấp; (ibid—No 128)*

Chiếu chỉ, như vậy, trái với lập luận của các nguyên kháng, án lệnh phê đơn ngày 4-11-1964 có căn bản pháp lý vững chắc;

Chiếu chỉ các nguyên kháng còn trách cứ án lệnh phê đơn vừa kể



là bất hợp pháp, vì lẽ trái với nguyên tắc : " tư gia bất khả xâm phạm " mà Hiến Chương Lâm Thời đã long trọng nhìn nhận;

Chiếu chi trước hết cần nhận định rằng mặc dầu án lệnh bị trách cứ cho phép bị kháng Bierbrauer lập vi bằng công chứng về sự phạm gian của vợ, bất cứ lúc nào, nhưng trên thực tế, thừa phát lại chỉ lập vi bằng công chứng ngày 8-11-1964 tại căn phòng số 405 lầu 23 đường Gialong vào lúc 5 giờ 35 phút sáng;

Chiếu chi đơn khởi tố và đơn xin dự sự của các nguyên kháng tuy lấy sự chỉ trích án lệnh phê đơn ngày 4-11-1964 làm duyên cớ, nhưng mục tiêu chánh là xin tuyên xử vi bằng ngày 8-11-1964 bất hợp lệ, vì thực hiện trước 6 giờ sáng, và xin Tòa ngăn cấm bị kháng Bierbrauer sử dụng vi bằng ấy trong một thủ tục khác;

*Chiếu chi theo điều 18 nghị định 111-BTP/NĐ ngày 4-2-1950 ấn định pháp quy của thừa phát lại, thì các thừa phát lại Việt nam không thể làm công việc tổng đạt nào hay thi hành một việc gì trước 5 giờ sáng và sau 7 giờ chiều;*

Chiếu chi vi bằng của thừa phát lại Lâm văn Sáu, thi hành vào 5 giờ 35 phút buổi sáng ngày 8-11-1964, tức là trong thời gian luật định, chiếu theo điều luật kể trên, không có chi là trái luật, và không gây cho các nguyên kháng một thiệt hại nào cả;

Chiếu chi, tuy các nguyên kháng có nại điều 253 nghị định ngày 16-3-1910, nhưng bản văn này đã cũ hơn nghị định ngày 4-2-1950; theo nguyên tắc pháp lý phổ thông, bản văn mới bao giờ cũng được coi là thay thế bản văn cũ; dấu sao thừa phát lại cũng được Ông Chánh Án cho phép vì có khẩn cấp;

Chiếu chi như vậy, các nguyên kháng không có lợi ích chi trách cứ án lệnh phê đơn ngày 8-11-1964, vì lẽ chúng y không thiệt hại; đơn khởi tố và dự sự của chúng y phải bị bác, mà Tòa khởi cần xét đến các lý do khác:

**BỜY CÁC LẺ ẤY:** Xử công khai, đối tịch, chung thẩm, về việc dân sự, trước mặt luật sư hai bên, ngoài sự có mặt của các đương sự;

*Về hình thức:* Chấp nhận sự kháng cáo của Rainer Hansmann và Marie Joséphine Staub.

*Về nội dung:* Phán các sự kháng cáo không hợp lý.

Chuẩn y án lệnh ngày 12-2-1965 của Tòa Khẩn cấp Saigon, nhưng với lý do khác.

Ra lệnh tịch thu tiền dự phạt.

Án phí do các nguyên kháng phải chịu, trích xuất Luật sư Phan-thành-Hy hưởng theo luật

(P.L.T.S. 1967 II. 83)

## TÒA THƯỢNG THẨM SAIGON

11-3-1965

ÁN-LỆNH HÒA GIẢI BẤT THÀNH TRONG VỤ LY HÔN —  
KHANG-CÁO — ĐIỀU 70 SẮC LUẬT 15/64 NGÀY 23-7-1964  
ÁN LỆNH CHIÊU ĐƠN — KHÁNG TỒ HOẶC KHANG CÁO  
— ĐIỀU 250 NGHỊ ĐỊNH NGÀY 16-3-1910.

*Điều 70 Sắc Luật số 15/64 ngày 23-7-1964 dự liệu sự kháng cáo đối với án lệnh của thẩm phán phụ trách việc hòa giải trong vụ ly hôn sau khi hòa giải bất thành và ấn định các biện pháp tạm thời; nhà lập pháp không cho phép đương sự vắng mặt, mặc dầu đã được trát đòi hợp lệ, được quyền kháng tố án lệnh hòa giải bất thành.*

*Về các án lệnh chiếu đơn, điều 250 nghị định ngày 16-3-1910 dự liệu rằng các án lệnh chiếu đơn nếu có tánh cách tranh tụng và làm tổn hại đến đệ tam hơn thì có thể bị kháng nại theo thề lệ thông thường, nghĩa là kháng tố đến trước mặt vị thẩm phán đã tuyên xử vắng mặt đối phương, và kháng cáo lên tòa thượng thẩm nếu là án lệnh chiếu đơn xử đối tịch.*

(Vụ TRỊNH-MÍNH ĐỖ QUYÊN K/ LAI-QUỐC-ÁI)

Tòa Thượng Thẩm — . . . . .

Chiều chi do án lệnh số 277.AL chiếu đơn đề ngày 19-2-1965 của Lai-quốc-Ái, Ô. Chánh án tòa sơ thẩm Saigon cho phép nguyên đơn được tới thăm viếng đứa con chung là Lại-minh Phương-Lan hiện tạm biệt cư với mẹ là Trịnh-minh Đổ-Quyên ở địa chỉ số 179 đường Gia-Long Saigon, mỗi tuần lễ ba lần:

- Thứ tư từ 17 giờ đến 20 giờ;
- Thứ bảy từ 15 giờ đến 19 giờ;
- Chủ nhật từ 9 giờ đến 12 giờ;

Chiều chi ngày 22-2-1965 Trịnh-minh Đổ-Quyên kháng cáo án lệnh nói trên;

Chiều chi bị kháng Lại-quốc-Ái do luật sư Nguyễn-hữu-Phú biện hộ xin tòa bác sự kháng cáo về hình thức, viện lẽ chiếu điều 250 nghị định ngày 16-3-1910 án lệnh tuyên ngoài sự hiện diện của bị đơn chỉ có thể bị kháng tố chứ không thể bị kháng cáo như trường hợp án lệnh đối tịch;

Chiều chi nguyên kháng Trịnh-minh Đổ-Quyên (luật sư Lê-ngọc-Chấn) kháng nại rằng điều 70 Sắc luật số 15/64 ngày 23-7-1964 cho phép y được kháng cáo khỏi cần kháng tố;

Chiều chi điều 70 Sắc luật 15/64 do nguyên kháng viện dẫn dự liệu kháng cáo đối với án lệnh của thẩm phán phụ trách việc hòa giải sau khi hòa giải bất thành và ấn định các biện pháp tạm thời; nhà lập pháp không cho phép đương sự vắng mặt, mặc dầu đã được trát đòi hợp lệ, được quyền kháng tố án lệnh hòa giải bất thành;

Chiều chi đây không phải là trường hợp, vì án lệnh ngày 19-2-1965 là một án lệnh chiếu đơn, bị đơn không được đòi đến để trình bày lý lẽ chống cãi, án lệnh đã dẫn chiếu các điều 249, 250, 251 nghị định ngày 16-3-1910 và được tuyên ngoài sự hiện diện của bị đơn;

*Chiều chi điều 250 nghị định ngày 16-3-1910 đã minh thị dự liệu rằng các án lệnh chiếu đơn nếu có tánh cách tranh tụng và làm tổn hại đến đê tam nhân thì có thể bị kháng nại theo thể lệ thông thường, nghĩa là kháng tố đến trước mặt thẩm phán đã tuyên xử vắng mặt đối phương, và kháng cáo lên tòa thượng thẩm nếu là án lệnh chiếu đơn xử đối tịch;*

Chiều chi trong hiện vụ án lệnh số 277-AL ngày 19-2-1965 tuyên ngoài sự hiện diện của bị đơn, vậy bị đơn nếu xét thấy quyền lợi bị tổn hại chỉ có thể kháng tố xin trở lại trước thẩm phán đã tuyên án lệnh để xin sửa đổi nếu cần;

**BỜ I CÁC LỀ ÁY :** Xử công khai, đối tịch, chung thẩm về việc dân sự, trước mặt luật sư hai bên, ngoài sự có mặt của các đương sự;

Bác sự kháng cáo của Trịnh-minh Đổ-Quyên về hình thức, vì bất hợp lệ;

Ra lệnh tịch thu tiền dự phạt...

(P.L.T.S. 1966.I. 134)

## TÒA PHÁ ÁN

23-2-1966

PHÁ ÁN — TỘI PHÊ BỎ GIA ĐÌNH — YÊU TÒ TỘI PHẠM  
THEO ĐIỀU 1 LUẬT NGÀY 23-7-1942 — ÁN THIẾU LÝ DO.

Một yếu tố của tội phỉ bỏ gia đình dự liệu nơi điều 1 luật ngày 23-7-1942 là người cha hay người mẹ đã trốn tránh nghĩa vụ phát sinh tự phụ quyền hay giám hộ quyền.

Bị phá vì thiếu lý do phúc quyết của Tòa Thượng Thẩm đề kết phạt bị can về tội kẻ trên chỉ dẫn lý rằng «y thị không phủ nhận và mặc dầu có lệnh của Biện Lý và sự hối thúc của chồng, thị vẫn không chịu trở lại nơi cư trú hôn nhân» mà không xác nhận can phạm với tư cách là mẹ đã trốn tránh nghĩa vụ gì phát sinh từ những quyền nói trên đối với các con cái.

(Vụ Trần-thị-Liên)

## Tòa Phá Án . . . . .

Sau khi nghe Ông Chánh Thẩm thuyết trình viên tường trình;

Sau khi nghe Ông Phó Chương lý kết luận;

Sau khi nghị án hợp luật;

Chiều chi ngày 28-7-1965 Trần-thị-Liên đã thượng tố hợp lệ phúc quyết ngày 27-7-65 của Tòa Thượng Thẩm Saigon tuyên xử phạt y thị 2000\$ vạ treo, trả cho dân sự nguyên cáo 1\$ bồi thường thiệt hại, về tội bỏ phỉ gia đình;

Chiều chi Luật Sư Nguyễn-văn-Nghị có nạp cho nguyên thượng tố một biếu minh trạng đề ngày 21-10-65, nại Trần-thị-Liên đã bị dùng súng đe dọa, sự kiện này cấu thành lý do khiến y thị có thể bỏ cơ sở hôn nhân về nhà mẹ với con nhỏ, mà không vi phạm điều 1 luật ngày 23-7-1942;

Chiều chi phương chức nêu trên, căn cứ trên sự kiện thuộc quyền thẩm lượng của Tòa nội vụ, không thể nêu lên lần đầu tiên trước Tòa Phá Án;

Chiều chi tuy nhiên án bị thượng tố xem đã khiếm khuyết lý do, không nêu đủ lý do tội phạm;

Về phá chức do Tòa Phá Án tự nêu lên căn cứ trên sự khiếm khuyết lý do.

Chiều chi một yếu tố của tội phỉ bô gia đình dự liệu nơi điều 1 Luật ngày 23-7-42 là người cha hay người mẹ đã trốn tránh nghĩa vụ phát sinh tự phụ quyền hay giám hộ quyền;

Chiều chi đề kết phạt Trần-thị-Liên về tội nói trên, Tòa Thượng Thẩm dẫn lý rằng: « bị can không phủ nhận là mặc dầu có lệnh ông Biện Lý và sự hối thúc của chồng, cho đến nay thì vẫn không chịu trở lại nơi cư trú hôn nhân ».

Nhưng chiều chi những sự kiện nêu trên không đủ cấu thành tội phạm bị truy tố theo điều luật viện dẫn mà yếu tố cần thiết phải là sự kiện Trần-thị-Liên với tư cách là mẹ đã trốn tránh nghĩa vụ đối với con cái;

Chiều chi không xác nhận rằng: can phạm với tư cách là mẹ đã trốn tránh nghĩa vụ gì phát sinh tự phụ quyền hay quyền giám hộ như dự liệu điều 1 luật ngày 23-7-42, án bị thượng tố đã kiểm khuyết lý do, khiến Tòa Phá-Án không thể kiểm soát Tòa nội vụ có xác nhận tội phạm bị truy tố với đủ yếu tố luật định và điều luật viện dẫn có được áp dụng đúng hay không;

**BỜI CÁC LỄ ÁY:** Phá và tiêu hủy án ngày 27-7-1965 của Tòa Thượng Thẩm Saigon;

Phó hoàn Tòa nguyên thẩm xét xử lại với một thành phần khác;  
Đề Công Khố chịu án phí...

( P.L.T.S 1966 IIII.55 )

## TÒA PHÁ ÁN

26-10-1966

**TÌNH TRẠNG NGOẠI HÔN — CHẤM DỨT—BỜI THƯỜNG—  
PHẠM LỖI.**

Tình trạng ngoại hôn là một tình trạng bất hợp pháp; cả hai người đàn ông và đàn bà đều có thể chấm dứt tình trạng ấy mà không vì đó phạm một lỗi nào.

Khi chấm dứt cuộc sống chung, người chủ động chỉ có trách nhiệm bồi thường nếu đã phạm lỗi như đã dụ dỗ hay dùng cách gì đáng trách để đưa người bạn tình vào đường tội lỗi sống chung với mình.

( Vụ Trương-văn-Loan k/ Trần-thị-trạch-Mỹ )

## Tòa Phá Án . . . . .

Chiều chi do phúc quyết ngày 23-11-1963. Tòa Thượng Thẩm Sài Gòn đã hủy án sơ thẩm Saigon ngày 19-3-1963 và xử Trương-văn-Loan phải bồi thường cho Trần-thị-trạch-Mỹ 30.000\$ chiếu theo điều 79 luật Gia Đình ngày 2-1-1959;

Chiều chi Trương-văn-Loan thượng tố ngày 11-12-1963 và nêu lên phá chức duy nhất là phúc quyết thiếu căn bản pháp lý vì tình trạng ngoại hôn có thể chấm dứt bất cứ lúc nào do một trong hai người nhân tình, mà không bên nào có quyền đòi bồi thường bên kia; mặt khác Trần-thị-trạch-Mỹ không hề chứng tỏ được là đã bị y quyến rũ, trái lại, sự kiện chắc chắn là thị đã gần 30 tuổi, vẫn sống một cuộc đời tự do;

Chiều chi đề kết án Trương-văn-Loan phải bồi thường, phúc quyết đã áp dụng theo đúng như văn tự điều 79 ghi trên;

*Chiều chi tình trạng ngoại hôn là một tình trạng bất hợp pháp: cả hai người đàn ông và đàn bà đều có thể chấm dứt tình trạng ấy mà không vì đó phạm một lỗi nào;*

Chiều chi chưa kể rằng luật Gia Đình — ngày nay đã bị bãi bỏ bởi Sắc luật ngày 23-7-1964 — còn đặt tình trạng ấy thành một hình tội, vậy không thể vì chấm dứt một tình trạng phạm pháp mà phải bồi thường;

*Chiều chi khi chấm dứt cuộc sống chung, người chủ động chỉ có trách nhiệm bồi thường nếu đã dụ dỗ hay dùng cách gì đáng trách, để đưa người bạn tình vào đường tội lỗi sống chung với mình;*

Chiều chi phúc quyết không nêu ra được lỗi lầm nào của Trương-văn-Loan;

**BỜI CÁC LẺ ẤY:** Phá và tiêu hủy phúc quyết ngày 23-11-1963 của Tòa Thượng Thẩm Saigon, xử chung thẩm.

(P.L.T.S 1967 II.17)

## TÒA THƯỢNG THẨM SAIGON

2-7-1966

LY THÂN — LY HÔN — HOÁN CẢI AN LY THÂN THÀNH AN LY HÔN — ĐIỀM KHỞI THÔNG THỜI HẠN LUẬT ĐỊNH.

HOÁN CẢI AN LY THÂN RA AN LY HÔN — TÁC DỤNG — DỮ KIẾN — LÝ DO AN LY THÂN — GIỮ NGUYÊN.

HOÁN CẢI AN LY THÂN RA AN LY HÔN — THẨM QUYỀN TÒA DÂN SỰ — TỒ QUYỀN PHỤ TÙNG VỚI ĐƠN XIN HOÁN CẢI.

HOÁN CẢI AN LY THÂN RA AN LY HÔN — AN LY HÔN DO NGƯỜI PHỐI NGẪU BỊ LY THÂN ĐỪNG XIN — ĐỨC KẾT HAI AN — LY HÔN LỖI CẢ ĐÔI BÊN.

*I. Thời hạn luật định sau khi có án ly thân đề xin hoán cải thành án ly hôn chỉ khởi thông từ ngày án vẫn tuyên bố ly thân đã trở thành nhất định.*

*II. — Dữ kiện tòa thụ lý đơn cải hoán án ly thân thành án ly hôn chỉ có thể là dữ kiện đã được tòa xử vụ ly thân xác nhận. Lý do xin cải hoán tất yếu phải là lý do xin ly thân. Nói một cách khác, sự cải hoán chỉ có tác dụng cải biến ra án ly hôn án ly thân sau một khoảng thời gian luật định kể từ ngày có sự ly thân; mọi yếu khoản của án vẫn ly thân đều được giữ lại mà án vẫn cải hoán không thể sửa đổi trừ những yếu khoản bất khả tương dung với sự ly hôn.*

*III. — Với thẩm quyền toàn thẩm mà sắc luật ngày 23-7-1964 đã dành cho tòa dân sự về mọi vụ kiện ly hôn và ly thân, thì tòa này, lâm thời thụ lý đơn xin cải hoán án ly thân thành án ly hôn cũng có nghĩa vụ phải thanh quyết mọi tố quyền về cấp dưỡng hoặc bồi thường phụ tỳ với đơn xin hoán cải.*

*IV. — Người phối ngẫu ly thân có lỗi vì dù trong thủ tục xin ly hôn có được án ly hôn lỗi về người phối ngẫu kia, thì, với sự cải hoán án ly thân thành án ly hôn cùng đức kết hai án vẫn xử tiêu hôn thú, một, theo đơn chính của người phối ngẫu kia thì kết quả cũng thành án vẫn ly hôn lỗi về phần cả đôi bên.*

(Vụ Phạm thị Tốt k/ Lưu kim Tường)

Tòa Thượng Thẩm . . . . .

Chiều chỉ đạo đơn khởi tố ngày 3-9-1964, nguyên đơn Lưu-kim-

Tường, có luật sư Dương-tấn-Trương nhiệm cách, trình bày rằng do án ngày 7-11-1962 tòa hòa giải rộng quyền Long An được phúc quyết của tòa thượng thẩm Saigon chuẩn y tuyên bố ly thân giữa vợ chồng Lưu-kim-Tường Phạm-thị Tốt, lỗi về cả đôi bên, dạy Lưu-kim-Tường phải cấp dưỡng hàng tháng 700\$ cho vợ và 300\$ cho con, nên tham chiếu sắc luật ngày 23-7-64, nguyên đơn Lưu-kim-Tường xin cải hoán án ly thân kê trên thành án ly hôn cùng xin giải trừ nghĩa vụ cấp dưỡng của y đối với Phạm-thị-Tốt và xin dạy từ đây về sau Lưu-kim-Tường chỉ phải cấp dưỡng mỗi tháng 300\$ cho đứa con chung Lưu-quốc-Thắng mà thôi:

Chiều chỉ do án ngày 13-1-1965 tòa hòa giải rộng quyền Long An đã chuẩn cấp mọi lời thỉnh cầu kê trên của Lưu-kim-Tường:

Chiều chỉ ngày 29-1-1966, Phạm-thị-Tốt kháng cáo hợp lệ và xin tòa chuẩn y án vẫn bị kháng cáo về khoản cải hoán án ly thân thành án ly hôn nhưng cải xử về các khoản khác, xác nhận lỗi về Lưu-kim-Tường với mọi hậu quả luật định dạy Lưu-kim-Tường phải bồi thường cho Phạm-thị-Tốt 50.000\$ và hàng tháng cấp dưỡng 1.000\$ cho Phạm-thị-Tốt và 1.000\$ cho đứa con chung:

Chiều chỉ nguyên kháng Phạm-thị-Tốt dẫn nại, tuy phúc quyết ngày 6-6-1963 của tòa thượng thẩm Saigon chuẩn y án vẫn sơ thẩm đã tuyên bố ly thân giữa vợ chồng nguyên bị kháng lỗi về cả đôi bên và do đơn ngày 3-9-1964, Lưu-kim-Tường đã xin hoán cải án ly thân thành án ly hôn nhưng do phúc quyết ngày 14-12-1965 đã trở thành nhất định của tòa thượng thẩm Saigon Lưu-kim-Tường đã bị xử phạt 1.000\$ và về tội bỏ phế gia đình và bồi thường cho y thị (Phạm-thị-Tốt), nên tham chiếu điều 63 khoản sắc luật ngày 23-7-1964 nguyên kháng có thể xin Tòa tuyên bố ly hôn lỗi về phần Lưu-kim-Tường; ngoài ra Lưu-kim-Tường sẵn tiền của, buôn bán tạp hóa tại chợ Cần giuộc, còn nguyên kháng thì vô tư lực trước giá sinh hoạt đắt đỏ hiện tại nên đáng được cấp dưỡng theo tổng số y thị đã xin:

Chiều chỉ bị kháng Lưu-kim-Tường đối kháng việc tòa xử phạt bị kháng về tội bỏ phế gia đình sau khi có đơn xin cải hoán nên không phải là lý do để qui trách bị kháng, vì sự cải hoán chỉ cần có điều kiện thời gian đã trôi qua sau khi có án vẫn ly thân và dù sao nguyên kháng Phạm-thị-Tốt sinh trưởng trong một gia đình khá giả nên không cần sự cấp dưỡng, kết lại bị kháng thỉnh cầu tòa chuẩn y án vẫn sơ thẩm về mọi khoản:

Chiều chỉ theo điều 99 và 153 khoản 1 sắc luật ngày 23-7-1964, trong thời kỳ chuyển tiếp, sau một năm có án ly thân, mỗi bên vợ chồng



đều có thể xin hoán cải án này thành án ly hôn; thời hạn một năm sau khi có án ly thân đề xin cải hoán chỉ khởi thông kê từ ngày án vẫn tuyên bố ly thân đã trở thành nhất định;

Chiều chi phúc quyết của bản tòa ngày 6-6-1963 chuẩn y án vẫn sơ thẩm tuyên bố ly thân giữa vợ chồng nguyên bị kháng lời về cả đôi bên đã có uy lực quyết tụng từ ngày 14-8-1963 nên Lưu-kim-Tường ngày 3-9-1964 đã hợp thức nộp đơn xin cải hoán án ly thân thành án ly hôn;

*Chiều chi dữ kiện tòa thụ lý đơn cải hoán án ly thân thành án ly hôn chỉ có thể là dữ kiện đã được tòa xử vụ ly thân xác nhận; lý do xin cải hoán tất yếu phải là lý do xin ly thân;*

Chiều chi nói một cách khác, sự cải hoán chỉ có tác dụng cải biến ra án ly hôn án ly thân sau một khoảng thời gian luật định kể từ ngày có sự ly thân: *mọi yếu khoản của án vẫn ly thân đều được giữ lại mà án vẫn cải hoán không thể sửa đổi trừ những yếu khoản bất khả tương dung với sự ly hôn;*

Chiều chi vì vậy án ly thân trước đây nếu được tuyên bố lỗi về cả đôi bên thì khi cải hoán ra án ly hôn lỗi của đôi bên vẫn được bảo lưu: mà cũng vì vậy mà bị đơn trong thủ tục cải hoán án ly thân thành án ly hôn không thể phản tố xin ly hôn cùng người phối ngẫu ly thân có lỗi nếu trước đây có được cấp dưỡng trên căn bản điều 41 sắc luật ngày 23-7-1964 thì khi đã có sự cải hoán thành án ly hôn, tham chiếu điều 89, 93 người phối ngẫu có lỗi không được quyền cấp dưỡng nữa;

Chiều chi như trên nghĩ nên bác chấp đơn phản tố xin ly hôn cùng xin cấp dưỡng và bồi thường của nguyên kháng;

Chiều chi đành rằng cho đến ngày đoạn tiêu hôn thú, dù đã có án vẫn ly thân, *lúc nào đôi bên phối ngẫu cũng có thể vào đơn chính xin ly hôn dựa vào duyên cớ phát sinh từ trước hoặc sau ngày có án vẫn ly thân, nhưng đương sự phát nạp đơn chính mà không đứng phản tố trong thủ tục cải hoán;*

Chiều chi trong hiện vụ giả thử trước ngày cải hoán hoặc trong thời gian đương cứu của vụ kiện, nguyên kháng có vào đơn chính xin ly hôn lỗi người chồng vì bỏ phế gia đình thì cũng không lợi ích nào;

Chiều chi người phối ngẫu ly thân có lỗi, ví dù trong thủ tục xin ly hôn có được án ly hôn lỗi về người phối ngẫu kia, thì với sự cải hoán án ly thân thành án ly hôn cùng đúc kết hai án vẫn xử tiêu hôn thú một, theo đơn chính của người phối ngẫu ly thân có lỗi là một, theo đơn xin cải

hoán của người phối ngẫu kia thì kết quả cũng thành án văn ly hôn lỗi về phần cả đôi bên;

Chiều chi với thẩm quyền toàn thẩm mà sắc luật ngày 23-7-1964 đã dành cho tòa dân sự về mọi vụ kiện ly hôn và ly thân, thì tòa này, lâm thời thụ lý đơn xin cải hoán án ly thân thành án ly hôn cũng có nghĩa vụ phải thanh quyết mọi tố quyền về cấp dưỡng hoặc bồi thường phụ tùy với đơn xin cải hoán;

Chiều chi về khoản cấp dưỡng cho đứa con chung, số tiền 300\$, mỗi tháng, phúc quyết trước đây bản tòa ấn định có phần không thiết ứng với nhu cầu của đứa trẻ trước sự leo thang của giá sinh hoạt hiện thời và Phạm-thị-Tốt có lý do đề xin gia tăng;

Nhưng chiều chi nếu thỉnh cầu sau này xác đáng trên nguyên tắc, thì có phần quá đáng trong tổng số và tham chiếu tài lực của bị kháng Lưu-kim-Tường cùng nhu cầu của đứa trẻ tòa có thể ấn định số tiền trợ cấp vừa phải là 600\$, mỗi tháng;

**BỜ I CÁC LẺ ẤY :** Chuẩn chấp sự kháng cáo của Phạm-thị-Tốt về hình thức;

Phán sự kháng cáo phần nào hợp lý về nội dung;

Chuẩn y án văn ngày 13 tháng 1 năm 1965 của tòa hòa giải rộng quyền Long An về khoản hoán cải thành ra án ly hôn án văn ly thân do tòa hòa giải rộng quyền Long An tuyên phán ngày 7 tháng 11 năm 1963 giữa vợ chồng Lưu-kim-Tường Phạm-thị-Tốt được tòa thượng thẩm Saigon chuẩn y ngày 6 tháng 6 năm 1963 và về khoản giải trừ Lưu-kim-Tường khỏi nghĩa vụ cấp dưỡng cho Phạm-thị-Tốt;

Cải sửa án văn bị kháng cáo về khoản khác, dạy Lưu-kim-Tường phải cấp dưỡng hàng tháng (600đ) cho đứa con chung Lưu-kim-Thắng, vào năm (5) ngày đầu mỗi tháng nơi tay Phạm-thị-Tốt hiện được quyền trông giữ đứa trẻ;

Truyền giải tán khối cộng đồng tài sản giữa vợ chồng Lưu-kim-Tường và Phạm-thị-Tốt;

Đề cử ông trưởng khế Trịnh-Hên đề thanh toán khối cộng đồng tài sản đó, nếu có và cử ông chánh án tòa hòa giải rộng quyền Long An đề trông nom sự thanh toán;

Phán dạy bản án này sẽ được chuyển tả vào sổ hộ tịch năm 1958,

số hiệu 29, lưu trữ tại xã Long An (tỉnh Long An) và nơi phòng lục sự tòa hòa giải rộng quyền Long An và ghi chú vào bên lề chứng thư giá thú của hai bên ở trong sổ và báo thị cho viên chức hộ lại ở nơi sinh quán của Lưu-kim-Tường và Phạm-thị-Tốt để viên chức này sẽ ghi chú vào bên lề chứng thư khai sanh của đương nhân;

Dạy hoàn tiền dự phạt:

Ấn phí từ sơ đến thượng thẩm mỗi bên phải chịu một nửa có phần trích xuất cho luật sư Châu-tòng-Lộc, Dương-tấn-Trương, Nguyễn-hữu-Thống hưởng theo luật.

(P.L.T.S. 1967. I. 165)

### TÒA PHÁ ÁN

26-5-1965

TIỀN CẤP DƯỠNG — TIỀN CẤP DƯỠNG KHÔNG THỂ ĐÓN LẠI — LÝ DO — KHÔNG CÁN DỪNG.

*Mục đích của sự cấp dưỡng là để cho người phối ngẫu túng thiếu có thể sinh sống cho tới khi có quyết định về việc ly dị. Nếu người này không đòi một số tiền cấp dưỡng khi đáo hạn, thì về sau không được quyền đòi nữa, vì có sự suy đoán rằng đương sự không cần số tiền ấy, trừ khi đương sự nại được những sự kiện chứng minh không lãnh được tiền vì có duyên cớ ngoài ý muốn của mình.*

( VỤ NGUYỄN-THỊ-KIẾN )

Tòa Phá Án . . . . .

*Chiều chi mục đích của sự cấp dưỡng là để cho người phối ngẫu túng thiếu có thể sinh sống cho tới khi có quyết định về việc ly dị; như vậy nếu người này không đòi một số tiền cấp dưỡng khi đáo hạn thì về sau không được quyền đòi nữa, vì có sự suy đoán rằng đương sự không cần số tiền ấy, trừ khi đương sự nại được những sự kiện chứng minh không lãnh được tiền vì có duyên cớ ngoài ý muốn của mình;*

Chiều chi Tòa án xử về tình lý có trọn quyền thẩm lượng các sự kiện ấy;

Chiều chi trong hiện vụ, tòa thượng thẩm đã nhận xét và giải thích

các sự kiện một cách hợp lý và đầy đủ, chứ không hề làm biến chất các sự kiện như nguyên thượng tố đã luận cứ, do đó phương chước phá án này vô căn cứ;

**BỞI CÁC LẺ ẤY :** Bác sự thượng tố của Nguyễn-thị-Kiền chống phúc quyết chung thăm số 987 ngày 15-11-1962 của tòa thượng thăm Saigon.

( P.L.T.S. 1966. I. 21 )

## THƯỢNG THĂM SAIGON

3-12-1964

HIỆU LỰC CỦA HÔN THÙ — BÓN PHẬN GIÚP ĐỠ VÀ TƯƠNG TRỢ GIỮA VỢ CHỒNG — NGHĨA VỤ CẤP DƯỠNG — TRƯỞNG HỢP LY THÂN VÀ LY HÔN.

*Một khi đã kết hôn, vợ chồng có bổn phận phải giúp đỡ và bảo trợ nhau, tùy theo khả năng tình trạng của mình, chồng phải cung cấp cho vợ tất cả những gì cần thiết cho sự sinh sống ( điều 41 và 44 Sắc luật 15/64 ngày 23-7-1964 ).*

*Nghĩa vụ cấp dưỡng phát xuất nơi bổn phận giúp đỡ và tương trợ vẫn tồn tại sau ngày vợ chồng ly thân, trừ trường hợp ly hôn ( điều 89 ) thì người phối ngẫu có lỗi mới phải cấp dưỡng cho người kia với tính cách bồi thường.*

*Giá thù giữa hai vợ chồng chưa đoạn chung, hiệu lực của hôn thú chưa chấm dứt, bổn phận giúp đỡ và tương trợ còn tồn tại, người vợ có quyền đòi chồng phải cấp dưỡng.*

*Người chồng không thể viện lẽ vợ đã tự đặt mình vào tình trạng trái với đạo lý khi mà người vợ về ở nơi nhà cha mẹ ruột là do sự ưng thuận của chồng và người chồng không hề đốc thúc vợ trở về cư sở hôn nhân, nơi mà y đã sống chung với một người đàn bà khác và có con với người này.*

( VỤ LÂM-YẾT K/ VỢ-THỊ-MÔ )

**Tòa Thượng Thăm . . . . .**

Chiều chi do đơn khởi tố ngày 17-8-1961, Vó-thị-Mô, thỉnh cầu tòa dạy Lâm-Hái tự là Lâm-văn-Hái phải cấp dưỡng cho y thị mỗi tháng

2.000\$, nguyên đơn viện lẽ rằng y thị có kết hôn với bị đơn ngày 27-10-1925, hai vợ chồng sống chung với nhau gần 20 năm nhưng không có con. đến năm 1940 Lâm-Hái, gạt nguyên đơn về nhà cha mẹ ruột ở Cần Thơ một thời gian rồi y sẽ rước về Sóc Trăng nhưng về sau y không ngó ngàng tới, hiện nay bị đơn có vợ bé và hai con với người này, còn nguyên đơn sống một cuộc đời vất vả;

Chiều chi do án khuyệt tịch ngày 16-2-1962, tòa sơ thẩm Saigon dạy Lâm-Hái trả cho Vô-thị-Mô số tiền cấp dưỡng 2.000\$ mỗi tháng;

Chiều chi Lâm-Yết tự Lâm-Hái tự Lâm-như-Hái kháng tố án khuyệt tịch nói trên, trình bày rằng hai vợ chồng đã xa nhau quá lâu, mỗi người đều lập gia đình khác, theo án lệ hiện tại của tòa thượng thẩm, bốn phần cấp dưỡng giữa vợ chồng phải đi đôi với bốn phần đồng cư, Vô-thị-Mô chỉ có thể được cấp dưỡng nếu có bằng cứ rõ ràng rằng người chồng không chịu tiếp đón thị tại cư sở hôn nhân, nhưng đây y thị lại tự đặt mình vào một tình trạng trái với đạo lý nên thỉnh cầu của y thị xin cấp dưỡng đáng bị bác bỏ;

Chiều chi do án đương tịch ngày 1-8-1963, tòa sơ thẩm Saigon bác khước sự kháng tố của Lâm-Yết và truyền cho thi hành án văn ngày 6-12-1962, tòa viện lẽ rằng bốn phần cấp dưỡng bắt nguồn nơi bốn phần giúp đỡ tương trợ, hôn thú giữa Vô-thị-Mô và Lâm-Hái chưa bị tiêu hủy, bốn phần tương trợ giữa 2 vợ chồng vẫn còn, Vô-thị-Mô hiện ở trong tình trạng khổ sở, nghèo túng vẫn có quyền được Lâm-Hái cấp dưỡng;

Chiều chi Lâm-Yết tự Lâm-Hái kháng cáo hợp lệ ngày 6-9-1963 và trước tòa thượng thẩm, do luật sư Phùng-văn-Tuệ và Hồ-văn-Phước biện hộ, lập lại các lý lẽ cũ và thêm rằng sở dĩ gia đình tan vỡ là do lỗi tại Vô-thị-Mô đã bỏ cư sở hôn nhân trong một thời gian quá dài, y thị đã lần tránh bốn phần, hiện đang sống chung với người khác, không đủ điều kiện đề đòi tiền cấp dưỡng, kết luận, nguyên kháng xin tòa hủy án sơ thẩm, bác đơn khởi tố Vô-thị-Mô;

Chiều chi Vô-thị-Mô xin tòa chuẩn y án văn bị kháng cáo;

Chiều chi Lâm-Hái và Vô-thị-Mô kết hôn với nhau ngày 27-10-1925;

Chiều chi một khi đã kết hôn, vợ chồng có bốn phần phải giúp đỡ và bảo trợ nhau; tùy theo khả năng tình trạng của mình, chồng phải cung cấp cho vợ tất cả những gì cần thiết cho sự sinh sống (điều 41 và 44 Sắc luật 15/64 ngày 23-7-1964);

Chiều chi nghĩa vụ cấp dưỡng phát xuất nơi bốn phần giúp đỡ và

*tương trợ vẫn tồn tại sau ngày vợ chồng ly thân, trừ trường hợp ly hôn (điều 89) thì người phối ngẫu có lỗi một phải cấp dưỡng cho người kia với tính cách bồi thường;*

Chiều chi giá thú của vợ chồng Lâm-Hái và Võ-thị-Mô chưa đoạn chung, hiệu lực của hôn thú chưa chấm dứt, bên phận giúp đỡ và tương trợ còn tồn tại và Võ-thị-Mô có quyền đòi chồng phải cấp dưỡng;

Chiều chi án lệ do nguyên kháng kiện dẫn không áp dụng cho trường hợp hiện vụ vì lẽ không có bằng cứ rằng Võ-thị-Mô đã tự đặt mình vào một tình trạng trái với đạo lý; sở dĩ Võ-thị-Mô về ở nơi nhà cha mẹ ruột là do sự ưng thuận của chồng, Lâm-Hái không hề có đốc thúc Võ-thị-Mô trở về cư sở hôn nhân, nơi mà y đã sống chung với một người đàn bà khác và có con với người này;

Chiều chi tuy nhiên căn cứ vào khả năng tình trạng của Lâm-Hái và nhu cầu của Võ-thị-Mô, nên ấn định lại số tiền cấp dưỡng y phải trả cho Võ-thị-Mô là 1.000\$ một tháng thay vì 2.000\$ như tòa sơ thẩm đã phán xử;

**BỒI CÁC LỄ ẤY :** Xử công khai, đối tịch, chung thẩm, về việc dân sự, trước mặt luật sư bên nguyên kháng, ngoài sự có mặt của các đương sự;

Chấp nhận sự kháng cáo của Lâm-Yết tự là Lâm-Hái về hình thức;

Tuyên xử sự kháng cáo một phần hữu lý;

Cải sửa án văn bị kháng cáo về giá ngạch tiền cấp dưỡng, dạy Lâm-Yết tự Lâm-Hái phải cấp dưỡng cho Võ-thị-Mô mỗi tháng 1.000\$00 (một ngàn đồng) số tiền này phải trả trong năm (5) ngày đầu mỗi tháng nơi cư trú của Võ-thị-Mô;

Ra lệnh hoàn lại tiền dự phạt kháng cáo...

(P.L.T.S. 1967. I. 124)

## TÒA PHÁ ÁN

29-6-1966

SƯU TẮM PHỤ HỆ—NGƯỜI CHA ĐỘC THÂN—LUẬT GIA-ĐÌNH  
 NGÀY 2-1-1959 — ĐIỀU 101 VÀ 106 — BÀI BỎ — SẮC LUẬT 15-64  
 NGÀY 23-7-64—KHÔNG GIỚI HẠN — THIỀU CÁN BẢN PHÁP-LÝ.

Luật Gia Đình ngày 2-1-1959 mà hai điều 101 và 106 cấm sưu tầm phụ hệ trong trường hợp người cha không phải là « người cha độc thân », đã bị bãi bỏ Sắc luật 15/64 ngày 23-7-1964, sắc luật này không giới hạn việc truy tầm phụ hệ chỉ đối với người cha độc thân thôi.

Luật Gia-Đình đã mất pháp lực và không còn là một đạo luật nữa. Sự tranh luận về vấn kiện này trước Tòa Phá-Án không thành vấn đề vì thiếu căn bản pháp lý.

(Vụ Lê-thành-Phước k/ Nguyễn-thị-Ánh)

## Tòa Phá-Án . . . . .

Về phá chức duy nhất: vi phạm các điều 101 và 106 luật Gia-Đình.

Chiều chi nguyên thượng tố Lê-thành-Phước trình bày rằng: đề chống lại đơn khởi tố của Nguyễn-thị-Ánh, mẹ của Nguyễn-văn-Lộc, xin sưu tầm phụ hệ cho vị thành niên này, y đã trưng bằng có y có lập hôn thú với Lê-thị-Lộc, như vậy chấp nhận tố quyền này và xác nhận giấy liên hệ phụ tử giữa y và Nguyễn-tấn-Lộc, sanh trước ngày lập hôn thú nói trên, phúc quyết ngày 16-1-1964 của Tòa Thượng thẩm Saigon đã vi phạm hai điều 101 và 106 của Luật Gia-Đình đã cấm tố quyền sưu tầm phụ hệ trong trường hợp này vì y không phải là « người cha độc thân »;

Chiều chi hiện nay Luật Gia-Đình ngày 2-1-1959, kể cả hai điều 101 và 106 dẫn trên, đã bị bãi bỏ bởi Sắc luật 15/64 ngày 23-7-1964;

Chiều chi điều 124 Sắc luật 23-7-1964 đã không giới hạn việc truy tầm phụ hệ chỉ đối với người cha độc thân mà thôi;

Chiều chi Luật Gia-Đình đã mất pháp lực và không còn là một đạo luật nữa, sự tranh luận về vấn kiện này trước Tòa Phá-Án không thành vấn đề vì thiếu căn bản pháp lý;

BỜI CÁC LỄ ẤY: Bác đơn thượng tố ngày 4-3-1964 của Lê-thành-Phước chống phúc quyết chung thẩm ngày 16-1-1964 của Tòa Thượng Thẩm Saigon.

(P.L.T.S. 1966 IV 15)

## TÒA THƯỢNG THẨM SAIGON

6-11-1965

I.— TỬ HỆ — DỊ NGHỊ — TỒ CẦU — ĐIỀU KIỆN —

II.— QUYỀN ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI MẸ ĐƯA TRẺ BỊ DỊ NGHỊ  
VỀ TỬ HỆ — ĐIỀU KIỆN ĐỂ ĐẠI DIỆN.

III.— TỬ HỆ TƯ SINH — PHẠM VI LIÊN HỆ.

IV.— THỦ TỤC — ĐƠN PHẢN TỒ, ĐƠN CHÍNH BỊ BÁC VÌ VÔ  
HIỆU — BÁC KHƯỚC ĐƠN PHẢN TỒ.

I.— Tổ quyền dị nghị phải chống lại người đã nhìn nhận và đưa trẻ được nhìn nhận, trừ trường hợp tổ quyền do một trong những người này hành xử. Nếu đưa trẻ còn vị thành niên, thì sẽ được người đại diện pháp định thay mặt, nếu người này có quyền lợi trái nghịch với quyền lợi của đứa trẻ, thì sẽ cử một người giám hộ đặc định.

II.— Nhân sự kiện một người tự xưng là cho đứa trẻ đứng thừa nhận phụ hệ tư sinh và nếu có kẻ đệ tam khởi động tổ quyền dị nghị sự nhìn nhận thì, người mẹ đã hợp lệ đại diện đứa trẻ kẻ trên, nếu y thị là người đầu tiên thừa nhận đứa trẻ. Vì trong trường hợp này, theo luật định y thị xử hành phụ quyền và quyền giám hộ pháp định, vì trong bối cảnh đó, trên nguyên tắc, người mẹ không có quyền lợi tương phản với quyền lợi của đứa trẻ.

III.— Phạm vi gia đình của các trẻ tư sinh có thể hoạch định trên hai phương diện : phương diện của đứa trẻ và phương diện của cha mẹ nó.

Riêng về phương diện đứa trẻ, các mối dây thân thuộc chỉ ràng buộc đứa trẻ tư sinh với cha mẹ đã nhìn nhận nó. Nói khác đi, đối với người khác trong gia đình chính thức của cha mẹ nó, đứa trẻ vẫn là người xa lạ, không dây thân thuộc nào. Vì vậy nó không có quyền thừa kế hay quyền xin cấp dưỡng đối với ông bà đã sinh ra cha mẹ nó, hay đối với anh em trong gia đình chính thức của cha mẹ nó.

IV. - Khi đơn chính bị bác vì vô hiệu về hình thức hoặc vì vô thẩm quyền của tòa thụ lý nội vụ, thì đơn chính không còn là diềm tựa cho đơn phản tố nên loại tố cầu sau này cũng đương nhiên bị bác khước.

(VŨ NGUYỄN-VĂN-KÍNH)



## Tòa Thượng-Thẩm

Chiều chi do đơn khởi tố ngày 25-3-1964, Nguyễn-văn-Kính với tư cách là cha và thủ hộ pháp định của vị thành niên Nguyễn-văn-Trẫm đã kiện Trần-thị Ngọc-Huệ đề xin dị nghị sự thừa nhận con ngoại hôn Nguyễn-văn-Tân do Nguyễn-văn-Trẫm nhìn nhận;

Chiều chi tham chiếu tư cách kê trên của Nguyễn-văn-Kính, Trần-thị Ngọc-Huệ phản tố đòi Nguyễn-văn-Kính phải bồi thường thiệt hại cho y thị 200.000\$ và mỗi tháng phải cấp dưỡng cho vị thành niên Nguyễn-văn-Tân 2.000\$ cho đến năm Nguyễn-văn-Tân 21 tuổi;

Chiều chi do án ngày 6-1-1965, tòa H.G.R.Q. Bình Dương đã bác đơn khởi tố của Nguyễn-văn-Kính và phần nào chuẩn chấp đơn phản tố Trần-thị Ngọc-Huệ và dạy Nguyễn-văn-Kính với tư cách là cha vị thành niên Nguyễn-văn-Trẫm phải trả cho Trần-thị Ngọc-Huệ mỗi tháng 1.000\$ để nuôi dưỡng đứa trẻ Nguyễn-văn-Tân, cùng truyền cho thi hành tạm án văn đã tuyên;

Chiều chi một mặt, ngày 7-1-1965, Nguyễn-văn-Kính kháng cáo hợp lệ bản án trên, một mặt khác, y kháng xin được án lệnh của ông Chánh nhất bản tòa đề xin tòa phúc thẩm về khoản thi hành tạm án văn sơ thẩm;

Chiều chi hai vụ kê trên liên tiếp mang số 359/65 và 426/65 nay đều hoàn bị nên nhập chung đề cùng phán quyết trong một án văn;

Chiều chi nguyên kháng Nguyễn-văn-Kính có luật sư Nguyễn-văn-Vinh nhiệm cách kháng biện;

— Sự nhìn nhận con tự sinh của nguyên kháng là Nguyễn-văn-Trẫm nơi khai sinh của đứa trẻ Nguyễn-văn-Tân là bất hợp lệ và vô giá trị; bất hợp lệ và vô giá trị vì theo lời khai của chứng nhân Nguyễn-thị-Nam, người đã hộ sinh cho Trần-thị Ngọc-Huệ lúc Ngọc-Huệ lâm bồn, sanh ra Nguyễn-văn-Tân thì đứa trẻ sau này sanh vào tháng 1-1964 tại Phé Cường nhưng theo trích lục chứng thư khai sanh lại ghi đứa nhỏ sanh ngày 2-3-1964 tại xã Tân An, như vậy chứng thư hộ tịch đã man khai ngày tháng sanh do viên chức vô thẩm quyền thiết lập;

— đơn phản tố của bị kháng Trần-thị Ngọc-Huệ bất khả chấp nhận, vì vượt ngoài phạm vi đơn chánh tố, và lại trách nhiệm của con nguyên kháng Nguyễn-văn-Trẫm người đã cùng bị kháng cho ra đời đứa trẻ tự sinh, chưa hề được tuyên định, và ví dù trách nhiệm này có được chứng

minh thì trong địa vị làm cha, nguyên kháng không phải chịu trách nhiệm về hành động của con trai y kháng vì nguyên kháng không có lỗi nào;

Chiều chi kết lại, nguyên kháng yêu cầu tòa bác khước án văn sơ thẩm, xử lại, chuẩn chấp mọi thỉnh cầu trong đơn khởi tố ngày 25-3-64 của nguyên kháng cùng bác tất cả thỉnh cầu phản tố của Trần-thị Ngọc-Huệ;

Chiều chi Trần thị Ngọc-Huệ xin y án sơ thẩm ;

*Chiều chi tố quyền dị nghị phải chống lại người đã nhìn nhận và đưa trẻ được nhìn nhận, trừ trường hợp tố quyền do một trong những người này hành xử; nếu đưa trẻ còn vị thành niên, thì sẽ được người đại diện pháp định thay mặt, nếu người này có quyền lợi trái nghịch với quyền lợi của đưa trẻ, thì sẽ cử một người giám hộ đặc định;*

*Chiều chi tố quyền về nhân thể có tính chất trật tự công cộng và tòa có quyền đương nhiên nêu lên:*

Chiều chi trong hiện vụ người đứng đơn dị nghị sự thừa nhận con tư sinh là nguyên kháng Nguyễn-văn-Kính và người đã nhìn nhận là Nguyễn văn Trăm, con trai còn vị thành niên của Nguyễn-văn-Kính và đưa trẻ được nhìn nhận là vị thành niên Nguyễn-văn-Tân do người mẹ là bị kháng Trần thị Ngọc-Huệ đại diện.

Chiều chi nguyên kháng Nguyễn-văn-Kính, với tư cách kẻ đệ tam trong sự nhìn nhận con tư sinh tương tranh, đã vi phạm nghiêm trọng nguyên tắc căn bản chi phối tố quyền dị nghị vì một mặt y kháng đã không khởi tố người đã nhìn nhận Nguyễn-văn-Trăm, và mặc dầu Nguyễn-văn-Trăm là con, còn vị thành niên của nguyên kháng nhưng trong hiện trạng vì có quyền lợi tương phản với nguyên kháng thì phải có người giám hộ đặc định và một mặt khác, nguyên kháng cũng không khởi tố đưa trẻ được nhìn nhận là Nguyễn-văn-Tân;

Chiều chi đành rằng theo án lệ cố định và luật lý hiện đại, nhận sự kiện một người tự xưng là cha đưa trẻ đứng thừa nhận phụ hệ tư sinh và nếu có kẻ đệ tam khởi động tố quyền dị nghị sự nhìn nhận, thì người mẹ đã hợp lệ đại diện đưa trẻ kể trên, nếu y thị là người đầu tiên thừa nhận đưa trẻ; vì trong trường hợp này, theo luật định y thị xử hành phụ quyền và quyền giám hộ pháp định, vì trong bối cảnh đó, trên nguyên tắc, người mẹ không có quyền lợi tương phản với quyền lợi của đưa trẻ ;

Nhưng chiều chi trong hiện vụ, một mặt, trong đơn khởi tố ngày

25-3-1964, nguyên kháng không hề đứng kiện đứa trẻ được nhìn nhận mà trực tố riêng Trần-thị Ngọc-Huệ:

Chiều chi như trên tố quyền di nghị sự nhìn nhận con tư sinh do nguyên kháng khởi động là bất hợp thức nghĩ nên bác đơn về hình thức mà khỏi cần xét đến nội dung;

Chiều chi một khi đơn chính bị bác vì vô hiệu về hình thức hoặc vì vô thẩm quyền của tòa thụ lý nội vụ thì đơn chính không còn là điểm tựa cho đơn phản tố nên loại tố cầu sau này cũng đương nhiên bị bác khước;

Chiều chi vì dù trong trường hợp giả định là đơn phản tố kê trên của bị kháng có được chuẩn chấp về hình thức thì về nội dung đơn này cũng không xác đáng;

Chiều chi phạm vi gia đình của các trẻ tư sinh có thể hoạch định trên hai phương diện; phương diện của đứa trẻ và phương diện của cha mẹ nó;

*Chiều chi riêng về phương diện đứa trẻ, các mối dây thân thuộc chỉ ràng buộc đứa trẻ tư sinh với cha mẹ đã nhìn nhận nó, nói khác đi, đối với người khác trong gia đình chính thức của cha mẹ đứa trẻ vẫn là một người xa lạ, không dây thân thuộc nào, vì vậy nó không thể có quyền thừa kế hay quyền xin cấp dưỡng đối với ông bà đã sinh ra cha mẹ nó, hay đối với anh em trong gia đình chính thức của cha mẹ nó;*

**BỜİ CÁC LỄ ẤY**; Truyền nhập chung hai vụ số 359/64 và vụ số 426/65.

Chuẩn chấp sự kháng cáo của Nguyễn-văn-Kính về hình thức:

Phán sự kháng cáo phần nào hợp lý;

Bác khước án văn ngày 6-1-1965 của tòa H.G.R.Q. Bình-Dương và xử lại.

Bác đơn khởi tố ngày 23-3-1964 của Nguyễn-thị-Kính về hình thức vì bất hợp thức mà khỏi cần thẩm xét về nội dung và cũng bác luôn đơn phản tố của Trần-thị Ngọc-Huệ;

(P.L.T.S. 1965. IV. 98)

## TÒA PHÁ ÁN

27-1-1965

- I.— TỬ HỆ — CON TƯ SINH — NHÌN NHẬN — TRƯỚC KHI LẬP  
GIÁ THỦ - CÓ GIÁ TRỊ
- II.— TỬ HỆ — CON TƯ SINH — NHÌN NHẬN BAO THAI — CÓ  
GIÁ TRỊ.

*I.— Đứa trẻ được cha nhìn nhận khi cha nó còn độc thân sự  
nhìn nhận có giá trị, mặc dầu sau này cha nó lập giá thủ với một người  
đàn bà khác hơn là mẹ nó.*

*II.— Sự nhìn nhận con khi đứa trẻ còn là bào thai có giá trị.*

(NGUYỄN-TẤN-Y)

Tòa Phá Án . . . . .

*Về phương thức thứ nhất.—* Chiều chi nguyên thượng tố trình bày rằng án bị thượng tố đã vi phạm điều 99 và 102 Bộ luật Gia đình ngày 2-1-1959 vì án ấy đã xác nhận đứa trẻ Lê-văn-Xem là con nhìn nhận của nguyên thượng tố và dạy sửa họ đứa trẻ theo họ của nguyên thượng tố trong lúc nguyên thượng tố có vợ chính thức;

Nhưng chiều chi không hề có sự vi phạm các điều luật nêu trên;

Chiều chi nguyên thượng tố không chối cãi rằng lúc y lập tờ tự thuận ngày 29-1-1958, khi đứa trẻ Lê-văn-Xem được thọ thai 6 tháng do sự ăn ở giữa y và Lê-thị-Ba, y còn độc thân và chỉ cưới vợ với người khác sau khi Lê-thị-Ba sanh đứa trẻ;

Chiều chi án bị thượng tố đã hợp lý phán rằng tờ tự thuận lập ngày 29-1-1958 là một tờ nhìn nhận con tư sinh hữu hiệu theo đó Nguyễn-tấn-Y cùng Lê-thị-Ba đã nhìn nhận đứa trẻ mà Lê-thị-Ba đang thọ thai là con ngoại hôn của hai người;

Chiều chi như vậy đứa trẻ Lê-văn-Xem được Nguyễn-tấn-Y nhìn nhận do tờ tự thuận được các hương chức thị thực lập ngày 29-1-1958 không phải là con phạm gian của y vì lúc bấy giờ y đang còn độc thân và không phải là con loạn luân vì không có điều gì chứng tỏ việc này và Nguyễn-tấn-Y cũng không tranh luận về việc này; do đó sự nhìn nhận đứa trẻ Lê-văn-Xem không trái với điều 99 và 102 Luật Gia đình, áp dụng cho trường hợp con ngoại hôn do sự phạm gian hay sự loạn luân;

Về phương thức thứ hai. — Chiều chi nguyên thượng tố trình bày rằng theo sắc lệnh ngày 3-10-1883 tiết thứ VII con ngoại hôn có thể được nhìn nhận trong lúc khai sanh đứa trẻ, hoặc do một sự nhìn nhận riêng biệt; phải hiểu sự nhìn nhận riêng biệt này chỉ có thể làm sau khi đứa trẻ đã sanh, bằng cơ là điều 165 Bộ dân luật Bắc Phần hay Bộ dân luật Trung Phần, điều 98 Bộ luật Gia-đình ngày 2-1-1959 có nói rõ như thế; án bị thượng tố đã phán rằng sự nhìn nhận đứa trẻ Lê-văn-Xem do tờ tự thuận lập ngày 29-1-1958, trước khi đứa trẻ sanh, là hữu hiệu, tức là đã xử vi phạm các điều luật nêu trên;

Nhưng chiều chi trái với lập luận của nguyên thượng tố nên hiểu các điều khoản của Sắc lệnh ngày 3-10-1883 tiết thứ VII về sự nhìn nhận con ngoại hôn một cách rộng rãi hơn và chấp nhận sự nhìn nhận con ngoại hôn trước khi đứa trẻ sanh; nhất là có nhiều trường hợp như trường hợp của hiện vụ người cha hay người mẹ có lý do chánh đáng để nhìn nhận liền đứa trẻ đang thọ thai và khỏi phải đợi đến lúc đi khai sanh cho đứa trẻ;

Chiều chi hơn nữa các điều khoản thượng dẫn của Sắc lệnh ngày 3-10-1883 nói rằng người cha hay người mẹ có thể, ngoài tờ khai sanh đứa trẻ, khai nhìn nhận đứa trẻ trong một công chính chứng thư; vậy có thể hiểu sự nhìn nhận này có thể làm trước hay sau khi đứa trẻ sanh; còn điều 165 Bộ dân luật Bắc Phần hay Bộ dân luật Trung Phần, điều 98 Bộ luật Gia-đình chỉ nói rằng tự nhìn nhận con ngoại hôn, nếu không có làm lúc khai sanh cho đứa trẻ, có thể làm sau khi đã khai sanh cho đứa trẻ, chứ không có cấm chỉ sự nhìn nhận con ngoại hôn trước khi đứa trẻ sanh.

Chiều chi như vậy án bị thượng tố không có vi phạm các điều khoản nêu trên của Sắc lệnh ngày 3-10-1883;

**BỜİ CÁC LẺ ẤY :** Bác đơn thượng tố của Nguyễn-tấn-Y chống phúc quyết số 29 ngày 18-5-1961 của tòa Thượng thẩm Saigon .

( P.L.T.S. 1965. III. 9 )

## TÒA THƯỢNG THẨM SAIGON

5-11-1964

SỰ THỪA NHẬN CON NGOẠI HÔN — TRƯỜNG HỢP CHỈ RIÊNG NGƯỜI CHA HAY NGƯỜI MẸ THỪA NHẬN — HIỆU LỰC CỦA SỰ THỪA NHẬN.

Theo điều 119 Sắc luật số 15/64 ngày 23-7-1964 qui định giá thù,

từ hệ và tài sản cộng đồng, thì sự thừa nhận con ngoại hôn do người cha hay người mẹ chỉ có hiệu lực riêng đối với người ấy. Tuy nhiên, nếu khi người cha thừa nhận có khai tên người mẹ mà sau này đã mặc nhiên hay công nhiên thú nhận đứa trẻ là con mình, chứng thư thừa nhận sẽ có hiệu lực với cả người mẹ.

(Vụ TRỊNH-VĂN-HỨA)

### Tòa Thượng Thẩm . . . . .

Chiếu chỉ do đơn khởi tố ngày 14-3-1963, Hứa-lệ-Hoa tức Trần thị-Lự trình rằng y có kết hôn với Trịnh-thành-Hứa theo phong tục người Trung-Hoa, nhưng không có lập tờ giá thú, hai vợ chồng ăn ở với nhau sanh được một đứa con tên Trịnh-thành-Công ngày 24-5-1958, vì Trịnh-thành-Hứa đánh đập và xua đuổi nguyên đơn nên y thị phải đem con về ở với cha mẹ ruột. Trịnh-thành-Hứa không hề ngó ngàng tới, vì vậy, nguyên đơn thỉnh cầu Tòa dạy Trịnh-thành-Hứa phải cấp dưỡng cho y thị mỗi tháng 4.000đ để nuôi con.

Chiếu chỉ Trịnh-thành-Hứa, do luật sư Nguyễn-dinh-Thúy biện hộ, chống cãi rằng y không hề đánh đập hay xua đuổi nguyên đơn mà chính nguyên đơn đã tự ý bỏ nhà ra đi, nếu cần bị đơn xin Tòa cho điều tra về khoản này. Về đứa con chung Trịnh-thành-Công bị đơn nhìn nhận nó và xin được đem về nuôi, và nếu phải cấp dưỡng bị đơn chỉ có thể trả mỗi tháng 300đ.

Chiếu chỉ do án ngày 10-9-1963, Tòa sơ thẩm Định-Tường dạy Trịnh-thành-Hứa phải cấp dưỡng cho con y, Trịnh-thành-Công sanh ngày 24-5-1958, mỗi tháng 900đ kể từ ngày khởi tố (14-3-1963) cho đến ngày đứa trẻ được 18 tuổi (24-5-1976); phán rằng số tiền cấp dưỡng phải trả trước trong 5 ngày mỗi đầu tháng.

Chiếu chỉ được cáo tri ngày 13-9-1963, Trịnh-thành-Hứa tức Trịnh-văn-Hứa kháng cáo hợp lệ ngày 9-10-1963 và trước tòa thượng thẩm, do luật sư Phan-tấn-Chức biện hộ, giữ y các lý lẽ cũ và thêm rằng chỉ có một mình y nhìn nhận đứa con ngoại hôn, còn mẹ nó không khai nhận để kết luận xin Tòa hủy án sơ thẩm, xử lại, truyền giao Trịnh-thành-Công cho nguyên kháng nuôi dưỡng, bác đơn xin cấp dưỡng của Hứa-lệ-Hoa, phụ lý xin Tòa ấn định lại số tiền cấp dưỡng là 300đ một tháng thay vì 900đ.

Chiếu chỉ Hứa-lệ-Hoa do luật sư Lê-văn-Mào biện-hộ, kháng nại rằng trong khai sanh của Trịnh-thành-Công có ghi Hứa-lệ-Hoa là mẹ đứa

trẻ, dấu sao trước tòa thượng thẩm, Hứa-lệ-Hoa xin khai nhận là mẹ đẻ trẻ, y thị xin Tòa ghi nhận việc này; Trịnh-thành-Hứa không doái hoài tới vợ con từ 5 năm nay, đứa con chung còn nhỏ tuổi cần có sự săn sóc của mẹ nó; kết luận, bị kháng xin Tòa y án sơ thẩm về nguyên tắc, nhưng kháng cáo phụ đới xin tăng số tiền cấp dưỡng lên 4000đ mỗi tháng.

*Chiều chi theo điều 119 Sắc luật 15-64 ngày 23-7-64 quy định giá thú, tử hệ và tài sản cộng đồng, thì sự thừa nhận con ngoại hôn do người cha hay người mẹ chỉ có hiệu lực riêng đối với người ấy, tuy nhiên, nếu khi cha mẹ thừa nhận có khai tên người mẹ mà sau này đã mặc nhiên hay công nhiên thú nhận đứa trẻ là con mình, chứng thư thừa nhận sẽ có hiệu lực với cả người mẹ;*

Chiều chi trích lục khai sanh của Trịnh thành-Công có ghi tên người mẹ là Hứa-lệ-Hoa và ghi chú lời khai nhận của Trịnh-thành-Hứa bằng lòng nhìn nhận đứa trẻ là con tư sinh của y và Hứa-lệ-Hoa;

Chiều chi sau này, Hứa-lệ-Hoa luôn luôn nhìn nhận Trịnh-thành-Công là con của y thị;

Chiều chi như vậy sự nhìn nhận con ngoại hôn có hiệu lực đối với cả cha lẫn mẹ đẻ trẻ;

Chiều chi không có sự chối cãi rằng Trịnh-thành-Công, con tư sinh được mẹ nó nuôi dưỡng từ khi mới ra đời, cha nó không hề doái hoài tới, đứa trẻ còn nhỏ tuổi, cần sự săn sóc của người mẹ, nghĩ nên bác thỉnh cầu của Trịnh-thành-Hứa xin được nuôi dưỡng đứa con chung.

Chiều chi Trịnh-thành-Hứa có bốn phận phải cấp dưỡng cho con y và Hứa-lệ-Hoa cũng phải góp phần vào việc nuôi dưỡng đứa con chung;

Chiều chi số tiền cấp dưỡng do Tòa sơ thẩm ấn định xét ra tương xứng với khả năng của Trịnh-thành-Hứa và nhu cầu của Hứa-lệ-Hoa, nghĩ nên chuẩn y án văn bị kháng cáo;

**BỜY CÁC LỄ ẤY :** Xứ công khai, đối tịch, chung thẩm, về việc dân sự trước mặt luật sư đối bên, ngoài sự có mặt của các đương sự.

*Về hình thức.*— Chấp nhận sự kháng cáo chính của Trịnh-văn-Hứa và kháng cáo phụ đới của Hứa-lệ-Hoa tức Trần thị Lự;

*Về nội dung.*— Tuyên xử cả hai sự kháng cáo vô căn cứ và bác bỏ.

Chuẩn y án văn ngày 10-9-1963 của tòa sơ thẩm Định-Tường nhưng minh định rằng số tiền cấp dưỡng phải trả trong 5 ngày đầu mỗi tháng tại nhà Hứa-thị-Hoa tự Trần thị-Lự.

Ra lệnh tịch thu tiền dự phạt kháng cáo.

( P.L.T.S. 1965. III, 66 )

## TÒA THƯỢNG THẨM SAIGON

15-10-1964

— LY HÔN — LUẬT ÁP DỤNG.

— SẮC LUẬT SỐ 15/64 NGÀY 23-7-1964 — ĐIỀU 63.

— LÝ DO LY HÔN — SỰ NGOẠI TÌNH CỦA NGƯỜI CHỒNG.

*Luật lệ qui định sự ly hôn có hiệu lực tức thời, vậy dù hai người phối ngẫu đã kết hôn dưới chế độ cũ, điều luật phải áp dụng để xét đơn xin ly hôn của đôi bên là điều 63 Sắc luật số 15/64 ngày 23-7-1964*

*Theo điều 63 Sắc luật trên đây, vợ hay chồng có thể xin ly hôn vì sự ngoại tình của người phối ngẫu, vì sự ngược đãi, bạo hành hay nhục mạ có tính cách thậm tử và thường xuyên làm cho vợ chồng không thể sống chung với nhau được nữa.*

*Tuy vào ngày khởi tố sự ngoại tình của người chồng, theo án lệ đang áp dụng, không được chấp nhận là một nguyên do để người vợ xin ly hôn, nhưng nay theo trào lưu tiến hóa xã hội, người đàn bà đã được đặt ngang hàng với người đàn ông do Sắc luật số 15/64 ngày 23-7-1964, sau ngày ban hành Sắc luật này, sự ngoại tình của người chồng đang tiếp diễn, đã trở nên bất hợp pháp và thành tựu một nguyên do để người hôn phối xin ly hôn chiếu điều 63 Sắc luật nói trên.*

( VỢ LÊ-THỊ-GIẤY )

**Tòa Thượng Thẩm . . . . .**

Chiếu chỉ do án đối tịch đề ngày 12-5-1958, Tòa Sơ Thẩm Saigon sau khi truyền nhập chung hai vụ kiện số 1228-A/1955 và 1231-A/1955, đã:

1.— Tuyên cáo ly dị giữa vợ chồng Phan-văn-Dết và Lê-thị-Giấy, lỗi cả hai bên;

2.— Truyền giao 5 đứa con chung cho Lê-thị-Giấy nuôi giữ, dạy Phan-văn-Dết phải cấp dưỡng cho 5 đứa con mỗi tháng 1.500đ, số tiền này phải trả nơi tay Lê-thị-Giấy trong 5 ngày đầu tháng.



3.— Truyền đăng ký bản án này vào sổ hôn thú đương niên làng Tân-thạnh-Đông (Gia-Định) và lược biên án ấy vào lẽ tờ hôn thú số 6 ngày 11-9-1948 lưu trữ tại làng và tại Phòng Lục sự Tòa sở tại.

Chiếu chi Tòa viện lẽ rằng 2 đàng đều có phạm lỗi; Phan-văn-Dết có nhiều nhân tình trong đó có Đặng-thị-Sáu và Từ-thị-Hương, và đã có con với hai thị này; về phần Lê-thị-Giây, thị này đã phạm lỗi bỏ nhà chồng ra đi, và theo lời khai của nhiều nhân chứng trong vi bằng công chứng ngày 6-10-1955 thì thị có ngủ chung với một người đàn ông tên là Huỳnh văn-Giang, sự kiện này là một sự "nhục mạ" chồng;

Chiếu chi ngày 14-7-1958, 3 ngày sau khi nhận tổng đạt án văn, Lê-thị-Giây đã kháng cáo hợp lệ tại Phòng Lục sự Tòa Sơ Thâm Saigon;

Chiếu chi trước Tòa Thượng Thâm nội vụ đã đưa vào sổ đăng đường chung trong suốt khoản thời gian áp dụng Luật Gia-dinh ngày 2-1-1959;

Chiếu chi Lê-thị-Giây trước Tòa Thượng Thâm trình bày rằng thị không có ngoại tình, vi bằng công chứng ngày 6-10-1955 của thừa phát lại Cao-văn-Tại đã thành lập ngoài một cuộc điều tra tiên thăm nên vô giá trị, thị cũng không có bỏ cư trú hôn nhân, thừa phát lại đã gặp thị tại nhà cha mẹ thị, trong lúc thị vừa về thăm nhà; trong khi đó Phan-văn-Dết đã phạm lỗi, lấy nhiều nhân tình có con riêng với những người này, kết luận Lê-thị-Giây xin Tòa chuẩn y án văn sơ thăm về khoản tuyên cáo ly dị và giao 5 đứa con cho thị giữ nhưng cải xử một phần án văn ấy:

— Xác nhận lỗi hoàn toàn về phần Phan-văn-Dết;

— Gia tăng tiền cấp dưỡng lên 5.000đ mỗi tháng;

Chiếu chi tuy Phan-văn-Dết tuy không phủ nhận đã có con riêng với 2 nhân tình nhưng chủ trương rằng theo án lệ áp dụng trước Tòa Việt-Nam sự ngoại tình của người chồng không phải là một nguyên nhân ly dị; Lê-thị-Giây đã phạm lỗi tư tình với Huỳnh văn-Giang, đã chưởi bới thậm tệ chồng, kết luận Phan-văn-Dết kháng cáo phụ đới xin tòa chuẩn y án văn sơ thăm về khoản tuyên cáo ly dị nhưng xác nhận lỗi hoàn toàn về phần Lê-thị-Giây; tuyên xử mỗi tháng y chi phải cấp dưỡng cho 4 đứa con còn sống 1.000đ, vì đứa con nhỏ nhất, tên Tốt, đã chết.

Về luật pháp áp dụng.— Chiếu chi Phan-văn-Dết và Lê-thị-Giây đã kết hôn ngày 11-9-1948 tại làng Tân-thạnh-Đông theo chế độ cũ trước ngày ban hành luật gia đình ngày 2-1-1959, và sắc luật số 15/1964 ngày 23-7-1964 qui định giá thú từ hệ và tài sản cộng đồng;

Chiếu chi theo học thuyết và án lệ cố định, những luật lệ qui định

sự ly dị có hiệu lực tức thời, vậy trong hiện vụ dù Phan-văn-Dết và Lê-thị Giây đã kết hôn dưới chế độ cũ điều luật phát áp dụng để xét đơn xin ly dị của đôi bên là điều 63 sắc luật số 15-1964 ngày 23 tháng 7 năm 1964.

Chiếu chi theo điều 63 sắc luật trên đây, vợ hay chồng có thể xin ly hôn vì sự ngoại tình của người phối ngẫu, vì sự ngược đãi bạo hành hay nhục mạ có tính cách thậm tử và thường xuyên làm cho vợ chồng không thể sống chung với nhau được nữa;

Về các sự kiện do hai bên viện dẫn. — Chiếu chi đề xin Tòa tuyên cáo ly dị lỗi về phần Lê-thị-Giây, Phan-văn-Dết trong đơn khởi tố đã nại dẫn hai sự kiện :

- Lê-thị-Giây đã ngoại tình;
- Lê-thị-Giây đã chưởi mắng thậm tệ chồng và cha mẹ chồng;

Chiếu chi về việc chưởi mắng, Phan-văn-Dết không xuất trình được bằng cứ nào; về sự ngoại tình của Lê-thị-Giây, y có đệ nạp vào hồ sơ tờ vi bằng công chứng ngày 6-10-1955 của thừa phát lại Cao-văn-Lại.

Chiếu chi, trái với lập luận của Lê-thị-Giây, tờ vi bằng công chứng trên đây đã thành lập với sự cho phép của Chánh Án Tòa Sơ thẩm Saigon bằng án lệnh phê đơn, hợp lệ, có thể làm tài liệu xét đoán.

Chiếu chi theo lời khai phù hợp của các nhân chứng Nguyễn-thị-Năng, Bùi văn An, Phan văn Dê, Phan thị Tươi ghi trong vi bằng công chứng thì trong vòng tháng 9 và tháng 10 năm 1955 Lê thị Giây và Huỳnh văn Giang đã có lần đưa nhau đến tá túc tại nhà của Nguyễn thị Năng và Bùi văn An, ban đêm Lê thị Giây và Huỳnh văn Giang ngủ chung một giường;

Chiếu chi sự kiện này thành tựu sự ngoại tình theo ý nghĩa của điều 63 của sắc luật 15/1964 và là nguyên do chánh đáng để Phan văn Dết xin ly dị.

Chiếu chi về phần Phan-văn-Dết, y không phủ nhận đã tư tình với Đặng-thị-Sầu và Từ-thị-Hương và đã có con cái, được y nhìn nhận, với 2 người, tình trạng ngoại hôn này còn đang tiếp diễn.

Chiếu chi tuy vào ngày khởi tố sự ngoại tình của Phan-văn-Dết theo án lệ đang áp dụng, không được chấp nhận là một nguyên do để người vợ xin ly dị, nhưng nay theo trào lưu tiến hóa xã hội, người đàn bà đã được đặt ngang hàng với người đàn ông do sắc luật số 15-1964 ngày 23-7-1964; sau ngày ban hành sắc luật này, sự ngoại tình của Phan-văn-Dết, đang tiếp diễn, đã trở nên bất hợp pháp và thành tựu một nguyên

do đề người hôn phối xin ly dị chiếu điều 63 sắc luật 15-1964.

Chiếu chi kết lại Lê-thị-Giây và Phan-văn-Dết đều đã phạm lỗi ngoại tình, Tòa Sơ Thâm đã xử đúng lý khi tuyên cáo ly dị lỗi cả đôi bên.

Về sự cấp dưỡng cho con chung.— Chiếu chi không có sự phủ nhận rằng Lê-thị-Giây đang giữ mấy đứa con chung;

Chiếu chi Phan-văn-Dết quả quyết rằng đứa con nhỏ nhất tên là Tốt đã chết, Lê-thị-Giây không phản đối, vậy thị chỉ còn nuôi giữ 4 đứa;

Chiếu chi số tiền cấp dưỡng 1.500\$500 cho 4 đứa con còn sống do Tòa Sơ-Thâm ấn định xét ra vừa phải;

**BỒI CÁC LÉ ẤY :** Xử công khai, đối tịch, chung thẩm, về việc dân sự, trước mặt luật sư hai bên, ngoài sự có mặt của các đương sự.

Chấp nhận sự kháng cáo chánh của Lê-thị-Giây và sự kháng cáo phụ đới của Phan-văn-Dết về hình thức.

Tuyên xử cả hai kháng cáo đều vô căn cứ và bác bỏ.

Chuẩn y án ngày 12-5-1958 của Tòa Sơ Thâm Saigon đề chấp hành y theo hình thức và nội dung án văn ấy;

Ra lệnh tịch thu tiền dự phạt kháng cáo...

(P.L.T.S. 1965-1-132)

## TÒA THƯỢNG THẨM SAIGON

12-3-1966

- I.— TRANH CHẤP LUẬT PHÁP TRONG THỜI GIAN — LUẬT CŨ — LUẬT MỚI — ÁP DỤNG TỨC THỜI — BIỆT LỆ.
- II.— LY HÔN — LÝ DO LY HÔN — ĐIỀU 63 k.3 — SẮC LUẬT SỐ 15/64 — ÁP DỤNG TỨC THỜI.
- III.— LY HÔN — ĐƠN CHÍNH — LY THÂN — ĐƠN PHẢN TỐ CÙNG CÓ LÝ DO — ĐẾU CHẤP NHẬN.

Về sự tranh chấp luật pháp trong thời gian nguyên tắc là tất cả các tình trạng pháp lý đều chịu sự chi phối của luật mới, kể từ khi luật này được ban hành, bất luận tình trạng pháp lý ấy đương kết thành hay đương chấm dứt, hoặc đương phát sinh hiệu lực, miễn là không được xâm hại đến quyền ký đắc.

Đôi bên phối ngẫu, trước ngày khởi tụng, không có quyền ký đắc nào về vụ ly hôn đối với luật lệ hiện hành lúc đó chi phối; do đó không có sự cản trở nào về sự áp dụng luật mới

Vì vậy đơn xin ly hôn căn cứ vào lý do người phối ngẫu kia đã ngược đãi, hành khắc hay mạ lỵ thậm tệ ông bà cha mẹ của mình theo điều 119 k.1 DLT không hợp với điều 63 sắc luật số 15-64, vì điều này dự liệu lý do khác.

Nhưng theo nền văn minh riêng biệt của ta cùng quan niệm gia đình là nền tảng xã hội và mặc dầu gặp thời suy đồi của đạo đức, đồi thay của tập tục, tình gia đình — đại gia đình — còn nặng, chữ hiếu còn trọng, nên sự thê một người phối ngẫu không ngót ngược đãi, hành khắc hay mạ lỵ thậm tệ ông bà cha mẹ của người kia khiến cho người phối ngẫu này không thể nào chu toàn đạo hiếu thì sự thê trên đã cấu thành sự nhục mạ có tính cách thậm tệ và thường xuyên làm vợ chồng không thể sống chung với nhau được nữa như quy định nơi điều 63 khoản 3 sắc luật 15-64 ngày 23-7-1964.

Trong trường hợp đơn chính xin ly hôn và đơn phản tố xin ly thân và nếu hai đơn đều xác đáng, thì, để tránh cho người phối ngẫu bị ly hôn lỗi và mình khỏi chịu mọi di hại về quyền lợi hôn sản cùng gìn giữ con cái, tòa cần tuyên bố ly hôn lỗi về người phối ngẫu này và ly thân lỗi về người phối ngẫu kia.

(Vụ BÙI THỊ BÊ)

## Tòa Thượng Thẩm.

Chiếu chỉ viện lễ Bùi-thị-Bê đã bạo hành, ngược đãi chưởi rủa thậm từ cha mẹ chồng cùng tham chiếu điều 119 khoản 1 dân luật Trung Việt, tòa H.G.R.Q. Dalat ngày 8-1-1959 đã tuyên bố ly hôn giữa vợ chồng Hồ-văn-Ân và Bùi-thị-Bê lỗi hoàn toàn về người vợ, truyền giao đứa con chung là Hồ-sĩ-Phong cho Bùi-thị-Bê trông nom, dạy Hồ-văn-Ân phải cấp dưỡng cho Hồ-sĩ-Phong mỗi tháng 1.000\$:

Chiếu chỉ ngày 15-1-1959 Bùi-thị-Bê kháng cáo hợp lệ và kháng biện :

— Hồ-văn-Ân nơi đơn khởi tố ngày 15-11-1957 xin ly hôn vì lý do nguyên kháng không chịu trở về Dalat chung sống với y, lại đem con về Huế nhưng nguyên kháng đã chứng minh bằng thư từ Hồ-văn-Ân gửi cho y thị, sự thê y thị ở lại cùng con tại Huế do lời yêu cầu của Hồ-văn-Ân vì Ân hứa sẽ xin dời ra Huế;

— Không dựa vào lý do trên, án văn sơ thẩm theo lời yêu cầu của Hồ-văn-Ân đã cho mở cuộc điều tra về sự cư xử của y thị đối với cha mẹ chồng và bị kháng đã dựng đứng sự kiện với sự toa rập của thân nhân nhà chồng;

— Sự thực giữa nguyên kháng và gia đình nhà chồng có sự bất hòa, nội vụ đã được đưa ra cơ quan hiến binh Dalat, nơi đây Hồ-văn-Ân thuận cho nguyên kháng được ở riêng cùng đứa con chung, được cấp vốn 10.000đ cùng cấp dưỡng hàng tháng 1.000đ, nhưng vì có sự xúi dục của cha mẹ chồng cùng chị em chồng, Hồ-văn-Ân đã không chu cấp cho nguyên kháng còn hành hạ, đánh đập nguyên kháng làm sưng da đầu; thái dương bên phải và trái, sưng bàn tay như chứng chỉ ngày 30-9-1956 của y sĩ xác nhận :

Chiếu chỉ kết lại, nguyên kháng yêu cầu tòa hủy án sơ thẩm, xử lại, bác đơn xin ly hôn của Hồ-văn-Ân, tuyên bố ly thân giữa Bùi-thị-Bê và Hồ-văn-Ân, lỗi hoàn toàn về Hồ-văn-Ân, dạy trao cho Bùi-thị-Bê nuôi dưỡng đứa con chung là Hồ-sĩ-Phong, dạy Hồ-văn-Ân phải cấp hàng tháng cho y thị và đứa con chung 4.000đ;

Chiếu chỉ bị kháng Hồ-văn-Ân kháng nại ;

— Nơi đơn khởi tố ngày 15-11-1957, bị kháng xin ly hôn với lý do chính vì nguyên kháng hỗn xược đối với cha mẹ bị kháng;

— Đề sáng soi về diềm này, tòa sơ thẩm đã hữu lý cho mở cuộc điều tra đề nghe các thân nhân của bị kháng; các người sau này trong thủ tục ly hôn đều có thể hợp lệ đứng làm chứng về các sự kiện do đôi bên phối ngẫu dẫn nại;

— Theo biên bản điều tra, nguyên kháng quả đã hỗn xược với cha mẹ chồng : dăng co với hai thân của bị kháng; các người sau này trong thủ tục ly hôn đều có thể hợp lệ đứng làm chứng về các sự kiện do đôi bên phối ngẫu dẫn nại;

— Theo biên bản điều tra, nguyên kháng quả đã hỗn xược với cha mẹ chồng : dăng co với hai thân của bị kháng, cắn xé hai người này cùng xung mày tao với cả mẹ chồng;

Chiếu chỉ kết lại, bị kháng Hồ-văn-Ân xin tòa xử y án sơ thẩm về khoản ly hôn lỗi về người vợ và về khoản bác đơn phản tố của y thị; cải xử về khoản giữ con, cho phép Hồ-văn-Ân được nuôi dưỡng đứa nhỏ Hồ-sĩ-Phong;

Chiếu chỉ hiện vụ được xét xử cấp sơ thẩm tham chiếu điều 119 khoản 1 luật Trung, và chỉ sau khi sắc luật số 15/64 ngày 23-7-1964 (bãi bỏ luật ngày 2-1-1959) qui định giá thú, tử hệ và tài sản cộng đồng được ban hành, nội vụ được đăng đường trước tòa phúc thẩm (nguyên kháng vào thời gian này mới chịu trước bạ án văn sơ thẩm) nên tiên tường cần phân định luật pháp áp dụng;

*Chiếu chỉ về sự tranh chấp luật pháp trong thời gian, nguyên tắc là, tất cả các tình trạng pháp lý đều chịu sự chi phối của luật mới, kể từ khi luật này được ban hành, bất luận tình trạng pháp lý ấy đương kết thành hay đương chấm dứt, hoặc đương phát sinh hiệu lực, miễn là không được xâm hại đến quyền kỷ đặc;*

Chiếu chỉ quy lệ này không hề đi ngược lại nguyên tắc bất hồi hiệu luật pháp như định trong điều 2 D.L.G.Y. cùng điều 3 D.L.B. và D.L.T., vì quy lệ ấy không xâm phạm tới những tình trạng pháp lý đã cấu thành hoặc đã chấm dứt trước khi ban hành luật mới; qui lệ ấy cũng không xâm phạm vào những yếu tố đã có từ trước và cần thiết cho sự cấu thành hay sự chấm dứt một tình trạng pháp lý;

Chiếu chỉ trong hiện vụ, vợ chồng Hồ-văn-Ân, Bùi-thị-Bê, trước ngày khởi tụng, không có quyền kỷ đặc nào về vụ ly hôn của họ, vẫn được luật lệ hiện hành lúc đó chi phối và hơn nữa án văn ly hôn với đối tượng bên cải tình trạng nhân thân, tức có tác dụng tạo thành một tình trạng mới, tình trạng vẫn ở trạng thái đương kết thành cho đến ngày có án văn chung quyết, và cho đến ngày có phán quyết nhất định, vợ chồng Hồ-văn-Ân, Bùi-thị-Bê không có quyền kỷ đặc nào để cản trở sự áp dụng tức thời và trong khi đương cứu luật mới;

Chiếu chỉ theo điều 63 sắc luật 15/64, sự thề một người phối ngẫu đã ngược đãi, hành khắc hay mạ lỵ thậm tệ ông bà cha mẹ của người kia, không còn là lý do ly hôn như điều 119 khoản 1 D.L.T. trước đây dự liệu;

Nhưng chiếu chỉ theo nền văn minh riêng biệt của ta cùng quan niệm gia đình là nền tảng xã hội và mặc dầu gặp thời suy đồi của đạo đức, đồi thay của tập tục, tình gia đình (đại gia đình) còn nặng, chữ hiếu còn trọng nên sự thề một người phối ngẫu không ngót ngược đãi, hành khắc hay mạ lỵ thậm tệ ông bà cha mẹ của người kia khiến cho người phối ngẫu này không thề nào chu toàn đạo hiếu, thì sự thề trên đã cấu thành sự nhục mạ có tính cách thậm tử và thường xuyên làm cho vợ chồng không thề sống chung với nhau được nữa như qui định trong điều 63 khoản 3 sắc luật số 15/64 ngày 23-7-1964;

Chiều chi theo cuộc điều tra trước tòa sơ thẩm thì Nguyễn-thị-Tâm, Hồ-văn-Cổ, Hồ-thị-Vui và Hồ-thị-Tuyết, mẹ, bố và chị em ruột của Hồ-văn-Ân đồng xác nhận cách đó hai năm, không nhớ ngày tháng, vào hồi 8 giờ tối, trong khi mẹ chồng của Bùi-thị-Bê bằng đứa con của Hồ-văn-Ân, Bùi-thị-Bê xông vào giật đứa nhỏ, xưng tao với mẹ chồng và đồng thời chụp áo mẹ chồng;

Chiều chi cử chỉ thái độ cùng hành vi kẻ trên của Bùi-thị-Bê quả đã tạo thành lý do dự liệu trong điều 63 khoản 3 sắc luật 15/64 về Hồ-văn-Ân có thể xin ly hôn lỗi về phần y thị;

Chiều chi Bùi-thị-Bê không hữu lý phủ nhận các lời chứng nhân do Hồ-văn-Ân dẫn nại riêng dựa vào liên hệ thân thuộc với người phối ngẫu kia; vì các dữ kiện làm căn bản cho đơn xin ly hôn thường tình xảy ra trong nhà, giữa người phối ngẫu ít khi người ngoài và ngay cả lân bang có thể biết được, vậy ngăn cấm thân thuộc làm chứng trong loại vụ tức đặt tụng nhân vào tình trạng không thể làm tròn nghĩa vụ dẫn chứng của họ;

*Chiều chi trong trường hợp đơn chính xin ly hôn và đơn phản tố xin ly thân và nếu hai đơn đều xác đáng thì, để tránh cho người phối ngẫu bị ly hôn lỗi về mình khòt chịu mọi di hại về quyền lợi hôn sản cùng gìn giữ con cái, tòa cần tuyên bố ly hôn lỗi về người phối ngẫu này và ly thân lỗi về người phối ngẫu kia :*

Chiều chi Hồ-văn-Ân không phủ nhận có đánh đập vợ, đánh đập không phải nhẹ nhàng gì mà có tánh chất vũ phu khiến cho Bùi-thị-Bê phải mang thương tích tuy không nặng nhưng nhiều ở đầu, thái dương, môi và bàn tay và có y sĩ chứng minh;

Chiều chi với hành vi bạo hành như vậy mà cũng chẳng phải lần đầu, Hồ-văn-Ân quả đã ngược đãi Bùi-thị-Bê làm cho vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa và Bùi-thị-Bê đã hợp lý xin ly thân lỗi về phần Hồ-văn-Ân;

Chiều chi đứa con chung Hồ-sĩ-Phong sanh năm 1953 tuổi còn nhỏ và từ khi sanh ra không lúc nào rời mẹ nên cần phải dành cho Bùi-thị-Bê trông giữ ;

Chiều chi về khoản trợ cấp đứa nhỏ kẻ trên với thời giá lúc này cùng tham chiếu tài lực của người cha cùng nhu cầu của đứa trẻ tòa có đủ tài liệu ấn định lại là 1.500\$00 mỗi tháng;

**BỜY CÁC LỄ ẤY :** Chuẩn chấp sự kháng cáo chính của Bùi-thị-Bê và sự kháng cáo phụ đới của Hồ-văn-Ân;

Phán sự kháng cáo chính phần nào hợp lý, và sự kháng cáo phụ đới không hợp lý;

Chuẩn y án văn ngày 8-1-1959 của tòa H.G.R.Q. Dalat về khoản, phần nào chấp đơn thỉnh cầu chính của Hồ-văn-Ân, tuyên bố ly hôn giữa vợ chồng Hồ-văn-Ân và Bùi-thị-Bê lỗi về phần thị Bê, cùng dạy trao cho thị Bê trông giữ đứa con chung là Hồ-sĩ-Phong cho đến ngày đứa trẻ này trưởng thành;

Nhưng cải sửa án văn sơ thẩm về khoản trợ cấp đề án định lại là 1.500\$ mỗi tháng Hồ-văn-Ân có nghĩa vụ chu cấp vào 5 ngày đầu mỗi tháng nơi tay Bùi-thị-Bê.

Bác khước án văn sơ thẩm về khoản khác, xử lại, chuẩn chấp thỉnh cầu phân tố của Bùi-thị-Bê và tuyên bố ly thân giữa vợ chồng Hồ-văn-Ân và Bùi thị-Bê lỗi về phần Hồ-văn-Ân;

Truyền giải tán khối cộng đồng tài sản giữa vợ chồng Hồ-văn-Ân và Bùi-thị-Bê;

Đề cử ông Chương khế Lê-dình-Hùng để thanh toán khối cộng đồng tài sản đó, nếu có và cử ông Chánh án tòa H.G.R.Q. Dalat để trông nom sự thanh toán;

Phán dạy bản án này được chuyên tả vào sổ hộ tịch năm 1953 tại xã Kim-Long (Thừa Thiên) nơi phòng lục sự tòa sơ thẩm Huế và ghi chú vào bên lề chứng thư giá thú của hai bên ở trong sổ và báo thị cho viên chức hộ tịch ở nơi sinh quán của Hồ-văn-Ân và Bùi-thị-Bê để viên chức này sẽ ghi chú vào bên lề chứng thư khai sinh của dương nhân;

Dạy hoàn tiền dự phạt kháng cáo;

( P.L.T.S. 1966. II. 108 )

( Chú thích Nguyễn-văn-Hào )

## TÒA PHÁ ÁN

30-12-1964

TỬ HỆ TƯ SINH — CON SINH TRƯỚC LUẬT GIA ĐÌNH NGÀY  
2-1-1959 — BẮT HỒI TỒ — SẮC LỆNH NGÀY 3-10-1883 — KHÔNG  
CÓ CON NGOẠI TÌNH VỀ ĐẰNG CHA.

*Dưới chế độ đa thê cũ không có con ngoại tình về đấng cha, do đó*



sự thừa nhận của người cha đã có vợ chính thức hay sự tuyên nhận do tòa án về phụ hệ của người này đối với một trẻ sinh với một người đàn bà khác, không vi phạm sắc lệnh 3-10-1883.

Luật Gia đình ngày 2-1-1959 và sắc luật thay thế ngày 23-7-1964 đã bãi bỏ đa thê và cấm chỉ sự thừa nhận con ngoại tình về đấng cha cũng như về đấng mẹ, không có hồi tiền hiệu lực, vì vậy khi tuyên nhận một trẻ sinh trước khi luật Gia đình ra đời là con tư sinh của một người đàn ông đã có vợ chính thức, phúc quyết của tòa thượng thẩm, với hiệu lực tuyên nhận của nó, chỉ xác định một tình trạng pháp lý đã có rồi và không vi phạm sự cấm chỉ thừa nhận con ngoại tình dự liệu trong điều 116 luật 1964.

(VỤ QUÁCH-VĂN-TẤN)

Tòa Phá Án . . . . .

Chiều chi do phúc quyết ngày 24-9-60, tòa thượng thẩm Saigon đã chuẩn y án văn ngày 10-8-59 của tòa sơ thẩm Saigon xác nhận đứa trẻ Phạm-thị-Kiều-Nga là con tư sinh của Phạm-thị-Kim-Cúc với Quách-văn-Tấn, và xử Quách-văn-Tấn phải cấp dưỡng cho Kiêu-Nga và một đứa con khác do y thừa nhận mỗi tháng 2.000\$:

Chiều chi Quách-văn-Tấn đã thượng tố ngày 20-10-1960 nại ra 3 phá chước:

1— Đứa trẻ Kiêu-Nga sinh ngày 2-8-1950 là con ngoại tình vì y đã có vợ chính thức từ năm 1948, vậy đứa trẻ không thể được thừa nhận theo tiết 7, đoạn chót sắc lệnh ngày 3-10-1883;

2— Theo điều 99 và 101 luật gia đình ( cũ ) con phạm gian hay loạn luân cũng chỉ có thể được « khai nhận và mang họ của người cha hay người mẹ độc thân mà thôi ».

3— Việc cho Phạm-thị-Kiều-Nga mang họ của y lại phạm đến quyền lợi của vợ chính thức, trái với điều 101 luật dẫn chiếu;

Nhưng chiều chi dưới chế độ đa thê cũ không có con ngoại tình về đấng cha; do đó sự thừa nhận của người cha đã có vợ chính thức, hay sự tuyên nhận do tòa án về phụ hệ của người này đối với một đứa trẻ sinh với một người đàn bà khác không vi phạm sắc lệnh ngày 3-10-1883;

Chiều chi về phá chước thứ hai, tuy rằng luật gia đình cũ (2-1-59) và mới (ngày 23-7-64) chế độ đa thê đã bị bãi bỏ và con ngoại tình

về đăng cha cũng như đăng mẹ đều không có thể còn được thừa nhận, nhưng cả hai đạo luật đều về không có hồi tiền hiệu lực, trong khi tình trạng ngoại hôn của đứa trẻ Kiều-Nga là một tình trạng pháp lý tiên hữu đã xảy ra từ trước khi luật pháp hiện hành cấm chỉ;

Chiều chi do đó, phúc quyết của tòa thượng thẩm với hiệu lực tuyên nhận của nó, chỉ xác nhận một tình trạng pháp lý đã có rồi, không vi phạm sự cấm chỉ thừa nhận con ngoại tình dự liệu trong điều 116 luật 1964;

Chiều chi về phá chức thứ ba, tuy điều 118 luật 1964 định rằng sự thừa nhận trong thời kỳ hôn phối một đứa trẻ ngoại hôn của người cha hay người mẹ, sinh trước khi lập hôn thú không làm thiệt hại được đến quyền lợi của vợ con chính thức, nhưng đó là vấn đề hậu quả của sự thừa nhận về phương diện quyền lợi, một vấn đề khác, không cản trở nguyên tắc sự thừa nhận:

**BỞI CÁC LẼ ẤY :** Bác sự thượng tố của Quách-văn-Tấn chống phúc quyết số 1515 ngày 24-9-1960 của tòa thượng thẩm Saigon.

( P.L.T.S. 1966. I. 3 )

## TÒA THƯỢNG THẨM SAIGON

8-11-1962

**HIỆU LỰC TỨC THỜI CỦA LUẬT PHÁP : HIỆU LỰC CỦA MỘT ĐẠO LUẬT MỚI ĐỐI VỚI MỘT TÌNH TRẠNG PHÁP LÝ HIỆN HỮU :— ĐỐI VỚI MỘT HÀNH VI PHÁP LÝ ĐÃ THÀNH TỰU. HIỆU LỰC CỦA PHÁN QUYẾT TIÊN THẨM : KHÔNG CÓ HIỆU LỰC DANG BUỘC TÒA CHÍNH VỤ.**

**SỰ VÔ HIỆU CỦA HÔN THỦ : TRƯỜNG HỢP HÔN THỦ THÀNH LẬP TRONG THỜI KỲ TANG CHÈ; ẢNH HƯỞNG CỦA BỆNH THẦN KINH (LOẠN TRÍ) ĐỐI VỚI SỰ ỨNG THUẬN CỦA NGƯỜI PHÔI NGẪU; ĐỐI VỚI TÌNH TRẠNG SINH LÝ CỦA NGƯỜI NÀY.**

. 1. — *Do hiệu lực tức thời của luật pháp, một đạo luật mới quy định về vấn đề gì phải áp dụng cho mọi tình trạng pháp lý hiện hữu thuộc vấn đề ấy.*

*Còn hành vi pháp lý đã tạo ra tình trạng pháp lý này vẫn phải xét định theo pháp chế cũ về những điều kiện thành tựu hành vi ấy,*

Riêng về hôn thú, mặc dầu luật mới đã đặt ra những điều kiện khắt khe hơn, hôn thú thành lập theo pháp chế cũ vẫn hữu hiệu.

Nhưng nếu luật mới hủy bỏ một điều kiện của pháp chế cũ, thì hôn thú vẫn có vi phạm điều kiện này vẫn hữu hiệu vì sự vô hiệu đã được chính luật pháp bao yểm.

2.— Án văn dự bị, và cả án văn dự quyết đều không ràng buộc Tòa chính vụ (*l'interlocutoire ne lie pas le juge*) vì lẽ cả hai loại án văn đều quyết định về chính vụ.

Án văn dự quyết chỉ có một hậu quả, là buộc Tòa nguyên thẩm phải đợi án ấy đã thi hành mới thẩm định được về nội dung.

Ngoài ra Tòa chính vụ có toàn quyền thẩm lượng về kết quả sự thi hành; có cả quyền xử trái ngược với kết quả ấy.

3.— Trái với D.L.T. ( và D.L.B. ), luật ngày 2-1-1959 không cấm thành hôn trong thời kỳ tang chế cha mẹ; đó không còn là một nguyên nhân tiêu hôn nữa.

Bệnh điên cuồng ( loạn trí ) tuy không là nguyên nhân tiêu hôn nhưng nếu vì bệnh ấy, một bên nam nữ không thể đã ưng thuận sáng suốt thì hôn thú coi như vô hiệu theo điều 28 luật ngày 2-1-1959, hoặc vô hiệu theo điều 82 D.L.T. Và đây là một sự vô hiệu tuyệt đối.

Sự bất lực vĩnh viễn đã có từ trước của một người phối ngẫu là một duyên có tiêu hôn theo điều 30 luật ngày 2-1-59. Người phối ngẫu mắc bệnh điên cuồng loạn trí làm cho không giao dịch sinh lý được cũng ở vào tình trạng sinh lý như người bất lực, do đây hôn thú có thể bị tiêu.

( Vu LÊ V... )

## Tòa Thượng Thẩm . . . . .

Chiều chi do đơn khởi tố ngày 19-9-1958, Lê V... trình bày rằng:

1.— Ngày 24-4-1957, tại Nha Trang y có lập hôn thú với Phạm-Thị...;

2.— Cưới xong, gia quyến y mới hay rằng y với Phạm-Thị... là bà con: Phạm-Thị... phải kêu y bằng cậu, và theo điều 7433 luật Dân Sự Trung Việt thì bác, chú, cậu cùng cháu gái và vợ góa của cháu trai, cô dì cùng cháu trai không được lấy nhau, vậy hôn thú y với Phạm-Thị... bất hợp pháp và có thể bị tiêu hủy theo điều 84, đoạn 4, luật Trung Kỳ Hộ-

Sự Thương Sự Tố Tụng ( chính ra là Dân luật Trung ).

3.— Ngoài ra hôn lễ lại đã được cử hành vào thời kỳ y phải chịu tang mẹ đẻ là Lê-thị-Đ... mệnh chung ngày 13 tháng 8 âm lịch năm Bính-Thân ( 1956 ) và vì vậy hôn thú có thể bị tiêu theo điều 84 khoản 10 Dân Luật Trung.

4.— Sau nữa, từ ngày thành hôn, Phạm-Thị... đã từ chối không cho y gần gũi, lý do là vì y thị có một bộ phận sinh dục khác thường; không sinh sản được; — sự trạng ấy thành tựu một sự lăm lăm của y về thể xác của Phạm Thị... làm cho sự ưng thuận của y bị hà tì và hôn thú thành vô hiệu.

Chiều chi Lê V... kết luận xin Tòa tuyên xử hôn thú của y với Phạm-Thị... vô hiệu và truyền tiêu hủy hôn thú ấy;

Chiều chi do án văn ngày 2-3-1959, xử khuyết tịch đối với Phạm-Thị... Tòa sơ Thẩm Saigon đã bác đơn của Lê V... vì lẽ theo tờ tông chi của y xuất trình thì y và Phạm-Thị... là chắc cháu bạn dì ( bà con xa đến bốn đời chứ không phải cậu cháu với nhau ); và \* theo tờ trích lục khai tử số 5 ngày 17-9-1956 của Lê-thị-Đ... thì người này không phải là mẹ ruột của nguyên đơn, mẹ ruột của y là Phạm-thị-M...; còn về diễm Phạm-Thị... không sinh sản được vì bộ phận sinh dục khác thường thì Lê-V... không có bằng cứ;

Chiều chi do sự kháng cáo của Lê-V... Tòa Thượng Thẩm Saigon, ngày 13-10-1960 đã lên án tiên thăm, ủy nhiệm bác sĩ Sergent Pierre và bác sĩ Trần-văn-Bàng Giám Đốc Bệnh Viện Chợ Quán khám nghiệm Phạm Thị... \* để xem thị có mắc chứng bệnh thần kinh hay không, có bất lực vì bộ phận sinh dục khác thường, không sanh sản được hay không;

Chiều chi bác sĩ Giám Đốc Bệnh-Viện Chợ-Quán cho biết ( thơ ngày 22-8-1961 ) đã điện thoại cho luật sư của Phạm-Thị... mời thị đến bệnh viện khám nghiệm; nhưng thị không đến, vì vậy không thi hành được bản án dẫn chiếu;

Chiều chi tuy nhiên án này đã được thi hành về cả hai diễm do bác sĩ Sergent theo phúc trình ngày 20-6-1961;

Chiều chi Phạm-Thị..., do luật sư Nguyễn-văn-Huệ bênh vực, chống cãi rằng;

1.— Luật áp dụng cho hiện vụ là luật ngày 2-1-1959, chứ không phải Dân Luật Trung; theo luật ngày 2-1-1959, không có khoản nào định rằng hôn lễ cử hành trong thời kỳ tang chế sẽ vô hiệu; và, cho dầu có sự

lầm lẫn về thê xác, tố quyền tiêu hôn cũng đã bị thời tiêu theo điều 30 luật ngày 2-1-1959.

2.— Lê-V... kỳ thủy, xuất trình tờ tổng chi ngày 4-10-1958 trong đó ghi Phạm-thị-M... là vợ Lê-H... và là mẹ Lê-V... sau đó lại xuất trình tờ tổng chi ngày 15-5-1960 ghi rằng Lê-thị-Đ... là vợ chánh của Lê-H... cả hai tờ tổng chi này vô giá trị vì không có kèm theo giấy tờ hộ tịch để chứng minh và đề Tòa kiểm diêm;

3.— Phúc trình của giám định viên Sergent tỏ rằng y thị có bộ phận sinh dục bình thường, như vậy không có sự lầm lẫn của Lê-V..., về thê xác y thị;

Kết luận, Phạm-Thị... xin Tòa bác các lý lẽ của Lê-V... và chuẩn y án sơ thẩm;

Chiều chi Lê-V... do luật sư Nguyễn-lâm-Sanh, Trần ngọc-Liêng bênh vực, kháng biện rằng:

1.— hai bên nguyên bị đều sinh ở Trung-Phần, luật áp dụng cho hiện vụ phải là Dân Luật Trung, vì y đã khởi tố trước ngày ban hành luật ngày 2-1-1959 và đã có quyền thủ đắc (?);

2.— những trường hợp dự định ở điều 84 Dân Luật Trung đoạn 3 (khi làm lễ kết hôn, trong hai vợ chồng có một người bị bệnh điên cuồng hay vì bệnh căn lâu khỏi mà thành vô trí thức), và đoạn 4 (hai bên nam nữ thành hôn là thân thích vào hàng luật cấm) là những trường hợp không có thời hạn được ấn định cho tố quyền của y không thê đã bị tiêu diệt;

3.— Tòa Thượng Thẩm bị dằng buộc bởi phúc quyết tiền thẩm ngày 13-10-1960 theo án lệ của Tòa Pháp Án; phúc quyết này, khi truyền khám nghiệm Phạm Thị... đã mặc nhiên xác nhận rằng nếu Phạm-Thị... có mắc bệnh thần kinh hôn thú phải tiêu hủy; theo phúc trình của bác sĩ Sergent thì Phạm-Thị... có mắc bệnh thần kinh, với bệnh này, y thị không có trí khôn, không cho chồng gần gũi, vậy dấu thị có bộ phận sinh dục bình thường thị cũng không là một người vợ bình thường;

Kết luận, Lê-V... xin Tòa chuẩn phê phúc trình của bác sĩ giám định Sergent, bác khước án sơ thẩm và chuẩn chấp đơn khởi tố của y;

\*\*

Về luật pháp áp dụng.— Chiều chi sự khởi kiện do Lê-V... trước khi luật ngày 2-1-1959 được ban hành, không mang lại cho y quyền thủ đắc gì hết;

Chiều chi đề hoạch định lãnh vực của đạo luật này, cần phải phân biệt trong hôn thú hai sự: một là sự cử hành hôn lễ tức là *hành vi pháp lý* (acte juridique) kết hợp hai người nam nữ thành vợ chồng, và hai là tình trạng phu phụ gồm những tương quan giữa vợ chồng; tương quan của vợ chồng đối với con cái, đối với thân tộc, đối với người đệ tam, tức là *tình trạng pháp lý* (situation juridique) phát sinh ở hành vi pháp lý kể trên;

*Chiều chi do hiệu lực tức thời của luật pháp, luật ngày 2-1-1959 tuy là một đạo luật mới; nhưng vì qui định về thân trạng của người ta, phát áp dụng cả cho những tình trạng pháp lý hiện hữu, tức là sẽ chi phối cả cho những tình trạng phu phụ đã thành lập theo pháp chế cũ;*

Chiều chi trật tự xã hội không cho phép chấp nhận hai chế độ song đôi cho cùng một tình trạng pháp lý như vợ chồng, cha con; vì như thế sẽ không còn trật tự, không còn an toàn pháp lý và sẽ tạo ra những phức tạp không bờ bến không thể giải quyết được trong sự giao dịch giữa cá nhân trong xã hội;

Chiều chi chính bởi hiệu lực tức thời của luật pháp mà một khi luật ngày 2-1-1959 đã cấm ly hôn thì tất cả những vợ chồng đã thành hôn dưới chế độ luật cũ nay cũng không còn ly hôn được nữa;

Chiều chi trái lại, về sự cử hành hôn lễ, hành vi pháp lý này đã thành tựu rồi, đã tận phát hiệu lực, cho nên không phải chịu cái hiệu lực tức thời của luật mới;

Do đây, nếu hành vi này hợp pháp theo chế độ cũ thì dẫu luật mới có buộc thêm những điều kiện khắt khe hơn, hành vi vẫn hữu hiệu;

Chiều chi, ngược lại, theo những nguyên tắc đại tổng của luật pháp nếu luật mới bãi bỏ một nguyên nhân vô hiệu dự liệu ở luật cũ thì hành vi pháp lý — dẫu trước kia có vô hiệu — nay cũng thành hữu hiệu một cách vĩnh cửu;

*Lý do vì những điều kiện hôn thú đều liên quan đến trật tự công cộng; một khi nhà lập pháp đã định rằng một điều kiện nào đó nay không còn cần thiết nữa, nên bãi bỏ đi, thì sự vô hiệu được bảo yểm một cách hoàn toàn và nhất định, và trật tự công cộng không cho phép người nào vi phạm nữa;*

Chiều chi như vậy những nguyên nhân vô hiệu về hôn lễ do Lê-V... dẫn nại phải đem đối chiếu song đôi với luật ngày 2-1-1959 và cả với Dân Luật Trung, theo sự phân biệt như trên;

*Về hiệu lực của phán quyết tiên thăm. — Chiều chi Lê-V... nại rằng*

Tòa Thượng Thăm bị dang buộc bởi phúc quyết tiền thăm ngày 13-10-1960 phán quyết này đã truyền khám nghiệm Phạm-Thị... vậy nếu cuộc khám nghiệm chứng tỏ rằng Phạm Thị... không có tính chất bình thường để làm một người vợ thì Tòa phải tiêu hủy hôn thú;

Chiều chi lý lẽ này sai lạc:

*Chiều chi nguyên tắc là, không những chỉ án dự bị, mà cả án dự quyết cũng không có hiệu lực dang buộc Tòa chính vụ (l'interlocutoire ne lie pas le juge), vì lẽ cả hai loạt án vẫn đều chưa quyết định gì về chính vụ;*

Chiều chi án dự quyết — như án truyền điều tra hay truyền thi hành một phương pháp thăm cứu nào khác — chỉ có một hậu quả đối với Tòa nguyên thăm, là phương pháp thăm cứu phải đã được thi hành, nhiên hậu, Tòa nguyên thăm mới thăm định được về nội dung, ngoại trừ trường hợp không thể thi hành được, hay đã quá thời hạn luật định để thi hành, hay hai bên nguyên bị đã khước từ sự thi hành ấy;

*Chiều chi ngoài ra, Tòa chính vụ có toàn quyền thăm lượng về kết quả của phương pháp thăm cứu thi hành theo phán quyết tiền thăm: Tòa có quyền, sau một cuộc điều tra truyền thi hành một phương pháp thăm cứu khác; có cả quyền xử trái ngược với kết quả cuộc điều tra hay giám định;*

*Về nội dung.*— 1.— Chiều chi trong các nguyên nhân vô hiệu và khả tiêu của hôn thú, luật ngày 2-1-1959 không nói đến sự kiện hôn lễ cử hành trong thời kỳ tang chế cha mẹ;

Chiều chi như vậy, lý do của Lê-V... nại rằng hôn lễ của y với Phạm-Thị... đã cử hành trong thời kỳ tang chế chính thất của cha y là Lê thị-Đ... không thể được chấp nhận;

2.— Chiều chi Lê-V... còn nại rằng y và Phạm-Thị... là cậu cháu vào hàng luật cấm không được kết hôn;

Chiều chi theo hai tờ tông chi ngày 4-10-1958 và ngày 15-3-1960 Lê-H..., thượng thư trí sĩ, có chính thất là Lê-thị-Đ... và thứ thất là Phạm-thị-M...;

Chiều chi sự trạng này phù hợp với giấy giá thú số 27 lập ngày 24-4-1957 tại Nha Trang của Lê-V... theo đó cha y là Lê-H... đã chết, và mẹ y là Phạm-thị-M...;

Chiều chi theo các tờ tông chi kể trên thì Lê-V... là cháu ngoại của Nguyễn-văn-Bạn; còn Phạm Thị... là chắt ngoại của Nguyễn-thị-Chao;

và Nguyễn-thị-Bạn và Nguyễn-thị-Chao là hai chị em gái;

Như vậy, Lê-V... là ông cậu của Phạm-Thị..., nhưng về bên ngoại;

Chiều chi về bên ngoại, điều 74 số 6 Dân Luật Trung chỉ cấm cháu ngoại nhà chú, nhà bác lấy nhau, Lê-V... và Phạm-Thị... không ở vào trường hợp ấy vì cả hai chỉ có liên hệ với nhau do bà ngoại và tổ ngoại của hai người là chị em ruột ;

Chiều chi như vậy, lý do này của Lê-V... vô căn cứ ;

3.— Chiều chi Lê-V... còn nại rằng y bị lăm lăm về thê xác của vợ y vì vợ y không sinh sản được ;

Chiều chi lý do này cũng vô căn cứ vì theo phúc trình của giám định viên Sergent, Phạm-Thị... có bộ phận sinh dục bình thường và tất có thê thụ thai;

4.— Chiều chi Lê-V... còn nại rằng vợ y bị điên cuồng và đó là một nguyên nhân làm cho giá thú có thể bị tiêu hủy theo điều 84, số 4 Dân Luật Trung;

*Chiều chi sự điên cuồng, mất trí không còn là một nguyên nhân tiêu hôn được chấp nhận trong luật ngày 2-1-1959, vậy không thể còn được viện dẫn;*

*Chiều chi tuy nhiên sự điên cuồng mất trí có hậu quả làm cho hôn thú vô hiệu nếu vì nguyên nhân ấy người mắc bệnh không thể đã ưng thuận sáng suốt để thành hôn;*

Chiều chi xét theo phúc trình của giám định viên Sergent thì Phạm Thị... mắc bệnh thần kinh đã phải điều trị tại bệnh viện Grall một cách liên tiếp từ tháng 8 năm 1955 cho đến ngày nay ( trang 2 phúc trình ), trong thời gian này có lúc bệnh thuyên giảm, có lúc nặng hơn, khiến cho thị đã có thể lấy chồng mà không ai lấy làm lạ lúc ấy ( trang 4 );

Chiều chi y thị vào bệnh viện ngày 16-8-1955, ra ngày 21-8-1955. căn bệnh vẫn còn, với triệu chứng Syndrôme Schizophrénique ;

Ngày 14-11-1956, thị lại trở vào bệnh viện với triệu chứng ấy;

Ngày 17-1-1957, lại ra khỏi bệnh viện cũng với triệu chứng như trên ( trang 6 );

Ngày 3-6-1957 lại trở vào bệnh viện và có thái độ của người điên dại mất trí ( trang 7 : *parasse et négligence dans sa toilette, immobilité, attitude figée, regards ironiques, ne répond pas aux questions, mutisme vis-à-vis de son père...* );



Chiều chi cho đến ngày nay, bệnh nhân vẫn còn chưa khỏi;

Chiều chi như vậy, có chứng cứ là Phạm Thị... bị bệnh thần kinh liên tiếp, và ngày 24-4-1957, khi thị thành hôn, thị ở bệnh viện ra được 3 tháng, khi ra vẫn còn đang bệnh;

Chiều chi trường hợp này là trường hợp sự ưng thuận coi như không có :

Chiều chi điều 76 Dân Luật Trung định rằng : « Lấy nhau tất phải có hai bên con trai, con gái bằng lòng nhau mới được »;

Chiều chi sự chế tài của điều kiện ưng thuận trên đây là hôn thú coi như không có ( điều 83 D.L.T. );

Chiều chi điều 28 luật ngày 2-1-1959 cũng định rằng hôn thú vô hiệu nếu không có sự ưng thuận của vợ hay chồng hoặc của hai người;

Chiều chi sự vô hiệu của điều 82 Dân Luật Trung có nghĩa là một sự vô hiệu đương nhiên và tuyệt đối, ai nấy đều có quyền viện dẫn và không bị thời tiêu;

Chiều chi sự vô hiệu của điều 28 luật ngày 2-1-1959 cũng có nghĩa như trên, bằng có là về trường hợp không có sự ưng thuận, đoạn 1 điều luật định rằng hôn thú vô hiệu, còn về trường hợp, sự ưng thuận bị hà hi, đoạn 2 nói rằng hôn thú có thể bị kiện xin xử tiêu;

Chiều chi do đấy, Lê-V... có quyền nại dẫn sự khiếm khuyết ưng thuận của người vợ để xin tiêu hôn;

Chiều chi quan diêm này được một phần lớn án lệ chấp nhận đã từ lâu không lệ gì buộc một trong hai người phối ngẫu vào sự liên hệ phụ vụ với một người diên, trong khi mục đích hôn thú là sinh con cái lành mạnh để giòng dõi được truyền nối;

5.— Chiều chi sau hết Lê-V... nại rằng bệnh diên của vợ y được dấu kín cho đến khi có phúc trình giám định cho biết và với bệnh trạng này, vợ chồng không thể có sự giao dịch sinh lý, dấu cho vợ y có bộ phận sinh dục bình thường;

Chiều chi theo điều 30 luật ngày 2-1-1959, sự bất lực vĩnh viễn đã có trước khi lập hôn thú một người phối ngẫu là một duyên cớ tiêu hôn và tổ quyền tiêu hôn phải xử hành trong hạn một năm sau khi khám phá sự bất lực;

Chiều chi bệnh loạn trí của Phạm Thị... được chứng tỏ do phúc

trình giám định ngày 20-6-1961;

Chiều chi một người bình thường, tự nhiên là không thể giao dịch sinh lý được với một người điên; như vậy bệnh điên của Phạm Thị... thành tựu một trở lực cho bên phân sinh lý giữa vợ chồng, chẳng khác gì thị bất lực bằng chứng là theo phúc trình giám định ( trang II ), thị chưa có giao dịch sinh lý với đàn ông;

Và đó là một nguyên nhân nữa làm cho hôn thú bị tiêu hủy;

VÌ CÁC LỄ ĐÓ : Xử công khai, đối tịch, chung thăm, về việc dân sự, trước mặt luật sư hai bên, nhưng ngoài sự có mặt của các đương sự;

Chiếu phúc quyết tiên thăm ngày 13-10-1960 và phúc trình giám định bác sĩ Sergent ngày 20-6-1961 ;

Bác khước án văn ngày 2-3-1959 của Tòa Sơ Thăm Saigon;

Tuyên xử hôn thú thành lập giữa Lê-V... và Phạm-Thị... vô hiệu;

Ra lệnh cưỡng chú án văn này vào sổ hộ tịch đương niên tỉnh Nha-Trang là nơi hôn lễ đã cử hành ngày 24-4-1957;

Ra lệnh cưỡng chú án văn này vào lễ giá thú của hai bên, số 27, năm 1957, tỉnh Nha Trang ;

Ra lệnh hoàn lại tiền dự phạt kháng cáo...

( P.L.T.S. 1963. III. 147 )

## TÒA THƯỢNG THẨM SAIGON

4-6-1966

LY HÒN — TRANH CHẤP LUẬT PHÁP TRONG THỜI GIAN — VỤ ĐƯƠNG CỬU — LUẬT MỚI — ÁP DỤNG NGAY.

LY HÒN — BẰNG CHỨNG — THƯ TỰ CỦA ĐÒI PHƯƠNG HOẶC ĐỆ TAM — CHUẨN CHẤP — ĐIỀU KIỆN.

LY HÒN — CẤP DƯỠNG KHI LY HÒN — ĐIỀU 89 SẮC LUẬT NGÀY 23-7-1964 — TÍNH CHẤT — CẤP DƯỠNG VÀ BỒI THƯỜNG — BẤT KHẢ DI NHƯỢNG HOẶC ĐIỀU ĐÌNH HOẶC TỪ KHƯỚC — CÓ TÍNH CHẤT TỰY BIÊN.

*Trong trường hợp luật mới có bãi bỏ một vài duyên có ly hôn*

(hoặc ly thân) mà luật pháp trước đây đã thừa nhận thì duyên có trên không thể được nêu lên trước tòa, vì cần phải có án văn tuyên bố ly hôn thì mới có sự ly hôn, án văn này không phải thừa nhận một quyền lợi có sẵn, quyền lợi không hề có, án văn ly hôn tạo thành tình trạng vợ chồng ly hôn. Tình trạng này đương ở thế tạo thành nên luật mới phải được áp dụng tức thời (1).

Trong thủ tục ly hôn và ly thân, vợ chồng có thể xuất trình thư từ của nhau đăng dẫn nại sự nhục mạ mà người phối ngẫu đã nắm giữ được thư từ phải chịu đựng và, riêng đối với thư từ vợ hoặc chồng đã trao đổi với kẻ đệ tam thì khỏi cần có sự thỏa thuận của kẻ nhận thơ dù là thơ riêng, miễn là sự chấp hữu loại thư sau này không vì hành vi phi pháp mà có (2).

Kẻ phối ngẫu nào dẫn nại sự chấp hữu phi pháp thư từ có nghĩa vụ phải dẫn chứng (3).

Khoản cấp dưỡng qui định nơi điều 89 sắc luật ngày 23-7-1964, theo ngay văn thức của bản văn, vừa có tính chất cấp dưỡng và tính chất bồi thường; với tính chất đầu, khoản trợ cấp này chịu sự chi phối của mọi qui tắc về chế tài cấp dưỡng nên không thể di nhượng hoặc điều đình hoặc từ khước và có tính cách tùy biến để có thể giảm xuống hay tăng lên, nếu tình trạng tài lực của hai bên đổi thay.

Vậy trong thủ tục ly hôn, người vợ có cam kết nhận trợ cấp hàng tháng một số tiền nhất định cho đến khi có án văn ly hôn và không đòi thêm nếu án văn sẽ tuyên lổi về người chồng thì lời cam kết này không ràng buộc y thị, vì, kết ước kẻ trên có tính chất điều đình cùng xâm phạm đến tính chất tùy biến của khoản cấp dưỡng, trái với điều 89 kẻ trên nên vô hiệu (4).

(VỤ TRẦN ĐÌNH KHÔI)

**Tòa Thượng Thẩm . . . . .**

Chiều chi do đơn khởi tố ngày 23-7-1957, Vũ-thị-Quỳnh-Chân trình rằng :

Y thị và Trần-đình-Khôi đã thành hôn và lập giá thú ngày 24-4-1957 trước mặt viên chức hộ tịch thành phố Đalat ;

— Sau ngày cưới chừng 15 hôm, bỗng nhiên có một người đàn bà đến nhà vợ chồng thị, tự xưng là vợ của chồng thị và đi thẳng vào nhà

nằm ngay ở giường riêng của vợ chồng thị, y thị có phản đối thái độ của người đàn bà nói trên mà sau này y thị biết tên là thị Nhật và đôi bên có lời qua tiếng lại;

— Từ ngày xảy ra câu chuyện trên đây, chồng y thị tỏ ra lạnh nhạt đối với y thị, dường đột đem thị Nhật về nhà ăn ngủ tại giường riêng của y thị, và còn hăm dọa sẽ đánh chết y thị; y thị phải âm thầm bỏ đi nơi khác, và từ đó chồng y thị dường hoàng đem thị Nhật về nhà sống với nhau như vợ chồng;

Kết lại, Vũ-thị-Quỳnh-Chân xin tòa tuyên phán ly hôn giữa y thị và Trần-dình-Khôi, dạy Trần-dình-Khôi phải cấp dưỡng y thị mỗi tháng 3.000đ trả cho y thị 100.000\$ dự tụng phí và bồi thường thiệt hại 100.000\$;

Chiều chi Trần-dình-Khôi phủ nhận lập luận của nguyên đơn và kháng nại sau khi cưới hỏi được vài ba ngày, vợ y tỏ ra có thái độ bạc đãi hai đứa con riêng của y, khinh rẻ y vì ý gia đình y thị khá giả, tỏ ra ghen tuông vô cớ và cuối cùng đột ngột bỏ nhà ra đi, Trần-dình-Khôi phân tố xin tòa phán dạy ly hôn, lỗi về phần vợ vì đã vô cớ lìa bỏ cư sở hôn nhân;

Chiều chi do án ngày 6-8-1958, tòa sơ thẩm Saigon đã tuyên phán ly hôn giữa Trần-dình-Khôi và Vũ-thị-Quỳnh-Chân, lỗi về cả hai bên, người chồng vì lý mạ trọng đại, người vợ vì lìa bỏ cư sở hôn nhân không lý do chánh đáng, dạy Trần-dình-Khôi mỗi tháng phải cấp dưỡng cho Vũ-thị-Quỳnh-Chân 2.000\$, bác các thỉnh cầu khác của Vũ-thị-Quỳnh-Chân;

Chiều chi được truyền rao án ngày 15-8-1958, ngày 9-10-1958 Trần-dình-Khôi kháng cáo hợp lệ và xin hạn định tố cầu kháng cáo riêng về khoản tiền cấp dưỡng;

Chiều chi về diềm này, nguyên kháng Trần-dình-Khôi cho rằng bị kháng cũng có lỗi như án văn sơ thẩm đã xác định nên không được quyền hưởng; và dù sao thì bị kháng ngày 11-2-58 đã cam kết cấp dưỡng 1.000\$ mỗi tháng cho đến khi tòa tuyên án ly hôn, nếu lỗi về nguyên kháng thì bị kháng cũng không xin thêm hoặc nếu tòa xử lỗi về bị kháng thì y thị xin chịu, nên ngày nay y thị không có lý do xin thêm; kết lại nguyên kháng thỉnh cầu tòa bác khước án văn sơ thẩm về khoản tiền trợ cấp và truyền rằng nguyên kháng khỏi phải cấp dưỡng;

Chiều chi bị kháng Vũ-thị-Quỳnh-Chân kháng nại trong hiện vụ lỗi hoàn toàn về nguyên kháng vì nguyên kháng đã bỏ y thị ngay từ mấy ngày đầu cuộc hôn nhân mà không căn cứ vào một lỗi nào của bị kháng, diềm này

chính nguyên kháng không phủ nhận; tiền trợ cấp án văn sơ thẩm ban cho 2.000đ. không thiết ứng với thời giá và nhu cầu của bị kháng cùng tài lực của nguyên kháng, một công chức cao cấp ngành cảnh sát mà lương hàng tháng không thể dưới 18.000đ.; kết lại bị kháng xin kháng cáo phụ đới đề xin tòa bác khước án văn sơ thẩm, xét lại, tuyên bố ly hôn giữa Trần-dình-Khôi và Vũ-thị-Quỳnh-Chân, lỗi hoàn toàn về phần Trần-dình-Khôi, dạy Trần-dình-Khôi phải cấp dưỡng mỗi tháng 6.000. cùng bồi thường thiệt hại cho y thị 100.000đ. và trợ cấp dự phí 10.000đ.;

\* \* \*

*Về luật pháp áp dụng.*— Chiều chi hiện vụ được xét xử cấp sơ thẩm tham chiếu bộ Dân-luật giảng yếu năm 1883 và chỉ sau khi sắc luật số 15/64 ngày 23-7-1964 (bãi bỏ luật ngày 2-1-1959) quy định giá thú, tư hệ và tài sản cộng đồng được ban hành, nội vụ mới được đăng đường trước tòa phúc thẩm, nên tiên tường cần phân định luật pháp áp dụng;

*Chiều chi về sự tranh chấp luật pháp trong thời gian, nguyên tắc tất cả các tình trạng pháp lý đều chịu sự chi phối của luật mới, kể từ ngày ban hành luật này; bất luận tình trạng pháp lý ấy đương kết thành hay đương chấm dứt, hoặc đương phát sinh hiệu lực miễn là không được xâm hại đến quyền thủ đắc;*

Chiều chi quy lệ này không đi ngược lại nguyên tắc bất hồi hiệu của luật pháp như định trong điều 2. D.L.G.Y. cùng điều 3 D.L.B. và D.L.T. vì quy lệ ấy không xâm phạm tới những tình trạng pháp lý đã cấu thành hoặc đã chấm dứt trước khi ban hành luật mới; quy lệ ấy cũng không xâm phạm vào những yếu tố đã có từ trước và cần thiết cho sự cấu thành hay sự chấm dứt một tình trạng pháp lý;

Chiều chi trong hiện vụ, vợ chồng Trần-dình-Khôi, Vũ-thị-Quỳnh-Chân, trước khi khởi tụng, không có một quyền ký đắc nào về vụ ly hôn của họ, án văn ly hôn với, đối tượng biến cải tình trạng nhân thân, tức có tác dụng tạo thành một tình trạng mới, tình trạng vẫn ở trạng thái đương kết thành cho đến ngày có án văn chung quyết, và cho đến ngày đó, vợ chồng Trần-dình-Khôi Vũ-thị-Quỳnh-Chân không có quyền ký đắc nào để cản trở sự áp dụng tức thời và trong khi đương cứu luật mới;

*Về sự ly hôn.*— Chiều chi đề có lý do xin ly hôn, nếu bộ D.L.G.Y. chỉ cần có sự ngược đãi, hành khắc thậm tệ thì điều 63 khoản 3 sắc luật

ngày 23-7-1964 có phần khắt khe hơn và định rằng sự ngược đãi, bạo hành hay nhục mạ còn phải có tính cách thậm tử và thường xuyên làm cho vợ chồng không thể sống chung với nhau được nữa; ngoài ra nếu theo cổ luật riêng người chồng có thể xin ly hôn vì vợ rời bỏ cư sở hôn nhân thì chiếu điều 63 khoản 4 luật mới vợ chồng đều có thể xin ly hôn vì người phối ngẫu kia bỏ phế gia đình nhưng với điều kiện, sau khi có án văn nhất định xử phạt người phạm lỗi;

Chiều chi theo tài liệu hồ sơ không ai chối cãi, vừa vui xum họp được ít lâu thì Vũ-thị-Quỳnh-Chân đã phải rời bỏ nhà chồng ra đi; sự ra đi này không phải không có lý do vì, theo chính lời thú nhận với thừa phát lại Hoàng-nhật-Tiến nơi vi bằng thi hành án lệnh triệu dụng vấn đáp ngày 2 và 4 tháng 7 năm 1957, Trần-dình-Khôi trước và sau khi hôn thú với Vũ-thị-Quỳnh-Chân có giao du thân mật với thị-Nhật, ngoài ra theo lời khai của các chứng nhân hàng xóm với Trần-dình-Khôi như Trần-Quang, Cao-Thái và Nguyễn-văn-Hùng thì Trần-dình-Khôi vẫn chung sống như vợ chồng với một người đàn bà chạc 20 tuổi, tại khu cư xá Hiến-Binh số 38 đường Gia-Long, nơi cư sở hôn nhân của vợ chồng nguyên bị kháng; hơn nữa nhân chứng vợ Trần-Quang còn khai thêm "trong khi giao dịch với bà ấy (chỉ người đàn bà kê trên) tôi vẫn kêu là bà Khôi, chính bà ấy giặt rú và làm các công việc trong nhà, ăn ở công khai như vợ chồng; ngoài ra riêng nhân chứng Nguyễn-văn-Hùng còn khai người đàn bà này Trần-dình Khôi thường gọi tên là cô Nhật và có lần y thị tự giới thiệu là vợ Trần-dình-Khôi; dữ kiện kê trên tiếp diễn cả trong thời gian hôn thú, Trần-dình Khôi không phủ nhận mà cũng không phủ nhận được vì đã có sự xác nhận của chứng nhân người lối xóm của nguyên kháng;

Chiều chi ngoài ra, không kê hai bức ảnh chụp chung giữa Khôi và thị Nhật trong dáng điệu như đôi vợ chồng còn cả tập thư của thị Nhật gửi cho Trần-dình-Khôi mà án văn sơ thẩm đã không hợp lý gạt ra ngoài cuộc tranh luận;

Chiều chi tham chiếu quyền lợi của tụng nhân trong thủ tục ly hôn và ly thân, học thuyết và án lệ đã giải trừ nguyên tắc bất khả xâm phạm bí mật thư từ để cho phép vợ chồng xuất trình thư từ của nhau dạng dẫn nại sự nhục mạ mà người phối ngẫu đã nắm giữ được thư từ phải chịu đựng và riêng đối với thư từ vợ hoặc chồng đã trao đổi với kẻ đệ tam thì khỏi cần có sự thỏa thuận của kẻ nhận thư dù là thư riêng, miễn là sự chấp hữu loại thư từ sau này không vì hành vi phi pháp mà có;

Chiều chi kẻ phối ngẫu nào nhận nại sự chấp hữu sự phi pháp

thư từ có nghĩa vụ phải dẫn chứng;

Chiều chi trong hiện vụ, Trần-dình-Khôi không nại dẫn Vũ-thị-Quỳnh-Chân chấp hữu phi pháp thư tình của y với kẻ dè tam là thị-Nhật, thì các văn kiện sau này tòa có thể tham chiếu để phán quyết;

Chiều chi tập thư của thị-Nhật trao đổi với Trần-dình-Khôi gồm cả thầy 6 bức thư đề các ngày 26, 29 tháng 4-1957, 3, 27, 29, 30 tháng 5-1957 — tức mấy ngày đến một tháng sau khi lập hôn thú — lời lẽ yêu đương quá nồng nàn như « lúc nào em cũng là vợ của anh ( thư đề ngày 3-5-1957) » mỗi lần anh đến thăm em là một ngày em thấy lòng như sống lại, tình như vươn lên nó đã chạy đến ôm lấy chúng ta để ấp ủ... » và thư nào cũng hối thúc Trần-dình-Khôi phải « rút khoát với người đàn bà đó » (tức bị kháng Vũ-thị-Quỳnh-Chân) để y thị được chính thức làm vợ Khôi, trong thư ngày 27-5, thị-Nhật cho Khôi biết đã nhận được 2 thư của Khôi;

Chiều chi với dữ kiện trên đây, mà Trần-dình-Khôi không phủ nhận, xảy ra sau ngày hôn thú, Trần-dình-Khôi quả vẫn tơ vương với người tình xưa là thị-Nhật và thị này với những lời lẽ trong các thư từ có trong hồ sơ chỉ muốn dành bằng được Khôi nơi tay Quỳnh-Chân thì lập luận của bị kháng theo đó thị-Nhật với sự trợ giúp của Khôi, đã đến ở nhà Khôi, gây sự với Vũ-thị-Quỳnh-Chân không có gì là lạ;

Chiều chi với hành động dẫn chương với thị-Nhật cùng sự a tòng của Trần-dình-Khôi thì quả Khôi không những đã ngược đãi và nhục mạ có tính cách thậm tử và thường xuyên Vũ-thị-Quỳnh-Chân mà có thể nói Khôi đã công khai phạm gian trước mặt vợ, nơi cư sở hôn nhân một cách quá phũ phàng không chút nương tay đối với người mới cưới khiến y thị có lý do chính đáng để rời khỏi cư sở hôn nhân cùng xác đáng phản tố xin ly hôn lỗi về người chồng;

Chiều chi cũng vì vậy không thể trách cứ gì được ở Vũ-thị-Quỳnh-Chân khi vạn bất đắc dĩ đã phải rời khỏi cư sở hôn nhân, vì vừa ăn năm chưa được bao ngày đã bị thậm tử ngược đãi, quá đáng coi khinh và, dầu sao, hiền nhiên hành vi kẻ trên của Quỳnh-Chân không hội đủ thành tố lý do bỏ phở gia đình vì chưa có án văn trở thành nhất định xử phạt y thị về tội trạng đó, nếu có, như quy định trong điều 63 khoản 4 sắc luật ngày 23-7-1964;

Chiều chi như trên, nghĩ nên cải sửa án văn sơ thẩm để tuyên bố ly hôn lỗi hoàn toàn về Trần-dình-Khôi với mọi hậu quả pháp định;

Về khoản cấp dưỡng và bồi thường thiệt hại. — Chiều chi khoản

cấp dưỡng qui định nơi điều 89 sắc luật ngày 23-7-1964, theo ngay văn thức của bản văn, vừa có tính chất cấp dưỡng và tính chất bồi thường; với tính chất đầu. khoản trợ cấp này chịu sự chi phối của mọi quy tắc về chế tài cấp dưỡng nên không thể di nhượng hoặc điều đình hoặc từ khước, và có tính cách tùy biến để có thể giảm xuống hay tăng lên, nếu tình trạng tài lực của hai bên đổi thay.

Chiều chi trong hiện vụ ngày 11-2-1958, Vũ-thị-Quỳnh-Chân tuy có cam kết trợ cấp mỗi tháng 1.000\$ cho đến khi có án văn ly hôn và cũng không đòi thêm nếu có án văn sẽ tuyên lỗi về Trần-dình-Khôi thì lời cam kết này không ràng buộc y thị vì, kết ước kể trên có tính chất điều đình cùng xâm phạm đến tính chất tùy biến của khoản cấp dưỡng, trái với điều 89 kể trên nên vô hiệu;

Chiều chi vì vậy Vũ-thị-Quỳnh-Chân có lý do để xin gia tăng số tiền cấp dưỡng cùng đòi bồi thường vì hành vi quá thất của Trần-dình-Khôi nhưng thỉnh cầu cấp dưỡng 6.000\$ mỗi tháng và bồi thường thiệt hại 100.000\$ của y thị có phần quá đáng và tham chiếu nhu cầu lúc này của y thị và nhất là tài lực khá giả hiện tại của Trần-dình-Khôi cùng mực độ thiệt thòi mà Vũ-thị-Quỳnh-Chân phải chịu đựng vì sự ly hôn, tòa có đủ tài liệu để ấn định số tiền cấp dưỡng là 2.000\$ mỗi tháng và số tiền bồi thường là 30.000\$;

Chiều chi riêng về khoản trợ cấp dự phí của Vũ-thị-Quỳnh-Chân không xác đáng vì y thị không quá thiếu thốn mà từ ngày vào đơn xin ly hôn y thị vẫn được cấp dưỡng;

**BỒI CÁC LẼ ẤY:** Chuẩn chấp sự kháng cáo chính của Trần-dình-Khôi và sự kháng cáo phụ đới của Vũ-thị-Quỳnh-Chân về hình thức,

Phán sự kháng cáo chính không hợp lý và sự kháng cáo phụ đới phần nào hợp lý;

Bác khước án văn ngày 6-8-1958 của tòa sơ thẩm Saigon và xử lại;

Chấp đơn khởi tố xin ly hôn lỗi về phần người chồng của Vũ-thị-Quỳnh-Chân; bác đơn phản tố xin ly hôn lỗi về phần người vợ của Trần-dình-Khôi;

Tuyên bố ly hôn giữa vợ chồng Trần-dình-Khôi, Vũ-thị-Quỳnh-Chân lỗi về phần Trần-dình-Khôi,

Dạy Trần-dình-Khôi phải bồi thường thiệt hại cho Vũ-thị-Quỳnh-



Chân số tiền 30.000\$ cùng cấp dưỡng 2.000\$ mỗi tháng cho thị này vào 5 ngày đầu mỗi tháng nơi tay Vũ-thị-Quỳnh-Chân ;

Đề cử Ông Chương-khế Lê-dình-Hùng đề thanh toán khối cộng-đồng tài sản đó, nếu có, và đề cử Ông chánh-án tòa sơ thẩm Saigon đề trông nom sự thanh toán ;

Dạy tịch thu tiền dự phạt ;

Án phí từ sơ đến thượng thẩm nguyên kháng Trần-dình-Khôi phải chịu có phần trích xuất cho luật sư Phạm-văn-Toàn, Ngô phước-Tặng hưởng theo luật,

( P.L.T.S. 1966. III. 76. Chú thích Nguyễn-văn-Hào )

Quyển III

**DANH TỪ và TÀI LIỆU**  
**LUẬT HIẾN - PHÁP**

*Lê đình Chân*

PHẦN I

Danh từ Luật Hiến - Pháp

PHẦN II

Tài liệu Luật Hiến - Pháp

## Phần I

### DANH TỪ LUẬT HIẾN PHÁP

*Tập Danh từ này, soạn thảo với sự phê bình xây dựng của một vài quý đồng sự trong Ban Công Pháp, trường Luật Saigon không ngoài mục đích giúp sinh viên, năm thứ nhất, thấu hiểu môn Luật Hiến pháp.*

*Trong việc định nghĩa tác giả cố gắng đề cho những sinh viên chưa quen với danh từ pháp lý, có thể hiểu một cách dễ dàng.*

*Nhất định là công việc này còn nhiều sơ xuất lầm lẫn: xin các quý đồng sự và bạn đọc cho biết những khuyết điểm và phủ chính cho. Đó là điều mong ước thành thực của soạn giả đề đi tới một dự thảo tiến bộ hơn.*

#### Tác phẩm tham khảo

- 1) VOCABULAIRE JURIDIQUE, RÉDIGÉ PAR DES PROFESSEURS DE DROIT, DES MAGISTRATS ET DES JURISCONSULTES.

*Sous la direction de*

**HENRI CAPITANT**

*Les presses Universitaires de France Paris, 1930.*

- 2) TỰ ĐIỀN PHÁP-VIỆT  
(CHÁNH TRỊ - PHÁP LUẬT - KINH TẾ)

của : **VŨ VĂN MẪU (1)**

**ĐÀO VĂN TẬP**

**NGUYỄN TRÁC**

*Vinh Bảo, Saigon, 1955*

- 3) DROIT CONSTITUTIONNEL  
et  
INSTITUTIONS POLITIQUES  
của : M. DUVERGER  
*Les Presses Universitaires de France, Paris 1965*
- 4) COURS DE DROIT CONSTITUTIONNEL  
của : G. VEDEL  
*Les Cours de Droit, Paris, 1957 — 1958*
- 5) CHÁNH-TRỊ HỌC và LUẬT HIẾN PHÁP  
của : NGUYỄN VĂN BÔNG  
(In lần thứ hai) *Saigon 1967*
- 6) CÁC ĐỊNH CHẾ CHÁNH TRỊ và LUẬT HIẾN PHÁP  
của : LÊ ĐÌNH CHÂN  
(In lần thứ hai) *Saigon 1967*

---

(1) Tức Tác giả phần Danh từ và Tài liệu Dân Luật, trong sách này.

# A

## **Áp bức** (*Oppression*)

Sự xâm phạm cố ý và liên tục, của các cơ quan công quyền, hay của một nguy quyền, những nguyên tắc hiến pháp, và nhất là những nguyên tắc bảo vệ những tự do cá nhân.

Chống áp bức (*Résistance à l'oppression*) là cái quyền, mà một học thuyết chính trị thừa nhận, của những người bị trị, chống lại những hành vi và văn kiện trái luật hay áp bức của các nhà cầm quyền. Người ta thường phân biệt:

1) Đề kháng tiêu cực (*Résistance passive*) tức là không thi hành những mệnh lệnh trái luật hay áp bức.

2) Đề kháng tích cực (*Résistance active*) tức là dùng võ lực để chống lại những mệnh lệnh nói trên.

3) Đề kháng tấn công (*Résistance agressive*): những người bị trị nổi lên để bỏ huộc nhà cầm quyền phải thâu hồi những mệnh lệnh nói trên, và còn có khi, để lật đổ chính quyền hiện tại.

## **An ninh công cộng** (*Sécurité publique*)

Yếu tố của trật tự công cộng vật chất, mà đặc điểm là sự không có những mối đe dọa đời sống, tự do, hay quyền sở hữu của mọi cá nhân.

**Án xá** (*Grâce*)

Biện pháp khoan dung do đó vị Quốc trưởng miễn cho tội nhân khỏi phải thụ hình. Sự ân miễn này có thể là sự ân miễn hoàn toàn, nghĩa là tội nhân không phải chịu tất cả hình phạt mà tòa đã phạt y. Sự ân miễn có thể chỉ áp dụng cho một phần nào của hình phạt nói trên, nghĩa là tội nhân chịu một hình phạt nhẹ hơn là hình phạt do tòa đã định.

**Đại ân xá** (*Grâce amnistiante*)

Tức là biện pháp ân xá do Quốc trưởng ban ra, trong những điều kiện mà một đạo luật đại xá (*loi d'amnistie*) đã ấn định. Biện pháp này, nhờ luật nói trên, có những hậu quả của sự đại xá (*amnistie*).

# B

## **Ban hành** (*Promulgation*)

Sắc lệnh (Décret) do đó vị Quốc trưởng chánh thức xác nhận sự hiện hữu của một đạo luật do Quốc hội biểu quyết, và đồng thời tỏ ý không sử dụng cái quyền yêu cầu Quốc hội phúc nghị đạo luật. Đồng thời sắc lệnh ban hành ra lệnh cho các cơ quan hành pháp thi hành đạo luật.

## **Bang liên** (*Confédération d'Etats*)

Một lối Hợp chúng quốc, ngày nay không còn, trong đó các nước hội viên vẫn giữ chủ quyền. Hợp chúng quốc này thường được đại diện bằng một quyền trung ương (pouvoir central), thường duy nhất, gọi là Nghị hội (Diète, Congrès). Cơ quan này chỉ có những quyền mà các nước hội viên ủy thác cho; các nghị sĩ, tức một loại sứ thần, đều do các nước hội viên chỉ định, và chỉ có những thẩm quyền ghi rõ trong ủy nhiệm thư. Thí dụ: Thụy sĩ, Đức, Huế Kỳ, ngày nay là những Quốc gia Liên bang, trước tiên, đã áp dụng chế độ Bang liên.

## **Bạo kháng (hành vi)** (*Rebellion*)

Sự phản đối sự thi hành luật hay mệnh lệnh của nhà cầm quyền, bằng những hành vi bạo lực đối với những người chánh thức có bổn phận làm việc thi hành trên.

Hành vi bạo kháng có thể hoặc là trọng tội hoặc là khinh tội.

### **Bất khả xâm phạm (của dân biểu)** (*Inviolabilité parlementaire*)

Một sự đặc miễn dành cho các vị dân biểu, do đó, mặc dầu phạm những trọng hay khinh tội ngoài khi thừa hành nhiệm vụ, trừ trường hợp bị bắt quả tang, một vị dân biểu không có thể bị truy tố trước tòa hình, trong thời gian khóa họp của Quốc hội, nếu không có sự chấp thuận của Viện mà dân biểu là hội viên. Nghị sĩ chỉ được chế độ ưu đãi này che trở trong những hành vi thuộc chức vụ (*actes de sa fonction*). Đối với những hành vi không dính tới chức vụ, nghị sĩ chịu trách nhiệm dân sự, hình sự như bất cứ ai. Nếu nghị sĩ mạ lỵ trong tờ báo, thời y phải chịu trách nhiệm (nếu mạ lỵ tại nghị trường thì khỏi). Nhưng rủi ro là: chánh phủ nắm quyền truy tố kẻ phạm khinh hay trọng tội, có thể lạm dụng quyền đó để « phá » các ông nghị phe đối lập. Vậy quyền truy tố có thể là một « đòn » để làm khó phe đối lập. Nhờ ở chế độ bất khả xâm phạm, mà pháp luật dành cho các nghị sĩ, không một nghị sĩ nào có thể bị truy tố, giam cầm, nếu Viện mà y là hội viên, không cho phép.

Như vậy Viện sẽ xét xem sự truy tố có hợp pháp không (nếu nghị sĩ phạm khinh hay trọng tội thực thì sự truy tố hợp pháp, và Viện sẽ cho phép), hay trái lại, sự truy tố chỉ là một ác ý của chánh phủ nhằm dọa, hay đẩy vô nhà giam, trong ít lâu, một nghị sĩ dảng sợ thuộc phe đối lập. Chế độ bất khả xâm phạm chỉ che chở nghị sĩ trong thời gian mà Quốc hội nhóm họp, (vậy chế độ không che chở nghị sĩ trong khi Quốc hội nghỉ hè). Chế độ cũng bị gác nếu nghị sĩ bị bắt quả tang, khi phạm khinh hay trọng tội. Nhưng trong các trường hợp sau, Quốc hội vẫn có quyền ra lệnh cho Chánh phủ tạm tha những nghị sĩ đã bị câu lưu.

### **Bầu cử** (*Election*)

Đối lập với bổ nhiệm (*nomination*) bầu cử là một nghiệp vụ mà mục đích là để cho một cử tri đoàn chỉ định một người, và do sự chỉ định này, người nói sau có một chức vụ (*fonction*) hay một ủy nhiệm (*mandat*): Bầu cử chánh trị (*élection politique*) là cuộc bầu cử nghị sĩ và dân biểu vào Thượng hay Hạ nghị viện.



Và bầu cử hành chánh (élection administrative) là cuộc bầu cử các vị đại diện tỉnh, đô thị hay xã.

### **Bất khả bãi** (*Inamovibilité*)

Chế độ dành cho các thẩm phán, để cho họ độc lập đối với chánh phủ. Theo chế độ này một vị thẩm phán chỉ có thể bị bãi hay thuyên chuyển, nếu chính vị đó ưng thuận như vậy.

Trong thực tế, chế độ này chỉ có hiệu quả khi gắn liền với sự bất thăng chức, nghĩa là ngạch thẩm phán có rất ít cấp bậc, và sự thăng từ cấp nọ lên cấp kia hoàn toàn máy móc (căn cứ vào thâm niên). Nếu không, chính phủ cứ việc thăng nhanh những thẩm phán mềm lưng, và giữ ở cấp dưới và chức vụ phụ thuộc những thẩm phán có thái độ độc lập, là chế độ bất khả bãi trở nên vô hiệu quả.

### **Bất khả kiêm nhiệm** (*Incompatibilité*)

Sự bất khả kiêm nhiệm (do luật định):

- một vài công vụ
- một vài ủy nhiệm quyền nghị viện (*mandat parlementaire*)
- một ủy quyền nghị viện với một công vụ (*fonction publique*)
- một ủy quyền nghị viện với một vài chức vụ tư (như kiêm nhiệm chức vụ nghị sĩ với chức vụ quản lý một công ty có ký khế ước với một công sở).

Lý do của vụ bất khả kiêm nhiệm giữa ủy quyền nghị viện với một công vụ là: Hành pháp sẽ có một phương tiện áp lực lớn đối với những dân biểu công chức, hay dân biểu tấp tễnh muốn làm công chức. Tuy vậy, ở một vài nước (Việt-Nam, Pháp v.v...) qui tắc bất khả kiêm nhiệm không áp dụng đối với những chức vụ tự do (giáo sư đại học) tạm thời (công cán ủy viên trong hạn tối đa 6 tháng)

### **Biểu nghị** (*Ordre du jour*)

Một quyết nghị (*résolution*) được một Viện trong Quốc hội (chế độ Song Viện) chấp nhận, để kết thúc một cuộc chất

vấn ( xem chữ này ), và trong đó Viện minh thị hay âm thị cho biết ý kiến của mình về chánh phủ.

Người ta phân biệt :

a) Biểu nghị đơn thuần ( ordre du jour pur et simple ) trong đó Viện tiếp tục thảo luận và không có minh thị tuyên bố ý kiến của mình về vấn đề vừa được thảo luận.

b) Biểu nghị dẫn lý ( ordre du jour motivé ). Loại này có thể hoặc :

1— là một biểu nghị tin nhiệm ( ordre du jour de confiance ) trong đó Viện minh thị tin nhiệm hay tán thành chánh phủ.

2— là một biểu nghị bất tin nhiệm ( ordre du jour de méfiance ) trong đó Viện minh thị tuyên bố là không còn tin nhiệm chính phủ nữa.

### **Bình đẳng** ( *Egalité* )

Theo nguyên tắc này thì tất cả mọi người, bất phân bản thân, dòng dõi, giai cấp, tôn giáo hay giàu nghèo, đều được hưởng những chế độ cùng là quyền lợi mà pháp luật ấn định, nhưng đồng thời cũng phải gánh những đảm phụ công cộng ( charges publiques ) luật định.

Người ta phân biệt :

1) *Bình đẳng dân sự* ( *Égalité civile* ) tức sự bình đẳng của mọi người trước dân luật, hình luật, hành chánh luật, và bao hàm sự bình đẳng trước mọi đảm phụ công cộng ( thuế, quân dịch, v.v... ), cùng là trước công lý và sự bình đẳng trong mọi cuộc thi tuyển để nhập các ngạch trong công vụ.

2) *Bình đẳng chánh trị* ( *Égalité politique* ) tức bình đẳng trước pháp chế chánh trị, tức nền pháp luật tổ chức sự tham dự của mọi công dân vào việc điều khiển Quốc gia ( gouvernement de l'État )

### **Bộ ngoại giao** ( *Ministère des Affaires étrangères* )

Bộ gồm những sở mà thẩm quyền là thể hiện những mối liên lạc của Quốc gia với các ngoại bang; bảo vệ, tại ngoại quốc,

những quyền lợi chánh trị, kinh tế và thương mại của Quốc gia, cũng là thuộc dân của Quốc gia cư trú tại nước ngoài

**Bộ trưởng (Ministre)**

Nhân viên cao cấp của quyền Hành pháp, đứng đầu một khối Nha và Sở công, mà người ta gọi là một Bộ (Département ministériel ou ministère).

Địa vị của Bộ trưởng đối với Quốc hội thay đổi tùy theo chánh thể được áp dụng (chánh thể có thể là Nội các, Quốc hội hay Tổng Thống). (Xem những danh từ đó).

# C

## **Cách mạng** (*Révolution*)

Sự xâm đoạt chính quyền bằng những lực lượng dân chúng.

## **Cảnh sát** (*Police*)

1.— Toàn thể những qui tắc, mà nhà cầm quyền bắt công dân phải tuân theo, để duy trì trật tự, an ninh trong nước.

2.— Công lực có nhiệm vụ thi hành những quy tắc trên.

## **Can thiệp** (*Intervention*)

Hành vi do đó một Quốc gia cưỡng ép một Quốc gia độc lập nào khác, phải tỏ rõ một thái độ nào, thể hiện hay không một hành vi rõ rệt nào.

## **Cáo hồi vấn đề** (*Rappel à la question*)

Sự cảnh cáo của vị chủ tịch một Viện trong Quốc hội, nguyên do ở quyền chỉ huy các cuộc thảo luận của ông ta, báo cho một nghị sĩ đang nói, rằng y đã đi xa vấn đề đang bàn, và yêu cầu y phải trở lại đầu đề.

## **Cáo hồi trật tự** (*Rappel à l'ordre*)

Sự cảnh cáo của vị Chủ tịch một Viện trong Quốc hội

nguyên do ở quyền chỉ huy các cuộc thảo luận của ông ta, đối với một nghị sĩ (đang nói hay đang nghe) là y đã vi phạm trật tự của cuộc thảo luận, bằng một trong những hành vi có ghi trong nội quy: cắt lời, phạm đến cá nhân ai, làm âm ỹ huyền nào, v.v. Nghị sĩ nào đã bị cáo hỏi trật tự lần thứ nhất, có thể bị cáo hỏi trật tự và ghi vào biên bản, nếu tái phạm trong cùng một phiên họp.

### **Câu hỏi** (*Question*)

Đây là những câu hỏi, do nhân viên Quốc hội đặt, và nhân viên Chánh phủ, có thẩm quyền về vấn đề hỏi, phải trả lời, hoặc tại nghị trường Quốc hội, hoặc bằng văn thư, đăng trong Công báo.

Loại câu hỏi với trả lời tại nghị trường Quốc hội rất quan hệ vì đó là một lối kiểm soát Hành pháp rất hữu hiệu.

Định chế này rất thịnh hành tại Anh. Quốc hội dành mỗi ngày một giờ, để cho Chánh phủ trả lời những câu hỏi của nghị sĩ Quốc hội, trong suốt khóa họp của cơ quan sau này

### **Câu hỏi tín nhiệm** (*Question de confiance*)

(*Xem chữ: Kiến nghị phê bình, đề so sánh, và để hiểu hơn*)

Giáo sư VEDEL nhận xét rằng: câu hỏi tín nhiệm không phải là một thủ tục song hành với kiến nghị phê bình; câu hỏi tín nhiệm không phải là một lợi khí trong tay Quốc hội, mà trái lại, là một lợi khí trong tay Chánh phủ.

Câu hỏi tín nhiệm được đặt ra trong trường hợp sau: Chánh phủ muốn rằng Quốc hội chấp thuận một thái độ nào, (như là biểu quyết một kinh phí mà chánh phủ yêu cầu). Để gây áp lực vào Quốc hội, Chánh phủ bảo cho Quốc hội biết trước rằng nếu Quốc hội không chịu biểu quyết theo chiều mà Chánh phủ muốn, thì Chánh phủ sẽ tự coi như không được Quốc hội tín nhiệm nữa và sẽ từ chức.

Như vậy, câu hỏi tín nhiệm có thể đặt vào dịp những biện pháp mà Chánh phủ muốn thấy Quốc Hội, hoặc chấp thuận, hoặc gạt bỏ. Nếu Chánh phủ muốn rằng Quốc hội biểu quyết cho mình ghi một kinh phí (phép chi tiêu tiền) vào

ngân sách, Chánh phủ sẽ đặt câu hỏi tin nhiệm vào dịp xin Quốc hội chấp thuận kinh phí đó. Chánh phủ có thể đặt tin nhiệm vào dịp định ngày giờ của một cuộc chất vấn (interpellation). Lúc Quốc hội ấn định ngày giờ cuộc chất vấn, Chánh phủ, muốn gạt bỏ cuộc chất vấn đó, có thể đặt câu hỏi tin nhiệm như sau: cuộc chất vấn này không xảy ra vào tuần sau, mà vào 2 tháng sau chẳng hạn. Nếu Quốc hội thuận thì chính phủ ở lại. Nếu Quốc hội không thuận lùi lại 2 tháng sau, như Chánh phủ đề nghị, Chánh phủ rút lui.

Vậy: câu hỏi tin nhiệm là một « sự mặc cả ». Câu hỏi không bao giờ đặt trong trừu tượng dưới hình thức: « Quốc hội có tin nhiệm Chánh phủ không? », nhưng dưới một hình thức « giả định » như sau: « Nếu Quốc hội có ý vẫn tin nhiệm Chánh phủ, thì Quốc hội sẽ biểu quyết thuận:

— một kinh phí nào, một thư thuế mới nào, một điều khoản nào của một đạo luật, một ngày giờ chất vấn nào.

Vậy câu hỏi tin nhiệm là một sự mặc cả giữa đôi bên. Do đó, câu hỏi tin nhiệm không phải là một khi giới trong tay Quốc hội, mà là một lợi khi trong tay Chánh phủ, để gây áp lực vào Quốc hội, bằng cách dọa rằng: nếu Quốc hội không theo đề nghị của chánh phủ, thì:

— sẽ có cuộc khủng hoảng chánh trị xảy ra (Chánh phủ rút lui).

— và rất có thể sẽ có sự giải tán Quốc hội. Vì câu hỏi tin nhiệm gây ra hậu quả quan trọng như vậy cho nên Hiến pháp năm 1946 (Pháp) có đặt ra những thủ tục sau:

1) Khi câu hỏi tin nhiệm được đặt (cũng như khi có một kiến nghị phê bình) thì Quốc hội chỉ biểu quyết 24 giờ sau.

Đó là thời gian để cho các ông nghị suy nghĩ cho chín trước khi trả lời Chánh phủ.

2) Cuộc đầu phiếu về tin nhiệm sẽ:

— Công khai.

— Cá nhân (không có sự ủy quyền đầu phiếu).

3) Câu hỏi tin nhiệm phải được quyết định bằng một đa

số hiến pháp (tính theo tổng số nghị sĩ họp thành Quốc hội nghĩa là kể cả những nghị sĩ vắng mặt hay cáo thoái)

### **Chánh phủ** (*Gouvernement*)

a— Đối lập với hành chánh (administration) đó là chức vụ cao nhất của quyền hành pháp (pouvoir exécutif) nhằm sự chỉ huy tối cao chánh sự (quốc sự), và ấn định chiều hướng tổng quát của quốc sách.

b— Toàn thể những cơ quan lãnh nhiệm chức vụ đó.

c— Trong các chế độ phân quyền, những vị đại diện của quyền hành pháp.

d— Trong chế độ nội các, cơ quan tập thể, bao gồm tất cả mọi bộ trưởng chịu trách nhiệm chánh trị trước Quốc hội, về việc điều hành chánh sự. Đối lập với vị Quốc trưởng, nhân vật vô trách nhiệm về mặt chánh trị.

e— (Việt sử) Phủ chúa Trịnh nắm giữ quyền hành pháp trị thời Hậu lê (1592 — 1789)

### **Chánh phủ chuyên đoán** (*Gouvernement autocratique*)

Đặc tính của loại Chánh phủ này là sự tuyển chọn những nhân viên trong Chánh phủ hoàn toàn ở ngoài ảnh hưởng hay can thiệp của nhân dân.

Các nhà cầm quyền trong loại Chánh phủ này tự chọn lẫn nhau, bằng những phương pháp sau :

a) Sự truyền ngôi : thịnh hành trong các chế độ quân chủ

b) Sự đồng tuyển (cooptation) chánh phủ tương lai do Chánh phủ hiện tại chọn : thịnh hành dưới thời Đế Quốc La mã.

c) Sự rút thăm : đó là phương pháp chỉ định các nhà chức trách, ở các đô thị cổ thời Hy Lạp.

d) Sự bổ nhiệm : một nhà cầm quyền tại chức bổ nhiệm một nhà cầm quyền khác.

Lối tuyển chọn sau cùng này không phải là bao giờ cũng chuyên đoán. Tính chất nó tùy thuộc ở danh tính của nhà cầm

quyền đứng lên bổ nhiệm. Nếu nhà cầm quyền do bầu cử mà ra thì sự bổ nhiệm có tính chất dân chủ ( sự bổ nhiệm các bộ trưởng trong chế độ Nội các hay Tổng Thống).

### **Chánh phủ song hợp hay lưỡng đầu** (*Gouvernement dualiste*)

Đó là một thể thức kết hợp chế độ Chánh phủ tập đoàn (*gouvernement collégial*) và chế độ Chấp chánh đoàn (*Gouvernement directorial*). Trong chánh phủ song hợp, có hai cơ quan :

a) Quốc trưởng độc lập.

b) và Nội các (*Cabinet ministériel*), một cơ quan tập đoàn do Quốc trưởng bổ nhiệm, trong khối đa số của Quốc hội. Nội các đóng vai liên lạc giữa Quốc trưởng và Quốc hội.

Nội các có hai tính chất quan hệ : trước tiên, nhân viên nội các có một địa vị khá độc lập đối với Quốc trưởng ; tuy do vị này bổ nhiệm, nhân viên nội các có thể dựa vào đại đa số trong Quốc hội để nghịch lại Quốc trưởng. Ngoài ra họ là những người có quyền quyết định, và như vậy không phải là tay sai của Quốc trưởng. Thứ chi : Nội các là một cơ quan tập đoàn : tuy mỗi nhân viên chuyên môn về một loại công việc nào, nhưng tất cả đều cùng thảo luận và sau đó ban ra những quyết nghị quan hệ, và cùng chịu trách nhiệm về những quyết nghị đó.

Nói một cách tổng quát, các nhân viên Nội các đều ngang hàng nhau. Nhưng trong thực tế, một trong những nhân viên đó có một ưu thế, hoặc pháp lý, hoặc thực tại, đối với các đồng sự. Ưu thế này rất lớn. Vị đó tức là : Chủ tịch Nội các, Thủ tướng, hay Lãnh tụ Chánh phủ (*Président du Conseil, Premier Ministre ou Chef du Gouvernement*).

Chính vị này chọn các nhân viên Nội các, đề Quốc Trưởng bổ nhiệm ; chủ tọa các buổi họp của Nội các và đại diện toàn thể Nội các trước Quốc hội.

Chính sự hiện diện của Chủ tịch Nội các, đã dần dần biến đổi khuôn cốt của Chánh phủ song hợp, như mô tả ở trên, Trước vị Quốc trưởng, không phải là một ủy ban, mà là một nhân vật khác. Thành ra chánh phủ song hợp gồm có : 2 nhân



vật và 1 ủy ban. Nhưng Quốc trưởng ở ngoài nội các. Và Thủ Tướng trái lại, ở trong nội các. Vậy định nghĩa ban đầu của chúng ta vẫn đúng.

Nên ghi rằng cơ cấu của Quốc trưởng không quan hệ trong định nghĩa chánh phủ song hợp. Quốc trưởng có thể do dân bầu, hay là một người thừa kế, theo nguyên tắc cha truyền con nối: Quốc trưởng có thể là Tổng Thống một nước Cộng hòa, hay là một vị Hoàng đế. Nhưng điểm quan hệ là ông ta có một địa vị độc lập đối với Nội các.

Cái chế độ phức tạp này không phát sinh ở tư tưởng của một lý thuyết gia; trái lại, nó là hậu quả của một sự tiến triển lịch sử rất lâu đời, xảy ra ở Anh cát lợi. Quân chủ ở nước đó không độc đoán như ở Pháp nhờ ở sự điều hành đều hòa của Quốc hội. Vào thế kỷ thứ 18, với các vua họ Hanovre (người Đức) quân chủ ở Anh yếu đi: các bộ trưởng, cho tới đó, tay sai của vua, thường họp nhau để thảo luận, ngoài sự chủ tọa của vua, vì ông này không hiểu Anh ngữ. Do đó các bộ trưởng độc lập đối với vương quyền, và một vị bộ trưởng xuất hiện, với ưu thế đối với các đồng liêu. Đó là Thủ Tướng.

Chế độ song hợp (chánh phủ hay hành pháp) không thể thăm định một cách cô lập được.

Nó chỉ là một bộ phận (quan hệ) của một tổ chức rộng lớn hơn: đó là chế độ nội các (régime parlementaire) (xem chữ này)

### **Chánh phủ tập đoàn (Gouvernement collégial)**

Chánh phủ ở đây là theo nghĩa hẹp, tức hành pháp.

Hành pháp tập đoàn (exécutif collégial) có hai tính chất chánh yếu:

1) Sự bình đẳng giữa mọi hội viên: giữa các nhân viên hành pháp, không có ai trên, ai dưới, về bất cứ phương diện nào, mà cũng không có ai chuyên môn về một loại công việc gì, để có thể vì đó, mà có một ưu thế thực tại đối với các nhân viên khác.

2) Sự tập đoàn (collégialité): nghĩa là không có một nhân

viên vào của hành pháp, có thể quyết định, nếu không có sự thỏa thuận của các nhân viên khác. Nhưng một thỏa hiệp ám thị cũng đủ : trong thực tế mỗi nhân viên có thể tự ý hành động, nhưng tất cả mọi hành vi của nhân viên đó có thể bị tê liệt trước sự phủ quyết (veto) của một nhân viên khác.

3) Nên ghi thêm một đặc điểm thứ ba : sự song hợp (la dualité) : nếu hành pháp có tới 3 nhân viên, 3 đồng sự, thì những quyết nghị đều do cả ban ấn định, theo đa số.

Sự tập đoàn là một phương tiện để làm yếu hành pháp.

Về phương diện lịch sử chế độ hành pháp tập đoàn này tương đối không quan hệ. Một vị Hoàng đế La Mã (Diocletien) đã dùng chế độ đó để san sẻ sang vai khác những trách nhiệm quá nặng của chánh quyền. Có khi chế độ này được hai nhà lãnh tụ đang tranh nhau tối cao quyền, dùng tới như là một cách sống chung tạm bợ, để chờ cái ngày nào mà một trong hai người đó bị gạt ra ngoài : đó là trường hợp hai vị Chủ tịch của Ủy ban Giải Phóng Quốc Gia, năm 1943, tại Pháp (hai vị chủ tịch đó là các tướng Giraud và De Gaulle).

Trong sử La-Mã, các vị Tổng Tài (Consuls) cũng hợp thành một hành pháp tập đoàn dùng với định nghĩa trên.

### **Chánh trị (Politique)**

#### I. — CHÁNH TRỊ :

1) Khoa học, nghiên cứu sự cai trị các Quốc gia.

(Science du gouvernement des ETATS) (Littré)

2) Nghệ thuật, và thực hành, về sự cai trị các xã hội loài người.

(Art et pratique du gouvernement des sociétés humaines)

(Robert).

Đối tượng của chánh trị là sự cai trị các xã hội loài người. Cai trị bằng định chế gì ? *Chánh phủ*.

Danh từ : *Chánh phủ* (Gouvernement) chỉ cái quyền hành được tổ chức (Le pouvoir organisé), những định chế chỉ huy và cưỡng áp (Institutions de commandement et de contrainte).

Còn có người nói: 1) chánh trị là khoa học nghiên cứu Quốc gia, tức là quyền hành lễ chức trong tập đoàn quốc dân (La politique est la science de l'Etat, pouvoir organisé dans la communauté nationale), hay bất cứ tập đoàn nào khác.

2) Chánh trị là khoa học nghiên cứu quyền hành (Science du pouvoir) trong Quốc gia.

Chánh trị học (Science politique): Môn dạy ở các Đại học đường.

Khoa học này nghiên cứu bộ máy chỉ huy các Quốc gia, phân tách bộ máy đó, tìm những mối liên quan giữa các bộ phận của bộ máy đó, những hoạt động của nó, những phản ứng nó gây trong xã hội nó chỉ huy v.v...

Các chánh khách (hommes d'Etat) dựa vào những tìm tòi của chánh trị học để hoạt động, xử dụng kết quả của những cuộc thăm dò dư luận, những phương pháp uốn nắn, chỉ huy quần chúng v.v...

\* \* \*

## II. — HOẠT ĐỘNG CHÍNH TRỊ (activité politique)

Có hai lối giải thích thế nào là hoạt động chánh trị.

a) *Lối thứ nhất*: chánh trị là một cuộc tranh đấu để đoạt *chánh quyền* vì chánh quyền hay quyền hành (le pouvoir) cho phép cá nhân hay nhóm, nắm giữ được nó, có thể ngự trị xã hội, và thủ lợi vì sự ngự trị đó.

Chánh trị là phương pháp để duy trì, *bảo vệ* những *ưu quyền* của một thiểu số, trước một đại đa số.

b) *Lối thứ hai*: Chánh trị là một cố gắng để thể hiện trật tự và công lý, là *quyền hành* để bảo vệ quyền lợi chung, sự ích lợi chung, trước áp lực những đòi hỏi riêng biệt của những cá nhân hay thiểu số.

Chánh trị đối với phe sau này là phương tiện để thấu thập, để đồng hóa mọi cá nhân trong đoàn thể, để thực hiện xã hội của những người quân tử (Cité des justes) mà Aristote đã nói tới.

Người ta theo lối giải thích thứ nhất hay thứ hai là tại sao? Là do ở địa vị của mình trong xã hội.

Trong xã hội nào cũng có những người thuộc những thành phần bị áp bức, ít được thỏa mãn, nghèo khổ, không thể coi rằng chính quyền hiện tại thực hiện nổi một nền trật tự thực sự, mà chỉ là một khối hải của trật tự, sau đó nấp sự thống trị của thiểu số được ưu đãi.

Đối với những người này chính trị là tranh đấu. Những cá nhân và giai cấp hữu sản, có địa vị, thỏa mãn, phê phán, trái lại cho rằng xã hội hiện tại là một xã hội có trật tự, điều hòa, và chính quyền đang duy trì một nền trật tự trung thực: đối với bọn này, chính trị là một phương pháp để dung hòa, để kết hợp, để duy nhất hóa.

Lẽ cố nhiên hai thái độ đó chỉ biểu diễn một phần của sự thật.

Những kẻ bảo thủ, dầu là lạc quan nhất cũng không thể phủ nhận rằng chính trị mặc dầu là nhằm mục đích hợp nhất xã hội, ít khi đạt được mục đích đó một cách thỏa đáng.

Phái chủ trương thay đổi chế độ hiện tại, cũng không thể chối rằng sự mô tả xã hội hiện tại của họ quá *ư đen tối*. Các nhà cầm quyền, dầu là áp bức nhất, bất công nhất, cũng đang làm trọn một vài nhiệm vụ ích chung, ít ra là trong các lãnh vực kỹ thuật, dầu chỉ là điều hòa sự lưu thông xe cộ, nha bưu điện, hay ngày ngày hốt rác và đổ ra ngoài ô.

\* \* \*

*Tóm lại*: Quốc gia tức là quyền hành được định chế hóa, trong một xã hội vừa là:

1) một dụng cụ thống trị của một vài giai cấp trên vài giai cấp khác — do bọn thứ nhất lợi dụng để đè nén bọn thứ hai.

2) vừa là một phương tiện để đảm bảo một nền trật tự xã hội nào, để kết hợp tất cả mọi người vào trong đoàn thể xã hội, để mưu ích chung. Phân số của yếu tố một, hay yếu tố hai, trong một Quốc gia, thay đổi tùy theo thời đại, hoàn cảnh,

và dân tộc : nhưng hai yếu tố đó bao giờ cũng song song cùng có.

### **Chức vụ (fonction)**

Một phần bộ lớn của hoạt động pháp lý của Quốc gia, do phân tách mà ra, và tương đương với một loại lớn hành vi pháp lý, mà Quốc gia dùng tới để làm trọn nhiệm vụ đã tự đặt cho mình. Người ta thường phân biệt :

a— Chức vụ lập pháp.

b— Chức vụ hành pháp hay hành chính (tự ở chức vụ này người ta tách ra chức vụ chánh phủ — fonction gouvernementale)

c— và chức vụ tư pháp (mà nhiều luật gia chỉ coi là một chi nhánh của chức vụ hành pháp)

### **Chức vụ hành chính (Fonction administrative)**

Nhiệm vụ của chức vụ này là áp dụng đối với tư nhân những quy tắc tổng quát chứa đựng trong các đạo luật và quy pháp.

Chức vụ này thực hiện bằng hai loại hành vi pháp lý :

a— Các hành vi chủ quan (actes subjectifs) tạo ra những quy tắc pháp lý mới, riêng cho một cá nhân.

b— Các hành vi điều kiện (actes condition) áp dụng cho một cá nhân những quy tắc chứa đựng trong luật và qui pháp.

Hành sử chức vụ này là Chánh phủ (nghĩa hẹp) và các nhà cầm quyền địa phương.

Chánh phủ hành sự chức vụ này bằng những quyết nghị hoặc của Quốc trưởng hoặc của các Bộ trưởng.

Quyết nghị của Quốc trưởng gọi là : Sắc lệnh (Décret). Trong chế độ Nội các, sắc lệnh bao giờ cũng phải có sự phó thụ (ký bên cạnh) của một bộ trưởng, để chuyển sang đầu vị sau này mọi trách nhiệm, đáng lý phải do Quốc trưởng gánh.

Quyết nghị của bộ trưởng gọi là nghị định (arrêté).

Quyết nghị (décision) khác nghị định (arrêté) là ở chỗ: nghị định thường gồm có nhiều điều (articles). Quyết nghị về hình thức chỉ là một bức thư hay một chú văn (note).

### **Chức vụ ngoại giao** (*Fonction diplomatique*)

Chức vụ này hành sử vào dịp những mối liên lạc giữa Quốc gia, và các Quốc gia khác. Đối tượng của nó là dẫn đạo những cuộc thương thuyết, ký kết những hiệp ước, khai mào những sự đoạn giao quốc tế v.v...

Chức vụ này còn bao gồm cả sự dẫn nhập những điều khoản pháp luật (dispositions législatives) của các hiệp ước quốc tế, vào pháp chế quốc nội (législation interne). Người ta thường nối chức vụ này với chức vụ hành chánh vì nó hoàn toàn trong tay Chánh phủ. Nói một cách tổng quát, Quốc hội kiểm soát một phần nào chức vụ ngoại giao, bằng sự phê chuẩn hiệp ước quốc tế và hành vi tuyên chiến.

### **Chức vụ lập pháp** (*Fonction législative*)

Tức là chức vụ làm những hành vi pháp lý (actes juridiques) có ảnh hưởng tổng quát và phi cá nhân áp dụng cho tất cả một loại người nào (thanh niên dưới 21 tuổi, cô nhi, quả phụ, nạn nhân chiến tranh, cựu quân nhân v.v...), chứ không cho một, hay vài cá nhân, tên tuổi rõ ràng. Các luật gia phân biệt 4 loại luật về phương diện vật chất hay nội dung:

- a) — Luật hiến pháp (loi constitutionnelle)
- b) — Luật thường (loi ordinaire)
- c) — Quy pháp (règlement)
- 1) — Sắc lệnh tổng quát. (décret réglementaire)
- 2) — Nghị định tổng quát. (arrêté réglementaire)
- d) — Sắc luật (décret-loi)

### **Chức vụ tư pháp** (*Fonction juridictionnelle*)

Có nhiệm vụ phân xử những vụ tranh tụng xảy ra vào dịp áp dụng một đạo luật hay một hành vi hành chánh.

Nếu người ta muốn tổ chức một nền dân chủ, thời một

trong những nguyên tắc chánh yếu là phải làm thế nào cho cơ quan giữ chức vụ tư pháp phải độc lập đối với các cơ quan lập pháp và nhất là hành pháp. Giáo sư Vedel có viết : Thâm phán phải tuân theo pháp luật, chứ không phải vâng lệnh Quốc hội, hay ông Bộ trưởng nào; và đó là nền móng của khái niệm quyền tư pháp ». Nhờ ở sự tuyền dụng căn cứ vào một trình độ học vấn cao và kinh nghiệm nghề nghiệp phong phú một chế độ lương bổng trọng hậu, một tổ chức hệ cấp dần dật, ít cấp bậc, nước Anh và nước Mỹ đã xây dựng và duy trì được một cơ quan tư pháp mà nhiều nước khác mong thêm, nhưng thiết ra không muốn bắt chước.

Ở Pháp, (cũng như ở Việt Nam chịu ảnh hưởng của Pháp) tư tưởng cổ truyền là « hạ thấp » chức vụ tư pháp. Theo nhận xét của G. S. Duverger thì ngạch thâm phán dân sự, ở Pháp bị gò ép trong một chế độ thăng thưởng phức tạp, có nhiều hệ cấp, khiến cho nhân viên ngạch đó tùy thuộc khá chặt chẽ chánh quyền. Ở Việt Nam cũng rứa.

### **Chuyên chế (Absolutisme)**

1— Chánh thể trong đó một cơ quan hữu quyền (cá nhân hay tập đoàn) hành sử một quyền hành vô hạn chế. Thí dụ : chánh thể chuyên chế của Franco.

2— Chinh cái quyền chuyên chế. Thí dụ : Chuyên chế của Hitler, của Quốc hội Lập hiến thời đại Cách mạng Pháp. (1793)

### **Chư hầu (Vassalité)**

Thề thức phụ thuộc của một Quốc gia, đối với một Quốc gia khác, nguyên do ở công pháp thời Trung-cổ, và bao hàm những bôn phận sau đối với Quốc gia bá chúa (Etat Suzerain) :

— Sự thoả khước chủ quyền đối ngoại (quyền tuyên chiến, quyền cử đại diện ngoại giao, quyền ký hiệp ước Quốc tế, v.v...)

— Sự triều cống theo định kỳ

— Khi thay Vua, Vua mới phải được Vua của quốc-gia bá-chúa tấn phong.

— Sự đặt dưới quyền kiểm soát của Quốc gia bá chúa về hai lãnh vực: quân sự và tài chánh.

Hiện nay, Quốc gia chư hầu duy nhất tồn tại là Cộng hòa Andorre, tự 1278, đặt dưới cộng-đồng bá-chúa-quyền của Pháp và Giám-mục tỉnh Urgel (thuộc I-pha-Nho).

### **Công quyền** (*Pouvoirs publics*).

Danh từ này thường dùng để chỉ những uy quyền (autorités) hay cơ quan công lập (corps constitués) chấp chưởng quyền đặt ra những quy tắc hay những mệnh lệnh có tính chất cưỡng chế đối với mọi công dân,

### **Công dân** (*Citoyen*)

— Dân của một Quốc gia theo chế độ Cộng-hòa, đối lập với thuộc dân (Sujet) tức dân của một Quốc gia theo chế độ Quân chủ.

Người ta nói: công dân Pháp, thuộc dân Anh.

— Dân của một Quốc gia, tham dự vào sự hành xử chủ quyền, hoặc trong khuôn khổ những định chế của chánh thể đại diện, bằng quyền bầu phiếu, hoặc trong khuôn khổ của chánh thể trực tiếp, bằng cách tham dự vào hội nghị nhân dân (Landesgemeinde ở Thụy Sĩ), hoặc trong khuôn khổ của chánh thể bán trực tiếp, bằng:

- trung cầu dân ý (công quyết)
- phủ quyết của nhân dân
- sáng quyền của nhân dân v.v...

### **Cộng đồng chủ quyền** (*Condominium*)

Chủ quyền, hành sử chung, của hai Quốc gia, trên cùng một lãnh thổ.

Thí dụ: Cộng đồng chủ quyền của hai nước Pháp và Anh, trên quần đảo Nouvelles Hébrides.

### **Cộng hòa** (*République*)

Chớ có lầm với danh từ dân chủ.

Vì có những nước cộng hòa, nhưng không dân chủ,



thi dụ như những nước cộng hòa do giai cấp quý tộc thống trị (républiques aristocratiques). Theo nghĩa đen, danh từ cộng hòa có nghĩa là: không một cơ quan nào trong Quốc gia được chỉ định bằng di kế. Các nhân viên chánh phủ, nghị sĩ quốc hội, hay cả vị Quốc trưởng không ai được chỉ định bằng di kế. Theo Giáo sư Vedel, chỉ có một định nghĩa pháp lý cho Cộng Hòa: Cộng Hòa là một chế độ trong đó Quốc trưởng do dân bầu, và không chỉ định hoặc bằng di kế, hoặc bằng một phương pháp quyền đoán nào. Pháp, Mỹ, như vậy là những nước cộng hòa. Anh là một nước quân chủ. Vậy chớ có lầm: Cộng hòa với Dân chủ, nhưng Anh là một nước cực kỳ dân chủ, vì nền quân chủ ở Anh bị hiến pháp hạn chế rất mạnh.

### **Công lực** (*Force publique*)

Toàn thể nhân viên mang vũ khí, đặt dưới sự chỉ huy của Chánh phủ, để đảm bảo bằng võ lực, nếu cần, sự thi hành, những hành vi pháp lý hợp pháp, và để duy trì an ninh công cộng.

Gồm: 1) Công lực dân sự (cảnh sát tổng quát, địa phương và đặc biệt)

2) Công lực quân sự (quân cảnh và quân đội)

### **Cơ quan** (*Organe*)

1) Một định chế có nhiệm vụ điều hành một loại công vụ nào.

Thi dụ: Phòng xã hội của một xã nào, là cơ quan có nhiệm vụ cứu trợ những người cơ cực trong xã đó.

2) Cá nhân, hay nhóm cá nhân, được coi là phát biểu trực tiếp, không cần đại diện, ý chí của một pháp nhân tập đoàn (*personne juridique collective*).

### **Cơ quan chánh trị của Quốc gia** (*Organes politiques de l'Etat*)

Đó là những cơ quan thượng cấp trong nước, soạn thảo ra những chỉ thị dẫn đạo toàn diện, áp dụng cho cả đoàn thể quốc dân.

Người ta còn gọi những cơ quan đó là: cơ quan hiến pháp (*organes constitutionnels*), vì lẽ chúng đều được đặt ra và quy định bởi một chính văn đặc biệt gọi là Hiến pháp.

Do đó danh từ: Luật Hiến Pháp, để chỉ cái môn luật học nghiên cứu cơ cấu và điều hành các cơ quan chánh trị của Quốc gia. Có hai loại cơ quan chánh trị:

a) Các hội nghị, tức cơ quan tập thể, gồm có một số lớn hội viên, không có quyền hành cá nhân.

b) Các cơ quan gọi là hành pháp, gồm hoặc chỉ có một người hoặc một nhóm ít người.

Các hội nghị họp thành Quốc hội (*Parlement*); Hành pháp thường được gọi là Chánh phủ (*Gouvernement*), theo nghĩa hẹp.

Theo nghĩa rộng: Chánh phủ là toàn thể các cơ quan chánh trị trong nước, toàn thể các nhà cầm quyền.

### **Chấp chánh đoàn** (*Gouvernement directorial*)

Đây là một chánh phủ (hành pháp) gồm có hai yếu tố:

1) Sự bình đẳng giữa mọi nhân viên hành pháp: không có chủ tịch, không có phiếu ưu thắng, không có hệ cấp, thứ bậc.

2) Sự tập đoàn: các nhân viên hành pháp, không ai có quyền cá nhân (*pouvoir personnel*).

Tất cả mọi quyết nghị đều do cả ban hành pháp ấn định theo nguyên tắc đa số.

Trong thực tế, trong chấp chánh đoàn, bao giờ cũng có một nhân viên có một địa vị ưu thắng đối với các nhân viên khác, và đóng vai chủ tịch của đoàn, theo pháp luật, hay theo thực tại.

Ngoài ra, mỗi nhân viên của đoàn thường chuyên môn về một loại công việc. Do đó, mỗi người có một địa vị khá độc lập trong phạm vi hoạt động đã tự dành.

Thế thức chấp hành đoàn thường là một lý do của sự

suy yếu của hành pháp.

Sự bó buộc hoạt động tập đoàn khiến cho các quyết nghị đều chậm ra; ngoài ra, những xích mích cá nhân, những mâu thuẫn nội bộ đưa đến những hậu quả nghiêm trọng hơn. Kinh nghiệm của Ủy ban Cứu quốc (Comité de Salut public, 1793) và của Chấp hành đoàn (Directoire, 1795), tất cả hai đều tan rã vì chia rẽ nội bộ, chứng minh sự yếu đuối của các chính phủ tập đoàn.

### **Chất vấn** (*Interpellation*)

Chớ lẫn với câu hỏi. Trong thủ tục câu hỏi, các bộ trưởng chỉ trả lời thẳng vì nghị sĩ đặt câu hỏi, và không có nghị sĩ nào khác dự vào cuộc đối thoại. Sau câu trả lời của chính phủ, không có cuộc đầu phiếu tin nhiệm nào.

Trái lại, thủ tục chất vấn mở một cuộc thảo luận công khai về một vấn đề, trong đó tất cả mọi nhân viên Quốc hội đều có quyền tham dự. Sau cuộc thảo luận, Quốc hội sẽ biểu quyết đề bày tỏ ý kiến, hoặc thỏa mãn, hoặc không, về lời điều trần và giải thích của Chính phủ. Chất vấn là một thủ tục quan hệ để thể hiện trách nhiệm chính trị của Chính Phủ trước Quốc hội.

### **Chế độ chính trị** (*Régime politique*).

Sau đây là định nghĩa của G.S. Duverger.

Bất cứ chế độ chính trị nào cũng là một lối trả lời bốn loại vấn đề chính sau đây :

a) Vấn đề uy quyền của các nhà cầm quyền (gouvernants) và vấn đề tuân lệnh của công dân. Căn bản của uy quyền chính trị là gì? Những căn bản tư tưởng của chế độ là gì? Sự giải quyết vấn đề căn bản đó ảnh hưởng vào lối giải quyết các vấn đề khác.

b) Các vấn đề liên hệ đến sự tuyển chọn các nhà cầm quyền. Làm thế nào để chỉ định những cá nhân có nhiệm vụ và uy quyền để chỉ huy một Quốc gia ?

c) Các vấn đề liên hệ đến cơ cấu các nhà cầm quyền. Trong một nước, không bao giờ chỉ có một nhà cầm quyền

một cơ quan cầm quyền duy nhất.

Hình thức mỗi cơ quan đó ra sao ?

Mối liên lạc giữa các cơ quan đó ra sao ?

d) Các vấn đề liên hệ đến sự hạn chế các nhà cầm quyền.

Quyền hành các nhà cầm quyền vô giới hạn, hay trái lại; phải hạn chế quyền hành của họ ?

Những vấn đề trên cho ta thấy rằng một chế độ chánh trị, xét cho cùng, trả lời bốn câu hỏi sau : Tại sao phải có một chánh phủ ? Ai chỉ huy ?

Chỉ huy ra làm sao ? Và cho tới giới hạn nào ? ( *Pourquoi un gouvernement ? Qui gouverne ? Comment et jusqu'ou ?* )

\* \* \*

Người ta cố gắng để phân loại các chế độ chánh trị. Một trong những lối phân loại nổi danh nhất là dựa vào nguyên tắc phân quyền. Lối này chia các chế độ chánh ra làm ba loại chánh :

- Chế độ Nội các
- Chế độ Tổng Thống
- Chế độ Quốc Hội

Sở dĩ lối phân loại này được tra chuộng tại các trường Luật là vì nó có một căn bản pháp lý.

### **Chế độ Nội các** ( *Régime parlementaire* ).

Danh từ này mập mờ, huyền hoặc. Thực ra, về phương diện lịch sử, có tới 3 mô hình của chế độ Nội các, mà người ta thấy cả ở Anh. Ba mô hình này lần lượt xuất hiện trong lịch sử.

A) Mô hình thứ nhất, của chế độ Nội-các là : chế độ Nội các lưỡng đầu (régime parlementaire dualiste). Trong chế độ này, vị Quốc trưởng (Vua) còn nắm những quyền rộng lớn. Những quyền này, nhà Vua hành sử qua sự trung gian của một

Nội các (Cabinet) đóng vai liên lạc giữa Vua và Quốc Hội (Parlement). Nội các phải được sự tín nhiệm của cả Vua lẫn Quốc hội. Nếu mất một tín nhiệm nào (của Vua hay của Quốc hội) Nội các phải từ chức.

Như vậy Quốc hội bao giờ cũng có phương tiện bắt Vua phải theo quan niệm của mình, bằng cách bỏ phiếu bất tín nhiệm Nội các, nhưng Vua có quyền đối kháng (trả đũa) bằng cách giải tán Quốc hội.

Đó là chế độ mà người ta còn thấy ở Anh cho tới hồi giữa thế kỷ thứ 19.

Đó cũng là chế độ ở Pháp từ năm 1814 tới năm 1848 (Quân chủ phục hưng).

Và đó cũng là chế độ mà MAC MAHON (Quốc trưởng Pháp) muốn đem thi hành hồi năm 1873, tại Pháp.

b) Mô hình thứ hai của chế độ Nội các là một chế độ đối lập Quốc hội với Nội các. Trong chế độ này, chánh phủ là hiện thân của đa số tại Quốc hội. Nhà vua đã lui vào hậu trường; vai trò của Vua chỉ còn là một hình thức, và khối đa số tại Quốc Hội khai sanh ra Nội các.

Cuộc đối thoại xảy ra giữa Nội các và Quốc hội. Quốc hội có trong tay quyền bỏ phiếu bất tín nhiệm Nội các, nghĩa là bắt Nội các phải từ chức. Nội các, trái lại có quyền giải tán Quốc-hội. Đa số tại Quốc-Hội, nếu có khuynh hướng tan rã, sẽ được cảnh cáo: nếu không chính đốn hàng ngũ để hậu thuẫn Chánh Phủ, thì rất có thể là sẽ bị giải tán.

c) Sau hết, loại chế độ Nội các thứ ba, mà ta thấy hoạt động tại Anh, thời hiện tại, là một chế độ Nội các khác hẳn các mô hình đã xuất hiện trong lịch sử. Trong chế độ Nội các đương thời, quan hệ nhất là chánh phủ. Rồi sau đó là khối đa số tại Quốc hội. Nhưng thực ra, hai lực lượng chánh trị là Nội các và khối thiểu số tại Quốc hội, tức là phe đối lập, vì rằng khối đa số — tại Quốc hội — không còn có nhiệm vụ nào khác là biểu quyết tất cả những cái gì mà Nội các yêu cầu. Các bộ trưởng không còn chịu trách nhiệm trước Quốc hội nữa vì không bao giờ đa số đánh đổ chánh phủ, cũng như quân đội

không bao giờ nghịch lại cấp chỉ huy. Trách nhiệm vẫn còn nhưng là đối với cử tri. Trong cuộc tổng tuyển cử sau, cử tri sẽ thay chánh phủ khi thay đa số tại Quốc hội. Nhưng ngày nào mà cử tri chưa can thiệp, thời Nội các đang cầm quyền, do cuộc tổng tuyển cử vừa qua bầu ra, vẫn tại chức, cho tới cuộc tổng tuyển cử sau. Quyền giải tán Quốc hội cũng thay đổi ý nghĩa: nó không còn là một phương tiện để duy trì một đa số mà kỷ luật của đảng có dự lực để duy trì. Quyền giải tán chỉ là một phương tiện đem lại cho sanh hoạt chánh trị một nhịp mềm dẻo hơn là cái nhịp thay thế Quốc Hội theo đúng nhiệm kỳ luật định.

Như vậy, thoạt nhìn người ta có thể thấy rằng chế độ Anh là một chế độ độc tài của Thủ Tướng và Nội các Anh. Nhưng sự thật không như vậy: giữa Chánh-Phủ và Quốc-Hội vẫn còn có đối thoại: và cuộc đối thoại này xảy ra giữa Nội các và Phe Đối lập nằm tại Quốc Hội. Vì có Phe Đối lập cho nên Anh không phải là một nước độc tài. Ngoài ra, giữa Nội các và Khối đa số cũng có một cuộc đối thoại. Cuộc đối thoại này xảy ra trong nội bộ của đảng nắm đa số tại Quốc Hội.

d) Tóm lại chế độ Nội các ra đời ở Anh, nước mà người ta gọi là: « mẹ » của mọi Quốc-Hội (la Mère des Parlements). Và chính nước Anh cho ta thấy rõ những ý nghĩa khác nhau của danh từ đó.

Chế độ Nội các, theo những sách giáo khoa xuất bản trước Thế Chiến II, được định nghĩa như là một chế độ thăng bằng hay hợp tác giữa các công quyền. Một quyền lập pháp có khả năng đánh đổ Chánh-phủ; một quyền hành pháp có khả năng đối lập, tức giải tán Quốc-Hội,

Trong nước Anh ngày nay, chế độ Nội các trở nên một cái gì khác hẳn. Đó là một chế độ trong đó việc quan hệ nhất là sự tổ chức một Chánh Phủ đảng trị, dưới sự kiểm soát thường trực của Phe Đối lập.

### **Chế độ Nội-các Anh** (*Régime parlementaire anglais*)

Theo sự mô tả cổ điển của các luật gia, chế độ Nội các là một chế độ thăng bằng giữa các công quyền.

Các luật gia dạy rằng cơ quan Lập pháp có quyền lật đổ Nội các, và Nội các có quyền giải tán Quốc-Hội.

Nhưng nếu ta căn cứ vào thi dụ của cái nước được gọi là « Mẹ của mọi Quốc-hội » (la Mère des Parlements), nghĩa là nước Anh, thì ta thấy rằng chế độ Nội các không phải như các luật gia đã tả nó. Chế độ Nội các là chế độ trong đó quyền hành pháp do dân chúng bầu ra, với sự dè dặt sau : quyền hành pháp bị đặt dưới sự kiểm soát của Phe Đối lập.

Như vậy, chế độ Nội các này không có gì là giống với sự mô tả cổ truyền của các luật gia.

\* \* \*

Cái đặc điểm của chế độ nước Anh, là sự chỉ định đảng thắng cử, trong cuộc tổng tuyển cử, và đồng thời sự chỉ định nhân vật sẽ nắm chánh quyền. Dĩ nhiên các nghị sĩ của phe đa số chỉ là những cái máy bầu cử. Nhưng sở dĩ chế độ Anh không phải là một chế độ độc tài, là vì có một Phe Đối lập. Phe này không có thể ngăn cản Chánh-Phủ làm những việc mà Chánh-Phủ muốn làm.

Nhưng Phe Đối lập luôn luôn chỉ trích Chánh-Phủ, đặt Chánh-Phủ dưới ánh sáng của dư luận, đe dọa lật đổ Chánh-Phủ, không phải bằng một cuộc đầu phiếu tại Quốc-Hội, mà bằng một cuộc tranh cử trước dân chúng, vào dịp tổng tuyển cử sau.

Trách nhiệm chánh trị của Chánh-Phủ thể hiện, không phải trước Quốc-Hội, mà trước cử tri.

### **Chế độ khóa họp** (*Régime des sessions*)

Đây là chế độ các khóa họp của các viện dân biểu. Cần phải phân biệt các Phiên họp (séances), tức là những cuộc hội họp thực sự, dài thường không quá một buổi, của các viện, với các Khóa họp (sessions), tức là các khoản thời gian — chừng vài ba tháng — trong đó các viện có thể họp một cách hợp pháp. Về điểm này, phải phân biệt các viện thường trực (assemblées permanentes) với các viện thất thường (assemblées intermittentes).

a) Một viện thường trực không phải là một viện họp hoải, họp lu bù. Đó chỉ là một viện có quyền lúc nào muốn họp thì họp, hoặc là vì có một khóa họp dài suốt năm, không có nghỉ hè, không có đứt quãng, hoặc là vì viện tự quyền ấn định thời gian của các khóa họp.

Dưới những thời cách mạng (Cách mạng 1789, Pháp) người ta áp dụng chế độ nói trên, để cho Hành pháp thường trực dưới sự kiểm soát của các dân biểu. Người ta nói rằng sự thường trực vĩnh viễn của Quốc-dân (Nation) đòi hỏi sự thường trực của viện đại diện Quốc-dân. Kinh nghiệm cho hay là chế độ đó dở : một viện dân biểu thường trực làm quá nhiều luật và làm tê liệt hành pháp vì sự kiểm soát quá chặt chẽ và nặng nề.

b) Vì thế cho nên ngày nay, ở các nước dân chủ, người ta ưa áp dụng chế độ các viện không thường trực, nghĩa là có những khóa họp xa nhau. Vấn đề then chốt là : cơ quan nào có quyền ấn định các khóa họp của viện. Nếu hành pháp nắm quyền đó thì e rằng có thể bịt mồm, trói tay cơ quan dân biểu bằng cách không triệu tập, hay ấn định những khóa họp ngắn, cách nhau rất lâu. Hiến pháp có thể ấn định thời gian các khóa họp : nhưng chế độ này quá cứng rắn, không ứng đáp các nhu cầu thực tế.

Người ta thường áp dụng một chế độ hỗn hợp : cạnh những khóa họp luật định (sessions légales) do Hiến pháp định trước, Hành pháp có thể triệu tập các viện, để họp trong những khóa bất thường (sessions extraordinaires), nếu có những sự việc bất chợt xảy ra và đòi sự có mặt của các vị đại diện nhân dân.

### **Chế độ Quốc-Hội** (*Regime d'assemblée ou conventionnel*)

Trong chế độ này, quyền lập pháp « bao trùm » quyền hành pháp. Sở dĩ chế độ này còn gọi là « Conventionnel » là vì cái mô hình đáng ghi nhất của nó, đã xuất hiện tại Pháp dưới thời Đại cách mạng, (1789) khi mà Hội nghị Lập pháp (Assemblée Législative) nắm trong tay mọi quyền hành, và tuyển chọn trong số nhân viên của mình một Ủy ban Hành



pháp lâm thời ( Conseil Exécutif Provisoire ) để ủy nhiệm cho quyền Hành pháp. Sau đó, Hội nghị Lập pháp triệu tập một Quốc Hội Lập hiến » (Convention), tức một cơ quan có nhiệm vụ soạn thảo hay tu chính hiến pháp. Quốc hội Lập-hiến này cầm quyền trong 4 năm (1792-1795), và thi hành Chế độ Quốc Hội (Régime d'Assemblée) trong suốt thời gian đó. Đặc điểm chính yếu của Chế độ Quốc hội là cơ quan phụ trách thi hành pháp luật và điều khiển hành chính do Quốc-Hội bổ nhiệm, cách bãi, và tùy thuộc chặt chẽ ở cơ quan sau.

Hành pháp trong Chế độ Quốc hội không có sáng quyền gì: Hành pháp là tay sai (commis) của Quốc hội.

\* \* \*

Nếu cơ quan đại diện dân chúng (Quốc-hội), do dân chúng bầu ra, trong một cuộc tuyển cử lương thiện và tự do, nắm hết mọi quyền hành (Lập pháp + Hành Pháp) thời Chế độ Quốc hội, thoạt nhìn, có thể coi là chế độ dân chủ hoàn toàn nhất. Trong chế độ này, Quốc-hội do dân bầu, Hành pháp do Quốc-hội tuyển chọn; thành ra tổ chức hiến pháp là một kim tự tháp mà dân chúng là nền móng căn bản.

Tuy vậy, theo quan niệm của Tây phương, và nhất là theo kinh nghiệm lịch sử thì Chế độ Quốc-hội phản dân chủ nhất; và có nhiều luật gia còn chủ trương rằng Chế độ Quốc hội thực ra đã đưa tới sự chuyên chế của cơ quan dân biểu, cũng chẳng khác gì sự chuyên chế của một cá nhân.

Sự thật cho hay rằng một Quốc hội chuyên quyền vì toàn quyền, cũng coi thường mọi tự do công cộng y như một nhà độc tài. Dư luận, dưới thời Quân chủ (Pháp) còn tự do hơn dưới thời chuyên chế của Quốc hội Lập hiến (1792-1795) rất nhiều. Hơn nữa, một Quốc-hội toàn quyền cũng tìm cách thủ tiêu đối phương. Rồi trong cái Khối đa số còn lại (trong Quốc-hội), lại tách ra một phe phản đối mới. Phe này cũng lại bị thủ tiêu nốt. Quyền chuyên chế, trước kia trong tay Khối đa số, nay rơi vào phe thắng thế, rồi sau vào một nhóm của phe sau này, cho tới khi người ta chỉ còn thấy sự chuyên chế của một cá nhân. Đó là trường hợp xảy ra vào ngày cáo

chung của Quốc-Hội Lập Hiến tại Pháp (1795).

Nền dân chủ đã biến thành một chế độ chuyên chế trong thực tế.

Tuy vậy nên ghi rằng chế độ Quốc hội, hiện áp dụng tại Thụy Sĩ, không đi tới kết quả bi thảm đó.

### **Chế độ Tổng Thống** (*Régime présidentiel*).

Không phải là chế độ trong đó có một ông Tổng Thống. Đó là chế độ trong đó, Tổng Thống, do nhân dân bầu, đóng một vai trò chánh trị then chốt, nguyên do ở điểm là Tổng-Thống giữ quyền Hành pháp (exécutif), mà không chịu trách nhiệm trước Quốc-hội, tức Lập pháp (législatif). Chế độ Tổng Thống, như ta thấy ở nước Mỹ, đòi hỏi rằng: một nhân vật dân cử duy nhất vừa là Quốc Trưởng, vừa là lãnh tụ Chánh phủ, mà không chịu trách nhiệm trước Quốc hội, và các Bộ trưởng của nhân vật đó chỉ chịu trách nhiệm với ông ta thôi, và không chịu trách nhiệm trước Quốc-Hội.

Nhưng trong chế độ này, Hành-pháp và Lập pháp hợp tác với nhau vì:

a) Hiến pháp có tổ chức sự hợp tác đó, tới một mức độ nào. Quốc hội hợp tác với Tổng Thống trong một vài hành vi nào của hành pháp (bổ nhiệm công chức cao cấp, ký kết các hiệp ước quốc tế v.v...); trái lại, Tổng Thống cũng tham dự vào sự hành sử của quyền lập pháp (quyền phủ quyết luật của Tổng Thống).

b) Tổng Thống phải biết tới thể lực của Quốc hội vì cơ quan này làm luật và biểu quyết ngân sách.

Quốc hội cũng phải biết tới thể lực Tổng Thống, vì vị này có quyền phủ quyết luật do Quốc-hội làm ra. Hơn nữa, với những quyền hành và phương tiện lớn lao trong tay, Tổng Thống có thể hoặc giúp, hoặc cản, bất cứ nhân viên nào của Quốc Hội.

Nhưng cuộc đối thoại của Chế độ Tổng Thống không chánh thức bằng những cuộc đối thoại của Chế độ Nội các. Khi một Bộ trưởng Anh, ra trước Thù dân nghị viện để trả

lời những câu hỏi của các nghị sĩ, người ta ý thức ngay là có một cuộc đối thoại. Trong chế độ Tổng Thống, cuộc đối thoại không rõ rệt bằng, vì nó xảy ra đằng sau nghị trường, trong những cuộc tiếp xúc bất chính thức giữa nhân viên Quốc Hội và đại diện của Hành-pháp, hay qua sự trung gian của các nhóm gây áp lực (groupes de pression). Cuộc đối thoại này không đối diện một lãnh tụ đảng da số và một đại diện của phe đối lập như ở Anh.

Trái lại nó đối diện một vị Tổng Thống dân cử, đại diện cho quyền lợi chung, với các nghị sĩ Quốc-Hội, đại diện những địa hạt tuyền cử, quyền lợi khác nhau, và như vậy, các vị sau này thường có khuynh hướng suy nghĩ gò bó trong khuôn khổ riêng biệt của những quyền lợi, tình tình và tập quán địa phương.

Như vậy khác với những bài học của các sách về Luật Hiến Pháp thời trước Thế chiến II, xét về bản chất, chế độ Tổng Thống là chế độ duy nhất trong đó có sự hợp tác giữa Hành-pháp và Lập pháp. Chế độ Nội các kiểu Anh căn cứ vào sự tập trung Lập-pháp và Hành-pháp, chứ không phải là vào sự phân quyền như người ta lầm tưởng Chế độ Nội các kiểu Pháp, dưới thời Đệ tam và Đệ-tứ Cộng Hòa, được giáo sư Vedel gọi là một hỗn loạn chánh trị, không có tên trong bất cứ ngôn ngữ nào (une anarchie politique, qui n'a de nom dans aucune langue).

Vậy xét trong bản chất, Chế độ Tổng Thống là một chế độ hợp tác và thăng bằng giữa Hành-pháp và Lập-pháp. Căn bản của sự hợp tác và thăng bằng này là mọi đòi hỏi của thực tế. Và căn bản pháp lý của tình trạng đó là: Tổng Thống và Quốc-Hội, không cơ quan nào có quyền giải tán cơ quan nào. Thành ra hai cơ quan phải chung sống với nhau, chịu đựng nhau, để mà trị nước theo Hiến Pháp.

### **Chế độ quả đầu (Aristocratie)**

Chánh thể trong đó quyền hành nằm trong tay một loại công dân được coi như là một tầng lớp thượng lưu, hoặc vì dòng dõi, hoặc vì học thức hay tài năng, hoặc vì tài sản.

### **Chế tài (luật) (Sanction législative)**

Hành vi do đó một vị nguyên thủ quốc gia (Vua), được coi như ngang hàng, hay thượng cấp của Quốc hội, chấp thuận một đạo luật do cơ quan trên biểu quyết.

Ở một vài chế độ (như quân chủ Đức, trước Thế chiến I) chỉ có hành vi chế tài của Vua mới đem lại cho luật cưỡng chế lực (*force obligatoire*), và Quốc hội chỉ có làm cái việc ấn định nội dung tinh thần (*contenu intellectuel*) của luật (xem chữ ban hành luật).

### **Chủ quyền (Souveraineté)**

1.— Quyền chánh trị của Quốc-gia (nghĩa hẹp) trong tay các nhà cầm quyền.

2.— A) Tính chất của Quốc-gia hay Chánh-phủ, không bị một quy tắc thượng cấp nào hạn chế, hay bó buộc. Rộng nghĩa: quyền hành mà Quốc-gia hay Chánh-phủ trên hành sử.

B) Tính chất của Quốc gia hay một cơ quan nào, không phụ thuộc một Quốc-gia hay cơ quan nào khác, mặc dầu vẫn bị một hay nhiều qui tắc thượng cấp hạn chế. Thí dụ: Quốc-gia Việt-Nam có chủ quyền. Theo nghĩa rộng: quyền hành mà Quốc gia hay cơ quan đó hành sự.

Theo Giáo sư J. Laferrière (Luật khoa Đại học Ba-lê), chủ quyền là tính chất của một quyền hợp pháp, nguyên thủy và tối thượng.

(La Souveraineté est le caractère attaché à un pouvoir de droit originaire et suprême).

1) Một quyền hành hợp pháp: chủ quyền không phải là một thực trạng võ lực (*un fait de force*); quyền hành dựa vào một ý niệm pháp luật, tự xưng và được quần chúng coi là có danh nghĩa chánh đáng để đặt ra những qui tắc pháp luật.

2) Một quyền hành nguyên thủy: Quốc-gia có chủ quyền không phải là nhận được chủ quyền đó của một cơ quan nào khác ban cho, ủy nhiệm cho.

3) Một quyền hành tối thượng (*un pouvoir suprême*). Đó

là một hậu quả của tính chất nguyên thủy của quyền hành. Quốc-gia không « nhận » được quyền hành của ai ban cho, vậy trong khi hành xử quyền hành của mình, Quốc-gia không phụ thuộc vào một cơ quan, một uy quyền nào khác.

Nếu ta tạm quên vấn đề : Quốc-gia phải tôn trọng pháp luật ( *Soumission de l'Etat au Droit* ) và chỉ biết đến những tổ chức trong nội bộ ta có thể nói rằng Quốc-gia không có kẻ trên, kẻ ngang, hay kẻ cạnh tranh.

### **Chủ quyền Quốc dân** ( *Souveraineté nationale* )

Một lời phát biểu nguyên tắc dân chủ, riêng biệt của Luật Hiến-pháp nước Pháp, tuyên bố rằng : chủ quyền được quan niệm như là một quyền hành chủ quan ( *droit subjectif* ), thuộc về dân chúng, và toàn khối dân chúng này được tiêu biểu bằng Dân-tộc ( *Nation* ).

# D - Đ

## **Dân chủ** (*Démocratie*)

Muốn ý thức sự khó khăn trong việc định nghĩa danh từ này chỉ cần nhớ rằng trong thế giới ngày nay, có hai loại Quốc-gia, hai loại chính thể, đều tự xưng chỉ có mình là dân chủ, và không chịu nhận rằng loại kia là dân chủ.

Có thể tạm định nghĩa như sau: dân chủ là chính phủ của nhân dân, để phụng sự nhân dân. Trong thực tế, như thế có nghĩa là: bất cứ cơ quan chính trị nào, (Chánh-phủ, Quốc hội, Quốc-trưởng v.v...) cũng phải do ở sự chỉ định, bằng tuyển cử, của nhân dân mà ra. Trong một nước dân chủ, không có một cơ quan chính quyền nào là không dựa vào đa số công dân, một cách trực tiếp hay gián tiếp. Hơn nữa theo quan niệm của Tây-phương, dân chủ còn bao hàm rằng sinh mạng, tự do, quyền lợi và tư tưởng của phe thiểu số phải được tôn trọng.

\* \* \*

Giáo-sư G. Vedel còn định nghĩa dân chủ là chế độ trong đó đa số cai trị, và thiểu số được tôn trọng (*Démocratie: régime où la majorité gouverne; régime où la minorité est respectée*). Hai định nghĩa này đều đúng cả, nhưng phải tốn biết bao nhiêu cố gắng, kinh nghiệm và khôn ngoan, để cho hai định nghĩa đó không mâu thuẫn nhau. Muốn thực hiện được

một nền dân chủ trong đó đa số và thiểu số sống chung với nhau được, cần phải tôn trọng hai qui tắc sau :

1) Thiểu số phải có điều kiện dễ tồn tại, nảy nở, và phát triển. Đa số không được tồn tại vĩnh viễn bằng những phương tiện cưỡng chế, bằng sự bóp nghẹt tự do tư tưởng, tự do ngôn luận. Những công dân đã nhập khối đa số, không những có quyền lia bỏ khối đó, mà lại còn có thể biết đến những lý luận của khối thiểu số. Và, khi họ thay khối, họ đồng thời thay được cả khối đa số, nghĩa là khiến cho đa số trước, nay trở nên thiểu số. Đó là qui tắc thứ nhất : không có đa số trung thực (*majorité authentique*), nếu đó là một đa số vĩnh viễn

Không có đa số trung thực, nếu những người đã nhập vào khối đó, không thể lia bỏ nó được.

2) Quy tắc thứ hai : Phải vạch, cho mỗi công dân, một lãnh vực bất khả xâm phạm những quyền lợi bất khả nhượng, và thiêng liêng. Đối với những quyền đó, người công dân là chủ nhân duy nhất; dựa vào những quyền đó phe thiểu số có thể đối lập với khối đa số; dựa vào những quyền đó, người công dân, dù là cô độc nhất, yếu đuối nhất, vẫn có thể phản đối một cách hữu lý, tất cả mọi người khác.

Kinh nghiệm những nền dân chủ hiện tại (Anh, Mỹ, Pháp, Đức v.v...) cho hay rằng muốn thực hiện được dân chủ phải có một Hành Pháp mạnh (*exécutif fort*) Dù là dân chủ kiểu Tây phương hay Mác-xít, dân chủ ở Mỹ, Nga, Nam Tư hay Ấn Độ, một nền dân chủ của thời nay, trước hết là một Hành pháp mạnh. Hoặc là chế độ dân chủ được hiện thân bằng một nhóm người họp thành Hành Pháp, hoặc là chế độ dân chủ đó hoàn toàn bất lực. Sự hiện hữu nhóm người lãnh đạo nói trên, không có cản trở nền dân chủ.

Về vấn đề nhân dân chỉ huy việc nước, cái việc có ý nghĩa không phải là một cuộc tuyền cử với hàng trăm, hàng ngàn ứng cử viên, cùng là đảng phái khác nhau, mà là việc nhân dân lựa chọn chánh đảng nào, trong một số rất ít chánh đảng, và trao quyền chỉ huy việc nước cho đảng được đa số trong tổng tuyền cử.

Chỉ huy thực sự việc nước, không thể trao cho một nhóm đông người như một quốc hội được. Khi quan sát các chế độ hiện nay, ta thấy rằng những quyền lợi địa phương tự nhân được đại diện rõ ràng và chắc chắn tại những Quốc hội, và chính Hành Pháp, hay Chánh phủ mới là cơ quan bình vực quyền lợi chung. Nghị sĩ thông minh và tận tâm nhất trước hết là đại diện của những ai đã bỏ phiếu cho ông ta. Đó là nghị sĩ của một miền nào một, giai cấp nào, một kỹ nghệ hay một sản phẩm nào. Và dầu muốn hay không một chánh khách tâm thường nhất, ngồi ở một ghế bộ trưởng, bó buộc phải đứng trên tất cả mọi hạt tuyền cử mặc dầu là ông ta có một cảm tình nồng nhiệt với hạt đã bầu mình.

Sự thực ngày nay là : chánh thể dân chủ tức là chánh thể có một Hành pháp mạnh, đại diện và bình vực cho quyền lợi chung. Chính mối liên hệ giữa hành pháp mạnh đó, với các khối dân chúng, mới đại diện cho nền dân chủ thực sự. Và một quốc hội dân cử chỉ là một cái hàng rào ngăn cản, một giám sát viên, hay một diễn đàn cho phe đối lập, như ở Anh, nhưng không thể có tham vọng tự coi mình như là đại diện duy nhất cho nhân dân.

### **Dân chủ bán trực tiếp** (*Démocratie semi-directe*)

Trong chế độ dân chủ bán trực tiếp, Chánh phủ do dân bầu ra, theo nguyên tắc đại diện.

Nhưng nhân dân có thể can thiệp vào việc làm của Chánh phủ, bằng ba phương pháp chính sau :

a) Sáng quyền pháp luật (*initiative populaire*) : nhân dân đề nghị một dự án luật, để cho các đại diện của mình thảo luận và biểu quyết.

b) Công quyết (*référéndum*) : luật, do các vị đại diện nhân dân biểu quyết, chỉ có giá trị nghĩa là đem thi hành, sau khi đem trưng cầu dân ý và được chấp thuận,

c) Phủ quyết của nhân dân (*veto populaire*) : nhân dân có sáng quyền trong sự phản đối một đạo luật đã được các đại diện biểu quyết.



### **Dân chủ đại diện** (*Démocratie représentative*)

Trong chế độ này, nhân dân không tự cai trị mình, nhưng cai trị qua sự trung gian của các đại diện do nhân dân bầu ra, và hành động thay mặt nhân dân.

Người ta đem áp dụng cho các cơ quan chánh trị lý thuyết ủy quyền của dân luật: nhân dân chọn các nhà cầm quyền và ủy nhiệm cho họ cái việc hành động thay mặt cho mình.

Montesquieu chứng minh như sau chánh thể đại diện: Nhân dân rất có khả năng trong việc tuyển chọn những đại diện đồng ý tưởng và khuynh hướng với mình; nhưng nhân dân không có khả năng tự mình làm ra luật và biểu quyết luật.

Vì muốn làm luật, phải học, và đa số dân chúng không có theo học, hay không có thì giờ để theo học.

Vậy quốc dân không có khả năng tự cai trị mình. Rousseau, trái lại, chủ trương rằng chỉ có chánh phủ trực tiếp (dân tự cai trị mình) mới có thể thực hiện được nền dân chủ. Đối với Rousseau, sự đại diện không đi đôi với nguyên tắc dân chủ, vì một ý chí không thể đại diện được. Sự đại diện ý chí đưa đến sự tiêu hủy, hay gạt bỏ ý chí (*la représentation d'une volonté aboutit à son aliénation*). Thực ra, chỉ còn ý chí của người đại diện; ý chí của người bị đại diện không còn nữa. Vậy sự đại diện ý chí của dân chúng đưa đến sự tiêu hủy nó. Hơn nữa Rousseau còn quả quyết rằng quốc dân hoàn toàn có khả năng tự cai trị mình vì ý chí tổng quát (*volonté générale*) không thể lầm lẫn được.

### **Dân chủ trực tiếp** (*Démocratie directe*)

Trong chế độ dân chủ trực tiếp, toàn thể dân chúng tự cai trị mình, bằng những hội nghị tổng quát họp vào những định kỳ đều đặn.

Bề ngoài, không có sự phân biệt giữa phe cầm quyền và phe bị trị: tất cả mọi công dân, không phân biệt đều vừa là cầm quyền, vừa là bị trị, ít ra là về mặt lý thuyết.

Nói một cách tổng quát dân chủ trực tiếp chỉ có thể áp

dụng tại những nước rất nhỏ, có một dân tộc đồng đều, và chỉ đòi hỏi một pháp chế dẫn dụ. Đó là trường hợp những Thị trấn Hy Lạp thời xưa, hay một vài Tổng miền sơn cước ngày nay, ở Thụy sĩ.

### **Dân chủ xã hội** (*Démocratie sociale*)

Trên bình diện chính trị, dân chủ có nghĩa là để cho đại đa số dân chúng quản trị việc nước.

Trên bình diện xã hội, dân chủ còn có nghĩa là hoạt động kinh tế cũng phải do quần chúng quản trị. Như thế có nghĩa là tất cả hoạt động kinh tế phải do những người lao động quản trị. Hoặc Quốc-gia, đại diện cho tất cả các giới lao động, sẽ quản trị hoạt động kinh tế. Hoặc giới lao động phải trực tiếp quản trị các xí nghiệp tức nơi mà họ làm việc.

Mục đích của dân chủ xã hội là thực hiện công bằng kinh tế, thay vì tự do. Dân chủ xã hội nhằm chấm dứt cảnh « người bóc lột người » nghĩa là một tình trạng xã hội mà đại văn hào Anatole France mô tả như sau : « Những ai sản xuất những cái gì cần thiết cho đời sống thì lại thiếu chính những cái đó. Trái lại những ai không sản xuất ra những cái đó, thì lại có thừa » (*Ceux qui produisaient les choses nécessaires à la vie en manquaient, chez ceux qui ne les produisaient pas, elles surabondaient*). Trong tinh chất, hai khái niệm dân chủ chính trị và xã hội không đối lập nhau, mà trái lại, còn bổ khuyết nhau : dân chủ thực sự chỉ có thể thực hiện khi nào dân chủ chánh trị thể hiện cùng lúc với dân chủ xã hội. Mục đích xâu xa của dân chủ là đem lại cho mỗi người một phạm vi tự do tối đa trong đời sống tập đoàn. Cái nhược điểm của dân chủ chánh trị là không biết tới những điều kiện vật chất của tự do (Molotov có nói rất đúng như sau : tôi khó mà quan niệm nổi sự tự do của một công nhân Mỹ thất nghiệp) và không dám nhìn thẳng vào sự thống trị của các thế lực kinh tế. Nếu dân chủ xã hội cung cấp được những điều kiện vật chất của tự do, thì dân chủ xã hội đã trợ giúp mạnh sự cố gắng của dân chủ chánh trị, trong công cuộc đem lại tự do thực sự cho nhân loại.

**Dân tộc tự quyết (nguyên tắc) (Principe des nationalités)**

Cái quyền của một đoàn thể người, có một nguồn gốc, một quá khứ và những hoài bão chung, và định cư trên cùng một lãnh thổ, được trở nên một Quốc-gia có chủ quyền.

**Dẫn độ (Extradition)**

Thủ tục do đó một Quốc-gia yêu cầu một Quốc gia khác, bắt và nộp cho mình một cá nhân nào, hiện đang ẩn náu trên lãnh thổ Quốc gia sau, để hoặc truy tố y trước một tòa hình, hoặc để thi hành, đối với y, một bản án đã có.

**Dự (Ordonnance)**

Danh từ tổng quát để chỉ những quyết nghị thành văn (décisions écrites) của nhà Vua, ở ngôi Quốc Trưởng. Dự tương đương với Sắc luật (Decret) trong chính thể cộng hòa (Hiến pháp 1958 của Pháp)

**Đa số dân dị (Majorité simple)**

Đây là đa số dân dị của tổng số phiếu đã bỏ. Đa số dân dị của số phiếu đã bỏ thực sự, thực ra là một đa số tuyệt đối, đối với số những phiếu đã bỏ. Nói khác, sự đầu phiếu đã thành công và có giá trị khi một người, hay một quyết nghị, hội được quá nửa số phiếu đã phát biểu thực sự (plus de la moitié des suffrages exprimés). Trong một hội nghị gồm 580 hội viên, có mặt, nếu một dự án hội được 260 phiếu thuận, đối với 220 phiếu nghịch, (trong 580 nghị sĩ có 100 nghị sĩ không bỏ phiếu), thì đa số dân dị đã thu được, vì quá phân nửa số phiếu đã phát biểu, đã chấp thuận dự án đó.

(Số phiếu đã bỏ, hay phát biểu:  $260 + 220 = 480$ )

**Đa số tuyệt đối (Majorité absolue)**

Còn gọi là đa số hợp hiến (majorité constitutionnelle), Đa số này tính theo tổng số hội viên của hội nghị, và trong tổng số này người ta tính cả những hội viên không bỏ phiếu, hữu ý hay vô tình. Trong thí dụ trên đa số dân dị là 240 phiếu, nhưng đa số tuyệt đối phải là:  $\frac{580}{2} + 1$  phiếu. Đa số hợp

hiến này, nhà làm luật đòi hỏi đối với những việc đầu phiếu về những vấn đề hệ trọng như là đầu phiếu về một kiến nghị kiểm duyệt (motion de censure), hay một kiến nghị bất tín nhiệm (motion de non confiance) mà hậu quả là sau cuộc đầu phiếu đó, chánh phủ phải rút lui.

### **Đa số đặc biệt** (*Majorité spéciale, ou renforcée*)

Thí dụ : đa số  $\frac{2}{3}$  hay  $\frac{3}{5}$  cần thiết chẳng hạn đề cho một sự tu chánh hiến pháp, có hiệu lực, mà không cần đem trưng cầu dân ý.

### **Đa số tương đối** (*Majorité relative*)

Sự đầu phiếu thâu được đa số tương đối, khi nào một người đăc cử, hay một quyết nghị được chấp nhận, sau khi hội được một số phiếu lớn hơn số phiếu của các ứng cử viên, hay quyết nghị cạnh tranh, mặc dầu là số phiếu hội được không lớn hơn là tổng số phiếu của các địch thủ cộng lại. Thí dụ : trong một hạt tuyển cử, 3 ứng cử viên ra tranh một ghế nghị sĩ. Số phiếu trúng cách là : 470. Đăc cử là ứng cử viên đă hội được 200 phiếu, mặc dầu là ứng cử viên thứ hai hội được 150 phiếu và ứng cử viên thứ ba hội được 120 ( $200 < 150 + 120$ )

### **Đại diện tỷ lệ và đầu phiếu đa số** (*Représentation proportionnelle et scrutin majoritaire*)

Định nghĩa chi tiết xin xem ở giảng văn.

Ở đây chỉ tổng hợp những ưu và nhược điểm của hai chế độ đầu phiếu đó, theo những phương diện sau :

1) Về phương diện công bình của sự đại diện.

Đại diện tỷ lệ (gọi tắt là T.L.) khiến cho mọi luồng dư luận chánh trị được đại diện một cách trung thực.

Đầu phiếu đa số (gọi tắt là Đ.S.), dẫn dị, tức nhất phiên (một lần đầu phiếu mà thôi) hết sức bất công : nếu có nhiều ứng cử viên, thì ứng cử viên đăc cử có thể chỉ là đại diện của một thiểu số cử tri tương đối nhỏ.

Cuộc tổng tuyển cử năm 1936 ở Pháp cho hay rằng các ứng cử viên đặc cử hội được 5.571.754 phiếu, trong khi các ứng cử viên thất cử hội được 6.430.169 phiếu. Vậy viện dân biểu chỉ đại diện cho 46 31% cử tri. Trong cuộc tổng tuyển cử ở Anh, năm 1950, đảng Lao động hội được 13.911.000 phiếu (và được 295 ghế), đảng Bảo thủ hội được 13.721.000 phiếu, nghĩa là hơn số phiếu của đảng Lao động, nhưng số ghế nghị sĩ mà đảng Bảo thủ chiếm được (321 ghế) lớn hơn số ghế của đảng Lao động.

2) Về phương diện áp dụng thực tế, thời chế độ đa số lại có ưu điểm: nó rõ ràng và dẫn dụ. Chế độ tỷ lệ, trái lại, tối tăm và rắc rối. Khi kết quả cuộc bầu phiếu được tuyên bố, sau hàng tuần khai phiếu và tính toán, trước sự hiện diện của đại biểu các đảng thời cử tri thường không sao hiểu được những kết quả đó, trừ một vài nhà toán học.

3) Về phương diện điều hành chế độ dân chủ: các nhược điểm của T.L. nhiều đến nỗi người ta phải gạt bỏ chế độ đó. Chế độ T.L. đưa đến một tình trạng trong đó các đảng mọc lên như nấm. Chế độ T.L. càng thi hành một cách triệt để, số đảng phái càng nhiều, vì đảng nào cũng hy vọng được một số ghế tương đương với thực lực. Người ta đi đến những Quốc-hội không sao làm việc được, vì không sao xây dựng được những đa số thuần nhất và vững chãi. Trái lại bầu cử đa số, dẫn dụ và nhất phiến, thường đưa đến sự thành lập 2 đảng lớn, đối lập.

Thực vậy, những đảng có tư tưởng gần giống nhau, nhưng không hợp nhất được, vẫn đứng riêng rẽ, sẽ bị các đảng đối phương đè bẹp, mặc dầu các đối phương chỉ là thiểu số, nhưng đã thực hiện được sự hợp nhất.

Thí dụ: 1 hạt tuyển cử có 10.000 cử tri, trong đó 6000 bỏ phiếu cho khuynh hướng « trắng », và 4000 bỏ phiếu cho khuynh hướng « đỏ ». Nếu chỉ có 1 ứng cử viên đỏ, và 2 ứng cử viên trắng: thời ứng cử viên đỏ có rất nhiều hy vọng đắc cử nếu số phiếu bỏ cho « trắng » san sẻ cho 2 ứng cử viên « trắng ». Thấy chia rẽ là chết, trong cuộc tuyển cử sau, hai phe « trắng » sẽ đoàn kết và hợp nhất, để đưa ra 1 ứng cử viên

duy nhất. Nếu cử tri vẫn không thay đổi khuynh hướng, nhất định ứng cử viên « trắng » sẽ thắng. Sở dĩ các nước Anh và Mỹ có hai đảng lớn đối lập nhau, phần lớn là nhờ ở chế độ bầu cử đa số, nhất phiến. Và chế độ lưỡng đảng là một điều kiện tất yếu của sự điều hành hữu hiệu của nền dân chủ. Đó là *ưu điểm* đáng kể của chế độ đa số dẫn dị và nhất phiến. Nếu chế độ đa số lại kèm theo một lần bầu cử thứ hai (đa số song phiến: *scrutin majoritaire à deux tours*) thì nó mất hết ưu điểm trên. Nó sẽ đưa đến sự nhân số các đảng, với những liên minh tạm bợ trong vòng bầu cử thứ hai. Người ta sẽ đi tới những đa số liên minh, không thuần nhất, thiếu vững chắc. G.S Duverger cho rằng bầu cử đa số song phương là một trong những lý do của sự hoạt động trực trặc của nền dân chủ Pháp dưới Đệ tam Cộng Hòa (1875-1940).

Chỉ có chế độ đa số nhất phiến mới đảm bảo được một tổ chức dân chủ vững chãi và hữu hiệu.

### **Đảo chánh** (*Coup d'ETAT*)

Sự xâm đoạt chánh quyền, bằng cách sử dụng lực lượng của chánh phủ trước, để tiêu hủy chánh phủ đó và thay thế nó.

### **Đầu phiếu công khai** (*Vote public*)

Tại Quốc hội những vấn đề hệ trọng đều được giải quyết bằng những *quyết nghị* do sự đầu phiếu công khai ấn định. Sự đầu phiếu gọi là công khai khi nào lá phiếu có mang tên của vị dân biểu bỏ nó. Công báo công bố tên những dân biểu đã đầu phiếu thuận, nghịch, hay không bỏ phiếu. Thường thường tại Quốc hội, những vấn đề nhân sự không được quyết định bằng sự đầu phiếu công khai. Vì những lý do mà ai cũng hiểu, vị chủ tịch Quốc-hội không nên biết rõ là những ai đã bầu cho mình, hay phản đối mình. Trong những vấn đề nhân sự, sự công khai của lá phiếu bao giờ cũng gây phiền. Nhưng theo một quy tắc tổng quát, trong một nền dân chủ, nếu sự đầu phiếu của công dân nên  *kín*, thì sự đầu phiếu của các nghị sĩ nên công khai. Cái đó để hiệu: công dân không phải tường trình với ai. Vậy y có thể giữ kín việc bầu cử của mình. Nghị sĩ trái lại, phải tường trình cho cử tri. Vậy dĩ nhiên y phải đầu

phiếu công khai, và lá phiếu của y phải được ghi nhận, để cho các cử tri biết rõ mọi hành động của người đại diện mình.

### **Đầu phiếu tự do** (*Suffrage libre*)

Danh từ này có hai nghĩa :

- 1) Không ai phải bó buộc đi bỏ phiếu.

Đó là nghĩa phụ.

- 2) Không ai có thể bị đe dọa, trừng phạt, vì ý kiến phát biểu trong lá phiếu.

Áp lực và hối lộ đều cấm ngặt. Đó là nghĩa chánh.

### **Đầu phiếu kín** (*Suffrage secret*)

Đó là đảm bảo của tự do. Thời Đại Cách Mạng Pháp, có nhiều chánh khách chủ trương rằng chỉ có sự đầu phiếu công khai (vote public), nghĩa là người bỏ phiếu tuyên bố rõ mình bỏ cho ai, chỉ có lối đầu phiếu đó mới dân chủ vì nó là hành vi của những người can đảm. Nhưng sự thật, sự đầu phiếu kín là một yếu tố căn bản của dân chủ. Vì dân chủ không phải là sự cai trị nhân dân bằng những người can đảm, mà bằng nhân dân và trong nhân dân không phải là ai cũng can đảm cả.

### **Đầu phiếu bình đẳng** (*Vote égal*)

Mỗi công dân, một lá phiếu. Sự giàu có, sự học vấn, sự dòng dõi, sự có một gia đình, sự có công với nước v.v... tất cả những loại khả năng đó không có đem lại cho chủ nhân một lá phiếu phụ nào. Chỉ bị loại ra ngoài quyền đầu phiếu những ai bất xứng (bị một vài loại án nào), hay mất khả năng suy nghĩ (diên rồ, được cơ quan tư pháp xác nhận).

### **Đế chế** (*Empire*)

Loại chánh thể, mà cơ quan tột đỉnh là một ông vua chuyên chế, nhiều hay ít.

### **Đế quốc** (*Empire*)

Một loại chánh thể, trong đó cơ quan đứng đầu là ông Vua, chuyên quyền nhiều hay ít. Trong lịch sử, người ta gặp :

a) những Đế quốc thuộc quyền thống trị của một định chế quân chủ thiên quyền (monarchie de droit divin)

b) và những Đế quốc, trái lại, căn cứ vào học thuyết chủ quyền quốc dân (Souveraineté nationale), biểu thị bằng định chế công quyết (plébiscite)

2) Danh từ này còn dùng để chỉ một khối lãnh thổ, thuộc quyền một chánh phủ trung ương, bất luận chánh thể của chánh phủ này. Theo nghĩa này, người ta nói tới Đế quốc Anh, Pháp, hồi tiền Thế chiến II.

3) Một vài ông Vua (nhất là ở Đức) thường gọi những lãnh thổ của họ là Đế quốc, để cho ai nấy hiểu rằng họ chấp nhận những uy quyền phụ thuộc, nhưng họ vẫn là quyền hành tối thượng.

### **Đặc miễn của nghị sĩ hay dân biểu** (*Immunité parlementaire*)

Đặc quyền, mà đối tượng là khiến cho nghị sĩ có tự do để hành sử chức vụ của mình. Đặc quyền thừa nhận cho nghị sĩ khiến cho vị này được che trở trước những đơn khởi tố hoặc của tư nhân, hoặc của Chánh phủ.

Người ta phân biệt hai loại đặc miễn :

1) Sự vô trách nhiệm (irresponsabilité)

2) Sự bất khả xâm phạm (inviolabilité)

(Xem các danh từ này)

### **Đặc miễn ngoại giao** (*Immunité diplomatique*)

Toàn thể những đặc quyền liên hệ đến nguyên tắc bất khả xâm phạm bản thân các nhà ngoại giao của ngoại quốc cử đến sứ mình. Theo nguyên tắc này, nhân viên ngoại giao đoàn không thuộc thẩm quyền tài phán của quốc gia mà họ đang cư ngụ, và họ chỉ thuộc thẩm quyền tài phán của các tòa án nước họ.

Nguyên tắc này áp dụng không những cho nhà ngoại giao, mà còn cho cả vợ, con y, cùng là nhân viên chánh thức của sứ quán.



**Đặc quyền** (*Prérogative*)

Quyền đặc biệt nối liền với một vài chức vụ hay danh vị (dignité).

*Thí dụ* : Quyền bất khả bãi miễn là một đặc quyền của các vụ thẩm phán xét xử.

**Đại xá** (*Amnistie*)

Biện pháp đặc biệt hủy bỏ những hậu quả thường lệ của hình luật, quyết định rằng một vài loại tội phạm được nhà cầm quyền quên đi một cách chính thức, và những hành vi phạm tội mất hẳn tính chất đó : những việc truy tố không thể thực hiện được, những thủ tục đang tiến hành được đình chỉ và những bản án phạt tội đều hoàn toàn hủy bỏ. Theo một tập quán cổ truyền, ân xá là một biện pháp thuộc thẩm quyền Quốc hội.

**Điều tra** (*Enquête*)

Thủ tục xử dụng tới khi một Hội nghị dân biểu trao cho một Ủy ban (xem chữ này) do Hội nghị bầu ra, nhiệm vụ kiểm tra và thu thập tài liệu, để soi sáng Hội nghị về một vấn đề gì.

**Định chế** (*Institution*)

Toàn thể những quy tắc (règles) do nhà lập pháp (Quốc hội) hay do tư nhân, đặt ra, để thỏa mãn những quyền lợi công hay tư. Định chế có thể xuất hiện :

— hoặc dưới hình thể một pháp nhân thuộc ngành Công pháp. (Thí dụ : Quốc gia, Quốc hội, v.v...)

— hoặc dưới hình thể một pháp nhân thuộc ngành Tư pháp (thí dụ : hội, công ty thương mại, v.v...)

— hoặc dưới hình thể một nhóm không có pháp nhân

— hoặc dưới hình thể một cơ quan tặng lập (fondation) (thí dụ : sự tặng lập một giường tại một bệnh viện, một giải thưởng tại một Viện Đại học)

— hoặc dưới hình thức một chế độ pháp định (régime-légal) như là : giám hộ hôn nhân, truất hữu vì công ích, v.v...

### **Định chế chính trị** (*Institution Politique*)

Những quy tắc (règles) hay cơ quan (organismes) mà luật cùng tục lệ của Quốc gia đặt ra, để thỏa mãn những nhu cầu của đời sống xã hội. Mỗi Quốc gia có những định chế chánh trị, quân sự, kinh tế, dân sự, hình sự v.v... riêng biệt.

Thường thường những định chế hiện hữu tương đương với một tổ chức xã hội thích hợp với khuynh hướng của giới cầm quyền: bất cứ một cuộc cách mạng nào cũng đảo lộn những định chế chánh trị hiện hữu.

Thí dụ: Cách mạng năm 1789, ở Pháp, đã hủy bỏ định chế quân chủ độc đoán, cùng là những ưu quyền kinh tế và xã hội của các giai cấp quý tộc và tu hành.

Theo Giáo sư Vedel, một định chế là một sản phẩm của xã hội, một thực trạng xã hội (une chose sociale), và bao gồm những yếu tố thực trạng và pháp lý kết hợp với nhau một cách rất kiên cố. Định chế hôn thú chẳng hạn, vượt rất nhiều những quy tắc pháp lý của Dân luật: nó bao gồm những tập quán, phong tục cổ truyền, vai trò của phụ nữ trong sinh hoạt xã hội và kinh tế, sự vững bền hay lỏng lẻo của mọi cuộc hôn phối v.v... cộng thêm vào những yếu tố trên là những quy tắc pháp lý mà nhà làm luật đặt ra để đem lại cho « định chế » hôn thú bộ mặt thực sự của nó.

Ủy ban lãnh đạo Quốc gia là một định chế cơ quan (institution organe) của Hiến Pháp Việt Nam hồi năm 1965.

Sự độc lập của các thẩm phán xử án, là một định chế quy tắc (institution règle).

\* \* \*

Lúc sơ khai, chữ định chế, theo tự điển của Littré, chỉ tất cả những cái gì do loài người nghĩ và đặt ra, đối với tất cả những cái gì trong thiên nhiên (tout ce qui est inventé et établi par les hommes, en opposition à ce qui est de nature). Thí dụ: sự giao hợp giữa đàn bà và đàn ông là một hiện tượng tự nhiên hơn thú trái lại là một định chế. Sau Littré, người ta thường

danh chữ định chế để chỉ một khối tư tưởng, tin tưởng, tục lệ thuần nhất, mạch lạc và tổ chức : thí dụ hôn nhân, gia đình, bầu cử, chánh phủ, quyền sở hữu đều là những định chế.

\*\*\*

Còn chữ : chánh trị (politique), thời nghĩa của nó chẳng có gì là rõ hơn cả. Chữ đó thường dùng để chỉ hai loại hiện tượng khác nhau : a) Dựa vào nghĩa đen, người ta gọi là định chế chánh trị những định chế của Quốc gia, tức là cái đoàn thể xã hội có một tổ chức tinh vi hơn cả các đoàn thể khác. Đó là nghĩa của chữ chánh trị trong danh từ : *économie politique* (so với các danh từ : *économie domestique*, *économie familiale*, ta thấy rõ ngay ý nghĩa của chữ *politique* trong danh từ *économie politique*). Các nhà cầm quyền chánh trị, tức là các nhà cầm quyền thuộc hệ cấp cao nhất trong Quốc gia như : Quốc trưởng, Thủ tướng, Hội đồng bộ trưởng, Quốc hội v.v...

b) Theo Giáo sư L. Duguit thì trong bất cứ đoàn thể xã hội nào cũng có 2 loại người : loại chỉ huy và loại tuân lệnh. (*les gouvernants et les gouvernés*). Sự phân biệt này còn gặp thấy ở những đoàn thể như gia đình, xã, Quốc-gia, các hội, nghiệp đoàn giáo phái v.v... và định chế chánh trị, theo Duguit là những định chế mà đối tượng là : các nhà cầm quyền, và quyền hành của họ.

# G

## **Glác thư ngoại giao** (*Memorandum diplomatique*)

Một văn thư (note écrite), do một nhân viên ngoại giao được ủy nhiệm cạnh nơi một chánh phủ, gửi cho chánh phủ đó, trong có trình bày quan điểm của chánh phủ mình, về một vấn đề đang được thương lượng giữa hai chánh phủ.

## **Giải tán** (*Dissolution*)

Thủ tục do đó chánh phủ thâu hồi quyền hành của một hội nghị dân biểu, trước khi pháp nhiệm chấm dứt, để sửa soạn một cuộc tổng tuyển cử mới.

## **Giải tán (Quốc hội)** (*Dissolution de l'Assemblée nationale*)

Sự bãi chức toàn thể hội viên của một hội nghị dân biểu. Sau đó, nhân dân sẽ bầu cử một cơ quan dân biểu mới. Quyền giải tán này trong tay chánh phủ.

a) Về phương diện thực tế: sự giải tán có nhiều ưu điểm. Trước hết nên ghi là chỉ sự đe dọa giải tán, cũng đủ để thâu đắc được những hậu quả của một sự giải tán thực sự. Các nghị sĩ sẽ suy nghĩ cẩn thận, trước khi khởi sự một cuộc tranh chấp với chánh phủ, khi mà cuộc tranh chấp này có thể làm cho họ mất ghế nghị sĩ. Sự đe dọa giải tán sẽ đủ khiến cho các nghị sĩ phải thận trọng, thực tế.

Hơn nữa, trong một cuộc tranh chấp giữa quốc hội và hành pháp, sự giải tán quốc hội là phương pháp giải quyết độc nhất sự bất đồng ý kiến giữa chánh phủ và cơ quan đại diện

nhân dân. Cử tri sẽ cho biết là chánh phủ thắng, hay quốc hội thắng.

Lưu điểm thứ ba: chánh phủ có thể dùng biện pháp giải tán, để mở một cuộc tổng tuyển cử vào lúc thuận tiện nhất cho mình. Chánh phủ sẽ chọn lúc nào nhân dân ủng hộ mình nhiều nhất, để giải tán quốc hội, vào sau đó, để cho đảng của mình có nhiều hy vọng tái chiếm được đại đa số trong quốc hội mới.

b) Về phương diện lý thuyết, quyền giải tán quốc hội bị chỉ trích, vì nó ngược với tinh thần dân chủ. Lúc sơ khai, sự giải tán quốc hội là hành vi độc đoán của một ông vua chuyên chế: ông ta muốn đuổi các đại diện dân chúng, để cho dễ bề hoành hành. Một đảng khác, để cho Hành pháp đe dọa Quốc-hội, quyền giải tán làm suy yếu chủ quyền của quốc dân (souveraineté nationale). Những lý lẽ này không đứng vững.

Sự giải tán, trái lại, là một phương tiện để cho nhân dân lên tiếng, và đóng vai trọng tài trong mọi cuộc tranh chấp trầm trọng giữa hành pháp và lập pháp. Xét cho cùng, giải tán quốc hội là phương tiện để cho nhân dân cho biết ý kiến về một vấn đề trọng đại nào.

### **Giáo hoàng (Pape)**

Vị lãnh tụ tối cao của Thiên Chúa giáo, đặt ở trên các vị Giám mục, để chỉ huy Giáo hội với một uy quyền tuyệt đối và, do ở địa vị chi tôn của mình, hành sử toàn vẹn những quyền cai trị, (pouvoirs de gouvernement), lập pháp, tư pháp và giáo huấn (với ưu thế là bất khả lầm lẫn — *privilegé de infaillibilité*).

Ngoài ra, còn là vị nguyên thủ (phần đời) của Thị trấn Vatican (Cité du Vatican).

### **Giáo hội (Église)**

Tập thể, hay nhóm, gồm tất cả tín dân của một tôn giáo, cùng theo một nghi lễ, và được quản trị, về phần tinh thần, do một tổ chức mục sư có hệ cấp. Thí dụ: Giáo-hội Tin-lành, Giáo-hội Gia-tô, Giáo-hội Cao-đài v.v...

Theo nghĩa trên, người ta thường nói: sự phân biệt Quốc-gia và các Giáo-hội (la séparation des Églises et de l'Etat).

**Giáo thuyết** (*Doctrine*)

1) Theo nghĩa rộng, danh từ tổng quát, chấp nhận từ thế kỷ thứ XIX, để chỉ toàn thể những sách báo, của khoa luật học, mà mục đích là trình bày pháp luật (*le Droit*) hay là giải thích pháp luật (*interpréter le Droit*). Thí dụ: tác phẩm này đem lại thanh danh cho giáo thuyết; giải pháp này bị giáo thuyết bác bỏ. Theo nghĩa này, giáo thuyết đối lập với án lệ (*jurisprudence*).

2) Theo một nghĩa hẹp hơn, quan niệm riêng biệt của một luật gia hay nhiều luật gia, về một điểm pháp luật nào hãy còn đang thảo luận.

Theo nghĩa này, giáo thuyết chỉ những lý do lý thuyết (*motifs théoriques*) căn bản của một bản án nào. Thí dụ: giáo thuyết của một bản án của Tòa Phá Án.

# H

## **Habeas corpus act** (*Luật đảm bảo tự do cá nhân*)

Trong một đạo luật trừ danh, ở Anh quốc, biểu quyết năm 1679.

Theo luật này, ai bị giam giữ, có thể nhờ luật sư hay thân thuộc, yêu cầu hoặc Bộ trưởng tư pháp, hoặc thẩm phán của một tòa án cao cấp, ban ra một mệnh lệnh (WRIT). Mệnh lệnh này có nghĩa sau: người bị giam phải được giải tới trước mặt một viên thẩm phán. Vị này sẽ: hoặc chấp nhận sự giam giữ, hoặc ra lệnh trả tự do vô điều kiện cho người bị giam, hoặc ra lệnh trả tự do cho y, sau khi bắt y nộp một món tiền «thế chân». Viên thẩm phán, hay người nào giam giữ tù nhân, sẽ bị truy tố nếu không hành động theo mệnh lệnh trên.

## **Hiến pháp** (*Constitution*)

a) Về phương diện nội dung, Hiến pháp là toàn thể những quy tắc pháp luật quan trọng nhất của quốc gia, nhất là, theo định nghĩa của G.S. Prélot, những quy tắc ấn định ra sao, vào lúc nào, ở một nước nào, quyền chính trị được thành lập, hành sử và chuyển nhượng. Về phương diện này, đều là quy tắc hiến pháp những quy tắc ấn định hình thức Quốc-gia (đơn thuần hay liên bang), hình thức của chính thể (cộng hòa hay dân chủ), những cơ quan chỉ huy Quốc-gia, lối thành lập các cơ quan đó, thẩm quyền của chúng cùng là quyền lợi và nghĩa vụ của công dân.

b) Về phương diện hình thức, trái lại, Hiến pháp là văn kiện pháp lý chỉ có thể làm hay sửa đổi theo một vài thủ tục riêng biệt, nhất là trình trọng, và có một giá trị cao hơn các văn kiện thiết lập những quy tắc pháp luật.

Thí dụ : theo Hiến pháp năm 1875 (Pháp, thi hành dưới thời Đệ tam Cộng hòa) thủ tục sửa đổi hiến pháp đòi hỏi :

- thỉnh nguyện của mỗi viện trong Quốc hội,
- sự biểu quyết của hai viện họp thành Quốc-hội,
- sự ban hành của Tổng Thống.

Những quy tắc hiến pháp, thiết lập theo thủ tục trình trọng đó, có một giá trị pháp lý cao hơn giá trị của luật và quy pháp (règlements).

Về phương diện nội dung, nước nào cũng có hiến pháp, mặc dầu là về phương diện hình thức, nước đó không có một bản hiến pháp thành văn. Nước Anh chẳng hạn không có hiến pháp về mặt hình thức vì bất cứ quy tắc công pháp nào ở Anh cũng có thể bị sửa đổi bằng luật thường (thí dụ như : hình thức quản chủ của Quốc-gia, chế độ lương viện v.v...) Trái lại, Anh có một hiến pháp, về phương diện nội dung vì công pháp Anh có ấn định rõ ràng hình thức của Quốc-gia (quản chủ) chế độ chánh trị (Nội-các, Tổng thống hay Quốc hội) các cơ quan công quyền (Nội-các, Thứ dân viện v.v...) cùng là những tự do căn bản của công dân.

Trái lại, có những quy tắc pháp luật có hình thức hiến pháp nhưng không phải là hiến pháp, về mặt nội dung. Thí dụ : Hiến pháp Thụy sĩ có một điều khoản cấm không được giết súc vật theo tục Do-thái. Điều khoản đó thực không có gì là dính dáng với Hiến pháp cả. Sở dĩ có điều khoản đó trong Hiến pháp là vì những công dân Thụy-sĩ, không có sáng quyền làm luật, để đề nghị một đạo luật cấm việc trên, lại có sáng quyền sửa đổi Hiến pháp. Họ bèn đề nghị điều khoản cấm đoán nói trên, dưới hình thức một chính văn sửa đổi Hiến-pháp. Chính văn (texte) này được chấp thuận, và do đó, được ghép vào Hiến pháp Thụy-sĩ.

Luật hiến pháp là môn luật nghiên cứu những quy tắc chính của sinh hoạt Quốc-gia, và những nguyên tắc này thường



thường (nhưng không phải là luôn luôn) ghi trong một văn kiện pháp lý có hình thức riêng: Hiến pháp.

**Hỗn tập quyền** (giữa các quyền) (*Confusion des pouvoirs*)

— Xem chữ quyền,

— Có hỗn tập quyền khi nào tất cả mọi chức vụ của Quốc-gia — nhất là các chức vụ lập pháp và hành pháp — đều do một cơ quan duy nhất hành sử. Có hai thể thức hỗn tập quyền:

a) *Hỗn tập quyền tuyệt đối*: khi nào trong Quốc-gia chỉ có một cơ quan độc nhất, kiêm nhiệm nhiều chức vụ. Trong Quốc gia chỉ có một cơ quan chánh trị (organe gouvernemental, ou politique): tất cả các cơ quan khác chỉ có tính cách hành chánh. Sau đó, cơ quan chánh trị duy nhất nói trên kiêm nhiệm rất nhiều chức vụ: lập pháp, hành pháp, và thường cả tư pháp nữa.

Quân chủ độc đoán ở Việt Nam, hay Pháp, thời tiền cách mạng (1789), có thể tiêu biểu cho sự hỗn tập quyền tuyệt đối, bằng một cơ quan duy nhất.

b) *Hỗn tập quyền tương đối* là một thể thức phổ thông hơn: thể thức này thể hiện khi nào các cơ quan chánh phủ đều phụ thuộc lẫn nhau, để cho một cơ quan trong số đó giữ hết mọi quyền chỉ huy, hay quyết nghị.

Như vậy, ở căn bản, có nhiều cơ quan chánh trị (organes gouvernementaux), và giữa các cơ quan đó có một sự phân phối thẩm quyền của Quốc-gia.

Nhưng sự đa số cơ quan, và sự phân phối thẩm quyền chỉ là bề ngoài: trong thực tế chỉ có một cơ quan duy nhất có thực quyền lãnh đạo. Thí dụ: Quốc hội dưới thời Đệ Nhất Cộng Hòa ở Việt Nam, viện Dân biểu ở Ý, dưới thời Phát-xít, Quốc-Hội Đức, dưới thời Quốc-Xã, không có chút thực quyền trước các nhà lãnh đạo Chánh-Phủ, của mỗi nước kể trên.

Đây là thể thức hỗn tập quyền hành bằng sự phụ thuộc các cơ quan.

**Hợp tác quyền** (giữa các quyền) (*Collaboration des pouvoirs*)

Thể thức này còn được gọi là: phân quyền mềm dẻo (séparation souple des pouvoirs). Có ba đặc điểm chính:

1) Ở căn bản, thể thức này đòi hỏi một sự phân biệt giữa các chức vụ của Quốc gia, giao cho các cơ quan khác nhau.

2) Nhưng những cơ quan này không chuyên môn một cách quá ư rõ rệt: có những địa hạt mà trong đó các cơ quan đó cùng hoạt động.

3) Sau hết, các cơ quan này không cô lập đối với nhau, trái lại, ảnh hưởng lẫn nhau.

\* \* \*

*A.— Sự phân biệt các quyền:* muốn cho các cơ quan của Quốc-gia có thể hợp tác với nhau thì các cơ quan đó phải biệt lập nhau. Sự hợp tác giữa các quyền, khác với sự hỗn tạp giữa các quyền. Muốn có sự hợp tác giữa các quyền trong Quốc gia, trước hết phải có nhiều cơ quan, không phụ thuộc nhau một cách hoàn toàn.

Đồng thời, mỗi một cơ quan phải chuyên môn trong sự hành sử chức vụ của mình.

*B.— Hợp tác chức vụ:* Mỗi cơ quan trong Quốc-gia được giao phó một chức vụ chính.

Vậy có sự chuyên môn hóa, nhưng chỉ là tương đối mà thôi: các cơ quan Quốc gia có thể tham dự, một cách phụ lục, vào hoạt động thuộc phần chức vụ của một cơ quan khác.

Sự hợp tác chức vụ này thể hiện theo hai lối:

1) *Thứ nhất:* một cơ quan có thể lấn sang chức vụ của một cơ quan khác. Hành pháp có thể làm một vài hành vi thuộc chức vụ của lập pháp, như là làm quy pháp (règlements). Và trái lại lập pháp hành sử những thẩm quyền thuộc chức vụ hành pháp: như trong việc lập ngân sách, giao thiệp với nước ngoài.

2) *Thứ hai:* có khi hai cơ quan cùng hoạt động để soạn thảo một hành vi pháp lý duy nhất. Hành pháp dự vào việc

làm luật bằng: sáng kiến, ban hành và phủ quyết. Trái lại lập pháp làm những hành vi thuộc quyền chánh phủ như: phát biểu ý kiến tiên khởi, phê chuẩn hậu bị (phê chuẩn các hiệp ước quốc tế).

C.— *Phụ thuộc lẫn nhau*: Lập pháp ảnh hưởng vào hành pháp bằng: điều tra, chất vấn, đặt câu hỏi, thể hiện trách nhiệm chánh trị, Hành pháp ảnh hưởng vào lập pháp bằng: tham dự mọi cuộc thảo luận của các viện, triệu tập các khóa họp đặc biệt của các viện, giải tán các viện, nếu cần,

### **Hành Chánh** (*Administration*)

1) Chức vụ mà đối tượng là thi hành pháp luật hiện hành và điều hành các công sở, theo đúng những chỉ thị của Chánh phủ.

2) Toàn thể các công sở và các công chức, tập hợp dưới sự điều hành của Chánh phủ, để thực hiện chức vụ hành chánh. Người ta thường nói tới nền hành chánh của một nước, theo nghĩa này.

3) Toàn thể các công sở và các công chức tập hợp dưới sự chỉ huy của một người, để làm một công việc ích chung.

### **Hành vi lập quy** (*Acte réglementaire*)

Hành vi, mà tác giả là một cơ quan công quyền (*autorité-publique*) không phải là Quốc hội, tạo ra, hay tổ chức một tình trạng pháp lý tổng quát, trừu tượng, phi cá nhân và vĩnh viễn.

Hành vi lập quy có một nội dung y hệt với nội dung của một hành vi lập pháp, nhưng khác hành vi lập pháp, về phương diện hình thức, vì tác giả của nó không phải là Quốc hội, mà là Quốc trưởng. Thủ tướng hay Bộ trưởng.

Thí dụ: Sắc luật, (*décret-loi*), sắc lệnh, nghị định. v.v

### **Hành vi pháp lý** (*Acte Juridique*)

Sự biểu thị của một hay nhiều ý chí, với mục đích gây ra một hậu quả pháp lý.

Thí dụ : luật, khế ước, quy pháp (règlement), quyết nghị hành chính (décision administrative), chức thư, từ chối một quyền lợi, v.v..

Danh từ hành vi có nghĩa đó trong những danh từ kép sau : hành vi lập pháp (acte législatif) hành vi hành chính (acte administratif).

Hành vi pháp lý đối lập với hành vi vật chất.

### **Hiến pháp hóa** (*Constitutionnaliser*)

Đem lại cho một vấn đề thường thuộc thẩm quyền lập pháp, tính chất một điều khoản của hiến pháp cương tính, để cho vấn đề dẫn trên có một giá trị pháp lý lớn hơn, và do đó ở trên mọi mưu toan xâm phạm, thay đổi của cơ quan lập pháp.

Thí dụ : tính chất tự trị của Quý Giám trừ Công trái, đã được một đạo luật có tính chất hiến pháp ngày 10-8-1926, hiến pháp hóa. (Thí dụ mượn của Pháp.)

### **Hiệp-hội** (*Association*)

Theo một nghĩa tổng quát, một nhóm người tập hợp với nhau một cách vĩnh viễn, chung sức, chung tài để thực hiện một mục đích gì.

Người ta thường nói rằng thời đại chúng ta là thời đại hiệp-hội

### **Hoãn khóa các Viện** (*Ajournement des Chambres*)

Sự tạm ngừng khóa họp của các Viện trong Quốc hội, do một quyết nghị của Chánh Phủ. Sự tạm ngừng này có kỳ hạn rõ ràng (1 tuần, nửa tháng, v.v)

Thường lệ sự tạm ngừng khóa họp chỉ quan niệm đối với một khóa họp thường lệ.

Hoãn khóa cần phải phân biệt với ngưng hội hay đình chỉ (prorogation).

Khi có sự ngưng họp Quốc hội, thời khóa họp của cơ quan này được đình chỉ hay ngưng trong một thời gian vô hạn định.

Chánh Phủ không có quyền đình chỉ hay ngưng họp Quốc hội.

**Hoãn nhiệm** (một nghị sĩ) (*Ajournement d'un député.*)

Tình trạng tạm thời một nghị sĩ, mà sự bầu cử đang ở trong tình trạng điều tra để được hợp thức hóa. Cơ quan điều tra này thường là một ủy ban đặc biệt của Quốc hội. Quốc hội sẽ quyết định về vấn đề xác hiệu (valider) hay bất xác hiệu (invalider) nghị sĩ này. Nói khác Quốc hội sẽ quyết định về tánh cách hợp thức của nghị sĩ đắc cử.

Nghị sĩ trong tình trạng này, được gọi là hoãn nhiệm, và không có quyền đề nghị dự án luật, cũng là biểu quyết.

**Hội nghị** (*Assemblée*)

Sự họp mặt của một số người có quyền lợi hay chức vụ giống nhau, được triệu tập một cách hợp pháp, và thảo luận theo những quy tắc đã định, để đi tới một quyết nghị, hay thực hiện một sứ mạng rõ rệt. Thí dụ: hội nghị dân biểu (Quốc hội) hội nghị các cổ động viên, v.v

**Hồi tố** (*Rétroactivité*)

Sự đem áp dụng vào quá khứ những hậu quả của một đạo luật, bản án hay hành vi pháp lý.

Nguyên tắc: luật bất hồi tố (principe de la non-rétroactivité des lois), là một quy tắc do đó thẩm phán không được áp dụng (thi hành) một đạo luật mới vào những sự việc đã xảy ra trước ngày ban hành luật trên.

# K

## **Khiếu nại** (*Réclamation*)

Sự đệ đơn lên một cơ quan hữu quyền, để cho cơ quan này thừa nhận sự hiện hữu một quyền lợi của người đầu đơn.

## **Khóa họp** (*Session*)

Thời gian trong đó một hội nghị có quyền quyết định (*assemblée délibérante*) có thể hội họp và hành sử quyền hành của mình một cách hợp pháp.

Người ta phân biệt :

1) Khóa họp thường lệ (*Session ordinaire*), tiếp tục rất đều tự năm nọ sang năm kia, vào những thời gian luật định.

2) Khóa họp bất thường (*Session extraordinaire*), hay bổ túc (*supplémentaire*), được khai mạc khi nào tình hình đòi hỏi, theo lời yêu cầu :

- hoặc của Chánh phủ,
- hoặc của Chủ tịch Hội nghị,
- hoặc của một số tối thiểu nhân viên Hội nghị.

## **Khước biện** (*Exception*)

Bất cứ một phương chước (xem chữ này) pháp lý hay thực trạng nào, mà một bên đương sự, trong một vụ án, thường là bị cáo, nại ra, để gạt bỏ, hay bác, một yêu cầu pháp lý

(demande judiciaire), mà không cần phải thảo luận về giá trị nguyên tắc của pháp luật căn bản của yêu cầu trên.

Thí dụ: khước biện thời hiệu, khước biện sự đã xử rồi (exception de chose jugée).

### **Kiểm duyệt** (*Censure*)

1) Cơ quan cấp giấy cho phép xuất bản sách, báo, kịch, phim ảnh v.v...

2) Phương tiện cảnh sát phòng ngừa, thể hiện bằng giấy phép, mà người nào muốn quảng bá tư tưởng bằng sách, báo, lời nói, kịch, phim ảnh, phải được cấp, trước khi làm việc quảng bá nói trên. Quyền cấp giấy phép này thuộc về Hành pháp.

### **Kiểm nhiệm chức vụ** (*Cumul de fonctions*)

1) Sự tập hợp ở nơi một cá nhân duy nhất nhiều chức vụ công, hay nhiệm vụ đại diện (mandat parlementaire).

2) Sự thụ lãnh nhiều khoản lương bổng, phụ cấp hay hưu bổng, nối liền với những chức vụ và nhiệm vụ đại diện dẫn trên.

### **Kiểm hiến bằng khởi tố** (*Contrôle de la constitutionnalité par voie d'action*)

Theo chế độ Kiểm hiến này, đạo luật bất hợp hiến bị « kiện ». Người đứng kiện hoặc là tư nhân, hoặc là một nhà cầm quyền. Nếu đạo luật bị cơ quan kiểm hiến thừa nhận là bất hợp hiến, thời « nó » bị tiêu hủy một cách tổng quát, đối với tất cả mọi người, chứ không phải chỉ đối với đôi bên tranh tụng.

Đó là chế độ hiện hữu tại Thụy Sĩ.

### **Kiểm hiến bằng khước biện** (*Contrôle de la constitutionnalité par voie d'exception*)

Chế độ này căn cứ vào một vụ tranh tụng thường, trước một tòa án thường, và trong vụ này, tòa án đem áp dụng đạo luật bị tố cáo là bất hợp hiến. Một bên nào trong vụ kiện sẽ

nại ra một khước biện bất hợp hiến ( une exception d'inconstitutionnalité ), bằng cách yêu cầu tòa án không áp dụng đạo luật nói trên, vì nó trái với hiến pháp. Nếu tòa án chấp nhận luận án đó, thì đạo luật sẽ bị gạt ra, không được áp dụng trong vụ kiện có khước biện nại ra. Nhưng đạo luật không bị hủy bỏ, và có thể áp dụng trong các trường hợp khác (nếu khước biện bất hợp hiến không bị nại ra ).

Chế độ này áp dụng tại Hoa-Kỳ.

Bề ngoài, nó không hoàn hảo bằng chế độ kiểm hiến bằng khởi tố, nhưng trong thực tế, đưa đến những hậu quả y hệt.

### **Kiến nghị kiểm duyệt** (*Motion de censure*)

Một kiến nghị, do một nghị sĩ đề nghị, và nhằm mục đích bó buộc chánh phủ, trong chế độ Nội các phải từ chức. Theo Hiến pháp năm 1946 (của Pháp) thì kiến nghị kiểm duyệt không cần phải dùng tới một văn thư bó buộc nào, nhưng phải dùng tới danh từ : *Kiến nghị kiểm duyệt* làm đầu đề. Vì kiến nghị kiểm duyệt đưa đến một hậu quả rất quan hệ cho nên, vẫn theo Hiến Pháp trên, cuộc đầu phiếu về kiến nghị phải :

- công khai
- thực hiện tại diễn đàn Quốc hội
- và không thể thực hiện bằng ủy quyền (nghĩa là nghị sĩ phải tự tay đầu phiếu)

Muốn đưa đến hậu quả mong muốn (bắt chánh phủ phải rút lui) kiến nghị kiểm duyệt phải được đa số hiến pháp (tức đa số tính theo số nghị sĩ gồm thành quốc hội — majorité absolue des membres composant l'assemblée) tán thành. Như vậy, người ta kể cả những nghị sĩ vắng mặt, hay cáo thoái không đầu phiếu (abstentionnistes) khi tính đa số nói trên.

### **Khẩn trương** (*trình trạng*) (*Etat de nécessité*)

1.— Học thuyết cho phép một Quốc gia khởi phải tôn trọng pháp luật, nếu sự tự vệ và sự sống còn của Quốc gia đó đòi hỏi. (Quốc tế Công pháp).

2.— Học thuyết cho phép một vài cơ quan chánh quyền,



nhất là Chánh phủ, khi tình hình trong nước khẩn trương, khỏi phải tôn trọng sự phân phối thẩm quyền giữa Lập pháp và Hành pháp do Hiến pháp ấn định.

### **Kiến nghị** (*Motion*)

Một quyết nghị, của một Quốc hội, ngoài thủ tục soạn thảo luật, và có đối tượng sau :

— thiết lập một điều khoản nội bộ (nội quy) không vĩnh viễn.

— hay phát biểu một thỉnh nguyện ích lợi chung.

Những kiến nghị đều do một viện (nếu Quốc hội gồm 2 viện) làm ra, và không phải chuyển sang Viện kia để xét lại trước khi biểu quyết.

# L

## **Lãnh thổ** (*Territoire*)

Một phần của mặt trái đất dùng làm nơi định cư cho một đoàn thể chính trị.

Theo Quốc tế Công pháp, lãnh thổ của Quốc gia được coi :

— Hoặc là một trong những yếu tố cấu tạo Quốc gia

— Hoặc là giới hạn của thẩm quyền của các nhà cầm quyền chính trị.

## **Liệt-trình lý do** (*Exposé de motifs*)

Những lý-do, hay chiều-chi (*considérants*) đặt trước chủ-văn (*dispositif*) của một dự án luật, để giảng giải hay chứng minh dự án đó.

## **Liên hiệp quốc gia** (*Union d' ETATS*)

Sự liên hiệp giữa hai hay nhiều Quốc gia, hoặc có tính chất đối nhân, (*Union personnelle*) hoặc có tính chất đối vật (*Union réelle*) Liên hiệp đối nhân là khi nào hai nước liên hiệp đều dưới quyền một vị nguyên thủ chung, nhưng mỗi nước hội viên vẫn giữ quyền tự trị hoàn toàn. Đó là sự liên hiệp giữa Hòa Lan và Lục xám Bảo cho tới ngày vua Hòa Lan mất không để lại người thừa kế (1890).

Liên hiệp đối vật, khi nào mối liên hiệp giữa hai nước chặt chẽ và bền bỉ hơn là sự chung vua như là : quân đội, ngoại giao và tài chính chung.

Thí dụ: Liên-hiệp Áo-Hung (Union Austro Hongroise) cho tới 1918.

Ngày nay, hai loại Liên-hiệp Quốc-gia này không còn nữa.

### **Luật án** (*Thèse*)

Bài luận xuất trình và chứng minh để được cấp bằng Tiến sĩ Quốc gia hay Tiến sĩ Đại học đương.

### **Luật** (*Droit*)

1) Theo nghĩa khách quan: toàn thể những quy tắc có chế tài gắn liền, quy định mọi mối liên lạc giữa những người sống trong một xã hội.

2) Theo nghĩa chủ quan: ưu quyền (*prérogative*) của một người, cho phép y đòi hỏi ở nơi một người khác, a) hoặc những cung cấp — b) hoặc những cáo thoái (*abstentions*) — [quyền đối nhân (*droits personnels*)] — c) hoặc sự tôn trọng một tình trạng lợi cho y — [quyền đối vật (*droits réels*), quyền cá nhân (*droits individuels*)]

3) Khoa học nghiên cứu những quy tắc cưỡng chế thi hành cho những mối liên lạc giữa mọi người sống trong một xã hội.

### **Luật** (*Loi*)

— Văn kiện pháp luật, do Quốc hội biểu quyết và được Quốc trưởng ban hành, bất luận đối trọng.

A) Theo nghĩa hẹp: tất cả những văn kiện pháp luật đặt ra những quy tắc trừu tượng và vĩnh viễn (luật theo nội dung *lois matérielles*) đối lập với những luật chỉ đặt ra những quyết định riêng biệt (luật theo hình thức, *lois formelles*), như là những luật mà Quốc hội biểu quyết để cấp một hưu bổng cho cá nhân nào, cho phép một tỉnh hay xã đứng lên lập một cuộc công thái v.v.

B) Theo nghĩa rộng: toàn thể những quy tắc pháp lý do nhà lập pháp đặt ra.

— *Luật hiến pháp* (*loi constitutionnelle*) đồng nghĩa với

hiến pháp thành văn (constitution écrite) hay hiến pháp, đầu thành văn hay tục lệ (constitution coutumière).

### **Luật an ninh tổng quát** (*Loi de sureté générale*)

Một đạo luật nhất thời, tạm ngưng, đối với một loại người nào đáng nghi kỵ (như người Việt gốc Hoa hay gốc Miên chẳng hạn) những đảm bảo thường xuyên đối với những sự bắt bớ, giam cầm vô đoán. Luật này cho phép sự an trí hành chánh (incarcération administrative) và sự hình phạt do các ủy ban hành chánh.

### **Luật Tài Chính** (*Loi de finance*)

Đạo luật, mỗi năm Quốc hội làm ra, dự định và cho phép Hành pháp chi và thu, trong năm. Tức là luật ấn định ngân sách cho năm đó.

Còn gọi là luật ngân sách (loi de budget).

### **Luật thường** (*Loi ordinaire*)

Là luật do cơ quan mà hiến pháp gọi là lập pháp, làm ra. Cơ quan này thường là Quốc hội.

Thủ tục làm luật thường rất tạp bác, và thay đổi tùy theo từng bước. Thủ tục phổ thông nhất gồm những giai đoạn sau:

a)- Sáng quyền (initiative): hoặc thuộc về chánh phủ, hoặc thuộc về nhân viên Quốc hội.

b)- Thảo luận dự án (discussion du projet): giai đoạn này xảy ra tại các ủy ban chuyên môn rồi sau tại nghị trường của Quốc hội.

Trong cuộc thảo luận này, người ta có thể đề nghị những tu chánh án để thay đổi dự thảo sơ khai.

c) Biểu quyết luật (vote de la loi): trước hết quốc hội biểu quyết từng điều khoản một, rồi sau, toàn bộ đạo luật. Nếu Quốc hội gồm 2 viện, dự án luật đi từ viện nọ sang viện kia, cho tới khi nào chính văn do 2 viện biểu quyết không khác nhau một chữ.

d) Ban hành (promulgation): đó là hành vi của Quốc trưởng nhận thực rằng đạo luật đã được biểu quyết theo

pháp luật, và ra lệnh cho các nhà cầm quyền hành pháp và tư pháp thi hành nó.

Cần ghi rằng : Sự ban hành không đem lại cho luật cái hiệu lực chấp hành (force exécutoire) đối với tư nhân. Sự biểu quyết của Quốc hội đã đem lại giá trị đó cho đạo luật.

Ban hành khác với chế tài (sanction) ở điểm là trong sự chế tài một đạo luật cả Chánh phủ lẫn Quốc hội đều có ý chỉ tạo ra cho đạo luật hiệu lực chấp hành.

Trong việc ban hành, chánh phủ chỉ xác nhận sự hiện hữu hợp pháp của đạo luật, và đảm bảo sự thi hành luật đó.

Thường thường vị Quốc trưởng có bốn phận pháp lý phải ban hành luật.

e) Xuất bản hay công bố (publication) : tức là phổ biến để cho mọi tư nhân biết tới đạo luật vừa được quốc hội biểu quyết.

Xuất bản khác ban hành, vì ban hành chỉ có nghĩa là ra lệnh cho các nhà cầm quyền hành chánh và tư pháp thi hành luật.

Xuất bản là một hành vi vật chất (acte matériel).

Ban hành là một hành vi pháp lý (acte juridique).

Xuất bản thực hiện bằng cách đăng chính văn đạo luật vào Công báo.

### **Luật hiến pháp** (*Loi constitutionnelle*)

Là bất cứ luật nào, bất luận nội dung, do một cơ quan đặc biệt biểu quyết (thí dụ : Quốc hội lập hiến), theo một thủ tục riêng biệt, với mục đích trở nên một thứ luật cao hơn luật thường và bó buộc nhà lập pháp thường, như là một chính văn mà cơ quan sau này phải tuân hành và không có thể thay đổi được. Định nghĩa này đứng về quan niệm hình thức. Nhưng theo quan niệm nội dung thì luật hiến pháp là bất cứ luật nào quy định sự tổ chức và điều hành các cơ quan chính trị (hay cao cấp) của Quốc gia.

### **Luật hiến pháp (hiến luật)** (*Droit constitutionnel*)

1) Về phương diện nội dung, luật hiến pháp (L.H.P.)

là luật áp dụng cho những cơ quan hay định chế chính trị của một Quốc gia. Được coi là « chính trị » những cơ quan tối thượng của Quốc gia, nghĩa là những cơ quan làm ra những quyết nghị nguyên tắc định hướng chánh sách tổng quát, đối lập với những cơ quan « hành chánh », mà nhiệm vụ chỉ là thi hành những quyết nghị nguyên tắc, và có một tính chất phụ thuộc rõ rệt. Nghiên cứu L.H.P. tức là nghiên cứu cơ cấu của Quốc-gia. Đối với các môn Luật khác, L.H.P. có một trạng thái đáng gọi là căn bản,

2) Về phương diện hình thức, L.H.P. định nghĩa bằng khái niệm hiến pháp. Một hiến pháp là một văn kiện luật (texte de loi), do một cơ quan riêng biệt làm ra, theo những thủ tục riêng biệt, và được đặt ở trên tất cả các thứ luật khác. L.H.P. gồm tất cả những quy tắc chứa đựng trong bản hiến pháp, bất luận bản chất và đối tượng của các quy tắc đó.

Cái khái niệm hình thức của L.H.P. không luôn luôn trùng nhất với khái niệm nội dung. Trước hết có những nước không có hiến pháp, theo nghĩa đen của danh từ : các định chế chính trị, ở nước đó, được quy định hoặc bằng những luật thường, hoặc bằng tục lệ (Anh). Một đảng khác ở những nước có một hiến pháp đúng hình thức, thời văn kiện này không giữ độc quyền quy định những định chế chánh trị (những định chế này có thể do tục lệ hay luật thường quy định), và còn có khi chứa đựng những điều khoản không có dính dáng gì tới các định chế nói trên (thi dụ : ở Pháp, một đạo hiến luật năm 1926 ấn định quy chế của một Quỹ Tự Trị Giảm trái — Caisse Autonome d'amortissement de la Dette publique).

Trong hai định nghĩa trên, chúng ta chọn định nghĩa thứ nhất. Và trong giảng văn, chúng ta định nghĩa L.H.P. là môn luật, thuộc ngành công pháp quy định sự tổ chức và điều hành những định chế chánh trị của một Quốc gia. Nghiên cứu LHP của một nước tức là mô tả những định chế chánh trị của nước đó.

\*\*

Nên ghi thêm định nghĩa sau của Giáo Sư M. Prélot :

«L.H.P. là khoa học nghiên cứu những quy tắc pháp lý quy định sự thiết lập, sự chuyển nhượng và sự hành sử của quyền chính trị» mà G.S. Vedel coi là sáng sửa và dẫn đi nhất (*Le Droit Constitutionnel est la science des règles juridiques suivant lesquelles s'établit, se transmet, et s'exerce l'autorité politique*).

\* \* \*

Tại sao môn Công pháp nghiên cứu quyền chính trị lại gọi là luật hiến pháp? Tại rằng trong đa số Quốc gia thời nay cái khối qui tắc pháp lý ấn định quy chế và thẩm quyền của các nhà cầm quyền chính trị trong nước, đều nằm ở trong một tài liệu thành văn mà người ta gọi là Hiến pháp.

### **Liên bang và bang liên** (*État fédéral et Confédération d'États*)

Bang liên (*Confédération d'États*) là một liên minh giữa một số quốc gia, chứ không phải là một quốc gia, đứng trên các quốc gia hội viên, như là Liên bang.

Biên thù giữa Liên bang và Bang liên rất khó vạch. Ta chỉ cần ghi hai điểm sau, để có một ý niệm rõ rệt giúp ta phân biệt hai loại tổ chức đó:

a) Trong một Liên bang, sự bang giao quốc tế với các Quốc gia đệ tam nhân, dành riêng cho quyền trung ương, trong khi tại một Bang liên, thẩm quyền đối ngoại được chia xẻ giữa các Quốc gia kết hợp, một bên, và quyền bang liên (*pouvoir confédéral*), một bên kia,

b) Trong một Liên bang những quyết nghị của quyền trung ương, đều ban hành sau một cuộc đầu phiếu có đa số chấp nhận. Trái lại trong một Bang liên, những quyết nghị quan hệ phải được toàn thể các Quốc gia kết hợp chấp nhận thì mới đem ban hành được. Thí dụ: sự tu chánh một hiến pháp Liên bang có thể thực hiện mà không cần sự chấp thuận của toàn thể các quốc gia hội viên; trái lại sự tu chánh một Hiệp ước (*Traité*) tạo lập một Bang liên, phải được toàn thể các quốc gia kết hợp chấp nhận thì mới có giá trị.

### **Lưỡng viện chế** (*Bica méralisme*)

Chánh thể trong đó Quốc hội gồm có hai hội nghị dân biểu.

# N

## **Ngân sách** (*Budget*)

1) Budget là tiếng Anh, do ở một chữ Pháp, bougette mà ra. Bougette chỉ một cái túi nhỏ, và theo tiếng Anh, là cái túi của Vua, tức kho tàng của Vua.

2) Hành vi (của Quốc hội) dự định và cho phép những việc chi và thu của Quốc gia, trong một năm. Định nghĩa này tập hợp cả 3 đặc tính của ngân sách:

— tính chất bao quát, toàn diện (*universalité*), đòi hỏi sự ghi vào ngân sách tất cả mọi việc chi và thu,

— tính chất duy nhất (*l'unité*) đưa đến sự ghi tất cả mọi việc thu và chi vào một tài liệu duy nhất,

— và tính chất định kỳ (*périodicité*) bảo đảm sự tiên liệu và tạm thời của ngân sách.

## **Nghị trình** (*Ordre du jour*)

Còn gọi là chương trình nghị sự. Bảng kê khai, định từ trước, những vấn đề mà một hội đồng quyết nghị sẽ xét tới, trong một phiên họp.

## **Nội các** (*Cabinet*)

Trong chế độ (hay chính thể) nội các toàn thể các bộ trưởng, thủ trưởng, liên đới chịu trách nhiệm chính trị trước Quốc hội.



**Nội quy** (của một Viện trong Quốc hội) (*Règlement intérieur*)

Quyết nghị (Résolution) do một Viện trong Quốc hội (chế độ lưỡng Viện) mà đối tượng là ấn định, trong khuôn khổ pháp luật hiện hành, những quy tắc làm việc nội bộ, thủ tục thảo luận và, nếu cần, những chế tài kỷ luật có thể áp dụng cho nhân viên của Viện.

**Nguyên tắc phân quyền** (*Principe de la séparation des pouvoirs*)

Có thể phân tách như sau : Quốc gia nào cũng có ba chức vụ phải thực hiện :

Thứ nhất là định nghĩa những qui tắc hành động tổng quát (règles générales de conduite) mà chánh phủ cùng mọi công dân phải tôn trọng, nghĩa là những đạo luật. Đó là chức vụ lập pháp.

Sứ mệnh thứ hai của Quốc gia là thực hiện, với lực lượng quân đội, nếu cần, sự thi hành những đạo luật trên. Đó là chức vụ hành pháp.

Sau hết, nếu có tranh chấp giữa tư nhân, hay sự vi phạm hình luật, phải có một cơ quan nào giải quyết mỗi bất hòa, hay trừng phạt hành vi trái luật. Đó là chức vụ tư pháp.

Sự phân tách này không có giá trị tuyệt đối vì :

— Người ta có thể tìm thấy nhiều chức vụ khác của Quốc gia : Hiến pháp Trung Hoa dân quốc còn nói đến quyền thanh tra (pouvoir de contrôle), và quyền trao bằng cấp (pouvoir de conférer des diplômes). Ngày nay, người ta còn nói đến : quyền kinh tế (pouvoir économique) v.v...

— Người ta còn có thể tự hỏi : tư pháp có phải là một công quyền riêng biệt không, hay chỉ là một phần bộ của quyền hành pháp, vì xử án, xét cho cùng, chỉ là áp dụng luật vào một trường hợp riêng biệt. (Tuy vậy, trong một nước dân chủ, việc tối cần là làm thế nào để cho các thẩm phán chỉ biết có tôn trọng luật, và hoàn toàn độc lập đối với Quốc hội và Chánh phủ. Và đó là nguyên tắc căn bản của chức vụ tư pháp : độc lập đối với Lập pháp và Hành pháp).

Cái điều quan hệ là: nói đến sự phân biệt 3 chức vụ: Lập pháp, Hành pháp, Tư pháp chưa đủ. Điều cần là: phải phân nhiệm 3 chức vụ đó. Nghĩa là không một cơ quan nào trong Quốc gia, có thể nắm trong tay hai hay ba quyền đó. Mỗi cơ quan chỉ có thể giữ được một quyền. Và không cơ quan nào có thể khuynh loát được cơ quan nào khác.

Tại sao vậy? Chính là để tránh sự võ đoán (arbitraire) nghĩa là tự do muốn làm thì làm, trong mỗi trường hợp riêng. Nếu một cá nhân, hay một cơ quan, có quyền vừa làm luật, vừa thi hành luật, thì cơ quan này có một quyền hành võ đoán (pouvoir arbitraire), vì mỗi khi luật đem thi hành không vừa ý mình thì cá nhân, hay cơ quan đó sẽ thay luật đi, theo đúng ý riêng mình. Đó là võ đoán.

Trái lại nếu người ta trao mỗi quyền cho một cơ quan riêng, thì tự do có thể bảo vệ được vì lập pháp chỉ đặt ra những qui tắc, nhưng không có phương tiện cưỡng chế để sai bảo được ai khác. Hành pháp phải thi hành các qui tắc, nhưng không thay đổi được. Còn như tư pháp thì chỉ có quyền phân xử những mối bất hòa, nhưng không làm luật, mà cũng không có quân lực trong tay. Đó là thực trạng mà Montesquieu nói tới trong vấn thức trừu tượng: quyền ngăn chặn quyền (le pouvoir arrête le pouvoir).

Nguyên tắc phân quyền xuất hiện hồi thế kỷ thứ 18, và đóng một vai trò đặt biệt: thời bấy giờ, người ta tìm cách tước đoạt quyền lập pháp và tư pháp của các Vua chúa, và chỉ để lại cho vua quyền hành pháp. Độc tài áp bức là gì? Là sự tập trung mọi quyền trong tay một người vừa làm luật, xử dụng quân lực và phân xử, tùy theo ý thích của mình, không có quy tắc bất dịch và có sẵn tự trước bỏ buộc hay giới hạn.

Và nguyên tắc phân quyền, một nguyên tắc thuộc về loại: nghệ thuật chánh trị (art politique) chỉ nhằm: chống lại độc tài.

Nhưng ngày nay, nguyên tắc phân quyền bị phủ nhận: ở Nga, người ta chủ trương tập trung quyền hành. Ở Pháp, một chánh khách kiêm luật gia, ông Pierre Cot, trong bản tường trình về dự án thứ nhất của Hiến pháp năm 1946, có

trình bày rằng sự phân quyền, hồi thế kỷ thứ 18 chứng minh được, nhưng ngày nay, không còn ý nghĩa gì. Nguyên tắc phân quyền, trong lịch sử là dụng cụ khiến cho nhân dân tước đoạt được một vài quyền hành lớn lao của một Vương quyền độc đoán. Nhưng một khi chủ quyền đã rơi vào tay nhân dân, thì không nên nghi kỵ quyền hành nữa, và người ta có thể tập trung cả ba quyền trong một bàn tay duy nhất : bàn tay của nhân dân.

Nhân dân tối mạnh và tối thiện.

Vậy có thể an tâm mà trao mọi quyền hành cho nhân dân. Đó là tư tưởng của Rousseau.

Chủ trương này có vững không?

Không. Vì nhân dân chỉ là một thực thể (une entité), một ý niệm trừu tượng. Và trong thực tế, nói hay hoạt động thay cho nhân dân là một vài cá nhân, là các nhà cầm quyền (les gouvernants). Tự cổ chí kim, ý chí của đại đa số nhân dân xét cho cùng chỉ là ý chí của đại đa số trong viên dân biểu, nghĩa là một thiểu số rất nhỏ.

Ta có thể tin rằng nhân dân tối thiện. Nhưng cái đức tính đó liệu nó có truyền sang đầu những kẻ đại diện (hợp pháp) của nhân dân không?

Hơn nữa kinh nghiệm muôn đời dạy rằng : những chế độ tập trung quyền hành thường độc tài. Lấy lẽ là nhân dân nắm đủ mọi quyền, người ta trao hết mọi quyền cho một hội nghị dân biểu. Kinh nghiệm dạy rằng một hội nghị duy nhất và nắm quyền, chỉ là một tập thể độc tài, cũng ghê gớm như bất cứ cá nhân độc tài nào.

Vậy phải trở lại và tôn trọng nguyên tắc phân quyền, như hồi thế kỷ thứ 18. Vì nó là một điều kiện của nền dân chủ. Nếu người ta nhận rằng chủ quyền là của dân và chỉ có dân mới có chủ quyền (Souveraineté), thì không có cơ quan đại diện nào có thể hành xử tất cả chủ quyền.

Như vậy cái ý nghĩa xấu xa của nguyên tắc phân quyền là quả quyết rằng :

Nếu nhân dân ủy nhiệm tất cả chủ quyền, nghĩa là cả 3 quyền (lập hành và tư pháp cho một hội nghị) thời nhân dân đã từ bỏ chủ quyền, vì khi đó, đã có một cơ quan có một thể lực, một uy quyền ngang nhân dân. Vì có phân quyền cho nên nhân dân dân chỉ ủy nhiệm những phần số (hay mẫu) của chủ quyền, như thế cốt để cho sự ủy nhiệm không đưa đến một sự mất hết quyền hành. Nhân dân sẽ giao quyền lập pháp cho Quốc hội, quyền hành pháp cho Chánh phủ và quyền tư pháp cho các Ông tòa. Và như vậy không cơ quan nào có thể bảo nhân dân: « Ta tập trung trong tay toàn thể mọi phần bộ của chủ quyền, và ta ngang hàng với mi ». Đó ý nghĩa xấu xa của sự phân quyền là như vậy: tránh cho vị chúa tể nhân — qua một sự ủy nhiệm toàn diện và bất phân — tạo trước mặt mình một quyền hành ngang với mình.

Vậy ngày nay chúng ta duy trì nguyên tắc phân quyền là vì nó là một nghệ thuật chánh trị. Nó giúp ta tránh được nạn độc tài luôn luôn đe dọa nhân loại.

Nó chủ trương và quả quyết rằng không có một cơ quan nào (Quốc trưởng, Quốc hội, Chánh phủ, Quân đội, Đảng v.v...) trong nước là ngang hàng với nhân dân, và không một cơ quan nào được thu nắm trong tay tất cả mọi phần bộ, thể thức, hay thuộc tính của chủ quyền, (attributs de la souveraineté). Nhưng giữa các cơ quan đó, phải thiết lập một sự liên lạc, chứ không phải là những hàng rào đề cô lập, vì cô lập các công quyền tức là phủ nhận sự đứng vững, sự sinh tồn Quốc gia.

### **Nhiệm kỳ quốc hội (Législature)**

Là khoảng thời gian (2, 3, 4, 5 hay 6 năm v.v...) mà pháp luật dành cho các nghị sĩ đắc cử vào Quốc hội, để họ làm trọn ủy quyền (mandat) của họ.

Chớ nên lầm nhiệm kỳ Quốc hội với:

a) Khóa họp (session), tức khoảng thời gian trong một năm (vài ba tháng) trong đó Quốc hội có thể họp đề ra những quyết nghị hợp pháp.

b) Phiên họp (séance) tức sự họp mặt của Quốc hội vào ngày giờ nào, tại một địa điểm nào.

### **Nhiệm vụ, chức vụ và cơ quan của Quốc gia** (*Attributions, fonctions, organes de l'ÉTAT*)

a) Nhiệm vụ của Quốc gia là toàn thể những công việc mà nhà cầm quyền phải làm để cho đời sống của quốc dân được bình thường.

Những nhiệm vụ đó hoặc thuộc loại đối ngoại (mối liên lạc của một Quốc gia với các Quốc gia khác), hoặc thuộc đối nội.

Trong phạm vi đối nội, Quốc gia có những vụ hoàn toàn pháp lý: quy định những mối liên lạc giữa mọi hội viên của đoàn thể quốc dân. Trong một quá khứ dài, những liên lạc đó đều do tục lệ quy định. Rồi sau Quốc gia mới cần thiết để quy định những mối liên tục đó. Chế độ pháp lý thành văn (*droit écrit*) đã thay thế cho chế độ pháp lý tục lệ (*droit coutumier*).

b) Sau cái nhiệm vụ qui định đời sống tập thể bằng pháp luật, Quốc gia còn thỏa mãn những nhu cầu tinh thần và vật chất của mọi cá nhân. Quốc gia bèn đặt ra những doanh nghiệp gọi là công sở, để hoặc cạnh tranh, hoặc thay thế các doanh nghiệp tư. Về địa hạt này hoạt động của Quốc gia ngày càng ngày phát triển.

Muốn làm tròn những nhiệm vụ đó, Quốc gia hành sử một vài chức vụ (*fonction*). Chức vụ của quốc gia là những thể thức pháp lý của Quốc gia. Ba chức vụ chính yếu của Quốc gia là: chức vụ lập pháp (*fonction législative*) chức vụ hành pháp hay hành chánh (*fonction exécutive ou administrative*) chức vụ tư pháp (*fonction juridictionnelle*). (xem những danh từ này).

c) Những chức vụ này do những cơ quan của quốc gia (*organes de l'ÉTAT*) hành xử. Các cơ quan của Quốc gia chỉ là các loại nhà cầm quyền (*les organes de l'ÉTAT sont les diverses catégories de gouvernants*). Quan trọng nhất là các cơ quan: lập pháp, hành pháp, tư pháp v.v...

# P

**Phân quyền** (điều kiện) *Conditions de la séparation des pouvoirs* )

Sự phân quyền đòi hỏi rằng: một chức vụ của quốc gia phải giao phó cho một cơ quan riêng biệt và cơ quan này cô lập và độc lập trong sự hành sử chức vụ của mình.

Sự phân quyền chỉ toàn bị nếu sự chuyên môn hóa của mỗi cơ quan gắn liền với sự độc lập của nó.

a) Chuyên môn về chức vụ: mỗi cơ quan của Quốc gia được chuyên môn trong việc hành sử một chức vụ: hội nghị dân biểu thường được trao chức vụ lập pháp; cơ quan hành pháp hay chánh phủ được trao chức vụ hành pháp; cơ quan tư pháp được trao chức vụ xử án.

Mỗi cơ quan chỉ làm những hành vi, thuộc chức vụ của mình, cơ quan lập pháp chỉ làm luật, cơ quan hành pháp chỉ làm những hành vi, pháp lý cá nhân (*actes juridiques individuels*) hay hành vi vật chất. Trái lại, mỗi cơ quan làm hết mọi hành vi thuộc chức vụ mình: tất cả mọi luật đều do lập pháp làm, tất cả mọi hành vi cá nhân và vật chất đều do hành pháp làm.

b) Độc lập của các cơ quan công quyền.

Nhưng sự chuyên môn của mỗi cơ quan chưa đủ. Mỗi cơ quan còn phải độc lập, hoàn toàn độc lập đối với các cơ

quan khác. Như vậy lập pháp không có thể ảnh hưởng vào hành pháp, và ngược lại.

Lập pháp không có ưu quyền gì đối với hành pháp: thí dụ không có đặt câu hỏi, chất vấn, trách nhiệm chánh trị.

Hành pháp, về phần mình, không có quyền tham dự các cuộc thảo luận của luật pháp, không có quyền triệu tập lập pháp, giải tán lập pháp. Giữa hai cơ quan chuyên môn trong chức vụ của riêng mình, có sự cô lập hoàn toàn.

### **Phân quyền hành chính** (*Décentralisation administrative*)

Chế độ hành chính trong đó sự quản trị các công sở, tách ra ngoài khối các công sở do quyền trung ương quản trị, được trao, với một tầm tự trị rộng hay hẹp, cho những nhân viên chuyên môn, được hưởng một quyền hành độc lập nhiều hay ít, đối với quyền trung ương, không còn chỉ huy các nhân viên đó nữa, mà chỉ kiểm soát mọi hành vi của họ.

Người ta phân biệt :

1) Phân quyền địa phương (*décentralisation locale*), mà đối tượng chỉ là các công sở địa phương (cấp xã, đô thị hay tỉnh), do các nhân viên do nhân dân địa phương bầu ra, quản trị. Các nhân viên này hành động dưới sự kiểm soát hoặc thích nghi (*contrôle d'opportunité*), hoặc hợp pháp (*contrôle de légalité*) của quyền trung ương.

2) Phân quyền bằng công sở (*Décentralisation par services*) trong đó một công sở thuộc về Quốc gia tỉnh hay xã, được biệt lập và hưởng pháp nhân, để đặt dưới sự quản trị của những nhân viên chuyên môn, chịu quyền kiểm soát của quyền trung ương.

### **Pháp nhân** (*Personnalité morale*)

Khả năng thừa nhận cho một nhóm người, hay một cơ quan do quốc gia hay tư nhân lập ra, và với danh nghĩa đó :

a) có một đời sống pháp lý riêng biệt, tự tại.

b) và đồng thời là một chủ thể quyền lợi (*Sujet de droits*)

Thí dụ : a) Pháp nhân thuộc ngành công pháp : Quốc gia, các tỉnh, xã, các công cuộc (établissements publics) như : Viện đại học, Phòng thương mại, Bệnh viện, v.v...

b) Pháp nhân thuộc ngành tư pháp : các hội dân sự và thương mại, các hiệp hội được thừa nhận là hữu ích đối với xã hội, các nghiệp đoàn, v.v...

### **Phó thự (Contreseing)**

Chữ ký của một quyền chức (autorité) nằm bên cạnh chữ ký của một quyền chức cấp trên, để :

— xác thực hóa (authentifier) chữ ký chánh.

— hay biểu thị sự hợp tác của quyền chức đã hạ bút ký vào văn kiện.

Người ta đã áp dụng sự phó thự vào chế độ nội các : tất cả mọi hành vi thành văn (acte écrit) của Quốc trưởng, vô trách nhiệm về mặt chánh trị, đều được một hay nhiều bộ trưởng phó thự. Sự phó thự này chứng nhận rằng các bộ trưởng đã hợp tác vào các hành vi trên, và, như vậy, gây ra trách nhiệm chánh trị liên đới của họ trước Quốc hội. Bất cứ hành vi pháp lý nào của Quốc trưởng, trong chế độ nội các, cũng phải có sự phó thự của :

— Thủ tướng

— và một bộ trưởng.

Tuy vậy hành vi của Quốc trưởng, bổ nhiệm một vị Thủ tướng mới, không cần phải phó thự.

Ngoài ra, những hành vi *quan trọng* nhất của Thủ tướng phải có sự phó thự của bộ trưởng liên hệ. Những hành vi đó là :

— Sắc lệnh lập quy (décret réglementaire)

— Sắc lệnh bổ nhiệm (décret de nomination). Sự phó thự các hành vi quan hệ của Thủ tướng chứng nhận là chế độ mà ta thấy là chế độ «Chánh phủ nội các» (gouvernement de cabinet) trong đó, Thủ tướng, dầu là lãnh tụ chánh phủ, không thể hành động một mình được.



### **Pháp qui hành chính** (*Règlement d'administration publique*)

Danh từ này, ở Pháp, chỉ một loại pháp qui, mà Tổng Thống làm ra, theo lời yêu cầu của Quốc hội, sau khi tham kiến Tham-chánh-Viện, để bổ túc những quy tắc định trong một đạo luật.

### **Phê chuẩn** (*Ratification*)

1.— Sự xác nhận (xem chữ này) cần phải có để cho một hành vi trở nên có giá trị. Sự xác nhận này do chính cơ quan mà hành vi nói trên phạm tới quyền lợi hay hoạt động, của mình làm ra. Thí dụ: Chánh phủ đôi khi được Quốc hội cho phép làm những sắc luật thay đổi được luật, hay có giá trị ngang luật trong một địa hạt nào với sự dè dặt là những sắc luật đó phải được Quốc hội phê chuẩn. Sự phê chuẩn của Quốc hội gây ra hậu quả pháp lý là: Sắc luật tự khi đó, trở nên luật.

2.— Hành vi cuối cùng trong giai đoạn nội bộ, của thủ tục ký kết các hiệp ước quốc tế.

### **Phế bãi hiến-pháp-tính** (*Déconstitutionnaliser*)

Tước đoạt hiến-pháp-tính của một điều khoản nằm trong một hiến pháp cương tính, và do đó, điều khoản nói trên chỉ có giá trị pháp lý ngang với một đạo luật thường.

### **Phổ thông đầu phiếu** (*Suffrage universel*)

Chế độ đầu phiếu trong đó không ai mất quyền đầu phiếu vì một trong những lý do sau.

- học vấn,
- gia sản,
- hay khả năng tinh thần.

Chớ có định nghĩa chế độ phổ thông đầu phiếu là chế độ trong đó ai ai cũng đi bầu, vì bị gạt ra ngoài người vị thành niên, can án, điên rồ v.v.,

Đầu phiếu theo thuế ngạch (*suffrage censitaire*) là chế độ chỉ thừa nhận quyền đó cho những ai đóng một số thuế tối thiểu là bao.

Đầu phiếu theo năng lực (*suffrage capacitaire*) là chế độ chỉ thừa nhận quyền đầu phiếu cho ai có một trình độ học thức tối thiểu (Tuy vậy trong một nước học vấn mở mang, sự đòi hỏi biết đọc và viết không có trái với chế độ phổ thông đầu phiếu).

### **Phụ cấp dân biểu** (*Indemnités parlementaires*)

Có nên cho dân biểu hưởng một khoản phụ cấp không? Có nhiều người phản đối, sợ rằng sự đại diện dân chúng trở nên một nghề. Lý luận đó vô giá trị: nếu không cấp một khoản thù lao nào cho dân biểu thì chỉ có ai giàu lắm mới dám ra tranh cử. Váy dân chủ thực sự đòi hỏi thù lao cho dân biểu.

Thù lao này không phải chỉ là một khoản bồi thường những chi phí cần thiết của dân biểu như: văn phòng, trụ sở tại kinh đô, nơi Quốc hội họp, chuyên chở tự hạt tuyền cử tới kinh đô trong xuất khỏa họp v.v... mà còn là một số lương bổng, để cho dân biểu có thể sống đầy đủ mà khỏi phải hành một thứ nghề nào khác. Nghề dân biểu ngày nay đòi hỏi một hoạt động toàn thời gian.

Trong thực tế, người ta thường để cho các vị dân biểu tự ấn định lương bổng cho mình.

Ở Pháp và Việt Nam (Đệ nhất Cộng Hòa) nguyên tắc là khoản thù lao cho dân biểu tương tự với lương bổng của ngạch công chức cao cấp nhất (Pháp: ngạch Cố vấn Tham chánh viện).

Ở Hué Kỳ, thù lao của dân biểu xấp xỉ ngang với lương bộ trưởng.

### **Phụ chánh** (*Régent*)

Người nào hành sử chức vụ của một ông vua vị thành niên hay không có khả năng để chấp chánh.

### **Phương chức** (*Moyen*)

Lý do pháp lý hay thực tại (*raison de droit ou de fait*) nại trước một tòa án, để làm căn bản cho một sự đòi hỏi quyền lợi.

Thí dụ : phương chức bào chữa, nghĩa là những lý do viện dẫn ra để làm căn bản cho sự bào chữa, và dựa vào pháp luật hay vào thủ tục tố tụng.

### **Phức hợp quốc** (*Etat Composé*)

Quốc gia, do hai hay nhiều Quốc gia khác hợp thành, trong đó các Quốc gia hội viên vẫn giữ quyền tự trị, nhiều hay ít, để nhằm cùng thi hành sách đối ngoại.

Thuộc về loại này :

- Liên hiệp Quốc gia (*Union d' Etats*)
- Bang liên quốc gia (*Confédération d' Etats*)
- và Liên bang Quốc gia (*Etat Fédéral*)

(xem các chữ sau)

## Q

### **Quan sát viên** (*Observateur*)

Danh từ phổ thông, chỉ nhân viên, do một chánh phủ chỉ định, phụ trách quan sát những cuộc thương lượng, mà, theo nguyên tắc, y không tham dự vào, với mục đích là tường trình sự tiến triển và kết quả của cuộc thương lượng đó, nhất là những quyết nghị xét ra có thể phương hại tới quyền lợi của chánh phủ nói trên.

### **Quân biến** (*Pronunciamiento*)

Một loại đảo chánh, mà thủ xướng là quân nhân (xem chữ đảo chánh)

### **Quân chủ** (*Monarchie*)

1.— Theo nghĩa rộng : chế độ chánh trị trong đó chánh quyền nằm trong tay một cá nhân duy nhất, và do y, hay đại diện của y, hành sử.

Quân chủ có thể nguyên do ở bầu cử (*monarchie électorale*), nếu ông Vua được bầu trong thời hạn, hay xuất đời; quân chủ gọi là kế vị nếu chánh quyền được di truyền bằng sự thừa kế.

2.— Theo nghĩa hẹp, đối lập với Cộng hòa, quân chủ là chế độ trong đó vị Quốc trưởng là một ông Vua kế vị. Anh là nước quân chủ, theo nghĩa này.

Quốc gia quân chủ (*Royaume*) là một Quốc gia mà vị nguyên thủ là một ông Vua kế vị.

Người ta phân biệt :

a) Quân chủ độc đoán (*monarchie absolue*): trong đó quyền hành của vị Vương giả không bị hiến pháp nào hạn chế.

b) Quân chủ lập hiến (*monarchie constitutionnelle*): trong đó quyền hành của nhà vua do hiến pháp ấn định.

c) Quân chủ thần quyền (*monarchie de droit divin*): trong đó vua được coi như là nhận được quyền hành của một vị thần linh (thượng đế chẳng hạn) ban cho.

d) Quân chủ hạn chế: (*monarchie limitée*): trong đó quyền hành nhà vua do sự hiện hữu của một Quốc hội dân cử, hạn chế.

e) Quân chủ nội các (*monarchie parlementaire*): một loại quân chủ hạn chế, trong đó chế độ nội các được thi hành. Anh là nước quân chủ nội các.

f) Quân chủ đại diện (*monarchie représentative*): một loại quân chủ lập hiến, có một Quốc hội dân cử cạnh nhà vua.

### **Quốc dân** (*Nation*) (*phương diện xã hội học*)

Đó là yếu tố nhân loại của Quốc gia. Quốc dân là một nhóm người kết hợp với nhau nhờ ở một giây liên đới đặc biệt. Định nghĩa mới liên đới này rất tế nhị. Có người thì nhấn mạnh

vào các yếu tố vật chất của nó, như : sự chung một chủng tộc, ngôn ngữ, tôn giáo v.v.. Những yếu tố này quan hệ, nhưng không phải là ấn định hay chi phối. Ở Thụy sĩ có tới 3 chủng tộc (Pháp, Đức, Ý), bốn ngôn ngữ, hai tôn giáo, nhưng chỉ có một quốc dân.

Vậy phải nói tới sự tối thượng của các yếu tố tinh thần (éléments spirituels) như : chung kỷ niệm (lịch sử đóng vai tối hệ trọng trong sự cấu tạo các Quốc dân), chung lý tưởng, và ý muốn sống chung với nhau (communauté de vouloir vivre). Nói một cách tổng quát, mỗi Quốc gia chỉ có một Quốc dân. Tuy vậy cũng có những Quốc gia gồm nhiều Quốc dân (nước Autriche Hongrie trước 1914).

Muốn trở nên Quốc gia, Quốc dân phải định cư trên một lãnh thổ biên thùy rõ ràng. Quốc dân Do thái chỉ trở nên Quốc gia khi sự «tản mác» chấm dứt, và sau khi đoạt được một lãnh thổ có biên giới rõ ràng.

### **Quốc dân** (*Nation*) (*phương diện pháp lý*)

A) Một yếu tố của Quốc gia, do sự tập hợp của những cá nhân, định cư trên một lãnh thổ nhất định, và đặt dưới quyền thống trị của một chính phủ duy nhất. Quốc dân là : bản chất nhân loại của Quốc gia (La Nation est la substance humaine de l'Etat).

B) Theo học thuyết cổ điển, nguyên do ở Cách mạng Pháp (1789), pháp nhân do toàn thể cá nhân trong Quốc gia, hợp thành, nhưng khác biệt hẳn với các cá nhân đó, và nắm giữ trong « tay » chủ quyền.

C) Theo Quốc tế Công pháp, Quốc dân là một nhóm người sống trên một lãnh thổ, có một chủng tộc, ngôn ngữ và tôn giáo chung, và sự « chung » đó tạo ra cho mọi người nói trên, những hoài bão, truyền thống, kỷ niệm chung, và nhất là « ý chí sống chung » (vouloir vivre collectif).

### **Quốc gia** (*Etat*) (*phương diện pháp lý*)

Nhóm người định cư trên một lãnh thổ nhất định và đặt dưới quyền thống trị của một chính phủ duy nhất, mà các luật gia thừa nhận là có pháp nhân,

### **Quốc gia** (*Etat*) (*phương diện xã hội học*)

Trong tất cả các nhóm, hay tổ chức, trong xã hội, Quốc gia là một tổ chức, có hai đặc tính riêng biệt:

— Độc quyền cưỡng chế.

— Và chủ quyền.

a) Quốc gia có độc quyền sử dụng một bộ máy cưỡng chế, tức công lực (quân đội — cảnh sát công an). Các nhà cầm quyền (*gouvernants*) là những người duy nhất có quyền tổ chức và sử dụng công lực. Chứng cứ là các nhà cầm quyền, mất tính chất đó (tức bị lật) khi nào họ không sai bảo được công lực nữa.

Chỉ có các nhà cầm quyền mới có quyền sử dụng công lực. Đó là một độc quyền. Trong Quốc gia, còn nhiều nhóm, nhiều tổ chức khác: các giáo phái, xí nghiệp, nghiệp đoàn, chính đảng v.v... Nhưng, ngày nay, những người chỉ huy các nhóm đó không có quyền dùng võ lực để chế tài những mệnh lệnh của họ, trừ khi nào Quốc gia chịu cho họ sử dụng công lực. Trái lại Quốc gia có quyền sử dụng công lực để chế tài mọi mệnh lệnh của mình.

b) Quốc gia có chủ quyền: đó là một hậu quả của độc quyền tổ chức và sử dụng công lực. Trong nội bộ của mỗi Quốc gia, không có một tổ chức nào có phương tiện cưỡng chế của Quốc gia. Quốc gia trên hết mọi nhóm, mọi cá nhân. Trên bình diện quốc tế, mặc dầu những cố gắng để tổ chức những cơ quan trên Quốc gia (như Hội Quốc Liên, Liên Hiệp Quốc) không có một cơ quan nào sai bảo được Quốc gia. Xã hội quốc tế bao gồm một số Quốc gia có chủ quyền, ngang hàng nhau, chứ không phải là đặt dưới một uy quyền chung nào.

Dĩ nhiên định nghĩa này chỉ mang lại cho ta những khái niệm tổng quát. Người ta có thể đặt thêm hai câu hỏi sau:

— Trong phạm vi nội bộ, và đứng về phương diện luân lý và pháp lý, chủ quyền của Quốc gia có bị hạn chế bởi quyền lợi của các nhóm khác, và mọi cá nhân không?

— Trên bình diện quốc tế, Quốc gia có thể bị Quốc tế công

pháp hạn chế không ?

### **Quốc gia đơn thuần** (*Etat simple ou unitaire*)

Quốc gia tập trung, trong đó các tỉnh hay hạt hành chính đều phụ thuộc chính quyền trung ương, và không đơn vị địa phương nào có một quyền tự trị thật sự. Một quốc gia đơn thuần chỉ có một Quốc hội, một Chính phủ duy nhất.

### **Quốc gia bán-chủ-quyền** (*Etat mi-souverain*)

Một Quốc gia, do ở một mối liên lạc phụ thuộc, đặt dưới sự thống trị chính trị của một Quốc gia khác. Tình trạng bán chủ quyền có nhiều loại khác nhau; những thể thức phổ thông nhất là :

- chư hầu (*vassalité*)
- bảo hộ (*protectorat*)
- tự trị thuộc địa (*autonomie coloniale*).

### **Quốc-gia Liên-bang** (*Etat Fédéral*)

Thường là một Quốc gia kế tiếp một Bang-Liên (xem chữ này) và bao hàm một sự tập trung mạnh hơn. Như thế có nghĩa là Quốc gia Liên bang là một đơn-vị quốc-tế khác biệt và mới mẻ, đứng trên và ngoài những Quốc gia hội viên hợp thành Quốc gia Liên bang. Cơ quan sau này là mối liên lạc giữa các Quốc gia hội viên. Khác hẳn với một Bang-liên, Quốc gia Liên bang có đủ những bộ phận chính yếu của một Quốc gia: Chính phủ, Quốc hội và Tòa án liên bang.

Chỉ có Quốc gia Liên bang mới có chủ quyền đối ngoại (ngoại giao duy nhất, *diplomatie unique*). Trong khi Bang-Liên chỉ còn là một thể thức lịch sử, thể thức Liên-bang rất phổ thông ngày nay, và được áp dụng tại các nước sau: Thụy-sĩ, Huê-Kỳ, Mê-tây-co, Úc-dại-lợi, Nga-sô-viết Ấn độ và phần đông các Cộng hòa ở Nam Mỹ.

### **Quốc gia tự chủ** (*Etat souverain*)

Quốc gia hoàn toàn độc lập, và hưởng đủ mọi quyền hành về mặt nội bộ (lập pháp, hành chính, tư pháp,) cũng như về mặt đối ngoại (quyền tuyên chiến, quyền ngoại giao,

quyền ký kết hiệp ước quốc tế).

**Quốc-hội và Chánh-phủ** (*phân biệt giữa Parlement et Gouvernement*).

Đây là một sự phân biệt tối hệ trọng. Tất cả mọi chế độ dân chủ đều thực hiện một sự phân phối trong việc hành sử chánh-quyền và sự phân-phối này thể hiện giữa hai cơ quan bản chất khác nhau :

— một bên là Quốc-hội (một hay hai viện)

— một bên là Chánh-phủ.

Quốc-hội thảo luận và biểu quyết. Thảo luận công khai giữa mọi hội viên và biểu quyết bằng một cuộc đấu phiếu cũng xảy ra trong hội nghị.

Trái lại Chánh-phủ, tuy cũng thảo luận, nhưng có nhiệm vụ chính là đưa ra những quyết nghị. Mỗi bộ trưởng, không những là một hội viên của Hội-dồng Chánh-phủ, mà còn là một người đứng đầu một tổ chức hành chánh, và với danh nghĩa đó, phải luôn luôn quyết định với tinh cách bộ trưởng.

o o o

*Tác-phong* của một Hội-dồng bộ-trưởng và của một Quốc hội, hoàn-toàn khác nhau.

Trong một Quốc-hội, mỗi nghị sĩ đặc biệt lưu ý đến là phiếu của mình, và kết quả một cuộc đấu phiếu đưa ra ánh sáng những khuynh hướng đối lập.

Trái lại, trong một Hội-dồng bộ trưởng, thời nguyên tắc là : sau khi cuộc thảo luận chấm dứt, quyết nghị đưa ra là quyết nghị chung của mọi người. Một bộ trưởng không chịu tán thành một quyết-nghị của hội-dồng bộ-trưởng phải rút lui. Trong một Chế-độ Nội các nếu không tán thành quyết-nghị của Nội các mà vẫn ở lại trong chánh-phủ, là một thái độ **mâu thuẫn** với chính mình.

o o o

Sứ mệnh của hai cơ quan cũng khác nhau.

Quốc-hội đặt những quy-tắc nguyên thủy, những quy



tắc khuôn mẫu trong đó chánh-phủ hoạt-động. Đó là những đạo luật.

Chánh-phủ, trái lại, có một nhiệm-vụ chỉ-huy thường nhật, trong khuôn-khổ luật pháp. Chính-phủ là một cơ-quan thi-hành. (Nên nhớ : chữ thi-hành phải hiểu theo nghĩa rộng, xin xem chữ quyền hành-pháp để hiểu rõ bản chất thẩm quyền của chánh-phủ).

000

000

Tại sao có sự phân-biệt giữa Quốc-hội và Chánh-phủ ?  
Hai lý do :

1) Thứ nhất : lý do lịch sử : sự dân chủ hóa các xã hội thường khởi hành từ một tình trạng trong đó toàn thể mọi quyền hành trong Quốc-gia đều tập trung trong tay một ông Vua. Và ông Vua, trước sự tiến bộ của tư tưởng dân chủ, đã nhượng quyền của mình cho những hội nghị dân biểu.

Sự lu mờ của Vương quyền đưa đến sự phân biệt giữa

— thẩm quyền của Quốc-hội

— và thẩm quyền còn lại trong tay Vua.

Rồi vua bị tước nốt cả quyền hành pháp. Nhưng sự phân biệt vẫn còn.

2) Thứ hai : đó là lý do phân công trong việc làm.

Một Quốc-hội cần phải khá đông, đây là nơi để đại diện một nước. Nhưng một Quốc-hội không thể thường xuyên họp để thường xuyên làm việc lập pháp và cai trị. Quốc-hội lập hiến thời Cách Mạng Pháp (1792-1795) đã cố gắng làm việc đó, nhưng không nổi và ủy quyền hành pháp cho các Ủy ban. Một cơ quan nhỏ hơn, nhưng quyền hành tập trung hơn, mới có thể làm những quyết nghị thường nhật được : đó là Chánh-phủ.

Giữa hai cơ quan đó (Quốc hội và Chánh-phủ), phải có một cuộc đối thoại, tại nơi có dân chủ được.

Nếu không có cuộc đối thoại, thì một trong hai cơ quan đó thống trị cơ quan kia: hoặc là Quốc-hội đã « ép » Chính-phủ vào một vai trò « mẹ hát con khen hay ». Nếu vậy thì dân chủ khó mà tồn tại. Khi Chánh-Phủ đè ép Quốc-hội, ta có độc tài. Và khi Quốc-Hội đè ép Chánh-Phủ, dân chủ cũng không còn nữa, trừ những biệt lệ hãn hữu như trường hợp nước Thụy-sĩ.

### **Quốc trưởng** (*Chef d'Etat*)

Nhân vật (Hoàng Đế, Vua hay Tổng Thống) được Hiến pháp chỉ định, bằng một thẻ thức nào (di kế hay bầu cử) để đại diện cho Quốc gia (bộ máy chánh quyền) trong những mối liên lạc hoặc giữa Quốc-gia và ngoại bang, hoặc giữa Quốc-gia và nhân dân.

### **Qui tắc pháp luật** (*Règle de droit*)

1) Danh từ giáo thuyết (terme doctrinal), mà một vài tác giả dùng để chỉ những qui mô pháp lý căn bản (normes juridiques fondamentales) mà các chánh phủ phải tôn trọng.

2) Danh từ giáo thuyết mà một vài tác giả dùng để chỉ một văn kiện lập pháp, hay một đạo luật.

### **Quy pháp (hay pháp qui)** (*Règlement*)

Một hành vi lập pháp về nội dung (acte législatif au point de vue matériel) mà tác giả là một cơ quan không phải là Quốc hội: Tổng thống, Thủ tướng, Bộ trưởng, Đô trưởng, v.v., mà đối tượng là qui định những vấn đề không do luật qui định; hay là bổ túc những quy tắc đã đặt trong một đạo luật, để thi hành luật đó.

### **Quyền lập quy:**

Quyền lập quy (pouvoir réglementaire) là quyền của các nhà cầm quyền hành pháp trung ương (tức chánh phủ, theo nghĩa hẹp) và các nhà cầm quyền hành chánh địa phương, trong các hạt thuộc thẩm quyền của họ.

Sở dĩ quyền lập qui phải trao cho Chánh phủ và các nhà hữu trách địa phương là vì nhiều lý do. Trước hết, việc làm luật ngày nay trở nên quá lớn và phức tạp đối với sức làm việc của Quốc hội, dầu là có sự phụ tá của Chánh phủ.

Hơn nữa trong việc qui định những vấn đề chuyên môn, Chánh phủ có khả năng hơn Quốc hội.

Sau hết đối với các nhà cầm quyền địa phương, quyền lập quy cần thiết, vì sự qui định một vài loại vấn đề thay đổi tùy theo từng miền.

Quyền lập quy gặp những giới hạn sau :

a) Địa hạt cố hữu của quyền lập quy là sự qui định việc điều hành các công sở : tổ chức nội bộ các công sở, liên lạc về công vụ giữa các công sở và tư nhân. Những mối liên lạc giữa tư nhân nằm ngoài phạm vi của quyền lập quy. Nói khác quyền lập qui chỉ thu hẹp trong pháp chế hành pháp ( *législation administrative* ) và không có thể lan sang pháp chế dân sự ( *législation civile* ).

b) Một qui pháp không bao giờ có thể đặt ra những hình phạt, và tạo ra những thứ thuế mới. Hai địa hạt sau thuộc thẩm quyền của Quốc hội.

c) Dĩ nhiên, quy pháp phải tôn trọng pháp luật hiện hành. Quy pháp phải phục tùng pháp luật.

d) Quy pháp bao giờ cũng phải căn cứ và gắn liền vào một đạo luật. Nói khác quy pháp dựa vào một đạo luật, và chỉ có nhiệm vụ nói rộng và nói rõ những điều khoản của đạo luật căn bản. Vai trò của quyền lập quy là bổ khuyết luật bằng những điều khoản chi tiết, để cho luật được thi hành một cách thực sự và dễ dàng. Vì vậy cho nên quyền lập quy không thể xâm phạm tới một vấn đề mà luật chưa đủ động tới. Không có loại quy pháp tự trị ( *règlement autonome* ).

Tuy vậy nguyên tắc sau này có hai biệt lệ :

a) quy pháp tự trị có thể có, để qui định nội bộ công sở, miễn là không dính dáng với tư nhân.

b) quy pháp tự trị có thể có trong địa hạt cảnh sát, để đảm bảo an ninh và vệ sinh công cộng.

### **Quyền ( *Pouvoir* )**

Một chức vụ, được phân biệt rõ ràng về mặt pháp lý,

của Quốc gia, được thể hiện bằng một cơ quan tách biệt.

Thí dụ: quyền lập pháp, ở Việt Nam được ủy nhiệm cho Quốc hội.

### **Quyền ăn nói** (*Droit de parole*)

Quyền của bất cứ vị dân biểu nào, nhân viên của Quốc hội, được phát biểu ý kiến, trong những cuộc thảo luận tại nghị trường, theo những điều kiện ghi trong nội-quy của Quốc hội.

### **Quyền chánh phủ** (*Pouvoir gouvernemental*)

Danh từ này chỉ quyền hành của một loại người mà ta gọi là nhân viên chánh phủ, tức là nhân viên của hành pháp (nên nhớ cấp chỉ huy — les gouvernants — trong một nước còn gồm cả nhân viên của lập pháp, tức các nghị sĩ tại Quốc hội).

Quyền chánh phủ vượt quyền hành pháp (theo nghĩa cổ truyền) rất nhiều. Về một khía cạnh nào, quyền chánh phủ còn đối lập với quyền hành pháp. Cái ý niệm hành pháp có bao hàm là chánh phủ chỉ hoạt động bước sau, theo những chỉ thị tổng quát của Quốc hội, chỉ đóng một vai trò phụ thuộc, không có gì là sáng kiến, là đi bước đầu cả. Trái lại chánh phủ trong các Quốc gia ngày nay, có một vai trò thúc đẩy, lãnh đạo, chánh yếu; trong bộ máy Quốc gia chánh phủ là cái động cơ.

Giáo sư VEDEL đề nghị đánh dấu vai trò của chánh phủ bằng chữ Anh: LEADERSHIP (leader — người lãnh đạo. Giáo sư DUVERGER đề nghị chữ pháp: ANIMATEUR).

Dấu sao, chức vụ thực sự của chánh phủ là:

a) — ấn định những mục tiêu quốc gia (objectifs nationaux)

b) — phác họa những chương trình hoạt động (như chương trình 27 điểm của chánh phủ quân nhân Việt nam, năm 1965) sinh hoạt xã hội và chánh trị, ngày nay, thường đòi hỏi một sự kế hoạch hóa: vai trò trọng yếu của chánh phủ là dự định một kế hoạch và cố hướng dẫn hoạt động quốc gia theo kế hoạch đó. Ngạn ngữ: « Cai trị tức là tiên liệu » rất đúng (gouverner, c'est prévoir) Bên cạnh cái chức vụ thúc đẩy đó, chánh phủ còn thể hiện những phương tiện cần thiết để đạt

những mục tiêu đã dự định, xử lý thường vụ, ra những quyết nghị cần thiết trong phạm vi đó. Cái quyền chỉ huy sau này giống với quyền hành pháp, nhưng vượt nó rất nhiều : vì những quyết nghị áp dụng pháp luật trong thực tế đòi hỏi nhiều sáng kiến hơn là sự thi hành dân vị và thuần túy, nhất là chánh phủ thường phải thi hành chương trình của mình, ngoài việc thi hành luật của quốc hội. Về phương diện pháp lý thuần túy, Quốc hội ở trên Chánh phủ, vì Quốc hội trực tiếp nguyên do ở chủ quyền của nhân dân của chế độ phổ thông đầu phiếu. Nhưng trong thực tế, Chánh phủ dần dần trở nên cơ quan quan hệ bức nhất. Đáng lý thu hẹp trong vai trò thi hành những quyết nghị của Quốc hội, chánh phủ càng ngày càng trở nên cơ quan thúc đẩy, sáng tác, và các hội nghị dân biểu chỉ giữ vai trò kiểm soát, hãm và phản đối.

Sự phức tạp, ngày càng tăng, của những vấn đề cai trị : tính chất càng ngày càng kỹ thuật hơn của chúng ; sự quan hệ càng ngày càng rõ rệt của những bang giao quốc tế trong đó chánh phủ đóng vai then chốt và sự phát triển những nhiệm vụ kinh tế của Quốc gia (sự mở rộng của khu vực kinh tế công, của sự kế hoạch hóa) : tất cả những yếu tố đó giải thích khuynh hướng tăng cường Chánh phủ và giảm thực lực của Quốc hội, mặc dầu những học thuyết về địa vị tối thượng của cơ quan đại diện nhân dân (Quốc hội) và những quy tắc của hiến pháp.

### **Quyền chuyên quyết** (*Pouvoir discrétionnaire*)

Đối lập với thẩm quyền hạn định (*compétence liée*), đó là quyền của một cơ quan hữu quyền, hành động tự do, vì rằng hành vi mà cơ quan đó phải làm không do một quy tắc luật nào ấn định trước.

### **Quyền hành pháp** (*Pouvoir exécutif*)

a) Hồi thế kỷ thứ 18, đối với Locke và Montesquieu, quyền hành pháp là quyền chỉ huy quân lực và hành sử mọi phương tiện cưỡng chế. Vương quyền, bị tước đoạt quyền lập pháp (nhờ quyền này mà nhà vua là một vị chúa tể tuyệt đối), vẫn còn giữ cái khả năng vận dụng những phương tiện cưỡng chế để bảo vệ sự thi hành pháp luật. Vương quyền là lưỡi

gương của pháp luật. Ngoài ra, vì giữ binh lực, Vương quyền có nhiệm vụ quốc phòng và, do đó, giao thiệp với ngoại quốc.

b) Các hội nghị thời Đại cách mạng PHÁP, vì nghi kỵ hành pháp, đều chủ trương rằng quyền này chỉ thu hẹp trong việc thi hành pháp luật do cơ quan dân biểu làm. Hành pháp dưới thời Đại cách mạng, không có sáng quyền nào cả, cả về mặt đối ngoại.

c) Nhưng ngày nay, những đòi hỏi của thực tế đã khiến cho người ta phải hoàn lại cho Hành-pháp một lãnh vực hoạt động rộng lớn hơn nhiều.

Với sự phát triển hiện tại của vai trò của Quốc-gia, thi hành pháp luật có một nghĩa khác hẳn với nghĩa của nó, hồi thế kỷ thứ 18.

Cái sứ mạng thi hành pháp luật, trong các hiến pháp ngày nay đồng nghĩa với sứ mạng hành chánh (mission d'administrer), và có nghĩa là : 1) Thề biện an ninh công cộng (faire régner l'ordre public), nhất là bằng cách làm những quy pháp (règlements) cần thiết, 2) Và điều hành các công sở. Duy trì an ninh, điều hành công sở là làm nhiệm-vụ hành chánh, theo nghĩa hiện tại của danh từ đó.

Một đấng khác, giữa việc quản trị thường xuyên các công sở và những đạo luật do Quốc-hội biểu quyết, còn có một khu vực cũng thuộc quyền hành pháp : đó là sự định hướng chánh sách đối ngoại và đối nội. Trong chế độ nội các lãnh vực của quyền hành pháp rất lớn : khi mà sự kiểm soát của Quốc-hội đối với Hành-pháp dần dần thành hình, và đồng thời Chánh-phủ trở nên đại diện của khối đa số trong Quốc-hội thời HÀNH PHÁP tỏ ra là có một vai trò chỉ huy chánh trị không phải chỉ là thuần túy hành chánh.

Nếu ta nói thêm rằng trong những chế độ nội các tân tiến nhất, như là chế độ Anh chẳng hạn, Hành pháp vừa là đại diện cho Lập pháp, vừa là lãnh đạo của một Quốc-hội đại diện nhân dân, tức một cơ quan có chủ quyền, thì ta sẽ hiểu rằng quyền hành pháp không phải chỉ là thi hành pháp luật, mà còn bao gồm mọi hoạt động có tính chất chánh trị ngoài việc biểu quyết luật và việc hành sử quyền tư pháp.

Vi thể cho nên G.S. VEDEL đề nghị nên gọi hành pháp là quyền chánh phủ (pouvoir gouvernemental) một danh từ đầy đủ và đúng thực hơn là danh từ : quyền hành pháp, mặc dầu là danh từ sau đã nhập vào ngôn ngữ hàng ngày. Còn về việc định ranh giới giữa quyền lập pháp và quyền hành pháp, thì đó là một trong những đối tượng của hiến pháp.

d) Ghi rằng sự phân biệt Hành pháp và Lập pháp ngày nay rất khó, và có khuynh hướng ngày càng phai nhạt.

Hành pháp, tức chánh-phủ, tức quyền cai trị (pouvoir exécutif ou gouvernemental) không thu hẹp trong việc thi-hành luật pháp. Thực ra, quyền hành pháp càng ngày càng tỏ ra là một quyền thúc đẩy, linh động và chỉ huy tổng quát bộ máy Quốc-gia, một thứ quyền mà người Anh gọi là lãnh đạo quốc dân (leadership national). Trong khi đó thì Quốc-hội chỉ đặt ra những một giới hạn tổng quát cho hoạt động của Chánh phủ cùng là kiểm soát hoạt động đó.

Chánh-phủ (tức Hành-pháp) xâm lấn sang cả lãnh vực của lập pháp bằng hai cách :

1) Một đảng Chánh-phủ càng ngày càng sử dụng nhiều tới quyền đề nghị pháp luật (initiative des lois). Ở Anh chẳng hạn 90% các đạo luật nguyên do ở những dự án luật của Chánh phủ.

2) Một đảng khác, các đạo luật ngày nay thường chỉ ấn định một khuôn khổ tổng quát, rất đơn sơ, mà chánh-phủ sẽ lấp đầy bằng những sắc lệnh, nghị định thi hành cũng không kém tổng quát.

Như vậy cái chức vụ Lập pháp, trong thực tế, bây giờ cũng do Quốc-hội và Chánh-phủ (tức Hành-pháp) lãnh nhiệm, và vai trò của Chánh-phủ muốn như lấn át cả vai trò của Quốc-hội.

### **Quyền hệ cấp (Pouvoir hiérarchique)**

A.— Theo nghĩa rộng : quyền, của vị thượng cấp, kiểm soát mọi nhân viên thuộc hạ.

B.— Theo nghĩa hẹp : quyền của vị thượng cấp, kiểm soát

những hành vi pháp lý của nhân viên thuộc hạ, với khả năng đình chỉ, hủy bỏ, hay sửa đổi những hành vi đó.

### **Quyền kiểm soát** (*Pouvoir de contrôle*)

Tức là quyền kiểm tra sự hợp pháp (vérifier la régularité) hay sự thích nghi (vérifier l'opportunité) một hành vi.

a) Kiểm tra hợp pháp, tức là tìm xem hành vi bị kiểm tra có phù hợp với những luật lệ và quy pháp hiện hành không. Hành vi chỉ có thể hủy bỏ nếu trái với các quy tắc trên.

b) Kiểm tra thích nghi có bao hàm là hành vi bị kiểm tra rất hợp pháp nhưng những trường hợp thực sự (circonstances de fait) không chứng minh sự thể hiện hành vi. Kiểm tra thích nghi tìm xem hành vi có phù hợp với mọi sự kiện thực tại không. Do đó, quyền kiểm tra sau này vừa rộng, vừa hữu hiệu hơn là sự kiểm tra hợp pháp.

### **Quyền lập hiến** (*Pouvoir constituant*)

Tức là quyền làm ra hiến pháp: quyền lập hiến là một quyền nguyên thủy và tối thượng (pouvoir originaire et suprême).

Thường thường, sau một cuộc cách mạng đã lật đổ chế độ cũ, thời các nhà lập hiến không bị ràng buộc bởi bất cứ quy tắc pháp lý cố hữu nào, và họ hành động như một quyền hành nguyên thủy và tối thượng (ngoại trừ trường hợp cơ quan cách mạng đã vạch trước một vài giới hạn cho quyền lập hiến).

Về phương diện pháp lý, quyền lập hiến không thể giải thích hay chứng minh được. Quyền này chỉ có thể chứng minh về phương diện lịch sử và chính trị. Nhưng về mặt pháp lý thì người ta không thể đi ngược tới một quyền hành cao hơn quyền đó, làm căn bản cho nó. Quyền lập hiến là quyền hành cao nhất. Trái lại quyền hiến định (pouvoir constitué) là những quyền hành có trong Quốc gia, như lập pháp, hành pháp, tư pháp, và bắt nguồn ở hiến pháp, do ở hiến pháp mà ra.



Sự phân biệt hai loại quyền hành này (lập hiến và hiến định) không phải là một tế nhị pháp lý (subtilité juridique), bởi một sợi tóc ra làm 4, trái lại sự phân biệt này rất quan hệ: nó giải thích tại sao một quyền hiến định lại không thể ủy nhiệm thẩm quyền của mình được. Thí dụ: nhà lập pháp (tức Quốc hội) không có quyền tạm nhượng thẩm quyền làm luật của mình cho một cơ quan nào khác, như cho chánh phủ (hành pháp) chẳng hạn. Lý do là: quyền lập pháp không phải là chủ nhân của thẩm quyền của mình (le législatif n'est pas maitre de sa compétence), vì thẩm quyền này do hiến pháp trao cho « y ».

Quyền lập hiến phân phối mọi quyền hành theo sở ý của mình, nhưng một quyền hiến định nào, bao giờ cũng phải hành sử thẩm quyền của mình theo đúng hiến pháp, và chỉ hành sử được thẩm quyền đó thôi.

Vì vậy cho nên các luật gia (Pháp) chủ trương rằng cái tập quán làm sắc luật (pratique des décrets-lois), là một tập quán phản hiến.

### **Quyền lập quy** (*Pouvoir réglementaire*)

Quyền của một cơ quan chánh phủ hay hành chánh (autorité gouvernementale ou administrative), đặt ra những hành vi tổng quát (xem chữ này).

Thí dụ: Đô trưởng trong phạm vi đô thành, có quyền lập quy về cảnh sát.

### **Quyền quyết định** (*Pouvoir de décision*)

Đó là thẩm quyền làm những hành vi pháp lý (actes juridiques) ấn định một vài quyền lợi hay một vài nghĩa vụ.

Người ta phân biệt hai loại quyết định:

1) — quyết định tổng quát, áp dụng cho tất cả một loại người nào, có những tính chất chung (như loại người từ 21 tới 25 tuổi, loại người bị chiến tranh làm thiệt hại v.v...)

2) — và quyết định riêng biệt, áp dụng cho một hay nhiều cá nhân có danh tính rõ ràng (thí dụ: những thí sinh A, B và C đều được vào vấn đáp)

Một đạo luật (une loi) là một quyết nghị tổng quát. Một sắc lệnh hay nghị định bổ nhiệm một công chức là một quyết định cá nhân.

### **Quyền thảo nghị** (*Pouvoir délibératif*)

Tức: thảo luận song thi quyết nghị.

Đó là quyền của Quốc hội.

Có thể phân tách ra làm 2 quyền: quyền hạn chế và quyền phản đối.

a) Nếu Chánh phủ là động cơ (xem chữ quyền chánh phủ) thì Quốc hội là máy hãm (thắng) vì, theo một nghĩa nào, hoạt động của Chánh phủ do những quyết nghị của Quốc hội hạn chế. Quyền hạn chế này có thể hành sử trước: Quốc hội ấn định những giới hạn tổng quát cho hoạt động của Chánh phủ. Quốc hội vạch giới hạn này bằng cách hành sử quyền lập pháp: luật vạch những biên thù pháp lý của hoạt động Chánh phủ. Quốc hội còn hạn chế Chánh phủ bằng cách hành sử quyền ngân sách: ngân sách vạch những giới hạn tài chánh của hoạt động chánh phủ.

Quyền hạn chế của Quốc hội còn hành sử sau hay dưới hình thức kiểm soát. Bằng những câu hỏi, chất vấn, ủy ban điều tra, thảo luận công khai, Quốc hội theo dõi thường trực hoạt động của Chánh phủ: bắt Chánh phủ phải giải thích, đặt mình dưới mọi chỉ trích của Viện dân biểu. Sự thảo luận về ngân sách khiến cho hoạt động của Chánh phủ bị đưa ra ánh sáng, từng chi tiết.

Nhưng vai trò của Quốc hội không phải chỉ là « hãm » Chánh phủ. Quốc hội cũng có vai trò thúc đẩy: đề nghị những hướng hoạt động mới, thúc đẩy mục hoạt động của Chánh phủ, nếu cơ quan này có vẻ ý. Bên cạnh chức vụ hạn chế, quyền thảo nghị còn bao gồm quyền phản đối (pouvoir de revendication). Quốc hội, theo G.S Duverger, là một phòng khiếu nại (un bureau de réclamation) cho mọi công dân, mọi nhóm, và phe đối lập. Và đó là vai trò hệ trọng của Quốc hội. Như G.S. Duverger đã nhận xét rất đúng, trong số tất cả những đại lộ mở để đón tiếp mọi sự phản đối, khiếu nại, đại lộ Quốc hội là

lối đi khó bịt nhất. Trên bình diện tổng quát những tự do công cộng, những quyền căn bản của công dân, đều được bảo vệ, nhờ ở quyền phản đối của Quốc hội. Giáo sư Duverger còn viết như sau: « Có Quốc hội thì có Tự do ».

(L'Existence des libertés demeure liée en fait à l'Existence des Parlements)

### **Quyền thi hành** (*Pouvoir d'exécution*).

Tức là thẩm quyền đem thể hiện một quyết nghị đã ra, đã có tự trước. Bản án xử tử một tội nhân là một quyết nghị của tòa án. Hành vi bắn chết tội nhân là một việc thi hành.

Người ta rất có thể quan niệm là quyền quyết nghị và quyền thi hành được trao cho những cơ quan khác nhau.

### **Quyền tư vấn** (*Pouvoir de consultation*)

Tức là quyền phát biểu ý kiến, khuyến miễn (trước khi có một quyền quyết nghị) cơ quan có thẩm quyền làm một quyết nghị.

Cơ quan tư vấn bao giờ cũng khác cơ quan quyết định.

Đĩ nhiên cơ quan quyết định không bị những ý kiến của cơ quan tư vấn trói buộc.

### **Quyết nghị** (*Résolution*)

*Quyết định* của một Viện trong Quốc hội, đi tới mà không dùng tới thủ tục lập pháp, nhưng có tính chất vĩnh viễn, và không phải đưa qua Viện kia, để cứu xét lại.

Người ta thường dành danh từ này để chỉ những quyết định mà đối tượng là đặt ra những điều khoản của nội quy của một Viện nào trong Quốc hội.

### **Quyết nghị theo đa số** (*Décision à la majorité*).

Đó là một quy tắc căn bản của nền dân chủ.

Lý do của quy tắc đó không phải là: một đảng có đa số đảng viên, có nhiều hy vọng là một đảng « hay »; một quyết nghị có đa số tán thành có nhiều may mắn là một quyết nghị khôn

ngoan. ( Anatole France có nhắc ta : một điều ngu xuẩn, do một ngàn người nhắc đi nhắc lại, vẫn là một điều ngu xuẩn ).

Căn bản của quy tắc đa số là : đó là phương tiện dễ cho số tối đa cá nhân, có quyền tự trị tự quyết. Khi định rằng : quyết nghị của đa số là quyết nghị có giá trị, hữu hiệu, người ta chắc chắn rằng đa số công dân sẽ tuân theo quy tắc mà chính họ đã đặt ra.

Nhưng quy tắc đó cũng là một nhược điểm của nền dân chủ, vì mặc dầu mọi cố gắng ( nhất là của Rousseau ) để chứng minh rằng thiểu số đã cam đoan trước sẽ phục tùng đa số, khi nào có một thiểu số, thời dĩ nhiên là một phân số công dân không thỏa thuận. Như thế có nghĩa là : quyết nghị của đa số là luật lệ của nền dân chủ, nhưng luật lệ này có giới hạn. Và giới hạn này nguyên do ở khái niệm dân chủ. Giới hạn đó là : thiểu số phải có dịp, có cơ hội bình vực quan điểm của mình. Vậy phải có một cuộc đối thoại giữa đa số và thiểu số.

Cuộc đối thoại này phải có ở trong nước, và nhất là tại Quốc hội. Hầu hết những định chế dân chủ đều nhằm bảo vệ và duy trì thiểu số, để cho phe này tồn tại và có hy vọng trong tương lai trở nên đa số.

# S

## **Sắc luật** (*Décret — loi*)

Là một hành vi lập pháp (acte législatif), do Chánh phủ làm. Sắc luật giá trị cưỡng chế ngang luật, nghĩa là có thể sửa đổi pháp luật hiện hành.

Người ta không phân biệt hai loại sắc luật :

a) Sắc luật thời cách mạng, tác phẩm của chánh phủ trong thực tế, (*gouvernement de fait*), làm ra sau một cuộc cách mạng, để hủy bỏ hiến pháp cũ, trước khi một hiến pháp mới được thiết lập.

b) Sắc luật do Chánh phủ làm, sau khi được Quốc hội cho phép. Trong đạo luật cho phép Quốc hội vạch rõ mục đích hay đối tượng của sắc luật. Sau này, mỗi sắc luật làm như vậy, phải được Quốc hội phê chuẩn.

Do đó :

1) sắc luật có giá trị ngang luật, nghĩa là sửa đổi được luật hiện hữu, vì sự cho phép minh thị của Quốc hội.

2) cho tới khi được chấp thuận, sắc luật chỉ là một hành vi hành chánh (acte administratif). Vậy sắc luật có thể bị kiện vì vượt quyền (*objet d'un recours pour excès de pouvoir*) y như quy pháp. Chánh phủ có thể thay đổi nó cho tới ngày phê chuẩn.

3) sau ngày phê chuẩn, sắc luật trở nên một đạo luật hoàn toàn. Vậy không thể bị Chánh phủ thay đổi và cũng không thể bị kiện vì vượt quyền,

### **Sự tối thượng của hiến pháp** (*la Suprématie de la Constitution*)

Khái niệm này dựa vào hệ cấp các hành vi pháp lý (*hiérarchie des actes juridiques*) của các nhà cầm quyền, trong đó hiến pháp chiếm hàng cao nhất.

a) Hệ cấp đặt giữa các hành vi pháp lý là phương tiện hữu hiệu nhất để hạn chế chúng. Nó có nghĩa là mỗi một nhà cầm quyền chỉ có thể hoạt động trong giới hạn do một nhà cầm quyền khác vạch ra.

Khuôn cốt của hệ cấp đó như sau: luật hiến pháp, hay hiến luật, luật thường, sắc lệnh của Quốc trưởng, hay Thủ tướng, nghị định của các bộ trưởng, quyết nghị của các nhà cầm quyền địa phương. Mỗi hành vi pháp lý trong mỗi loại hành vi pháp lý trên, hạn chế các hành vi pháp lý trong loại kế tiếp. Các đạo luật thường phải phù hợp với hiến luật; các sắc lệnh của Quốc trưởng hay Thủ tướng phải phù hợp với luật thường, các nghị định của nhân viên chánh phủ phải tôn trọng sắc lệnh của Quốc trưởng, hay Thủ tướng và các quyết nghị của nhà cầm quyền địa phương phải tôn trọng nghị định của nhân viên chánh phủ. Hệ cấp giữa các hành vi đó là hậu quả của hệ cấp giữa các cơ quan làm ra chúng: nội dung của hành vi không cần lưu ý tới (đối tượng của hành vi pháp lý tổng quát hay cá nhân, không thành vấn đề), người ta chỉ lưu ý tới danh nghĩa của tác giả hành vi. Trong một vài trường hợp đặc biệt, hệ cấp này có thể bị xâm phạm.

b) Hiến luật chiếm bậc cao nhất trong hệ cấp, tất cả mọi hành vi pháp lý đều phụ thuộc hiến luật; và hiến luật trái lại không phụ thuộc hành vi pháp lý nào cả. Những tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền, đặt ở đầu một vài hiến pháp, có ở một hệ cấp cao hơn hiến pháp không? Theo phương diện pháp lý thuần túy những bản tuyên ngôn đó chỉ có một cường lực (*force obligatoire*) ngang với hiến pháp gắn liền.

Những hiến pháp sau không phục tòng những tuyên ngôn đó. Tuy vậy, nên ghi rằng cái phần biến pháp mệnh

danh là: tuyên ngôn dân quyền, có một tầm quan hệ đặc biệt về bình diện hạn chế quyền hành các nhà cầm quyền. Các tuyên ngôn dân quyền thường thừa nhận một lãnh vực hoạt động dành cho cá nhân, và cấm Quốc gia xâm nhập vào.

Phương tiện mạnh nhất để thực sự hiện tôn trọng lãnh vực cá nhân, là định chế kiểm hiến (contrôle de la constitutionnalité des lois).

### **Sáng quyền lập pháp** (*Initiative législative*)

Quyền thừa nhận cho các vị dân biểu, hay nghị sĩ, được đệ trình lên viện của mình, một dự án luật. Nếu dự án này được Quốc hội chấp thuận, bằng một biểu quyết, thời dự án đó trở nên luật.

### **Sáng quyền lập pháp** (của nhân dân) (*initiative populaire*)

Định chế trong chế độ dân chủ bán trực tiếp (xem chữ này), do đó, một dự án luật, nếu có mang chữ ký của một số công dân (tối thiểu là bao nhiêu), phải được Quốc hội thảo luận tới.

Có hai loại sáng quyền :

a) Sáng quyền thành văn (*initiative formulée*) : trong loại này dân chúng đề nghị lên Quốc hội một dự án luật đã được thảo rành mạch, chia ra từng điều rõ ràng và thứ tự.

b) Sáng quyền bất thành văn (*initiative non formulée*) : trong loại này, dân chúng chỉ lên tiếng yêu cầu Quốc hội :

- dự thảo một dự án luật về một vấn đề nào.
- thảo luận về dự án đó.
- và biểu quyết nó.

### **Sự vô trách nhiệm** (*irresponsabilité*)

Đây là sự vô trách nhiệm của dân biểu (hay nghị sĩ tại Quốc hội) : có nghĩa là vị dân biểu không thể bị truy tố trước tòa hình, tòa hộ, hay bị trước đoạt nhiệm vụ đại diện, vì những hành vi mà y làm, trong khi hành sử nhiệm vụ (en raison des actes accomplis dans l'exercice de ses fonctions).

Thí dụ : một nghị sĩ, tại nghị trường Quốc-hội, đọc một bài diễn văn, xui các quân nhân bất tuân thượng lệnh (hành vi này do hình luật trừng phạt) được chế độ vô trách nhiệm che chở. Trong khi hành sử chức vụ, mặc dầu là có phạm hình tội, một nghị sĩ không bao giờ có thể bị tước đoạt nhiệm vụ dân biểu.

Mới nhìn, người ta có thể tin là nghị sĩ được ưu đãi. Sự thực không vậy : một nghị sĩ không thể làm tròn nhiệm vụ của mình một cách đàng hoàng, đứng đắn, độc lập nếu không được chế độ vô trách nhiệm che chở một cách vĩnh viễn và tuyệt đối.

## T

### **Tài chính công** (*Finances publiques*)

1) — Toàn thể những tài nguyên và quy tắc kỹ thuật hay pháp lý, liên hệ đến hoạt động tài chính của các pháp nhân công pháp.

(Chữ Pháp : finance, nguyên do ở một động từ Pháp ngữ cổ, finer. Finer là : tìm kiếm ra, và nhất là : trả tiền — payer).

2) Môn học mà đối tượng là nghiên cứu hoạt động tài chính của Quốc gia — Hiện thuộc chương trình năm thứ hai, Cử nhân luật.

### **Tài chính quan (xưa)** (*Questeur*)

Còn gọi là Hội kế.



Nhân viên trong Văn phòng Quốc hội, (nếu Quốc hội có 2 Viện, thì là nhân viên trong Văn phòng của Thượng hay Hạ nghị viện) phụ trách về phần vật chất của hoạt động của Quốc hội. Hội kế là chuẩn chi viện (ordonnateur) tức là người ra lệnh chi phó, (hay trả tiền) tất cả mọi chi tiêu của Quốc hội và, dưới sự điều động của Chủ tịch, lo về việc duy trì an ninh và trật tự của Quốc hội.

### **Tài khóa** (*Exercice*)

Thời gian nằm giữa hai ngân sách. Tuy ngân sách chỉ nhất niên, nhưng tài khóa dài quá 12 tháng, vì nó được triển hạn, và thời hạn bổ túc này cần thiết để thi hành cho xong những nghiệp vụ chi xuất và thầu hỏi tương đương với ngân sách, nhưng chưa hoàn tất trước ngày cuối cùng của niên sách (année budgétaire) (Niên sách — năm tương đương của ngân sách).

### **Tán quyền** (*Phân tán quyền hành*) (*Déconcentration*).

Chế độ hành chánh bao hàm sự tập trung quyền hành, và trong đó quyền quyết định về những công việc địa phương, do trung ương tập trung và nắm giữ, được trao cho những nhân viên của trung ương, hiện đóng tại địa phương, thay vì trao cho những nhân viên của trung ương tập trung tại thủ đô, hay tại tỉnh lỵ.

### **Tập trung quyền hành** (*Concentration*)

Lối tổ chức hành chánh trong đó quyền quyết định nằm trong tay vị chỉ huy của hệ cấp hành chánh.

### **Tổ chế của pháp luật** (hay sự tối thượng của pháp luật) (*Règne de la loi*)

1) — Danh từ giáo thuyết, chỉ một chế độ pháp lý trong đó nhà cầm quyền, cùng nhân viên thừa hành, trong mọi quyết nghị, phải tôn trọng những quy tắc pháp luật (règles de droit) hiện hành.

2) — Theo một nghĩa hẹp hơn, chế độ pháp lý đặt nhân viên của Chánh phủ cũng như tư nhân, dưới sự tề chế của thường

pháp (loi commune) do thẩm phán dân sự áp dụng. Thí dụ: căn bản của Luật hiến pháp Anh là sự tề chế của pháp luật.

### **Thẩm quyền** (*Compétence*)

Khả năng của một công quyền (autorité publique) làm những hành vi pháp lý (xem chữ này). Theo nghĩa này, ta có thể nói tới thẩm quyền của một tỉnh trưởng, xã trưởng, viện trưởng, cũng như thẩm quyền của một tòa án, một cơ quan dân biểu v.v... Thẩm quyền của một tòa án có nghĩa là quyền của cơ quan đó được dự thẩm và phán xử một vụ án.

### **Thẩm quyền chuyên quyết** (*Compétence discrétionnaire*)

Một thẩm quyền được gọi là chuyên quyết khi nào người có thẩm quyền đó hoàn toàn tự do trong việc hành sử nó: mua một tài sản, lấy vợ, làm đơn kiện, v.v... đều là những thẩm quyền chuyên quyết, vì người ta không bó buộc phải trở nên sở hữu chủ, bỏ tình trạng độc thân, hay kiện ai trước pháp đình.

Trái lại một thẩm quyền bó buộc (compétence liée), là một thẩm quyền mà người giữ nó, phải hành sử: đó là thẩm quyền của một vị thẩm phán: ông ta phải xử án.

Thẩm quyền đầu phiếu sẽ chuyên quyết nếu sự bỏ phiếu không bó buộc. Trái lại thẩm quyền đầu phiếu sẽ bó buộc, nếu việc đầu phiếu là một việc phải làm.

Chế độ đầu phiếu bó buộc, được áp dụng tại nhiều Quốc gia có cái lợi là gạt bỏ sự thờ ơ của những người không ưa tham dự chánh trị.

### **Thế tục** (*Laïque*) **Quốc gia thế tục** (*Etat laïque*)

Có nghĩa là: Quốc gia không thừa nhận, trả lương, trợ cấp một tôn giáo nào.

Sự hành đạo và truyền đạo, sự phát biểu các tư tưởng tôn giáo, triết lý, được tự do, nhưng Quốc gia không thiên vị đạo nào, không có theo đạo nào hay triết lý nào.

### **Thỉnh nguyện trạng** (*Pétition*)

Lá đơn, gửi cho các cơ quan công quyền — nhất là gửi cho Quốc hội — trong đó một tư nhân trình bày ý kiến, khiếu nại hay yêu cầu một việc gì.

Thỉnh nguyện quyền (*droit de pétition*): là quyền làm thỉnh nguyện.

### **Tình trạng giới nghiêm** (*Etat de Siège*).

Chế độ của thời khản trương hay khủng hoảng thi hành sau một tuyên cáo chánh thức (*déclaration officielle d'Etat de siège*), và bao gồm sự thể hiện một pháp chế đặc biệt, và một quyền thống trị tăng cường của công quyền. Người ta phân biệt:

1) Tình trạng giới nghiêm quân sự (*Etat de siège militaire*), thi hành ở một khu vực bị xâm chiếm, và đem lại cho vị chỉ huy quân sự những quyền cảnh sát rất lớn, có thể đi tới sự hủy bỏ quyền tư hữu.

2) Tình trạng giới nghiêm chánh trị (*Etat de siège politique*). Được tuyên bố trên khắp hay một phần của lãnh thổ Quốc gia, do một đạo luật, hay một sắc lệnh (hãn hữu) khi có sự nguy hiểm lớn như chiến tranh với ngoại quốc hay nội loạn, để tăng quyền hành cho Chánh phủ, trong tạm thời, nhằm mục đích duy trì trật tự.

### **Thủ đô** (*Capitale*)

Thường là đô thị quan hệ nhất của một Quốc gia, trong có trụ sở của tất cả mọi cơ quan công quyền. Cũng có khi trụ sở của Chánh phủ và Quốc hội đặt ở một đô thị khác (Versailles, ở Pháp, từ 1875 đến 1879).

Thường thường các Quốc gia Liên bang (*Etats fédéraux*) chọn làm thủ đô một thành phố mới, không lệ thuộc một Tiểu bang hội viên nào (Thí dụ: Washington D. C. ở Huê kỳ; Canberra ở Úc đại lợi)

### **Thừa nhận** (*Reconnaissance*)

Dùng trong những danh từ sau:

— Thừa nhận như là Quốc gia (*Reconnaissance comme nation*) Hành vi do đó một Quốc gia tuyên bố có ý thừa nhận

như là Quốc gia, đã thôn đoạt được độc lập. một tập thể vẫn còn bị một Quốc gia khác thôn tính. Thí dụ: sự thừa nhận Ba lan và Tiệp Khắc như là Quốc gia, do các Chánh phủ đồng minh, trong Thế chiến 1.

*Thừa nhận Chánh phủ (Reconnaissance de gouvernement)*  
Hành vi do đó một Quốc gia tuyên bố ý chí là tự một ngày nào, sẽ thiết lập ngoại giao bình thường với một Chánh phủ, do ở một cuộc cách mạng (xem chữ này) hay đảo chánh (xem chữ này) mà ra.

— *Thừa nhận Quốc gia (Reconnaissance d'Etat)* Hành vi do đó một Quốc gia tuyên bố ý chí là tự một ngày nào, sẽ coi như là một Quốc gia, một tập thể, cho tới ngày nói trên, chưa có một tổ chức chánh trị độc lập.

### **Thương số tuyền cử (Quotient électoral)**

Kết quả của cái tính lấy số phiếu hợp lệ trong một hạt tuyền cử chia cho số ghế nghị sĩ mà hạt đó cung cấp.

Trong một vài chế độ đại diện tỷ lệ, thương số đó dùng làm căn bản để đánh giá các lực lượng chánh trị đối diện và do đó, để phân phối các ghế nghị sĩ giữa các lực lượng đó.

### **Tiến sĩ (Doctorat)**

Chữ này dùng trong những danh từ kép sau :

#### **Tiến sĩ Đại học (Doctorat d'Université).**

Bằng do một trường Đại học nào cấp cho sinh viên ngoại quốc, sau một vài bài thi trong đó có một luận án.

#### **Tiến sĩ Luật khoa. (Doctorat en Droit)**

Bằng đại học (grade universitaire) ban cho sinh viên cử nhân luật khoa đã đậu :

— hai bằng Cao học

— và đệ trình, với kết quả thắng lợi, một luận án in.  
Còn gọi là Tiến-sĩ-Quốc-gia (Doctorat d'Etat)

**Tiến sĩ danh dự** (*Docteur honoris causa*)

Danh dự do một trường Đại học cấp cho một ngoại kiều

**Tinh thần Quốc gia** (*Nationalisme*)

Tinh thần thâm định và giải quyết mọi vấn đề kinh tế, chánh trị hay xã hội, theo chiều hướng nào xét ra lợi nhất cho tổ quốc.

**Tiêu hủy** (*Annulation*)

Quyết nghị của nhà cầm quyền tư pháp hay hành chánh, tiêu hủy một hành vi vô năng hiệu (*acte entaché de nullité*) hay một hành vi bị coi là không thích nghi (*acte considéré comme inopportun*).

Thí dụ: tiêu hủy một cuộc hôn nhân, một hành vi do một người vô năng làm ra, một nghị định cảnh sát của một xã trưởng, thị trưởng, hay đô trưởng v.v...

**Toàn dân biểu quyết** (*Plébiscite*)

1) — Sự biểu quyết của nhân dân, biểu thị sự tín nhiệm một người hiện đã đoạt chánh quyền, và chấp nhận, tán thành một hành vi của người đó.

Ở Thụy-sĩ, toàn dân biểu quyết cùng nghĩa với công quyết (*referendum*)

2) — Sự biểu quyết của nhân dân về vấn đề quy chế quốc tế (*statut international*) của nước họ (sáp nhập vào một Quốc gia nào, hay độc lập).

**Toàn quyền** (*Pleins pouvoirs*)

Sự nói rộng rất lớn, bằng một đạo luật (gọi là luật toàn quyền — *loi des pleins pouvoirs*), thẩm quyền lập quy (*compétence réglementaire*) của Quốc trưởng, trong một thời gian khẩn trương.

**Tội phạm quốc an** (*Crime contre la sureté de L'ETAT*)

Trọng tội mà mục đích là xâm phạm vào sự an ninh chánh trị của một nước. Người ta phân biệt:

1) Tội phạm an ninh quốc ngoại (Crime contre la sureté extérieure de l'Etat) tức là hành vi trọng tội xâm phạm vào sự độc lập của dân tộc, sự toàn vẹn của lãnh thổ, hay sự an hảo của mối liên lạc giữa Quốc gia và ngoại bang.

Thí dụ : sự dùng võ lực để chống lại nước mình, hay đồng minh của nước mình, hay những hành vi (không được Chánh phủ chấp nhận) khiến cho ngoại bang có ác cảm, hằn thù đối với nước mình.

2) Tội-phạm an ninh quốc nội (Crime contre la sécurité intérieure de l'Etat), gồm những âm mưu nhằm lật đổ hay thay đổi thể thức Chánh phủ.

### **Trách nhiệm chánh trị** (*Responsabilité politique*)

Khi nào các bộ trưởng chịu trách nhiệm chánh trị, trước Quốc-hội, thời cơ quan sau này có quyền bắt họ phải từ chức. Vậy trách nhiệm chánh trị chỉ là một sự bãi chức các nhận viên hành pháp, do Quốc-hội thủ xương và thể hiện bằng một biểu quyết bất tin nhiệm. Sau biểu quyết này, các bộ trưởng phải rút lui. Nên ghi rằng không phải là cuộc đầu phiếu bất tin nhiệm nào cũng thể hiện trách nhiệm chánh trị của các ông bộ trưởng : các ông này chỉ rút lui sau khi Quốc hội trả lời bằng một biểu quyết bất tin nhiệm, « câu hỏi đặt vấn đề tin nhiệm », do chánh phủ mình thị đặt ra.

Trách nhiệm chánh-trị có hai thể thức : tập đoàn hay cá nhân. Thường thường trách nhiệm chánh trị của các bộ trưởng trước Quốc-hội có tính chất tập đoàn, liên đới : câu hỏi đặt vấn đề tin nhiệm (question de confiance) do Thủ-tướng đặt ra thay mặt cho toàn thể nội các ; vậy tất cả nội các sẽ chịu đựng mọi hậu quả của biểu quyết bất tin nhiệm của Quốc-hội. Toàn thể nội các sẽ từ chức sau biểu quyết đó. Đó là hậu quả của sự liên đới giữa các bộ trưởng trong chế độ nội các. Một đôi khi, và đây là một biệt lệ, trách nhiệm chánh trị có tính chất cá nhân : Quốc-hội chỉ bó buộc một ông bộ trưởng nào phải rút lui, vì một hành vi cá nhân, thực hiện trong sự bất ý thức của các đồng liêu.

Trách nhiệm chánh trị của nội các là phương tiện mãnh liệt nhất trong tay Quốc-hội, để đối phó với Hành-pháp, trong

chế độ nội các. Nó tương đương với quyền giải tán Quốc-hội trong tay Hành-pháp. Sự phối hợp hai định chế (định chế qui tắc : institution règle) đó thực hiện thăng bằng giữa Hành-pháp và Lập-pháp.

**Trách nhiệm hình sự** (của Chánh phủ) (*Responsabilité pénale du gouvernement*)

Ra đời ở Anh, dưới hành thức của thủ tục Anh mệnh danh là IMPEACHMENT. (TO IMPEACH : tố cáo, buộc tội một người nào). Theo thủ tục này, Quốc-hội có quyền tố cáo các bộ trưởng trước một tòa án, về những lỗi mà họ đã phạm trong khi hành sử chức vụ (mettre les ministres en accusation devant un tribunal, pour fautes commises dans l'exercice de leurs fonctions) Quốc hội, như vậy, đóng vai trò một Biện-lý cuộc.

Trách nhiệm hình sự của các bộ trưởng trước Quốc hội chỉ đem lại cho cơ quan đại diện nhân dân một phương tiện ảnh hưởng hạn chế vào Hành-pháp : thực vậy, trách nhiệm có định trước và do pháp luật hiện hành trừng phạt.

Nhưng trong thực tế, chính trách nhiệm hình sự khai sanh ra trách nhiệm chánh trị : thực vậy, ở Anh, hồi thế kỷ thứ 17, thủ tục « impeachment » đã có lần đưa đến những bản án xử tử (và thi hành thực sự) những bộ trưởng phạm lỗi. Sau đó, mỗi khi Thủ dân nghị viện dự địch dọa tố cáo một hay nhiều bộ trưởng là các bị cáo lo sợ lắm và vội xin từ chức ngay, và sau khi nhận được đơn xin từ chức, Thủ dân nghị viện thường đình chỉ việc truy tố.

Do đó xuất hiện trách nhiệm chánh trị của các bộ trưởng ở Anh, và ở các nước theo chế-độ nội các.

(Xem chữ : trách nhiệm chánh trị)

**Trật tự công** (*Ordre public*)

Toàn thể những định chế và quy tắc nhằm duy trì, trong một nước, sự hoạt động điều hòa các công sở, sự an ninh và lương hảo của những mối liên lạc giữa tư nhân, mà loại người sau này không có thể gạt sự áp dụng, bằng những khế ước giữa họ.

### **Trị-ngoại pháp-quyền** (*Exterritorialité*)

Một giả tạo của ngoại giao pháp, ngày nay rất bị chỉ trích, do đó những nhân viên ngoại giao được ủy nhiệm hợp pháp tại một chánh phủ ngoại quốc, được coi là vẫn cư trú ở những nước mà họ đại diện, chứ không ở lãnh thổ của nước mà họ đang thực sự ở, để hành sử chức vụ của họ. Giả tạo này thường gây ra những hậu quả sau :

a) Sự bất khả xâm phạm (*inviolabilité*) của trụ sở của tòa đại sứ hay lãnh sự.

b) sự bất khả sai áp (*insaisissabilité*) những động và bất động sản liên hệ với sự hành sử chức vụ của ngoại giao đoàn.

c) sự vô thẩm quyền của các tòa án địa phương đối với nhân viên ngoại giao.

Giả tạo trị ngoại pháp quyền áp dụng cho cả những chiến hạm đang đỗ ở trong một hải cảng ngoại quốc.

### **Trọng tội (hay tội đại hình)** (*Crime*)

1) Theo nghĩa phổ thông, sự vi phạm rất nghiêm trọng hoặc vào luân lý, hoặc vào pháp luật, do pháp luật hay lương tâm trừng phạt.

2) Theo nghĩa kỹ thuật, một sự vi phạm luật, mà pháp luật trừng phạt bằng một tội gọi là thê-nhục-hình (*peine afflictive et infamante*) nghĩa là một tội tước đoạt hoặc tự do, hoặc sinh mạng tội nhân, khiến cho y mất hết danh dự, theo quan niệm của Hình luật. Thí dụ : tử hình hay khổ sai chung thân.

### **Truất phế** (*một vị nguyên thủ*) (*Déposition d'un souverain*)

Hành vi tước đoạt chức vụ một ông vua di kế, bằng một hành vi cách mạng hay một thủ tục có dự liệu trong hiến pháp.

### **Trung lập** (*Neutralité*)

Tình trạng của một Quốc gia tự ý đứng ngoài một cuộc chiến tranh giữa 2 hay nhiều Quốc gia khác.

### **Trung lập vĩnh viễn** (*Neutralité perpétuelle*)

Tình trạng một Quốc gia được một hiệp ước quốc tế thừa nhận và vĩnh viễn đảm bảo cho tình trạng hòa bình.



Tình trạng này chấm dứt khi chính Quốc gia nói trên bị một Quốc gia khác xâm lăng.

### **Trung cầu dân ý hay Công quyết (Referendum)**

I.— Định chế của chế độ dân chủ bán trực tiếp, trong đó các hội nghị dân cử chỉ quyết nghị với điều kiện hậu quyết hay vấn quyết (*ad referendum*), nghĩa là phải đệ trình những quyết nghị trước quốc dân, để quốc dân chấp thuận hay gạt bỏ.

Người ta phân biệt :

— *Công quyết lập hiến* (*Referendum constituant*) mà đối tượng là một đạo luật hiến pháp.

— *Công quyết lập pháp* (*Referendum législatif*) mà đối tượng là một đạo luật thường.

— *Công quyết cưỡng chế* (*Referendum obligatoire*), trong đó hội nghị dân cử phải đem mọi quyết định của mình trưng cầu dân ý.

— *Công quyết nhiệm ý* (*Referendum facultatif*) trong đó hội nghị dân cử có quyền quyết định về sự trưng cầu dân ý.

— *Công quyết cưỡng chế* (*Referendum obligatoire*) trong đó ý kiến của nhân dân bó buộc nhà lập pháp.

— *Công quyết tư vấn* (*Referendum consultatif*) trong đó ý kiến của nhân dân không bó buộc nhà lập pháp.

II.— Bất cứ sự đầu phiếu nào của nhân dân về một biện pháp lập pháp hay khác.

### **Tục lệ pháp (Coutume)**

Quy tắc luật, mà giá trị nguyên do ở truyền thống phong tục, tập quán chứ không ở quyền hành của cơ quan lập pháp. Đối lập với thành văn pháp. (*Droit écrit*)

**Tuyên ngôn của nội-các.** (*trong chế độ nội-các*) (*Déclaration ministérielle*)

Tài liệu trong đó một Nội các mới lên cầm quyền chỉ rõ những căn bản và chiều hướng tổng quát của chương trình của

minh. Tài liệu này được đọc tại Quốc hội, khi Nội các ra mắt lần đầu tiên, cơ quan này.

Sau tuyên ngôn, có một cuộc thảo luận tại Quốc hội, kết liễu bằng sự biểu quyết một nghị trình (*ordre du jour*), khiến cho Nội các có thể căn cứ vào đó để đo mực độ của sự tin nhiệm của Quốc hội, đối với mình.

### **Tuyên thệ (Serment)**

Sự quả quyết long trọng thừa nhận một ý kiến, hay sự hứa sẽ làm trọn một vài nhiệm vụ công. Sự tuyên thệ chánh trị (*serment politique*) nhằm mục đích: hứa trung thành và tận tụy đối với chánh phủ đương thì. Lời tuyên thệ này ít phổ thông. Nhưng người ta vẫn còn giữ lại sự tuyên thệ nghề nghiệp (*serment professionnel*) đối với các thẩm phán, luật sư. Tuyên thệ nghề nghiệp chỉ là lời hứa sẽ làm trọn nhiệm vụ riêng biệt của chức vụ hay nghề nghiệp mình sẽ nhận hay nhập. Ngoài ra những công chức có một nhiệm vụ giám thị như cảnh sát, nhân viên quan thuế cũng có thể phải tuyên thệ — và do đó họ có quyền lập biên bản hợp pháp. Nhưng đa số công chức không phải tuyên thệ.

### **Tự do chánh trị (Liberté politique)**

Quyền của dân chúng, tự cai trị mình, hoặc trực tiếp, hoặc qua sự trung gian của những vị đại diện của mình. Tự do chánh trị bao hàm chánh thể dân chủ. Theo nghĩa này, người ta thường nói:

- các dân tộc
- hiến pháp,
- chánh phủ tự do,

thay vì:

- các dân tộc, hiến pháp, chánh phủ dân chủ.

### **Tự do (Liberté)**

Quyền hành động theo sự tự quyết. Người ta phân biệt:

a) Tự do chánh trị (*liberté politique*): tức là quyền của một dân tộc tự cai trị mình, hoặc trực tiếp, hoặc qua sự trung

gian của những đại diện, do dân tộc tự chọn. Tự do chánh trị bao hàm chế độ dân chủ.

Do đó, một hiến pháp tự do, có nghĩa là một hiến pháp dân chủ; một chánh phủ tự do, là một chánh phủ dân chủ.

b) Những tự do cá nhân (les libertés individuelles): tức là những quyền hành thừa nhận cho cá nhân, để cho y có thể phát triển hoạt động và khả năng.

Những quyền tự do cá nhân đều được pháp luật, và sự kiểm soát của các tòa án đảm bảo. Những quyền này đều dựa vào, căn bản vào, cái niềm tin tưởng sau: những quyền đó, theo nguyên tắc, đều đặt ở bậc trên những nhà cầm quyền, có nhiệm vụ phải tổ chức chúng, để cho phù hợp với những đòi hỏi của đời sống công cộng. Trong những quyền tự do cá nhân, người ta ghi:

1) Tự do lập hội (liberté d'association): đó là quyền tự do của mọi cá nhân, chung góp khả năng và hoạt động, một cách vĩnh viễn, để nhằm một mục đích không phải là chỉ là hay chính là trục lợi.

2) Tự do thương mại và kỹ nghệ (liberté du commerce et l'industrie) tức tự do của cá nhân, lập và khai thác một doanh nghiệp, hay hành sử một nghề tự ý chọn.

3) Tự do gia cư, (liberté du domicile): đó là quyền của cá nhân, cấm, dẫu là trong một thời gian nào, dẫu là một cách bất chợt, bất cứ ai, kể cả nhân viên của công quyền, không được xâm nhập nơi mình đang ở, ngoại trừ những trường hợp, và theo những điều kiện và hình thức luật định.

4) Tự do giảng dạy (liberté d'enseignement): tức là quyền tự do, của cá nhân, được dạy người khác, với thù lao hay không, những điều mình biết. Và đó cũng là quyền của cá nhân được tự do lựa chọn ông thầy.

Quyền này thi hành trong mọi cấp học vấn: tiểu, trung và đại học.

5) Tự do cá nhân theo nghĩa hẹp (liberté individuelle stricto sensu): tức là tự do vật chất, gồm có những quyền sau đây:

1) Tự do đi lại trên lãnh thổ quốc gia

2) Tự do xuất hay nhập trên lãnh thổ đó.

3) Đảm bảo cá nhân trước những sự bắt bớ giam cầm, và hình phạt vô đoán.

6) Tự do tư tưởng (*liberté d'opinion*): đó là tự do của cá nhân, phát biểu tư tưởng, tin tưởng và học thuyết của mình.

7) Tự do báo chí (*liberté de la presse*): tức là tự do quảng bá tư tưởng của mình bằng: bản viết tay, bản in mà không phải qua một sự kiểm duyệt nào cả.

Tự do báo chí còn bao hàm những tự do cần thiết sau đây: tự do in, tự do bán ấn phẩm, tự do dán bích chương, tự do chuyên chở ấn phẩm.

8) Tự do tôn giáo (*liberté religieuse*): tức là tự do của cá nhân, muốn tin hay không, trong lãnh vực tôn giáo (tự do tin tưởng: *liberté de conscience*); tự do phát triển và truyền bá sự tin tưởng của mình (tự do tư tưởng: *liberté d'opinion*); tự do hành đạo tức là tự do hành lễ, tổ chức những cuộc lễ tương đương với sự tín ngưỡng (tự do hành đạo: *liberté du culte*).

9) Tự do hội họp (*liberté de réunion*): tức là quyền hội họp tại nơi công cộng để thảo luận và quyết định về một vấn đề gì. Ai ai cũng có thể tới nơi hội họp nói trên được.

10) Tự do lao động (*liberté du travail*): tức là quyền của cá nhân muốn bán sức lao động của mình cho ai cũng được.

### **Tự do công cộng** (*Libertés publiques*)

a) Theo nghĩa rộng: đó là những tự do thừa nhận cho cá nhân (xem các tự do cá nhân) và các đoàn thể cá nhân. Những tự do này đều là những giới hạn của hoạt động của Quốc gia và các nhà cầm quyền.

b) Theo nghĩa hẹp: những tự do của cá nhân, khiến cho y có thể ảnh hưởng vào đời sống công cộng như: tự do tư tưởng báo chí, hội họp lập hội (xem các chữ đó)

### Tư pháp chánh trị (Jurisdiction politique)

Cạnh những cơ quan tư pháp thường, người ta thường gặp một tổ chức tư pháp đặc biệt để xử những trọng tội chánh trị, nghĩa là những trọng tội có một bản chất chánh trị (như xâm phạm nền an ninh Quốc gia), hay những trọng tội mà tác giả có một địa vị đặc biệt (bộ trưởng không làm tròn chức vụ).

Tư pháp chánh trị có thể xây dựng theo hai lối :

1) Bằng một cơ quan chánh trị : thường là một Ủy ban của Quốc hội ; hay Thượng viện, nếu Quốc hội có 2 viện.

2) Bằng một Tòa án riêng biệt, hội viên chọn trong ngạch thẩm phán dân sự.

Sự dùng một cơ quan chánh trị, để đóng vai tòa án chứng minh bằng ý kiến là những chính khách có thể thẩm định các vụ án chánh trị, một cách « xác đáng » hơn là các thẩm phán dân sự. Tại sao ?

1) vì những trọng tội chánh trị phải được thẩm định theo phương diện chánh trị.

2) vì bản án phải phù hợp với dư luận,

3) vì thường thường phải bảo vệ các định chế hiến pháp đối với những kẻ thù chỉ muốn lật đổ các định chế đó.

Người ta có thể trả lời lại như sau :

1) một cơ quan chánh trị không có đủ vô tư để thẩm định những vụ án chánh trị.

2) thường thường những bị cáo lại là đối lập chánh trị của các thẩm phán được chọn. Xem như vậy các tòa án chánh trị căn cứ vào những lý do thích nghi chánh trị hơn là những lý do công bằng và trọng pháp.

Về phương diện một nền công lý vô tư, một tòa án đặc biệt, nhân viên chọn trong ngạch thẩm phán dân sự, có lẽ « hay » hơn.

### Từ chức (Démission)

Hành vi do đó một nhà cầm quyền dân cử (gouvernant élu) hay một nhân viên hành chánh (agent administratif) biểu thị ý chí từ bỏ nhiệm vụ đại diện hay chức vụ của mình.

Đối với các nhân viên hành chánh được bổ nhiệm, đơn xin từ chức phải được thương cấp chấp nhận thì mới có những hậu quả pháp lý.

## U - V - X - Y

### **Ủy ban** « *Commission* »

Trong việc điều hành các hội nghị dân biểu, có quyền quyết nghị, cơ quan chuẩn bị hay kiểm soát, gồm có một số nhân viên của hội nghị, và có nhiệm vụ:

— hoặc nghiên cứu một vấn đề, hay một loại vấn đề, đề soi sáng hội nghị. Hội nghị sẽ dựa vào tờ trình của Ủy ban đề quyết định,

— hoặc theo dõi sự thi hành một quyết nghị đã được Hội nghị chấp thuận tự trước.

Bất cứ Hội nghị nào cũng có thể chỉ định những Ủy ban nghiên cứu hay kiểm soát, trong khuôn khổ hoặc nội quy, hoặc pháp luật hiện hành.

Thí dụ: Ủy ban tại Quốc hội.

### **Ủy ban Quốc hội** (*Commissions parlementaires*)

Gồm có những loại Ủy ban sau:

1) Ủy ban đặc biệt (*commissions spéciales*) được đặt ra để nghiên cứu một vấn đề riêng biệt nào, và nhiệm vụ sẽ chấm dứt sau khi đã đệ tờ trình lên văn phòng Quốc hội.

Thuộc về loại này những Ủy ban sau:

a) Ủy ban nghiên cứu một dự án luật.

b) Ủy ban điều tra, mà nhiệm vụ là điều tra về một sự việc gì, để soi sáng Quốc hội — Thí dụ: Ủy ban điều tra về kinh tế, chánh trị hay bầu cử, v.v... Những Ủy ban này có thể được Quốc hội ban cho quyền tư pháp (pouvoirs judiciaires).

2) Ủy ban có ủy quyền tổng quát (Commission à mandat général) mà nhiệm vụ là theo quyết nghị của Quốc hội, nhận đề nghiên cứu những vấn đề thuộc về một loại, một lãnh vực nào. Loại này gồm:

a) Những Ủy ban vĩnh viễn hay thường vụ (Commissions permanentes) do nội quy của Quốc hội đặt ra.

b) Những Ủy ban mà mỗi Quốc hội (tức Quốc hội với pháp nhiệm đi từ năm nào tới năm nào) tự ý đặt ra.

### **Ủy nhiệm (hay Ủy phó) (Délégation)**

Quyết nghị do đó một công chức ủy thác cho một công chức khác sự hành sử toàn bộ hay một phần thẩm quyền của mình.

### **Ủy-quyền chỉ-mệnh (Mandat impératif)**

Những chỉ thị, có tính chất bó buộc về mặt pháp lý, do các cử tri trao cho đại diện đắc cử hạt mình.

Theo công pháp Việt Nam, ủy quyền chỉ mệnh vô giá trị.

### **Ủy-quyền lập-pháp (Mandat législatif)**

Danh từ này dùng để chỉ cái chức vụ của vị dân biểu tại Quốc hội.

### **Ủy viên (Commissaire)**

Công chức hay tư nhân thường, lãnh một chức vụ tạm thời, hay vĩnh viễn, thuộc về lãnh vực tư pháp hay hành chánh.

— Danh từ này còn dùng để chỉ nhân viên của một ủy ban trong Quốc hội.

— Danh từ dùng để chỉ bộ trưởng dưới thời Chánh phủ Nguyễn-cao-Kỳ (1965 — 1967)

### **Vấn đề tiên quyết** (*Question préjudicielle*)

Hành vi thủ tục (acte de procédure) do đó một Viện trong Quốc hội, theo đề nghị của một nhân viên, sẽ quyết định có nên hay không thảo luận về một vấn đề sắp được đưa ra bàn cãi.

**Vô trách nhiệm** (*của dân biểu*) (*Irresponsabilité parlementaire*).

Một sự đặc miễn do đó một vị dân biểu không bao giờ phải chịu trách nhiệm về hình sự hay dân sự vì những hành vi mà ông ta làm trong khi thừa hành nhiệm vụ.

### **Văn phòng hội nghị** (*Bureau d'une assemblée*)

Toàn thể nhân viên lãnh đạo do một hội nghị chỉ định, để chỉ huy công việc, mọi cuộc thảo luận, thiết lập nội quy và đại diện hội nghị trong những nghi lễ chánh thức.

Thí dụ: Văn phòng Quốc hội.

### **Vô quốc tịch** (*Apatride hay Heimathlos*)

Cá nhân vô tổ quốc, không có quốc tịch nào.

### **Xác nhận** (*Confirmation*)

Hay y nhận. Hành vi pháp lý đơn phương do đó một người nào có quyền xin tiêu hủy một hành vi vô hiệu tương đối, từ chối không hành xử quyền đó, và như vậy hành vi nói trên trở nên có giá trị.

### **Xâm lược** (*Agression*)

Sự tấn công bằng võ lực, không được chứng minh bằng tự vệ chánh đáng, do một Quốc gia gây, đối với một Quốc gia khác.



**Ý kiến và thỉnh nguyện của Quốc hội** (*Avis et vœux de l'Assemblée Nationale*)

Đó là những phương tiện, yếu đuối, trong tay Quốc hội, để yêu cầu Chính phủ làm việc này hay việc khác. Sở dĩ yếu đuối là vì Chính phủ tự do, muốn theo hay không theo ý của Quốc hội, cũng được. Tuy vậy, nếu những ý kiến hay thỉnh nguyện đã được thảo luận công khai tại Quốc hội, và gây được ảnh hưởng trong dư luận, thì áp lực gây vào Chính phủ không phải là không đáng kể.

a) Ý kiến, khác với thỉnh nguyện, ở điểm là ý kiến do Quốc-hội phát biểu sau khi được Chính phủ hỏi.

b) Thỉnh nguyện, trái lại, do Quốc hội tự ý phát biểu.

## Phần II

### TÀI LIỆU LUẬT HIẾN PHÁP

# HIẾN PHÁP VIỆT-NAM CỘNG HÒA

(Do Quốc hội biểu quyết ngày 18-3-1967)

*TUYÊN-CÁO số 001 ngày mồng 1 tháng tư năm 1967 của Chủ-tịch Ủy-ban Lãnh-đạo Quốc-gia ban-hành Hiến-pháp Việt-nam Cộng-hòa do Quốc-hội Lập-hiến biểu quyết toàn bộ ngày 18 tháng ba năm 1967.*

## CHỦ - TỊCH ỦY - BAN LÃNH - ĐẠO QUỐC - GIA

Chiều Ước-pháp ngày 19 tháng sáu năm 1965 bỏ-tức bởi quyết-định số 6-QLVNCH/QĐ ngày mồng 6 tháng sáu năm 1966 của Đại Hội-đồng Quân-lực Việt-nam Cộng-Hòa ;

Chiều quyết-định số 3-QLVNCH/QĐ ngày 14 tháng sáu năm 1965 bỏ-tức bởi quyết-định số 7-QLVNCH/QĐ ngày mồng 6 tháng sáu năm 1966 của Đại Hội-đồng Quân-lực Việt-nam Cộng-hòa thành-lập và ấn-định thành-phần Ủy-ban Lãnh-đạo Quốc-gia ;

Chiều sắc-luật số 14/66 ngày 14 tháng tư năm 1966 thiết-lập Quốc-hội Lập-hiến ;

Chiều sắc-luật số 21/66 ngày 19 tháng sáu năm 1966 ấn-định tổ-chức Quốc-hội Lập-hiến ;

Chiều sắc-luật số 22/66 ngày 19 tháng sáu năm 1966 qui-định thể-thức bầu-cử Quốc-hội Lập-hiến ;

Chiều quyết-nghị ngày 27 tháng ba năm 1967 của Đại Hội-đồng Quân-lực Việt-nam Cộng-hòa ;

Ủy-ban Lãnh-đạo Quốc-gia đã thảo-luận và biểu-quyết.

## TUYÊN-CÁO :

Nay ban-hành Hiến-pháp Việt-nam Cộng-hòa do Quốc-hội Lập-hiến biểu-quyết toàn bộ bản văn ngày 18 tháng ba năm 1967.

Sàigòn, ngày mồng 1 tháng tư năm 1967

Trung-tướng NGUYỄN VĂN THIỆU



VIỆT - NAM CỘNG - HÒA  
HIẾN - PHÁP

---

QUỐC - HỘI LẬP - HIẾN  
chung-quyết trong phiên họp  
ngày 18 tháng ba năm 1967

---

## LỜI MỞ ĐẦU

*Tin tưởng rằng lòng ái-quốc, chí quật-cường, truyền-thống đấu-tranh của dân-tộc bảo-đảm tương-lai huy-hoàng của đất nước.*

*Ý thức rằng sau bao năm ngoại thuộc, kể đến lãnh-thò qua phân, độc-tài và chiến-tranh, dân-tộc Việt-nam phải lãnh lấy trách-nhiệm trước lịch-sử, tiếp nối ý-chí tự-cường, đồng thời đón nhận những tư-tưởng tiến-bộ để thiết-lập một chánh-thề cộng-hòa của dân, do dân và vì dân, nhằm mục-đích đoàn-kết dân-tộc, thống-nhất lãnh-thò, bảo-đảm độc-lập, tự-do, dân-chủ trong công bằng, bác-ái cho các thế-hệ hiện tại và mai sau.*

Chúng tôi, một trăm mười bảy (117) Dân-biểu Quốc-hội Lập-hiến, đại diện nhân-dân Việt-nam, sau khi thảo-luận, chấp-thuận bản Hiến-pháp sau đây :

CHƯƠNG I  
**ĐIỀU-KHOẢN CĂN-BẢN**

ĐIỀU I

1. — VIỆT-NAM là một nước CỘNG-HÒA, độc-lập, thống-nhất, lãnh-thò bất-khả-phân.
2. — Chủ quyền Quốc-gia thuộc về toàn dân.

ĐIỀU 2

1. — Quốc-gia công-nhận và bảo-bảm những quyền căn-bản của mọi công-dân.
2. — Quốc-gia chủ-trương sự bình-đẳng giữa các công-dân không phân-biệt nam nữ, tôn-giáo, sắc tộc, đảng-phái. Đồng-bào Thiều-số được đặc-biệt nâng đỡ đề theo kịp đà tiến-hóa chung của dân-tộc.
3. — Mọi công-dân đều có nghĩa-vụ góp phần phục-vụ quyền-lợi quốc-gia dân-tộc.

ĐIỀU 3

Ba cơ-quan Lập-pháp, Hành-pháp và Tư-pháp, phải được phân-nhiệm và phân-quyền rõ rệt. Sự hoạt-động của ba cơ-quan công-quyền phải được phối-hợp và điều-hòa để thực-hiện trật-tự xã-hội và thịnh-vượng chung trên căn-bản tự-do, dân-chủ và công-bằng xã-hội.

ĐIỀU 4

1. — Việt-Nam Cộng-hòa chống lại chủ-nghĩa cộng sản dưới mọi hình-thức.
2. — Mọi hành-vi nhằm mục-đích tuyên-truyền hay thực-hiện chủ-nghĩa cộng-sản đều bị cấm chỉ.

ĐIỀU 5

1. — Việt-Nam Cộng-hòa chấp-nhận các nguyên-tắc quốc-tế-pháp không trái với chủ-quyền quốc-gia và sự bình-đẳng giữa các dân-tộc.

- 2.— Việt-Nam Cộng-hòa cương-quyết chống lại mọi hình-thức xâm-lược và nỗ-lực góp phần xây-dựng nền an-ninh và hòa-bình thế-giới.

\* \* \*

## CHƯƠNG II

### QUYỀN-LỢI VÀ NGHĨA-VỤ CÔNG-DÂN

#### ĐIỀU 6

- 1.— Quốc-gia tôn-trọng nhân-phẩm.  
2.— Luật-pháp bảo-vệ tự-do, sinh mạng, tài-sản và danh-dự của mọi công-dân.

#### ĐIỀU 7

- 1.— Quốc-gia tôn trọng và bảo-vệ quyền an-toàn cá-nhân và quyền biện hộ  
2.— Không ai có thể bị bắt bớ, giam giữ, nếu không có mệnh-lệnh hợp-pháp của cơ-quan có thẩm-quyền luật-định ngoại-trừ trường-hợp quả tang phạm pháp.  
3.— Bị can và thân-nhân phải được thông-báo tội trạng trong thời-hạn luật định. Mọi sự câu-lưu phải đặt dưới quyền kiểm soát của cơ-quan tư-pháp.  
4.— Không ai có thể bị tra tấn, đe dọa hay cưỡng-bách thú tội.

Sự nhận tội vì tra tấn, đe dọa hay cưỡng bách không được coi là bằng chứng buộc tội.

- 5.— Bị can phải được xét xử công-khai và mau chóng.  
6.— Bị can có quyền được luật-sư biện hộ dự kiến trong mọi giai-đoạn thẩm vấn kể cả trong cuộc điều-tra sơ-vấn.  
7.— Bị can về các tội tiêu-hình, chưa có tiền án quá ba (3) tháng tù về các tội phạm cố ý, có thể được tại ngoại hầu tra nếu có nghề-nghiệp và địa chỉ chắc chắn. Nữ bị can về các tội tiêu hình, có nghề-nghiệp địa-chỉ chắc chắn, có thể được tại ngoại hầu tra, nếu có thai trên ba (3) tháng.

8.— Bị can được suy đoán là vô tội cho đến khi bản án xác nhận tội-trạng trở thành nhất định.

Sự nghi vấn có lợi cho bị can.

9.— Bị can bị bắt giữ oan ức, sau khi được tuyên-bố vô tội, có quyền đòi Quốc-gia bồi-thường thiệt-hại trong những điều-kiện luật định.

10.— Không ai có thể bị câu thúc thân-thể vì thiếu nợ.

### ĐIỀU 8

1.— Đồi tư, nhà cửa và thư-tín của công-dân phải được tôn-trọng.

2.— Không ai được quyền xâm-nhập khám xét nơi cư-trú và tịch-thâu đồ vật của người dân, trừ khi có lệnh của Tòa-án hoặc khi cần bảo-vệ an-ninh và trật-tự công-cộng trong phạm-vi luật định.

3.— Luật-pháp bảo-vệ tánh-cách riêng tư của thư tín; những hạn chế, nếu có, phải do một (1) đạo-luật qui-định.

### ĐIỀU 9

1.— Quốc-gia tôn-trọng và bảo-đảm quyền tự-do tín-ngưỡng, tự do truyền-giáo và hành-đạo của mọi công-dân miễn là không xâm-phạm đến quyền-lợi quốc-gia, không phương-hại đến an-ninh, trật-tự công-cộng và không trái với thuần-phong mỹ-tục.

2.— Quốc-gia không thừa nhận một tôn-giáo nào là quốc-giáo. Quốc-gia vô-tư đối với sự phát triển của các tôn-giáo.

### ĐIỀU 10

1.— Quốc-gia công-nhận quyền tự-do giáo-dục.

2.— Nền giáo-dục cơ-bản có tánh-cách cưỡng-bách và miễn phí

3.— Nền giáo dục đại-học được tự-trị.

4.— Những người có khả-năng mà không có phương-tiện sẽ được nâng đỡ để theo đuổi học-vấn.

- 5.— Quốc-gia khuyến-khích và nâng đỡ các công dân trong việc nghiên-cứu và sáng-tác về khoa-học, văn-học và nghệ-thuật.

#### ĐIỀU 11

- 1.— Văn-hóa giáo-dục phải được đặt vào hàng quốc-sách trên căn-bản dân-tộc, khoa-học và nhân bản.
- 2.— Một ngân-sách thích-đáng phải được dành cho việc phát-triển văn-hóa giáo-dục.

#### ĐIỀU 12

- 1.— Quốc-gia tôn-trọng quyền tự-do tư-tưởng, tự-do ngôn-luận báo-chí và xuất-bản, miễn là hành-xử các quyền này không phương-hại đến danh-dự cá-nhân, an-ninh quốc-phòng hay thuần-phong mỹ-tục.
- 2.— Chế-độ kiểm-duyet không được chấp-nhận, ngoại-trừ các bộ môn điện-ảnh và kịch-trường.
- 3.— Một đạo-luật sẽ ấn-định qui-chế báo-chí

#### ĐIỀU 13

- 1.— Mọi công-dân đều có quyền tự-do hội-hợp và lập hội trong phạm vi luật định.
- 2.— Mọi công-dân đều có quyền bầu-cử, ứng cử và tham-gia công-vụ trên căn-bản bình-đẳng theo điều-kiện và thê-thức luật định.
- 3.— Quốc-gia tôn-trọng các quyền chánh-trị của mọi công-dân kể cả quyền tự-do thỉnh-nguyện, quyền đối-lập công-khai bất bạo-động và hợp-pháp.

#### ĐIỀU 14

Mọi công-dân đều có quyền tự-do cư-trú, đi lại, xuất-ngoại và hồi-hương ngoại trừ trường-hợp luật-pháp hạn chế vì lý-do y-tế, an-ninh và quốc-phòng.

## ĐIỀU 15

- 1.— Mọi công-dân đều có quyền, có bổn-phận làm việc và được hưởng thù-lao tương xứng để bảo-đảm cho bản thân và gia-đình một đời sống hợp với nhân-phẩm.
- 2.— Quốc-gia nỗ lực tạo công việc làm cho mọi công-dân.

## ĐIỀU 16

Quyền tự-do nghiệp-đoàn và quyền đình công được tôn-trọng trong phạm-vi và thể-thức luật định.

## ĐIỀU 17

- 1.— Quốc-gia công-nhận gia-đình là nền-tảng của xã-hội.  
Quốc-gia khuyến-khích, nâng đỡ sự thành lập gia-đình, săn-sóc sản-phụ và hài-nhi.
- 2.— Hôn-nhân được đặt căn-bản trên sự ưng-thuận, sự bình-đẳng và sự hợp tác giữa vợ chồng.
- 3.— Quốc-gia tán-trợ sự thuần nhất gia-đình.

## ĐIỀU 18

- 1.— Quốc-gia nỗ-lực thiết-lập chế-độ an-ninh xã-hội.
- 2.— Quốc-gia có nhiệm-vụ thiết-lập chế-độ cứu-trợ xã-hội và y-tế công-cộng.
- 3.— Quốc-gia có nhiệm-vụ nâng-đỡ đời sống tinh-thần và vật-chất của các chiến sĩ quốc-gia, bảo-trở và dưỡng-dục các quốc-gia nghĩa-tử.

## ĐIỀU 19

- 1.— Quốc-gia công-nhận và bảo-đảm quyền tư-hữu.
- 2.— Quốc-gia chủ-trương hữu-sản hóa nhân-dân.
- 3.— Sở-hữu-chủ các tài sản bị truất-hữu hoặc trưng-dụng vì lý do công-ích phải được bồi-thường nhanh chóng và thỏa đáng theo thời giá.



## ĐIỀU 20

- 1.— Quyền tự-do kinh-doanh và cạnh-tranh được công-nhận nhưng không được hành-xử để nắm giữ độc-quyền, độc-chiếm hay thao-túng thị trường.
- 2.— Quốc-gia khuyến-khích và tán-trợ sự hợp-tác kinh-tế có tánh-cách tương trợ.
- 3.— Quốc-gia đặc-biệt nâng đỡ những thành-phần xã-hội yếu kém về kinh-tế.

## ĐIỀU 21

Quốc-gia chủ-trương nâng-cao đời sống nông-dân và đặc-biệt giúp đỡ nông-dân có ruộng đất canh-tác.

## ĐIỀU 22

Trên nguyên-tắc quân-bình giữa nghĩa-vụ và quyền-lợi, công-nhân có quyền cử đại-biểu tham-gia quản-trị xí-nghiệp, đặc-biệt về những vấn-đề liên-quan đến lương bổng và điều kiện làm việc trong phạm-vi và thể-thức luật định.

## ĐIỀU 23

- 1.— Quân-nhân đặc-cử vào các chức-vụ dân-cử hay tham-chánh tại cấp bậc trung-ương phải được giải ngũ hay nghỉ giả hạn không lương, tùy theo sự lựa chọn của đương-sự.
- 2.— Quân-nhân tại ngũ không được sinh-hoạt đảng phái.

## ĐIỀU 24

- 1.— Quốc-gia công-nhận sự hiện-hữu của các Sắc-tộc thiểu-số trong cộng-đồng Việt-nam.
- 2.— Quốc-gia tôn-trọng phong-tục, tập quán của đồng-bào Thiều-số. Các tòa-án phong-tục phải được thiết-lập để xét xử một số các vụ án phong-tục giữa các đồng-bào Thiều-số.
- 3.— Một đạo-luật sẽ qui-định những quyền-lợi đặc-biệt để nâng đỡ đồng-bào Thiều-số.

ĐIỀU 25

Mọi công-dân đều có nghĩa-vụ bảo-vệ Tổ-quốc và chánh-thê Cộng-hòa.

ĐIỀU 26

Mọi công-dân đều có nghĩa-vụ bảo-vệ Hiến-pháp và tôn-trọng luật-pháp.

ĐIỀU 27

Mọi công-dân đều có nghĩa-vụ thi-hành quân-dịch theo luật định.

ĐIỀU 28

Mọi công-dân đều có nghĩa-vụ đóng thuế theo luật định.

ĐIỀU 29

Mọi sự hạn-chế các quyền công-dân căn-bản phải được qui-định bởi một đạo-luật có ấn-định rõ phạm-vi áp-dụng trong thời-gian và không-gian. Tuy nhiên trong mọi trường-hợp, tánh-cách thiết-yếu của các quyền công-dân căn-bản vẫn không được vi-phạm.

\* \* \*

CHƯƠNG III

**LẬP-PHÁP**

ĐIỀU 30

Quyền Lập-pháp được quốc-dân ủy-nhiệm cho Quốc-hội. Quốc-hội gồm hai (2) Viện.

— Hạ-nghị-viện

và

— Thượng - nghị - viện

ĐIỀU 31

Hạ-nghị-viện gồm từ một trăm (100) đến hai trăm (200) Dân-biêu :

- 1.— Dân-biểu được bầu theo lối phổ-thông đầu phiếu trực-tiếp và kín, theo thê-thức đơn-danh, trong từng đơn-vị lớn nhất là tỉnh.
- 2.— Nhiệm-kỳ Dân-biểu là bốn (4) năm. Dân-biểu có thể được tái cử.
- 3.— Cuộc bầu-cử tân Hạ-nghị-viện sẽ được kết thúc chậm nhất là một (1) tháng trước khi pháp-nhiệm cũ chấm dứt.

### ĐIỀU 32

Được quyền ứng-cử Dân-biểu những công-dân :

- 1.— Có Việt-tịch từ khi mới sanh, hoặc đã nhập Việt-tịch ít nhất bảy (7) năm, hoặc đã thủ đắc hoặc hồi phục Việt-tịch ít nhất năm (5) năm tính đến ngày bầu-cử.
- 2.— Đủ hai mươi lăm (25) tuổi tính đến ngày bầu-cử.
- 3.— Được hưởng các quyền công-dân.
- 4.— Ở trong tình-trạng hợp-lệ quân-dịch.
- 5.— Hội đủ những điều-kiện khác dự-liệu trong đạo-luật bầu-cử Dân-biểu.

### ĐIỀU 33

Thượng-nghị-viện gồm từ ba mươi (30) đến sáu mươi (60) Nghị-sĩ.

- 1.— Nghị-sĩ được cử-tri toàn quốc bầu lên trong một cuộc phổ-thông đầu phiếu trực-tiếp và kín theo thê-thức liên-danh đa số. Mỗi liên danh gồm từ một phần sáu (1/6) đến một phần ba (1/3) tổng số Nghị-sĩ.
- 2.— Nhiệm-kỳ Nghị-sĩ là sáu (6) năm, mỗi ba (3) năm bầu lại phân nửa (1/2). Nghị-sĩ có thể được tái cử.
- 3.— Các Nghị-sĩ trong pháp-nhiệm đầu tiên sẽ được chia làm hai (2) nhóm đều nhau theo thê-thức rút thăm. Nhóm thứ nhất có nhiệm-kỳ sáu (6) năm, nhóm thứ hai có nhiệm-kỳ ba (3) năm.

4. — Cuộc bầu-cử các tân Nghị-sĩ phải được tổ-chức chậm nhất là một (1) tháng trước khi phân nửa (1/2) tổng số Nghị-sĩ chấm dứt pháp-nhiệm.

ĐIỀU 34

Được quyền ứng-cử Nghị sĩ những công-dân đủ ba mươi (30) tuổi tính đến ngày bầu-cử, hội đủ các điều-kiện dự-liệu trong đạo-luật bầu-cử Nghị-sĩ và các điều-kiện qui-định ở điều 32.

ĐIỀU 35

1. — Trong trường-hợp không-khuyết Dân-biểu vì bất cứ nguyên-nhân nào, cuộc bầu-cử thay thế sẽ được tổ-chức trong hạn ba (3) tháng, nếu sự không-khuyết xảy ra trên hai (2) năm trước ngày chấm-dứt pháp-nhiệm.
2. — Trong trường-hợp không-khuyết Nghị-sĩ vì bất cứ nguyên-nhân nào, cuộc bầu-cử thay thế sẽ được tổ-chức chung với cuộc bầu-cử phân nửa (1/2) tổng số Nghị-sĩ gần nhất.

ĐIỀU 36

Các thẻ thực và điều-kiện ứng-cử, bầu-cử Dân-biểu và Nghị-sĩ, kể cả Dân-biểu đồng-bào Thiều-số, sẽ do những đạo-luật qui-định.

ĐIỀU 37

1. — Không thẻ truy-tố, tạm-nã, bắt giam hay xét xử một Dân-biểu hay Nghị-sĩ vì những sự phát-biểu và biểu-quyết tại Quốc-hội.
2. — Trong suốt thời-gian pháp-nhiệm, ngoại trừ trường-hợp quả-tang phạm-pháp không thẻ truy-tố, tạm-nã, bắt giam hay xét xử một Dân-biểu hay Nghị-sĩ, nếu không có sự chấp-thuận của ba phần tư (3/4) tổng số Dân-biểu hay Nghị-sĩ.
3. — Trong trường-hợp quả-tang phạm-pháp, sự truy-tố hay bắt giam sẽ được đình-chỉ nếu có sự yêu-cầu của Viện sớ-quan.
4. — Dân-biểu và Nghị-sĩ có quyền bảo mật về xuất-xứ các tài-liệu trình bày trước Quốc-hội.

- 5.— Dân-biểu và Nghị-sĩ không thể kiêm-nhiệm một chức-vụ công cử hay dân cử nào khác.
- 6.— Dân-biểu và Nghị-sĩ có thể phụ trách giảng-huấn tại các trường đại-học và cao-đẳng kỹ-thuật.
- 7.— Dân-biểu, Nghị-sĩ và người hôn-phối không thể tham-dự những cuộc đấu thầu hay ký hợp-đồng với các cơ-quan công-quyền.

#### ĐIỀU 38

- 1.— Trong trường-hợp can tội phản quốc hay các trọng tội khác, Dân-biểu hay Nghị-sĩ có thể bị Viện sở-quan truất-quyền.
- 2.— Sự truất-quyền phải được hai phần ba ( $2/3$ ) tổng số Dân-biểu hay Nghị-sĩ đề-nghị.
- 3.— Quyết-nghị truất-quyền phải được ba phần tư ( $3/4$ ) tổng số Dân-biểu hay Nghị-sĩ chấp-thuận.
- 4.— Đương-sự được quyền biện hộ trong mọi giai-đoạn của thủ-tục truất-quyền.

#### ĐIỀU 39

Quốc-hội có thẩm-quyền :

- 1.— Biều-quyết các đạo-luật.
- 2.— Phê-chuẩn các hiệp-ước và hiệp-định quốc-tế.
- 3.— Quyết-định việc tuyên-chiến và nghị-hòa.
- 4.— Quyết-định việc tuyên-bố tình-trạng chiến-tranh.
- 5.— Kiểm-soát Chính-phủ trong việc thi-hành chánh-sách quốc-gia.
- 6.— Trong phạm-vi mỗi Viện, quyết-định hợp-thức-hóa sự đắc-cử của các Dân-biểu hay Nghị-sĩ.

#### ĐIỀU 40

- 1.— Mỗi Viện, với một phần ba ( $1/3$ ) tổng số Dân-biểu hay Nghị-sĩ, có quyền yêu cầu Thủ-tướng hay các nhân-viên Chánh-phủ ra trước Viện sở-quan để trả lời các câu chất-vấn về sự thi-hành chánh-sách quốc-gia.

- 2.— Chủ-tịch Ủy-ban của mỗi Viện có quyền yêu cầu các nhân-viên Chánh-phủ tham-dự các phiên-họp của Ủy-ban để trình-bày về các vấn-đề liên-quan đến Bộ sở-quan.

## ĐIỀU 41

Thượng-nghị-viện có quyền mở cuộc điều-tra về sự thi-hành chánh-sách quốc-gia và yêu cầu các cơ-quan công quyền xuất-trình các tài-liệu cần-thiết cho cuộc điều-tra này.

## ĐIỀU 42

- 1.— Quốc-hội có quyền khuyến-cáo thay thế từng phần hay toàn-thê Chánh-phủ với đa số hai phần ba (2/3) tổng số Dân-biểu và Nghị-sĩ.
- 2.— Nếu Tổng-thống không có lý-do đặc-biệt đề khước-từ, sự khuyến-cáo sẽ có hiệu-lực.
- 3.— Trong trường-hợp Tổng-thống khước-từ, Quốc-hội có quyền chung-quyết sự khuyến-cáo với đa số ba phần tư (3/4) tổng số Dân-biểu và Nghị-sĩ. Sự khuyến-cáo sau này của Quốc-hội có hiệu lực kể từ ngày chung-quyết.

## ĐIỀU 43

- 1.— Dân-biểu và Nghị-sĩ có quyền đề-nghị các dự-án luật.
- 2.— Tổng-thống có quyền đề-nghị các dự-thảo luật.
- 3.— Các dự-án luật và dự-thảo luật, gọi chung là dự-luật, phải được đệ- nạp tại văn-phòng Hạ-nghị-viện.
- 4.— Trong mọi trường-hợp Hạ-nghị-viện chấp thuận hoặc bác bỏ một dự-luật, Viện này đều chuyển dự-luật sang văn-phòng Thượng nghị viện trong thời hạn ba (3) ngày tròn.
- 5.— Nếu Thượng nghị viện đồng quan điểm với Hạ nghị viện, dự luật hoặc sẽ được chuyển sang Tổng thống để ban hành hoặc sẽ bị bác bỏ.
- 6.— Nếu Thượng nghị viện không đồng quan điểm với Hạ nghị viện, dự luật sẽ được gửi về văn phòng Hạ nghị viện trong

thời hạn ba (3) ngày tròn, kèm theo quyết nghị có viện dẫn lý do.

- 7.— Trong trường hợp sau này, Hạ nghị viện có quyền chung quyết dự luật với đa số hai phần ba ( $2/3$ ) tổng số Dân biểu.
- 8.— Nếu Hạ nghị viện không hội đủ đa số hai phần ba ( $2/3$ ) nói trên, quan điểm của Thượng nghị viện được coi là chung quyết.
- 9.— Thời gian thảo luận và biểu quyết một dự luật tại Thượng nghị viện chỉ có thể bằng phân nửa ( $1/2$ ) thời gian thảo luận và biểu quyết tại Hạ nghị viện. Thời gian thảo luận và chung quyết một dự luật tại Hạ nghị viện chỉ có thể gấp đôi thời gian thảo luận và biểu quyết tại Thượng nghị viện.

#### ĐIỀU 44

- 1.— Các dự luật được Quốc hội chung quyết sẽ được chuyển sang Tổng thống trong thời hạn ba (3) ngày tròn.
- 2.— Thời gian ban hành là mười lăm (15) ngày kể từ ngày Tổng thống tiếp nhận dự luật.
- 3.— Trong trường hợp khẩn cấp do Quốc hội thăm định, thời hạn ban hành là bảy (7) ngày tròn.
- 4.— Nếu Tổng thống không ban hành trong các thời hạn kể trên, dự luật đã được Quốc hội biểu quyết đương nhiên thành luật và sẽ được Chủ tịch Thượng nghị viện ban hành.

#### ĐIỀU 45

- 1.— Trong thời hạn ban hành, Tổng thống có quyền gửi thông điệp có viện dẫn lý do yêu cầu Quốc hội phúc nghị một hay nhiều điều khoản của dự luật.
- 3.— Trong trường hợp này, Quốc hội sẽ họp khoáng đại lưỡng Viện để chung quyết dự luật với đa số quá bán ( $1/2$ ) tổng số Dân biểu và Nghị sĩ. Nếu Quốc hội chung quyết bác bỏ lời yêu cầu phúc nghị của Tổng thống, dự luật đương nhiên thành luật và được chuyển sang Tổng thống để ban hành.

## ĐIỀU 46

- 1.— Dự thảo ngân sách được đệ nạp tại văn phòng Hạ nghị viện trước ngày ba mươi tháng chín (30-9).
- 2.— Dân biểu và Nghị sĩ có quyền đề nghị các khoản chi mới nhưng đồng thời phải đề nghị các khoản thu tương đương.
- 3.— Hạ nghị viện phải biểu quyết dự thảo ngân sách trước ngày ba mươi tháng mười một (30-11) và chuyển bản văn đã được chấp thuận đến văn phòng Thượng nghị viện chậm nhất là ngày một tháng mười hai (1-12).
- 4.— Thượng nghị viện phải biểu quyết dự thảo ngân sách trước ngày ba mươi một tháng mười hai (31-12).
- 5.— Trong thời hạn nói trên, nếu Thượng nghị viện yêu cầu Hạ nghị viện phúc nghị một hay nhiều điều khoản trong dự thảo ngân sách, thủ tục qui định tại điều 43 phải được áp dụng. Trường hợp này Tổng thống có quyền ký sắc luật cho thi hành từng phần ngân sách tương đương với một phần mười hai (1/12) ngân sách thuộc tài khóa trước cho đến khi Hạ viện chung quyết xong dự thảo ngân sách.

## ĐIỀU 47

- 1.— Mỗi Viện họp những khóa thường lệ và những khóa bất thường.
- 2.— Hàng năm mỗi Viện họp hai khóa thường lệ ; một khóa họp bắt đầu ngày thứ hai đầu tiên trong tháng tư dương lịch, một khóa họp bắt đầu ngày thứ hai đầu tiên trong tháng mười dương lịch.

Mỗi khóa họp thường lệ không thể lâu quá chín mươi (90) ngày. Tuy nhiên Hạ nghị viện có thể triển hạn khóa họp để chung quyết dự thảo ngân sách.

- 3.— Mỗi Viện có thể triệu tập các khóa họp bất thường khi có sự yêu cầu của Tổng thống hoặc một phần ba (1/3) tổng số Dân biểu hay Nghị sĩ. Nếu khóa họp bất thường do Tổng thống yêu cầu triệu tập, nghị trình khóa họp do Tổng thống ấn định.



## ĐIỀU 48

- 1.— Quốc hội họp công khai trừ khi quá bán (1/2) tổng số Dân biểu hay Nghị sĩ hiện diện yêu cầu họp kín.
- 2.— Trong các phiên họp công khai, biên bản tường thuật toàn vẹn cuộc thảo luận và các tài liệu trình bày tại Quốc hội sẽ được đăng trên công báo.

## ĐIỀU 49

- 1.— Mỗi Viện bầu Chủ tịch và các nhân viên văn phòng.
- 2.— Mỗi Viện thành lập các Ủy ban thường trực và các Ủy ban đặc biệt.
- 3.— Mỗi Viện trọn quyền ấn định nội qui.
- 4.— Văn phòng hai (2) Viện ấn định thủ tục liên lạc và sinh hoạt giữa hai (2) Viện.

## ĐIỀU 50

- 1.— Chủ tịch Thượng nghị viện triệu tập và chủ tọa các phiên họp khoáng đại lưỡng Viện.
- 2.— Trường hợp Chủ tịch Thượng nghị viện bị ngăn trở, Chủ tịch Hạ nghị viện sẽ thay thế Chủ tịch Thượng nghị viện trong nhiệm vụ này.

\* \* \*

## CHƯƠNG IV

**HÀNH-PHÁP**

## ĐIỀU 51

Quyền Hành pháp được quốc dân ủy nhiệm cho Tổng thống.

## ĐIỀU 52

- 1.— Tổng thống và Phó Tổng thống cùng đứng chung một liên danh, được cử tri toàn quốc bầu lên theo lối phổ thông đầu phiếu trực tiếp và kín,

- 2.— Nhiệm kỳ của Tổng thống và Phó Tổng thống là bốn (4) năm. Tổng thống và Phó Tổng thống có thể được tái cử một lần.
- 3.— Nhiệm kỳ của Tổng thống và Phó Tổng thống chấm dứt đúng mười hai (12) giờ trưa ngày cuối cùng tháng thứ bốn mươi tám (48) kể từ ngày nhậm chức, và nhiệm kỳ của tân Tổng thống và tân Phó Tổng thống bắt đầu từ lúc ấy.
- 4.— Cuộc bầu cử tân Tổng thống và tân Phó Tổng thống được tổ chức vào ngày chúa nhật, bốn (4) tuần lễ trước khi nhiệm kỳ của Tổng thống tại chức chấm dứt.

### ĐIỀU 53

Được quyền ứng cử Tổng thống hoặc Phó Tổng thống những công dân hội đủ các điều kiện sau đây :

- 1.— Có Việt-tịch từ khi mới sanh và liên tục cư ngụ trên lãnh thổ Việt-nam ít nhất mười (10) năm tính đến ngày bầu cử.
  - Thời gian công cán và lưu vong chánh trị tại ngoại quốc được kể như thời gian cư ngụ tại nước nhà.
- 2.— Đủ ba mươi lăm (35) tuổi tính đến ngày bầu cử.
- 3.— Được hưởng các quyền công dân.
- 4.— Ở trong tình trạng hợp lệ quân dịch.
- 5.— Hội đủ những điều kiện khác dự liệu trong đạo luật bầu cử Tổng thống và Phó Tổng thống.

### ĐIỀU 54

- 1.— Tối cao Pháp viện lập danh sách ứng cử viên, kiểm soát tánh cách hợp thức của cuộc bầu cử và tuyên bố kết quả.
- 2.— Các ứng cử viên được hưởng đồng đều phương tiện trong cuộc vận động tuyên cử.
- 3.— Một đạo luật sẽ qui định thể thức ứng cử và bầu cử Tổng thống và Phó Tổng thống.

## ĐIỀU 55

Khi nhậm chức, Tổng thống tuyên thệ trước quốc dân với sự chứng kiến của Tối cao Pháp viện và Quốc hội : « Tôi long trọng tuyên thệ trước quốc dân sẽ bảo vệ Tờ quốc, tôn trọng Hiến pháp, phục vụ quyền lợi quốc gia dân tộc và tận lực làm tròn nhiệm vụ Tổng thống Việt-nam Cộng-hòa ».

## ĐIỀU 56

1. — Nhiệm kỳ của Tổng thống và Phó Tổng thống có thể chấm dứt trước kỳ hạn trong những trường hợp :
  - a — Mệnh chung
  - b — Từ chức
  - c — Bị truất quyền
  - d — Bị bệnh tật trầm trọng và kéo dài không còn năng lực để làm tròn nhiệm vụ. Sự mất năng lực này phải được Quốc hội xác nhận với đa số ba phần tư (3/4) tổng số Dân biểu và Nghị sĩ sau các cuộc giám định và phân giám định y khoa.
2. — Trong trường hợp nhiệm vụ của Tổng thống chấm dứt trên một (1) năm trước kỳ hạn, Phó Tổng thống sẽ tạm thời đảm nhiệm chức vụ Tổng thống trong thời hạn ba (3) tháng để tổ chức cuộc bầu cử tân Tổng thống và Phó Tổng thống cho nhiệm kỳ mới.
3. — Trong trường hợp nhiệm vụ Tổng thống chấm dứt dưới một (1) năm trước kỳ hạn, Phó Tổng thống sẽ đảm nhiệm chức vụ Tổng thống đến hết nhiệm kỳ, ngoại trừ trường hợp Tổng thống bị truất quyền.
4. — Nếu vì một lý do gì Phó Tổng thống không thể đảm nhiệm chức vụ Tổng thống, Chủ tịch Thượng nghị viện sẽ đảm nhiệm chức vụ này trong thời hạn ba (3) tháng để tổ chức cuộc bầu cử tân Tổng thống và tân Phó Tổng thống.

## ĐIỀU 57

Tổng thống ban hành các đạo luật trong thời hạn qui định ở điều 44.

## ĐIỀU 58

- 1.— Tổng thống bổ nhiệm Thủ tướng ; theo đề nghị của Thủ tướng, Tổng thống bổ nhiệm các nhân viên Chánh phủ.
- 2.— Tổng thống có quyền cải tổ toàn bộ hay một phần Chánh phủ, hoặc tự ý, hoặc sau khi có khuyến cáo của Quốc hội

## ĐIỀU 59

- 1.— Tổng thống bổ nhiệm với sự chấp thuận của Thượng nghị viện :
  - a — Các trường nhiệm sở ngoại giao.
  - b — Viện trưởng các Viện đại học.
- 2.— Tổng thống thay mặt quốc gia trong việc giao thiệp với ngoại quốc, tiếp nhận ủy nhiệm thư của các Đại diện ngoại giao.
- 3.— Tổng thống ký kết và sau khi được Quốc hội phê chuẩn, ban hành các hiệp ước và hiệp định quốc tế.

## ĐIỀU 60

Tổng thống là Tổng Tư lệnh Tối cao Quân lực Việt Nam Cộng hòa.

## ĐIỀU 61

- 1.— Tổng thống ban các loại huy chương.
- 2.— Tổng thống có quyền ân xá, và ân giảm hình phạt các phạm nhân.

## ĐIỀU 62

- 1.— Tổng thống hoạch định chánh sách quốc gia.
- 2.— Tổng thống chủ tọa Hội đồng Tổng trưởng.

## ĐIỀU 63

- 1.— Tổng thống tiếp xúc với Quốc hội bằng thông điệp. Vào mỗi khóa họp thường lệ và mỗi khi thấy cần, Tổng thống

thông báo cho Quốc hội biết tình hình quốc gia và chánh sách đối nội, đối ngoại của Chánh phủ.

- 2.— Thủ tướng và các nhân viên Chánh phủ có thể tham dự các phiên họp của Quốc hội hoặc của các Ủy ban để trình bày và giải thích về các vấn đề liên quan đến chánh sách quốc gia và sự thi hành chánh sách quốc gia.

#### ĐIỀU 64

- 1.— Trong các trường hợp đặc biệt, Tổng thống có thể ký sắc luật tuyên bố tình trạng báo động, giới nghiêm hay khàn trương trên một phần hay toàn lãnh thổ.
- 2.— Quốc hội phải được triệu tập chậm nhất mười hai (12) ngày kể từ ngày ban hành sắc luật đề phê chuẩn, sửa đổi, hoặc bãi bỏ.
- 3.— Trong trường hợp Quốc hội bãi bỏ hoặc sửa đổi sắc luật của Tổng thống, các tình trạng đặc biệt đã được ban hành sẽ chấm dứt hoặc thay đổi hiệu lực.

#### ĐIỀU 65

Trong tình trạng chiến tranh không thể tổ chức bầu cử được, với sự chấp thuận của hai phần ba (2/3) tổng số Dân biểu và Nghị sĩ, Tổng thống có quyền lưu nhiệm một số các cơ quan dân cử và bổ nhiệm một số tỉnh trưởng.

#### ĐIỀU 66

- 1.— Phó Tổng thống là Chủ tịch Hội đồng văn hóa giáo dục, Hội đồng kinh tế xã hội và Hội đồng các Sắc tộc thiểu số.
- 2.— Phó Tổng thống không thể kiêm nhiệm một chức vụ nào trong chánh phủ.

#### ĐIỀU 67

- 1.— Thủ tướng điều khiển Chánh phủ và các cơ cấu hành chánh quốc gia.
- 2.— Thủ tướng chịu trách nhiệm về sự thi hành chánh sách quốc gia trước Tổng thống.

## ĐIỀU 68

- 1.— Tổng thống, Phó Tổng thống và các nhân viên Chánh phủ không thể kiêm nhiệm một chức vụ nào thuộc lãnh vực tư, dù có thù lao hay không.
- 2.— Trong mọi trường hợp, người hôn phối của các vị này không được tham dự các cuộc đấu thầu hoặc kết ước với các cơ quan công quyền.

## ĐIỀU 69

- 1.— Hội đồng an ninh quốc gia có nhiệm vụ :
  - Nghiên cứu các vấn đề liên quan đến an ninh quốc phòng.
  - Đề nghị các biện pháp thích ứng đề duy trì an ninh quốc gia.
  - Đề nghị tuyên bố tình trạng báo động, giới nghiêm, khẩn trương hoặc chiến tranh.
  - Đề nghị tuyên chiến hay nghị hòa.
- 2.— Tổng thống là Chủ tịch Hội đồng an ninh quốc gia.
- 3.— Một đạo luật sẽ qui định sự tổ chức và điều hành Hội đồng an ninh quốc gia.

## ĐIỀU 70

- 1.— Nguyên tắc địa phương phân quyền được công nhận cho các tập thể địa phương có tư cách pháp nhân như : xã, tỉnh, thị xã và thủ đô.
- 2.— Một đạo luật sẽ qui định sự tổ chức và điều hành nền hành chính địa phương.

## ĐIỀU 71

- 1.— Các cơ-quan quyết-nghị và các vị chỉ-huy các cơ quan chấp-hành các tập-thể địa-phương phân-quyền sẽ do cử-tri bầu lên theo lối phổ-thông đầu phiếu trực-tiếp và kín.

- 2.— Riêng ở cấp xã, xã-trưởng có thể do hội-đồng xã bầu lên trong số các hội-viên hội-đồng-xã.

### ĐIỀU 72

Các vị chỉ-huy các cơ-quan chấp-hành của các tập-thể địa-phương phân-quyền là :

- Xã-trưởng ở cấp xã.
- Tỉnh-trưởng ở cấp tỉnh.
- Thị-trưởng ở cấp thị-xã.
- Đô - trưởng ở Thủ - đô.

### ĐIỀU 73

Các cơ-quan quyết-nghị của các tập-thể địa-phương phân-quyền là :

- Hội-đồng xã ở cấp xã.
- Hội-đồng tỉnh ở cấp tỉnh.
- Hội-đồng thị-xã ở cấp thị-xã.
- Hội-đồng đô-thành ở thủ-đô.

### ĐIỀU 74

Chánh-phủ bổ nhiệm bên cạnh các Đô-trưởng, Thị-trưởng, Tỉnh-trưởng, Xã-trưởng hai (2) viên-chức có nhiệm-vụ phụ-tá về hành chánh và an-ninh cùng các nhân-viên hành-chánh khác.

### ĐIỀU 75

Nhân-viên các cơ-quan quyết-nghị và các vị chỉ-huy các cơ-quan chấp-hành của các tập-thể địa-phương phân-quyền có thể bị Tổng-thống giải-nhiệm trong trường-hợp vi-phạm Hiến-pháp, luật-pháp quốc-gia hay chánh-sách quốc-gia.

CHƯƠNG V

TƯ-PHÁP

ĐIỀU 76

1. — Quyền Tư-pháp độc-lập, được ủy-nhiệm cho Tối-cao Pháp-viện và được hành-xử bởi các thẩm-phán xử án.
2. — Một đạo-luật sẽ qui-định sự tổ-chức và điều-hành ngành tư-pháp.

ĐIỀU 77

Mọi Tòa-án đều phải do một đạo-luật thiết-lập với một thành-phần thẩm-phán xử án và thẩm-phán công-tổ chuyên-nghiệp, và theo một thủ-tục tôn-trọng quyền biện hộ.

ĐIỀU 78

1. — Thẩm-phán xử án và thẩm-phán công-tổ được phân-nhiệm rõ rệt và có quy-chế riêng biệt.
2. — Thẩm-phán xử án quyết-định theo lương-tâm và pháp-luật dưới sự kiểm-soát của Tối-cao Pháp-viện.
3. — Thẩm-phán công-tổ theo dõi sự áp-dụng luật-pháp để bảo-vệ trật-tự công-cộng dưới sự kiểm-soát của bộ Tư-pháp.

ĐIỀU 79

Thẩm phán xử án chỉ có thể bị giải-nhiệm trong trường-hợp bị kết án, vi-phạm kỷ-luật hay bắt-lực về tinh-thần hoặc thể-chất.

ĐIỀU 80

1. — Tối-cao Pháp-viện gồm từ chín (9) đến mười lăm (15) thẩm-phán Tối-cao Pháp-viện do Quốc-hội tuyên chọn và Tổng-thống bổ-nhiệm theo một danh-sách ba mươi (30) người do thẩm-phán-đoàn, công-tổ-đoàn và luật-sư-đoàn bầu lên.
2. — Thẩm-phán Tối-cao Pháp-viện phải là những thẩm-phán hay luật-sư đã hành nghề ít nhất mười (10) năm trong ngành tư-pháp.



- 3.— Nhiệm-kỳ của thẩm-phán Tối-cao Pháp-viện là sáu (6) năm.
- 4.— Thành-phần cử-tri thuộc thẩm-phán-đoàn, công-tổ-đoàn và luật-sư-đoàn phải đồng đều.
- 5.— Một đạo-luật sẽ qui-định sự tổ-chức và điều-hành Tối-cao Pháp-viện.

#### ĐIỀU 81

- 1.— Tối-cao Pháp-viện có thẩm-quyền giải-thích Hiến-pháp, phán-quyết về tánh-cách hợp hiến hay bất hợp hiến của các đạo-luật, sắc-luật: tánh-cách hợp hiến và hợp pháp của các sắc-lệnh, nghị-định và quyết-định hành-chánh.
- 2.— Tối-cao Pháp-viện có thẩm-quyền phán-quyết về việc giải-tán một chánh đảng có chủ-trương và hành-động chống lại chánh-thề Cộng-hòa.
- 3.— Trong những trường-hợp này, Tối-cao Pháp-viện sẽ họp khoáng đại toàn Viện, các đại-diện Lập-pháp hoặc Hành-pháp có thể tham dự để trình-bày quan-điểm.
- 4.— Những quyết-định của Tối-cao Pháp-viện tuyên-bố một đạo-luật bất hợp hiến hoặc giải-tán một chánh đảng phải hội đủ đa số ba phần tư ( $3/4$ ) tổng-số thẩm-phán Tối-cao Pháp-viện.

#### ĐIỀU 82

Tối-cao Pháp-viện có thẩm-quyền phán-quyết về các vụ thượng-tổ các bản án chung thẩm.

#### ĐIỀU 83

Tối-cao Pháp-viện có ngân-sách tự-trị và có quyền lập-qui để quản-trị ngành tư-pháp.

#### ĐIỀU 84

- 1.— Hội-đồng thẩm-phán có nhiệm-vụ :
  - Đề-nghị bổ-nhiệm thăng-thường, thuyên-chuyển và chế-tài về kỹ-luật các thẩm-phán xử án.
  - Cố-vấn Tối-cao Pháp-viện về các vấn-đề liên-quan đến ngành tư-pháp.

- 2.— Hội-đồng thăm-phán gồm các thăm-phán xử án do các thăm-phán xử án bầu lên.
- 3.— Một đạo-luật sẽ qui-định sự tổ-chức và điều-hành hội-đồng thăm-phán.

\* \* \*

## CHƯƠNG VI

### CÁC ĐỊNH-CHẾ ĐẶC-BIỆT

#### Đặc-biệt Pháp-viện

##### ĐIỀU 85

Đặc-biệt Pháp-viện có thăm-quyền truất quyền Tổng-thống, Phó Tổng-thống, Thủ-tướng, các Tổng Bộ-trưởng, các thăm-phán Tối-cao Pháp-viện và các Giám-sát-viên trong trường-hợp can tội phản quốc và các trọng tội khác.

##### ĐIỀU 86

- 1.— Đặc-biệt Pháp-viện do Chủ-tịch Tối-cao Pháp-viện giữ chức chánh-thâm và gồm năm (5) Dân-biểu và năm (5) Nghị-sĩ.
- 2.— Khi Chủ-tịch Tối-cao Pháp-viện là bị can, Chủ-tịch Thượng-nghị-viện giữ chức chánh-thâm.

##### ĐIỀU 87

- 1.— Đề-nghị khởi tố có viện-dẫn lý-do phải được quá bán (1/2) tổng số Dân-biểu và Nghị-sĩ ký tên. Quyết-nghị khởi tố phải được đa số hai phần ba (2/3) tổng số Dân-biểu và Nghị-sĩ biểu-quyết chấp-thuận.

Riêng đối với Tổng-thống và Phó Tổng-thống đề-nghị khởi tố có viện-dẫn lý-do phải được hai phần ba (2/3) tổng số Dân-biểu và Nghị-sĩ ký tên.

Quyết-nghị khởi tố phải được đa số ba phần tư (3/4) tổng số Dân-biểu và Nghị-sĩ biểu-quyết chấp-thuận.

- 2.— Đương-sự phải đình-chỉ nhiệm-vụ từ khi Quốc-hội biểu-quyết truy-tố đến khi Đặc-biệt Pháp-viện phán-quyết.
- 3.— Đặc-biệt Pháp-viện phán quyết truất quyền theo đa số ba phần tư ( $3/4$ ) tổng-số nhân-viên. Riêng đối với Tổng-thống và Phó Tổng-thống phán-quyết truất quyền theo đa số bốn phần năm ( $4/5$ ) tổng-số nhân-viên.
- 4.— Đương-sự được quyền biện hộ trong mọi giai-đoạn của thủ-tục truy-tố.
- 5.— Sau khi bị truất quyền, đương-sự có thể bị truy-tố trước các tòa-án có thẩm-quyền.
- 6.— Một đạo-luật sẽ qui-định sự tổ chức, điều hành và thủ-tục trước Đặc-biệt Pháp-viện.

### **Giám-sát-viện**

#### **ĐIỀU 88**

Giám-sát-viện có thẩm quyền :

- 1.— Thanh-tra, kiểm-soát và điều-tra nhân-viên các cơ-quan công-quyền và tư-nhân đồng-phạm hay tông phạm về mọi hành-vi tham-nhũng, đầu-cơ, hối-mại quyền-thế hoặc phương hại đến quyền-lợi quốc-gia.
- 2.— Thăm-tra kế-toán đối với các cơ quan công-quyền và hợp-doanh.
- 3.— Kiểm kê tài-sản các nhân-viên các cơ-quan công-quyền kể cả Tổng-thống, Phó Tổng-thống, Thủ-tướng, Dân-biểu, Nghị-sĩ, Chủ-tịch Tối-cao Pháp-viện.
- 4.— Riêng đối với Chủ-tịch Giám-sát-viện và các Giám-sát-viện việc kiểm kê tài-sản do Tối-cao Pháp-viện đảm-trách.

#### **ĐIỀU 89**

- 1.— Giám-sát-viện có quyền đề-nghị các biện-pháp chế-tài về kỷ luật đối với nhân-viên phạm lỗi hoặc yêu cầu truy-tố đương sự ra trước tòa-án có thẩm quyền.
- 2.— Giám-sát-viện có quyền công-bố kết-quả cuộc điều-tra.

ĐIỀU 90

- 1.— Giám-sát-viện gồm từ chín (9) đến mười tám (18) Giám-sát-viện, một phần ba (1/3) do Quốc-hội, một phần ba (1/3) do Tổng-thống và một phần ba (1/3) do Tối-cao Pháp-viện chỉ-định.

Giám-sát-viện được hưởng những quyền-hạn và bảo-đảm cần-thiết để thi-hành nhiệm-vụ.

ĐIỀU 91

Giám-sát-viện có ngân-sách tự-trị và có quyền lập qui-đề tổ-chức nội-bộ và quản-trị ngành giám-sát.

Một đạo-luật sẽ qui-định sự tổ-chức và điều hành Giám-sát-viện.

**Hội-đồng Quân-lực**

ĐIỀU 92

- 1.— Hội-đồng Quân-lực cố-vấn Tổng-thống về các vấn-đề liên-quan đến quân-lực, đặc-biệt là việc thăng-thưởng, thuyên-chuyển và trừng-phạt quân-nhân các cấp.
- 2.— Một đạo-luật sẽ qui-định sự tổ-chức và điều-hành Hội-đồng Quân-lực.

**Hội-đồng Văn-hóa Giáo-dục**

ĐIỀU 93

- 1.— Hội-đồng Văn-hóa Giáo-dục có nhiệm-vụ cố-vấn Chánh-phủ soạn-thảo và thực-thi chánh-sách văn-hóa giáo-dục.  
 Một Hàn-lâm-viện Quốc-gia sẽ được thành-lập.
- 2.— Với sự chấp-thuận của Quốc-hội, Hội-đồng Văn-hóa Giáo-dục có thể cử đại-diện thuyết-trình trước Quốc-hội về các vấn-đề liên-hệ.
- 3.— Các dự-luật liên-quan đến văn-hóa giáo-dục có thể được Hội-đồng tham-gia ý-kiến trước khi Quốc-hội thảo-luật.

## ĐIỀU 94

1.— Hội-đồng Văn-hóa Giáo-dục gồm :

— Một phần ba (1/3) hội-viên do Tổng-thống chỉ-định.

— Hai phần ba (2/3) hội-viên do các tổ-chức văn-hóa giáo-dục công và tư, các hiệp-hội phụ-huynh học-sinh đề cử.

2.— Nhiệm-kỳ của Hội-đồng Văn-hóa Giáo-dục là bốn (4) năm.

3.— Một đạo-luật sẽ qui-định sự tổ-chức và điều hành Hội-đồng Văn-hóa Giáo-dục.

**Hội-đồng Kinh-tế Xã-hội**

## ĐIỀU 95

1.— Hội-đồng Kinh-tế Xã-hội có nhiệm-vụ cố-vấn Chánh-phủ về những vấn-đề kinh-tế và xã-hội.

2.— Với sự chấp-thuận của Quốc-hội, Hội-đồng Kinh-tế Xã-hội có thể cử đại-diện thuyết-trình trước Quốc-hội về các vấn đề liên-hệ.

3.— Các dự-luật kinh-tế và xã-hội có thể được Hội-đồng Kinh-tế Xã-hội tham-gia ý-kiến trước khi Quốc-hội thảo-luận.

## ĐIỀU 96

1.— Hội-đồng Kinh-tế Xã-hội gồm :

— Một phần ba (1/3) hội-viên do Tổng-thống chỉ-định

— Hai phần ba (2/3) hội-viên do các tổ-chức công-kỹ-nghệ, thương-mại, nghiệp-đoàn, các hiệp-hội có tánh-cách kinh-tế và xã-hội đề cử.

2.— Nhiệm-kỳ Hội-đồng Kinh-tế Xã-hội là bốn (4) năm.

3.— Một đạo-luật sẽ qui-định sự tổ-chức và điều hành Hội-đồng Kinh-tế Xã-hội.

## Hội-đồng các Sắc-tộc

### ĐIỀU 97

- 1.— Hội-đồng các Sắc-tộc có nhiệm-vụ cố-vấn Chánh-phủ về các vấn-đề liên-quan đến đồng-bào Thiều-số.
- 2.— Với sự chấp-thuận của Quốc-hội, hội-đồng của Sắc-tộc có thể cử đại-diện thuyết-trình trước Quốc-hội về các vấn-đề liên-hệ.
- 3.— Các dự-luật liên-quan đến đồng-bào Thiều-số có thể được hội-đồng các Sắc-tộc tham-gia ý-kiến trước khi đưa ra Quốc-hội thảo-luận.

### ĐIỀU 98

- 1.— Hội-đồng các Sắc-tộc gồm có :
  - Một phần ba (1/3) hội-viên do Tổng-thống chỉ-định.
  - Hai phần ba (2/3) hội-viên do các Sắc-tộc Thiều-số đề-cử.
- 2.— Nhiệm-kỳ Hội-đồng các Sắc-tộc là bốn (4) năm.
- 3.— Một đạo luật sẽ qui định sự tổ chức và điều-hành hội-đồng các Sắc-tộc.

\* \* \*

## CHƯƠNG VII

## CHÁNH ĐẢNG VÀ ĐỐI-LẬP

### ĐIỀU 99

- 1.— Quốc-gia công-nhận chánh đảng giữ vai trò thiết-yếu trong chế-độ dân-chủ.
- 2.— Chánh đảng được tự-do thành-lập và hoạt-động theo các thể-thức và điều-kiện luật định.

### ĐIỀU 100

Quốc-gia khuyến-khích việc tiến tới chế-độ lưỡng đảng

## ĐIỀU 101

Quốc-gia công nhận sự định-chế-hóa đối-lập chánh-trị.

## ĐIỀU 102

Một đạo-luật sẽ ấn-định quy-chế chánh đảng và đối-lập chánh-trị.

\* \* \*

## CHƯƠNG VIII TU-CHÍNH HIẾN PHÁP

## ĐIỀU 103

1. — Tổng-thống, quá bán (1/2) tổng số Dân-biểu hay quá bán (1/2) tổng số Nghị-sĩ có quyền đề-nghị tu-chính Hiến-pháp
2. — Đề-nghị phải viện-dẫn lý-do và được đệ nạp tại văn-phòng Thượng-nghị-viện.

## ĐIỀU 104

Một Ủy-ban lưỡng Viện sẽ được thành-lập để nghiên-cứu về đề-nghị tu-chính Hiến-pháp và thuyết-trình trong những phiên họp khoáng đại lưỡng Viện.

## ĐIỀU 105

Quyết-nghị tu-chính Hiến-pháp phải hội đủ hai phần ba (2/3) tổng số Dân-biểu và Nghị-sĩ.

## ĐIỀU 106

Tổng-thống ban-hành đạo-luật tu-chính Hiến-pháp theo thủ-tục quy-định ở điều 44.

## ĐIỀU 107

Không thể hủy bỏ hoặc tu-chính điều một (1) và điều này của Hiến-pháp.

\* \* \*

## CHƯƠNG IX

### ĐIỀU-KHOẢN CHUYỂN TIẾP

#### ĐIỀU 108

Hiến-pháp bắt đầu có hiệu-lực kể từ ngày ban-hành và Ước-pháp tạm-thời ngày mười chín tháng sáu năm một ngàn chín trăm sáu mươi lăm (19-6-1965) đương nhiên hết hiệu-lực.

#### ĐIỀU 109

Trong thời-gian chuyển-tiếp, Quốc-hội dân-cử ngày mười một tháng chín năm một ngàn chín trăm sáu mươi sáu (11-9-1966), đại-diện quốc-dân, trong phạm-vi lập-pháp :

1.— Soạn thảo và chung-quyết :

- Các đạo-luật bầu-cử Tổng-thống và Phó Tổng-thống, Thượng-nghị-viện, Hạ-nghị-viện.
- Các đạo-luật tổ-chức Tối-cao Pháp-viện và Giám-sát-viện.
- Các qui-chế chánh-đảng và báo-chí.

2.— Phê-chuẩn các Hiệp-ước.

#### ĐIỀU 110

Kể từ khi Tổng-thống và Phó Tổng-thống nhiệm-kỳ một (1) nhậm chức. Quốc-hội dân-cử ngày mười một tháng chín năm một ngàn chín trăm sáu mươi sáu (11-9-1966) đảm nhiệm quyền Lập-pháp cho đến khi Quốc-hội pháp-nhiệm một (1) được triệu tập.

#### ĐIỀU 111

Trong thời-gian chuyển tiếp, Ủy-ban Lãnh-đạo Quốc-gia và Ủy-ban Hành-pháp Trung-ương lưu-nhiệm cho đến khi Tổng-thống và Phó Tổng-thống nhiệm kỳ một (1) nhậm chức.

#### ĐIỀU 112

Trong thời-gian chuyển tiếp các Tòa-án hiện hành vẫn tiếp tục hành xử quyền tư-pháp cho đến khi các định chế tư-pháp qui-định trong Hiến-pháp này được thành-lập.



## ĐIỀU 113

Quốc-hội dân cử ngày mười một tháng chín năm một ngàn chín trăm sáu mươi sáu (11-9-1966) sẽ lập danh sách ứng-cử-viên, kiểm-soát tánh cách hợp-thức và tuyên-bố kết-quả cuộc bầu-cử Tổng-thống và Phó Tổng-thống nhiệm-kỳ một (1).

## ĐIỀU 114

Trong nhiệm-kỳ đầu tiên, Tổng-thống có thể bổ nhiệm các Tỉnh-trưởng.

## ĐIỀU 115

Cuộc bầu-cử Tổng-thống và Phó Tổng-thống phải được tổ-chức chậm nhất sáu (6) tháng kể từ ngày ban hành Hiến-pháp này.

## ĐIỀU 116

Cuộc bầu-cử Quốc-hội Lập-pháp, việc tổ-chức Tối-cao Pháp-viện và Giám-sát-viện phải được thực-hiện chậm nhất là mười hai (12) tháng kể từ ngày Tổng-thống nhiệm-kỳ một (1) nhậm chức.

## ĐIỀU 117

Các cơ-cấu khác do Hiến-pháp qui-định phải được thiết-lập chậm nhất là hai (2) năm kể từ ngày Quốc-hội pháp-nhiệm một (1) được thành-lập.

Bản văn Hiến-pháp đã được Quốc-hội chung-quyết trong phiên họp ngày 18 tháng ba năm 1967.

Chủ-tịch Ủy-ban Thảo-hiến  
ĐINH THÀNH CHÁU

Sài-gòn, ngày 18 tháng ba năm 1967  
Chủ-tịch Quốc-hội Lập-hiến  
PHAN KHẮC SỬU

PHỤ LỤC  
TUYÊN NGÔN NGÀY 20-4-19<sup>6</sup>7  
CỦA QUỐC-HỘI LẬP-HIẾN

Tôn trọng truyền thống tín ngưỡng và lòng sùng đạo của toàn dân, Quốc hội dân cử ngày 11-9-1966 long trọng tuyên cáo trước Quốc dân đồng bào :

Hiến pháp Việt Nam Cộng Hòa, chung quyết ngày 18-3-1967 và ban hành ngày 1-4-1967, được đặt trên căn bản hữu thần, tôn trọng tự do tín ngưỡng (điều 9, chương II) và chống lại chủ trương vô thần của Cộng sản (điều 4, chương I)

Quốc hội tuyên xưng lòng tin tưởng sâu xa nơi Đấng Thiêng Liêng của các tôn giáo.

## Phần III

# ĐỀ THI LUẬT HIẾN PHÁP VÀ DÂN LUẬT

## ĐỀ THI LUẬT HIẾN PHÁP tự 1952 cho tới nay

### 1952-1953

1) *Les Rapports du Gouvernement et du Parlement dans la Constitution française du 27-10-1946.*

2) *Quels sont les différents modes de scrutin électoral et quels sont leurs avantages et inconvénients respectifs.*



### 1954-1955

1) *Le Régime Présidentiel aux Etats-Unis*

2) *Les Immunités parlementaires*



### 1956-1957

1) *Vấn đề kiểm soát hiến tính các đạo luật.*

2) *Tổng Thống trong Hiến pháp Việt-Nam.*



## 1959-1960

1) Trong hai giải pháp chủ trương sự thành lập nhất viện và lưỡng viện, bạn chọn giải pháp nào ? Cho biết lý do về sự lựa chọn đó.

2) Vấn đề trưng cầu dân ý. Những trường hợp trưng cầu dân ý trong Hiến pháp Việt Nam Cộng hòa.



## 1960-1961

1) Chế độ độc đảng

2) Quyền trọng tài của nhân dân theo Hiến pháp Việt Nam Cộng hòa.



## 1961-1962

1) Sửa đổi Hiến pháp

2) Quyền ký sắc luật của Tổng Thống Việt Nam Cộng hòa.



## 1964-1965

1) Nội các trong Chế độ nghị-viện. (hay quốc hội)

2) Vấn đề bảo vệ Hiến pháp.



1) Vấn đề chánh đảng.

2) So sánh Hành pháp trong chế độ Nghị viện và Hành pháp trong chế độ Tổng Thống.



## Khóa 2 - 1966

**Ban A** 1) Định danh chế độ chánh trị Anh

2) Lý thuyết ủy quyền chánh trị.



**Ban B** 1) Bạn thử lựa chọn một chánh thể tương lai cho Việt Nam. Nêu rõ lý do của sự lựa chọn.

2) Đối lập chánh trị.

**Ban A** 1) Phân tách chế độ Đại nghị (hay Nội các)

2) Phân tách chế độ Tổng Thống

**Ban B** 1) Dân biểu quốc hội

2) Vấn đề tham gia chính trị

\* \* \*

**Ban A** 1) Các quan niệm về nguyên tắc phân quyền cùng là ý nghĩa thực tại của nguyên tắc đó.

2) Thứ dân Viten tại Anh.

**Ban B** 1) Đảng Cộng sản Nga-Sô

2) Vấn đề tín nhiệm và bất tín nhiệm chính phủ trong chế độ Đại nghị.

**Ban A** 1) Sự thăng bằng trong chế độ chính trị Anh

2) Lý thuyết ủy quyền chính trị.

# CÁC ĐỀ THI VỀ DÂN LUẬT

---

1 — Sinh lễ và những hậu quả của sự tuyệt hứa giá thú.

2 — Cách điều tiết sự vô năng lực của người đàn bà có chồng.

(Khóa thứ nhất 1954 — 1955)

•

3 — Nhân trị chủ nghĩa.

4 — Các sự vô hiệu tương đối về giá thú.

(Khóa thứ hai 1954 — 1955)

•

5 — Pháp trị chủ nghĩa.

6 — Sự lầm lẫn trong giá thú và các sự chế tài.

(Khóa thứ nhất 1955 — 1956)

•

7 — Sự thể tục hóa giá thú và nhiệm vụ của họ lại đối với sự kết lập giá thú trong ba bộ dân luật hiện hành.

8 — Ích lợi của sự chấp hữu thân trạng trong việc dẫn chứng từ hệ chính thức và tư sinh.

(Khóa thứ hai 1955 — 1956)

•

9 — Thời kỳ cư tang và thời kỳ cư丧.

10 — Sự ngược đãi, sự hành khắc và sự mạ lỵ thậm tệ trong vụ kiện ly hôn tại ba phần.

(Khóa thứ nhất 1956—1957)



11 — Các phương pháp giải thích pháp luật.

12 — Nguyên tắc luật pháp bất hồi tố.

(Khóa thứ hai 1956—1957)



13 — So sánh địa vị của án lệ trong hai hệ thống pháp luật Anh Mỹ và Pháp La tinh.

14 — Ông Nguyễn-văn-Bình tuy đã có vợ nhưng đã có một con ngoại tình sinh tại Mỹ tho (Định Tường) ngày 25-7-1952. Ông Bình đã đem con đến trình xét hộ lại trong làng để khai sanh là con và đặt tên là Nguyễn-văn-Xuân.

Năm 1957, sau khi ông Nguyễn-văn-Bình chết, vợ ông là Phạm-thị-Ất kiện xin tiêu hủy chứng thư nhìn nhận vì lẽ Nguyễn-văn-Xuân là con ngoại tình và hơn nữa vì ông Nguyễn-văn-Bình đã không khai minh thị nhìn nhận Nguyễn-văn-Xuân lúc khai sinh.

Hãy thảo bản án trong vụ kiện này.

(Khóa thứ nhất 1957—1958)



15 — Quyền an toàn về thân thể.

16 — Các hành vi và các sự kiện pháp luật.

(Khóa thứ hai 1957—1958)



17 — Hiệu lực của sự tiêu hủy giá thú và lý thuyết giá thú ngộ tin.

18 — Các trường hợp có thể tìm phụ hệ tư sinh.

(Khóa thứ hai 1958 — 1959)



19 — X. mạo nhận tốt nghiệp đạt học để làm giá thú với một thiếu nữ Y. Sau khi khám phá ra sự giả dối này, thiếu nữ Y. muốn xin tòa lấy lại tự do của mình.

Có giải pháp pháp lý nào để thỏa mãn sự yêu cầu này không ?

20 — Các quyền lợi của trẻ tư sinh đã được nhìn nhận.

(Khóa thứ nhất 1959 — 1960)



21 — Nhiệm vụ án lệ trong Dân luật Việt nam.

22 — Các vô hiệu tuyệt đối trong giá thú.

(Khóa thứ hai — 1959 — 1960)



23 — Nhiệm vụ của án lệ.

24 — Tin lực của các chứng thư hộ tịch.

(Khóa thứ nhất 1961 — 1962)



25 — Sản nghiệp với các quyền lợi đối nhân và đối vật.

26 — Sự phản kháng giá thú.

(Khóa thứ hai — 1962 — 1963)



27 — Sự phản kháng giá thú.

28 — Những vô hiệu tương đối của giá thú được bao yểm như thế nào ?

(Khóa thứ nhất — 1963 — 1964)





29 — Sự suy đoán phụ hệ trong trường hợp đứa con được thụ thai trước ngày lập giá thú và sinh sau ngày lập giá thú.

30 — Sự thất tung.

(Khóa thứ hai 1963 — 1964)



31 — Nguyên tắc bất hồi tố của luật pháp.

32 — So sánh ly hôn và ly thân.

(Khóa thứ hai 1966 — 1967)

(Ban A, cho các thí sinh từ A đến L)



33 — Án lệ dựa vào đâu để giải thích luật pháp?

34 — So sánh sự phản kháng giá thú và sự vô hiệu của giá thú?

(Khóa thứ hai 1966 — 1967)

(Ban A, cho các thí sinh từ M đến Y)



35 — Sự đình hôn.

36 — Hiệu quả của sự tiêu hủy hôn thú.

(Khóa thứ hai 1966 — 1967)

(Ban B, cho các thí sinh từ A đến L)



37 — Sự phản kháng hôn thú.

38 — Sự thuận tình ly hôn

(Khóa thứ hai 1966 — 1967)

(Ban B, cho các thí sinh từ M đến Y)

# MỤC LỤC

---

<b>QUYỂN I</b> : Phương pháp học tập . . . . .	1
<b>QUYỂN II</b> : Danh từ và Tài liệu Dân luật . . . . .	29
<i>Phần I</i> : Danh từ Dân luật. . . . .	31
<i>Phần II</i> : Từ ngữ và Tục dao La tinh . . . . .	181
<i>Phần III</i> : Các bản văn pháp lý và lập quy . . . . .	185
<i>Phần IV</i> : Án lệ . . . . .	243
<b>QUYỂN III</b> : Danh từ và Tài liệu Hiến luật. . . . .	303
<i>Phần I</i> : Danh từ Hiến luật. . . . .	305
<i>Phần II</i> : Tài liệu Hiến luật. . . . .	424
<i>Phần III</i> : Đề thi Hiến luật và Dân luật . . . . .	459